

TẶNG QUỐC PHIÊN
NGỌC VÂN dịch

Trí tuệ bằng giám

Thuật phân biệt kẻ gian
lý giải nhân sinh
thấu triệt nhân tình
biết người phải có thuật
dự đoán trước đường đời

曾
国
藩



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

trí tuệ bằng giảm



Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Tăng Quốc Phiên

Trí tuệ băng giá / Tăng Quốc Phiên ; Ngọc Vân dịch. - H. : Hồng Đức ;

Công ty Văn hoá Minh Tân, 2016. - 578tr. ; 24cm

ISBN 978604869019 9

1. Triết học cận đại 2. Trung Quốc

181.11 - dc23

HDF0031p-CIP

TẶNG QUỐC PHIÊN

NGỌC VÂN dịch

trí tuệ bằng giảm

曾
国
藩



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI NÓI ĐẦU

Tăng Quốc Phiên (1811 - 1872) là một bậc kỳ tài, là rường cột nước Trung Quốc dưới thời nhà Thanh, ông được người đời sau mệnh danh là “Trung Hưng Danh Thần” và “Nhất Đại Quan Thánh” (thánh quan một thuở). Trong cuộc đời mình ông đã làm được hai chuyện đại sự kinh thiên động địa: một là, luyện tập quân sĩ vùng Tương (Hồ Nam ngày nay), trấn áp cuộc vận động Thái Bình Thiên Quốc, giúp cho triều đại nhà Thanh sắp diệt vong lúc bấy giờ vẫn còn tiếp tục tồn tại thêm 50 năm nữa; hai là, tổ chức phong trào “Sư di chi trường kĩ” (ý chỉ học hỏi sở trường, điểm mạnh, đặc biệt là kĩ thuật tiên tiến của người Tây Dương) phát triển mạnh, thúc đẩy sự phát triển của Trung Quốc thời cận đại.

Ông còn là một nhân vật lịch sử gây ra nhiều ý kiến tranh luận. Những người đứng về phía ông, tán dương ông thì coi ông là “hoàn nhân” (người hoàn hảo) và “thánh tướng thiên cổ” đã thực hiện được ba điều lớn, đó là “lập công, lập đức, lập ngôn”; những người phản đối ông lại cho rằng ông chính là “Hán gian” là “đao phủ”. Mặc dù có đến một nửa ý kiến không tốt về ông như vậy, song những sách lược trị thế, phương pháp tu thân, đạo dùng người, kể sách trị quốc của ông với phong cách độc đáo riêng biệt vẫn được người đời sau nhắc đến nhiều và hết sức coi trọng.

Tăng Quốc Phiên có tổng cộng 13 cuốn về học vấn, nhưng còn lưu truyền lại đến nay thì chỉ còn **Gia thư** và **Băng Giám**. Từ cuốn **Tăng Quốc Phiên gia thư** có thể thấy được phong cách đặc sắc của

ông trên nhiều phương diện như: chính trị, điều quân, dạy học, trị gia. Còn nghệ thuật quan sát con người hay sách lược giám sát con người được phản ánh trong cuốn **Băng Giám** cũng là một phần trong toàn tập mưu trí, sách lược của ông trên các mặt chính trị, học thuật, điều quân, trị gia. Mục đích của việc ông quan sát, giám sát con người là để chọn ra hiền tài, phát hiện và trọng dụng người tài. Ông vứt bỏ những thói dung tục trên giang hồ coi trọng vẻ bề ngoài mà coi nhẹ cái thần, chuộng những thứ li kì mà bỏ qua thứ tầm thường, coi trọng kĩ thuật mà coi nhẹ lí thuyết. Trong cuốn **Băng Giám** của ông, ông coi trọng thần nhưng cũng quan tâm đến cái hình (bề ngoài), trọng cái bình thường dung dị mà vẫn phân biệt những thứ li kì, coi trọng lý thuyết hướng dẫn thực hành. Xuất phát từ tổng thể, dùng tương, dùng thần để luận nhân, nắm bắt bản chất của con người từ cái tĩnh, quan sát cái quy tụ của con người từ cái động. Đề cao sự cân bằng và đối xứng, tương xứng với tương hợp, trung hòa với vừa phải, hòa hợp với nhịp nhàng, chủ thứ (quan trọng và thứ yếu) với dung hòa..., **Băng Giám** là một tác phẩm nổi tiếng về thuyết luận văn nhân của Trung Quốc thời cổ đại và được mệnh danh là “Thư phòng phái” hay “Nhân sĩ phái”.

Băng Giám - cái tên mang ý nghĩa lấy “băng” làm chiếc gương để soi tỏ mọi việc, băng xuất phát từ nước, lạnh hơn nước, nước có thể soi được sự thanh đục của vạn vật, từ đó mang ý nghĩa quan sát, giám sát triệt để con người. Nguyên tác với độ dài có hạn đã khái quát được tinh hoa của đạo gia, âm dương gia và y gia của Trung Quốc cổ đại, đề nhỏ mà suy ra được tinh hoa, ngôn ít mà ý nghĩa sâu xa. Tuy nhiên câu từ giản lược song không hề thông tục khiến người đọc phải mất khá nhiều tâm sức để có thể hiểu được. Cuốn sách này dựa trên cơ sở của nguyên tác, chú thích cẩn thận, giải thích tường tận tỉ mỉ để bạn đọc có thể dễ dàng nắm bắt.

THẦN CỐT GIÁM

Tổng hợp cách nhìn người của Tăng Quốc Phiên

I. Luận về Thần cốt⁽¹⁾

Nhất thân tinh thần, cụ hồ lưỡng mục; nhất thân cốt tướng, cụ hồ diện bộ; tha gia kiêm luận hình hài, văn nhân tiên quan thần cốt.

Nguyên văn

Ngữ vân⁽²⁾: “Thoát cốt vi đường, kì tủy tư tồn”⁽³⁾ thần chi

⁽¹⁾ Thần cốt: là chỉ “thần” và “cốt”. Thần ở đây không phải là “tinh thần” mà chúng ta vẫn hay nhắc đến, mà nó là trạng thái tinh thần bên trong của một người, là một thể tổng hợp được cấu thành từ ý chí, cá tính, học thức nhận biết, tu dưỡng, khí chất, thể chất, phong độ, thần thái và những kinh nghiệm trong cuộc sống của một người, nó luôn luôn được thể hiện thông qua giọng nói dung mạo, lời nói cử chỉ, hành vi động tác và đặc biệt là đôi mắt - cái mà chúng ta vẫn thường gọi là “cửa sổ của tâm hồn”. “Cốt” cũng không phải là hệ thống xương cốt mà người hiện đại vẫn thường hiểu theo giải thích của khoa học, chủ yếu bao gồm phần đầu, “cửu cốt” mà chúng ta có thể trông thấy bằng mắt thường, có thể sờ được, bao gồm: xương gò má, xương Dịch mã, xương Tướng Quân, xương Nhật Giác, xương Nguyệt Giác, xương Long Cung, xương Phục Tê, xương Cự Ngao và xương Long Giác. Ở đây, chúng ta cần chú ý, đó là “Cửu cốt” mà Tăng Quốc Phiên muốn bàn đến trong Băng Giám không giống với “cửu cốt” thông thường chúng ta vẫn thường nhắc đến, “cửu cốt” ở đây chỉ xương Thiên Đình, xương chẩm, xương đỉnh, xương Tá Xuyên, xương Thái Dương, xương mi, xương mũi, xương gò má và xương hạ hàm. Trong Băng Giám “cốt” và “thần” cùng được nhắc đến, điều đó cũng đủ để thấy được sự coi trọng của Tăng Quốc Phiên với “cốt”.

⁽²⁾ Ngữ: Chỉ ngôn ngữ, thành ngữ hoặc tục ngữ.

⁽³⁾ “Thoát cốt vi đường, kì tủy tư tồn”:

“Thoát”: bỏ đi, nghiền hoặc tróc ra. “Cốt”: chỉ hạt hạt kê, hạt thóc. “Tủy”: vốn chỉ tủy xương, ở đây “tủy” được dùng với ngụ ý chỉ những thứ tinh hoa, chính là “gạo”.

vị dã⁽¹⁾ “sơn khiên bất băng , duy thạch vi trấn”⁽²⁾ cốt chi vị dã. Nhất thân tinh thần, cụ hồ lưỡng mục⁽³⁾; nhất thân cốt tướng, cụ hồ diện bộ⁽⁴⁾. Tha gia kiêm luận hình hài, văn nhân tiên quan thần cốt⁽⁵⁾. Khai môn kiến sơn, thử vi đệ nhất⁽⁶⁾.

“Tur”: đóng vai trò trợ từ, không có ý nghĩa. Ý nghĩa của hai câu này chỉ: nghiền, xay lớp vỏ bên ngoài của hạt kê, hạt thóc, mặc dù sinh ra trấu, song tinh hoa của chúng chính là gạo thì vẫn còn tồn tại, bản chất của hạt kê, hạt thóc ấy vẫn không hề thay đổi, cũng không biến mất.

⁽¹⁾ “Thần chi cốt vị dã”: đó chính là tinh hoa của sự vật.

⁽²⁾ “Sơn khiên bất băng, duy thạch vi trấn”:

“Khiên”: tổn thất, mất mát, lỗ. Ở đây nhằm chỉ lớp bùn đất bị xói mòn. “Băng”: nứt, sập. Trong Thi Kinh. Tiểu Nhã. Thiên Bảo có câu: “như Nam Sơn chi thọ, bất khiên bất băng” (thọ như núi Nam Sơn, không nứt, không sụp đổ). “Trấn”: chống đỡ để duy trì sự kiên cố, chắc chắn. Nghĩa của hai câu này là: Mặc dù bùn đất trên núi cao thường bị xói mòn, song núi cũng không sụp, bởi vì có nham thạch kiên cố, vững chắc như sắt thép chống đỡ, đảm bảo cho ngọn núi chắc chắn.

⁽³⁾ “Nhất thân tinh thần, cụ hồ lưỡng mục”: “Cụ”: thể hiện, biểu lộ. “Hồ”: ở, tại. Ý của hai câu này chỉ: Trạng thái tinh thần của một người đều tập trung biểu hiện qua đôi mắt, đôi mắt được gọi là “cửa sổ của tâm hồn”.

⁽⁴⁾ “Nhất thân cốt tướng, cụ hồ diện bộ”: ý chỉ: Trông cốt cách của một người có gan dạ, kiên cường hay không đều tập trung thể hiện trên gương mặt của anh ta.

⁽⁵⁾ “Tha gia kiêm luận hình hài, văn nhân tiên quan thần cốt”: “Tha gia” và “Văn nhân” đối lập với nhau, “Văn nhân” ở đây đặc chỉ tầng lớp nho sĩ có kiến thức văn hóa trong xã hội truyền thống của Trung Quốc, “Tha gia” lại dùng để chỉ tầng lớp những người công nhân, nông dân, thương nhân, quân sĩ. “Kiêm”: đồng thời, cùng lúc. “Hình hài”: chỉ bề ngoài và hình hài dáng vẻ của con người.

⁽⁶⁾ “Khai môn kiến sơn, thử vi đệ nhất”: “khai môn kiến sơn”, ở đây, Tăng Quốc Phiên ví “Thần” và “Cốt” như hai cánh cửa lớn, ví vận mệnh của con người như ngọn núi to bên ngoài cánh cửa mà ta có thể dễ dàng trông thấy, ông cho rằng, chỉ cần xem được “thần” và “cốt” của con người thì cũng như là đã mở ra được “cánh cửa” vận mệnh của họ, có thể đoán biết được số mệnh. “Thử vi đệ nhất”, “thử” ở đây không phải chỉ cuốn sách này mà dùng để chỉ “thần” và “cốt”, “thử vi đệ nhất” có nghĩa là “thần cốt” chính là bí quyết đầu tiên trong việc quan sát con người. Ý nghĩa của hai câu này là: Trạng thái tinh thần và dáng vẻ hình hài của một người cũng giống như hai cánh cửa lớn, vận mệnh của họ thì giống như một ngọn núi cao bên ngoài cánh cửa lớn ấy, chỉ cần mở ra cánh cửa tinh thần và hình hài đó thì chúng ta có thể đoán biết được thế giới nội tâm của họ.

Dịch nghĩa

Tục ngữ nói: “Bóc đi lớp vỏ bên ngoài của hạt thóc, chỉ là bóc đi vỏ trấu không có vai trò gì mấy, nhưng tinh hoa của hạt thóc - gạo vẫn tồn tại, chúng không vì hư hại vỏ mà biến mất” với con người, tinh hoa đó chính là trạng thái tinh thần bên trong mỗi người.

Tục ngữ lại có câu: “Lớp bùn đất trên bề mặt núi Nhạc mặc dù thường xuyên bị xói mòn, song chúng không bao giờ vỡ vụn, bởi vì phần chính của chúng chính là nham thạch cứng như sắt thép, tuyệt đối không bao giờ bị mưa đập gió vùi”. “Trần Thạch” được nói đến ở đây tương đương với phần cứng cốt nhất trên cơ thể mỗi người - bộ xương (cốt cách).

Trạng thái tinh thần của một người chủ yếu tập trung ở hai con mắt; cốt cách phải chẳng mạnh khỏe, vững chãi chủ yếu tập trung trên gương mặt của anh ta. Giống như công nhân, nông dân, thương nhân hay quân nhân, vừa phải xem trạng thái tinh thần bên trong của họ, vừa phải kiểm tra, quan sát dáng vẻ của họ. Kẻ đọc sách lấy văn làm gốc, chủ yếu sẽ xem xem trạng thái tinh thần cũng như cốt cách của họ có vững vàng hay không. Tinh thần và cốt cách giống như hai cánh cửa lớn, vận mệnh giống như vô vàn bảo vật được cất giấu tận sâu bên trong, quan sát tinh thần và cốt cách của mọi người giống như việc chúng ta mở hai cánh cửa lớn đó ra. Sau khi cánh cửa được mở ra, chúng ta sẽ phát hiện được bảo vật cất giấu bên trong, từ đó đoán biết được khí chất của họ. Hai cánh cửa lớn: tinh thần và cốt cách, chính là bí quyết thứ nhất trong cách quan sát con người.



Bàn Cổ là người khai thiên lập địa trong thần thoại cổ đại của Trung Quốc. Ông sinh ra giữa lúc trời đất hỗn độn nên đã dùng sinh mệnh của mình diễn hóa thành thế giới rộng lớn tràn đầy sức sống. Theo truyền thuyết, mắt trái của ông là mặt trời, mắt phải là mặt trăng, có thể thấy được nhất thân tính thần của ông.



Phục Hy họ Phong, là vị tổ đầu tiên của nhân văn trong truyền thuyết, đứng đầu trong Tam hoàng, có thánh đức. Ông sáng lập ra bát quái và phát minh ra chữ viết để thay thế cách kết dây thừng ghi lại sự vật. Theo truyền thuyết, ông có đầu người mình rắn, tướng mạo kì dị.



Chu Văn Vương họ Cơ, tên Xương, cuối thời nhà Thương ông là Tây Bá hầu. Từng bị Thương Trụ giam cầm ở Dũ Lí, phát triển bát quái thành "Chu Dịch", xếp hàng đầu trong Lục kinh. Ông khởi xướng trung thực nhân hậu, kính lão, yêu trẻ, dùng lễ đối đãi với người hiền, có tài năng. Lúc ông còn tại vị quốc gia cường thịnh.

Thần tập trung ở đôi mắt

Chương này bàn luận tổng thể về “thần” và “cốt”, nói rõ hàm ý của “thần”, “cốt”, quan sát “thần” và “cốt” như thế nào và cả tầm quan trọng của chúng trong việc dẫn dắt, nêu ra những điểm chính trong *Băng Giám*.

Trước hết “thần” ở đây không phải là từ “tinh thần” mà chúng ta vẫn thường nói đến, nội dung của chữ “thần” này còn phong phú hơn cả nội hàm của “tinh thần”, nó là một thể tổng hợp được tạo nên bởi nhiều yếu tố khác nhau của một người, bao gồm: ý chí, học thức hiểu biết, cá tính, tu dưỡng, khí chất, thể chất, tài cán, địa vị và cả những kinh nghiệm trong cuộc sống của họ, là trạng thái tinh thần bên trong của

con người. Tục ngữ có câu: “Con người gặp chuyện vui vẻ tinh thần thoải mái”, còn “thần” được nói đến ở đây không vì hỉ nộ ai lạc nhất thời của con người mà phát sinh sự thay đổi lớn, tướng mạo có xinh có xấu, da có trắng có đen, song những điều này không hề ảnh hưởng tới bề ngoài của “thần”, hay nói một cách khác “thần” có một sức mạnh xuyên thấu, có thể vượt qua sự cản trở của dung mạo bên ngoài để thể hiện ra. Ví dụ con người vẫn thường nói “ai đó có khí chất của một người nghệ sĩ”, khí chất này không vì sự thay đổi của vẻ bề ngoài như kiểu tóc, ăn mặc mà biến mất hoàn toàn. Do đó, chỉ dựa vào tướng mạo để đánh giá một con người là chưa đủ. Ví dụ: Văn Thiên Tường và Vương An Thạch có bề ngoài rất khác nhau. Văn Thiên Tường dáng vẻ cao to, mi dài mắt sáng, hơn nữa còn có chút dáng vẻ thư sinh. Còn Vương An Thạch lại là một người tính tình thoải mái, không câu nệ tiểu tiết, không chú ý ăn mặc, hơn nữa trong đôi mắt trông trắng nhiều hơn, rõ hơn trông đen, thậm chí còn không tắm rửa trong một thời gian dài, trên người có chấy rận, vẫn giữ dáng vẻ lười nhác, uể oải. Song nhân phẩm, khí chất và cả những công lao của họ còn lưu tiếng thơm muôn đời. Vì thế, khi đánh giá một con người, quan trọng là phải xem khí chất của họ ra sao.

Khí chất là một trong những phần cấu tạo nên “thần”. “Thần” không giống với “tinh thần” mà chúng ta vẫn thường nói. “Thần” không thể tách rời khỏi vật chất cụ thể mà tồn tại độc lập, nó nhất định phải có một chỗ dựa nào đó, ở đây muốn nói “thần” là biểu hiện của “hình”, “hình” là chỗ dựa của “thần”, “thần” được bao hàm trong “hình”.



Hạ Vũ: họ Tự, là nhân vật nổi tiếng trong truyền thuyết viễn cổ. Ông ở bên ngoài trị thủy suốt 30 năm, đi qua cửa nhà nhưng không bước vào nhà, trên chân không có lông. Vì việc công mà ông gác chuyện riêng lại, không sợ gian khổ hiểm nguy, trở thành biểu tượng cho tinh thần dân tộc Trung Hoa.

- *Thần táng vu hình (thần được cất giấu sau hình)*

Phía trên có nhắc đến cơ sở tồn tại của “thần” và “hình”, có quan hệ mật thiết, khăng khít với biểu hiện bên ngoài của “thần”, nếu như “thần” là ánh sáng, thì “hình” chính là mặt trời, mặt trăng. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng chiếu rọi vạn vật, song ánh sáng lại là thứ được cất giấu trong mặt trời, mặt trăng, khi phát ra ngoài thì nó chính là ánh sáng.

Điều này đã nói rõ: “Thần” được cất giấu trong “hình”, cũng giống như ánh sáng khi phát ra, con người ta có thể trông thấy được; “hình” là nơi trú thân của “thần”, nhưng lại có mối quan hệ khăng khít, không thể tách rời, “thần” chỉ có thể được biểu hiện qua “hình”, lại phải từ “hình” mà quan sát “thần”, hai đối tượng này vừa đối lập lại vừa tương hỗ, bổ sung cho nhau, không thể hoàn toàn tách biệt, quan sát độc lập được.

Vận dụng trong thực tế, mối quan hệ này càng rõ ràng, cụ thể hơn. Tương truyền, Trương Cửu Linh thuở nhỏ thường cùng với người lớn trong gia đình đến Tào Khê, Lục Tổ xoa đầu Trương Cửu Linh nói rằng: “Thằng bé này tư chất phi phàm, sau này nhất định sẽ tiến thân trong triều đình, làm quan lớn”. Quả nhiên sau này, Trương Cửu Linh đã làm đến chức hữu thừa tướng thượng thư. Lục Tổ Huệ Năng đại sư dựa vào đâu mà đưa ra lời dự đoán ấy khi Trương Cửu Linh còn nhỏ như vậy? Bây giờ chúng ta đã không thể kiểm chứng xem Huệ Năng đại sư dựa vào căn cứ gì để phán đoán, nhưng thông qua câu nói: “Thằng bé này khí chất phi phàm” thì có thể đoán được Huệ Năng đại sư đã dựa vào sự quan sát tỉ mỉ tướng mạo, vào “văn nhân tiên quan thần cốt” (văn nhân trước hết phải quan sát thần cốt) để phân tích, phán đoán, do đó mới có lời tiên đoán này.



Trương Cửu Linh: tể tướng dưới thời Đường Huyền Tông, là người chính trực, có thể trực ngôn can gián, rất có thanh danh. Tương truyền lúc ông còn nhỏ, đến bái kiến Lục tổ Huệ Năng, Lục tổ nói ông tư chất phi phàm, sau này nhất định trở thành đại thần.

- “Thần” có sự phân biệt giữa thanh và đục

Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn, vì vậy muốn quan sát “thần” của ai đó, nhất định phải nhìn vào đôi mắt của họ, nói một cách chính xác thì là xem xem ánh mắt của họ sáng hay đục. Thần sáng ánh mắt sáng, người như vậy giàu sang phú quý; thần mờ ánh mắt đục, người này ti tiện.

Trong cuốn *Nhân vật chí* nổi tiếng có Lưu Thiệu, khi quen biết ai đó hết sức coi trọng đến việc quan sát ánh mắt của người đó. Nói theo cách nói bây giờ thì là: “đôi mắt là cửa sổ tâm hồn”. Vì thế khi chúng ta quen biết, đánh giá một người nhất định phải quan sát ánh mắt đầu tiên. Lưu Bính chú thích: “Mắt là biểu hiện của tâm, vì vậy ứng với tâm; tâm ngay thẳng, không nghiêng ngả, lệch lạc thì trông ánh mắt không tà ác; ý chí vững vàng không nhút nhát, yếu đuối thì trông ánh mắt không tiêu tụy”, điều này cũng nhằm nói rõ mối quan hệ giữa nội tâm và ánh mắt. Trong *Tả Truyện* có một câu chuyện kể về việc Châu Cảnh Vương phái Đôn Thành Công tới thành Thích gặp Hàn Tuyên Tử. Đôn Thành Công ánh mắt chùng xuống, lời nói chậm chạp. Thúc Hương nói: “Đôn Thành Công sắp qua đời sao? Đại thần thượng triều đều có địa vị nhất định, lúc gặp mặt chư hầu, tiến lui đều có thứ tự. Hai vạt áo trái phải phải giao nhau trước ngực, nút thắt thắt lưng phải ở phía trước mặt. Lời nói khi gặp mặt và thượng triều nhất định phải để mọi người đều nghe thấy để cho mọi việc minh bạch, rõ ràng, có lý. Ánh mắt không được vượt quá giới hạn giữa thắt lưng và cổ áo, để dung mạo được đoan chính. Dùng lời nói để xác định rõ việc mình nói, dùng dung mạo để nhấn mạnh câu chuyện đó, vi phạm, tổn hại những chuẩn mực này chính là làm mất hình tượng. Nay Thành Công là quan đặc sứ của Chu Vương, khi truyền đạt lại mệnh lệnh của Chu Vương

trên triều, ánh mắt không cao quá thắt lưng, giọng nói truyền không quá một bước, thần thái ủ rũ, lời nói hàm hồ không rõ. Thần thái ủ rũ không thể khiến người khác nể trọng, lời nói không rõ không thể khiến người khác phải nghe theo. Điều này cho thấy ông ta không chăm sóc tốt bản thân rồi”. Sau này, Đơn Thành Công quả nhiên đã qua đời vào mùa đông năm đó.



Chu Vũ Vương: người lập nên vương triều Tây Chu. Ông họ Cơ, tên Phát. Kế thừa trí nguyện của phụ thân ông là Văn Vương, tiêu diệt vương triều nhà Thương trong chiến tranh mục dã, sáng lập nên vương triều Tây Chu).

- *Thần với hình, khí, huyết*

Về vấn đề này, người xưa giải thích như sau:

Hình dưỡng huyết, huyết dưỡng khí, khí dưỡng thần, vì vậy hình toàn thì huyết toàn, huyết toàn thì khí toàn, khí toàn thì thần toàn. Biết hình có thể dưỡng thần, nhờ vào khí để an, khí bất an thì thần bộc phát bất an... hình xuất phát từ thần, biểu hiện cho thần, giống như ánh sáng của mặt trời, mặt

trắng, bề ngoài chiếu sáng cho vạn vật, nhưng mặt trời, mặt trăng lại nằm ở bên ngoài của thần, thần lại cố định bên trong mặt trời, mặt trăng.

Có câu thơ:

Thần cư nội hình bất khả kiến, khí dĩ dưỡng thần vi mệnh căn;

Khí trạng huyết hòa tắc an cổ, huyết khô chí tán thần quang bồn.

Mạc tiêu thanh tú tâm thần sáng, khí huyết hòa điều thần bất hôn;

Thần chi thanh trọc vi hình biểu, năng định quý tiện tối khám luận.

(Thần ẩn giấu ở bên trong không thể nhìn thấy được, khí coi dưỡng thần là gốc của sinh mệnh;

Khí mạnh khỏe huyết điều hòa thì được an, huyết khô khí tán thì thần quang tán đi khắp nơi;

Phong độ thanh tú tâm thần thoải mái, khí huyết điều hòa thì thần không tối;

Sự thanh đục của thần được hình biểu hiện ra bên ngoài, có thể đoán định được số mệnh quý tiện).

Mất sáng thì thần thanh, mất hôn thì thần đục. Thanh thì quý, đục thì tiện. Thanh thì ngu (tĩnh) nhiều mị ít, đục thì ngu ít mị nhiều.

- *Thần với hình và quý tiện*

Liên quan tới vấn đề thần thanh, thần đục và quan hệ với quý tiện, người xưa có nói:

Trông vào thần thái của một ai đó, hoặc vừa vui vẻ lại sáng, tinh anh, hoặc vừa chuyên tâm lại nặng nề, điều này được phát ra từ nội tâm bên trong nhưng lại được biểu hiện bên ngoài. Người có thần sáng, tinh anh là người có tướng phú quý; đục mà yếu ớt là người có tướng mệnh bạc, đoản mệnh... Phàm là tướng mạo, tinh thần, thì thần có dư mà hình bất túc chứ không thể hình có dư mà thần bất túc. Người dư thần ý chí cao xa, người dư hình, tinh lực mạnh mẽ. Vì vậy người xưa cho rằng, người có dư thần thì quý, dư hình thì phú.



Khương Tử Nha câu cá bên sông Vị Thủy, khi 80 tuổi mới được Chu Văn vương đến thăm và phong làm thừa tướng. Sau này, ông giúp Vũ vương khởi binh thảo phạt Trụ vương, hoàn thành đại nghiệp hưng Chu. Tác phẩm nổi tiếng của ông là cuốn Binh pháp lục thao.

• Luận thần hữu dư

Người có dư thần, ánh mắt sáng, nhìn thẳng không nghiêng lệch, mày dài thanh tú, tinh thần dồi dào, da dẻ hồng hào, cử chỉ nhanh nhẹn, chuẩn xác. Trang nghiêm, nhìn xa trông rộng, như mặt trời mùa thu chiếu rọi vào tận thâm sâu cùng cốc; tướng mạo từ xa, trông như chim phượng bay lượn

trên con đường tuyết (xuất chúng), dáng ngồi vững như bàn thạch bất động, nằm như con quạ đậu bất dao (không động đậy), đi đứng ung dung như dòng nước chảy bình lặng; dáng đứng hiên ngang như ngọn núi cao sừng sững một mình. Không nói lung tung, không tức giận hồ đồ, hỉ hay nộ đều không ảnh hưởng đến tâm trí, vinh hay nhục cũng không ảnh hưởng đến hành vi. Vạn vật trên đời muôn màu muôn vẻ, hỗn loạn ngay trước mắt song tâm vẫn trước sau như một, như vậy chính là thần hữu dư. Người thần hữu dư, làm việc xử sự cẩn trọng, nghiêm túc, công chính thanh liêm, những người ấy đều là người vô thượng quý. Lộc trời hưởng tận cả cuộc đời.



Quản Trọng: nhà chính trị thời kì đầu thời Xuân Thu, là bạn tốt với Bào Thúc Nhan. Thúc Nha tiến cử ông với Tề Hoàn vương, Tề Hoàn vương liền phong cho ông làm tể tướng. Dưới sự phò tá của Quản Trọng, Tề Hoàn vương trở thành vị bá vương đầu tiên thời Xuân Thu.

- *Luận thần bất túc*

Thần bất túc giả, tự túy.

Không say lại thường như say, không sâu lại như sâu, thường ưu; không ngủ lại như ngủ, vừa ngủ đã tỉnh; không khóc như khóc, giật mình hoảng hốt; không giận như giận, không vui như vui, không si như si, không sợ như sợ. Dung mạo cử chỉ hỗn loạn, sắc đục như nhuộm. Thần sắc điên loạn, tang thương như mất mát to lớn, hoảng loạn như sợ hãi. Lời nói ấp úng như xấu hổ, cơ thể kháng cự lại như bị lãng nhục. Sắc mới đầu tươi sau tối, lời nói mới đầu nhanh sau chậm rãi. Tất cả những điểm trên chính là thần bất túc. Người mà thần bất túc, phần nhiều lòng dạ hẹp hòi, có nhiều suy nghĩ toan tính trong lòng, vì thế phần vương phải lao tù oan ức, mất chức. Trong *Tả Truyện* có một câu chuyện kể về việc Trương Trọng nước Lỗ đi sứ nước Tề, sau khi trở về nước nói: “Tôi ở nước Tề nghe nói họ chuẩn bị đến ăn tiểu mạch của nước ta. Theo như tôi thấy họ không thể làm được đâu. Tề vương nói chuyện lí nha lí nhí, ấp a ấp úng. Tang Văn Trọng đã từng nói: “là quốc vương mà lời nói lí nhí hàm hồ, thì sắp chết rồi”. Trịnh Diệu Công đến nước Tấn thăm viếng kết đồng minh thành công. Khi tổ chức nghi lễ giao nhận ngọc bích, người có địa vị tương đương của hai nước vốn phải đứng ở chính đường giữa hai cột trụ, một bên là khách khi địa vị không tương đương thì phải đứng ở phía Tây của cột trụ ở hướng Đông. Trịnh Diệu Công lại nhanh chóng đi đến chỗ phía Đông. Tấn đại phu Trinh Bá sau khi thấy cảnh này nói: “E rằng Trịnh Diệu Công sắp chết rồi thì phải? Ông ta đang tự vứt bỏ bản thân mình! Ánh mắt ông ta phân tán, bước chân vội vàng, không yên ở vị trí của mình, có lẽ chẳng sống được bao lâu nữa!”. Trịnh Diệu Công đúng là qua đời vào tháng 6 năm đó.

Câu chuyện này đã nói rõ, người mà thần bất túc, ánh mắt phân tán, tinh, khí, thần trong cơ thể đã mất đi chỗ dựa, tuổi thọ của con người như thế nào chỉ cần nhìn đã biết.

- *Luận hình hữu dư*

Người hình hữu dư, đỉnh đầu tròn, dày, lưng eo đầy đặn, trán rộng tứ phương, răng trắng môi hồng, tai tròn như vòng, mũi thẳng như mật, mắt phân đen trắng, mi dài thanh tú; vai, cánh tay, rốn dày; ngực phẳng, bụng tròn phệ xuống, đứng ngồi đoan trang, ngũ nhạc triều quy, tam đỉnh tương xứng, thịt mỡ xương mỏng, tay dài chân vuông. Trông xa thì trông cao to hùng dũng, nhìn vào thì đúng như vậy, như thế này đều là hình hữu dư. Người mà hình hữu dư, tâm khoan thể kiển (tâm lòng rộng rãi cơ thể khỏe mạnh), khoát đạt đại phương (rộng rãi), vì thế khiến cho con người được trường thọ vô bệnh, là tướng phú quý.



Y Doãn là đại thần thời kì đầu nhà Thương. Tương truyền ông là của hồi môn của công chúa nước Hữu Sần. Mặc dù ông thấp bé, dung mạo không xuất chúng, nhưng túc trí đa mưu, chí hướng cao xa. Sau này Thương Thang trọng dụng, phong cho ông làm tể tướng, lật đổ nhà Hạ, lập nên nhà Thương.

- *Luận hình bất túc*

Người hình bất túc đều có đỉnh đầu nhọn, mỏng, vai, cánh tay hẹp nghiêng, lưng sườn mỏng đẹp, khớp khuỷu ngắn, lòng bàn tay mỏng, ngón tay thưa, môi cong trán rộng, mũi cao tai lật, lưng thấp ngực hõm. Một bên lông mày cong một bên lông mày thẳng; một mắt ngược lên, một mắt thấp; một con ngươi to, một con ngươi nhỏ; một bên gò má cao, một bên gò má thấp; một tay có vân tay, một tay không có vân tay; lúc ngủ mắt mở; con trai giọng như con gái; răng vàng hở lợi; mũi nhọn mỏng; đầu trọc không một sợi tóc; mắt sâu không trông thấy con ngươi, dáng đi xô lệch, nhan sắc khô héo, đầu nhỏ mà thân to, trên ngắn dưới dài. Như vậy gọi là hình bất túc. Người mà hình bất túc, âm u u uất đè nén, thiên tiên bất túc.



Đông Phương Sóc là nhà văn thời Tây Hán. Là thái trung đại phu thời Vũ đế, tính cách khôi hài, nhưng rất giỏi quan sát lời nói, sắc mặt, trực ngôn can gián. Ông còn giỏi làm từ phú, trong đó có cuốn Đáp khách nan tương đối nổi tiếng.

Ưu nhược điểm của cốt tướng

“Cốt” được nhắc tới trong *Băng Giám* không phải là bộ xương mà người thời nay vẫn hiểu dựa trên khoa học giải phẫu, mà là chuyên chỉ mấy khúc xương trên đầu, mặt có sự tương phối với “thần”, có thể truyền “thần”. Quan hệ giữa “cốt” và “thần” cũng có thể được hiểu từ mối quan hệ giữa “thần” và “hình”, nhưng giữa “cốt” và “thần” có chút màu sắc thần bí mà con người khó có thể nắm bắt, khó có thể lĩnh hội được, thông thường người đọc khó có thể nắm bắt mà chỉ có thể tự mình cảm nhận, lĩnh hội từ thực tiễn. Về vấn đề này, trong y thư cổ có ghi chép: khớp xương giống như kim thạch, muốn dốc, thẳng chứ không muốn ngang, muốn tròn chứ không muốn thô. Người gầy không muốn lộ xương, người béo không muốn lộ thịt, cốt (xương) và nhục (thịt) tương xứng, khí và huyết tương ứng. Người cốt lạnh mà co, không nghèo thì mệnh yếu. Hai bên trái phải của nhật nguyệt giác có xương nhô thẳng lên, là xương Kim thành, chí hướng bay xa. Ấn Đường có cốt lên đến tận Thiên Đình, gọi là xương Thiên Trụ, từ Thiên Đình kéo thẳng lên đỉnh đầu là xương Phục Tê, nghị lực kiên cường. Trên mặt có xương nhô lên là xương gò má, người có tướng xương này uy nghiêm. Xương gò má kéo đến tai gọi là xương Ngọc Lương, người có tướng xương này trường thọ. Từ cánh tay đến khuỷu tay là xương Long, vừa dài vừa to; từ khuỷu tay đến cổ tay là xương hổ, vừa ngắn vừa mỏng. Xương thẳng mà dãn, tròn mà chắc chắn, thẳng mà ứng tiết, chặt chẽ mà không thô đều là tướng của người kiên định, chắc chắn. Xương gò má kéo dài đến tóc mái gọi là

xương Dịch Mã, bên trên mắt trái gọi là xương Nhật Giác, bên trên mắt phải gọi là xương Nguyệt Giác, xương nhô lên hai bên tai là xương Tướng Quân, quanh tròn như mặt trời gọi là xương Long Giác, xương nhô cao hai bên cạnh hai tai là xương Cự Ngao, nằm hai bên chính giữa trán là xương Long. Xương không nhô lên, không lộ lại tròn thanh thoát, có tú khí. Cốt (xương) là dương, nhục (thịt) là âm, âm không nhiều thì dương không nhiều theo. Nếu âm dương, cốt nhục tương đương thì tuổi trẻ không quý song cả đời được phú. Người xương không thẳng mệnh yếu, xương lộ nghèo khó, không có gì trong tay, người xương thẳng mà mềm, có phúc trường thọ song lại không được vui vẻ, xương ngang tướng hung, xương nhẹ bản tiện, xương lộ ngu dốt, xương lạnh nghèo khổ, bạc bẽo, người xương tròn có tướng phúc, xương cô cô đơn, không thân thích. Lại nói: xương mọc gầy, bên ngoài đen, hai đầu to thô, chủ tướng cùng ách (bản cùng, vận rủi); xương thủy hai đầu

sắc nhọn, sổ tướng vô cùng giàu sang; xương hỏa hai đầu thô, vô đức, bản tiện như nô bộc; xương thỏ to và thô dày, ắt có nhiều phúc; xương kim chắc chắn cứng cỏi, trường thọ mà vô lạc. Người có huyền sinh đầu giác cốt, về già được hưởng phúc lộc; người có di ngạch, về già được phú quý giàu sang.



Lý Hạ, là nhà thơ Đường, ông thuộc dòng dõi tôn thất của nhà Đường, tuy nhiên gia nghiệp suy bại. Ông thân hình gầy nhỏ, hai hàng lông mày nối liền với nhau, ngón tay ngón chân dài, tự xưng là “trường trảo lang”. Vì kí huy tên cha nên không đi thi, cả đời uất ức phiền muộn, cơ thể yếu đuối nhiều bệnh, qua đời khi tuổi đời còn rất trẻ.

Có câu thơ:

*Quý nhân cốt tiết tể viên trường, cốt thượng vô cân
nhục lại hương.*

*Quân cốt dữ thần ứng tương phụ, bất sâu vô vị thực tiên
thương.*

*Cốt thô kì đặc phong yi thực, lộc vị định vô thả mạc
cầu.*

*Long cốt bất tu tướng khắc hạm, cân triền cốt thượng
tiện kham ưu.*

Cốt ở bên trong, thần ở bên ngoài có thể trông thấy

Có câu: “Tại nội vi cốt, ngoại quan vi thần” tức là: Cốt bên trong, thần ở bên ngoài có thể trông thấy.

Để giải thích rõ về “thần” và “cốt” một cách tương đối hình tượng, Tăng Quốc Phiên đã dùng hai ví dụ so sánh để tiện cho bạn đọc có thể hiểu rõ hơn về sự kì diệu của “thần” và “cốt”.

Tinh hoa của thóc là gạo, gạo được giấu trong lớp vỏ, nghiền vỏ ra thành trấu, lớp vỏ ngoài rụng xuống, song tinh hoa vẫn còn, vẫn có giá trị sử dụng. Chỉ có một nửa bị bỏ đi cùng với trấu, do đó “thần” cũng không vì “hình” (tướng mạo...) mà biến mất. “Thần” và “hình” cũng giống như “gạo” và “trấu”. Vì vậy mới nói “thoát cốt vi đường, kì tủy tư tồn”. “Cốt” bên ngoài có da có thịt, giống như trên núi có đất có cát. Bộ xương là giá đỡ chính của cơ thể. Xương và cơ thể cũng giống như đá núi với bùn đất, bùn đất xói mòn, song đá

núi vẫn sừng sững còn đó, vẫn đủ để người ta thấy được sự hùng vĩ của chúng; mặc dù tướng mạo cơ thể bị tổn thương hay thiếu sót thì sự vững chắc, thần kì của xương vẫn không hề thay đổi, vẫn đủ để ta có thể phán đoán được sự hiển đạt của con người. Vì vậy mới nói: “sơn khiên bất băng, duy thạch vi trần”.

Mọi người thường dùng “đôi mắt long lanh có thần” để miêu tả một người tinh lực vượng thịnh, nhanh nhạy, có tài cán. Từ đó có thể thấy được mối liên hệ khăng khít giữa “mục” (mắt) và “thần”. Theo giải thích của Đông Ý, đôi mắt có sự tương thông thương liên với gan và thận. Một người mắc bệnh về gan, chúng ta có thể thấy được một vài điểm báo từ đôi mắt. Nếu một người đôi mắt có thần, phát ra ánh sáng, long lanh đầy sức sống, cho thấy thận khí vượng thịnh, cơ thể khỏe mạnh, là dấu hiệu của sự khỏe mạnh; ngược lại, trạng thái tinh thần không tốt, thiếu sức sống thì khó có thể tập trung tinh thần làm việc.

Đôi mắt được ví như “cửa sổ của tâm hồn”, có mối liên hệ với hoạt động tình cảm, nội tâm của con người. Huyết khí vận hành vi tinh, do đó thông qua đôi mắt có thể nắm chắc được thế giới nội tâm của con người. Mọi cảm xúc dự vọng của con người, từ hỉ nộ ai lạc đến ái ác dực thống đều được biểu lộ ra từ đôi mắt. Thậm chí là cả trí ngu trung gian (thông minh ngu xuẩn, trung thành gian ác), hiền tiêu minh trọc (hiền tiêu thanh đục) đều có thể được nhìn ra đôi điều thông qua đôi mắt; “nhất thân tinh thần cụ hồ lưỡng mục”, chính là tổng kết mang tính cương lĩnh về tư tưởng trên trong *Băng Giám*.

Băng Giám tiếp tục tổng kết: “Nhất thân cốt tướng, cụ hồ diện bộ”. Bởi vì tướng mạo thể chất của con người là do xương, thịt trong ngoài kết hợp mà thành, sự liên kết giữa

xương với xương, sự gắn kết giữa thịt với thịt, xương và thịt trong ngoài bao bọc, thống nhất tạo nên ngoại hình của con người. Do xương đóng vai trò làm khung và trụ đỡ, do đó ưu nhược điểm của “cốt” tương trở thành nhân tố hàng đầu trong việc hình thành lên diện mạo xinh đẹp hay xấu xí của con người. Đại não là trung khu thần kinh, là hệ thống chỉ huy con người, ưu nhược điểm của bộ xương đầu cũng trở thành “thủ trưởng” quyết định đến ưu nhược điểm của toàn thể bộ xương trên cơ thể. Y học cổ đại cho rằng, đầu là nơi hội tụ của quần dương, là quê hương của ngũ hành chính tông, xương đầu là đại diện của cả bộ xương, xương mặt lại là đại diện cho xương đầu, do đó ưu nhược điểm của xương mặt có thể ảnh hưởng quyết định tới ưu nhược điểm của xương đầu. Xuất phát từ chính đạo lý này, *Bằng Giám* nói: “Nhất thân cốt tương, cụ hồ diện bộ”.



Tiêu Hà là đại thần thời đầu nhà Tây Hán. Là người huyện Phái, Giang Tô. Lúc còn trẻ nhậm chức ngự sử Phái huyện, sau khởi binh cùng Lưu Bang và tiến cử Hàn Tín làm đại tướng quân với Lưu Bang. Thời chiến tranh Sở Hán, tích trữ tập kết binh mã lương thảo ở Quan Trung cho quân Hán. Sau khi Lưu Bang xưng đế, công trạng của ông đứng đầu.

Trong *Sử kí - Cao tổ bản kỉ* có ghi chép lại: Hán Cao tổ Lưu Bang, mũi cao, cổ dài, diện mạo có long tướng, trên đùi trái có 72 nốt ruồi đen. Đến thời trai tráng mới nhậm chức đình trưởng Tù Thủy.



Lưu Bang: quân vương khai quốc của vương triều nhà Hán. Người huyện Bái tỉnh Giang Tô. Lúc đầu làm đình trưởng Tứ Thủy, sau tham gia khởi nghĩa nông dân, được lập làm Bái Công. Trong trận chiến Sở Hán đã tiêu diệt Hạng Vũ, nhất thống thiên hạ. Tương truyền Lưu Bang trời sinh long nhan, đùi trái có 72 nốt ruồi đen.

Một lần, có một vị khách quý đến nhà huyện lệnh, tất cả hào kiệt quan lại ở đó đều đến hỏi thăm, chúc mừng. Lưu Bang thầm nghĩ: Tại sao mình lại không tranh thủ cơ hội này đến làm quen kết giao với nhân vật có máu mặt ở đây? Sau đó Lưu Bang cũng đến. Tiều Hà đứng trước cửa phủ huyện lệnh thay chủ nhân nhận tiền lễ thấy Lưu Bang đến, cố tình hét to: “Tiền lễ mừng không đủ một nghìn người ngồi dưới sân”. Lưu Bang đưa tay lên miệng ra hiệu cho hần ta, ngẩng đầu ưỡn ngực bước vào, nói to với tất cả quan khách đang ngồi chật bên trong: “Tôi tặng một vạn”, mặc dù nói như vậy nhưng y lấy đâu ra một vạn tiền? Nhưng y nói khoác lác như thế thì lại thật sự lấy thân phận tặng lễ một vạn tiền ngồi ghế trên. Tiều

Hà chạy lại chế giễu y: “Lời nói khoác lác nhẹ như gió, làm người phải tự trọng!”. Lưu Bang nghe xong, ngẩng đầu lên nói: “Một vạn tiền thì có là gì? Sớm muộn có một ngày Lưu Quý tôi đắc thế, tới lúc đó có thể tặng mười vạn, hôm nay hãy ghi cái nợ này lại đi!”, nói xong y cùng toàn bộ quan khách kính rượu nhau, nói chuyện vui vẻ, không chút khó xử.

Lúc đó có một vị khách quý của huyện lệnh cũng đang ngồi đó, tên Lỗ Công, thấy Lưu Bang dung mạo hiên ngang, phong cốt phi phàm, lời nói cử chỉ không giống những người khác, không những không trách móc chuyện Lưu Bang không tặng tiền lễ mà ngược lại còn tự thấy khâm phục trong lòng. Sau khi yến tiệc kết thúc, Lỗ Công đặc biệt mời Lưu Bang ở lại, nhờ huyện lệnh làm mai, gả con gái là Lỗ Trĩ cho y. Lưu Bang vô cùng mừng rỡ, đúng là có nằm mơ cũng không dám nghĩ, bản thân không phải mất một trinh một sắc nào mà lại vừa được thưởng thức rượu ngon, vừa được vợ hiền.

Lúc bấy giờ Lưu Bang chẳng qua chỉ là một kẻ lãng tử chơi bời lêu lổng, Lỗ Công dựa vào đâu để phán đoán Lưu Bang không phải kẻ nghèo khó lâu dài, bây giờ đã không ai còn biết, song có một điểm có thể khẳng định, Lỗ Công thấy Lưu Bang “phong cốt phi phàm”, liền lấy đó làm căn cứ để phán đoán điểm khác biệt giữa Lưu Bang và những người khác, nghĩ chắc chắn không có sai sót. Từ đó có thể thấy được ý nghĩa phi thường của câu nói “nhất thân cốt tướng, cụ hồ diện bộ”.

Tác giả của cuốn *Bằng Giám Tăng Quốc Phiên* là một nhà quân sự, học giả nổi tiếng của thời hậu Thanh, được sử sách mệnh danh là “học vấn thuần túy, khí thức hoàng thâm” (kiến thức thâm sâu). Do Tăng Quốc Phiên hết mực tôn sùng kẻ đọc sách nên đặc biệt phân biệt giữa “văn nhân” với những

người khác như công, nông, binh, thương, chỉ rõ ra “tha gia liêm luận hình hài, văn nhân tiên quan thần cốt”.



Hàn Tín người Hoài Âm, Giang Tô. Thời trẻ gia cảnh khốn khó, thường đi ăn xin, từng chịu nổi nhục chui qua háng. Sau ông đầu quân cho Hạng Lương, không được Hạng Vũ trọng dụng, nên liền quay sang đầu quân cho Lưu Bang. Được phong làm tướng quân, nhiều lần lập kì công, phò tá Lưu Bang giành thiên hạ.

Người có văn hóa, chính xác hơn là chỉ Nho sinh, có thể giới nội tâm phong phú, chăm chỉ học hành, ưa thích suy nghĩ tìm tòi, thông minh, cẩn thận, nhạy bén, cũng phức tạp, thần bí, quý quyết quái dị hơn so với những người khác, như vậy sẽ có biểu tượng phức tạp biến hóa bất định của tính bủn xỉn, lồi thối, nho nhã, tư tưởng hành động cũng chịu nhiều ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo. Đối với bọn họ, “thần” hết sức quan trọng.

Còn về “cốt” của người có văn hóa thì khác biệt như thế nào với những người bình thường khác lại là một khái niệm có thể hiểu ý song lại không thể diễn đạt bằng lời. Do đó, so sánh “cốt” và “thần” với nhau thì có cảm giác thần bí cao thâm khó đoán. Sự vững chắc kiên định của “cốt” có mối quan hệ không thể tách rời với “thần”, hơn nữa kẻ có học thời cổ đại coi nhẹ lao động tay chân, rời xa lao động tay chân, cơ hội để luyện

tập xương cốt không nhiều. So với những người khác, “cốt” của kẻ có học ít nhiều cũng có sự khác biệt mà tác giả không đề cập rõ, do đó *Băng Giám* cho rằng văn nhân coi trọng “thần” bên ngoài, “cốt” bên trong.

Quan sát “thần” và “cốt” của con người cũng giống như ngọn núi lớn bên ngoài cánh cửa, cửa vừa mở ra, thể núi tự khắc hiện ra trước mắt. Thể núi u thâm, ắt có long mạch, thể núi hùng vĩ, ắt có nền móng dày sâu vững chãi nhằm ngụ ý so sánh với vận mệnh, tốt xấu cao thấp ra sao, không cần nói cũng tự hiểu được.



Phòng Huyền Linh là tể tướng nổi tiếng thời đầu nhà Đường. Đọc nhiều kinh sử, giỏi văn chương. Thời cuối nhà Tùy, ông đầu quân cho Lý Thế Dân, là một trong những mưu sĩ đặc lực nhất của Tàn vương. Lý Thế Dân tán tụng ông “bàn mưu vạch kế hoạch trong quân doanh, có công định xã tắc”. Cùng với Đỗ Như Hối thời bấy giờ là mẫu mực về tể tướng tốt.

II. Thân phân thanh đục tà chính

Văn nhân luận thân, có sự phân biệt giữa thanh với đục. Thanh đục dễ phân, tà chính khó biện. Muốn phân biệt tà chính, trước tiên phải quan sát động tĩnh.

Nguyên tác

Văn nhân luận thân, hữu thanh hữu trọc chi biện⁽¹⁾. Thanh trọc dị biện, tà chính nan biện⁽²⁾. Dục biện tà chính, tiên quan động tĩnh⁽³⁾. Tĩnh nhược hàm châu, động nhược mộc phát⁽⁴⁾; tĩnh nhược vô nhân, động nhược phó đích⁽⁵⁾,

⁽¹⁾ Văn nhân luận thân, hữu thanh hữu trọc chi biện: Thanh: chỉ ánh mắt trong sáng, ánh nhìn đoan chính. Trọc: chỉ ánh mắt hỗn đục, ánh nhìn không nghiêm chỉnh. Ý của hai câu này là: văn nhân khi nghiên cứu, quan sát trạng thái tinh thần của con người, chia nó ra làm hai loại là thanh khiết và hỗn đục.

⁽²⁾ Thanh trọc dị biện, tà chính nan biện: Thanh trọc giống như đã nói ở trên, chỉ sự thanh khiết và hỗn đục; tà chính: chỉ sự gian tà và trung trực của trạng thái tinh thần con người được bộc lộ ra từ đôi mắt. Thông thường “trọc” (đục) không nói tà chính, vì vậy “tà chính” ở đây chỉ tà chính bên trong “thanh”. Ý của hai câu này là: sự “thanh” “trọc” trong trạng thái tinh thần của con người dễ phân biệt, nhưng “tà” “chính” trong “thanh” lại khó mà phân biệt được.

⁽³⁾ Dục biện tà chính, tiên quan động tĩnh: Động là chỉ lúc ánh mắt đang quan sát con người, sự vật. Tĩnh chỉ ánh mắt ở trạng thái tĩnh, dừng lại, không quan sát người, vật. Ý của hai câu thơ này là muốn phân biệt tà chính trong trạng thái tinh thần của một người, trước tiên phải quan sát trạng thái tinh thần mà họ biểu hiện qua đôi mắt khi họ quan sát con người, sự vật và khi họ không quan sát.

⁽⁴⁾ Tĩnh nhược hàm châu, động nhược mộc phát: Hàm châu: chỉ ánh mắt long lanh, sáng, chân tình nội uẩn (chân tình ẩn giấu bên trong), giống như viên minh châu sáng được chứa đựng bên trong mà không lộ ra ngoài. Mộc phát: chỉ ánh mắt an nhàn, vững vàng, lại nhanh nhạy sắc bén, giống như mầm xuân, sức sống dồi dào. Ý của hai câu này là: khi ở trạng thái tĩnh, hai mắt sáng lại ẩn chứa chân tình (tình hình thật) bên trong, giống như viên minh châu, ẩn chứa bên trong chứ không lộ ra ngoài; khi ở trạng thái động, hai mắt an nhàn, vững vàng, lại nhạy bén sắc sảo, giống như mầm non mùa xuân, sức sống dồi dào.

⁽⁵⁾ Tĩnh nhược vô nhân, động nhược phó đích: Phó: đi, ý nói bắn tên đi. Đích: tấm bia. “Nhược vô nhân” được nói đến ở đây là chỉ ánh mắt sâu lại sáng, vắng lặng lại yên tĩnh, không bị sự vật sự việc bên ngoài tác động đến. “nhược phó đích” là chỉ sát cơ ẩn giấu trong ánh mắt, mũi nhọn lộ rõ ra bên ngoài như bắn về phía mục tiêu đã ngắm chuẩn, nhất phát trúng đích. Ý của hai câu này là: Khi ở trạng thái tĩnh, ánh mắt sáng lại trầm

thử vi trường thanh đảo đế⁽¹⁾. Tĩnh nhược huỳnh quang, động nhược lưu thủy⁽²⁾, tiêm xảo nhi hỉ dâm⁽³⁾; tĩnh nhược bán thủy, động nhược lộc hải⁽⁴⁾, biệt tài nhi thâm tư⁽⁵⁾. Nhất vi bại khí, nhất vi ẩn lưu⁽⁶⁾, quân chi thác tích vu thanh, bất khả bất biện⁽⁷⁾.

tĩnh như ở bên không có ai; ở trạng thái động, sát cơ ẩn giấu trong ánh mắt, mũi nhọn lộ rõ ra bên ngoài như bắn về phía mục tiêu đã ngắm chuẩn, nhất phát trúng đích.

⁽¹⁾ Thử vi trường thanh đảo đế: Thử: đại từ thay thế chỉ hai loại trạng thái nhắc đến ở trên là “tĩnh nhược hàm châu, động nhược mộc phát” và “tĩnh nhược vô nhân, động nhược phó đích”. Trường thanh đảo đế: ở đây chính là chỉ “chính” trong “thanh”. Ý của câu này là: hai loại trạng thái ở trên, trong sáng thanh khiết, thuộc vào phần “chính” trong “thanh”.

⁽²⁾ Tĩnh nhược huỳnh quang, động nhược lưu thủy: Huỳnh quang: ánh sáng đom đóm phát ra, ánh sáng này yếu ớt, chập chờn bất định. Lưu thủy: chỉ ánh mắt mặc dù trong song lại như dòng chảy bất định, không xác định rõ. Ý của hai câu này là: khi ở trạng thái tĩnh, ánh mắt giống như ánh sáng của đom đóm, yếu ớt chập chờn bất định; khi ở trạng thái động, ánh mắt lại giống như dòng nước chảy, mặc dù thanh khiết nhưng bất định, khó nắm bắt.

⁽³⁾ Tiêm xảo nhi hỉ dâm: Tiêm xảo: giỏi nguy trang. Hỉ dâm: dâm: chỉ sự gian tà, hỉ dâm: là chỉ sự gian tà nảy nở bên trong. Ý của câu thơ này là: hai kiểu thần sắc như trên, một là giỏi nguy tạo, che giấu, hai là chỉ sự gian tà đang âm thầm nảy nở bên trong.

⁽⁴⁾ Tĩnh nhược bán thủy, động nhược lộc hải: Bán thủy: dáng vẻ như ngủ như không, như say như không, đây là một loại nội tâm bên trong âm thầm tính toán âm mưu. Lộc hải: hải là chỉ dáng vẻ sợ hãi bất an, lộc hải: dáng vẻ sợ hãi bất an giống như con hươu, đây là một kiểu sợ bị người khác nhìn lén nội tâm của mình. Ý của hai câu này là: khi ở trạng thái tĩnh, hai mắt nửa như ngủ nửa không, nửa như say nửa không, đây là chỉ thần sắc âm thầm tính toán mưu kế trong lòng; ở trạng thái động, đôi mắt lại luôn luôn kinh hãi bất an, sợ người khác nhìn lén nội tâm của mình.

⁽⁵⁾ Biệt tài nhi thâm tư: Biệt tài: chỉ người hữu trí hữu năng mà lại không đi theo con đường chính đạo. Thâm tư: chỉ trạng thái âm mưu suy tính bên trong song lại sợ người khác nhìn thấy nội tâm của mình.

⁽⁶⁾ Nhất vi bại khí, nhất vi ẩn lưu: Bại khí: “bại” nghĩa là thiếu sót, tì vết. “Bại khí” là chỉ khí cụ có tì vết, ở đây chỉ “tĩnh nhược huỳnh quang, động nhược lưu thủy” được nhắc đến ở trên. Ẩn lưu: “ẩn” mang ý nghĩa bao hàm chứa đựng mà không phát ra ngoài, “ẩn lưu” chính là chỉ những bước đi được chứa đựng bên trong nhưng không phát ra, lộ ra, ở đây chỉ “tĩnh nhược bán thủy, động nhược lộc hải, biệt tài nhi thâm tư” được nhắc đến ở trên. Ý của hai câu này là: những người có hai kiểu thần sắc đầu tiên là người có tì vết, thiếu sót, người có hai kiểu thần sắc sau là kiểu người có tài nhưng không thể hiện ra.

⁽⁷⁾ Quân chi thác tích vu thanh, bất khả bất biện: Thác: kí thác. Tích: tung tích. Ý của hai câu này là: hai kiểu thần sắc ở trên thuộc “tà” và chúng trà trộn, hỗn độn trong thần sắc thanh cao.

Bản dịch

Các nhà y thuật, văn nhân, dưỡng sinh thời xưa khi nghiên cứu, quan sát “thần” của con người thường phân “thần” thành thanh khiết và hỗn đục. Sự thanh khiết, hỗn đục của “thần” tương đối dễ phân biệt, nhưng do thanh khiết lại phân gian tà, trung trực, gian tà và trung trực không dễ phân biệt. Muốn kiểm tra một người là gian tà hay trung trực, trước tiên phải xem xét biểu hiện của anh ta dưới hai loại trạng thái động, tĩnh. Khi đôi mắt ở trạng thái tĩnh, ánh mắt an nhàn, vững vàng lại sáng, chân tình thâm uẩn, giống như hai viên minh châu sáng, hàm nhi bất lộ (chứa đựng bên trong song không lộ ra ngoài); khi ở trạng thái động, trong đôi mắt phát ra ánh sáng, nhạy bén sắc sảo, giống như mầm xuân. Khi đôi mắt ở trạng thái tĩnh, ánh mắt sáng, vững vàng, cảm giác như bên cạnh không có người; ở trạng thái động, ánh mắt tiềm ẩn sát cơ (ý định giết người), mũi nhọn lộ rõ, như nhắm chuẩn mục tiêu, nhất phát trúng đích, đợi huyền nhi phát (chỉ đợi giương cung ra là bắn thẳng tới mục tiêu đã ngắm). Với hai kiểu thần sắc như trên, trong sáng thuộc thần sắc thuần chính. Khi đôi mắt ở trạng thái tĩnh, trong mắt phát ra ánh sáng yếu ớt bất định như đom đóm; khi ở trạng thái động, ánh mắt như có dòng nước đang chảy, mặc dù trong suốt, thanh khiết nhưng chảy bất định. Hai loại ánh mắt như trên, một loại là chỉ vẻ giỏi ngụy tạo, một loại là chỉ sự gian tà đang âm thầm nảy nở bên trong. Khi đôi mắt ở trạng thái tĩnh, ánh mắt như ngủ lại như không, như say lại như không say; khi ở trạng thái động, ánh mắt lại hoảng hốt bất an như con hươu đang kinh sợ. Hai kiểu ánh mắt trên, một thì hữu trí hữu năng nhưng không theo con đường chính đạo, một thì thâm mưu quỷ kế nhưng lại sợ người khác nhìn lén nội tâm mình, người có hai kiểu thần sắc đầu tiên, phần lớn là người có tài vết, người có hai kiểu thần sắc

sau thường là người hàm nhi bất phát (chứa đựng nhưng không bộc lộ ra ngoài), đều thuộc kiểu thần sắc gian tà. Nhưng chúng lại trà trộn trong thần sắc thanh tao, thuần khiết, đây là điều mà chúng ta cần phân biệt kĩ lưỡng khi quan sát thần.



Lão Tử: nhà tư tưởng, người sáng lập nên Đạo gia thời Xuân Thu. Họ Lý tên Đàm. Nghe nói, lúc ông được sinh ra, râu tóc đều trắng, vì thế được gọi là Lão Tử. Ông từng làm “thủ tàng thất chí sử” thời nhà Chu. Khổng Tử từng vấn lễ Lão Tử. Cuốn Đạo đức kinh nổi tiếng.

Gia Cát Lượng: nhà chính trị, quân sự nước Thục thời Tam Quốc. Thời cuối nhà Đông Hán, ẩn cư ở Long Trung, được mệnh danh là “Ngọa Long”. Lưu Bị từng ba lần đến tham kiến mời Gia Cát Lượng xuống núi, thỉnh giáo Gia Cát Lượng, phò tá cho Lưu Bị. Lưu Bị nghe theo mưu lược của ông, liên minh với nước Ngô, đánh Ngụy, gây dựng chính quyền Thục Hán).





Khuất Nguyên: người nước Sở thời Tam Quốc, là nhà thơ nổi tiếng. Khi còn phò tá Sở Hoài vương, ông làm Tam Lư đại phu. Sau bị gièm pha cắt chức. Thời Tương vương ông bị đày, ông viết các tác phẩm “Ly Tao”, “Cửu chương”. Sau nước Sở bị Tần công phá, Khuất Nguyên gieo mình xuống sông Mịch La tự tử.

Thanh trọc, tà chính, động tĩnh

Tiết này chuyên bàn luận về thanh trọc tà chính của “thần”, nhấn mạnh bàn luận tà chính, chính là gian tà và trung trực.

Tại sao lại trọng tâm bàn luận tà chính? Tăng Quốc Phiên sinh sống trong thời kì đầu lung lay, chuẩn bị sụp đổ của vương triều đại Thanh, lúc bấy giờ, thể lực của cuộc cách mạng Thái Bình Thiên Quốc rất mạnh mẽ, uy hiếp đến sự thống trị của đại Thanh. Tăng Quốc Phiên là một trung thần hết mực trung thành của nhà Thanh, tận lực cứu vớt thời cục nguy hiểm của nước nhà, trở thành trụ cột vững chắc của đại Thanh. Vương triều đại Thanh vốn luôn giữ thái độ nghi ngờ với những viên quan người Hán, song Tăng Quốc Phiên lại

được làm tới chức tam phẩm, nhậm chức thái tử thái bảo (bảo vệ đông cung), mặc áo choàng vàng, trở thành người Hán duy hoàng nhất triều Thanh. Do đó, khi phát hiện và tiến cử nhân tài, ông hết sức coi trọng phẩm chất của họ, mong muốn trọng dụng những người đủ đức đủ tài. Coi trọng phẩm chất cũng là một truyền thống của người Trung Quốc xưa khi dụng nhân, bất luận là *Luận Ngữ* hay *Nhân Vật Trí* đều đặt chữ “Đức” lên vị trí vô cùng quan trọng.

Là một nhân tài kiệt xuất “nội thánh ngoại vương”, Tăng Quốc Phiên đương nhiên cũng không vứt bỏ truyền thống này.

Người xưa thường dùng mấy khái niệm rất quan trọng, chính là những khái niệm mà trong tiết này nhắc đến: thanh và trọc, tà và chính, động và tĩnh. Ba nhóm khái niệm này thường được vận dụng hết sức phổ biến trong nền văn hóa thần bí cổ đại của Trung Quốc, dưới đây chúng ta sẽ lần lượt cùng nhau đi phân tích những khái niệm này.

• **Thanh và trọc**

Nước có phân trong đục, người có phân trí ngu hiền bất hiểu. Người xưa thường dùng “thanh” và “trọc” để phân biệt trí ngu, hiền bất hiểu của con người, *Băng Giám* cũng vậy, rất coi trọng “thanh”, “trọc”. Trong quan niệm triết học xưa của Trung Quốc, thiên nhân hợp nhất, chính là tư tưởng đồng nhất giữa con người và tự nhiên, “thanh trọc” trong tướng học tương đương với việc xuất phát từ “nhân hợp vu tự nhiên” để đánh giá, phán đoán hành vi cử chỉ của con người, phân biệt trí ngu, hiền bất hiểu của con người, đoán biết vận mệnh khiên đạt của con người.



Tư Mã Thiên: nhà văn thời Tây Hán. Sau khi phụ thân của ông là Tư Mã Đàm qua đời, ông tiếp tục thừa kế nhậm chức Thái sử lệnh của cha. Sau này do Lý Lăng thua trận, làm hỏng chuyện lớn nên phải chịu trừng phạt “hủ hình” (cắt đi cơ quan sinh dục của người chịu hình phạt). Song ông chưa từng vì thế mà sa sút tinh thần, ý chí, ngược lại ông còn tìm thấy sự thăng hoa của sinh mệnh từ việc thuật lại lịch sử và từ đó ông đã viết nên cuốn Sử ký vĩ đại.

Thanh, thanh khiết, trong suốt như nước, dùng với con người, đó chính là trạng thái thanh khiết, thanh lương, thanh minh, không tạp chất, tương phối với sự đoan trang, rộng rãi, độ lượng, khai minh phong độ của con người, thường kết hợp với “tú”, gọi là “thanh tú”.

Trọc như sự hỗn đục tối tăm của nước, dùng với con người để chỉ trạng thái hỗn độn thâm trầm, hồ đồ, pha tạp, tương phối với thô lỗ, ngu dốt, dung tục, bủn xỉn, nông cạn, thường kết hợp với “hôn”, gọi là “hôn trọc” (hỗn đục).

Từ đây, chúng ta có thể thấy rằng, thanh và trọc là một nhóm khái niệm đối ứng với nhau, giải thích rõ con người là thông minh hay ngu dốt, là trí tuệ hay đần độn. Khi đánh giá, phán đoán vận mệnh của con người, thanh giả quý, trọc giả tiện (người thanh thì quý, kẻ đục thì tiện).



Tôn Vũ: nhà quân sự thời cuối Xuân Thu, là người nước Tề. Ông từng mang 13 chương binh pháp đến gặp Ngô vương Hạp Lư, được phong làm tướng quân, quân kỉ nghiêm minh, giữ dụng binh. Sau này thống lĩnh quân Ngô công phá nước Sở. Cuốn Binh pháp Tôn Tử nổi tiếng chính là do ông viết.

• Tà và chính

Tà: chỉ gian tà, chính: chỉ trung trực. Mỗi một thời đại lại có một tiêu chuẩn đạo đức riêng, do đó quan niệm tà chính cũng mang đặc trưng rõ rệt của thời đại. Quan niệm về gian tà thời xưa có lẽ cũng đúng với thời nay, còn quan niệm trung trực thời xưa, đến nay có thể đã là cổ hủ. Hay nói một cách khác, đó chính là sự phân biệt giữa trung thần lương sĩ với gian tặc nịnh thần.

Còn có một loại người nữa nằm giữa danh giới tà và chính, với loại người này thì cần căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể để phân biệt xem anh ta là gian tà hay chính trực, không thể đưa ra kết luận vội vàng được.

Từ những điều vừa nói ở trên chúng ta có thể thấy, do “tà” và “chính” đều ẩn giấu trong “thanh”, cùng xuất hiện dưới

diện mạo của “thanh”, muốn phân biệt chúng một cách chính xác là một việc tương đối khó, thuộc về vấn đề kĩ xảo. Do “tà”, “chính” đã khó phân, do đó *Băng Giám* nói: quân thác tích vu thanh, bất khả bất biện.

• Động và tĩnh

Động và tĩnh không chỉ là một nhóm khái niệm quan trọng trong triết học và tần suất sử dụng của chúng trong triết học xưa cũng rất lớn. Trong triết học, động và tĩnh là hai thuật ngữ đối lập với nhau, là một phương pháp mang tính biện chứng để chúng ta quan sát, phân tích, giải quyết các vấn đề trong sự biến hóa, thay đổi của sự vật.

Sự kết hợp giữa động và tĩnh, là một đặc điểm nổi bật trong phương pháp luận triết học của Trung Quốc thời xưa, có tư tưởng biện chứng và tính khoa học nhất định. Đây là đặc điểm mà các bộ môn khác trong nền văn hóa thần bí lâu đời không có. Phán đoán trạng thái tĩnh, chắc chắn sẽ có sự sai lệch, hướng về lập trường cô lập tĩnh chỉ siêu hình, không có lợi cho việc quan sát sự vật chính xác một cách toàn diện. Động tĩnh kết hợp với nhau, lại có thể nâng cao tính chính xác của sự đánh giá, phán đoán.

Tăng Quốc Phiên rất giỏi trong một số phán đoán mang tính căn cứ trong việc nhìn người, trọng dụng người tài, thì luôn phán đoán dựa trên trạng thái tĩnh, như “lục phủ cao cường, nhất sinh phú túc” (lục phủ cao to, khỏe mạnh, cả đời được giàu sang sung túc); một số phán đoán mang tính cụ thể, thì lại dựa trên trạng thái động, như “khí trọc thần khốc, tất thị bản cùng chi hán” (người mà thần khí hỗn đục, thần sắc ủ rũ, ắt số bản cùng); còn như “lưỡng mục vô thần, tung tị lương

cao nhi mệnh diệc thúc” (hai mắt vô thần, sống mũi cao thì mệnh cũng đoán), thì lại là sự kết hợp giữa động và tĩnh.



Trương Húc: Thư pháp gia thời Đường. Tính cách hào phóng, thích uống rượu, thường sau khi uống say lại vung bút viết thư pháp, như say như si, người đời gọi ông là “Trương điên”. Ông nổi tiếng viết thư pháp chữ thảo. Hàn Dũ nói ông “biến động như quỷ thần, không thể đoán biết được”.

Lại nói, hành vi cử chỉ, tình thái tư dung của con người cũng có sự phân biệt giữa động và tĩnh, hai loại phán đoán như trên có lúc được rút ra thông qua sự so sánh đối chiếu với nhau.

Phía trước chúng ta đã nói, “động” và “tĩnh” là trạng thái biến động biến hóa của sự vật. Chân tướng và bản chất của sự vật dễ bộc lộ, thể hiện ra nhất khi vận động, đặc biệt là một số điểm mâu chốt quan trọng, có thể giúp ta nhìn rõ chân tâm của con người. “Tĩnh” mặc dù là trạng thái ổn định, song sự ổn định này chỉ là tương đối, nằm trong hai cái “động” trước sau của tĩnh, trong sự biến hóa từ “động” sang “tĩnh” rồi lại từ “tĩnh” sang “động”, nó vẫn thể hiện trạng thái động. Vì vậy,

thông qua “động” có thể nhìn thấy rõ chân tướng và bản chất của sự vật, thông qua “tĩnh” cũng có thể thấy được chân tướng và bản chất của sự vật.

“Động” ở đây chỉ trạng thái khi mà đôi mắt đang quan sát sự vật, sự việc; “tĩnh” là chỉ trạng thái ánh mắt khi tạm thời dừng lại, không trông thấy sự vật, sự việc. Có động tất có tĩnh, sau tĩnh ắt là động, chúng là trạng thái vĩnh hằng liên kết, nối tiếp nhau.

“Tĩnh nhược hàm châu”, giống như một viên minh châu sáng rực, phát ra ánh sáng, nhưng lại được ẩn chứa bên trong mà không lộ ra ngoài, ánh sáng ẩn trong, tĩnh mà lóa mắt.

“Động nhược mộc phát”, giống như sự sinh sôi nảy nở của cây cối mùa xuân. Cây cối được nước nuôi dưỡng, gặp mùa xuân thì đâm chồi, tinh hoa cất giấu suốt một mùa đông dài nay biến thành mầm non. Khi quan sát con người, sự vật, tinh khí trong ánh mắt lưu động (chuyển động), giống như đâm qua lớp gỗ mọc ra ngoài, mầm sẽ xanh, sức sống ắt dồi dào.

“Tĩnh nhược vô nhân”, trạng thái này là an nhàn tự nhiên, tâm không tạp niệm, giống như lão tăng nhàn định, không quan sát những sự vật xung quanh, lại giống suối trong chảy róc rách nơi cùng cốc yên tĩnh. Từ đây có thể thấy bộ mặt không chăm chú, tô vẽ điểm xuyết của con người.

“Động nhược phó đích”: mũi tên sắc nhọn rời khỏi dây cung, bay thẳng về phía trước, nhằm thẳng hồng tâm. Khí thể mạnh mẽ, sát cơ ẩn trong mà mũi nhọn hiện ra, thanh uy lộ ra ngoài, nhất phát trúng đích.

“Trùng thanh đáo đề” lại nói trúng sự khác biệt căn bản giữa tà và chính. Con người trung trực cao thượng, bất luận

động hay tĩnh, người trước hay người sau đều trước sau, trong ngoài như một, trước sau không đổi, thanh thuần tinh khiết.



Lục Cổ: nhà chính trị, văn học thời Tây Hán. Đi theo Hàn Cao Tổ định thiên hạ. Có tài ăn nói, giỏi biện luận, thường đi sứ các nước. Vì bình định Nam Việt có công, được phong làm Trung đại phu. Ông dựa vào bài học hưng vong của Tần Hán, viết ra 12 chương Tân Ngũ, mở đầu văn chính luận thời kì đầu nhà Hán).

Tuy nhiên khi phân biệt kĩ hơn, ở đây cũng có sự khác biệt. Cảnh giới của “tĩnh nhược hàm châu, động nhược mộc phát” dường như cao hơn cả cảnh giới của “tĩnh nhược vô nhân, động nhược phó đích”, bởi vì cái phía trước thuộc vào cảnh giới của bậc thánh hiền đại trí đại tài, còn về sau thì thuộc cảnh giới của hào kiệt hữu trí hữu tài. Ranh giới phân chia giữa thánh hiền và hào kiệt chính là ở đây.

Trong *Tả Truyện* có một câu chuyện, năm 626 TCN, Chu Tương Vương phái nội sử Thúc Phục đến nước Lỗ tham dự lễ tang. Công Tôn Ngao nghe nói Thúc Phục giỏi xem tướng, liền dẫn hai đứa con trai của mình là Cốc và Nan đến gặp y. Thúc Phục sau khi nhìn qua liền nói: “Đứa con trai tên

là Cốc của người có thể nuôi dưỡng chăm sóc người, ta xem ánh mắt của nó, tĩnh nhược hàm châu, động nhược mộc phát, hơn nữa dưới trán tròn đầy, con cháu của nó ắt sẽ thịnh vượng ở Lỗ quốc này. Còn vị công tử tên Nan sau này có thể an táng cho người”.

Cùng nhau xem “tà”

“Tĩnh nhược huỳnh quang”, ánh sáng của đom đóm phát ra trong đêm mùa hè tương đối yếu ớt, hơn nữa còn lập lòe bất định, vừa sáng lại tắt, cũng giống như con người có tính mà không có định lực (một trong ngũ lực của Phật giáo, bao gồm: tín lực, tinh tiến lực, niệm lực, định lực và tuệ lực).

“Động nhược lưu thủy”: đặc tính của dòng nước chính là trôi chảy bất định, trong mắt của con người, lúc đông lúc tây, nhấp nháy, rất có trí tuệ, song lại không thể giữ vững hành vi phẩm chất mãi mãi. Ánh mắt như thế phản ánh thế giới nội tâm của một người thuộc kiểu không ngừng tìm kiếm mục tiêu, nhìn trộm mục tiêu.

Do đó, người mà đôi mắt “Tĩnh nhược huỳnh quang, động nhược lưu thủy” nhất định là kẻ giỏi ngụy trang bên ngoài, bên trong ập ủ gian tâm. “Tĩnh nhược bán thủy” chính là như tĩnh như không, như ngủ như không, hai mắt nửa khép nửa mở, mở ra có thể quan sát mọi vật bên ngoài, nhắm lại thì tĩnh tâm suy nghĩ, vừa dưỡng thần vừa suy nghĩ vấn đề, dường như nhất cử lưỡng tiện, hiệu suất rất cao, rất biết sử dụng thời gian. Với loại người như thế này cũng cần lưu tâm.

“Động nhược hải lộ”: hoảng loạn bất an giống như con hươu sợ hãi. Vốn dĩ nửa tỉnh nửa ngủ như là đang dưỡng thần, song lại sợ bỏ qua mất thứ gì hay ho ngoài kia, do đó chỉ cần có ngọn gió thổi qua, ngọn cỏ lay động sẽ lập tức hé mắt, xem

cho bằng được. Vì vậy, gọi những người như vậy là biệt tài, tức là mặc dù có tài trí song không thể trước sau như một, kiên trì công đạo, dễ dàng lung lay.



Phạm Lãi: đại phu nước Việt thời cuối Xuân Thu, người nước Sở. Đi theo Việt Vương Câu Tiễn hơn 20 năm, vất vả giúp sức, cuối cùng tiêu diệt được Ngô vương, được phong làm thượng tướng quân. Sau cùng đổi tên họ, ẩn cư ở Đào, làm thương nghiệp, trở thành người vô cùng giàu có, hiệu là Đào Chu Công.



Vương Mãng: tự Cự Quân. Là người thành lập Tân vương triều. Là cháu họ của Nguyên đế hoàng hậu nhà Tây Hán. Xuất thân tương đối hàn uí, khiêm nhường, cung kính, tiết kiệm, cần cù học rộng. Thời Thành đế được phong làm Tân Đô hầu. Sau đầu độc hại chết Bình đế, năm kế tiếp lập Nhữ Tử Anh làm thái tử. Sơ sử nguyên niên (công nguyên năm thứ 8) xưng đế, đổi quốc hiệu là Tân.

Thanh trọc dữ trí

Ngũ hiền bất tiêu

Ở tiết trước chúng ta đã nói về “nhất thân tinh thần, cụ hồ lưỡng mục”, “thần” trong mắt, vẫn có sự phân biệt giữa “thanh” và “trọc”. Về điểm này chúng ta có thể dễ dàng phân biệt thông qua cuộc sống thực tế. Ví dụ, so sánh những học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường với những người đã bước ra, lăn xả ngoài xã hội vài năm, sẽ thấy sự khác biệt giữa họ, ánh mắt của những học sinh vẫn còn ngồi trên ghế nhà trường trong sáng thuần khiết, không tạp chất, còn những người đã lăn xả ngoài xã hội lại trở nên lão luyện với sự đời, thiếu sự thuần khiết vô tư kia.

Sự thanh trọc của đôi mắt trong y học có mối quan hệ mật thiết với trí ngu, hiền bất hiểu của con người. Ánh mắt sáng, trong, người này ắt thông minh trí tuệ, nhạy bén lanh lợi; ánh mắt u tối, nặng nề, người này ngu dốt, không biết động não.

Nhưng “thanh” lại phân thành hai loại tà và chính. Con người thông minh trí tuệ, không đồng nghĩa với phẩm hạnh cao thượng. Trong những người kiến thức nhanh nhạy, khả năng làm việc tốt, có những người phẩm chất cao thượng, cũng có những kẻ phẩm hạnh tồi tệ. Về điểm này thì cần phải phân biệt từ tà chính trong “thần”.

Do tà và chính hỗn độn trong “thanh”, tức là bất luận phẩm chất cao thấp, người đó đều rất thông minh, cũng rất có tài cán, bởi vì thông minh nên có bản lĩnh nguy tạo, vì vậy muốn phân biệt tà chính còn khó hơn cả so sánh, phân biệt

“thanh trọc”. Do đó, *Băng Giám* có nói rõ: “Thanh trọc dị biện, tà chính nan biện”.

Nhà thơ nổi tiếng thời Đường - Bạch Cư Dị đã từng viết bài thơ *Biện tài*, trong đó có câu: “Thảng sử đương sơ thân biện tử, nhất thân chân nguy hữu thù chi?” nói đến Vương Mãng qua đời trước khi chưa đoạt quyền, vậy thì sự chân thật, giả tạo một đời của y có ai biết được rõ. Cô của Vương Mãng là hoàng hậu nương nương, thời Thành đế, gia tộc Vương Thị phú quý hiển danh. Do cha của Vương Mãng là Vương Man mất sớm, chưa kịp phong hầu, để lại cô nhi quả phụ bị họ tộc bài trừ, lạnh nhạt. Sau khi Vương Mãng bắt đầu hiểu chuyện, liền nỗ lực học tập, kính trên nhường dưới, khiêm tốn, cần kiệm, tự khắc chế bản thân, tu thân dưỡng tính, không chỉ hiểu kính trưởng bối mà đồng thời còn kết giao cùng một vài danh sĩ bên ngoài. Thúc thúc của Vương Mãng là Đại Tư Mã Vương Phụng lâm trọng bệnh, con cháu Vương thị chỉ biết hưởng lạc vui chơi, duy có Vương Mãng “túc trực ở bên chăm sóc, bón thuốc, không rời giường bệnh suốt mấy tháng trời”. Mấy tháng sau, Vương Phụng khỏi bệnh, các vị đại thần có danh vọng lần lượt viết văn tán tụng, khen ngợi Vương Mãng, Đại Tư Mã Vương Phụng đương nhiên cũng ra sức giới thiệu, đề bạt, hoàng thượng liền phong Vương Mãng làm tân đô hầu. Sau khi phong hầu, Vương Mãng càng hết mực khiêm tốn, cung kính, làm việc thận trọng, không lâu sau được thăng chức Đại Tư Mã, tổng giám triều chính. Y ngày càng coi trọng hình tượng và thanh danh của mình. Mẹ của y lâm bệnh, các đại thần đều cử phu nhân đến nhà thăm hỏi. Còn vợ của Vương Mãng lại mặc bộ y phục hết sức tầm thường, ăn vận trông giống như một người hầu, khiến cho những vị phu nhân cao

quý kia lại tưởng là người hầu kẻ hạ, đến khi biết được là vợ của Vương Mãng, ai nấy đều hết sức kinh ngạc.

Người đời sau đọc sử, biết được Vương Mãng vì để che giấu dã tâm của mình mà vờ vĩnh, ngụy tạo, người thời đó lại bị mê hoặc bởi vẻ cung kính, khiêm nhường, cần kiệm, biết khắc chế bản thân, chăm lo việc triều chính của y.

Nhưng Bành Tuyên - Tư Không mới nhậm chức sau khi tiếp xúc với Vương Mãng, đã nói với con trai cả của mình rằng: “Vương Mãng thần thanh diện lang, khí túc, song trong thần có chút gian tà, quỷ quyết, sau khi quyền lực đủ mạnh rất có thể sẽ gây ra chuyện. Ta không muốn dựa dẫm vào hắn, bây giờ chức quan này không làm cũng được”. Sau đó y bịa ra lý do, từ quan.



Lưu Tú: Quang Vũ đế nhà Đông Hán, người sáng lập vương triều Đông Hán. Là cháu đời thứ 9 của Hán Cao Tổ Lưu Bang. Trong cuộc khởi nghĩa phản đối chính quyền Vương Mãng ông gia nhập lực lượng quân. Sau khi lập đại công trong trận Côn Dương, thanh danh vang dội, cuối cùng xưng đế, thành lập nhà Đông Hán, hoàn thành đại nghiệp thống nhất.

Sau này chứng thực, khả năng nhìn người này của Bành Tuyên đích thực rất lợi hại. “Thần thanh diện lang”, nói rõ sự thông minh hiển hiện ra ngoài, không phải là một nhân vật tầm thường; trong thần lại có chút tà ác, gian xảo, ý nói làm người tâm thuật bất chính, ẩn giấu ý đồ đen tối, gian xảo.

Nếu như Vương Mãng qua đời khi vừa mới thành danh, ai ai cũng đều biết đến, hậu nhân sẽ đời đời cung kính y như một vị thánh hiền.

Do “đôi mắt là cửa sổ tâm hồn”, vì thế, con người luôn xuất phát từ đôi mắt để phân biệt “thanh trọc” và “tà chính”.



Ngũ Viên: tự Tử Tư, người nước Sở, cha và anh của ông bị Sở Bình vương giết hại, ông liền trốn sang nước Ngô. Ngô vương Hạp Lư trọng dụng ông, thế nước ngày càng được cường mạnh. Sau khi Hạp Lư chết, Phu Sai diệt nước Việt. Phu Sai tin lời gièm pha của thái tử Bỉ vốn bị người nước Việt hối lộ, ban chết cho Ngũ Tử Tư.

Quan nhân thân dĩ thức nhân **(Quan sát ánh mắt để nhìn người)**

Quan sát ánh mắt khi nhìn nhận một người, Mạnh Tử đã nói rất rõ về điều này: “Tồn hồ nhân giả, mạc lương vu mâu tử, mâu tử bất năng yểm kì ác. Hung trung chính, tắc mâu tử liễu yên; hung trung bất chính, tắc mâu tử chấp yên. Thính kì ngôn, quan kì mâu tử, nhân yên hữu tai?” liễu là minh châu (con người) sáng, hữu là minh châu không sáng. Từ phản ứng của ánh mắt chúng ta đã có thể biết được nội tâm là chính hay bất chính. Khi chúng ta vừa lắng nghe âm thanh, vừa quan sát, người tâm khẩu bất nhất, ánh mắt u tối, nhấp nháy, còn người tâm khẩu như một, ánh mắt sáng ngời. Bằng cách quan sát kĩ con mắt, chúng ta có thể phán đoán chính tà, cương nhu, chân giả của con người,

Trong câu nói trên của Mạnh Tử, ít nhất có hai tầng hàm ý:

Một là, tục ngữ nói: ngôn vi tâm thanh. Thực ra đôi mắt của con người càng thể hiện chân thực nhất thiện ác trong tâm người đó, chính là “mâu tử bất năng yểm kì ác”. Trong lòng chính đại vô tư, không ấp ủ gian kế xảo trá, đôi mắt ắt tự nhiên sáng; trong lòng có mưu mô tính toán, không toàn tâm toàn ý, đôi mắt tự khắc chuyển động bất định, hơn thế ánh mắt còn không thuần khiết.

Hai là, phải kết hợp quan sát lời nói và ánh mắt khi nói của một người mới có thể thật sự quan sát được nội tâm của người đó, chính là khảo sát kết hợp động tĩnh và biện chứng động thái, như vậy, “nhân yên hữu tai”, “hữu” nghĩa “ẩn giấu”, chính là con người làm sao có thể giấu được suy nghĩ thật sự trong lòng đây?



Văn Chung: đại phu nước Việt thời cuối Xuân Thu, người nước Sở. Sau khi nước Việt bị nước Ngô công phá, Văn Chung hồi lộ thái tể Bì, mới tránh được mất nước. Ông chủ trì đất nước trong thời gian mấy năm khi Câu Tiễn làm con tin ở nước Ngô và giúp đỡ Câu Tiễn tiêu diệt nước Ngô. Sau này vì lời gièm pha mà bị giết.

III. “Thần” tồn vu tâm (Thần tồn tại trong chính tâm)

Phàm tinh thần, đầu tẩu xử dị kiến, đoạn tục xử nan kiến. Đoạn giả xuất xử đoạn, tục giả bế xử tục. Tiểu tâm giả, tông kì tổ bất liễu xử khan chi; đại đảm giả, tông kì tổ liễu xử khan chi.

Nguyên văn

Phàm tinh thần, đầu tẩu xử dị kiến, đoạn tục xử nan kiến⁽¹⁾. Đoạn giả xuất xử đoạn, tục giả bế xử tục⁽²⁾. Đạo gia sở vị “thu thập nhập môn” chi thuyết⁽³⁾, bất liễu xử khan kì thoát lược, tổ liễu xử khan kì châm tuyến⁽⁴⁾. Tiểu tâm giả,

⁽¹⁾ Phàm tinh thần, đầu tẩu xử dị kiến, đoạn tục xử nan kiến: “Đầu tẩu”: Vốn chỉ tinh thần hưng phấn, ở đây là chỉ sự ngăn ngủi của việc cố tình tỏ ra về phần chán, cố làm ra vẻ. “Đoạn”: Chỉ trạng thái khi mà cố tình tỏ ra hưng phấn nhưng lực lại không thể tiếp tục. “Tục”: Chỉ tinh thần hưng phấn xuất phát từ tự nhiên, không có suy nghĩ cố làm ra vẻ, lực lại trước sau bất tuyệt (không hề biến mất), thần hữu dư, do đó có thể duy trì lâu chứ không biến mất trong khoảng thời gian ngắn. Cái mà chúng ta gọi là “tục xử” là chỉ trạng thái mà có sự hưng phấn tự nhiên, lực có thể giữ lâu được. Ý của ba câu này là: quan sát, nhận biết trạng thái tinh thần của con người, người mà chỉ là ở đó cố tình làm ra vẻ hưng phấn, dường như lại thật sự hưng phấn tinh thần, cũng có nghĩa là nói, ranh giới giữa giả vờ hưng phấn và thật sự hưng phấn rất khó phân biệt, nhận biết.

⁽²⁾ Đoạn giả xuất xử đoạn, tục giả bế xử tục: “Đoạn” chỉ “thần” bị đứt trong khi cố làm ra vẻ hưng phấn, chỉ trạng thái trước sau không thể nối tiếp nhau. “Xuất” chỉ cố tình làm ra vẻ hưng phấn và biểu lộ ra ngoài. “Tục” chỉ trạng thái sự hưng phấn bị đứt đoạn lại khôi phục lại từ đầu. “Bế” chỉ tinh thần tự nhiên mà sinh ra và hàm chứa bên trong. Ý của hai câu này là: Tinh thần bất túc (không đủ) là do cố tình làm ra vẻ hưng phấn mà biểu hiện ra ngoài; tinh thần hữu dư (có thừa) là do nó được sinh ra tự nhiên và hàm chứa bên trong.

⁽³⁾ Cách nói “thu thập nhập môn” của đạo gia: “Thu thập” ở đây mang nghĩa giải thoát, thoát khỏi. *Tây Sương Kí* có ghi: “Tất bải liễu khiên quải, thu thập liễu ưu sâu” (buông bỏ bận tâm, giải thoát ưu sầu), cách nói “thu thập nhập môn” chính là cách dưỡng khí luyện tính của đạo gia với nội dung chủ yếu là vứt bỏ tạp niệm, lấy tĩnh đợi động.

⁽⁴⁾ Bất liễu xử khan kì thoát lược, tổ liễu xử khan kì châm tuyến: “Bất liễu xử” là chỉ vẫn chưa “thu thập nhập môn”, tức là khi vẫn chưa vứt bỏ tạp niệm, không thể lấy tĩnh đợi động. “Thoát lược”: Coi nhẹ, không bị bó buộc. “Tổ liễu xử” là chỉ đã “thu thập nhập môn”, chính là khi đã vứt bỏ được tạp niệm, có thể lấy tĩnh đợi động. “Châm

tòng kì tố bất liễu xử khan chi, sơ tiết khoát mục, nhược bất kinh ý, sở vị thoát lược dã⁽¹⁾. Đại đảm giả, tòng kì tố liễu xử khan chi, thận trọng chu mật, vô hữu cấu thả, sở vị châm tuyến dã⁽²⁾. Nhị giả thực khan hướng nội xử, sảo di ngoại tiện lạc tình thái hĩ⁽³⁾, tình thái dị kiến.

Bản dịch

Thông thường, khi quan sát nhận biết trạng thái tinh thần của một người, kiểu người giả vờ thì tương đối dễ để phân biệt, còn kiểu người mà có vẻ như đang cố tình tỏ ra phần chân ở kia, thì rất có khả năng thật sự tinh thần phần chân, thì lại khó

tuyến” có nghĩa là tinh tế tỉ mỉ. Ý của hai câu này là: khi vẫn chưa vứt bỏ được tạp niệm, không thể lấy tĩnh đợi động thì phải tập trung xem sự thoải mái không bị gò bó của con người, trối buộc; khi đã vứt bỏ tạp niệm, có thể lấy tĩnh đợi động rồi thì tập trung quan sát sự tinh tế tỉ mỉ của họ.

⁽¹⁾ Tiểu tâm giả, tòng kì tố bất liễu xử khan chi, sơ tiết khoát mục, nhược bất kinh ý, sở vị thoát lược dã: “Tiểu tâm giả” chỉ người cẩn thận. “Sơ tiết khoát mục”: Qua loa đại khái, không tinh tế, không chu đáo. “Nhược bất kinh ý”: bất luận làm việc gì cũng có vẻ không bận tâm, không màng tới. Ý của năm câu này là: đối với người tỉ mỉ thận trọng, phải quan sát anh ta từ khi chưa bài trừ được tạp niệm, chưa thể lấy tĩnh đợi động, như thế mới có thể phát hiện ra, họ càng cẩn thận thì cứ chỉ lại càng không tinh tế, thiếu sự chu đáo, họ càng thận trọng thì cứ chỉ càng có vẻ như không bận tâm, không để ý tới. Kiểu trạng thái tinh thần này chính là cái mà chúng ta gọi là không bị bó buộc.

⁽²⁾ Đại đảm giả, tòng kì tố liễu xử khan chi, thận trọng chu mật, vô hữu cấu thả, sở vị châm tuyến dã: “Đại đảm giả”: Chỉ người thẳng thắn hào phóng. “Cấu thả”: Không chăm chỉ, không nghiêm túc. Ý của năm câu này là: Đối với người thẳng thắn, hào phóng thì phải quan sát họ khi họ đã loại bỏ tạp niệm, có thể lấy động đợi tĩnh, như thế mới có thể phát hiện ra, họ càng thẳng thắn thì cứ chỉ càng tỉ mỉ, họ càng hào phóng, cứ chỉ càng cẩn thận, không chút cấu thả. Kiểu trạng thái tinh thần này chính là cái mà chúng ta gọi là tinh tế tỉ mỉ.

⁽³⁾ Nhị giả thực khan hướng nội xử, sảo di ngoại tiện lạc tình thái hĩ: “Nhị giả”: chỉ “thoát lược” và “châm tuyến” mà chúng ta nhắc đến ở trên, cả hai đều thuộc vào phạm trù “thần”, chỉ là cái phía trước là “thần bất túc”, phía sau là “thần hữu dư”. “Khan hướng nội xử”: Tồn tại trong thế giới nội tâm. “Lạc”: trở thành, biến thành. Ý của ba câu này là: “Thoát lược” và “châm tuyến” hai kiểu trạng thái tinh thần này, trên thực tế đều tồn tại trong thế giới nội tâm, nhưng chỉ cần hơi biểu lộ ra ngoài, chúng lập tức sẽ biến thành tình thái, mà tình thái là thứ tương đối dễ nhận biết.

để nhận biết, phân biệt. Tinh thần bất tức, cho dù cố làm ra vẻ phần chân và thể hiện điều đó ra ngoài, song đặc trưng của bất tức thì không thể che giấu được. Còn tinh thần hữu dư thì lại do nó tự nhiên bộc lộ ra ngoài và hàm chứa bên trong. Đạo gia nói “thu thập nhập môn” là nói về việc quan sát “thần”, nội dung chủ yếu là: vẫn chưa có “thu thập nhập môn”, phải tập trung quan sát cái “khinh mạn bất câu” (không bị gò bó trói buộc) của con người, đã “thu thập nhập môn” thì phải quan sát sự tinh tế, tỉ mỉ của con người. Đối với những người cần trọng thì phải bắt đầu quan sát từ khi chưa “thu thập nhập môn”, như vậy mới có thể phát hiện, càng là người cần thận thì cử chỉ hành vi lại càng không tinh tế, thiếu sự tỉ mỉ, dường như không bận tâm, không màng đến, kiểu trạng thái tinh thần như thế chính là cái mà chúng ta gọi là “khinh mạn bất câu”; đối với kiểu người thẳng thắn hào phóng, phải bắt đầu quan sát từ khi đã “thu thập nhập môn”, như thế có thể phát hiện ra, càng thẳng thắn hào phóng thì nhất cử nhất động càng thận trọng, chu toàn, làm việc gì cũng không hề cẩu thả. Kiểu trạng thái tinh thần như thế này trên thực tế đều tồn tại trong thế giới nội tâm nhưng chỉ cần hơi bộc lộ ra ngoài, ngay lập tức sẽ biến thành tình thái (tình cảm biểu lộ trên sắc mặt), mà tính thái thì lại dễ dàng trông thấy hơn.



Hoắc Quang: danh thần nhà Tây Hán, em trai Hoàn hầu Hoắc Khứ Bệnh. Làm Quang Lộc đại phu (chức quan thời nhà Hán) ra vào cung suốt hơn 20 năm, làm việc hành sự tỉ mỉ thận trọng, được Vũ đế hết sức tín nhiệm. Sau khi Vũ đế băng hà, phò tá hoàng đế hai đời. Trong thời gian chấp chính, miễn giảm tô thuế, khôi phục việc hòa thân với Hung Nô, lịch sử gọi ông là “bách tính sung thực, tứ di tân phục” (bách tính no đủ, tứ di khâm phục (Tứ di là cách gọi của Trung Quốc thời xưa với các dân tộc người ở tứ phía, bao gồm: đông di, bắc địch, tây nhung, nam man).



Trang Tử: họ Chu, nhà tư tưởng, người kế thừa phát huy đạo gia thời trung kì Chiến Quốc. Người Mông nước Tống, từng làm tiểu lại Tắt Viên, gia cảnh nghèo khó, nhưng học vấn uyên bác, coi nhẹ quyền quý. Tác phẩm nổi tiếng Trang Tử gồm 33 bài, có giá trị nghiên cứu cao với triết học, văn học.

Nhân chi chân cá tính
(cá tính thật của con người)

Phía trước chúng ta đã nói đến vị trí quan trọng hàng đầu của “thần” trong việc nêu ra những điểm chính trong quá trình quan sát con người, bây giờ chúng ta tiếp tục bàn về tình trạng của “thần” tồn tại trong tâm, chính là thông qua hoạt động nội tâm để quan sát “thần”.

Thông thường, tinh thần của con người, khi nhìn từ ngoài vào có thể chia thành hai loại, một là tự nhiên bộc lộ ra ngoài, một là miễn cưỡng giả vờ. Tự nhiên bộc lộ ra ngoài là chỉ do được nhìn hoặc cảm nhận thấy mà bộc phát ra, hoàn toàn xuất phát từ bản chất tự nhiên trong tâm mình, thể hiện ra tình thái cử chỉ tự nhiên, tình ý chân thành, thân thiết, tuyệt đối không hề làm bộ làm tịch, tương tự nhiên. Miễn cưỡng làm ra vẻ thì đối lập với bộc lộ tự nhiên.

Người có kinh nghiệm cuộc sống phong phú, rất dễ có thể nhìn ra ở họ là tình cảm chân thật sâu sắc hay cố làm ra vẻ. Mặc dù tình cảm và trạng thái tinh thần của con người có những biểu hiện khác nhau, có thể sẽ mang tới phiền phức cho việc phân biệt thật giả của “thần”, song tổng hợp lại tất cả mọi biểu hiện ngôn ngữ, hành vi cử chỉ của con người, thì ta hoàn toàn có thể quan sát thật giả của “thần”.

Trước đây, khi lần đầu tiên Hạng Vũ trông thấy Tần Thủy Hoàng uy nghiêm hùng dũng, nhất thống thiên hạ, đã lớn tiếng than rằng: “Ta có thể thay thế Tần Thủy Hoàng”, từ đó có thể thấy được cá tính thật của Hạng Vũ - bộc trực, thẳng thắn lại to gan dũng cảm hoặc lỗ mãng liều lĩnh. Còn Lưu Bang khi nhìn thấy Tần Thủy Hoàng lại nói: “Đại trượng phu

thì phải như thế này” thần tình trong hai câu nói hoàn toàn khác nhau, song từ đó lại có thể thể hiện rõ một cách chân thực hoạt động nội tâm và cá tính của họ, so sánh với Hạng Vũ, Lưu Bang hàm xúc và uyển chuyển hơn nhiều.

Quan sát, nhận biết con người trong giao tiếp ngoài xã hội, trên thực tế chính là một quá trình từ ngoài vào trong, từng bước theo trình tự. Khi quan sát trạng thái tinh thần của con người cũng giống như vậy, bắt đầu từ tình thái cử chỉ bên ngoài rồi đi thăm dò, tìm hiểu tinh thần khí chất được ẩn giấu bên trong, nhìn thấy hoạt động chân thực ở nơi sâu nhất của tâm hồn họ. Mặc dù quá trình này có tính thần bí, không dấu hiệu báo trước, vô thanh vô tức, vô sắc vô vị, vô hình vô trạng, song vẫn có nguyên lý nhất định để tuân theo chứ không phải là một tòa nhà không móng, gió thông động trống.

Tự nhiên lưu lộ thị chân (cái tự nhiên thể hiện, bộc lộ ra ngoài là cái chân thật)

Cái thể hiện bên ngoài của tinh thần con người, giống như ở trên đã nói, có sự phân biệt giữa tự nhiên biểu lộ ra và miễn cưỡng giả vờ hưng phấn. Phàm những thứ thuộc về tự nhiên đều xuất phát từ sự chân thành, không hề cố làm ra vẻ, do đó khí chung bất tước (khí trước sau không biến mất), thể hiện ra ngoài được duy trì lâu bền, như vậy “thần” tự nhiên sẽ hữu dư, vì thế gọi là “tục”. Còn những thứ miễn cưỡng làm ra vẻ thì thiếu sự chân thành, do đó thứ đầy khí bất tước (ở đoạn cuối khí không đủ), hưng phấn trong thời gian ngắn, “thần” tự nhiên bất tước, vì thế gọi là “đoạn”.

“Phàm tinh thần đầu tẩu sở, dị kiến”: ý muốn nói, một khi

tinh thần hưng phấn thì bất luận là chân tình bộc lộ hay cố ý giả tạo, khi nó hiển hiện, ta đều có thể thấy được sự hưng phấn ấy; song đó lại không phải trạng thái thật của “thần” của một người, trạng thái như vậy không toàn diện, mà là phiến diện, chúng ta bắt buộc phải kết hợp với một kiểu trạng thái khác - “đoạn xử” thì mới có thể phát hiện được trạng thái thật sự của “thần”, sự khác biệt giữa tự nhiên biểu lộ và cố tình làm ra vẻ cần được đặt trong động thái (trạng thái động) thì mới có thể phân biệt chính xác, tức là tiến hành giám sát, phân biệt thật giả ở “đoạn tục chi xử”.

Trong *Tả Truyện* có một câu chuyện kể về Tống Nguyên Công mở tiệc mời đại phu Thúc Tôn Chiêu Tử của Lỗ quốc, rượu uống say sưa, hai người vừa uống vừa nói chuyện, rồi đột nhiên òa khóc. Khi đó đi cùng tới còn có Lạc Kì, y nói với người khác: “Chỉ e Quốc vương và Thúc Tôn Chiêu Tử không qua nổi năm nay. Tôi nghe nói, lúc lẽ ra phải đau buồn mà lại vui vẻ, hoặc lúc lẽ ra phải vui vẻ lại bi thương đều là biểu hiện của việc mất đi tâm trí. Tinh thần hưng phấn mới có hồn phách, bây giờ hồn phách của họ đều không còn nữa rồi, làm sao có thể sống lâu dài nữa chứ?” cũng chính trong năm đó, Thúc Tôn Chiêu Tử và Tống Nguyên Công lần lượt qua đời.



Tần Thủy Hoàng (Doanh Chính):
Là con trai của Tần Trang Tương Vương. Sau khi đích thân cai trị quốc chính, ông tiến hành thay đổi luật pháp, cải cách, khích lệ làm nông, chiến tranh, lựa chọn người tài đảm nhiệm các chức vụ, nước giàu binh mạnh. Trải qua mười năm chiến tranh, cuối cùng cũng nhất thống sáu nước, xây dựng nên nhà nước trung ương tập quyền phong kiến đa dân tộc đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc.

Thu thập nhập môn

“Thu thập nhập môn” là đạo lý tu thân dưỡng tính của Đạo gia, nội dung chủ yếu là vứt bỏ tạp niệm, tâm địa thuần túy vô vật, lấy tĩnh đợi động, súc thể nhi phát (tập trung tích trữ thể rồi phát ra). Con người muốn sinh tồn, nhất định phải thỏa mãn những nhu cầu sinh lý cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại thì mới nói đến việc tiếp tục phát triển. Nhưng phải đối diện thể nào với dục vọng, mỗi người đều có một chủ trương riêng, chính là cái mà chúng ta gọi là “nhân giả kiến nhân, trí giả kiến trí”. Đạo gia phản đối tung dục (thả lỏng dục vọng), cũng phản đối cấm dục (cấm mọi dục vọng), mà chủ trương “thiểu tư quả dục” (ít suy nghĩ, dục vọng riêng). Đạo gia cho rằng,

dục vọng của con người là không đáy, khó mà lấp đầy, con người luôn có dục niệm theo đuổi không ngừng nghỉ danh lợi, tham tài hám lợi, đây là chuyện không hề tốt cho dù là với cá nhân hay với toàn xã hội. Do đó, Đạo gia chủ trương “thiểu tư quả dục”. Đây là một trong những nội dung quan trọng của Đạo gia về luyện tính (rèn luyện tính cách). Một trong những bí quyết dưỡng sinh của Đạo gia là “tĩnh”. “Tĩnh” có hai tầng cảnh giới: tầng thứ nhất là hư tĩnh của tâm ý, tầng thứ hai là “lấy tĩnh đợi động”. Đây là một loại động không ngừng sinh sôi, một loại động của sinh kế (sức sống) thật sự.

“Tĩnh” này càng quan trọng hơn trong dưỡng sinh học của Trung Quốc. Trên thực tế Phật học cũng coi trọng tĩnh. Tĩnh thì nhân mới định, định mới có thể sinh tuệ, có tuệ mới có thể lĩnh hội những điều diệu kì của huyền cơ, những đạo lý lớn của trời đất.

Tiểu tâm giả với đại đảm giả (kẻ nhút nhát với kẻ dũng cảm)

“Tiểu tâm giả” chính là kiểu người cẩn trọng, suy nghĩ chu toàn, tỉ mỉ, có tâm khí rất cao, thường có khuynh hướng cho rằng trong thiên hạ không ai bằng mình, song lại có một nhược điểm rõ rệt - dễ nhụt chí, khó mà trải qua được sự kích động khi thất bại liên tiếp, đây là điểm khác nhau với những người dũng cảm. Do đó, chúng ta quan sát họ từ những việc họ không làm được thì có thể thấy được trạng thái tinh thần nội tâm tương đối chân thực.

“Đại đảm giả, tông kì tổ liễu chi khan chi”. Nếu là người qua loa đại khái, thì cho dù họ đã hoàn thành công việc rồi đi

chẳng nữa thì cũng đã bỏ qua nhiều tiểu tiết quan trọng, đây chính là một loại thất bại vô hình; người dũng cảm, tỉ mỉ, chau chuốt, khi dũng cảm tiến lên phía trước, họ sẽ quan sát, chú ý cẩn thận đến những thay đổi, biến hóa nhỏ nhất của sự vật xung quanh, từ những chỗ nhỏ nhất như thể phát hiện ra những thứ rất có khả năng bị lọt sàng, từ đó bảo đảm mọi khâu của sự việc không hề xảy ra sai sót.

Có thể quan sát kĩ một người từ cả hai mặt lớn và nhỏ, phát hiện tài năng, kiến thức thật sự của họ, như vậy sẽ không dễ để xảy ra sai sót.



Tây Môn Báo: làm Nghiệp lệnh thời Ngụy Văn Hầu thời kì Chiến Quốc⁽¹⁾
Ông là nhà chính trị, nhà quân sự nổi tiếng, ông từng đứng lên chủ trì việc trị thủy sông Chương Hà, trị tận gốc nạn lũ lụt ở con sông này, phát triển sản xuất nông nghiệp. Ông còn thi hành chính sách “Ngụ binh ưu nông, tàng lương ưu dân” (gửi binh ở nông, tàng trữ lương thực từ người dân) khiến cho Nghiệp thành dân giàu binh mạnh.

⁽¹⁾ Nghiệp: tên đất cổ, ở phía bắc An Dương, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Tây Môn Báo là huyện lệnh của vùng đất này.

IV. Quan cốt sát nhân (quan sát cốt (xương) để nhận biết con người)

Cốt hữu cửu khởi: tại đầu, dĩ thiên đình cốt, chẩm cốt, thái dương cốt vi chủ; tại diện, dĩ mi cốt, quyền cốt vi chủ. Ngũ giả bị, trụ thạch chi khí.

Nguyên văn

Cốt hữu cửu khởi⁽¹⁾: thiên đình cốt long khởi⁽²⁾, chẩm cốt cường khởi⁽³⁾, đỉnh cốt bằng khởi⁽⁴⁾, tá xuyên cốt giác khởi⁽⁵⁾, thái dương cốt tuyến khởi⁽⁶⁾, mi cốt

⁽¹⁾ Cốt hữu cửu khởi: “Khởi”: trạng thái. Tiết này chủ yếu luận về quý cốt. Cửu quý cốt bao gồm: Xương Thiên đình, xương chẩm, xương đỉnh, xương Tá xuyên, xương thái dương, xương mi, xương mũi, xương gò má và xương hạ hàm. Ý của câu này là: cửu quý cốt có chín kiểu trạng thái, tư thế phát triển khác nhau.

⁽²⁾ Thiên đình cốt long khởi: Thiên đình cốt: nằm ở vị trí bên dưới chân tóc. Tư thế đầy đặn mà nhô lên mới là tướng quý, nhưng không được nhô hẳn lên như hình chữ Đột (chữ Trung Quốc có nghĩa là lồi lên). Ý của câu này là: xương Thiên Đình đầy đặn mà nhô là người có tướng quý.

⁽³⁾ Chẩm cốt cường khởi: Xương chẩm nằm ở phía sau dưới hộp sọ, một phần nhỏ tham gia cấu tạo vòm sọ, còn phần lớn tham gia tạo thành nền sọ. Khỏe mạnh, đầy đặn vững chắc mà lộ rõ. Chất xương của xương chẩm đầy đặn, chắc chắn, xương này càng hiện rõ thì tướng càng quý. Ý của câu này là: người có xương chẩm chắc chắn, hiện rõ là người có quý tướng.

⁽⁴⁾ Đỉnh cốt bằng khởi: Xương đỉnh là một mảnh xương hình vuông hơi lồi, tạo thành phần giữa vòm sọ, xương đỉnh có hai mặt. Bằng: ngay ngắn mà không nhô lên. Xương đỉnh ngay ngắn là quý. Ý của câu này là: người có xương đỉnh ngay ngắn và không nhô mới có quý tướng.

⁽⁵⁾ Tá xuyên cốt giác khởi: Xương Tá xuyên chính là phần xương phía trên Thái Dương nhô lên. Giác: ở đây là chỉ hình sừng trâu, sừng dê. Ý của câu này là: quý tướng của xương tá xuyên là đỉnh xương nghiêng lên trên cắm về phía chân tóc, hình dáng giống như chiếc sừng.

⁽⁶⁾ Thái dương cốt tuyến khởi: Nằm ở hai bên hộp sọ, khớp với xương đỉnh, xương bướm, xương gò má và xương chẩm. Phần lớn ở nền sọ, chỉ có một phần nhỏ nằm ở vòm sọ. Tuyến: ở đây là chỉ đường thẳng lên trên, tới tận chân tóc. Quý tướng của xương thái dương là phải mỏng mà hiện rõ. Ý của câu này là: xương thái dương kéo thẳng lên trên là người có quý tướng.

phục tê khởi⁽¹⁾. Tị cốt nha khởi⁽²⁾, quyền cốt nhược bất đắc nhi khởi⁽³⁾, hạng cốt bằng phục khởi⁽⁴⁾. Tại đầu, dĩ thiên đình cốt, chấm cốt, thái dương cốt vi chủ⁽⁵⁾; tại diện, dĩ mi cốt, quyền cốt vi chủ⁽⁶⁾. Ngũ giả bị, trụ thạch chi khí dã⁽⁷⁾; nhất tắc bất cùng⁽⁸⁾; nhị tắc bất tiện, tam tắc động lữ sảo thắng⁽⁹⁾, tứ tắc quý hĩ.

⁽¹⁾ Mi cốt phục tê khởi: Xương mi chính là xương cạnh lông mày. Phục: bằng mà ấn. Tê: sừng tê giác. Mi hợp với khung xương mà không lộ, thấp thoáng như sừng tê giác nằm ngay ngắn, nếu không, cao mà lộ thì làm bừa, thấp mà lõm thì gian tà. Ý của câu này là: quý tướng của xương mi là phải khớp mà không lộ, thấp thoáng như sừng tê giác nằm phục ngay ngắn.

⁽²⁾ Tị cốt nha khởi: Xương mũi là một mảnh xương nhỏ hình vuông, hai xương hai bên gặp nhau ở đường giữa, tạo nên phần xương của mũi ngoài. Xương mũi từ niên thọ lên sơn căn, lên cả ấn đường, trung chính. Nha: ở đây chỉ cao, mọc thẳng lên như mầm lau mầm trúc. Xương mũi phải cao, thẳng. Ý của câu này là: Cốt tướng của xương mũi là phải cao, thẳng giống như mầm lau mầm trúc.

⁽³⁾ Quyền cốt nhược bất đắc nhi khởi: Xương gò má nằm ở dưới hai mắt trên khuôn mặt. Nhược bất đắc nhi khởi: ý chỉ có lực có thể, không lộ cũng không lõm, không nhọn cũng không bằng, không lệch không ngược. Ý của câu này là: quý tướng của xương gò má là phải có lực có thể, không lộ cũng không lõm.

⁽⁴⁾ Hạng cốt bằng phục khởi: Phần xương này ở sau cổ, dưới liền với xương vai, trên nối với xương đầu. Hạng hữu dư nhục: xương có nhiều thịt, ngay ngắn mà không lồi ra là đại quý. Ý của câu này là: người có loại xương này ngay ngắn, dày, chắc, không hiển cũng không lộ là người có quý tướng.

⁽⁵⁾ Tại đầu, dĩ thiên đình cốt, chấm cốt, thái dương cốt vi chủ: các bộ phận trên đầu có phân chủ thứ, tức là có bộ phận đóng vai trò then chốt mang tính quyết định, có bộ phận lại đóng vai trò phụ trợ, không phải then chốt. Ý của câu này là: cốt tướng của phần đầu chủ yếu xem ở ba phần chính là thiên đình, xương chấm và xương Thái dương.

⁽⁶⁾ Tại diện, dĩ mi cốt, quyền cốt vi chủ: ý là cốt tướng ở phần mặt, chủ yếu xem xương mi và xương gò má - là hai phần đóng vai trò then chốt.

⁽⁷⁾ Ngũ giả bị, trụ thạch chi khí dã: Ngũ giả: chỉ xương Thiên đình, xương chấm, xương Thái dương, xương mi và xương gò má mà chúng ta vừa nhắc ở trên. Trụ thạch chi khí: trụ cột, rường cột của nước nhà. Ý của câu này là: nếu có đầy đủ tương đối hoàn chỉnh cả năm cốt tướng trên, thì người này nhất định sẽ trở thành trụ cột của nước nhà.

⁽⁸⁾ Nhất tắc bất cùng: Nhất: đây là câu tỉnh lược phần phía trước, nói đầy đủ là: “nhất giả bị”, tức là nếu trong năm loại cốt tướng trên chỉ có đầy đủ một loại. “Nhị”, “tam”, “tứ” trong các câu sau cũng tương tự. Ý của câu này là: nếu chỉ có đầy đủ một trong năm loại cốt tướng trên thì người này không nghèo khó, bần cùng.

⁽⁹⁾ Tam tắc động lữ sảo thắng: Động lữ: hành động, làm việc. Sảo: dần dần. Thắng: ở đây chỉ phát đạt. Ý của câu này là: nếu có đầy đủ ba trong năm loại cốt tướng trên, thì cần có chút thành tích ắt sẽ từ đó phát triển đi lên.

Bản dịch

Thể của cửu quý cốt (chín loại xương) khác nhau: xương Thiên đình đầy đặn, xương chẩm chắc chắn lộ rõ, xương đỉnh ngay ngắn và nhô lên, xương Tá xuyên giống như chiếc sừng nghiêng nghiêng hướng lên trên, thẳng tới chân tóc; xương thái dương thẳng lên trên, khung xương mi rõ nhưng không lộ, thấp thoáng như sừng tê giác nằm ngay ngắn ở đó, xương mũi giống mầm lau mầm trúc, đâm thẳng nhô lên, xương gò má có lực lại có thể, không lõm xuống cũng không lộ, xương đỉnh bằng, chắc, dày, lại càng rõ thì càng lộ ra. Xem cốt tướng phần đầu chủ yếu phải xem ba phần quan trọng mẫu chốt là Thiên đình, xương chẩm, xương Thái dương; xem cốt tướng trên khuôn mặt thì chủ yếu tập trung xem xương mi và xương gò má. Nếu năm loại cốt tướng trên đều hoàn mỹ, người này nhất định là nhân tài, rường cột của quốc gia; nếu chỉ có đầy đủ một trong năm loại đó thì người này cả đời không nghèo khó; nếu có đầy đủ hai loại thì cả đời không chịu cảnh hèn mọn, ti tiện; nếu có đầy đủ ba loại thì chỉ cần có chút thành tích sẽ lập tức phát triển rất tốt, nếu có đầy đủ bốn loại, người này nhất định hiển quý.



Ngô Khởi: nhà chính trị, quân sự thời Chiến Quốc. Có tài năng trị quốc lại giỏi dụng binh. Ông có thể đồng cam cộng khổ với binh sĩ của mình, thậm chí còn dùng miệng hút mủ cho tướng sĩ của mình. Sau này khi nước Sở thay đổi, do đắc tội quý tộc cũ mà bị giết.

Cửu quý cốt

Tiết này tập trung bàn luận về “cửu quý cốt”.

Người xưa xem lai lịch của một người hết sức coi trọng cốt tướng, đặc biệt là dị cốt ở phần đầu, sách có nói: “đầu vô dị cốt, nan thành quý tướng” (phần đầu không có dị cốt thì khó có quý tướng). Dị cốt chính là cửu quý cốt mà chúng ta nói tới ở phần này. Cửu quý cốt đều nằm ở phần đầu, tiết một sách này có nói tới: “nhất thân cốt tướng, cụ hồ diện bộ”.

Nghe nói Viên Thiên Canh khi mới 16, 17 tuổi mặc dù võ nghệ giỏi song lại không có đất dụng võ, đành dựa vào bán bánh nướng mà mưu sinh. Một hôm, y gấp bánh nướng ra rao

bán ở chợ, có một lão nhân⁽¹⁾ chống gậy đi qua người y. Nói kể ra cũng lạ, lão nhân dừng lại trước mặt y, xem xét Viên Thiên Canh kĩ lưỡng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải. Viên Thiên Canh cũng thấy lạ, bèn hỏi: “Lão nhân ơi, ông muốn mua bánh nướng sao?”.

Lão nhân nói: “Mua, mua, mua, ta chỉ mua một cái”. Nói xong liền cầm một cái bánh lên ăn.

Viên Thiên Canh thấy hành động của lão rất lạ, làm gì có chuyện không trả tiền mà lại ăn bánh? Liền nói: “Lão nhân ơi, bánh nướng bốn quan tiền một cái”.

Lão nhân lục tìm trên người một lúc, cuối cùng lôi ra một tiền, nói: “Tôi chỉ có một quan tiền thôi” nói xong liền đưa tiền cho Viên Thiên Canh.

Viên Thiên Canh lúc đó trong lòng rất không thoải mái, thầm nghĩ: lớn tuổi như vậy rồi vẫn còn lợi dụng người khác, nhưng nghĩ lại, người già như vậy mình cũng không cần tính toán. Y liền nói với lão nhân: “Ông cầm lấy ăn đi, một quan tiền này tôi cũng không lấy đâu”.

Lão nhân nghe vậy, cười lớn nói: “Ăn không không cần tiền? Tốt quá rồi, cậu đã làm người tốt thì làm đến cùng, tặng lão thêm một cái”. Nói xong, lão lại lấy một cái nữa.

Lúc này, Viên Thiên Canh thật sự có chút tức giận, ông già này sao lại thế chứ? Được nước lấn tới, rõ ràng là đang ức hiếp người khác. Nhưng nghĩ lại, mình cũng không cần tính toán với lão, dù sao lão cũng già như vậy, tốt nhất vẫn nên nhịn, chi bằng trốn xa một chút. Nghĩ đến đây, y liền gánh gánh hàng đi.

Đi chưa được vài bước, lão nhân bèn hét lớn gọi: “Tiểu tử,

⁽¹⁾ Lão nhân: Người già.

chờ chút”. Viên Thiên Canh quay đầu nói: “Ông cứ ăn từ từ, tôi còn phải đi bán bánh”.



Tín Lãng Quân: nhà quân sự nổi tiếng thời Chiến Quốc. Túc Ngụy Vô Kị, là con thứ của Ngụy Chiêu vương, một trong bốn vị công tử Chiến Quốc. Dưới trướng của ông có đến 3000 thực khách. Năm 20 Ngụy An Lí vương, ăn trộm binh phù cứu Triệu Thắng Tần. Sau giữ chức tướng quân, liên hợp năm nước đánh lui sự tấn công của quân Tần

Lão nhân mỉm cười nói: “Tiểu tử, vừa rồi ta chỉ đùa với cậu chút thôi, đừng để tâm”. Nói xong bèn rút ra tám quan tiền.

Viên Thiên Canh nhận tiền, lão nhân bèn nói: “Tiểu tử à, tôi thấy cậu có Thiên đình đầy đặn, ngũ nhạc vây quanh, cốt tướng phi phàm, tướng mạo đường đường, muốn kết giao với cậu”.

Viên Thiên Canh nghe vậy, cảm thấy lão nhân này có chút lai lịch, bèn đặt gánh xuống, cung kính nói: “Được lão tiền bối coi trọng như vậy, tiểu bối đương nhiên đồng ý kết bạn tri kỉ với ông, nhưng không biết tiền bối đây phải xưng hô thế nào?”.

Lão nhân nói: “Lão Hủ hành nghề y kết giao bạn bè, họ Tôn, tên Tư Mạc”.

“Thật không ngờ ông chính là Tôn lão tiền bối, nghe đại

danh lưu truyền giang hồ đã lâu, chỉ tiếc chưa có cơ hội gặp mặt. Văn sinh họ Viên, tên Thiên Canh”.

Tôn Tư Mạc nói: “Ta thấy cậu cốt tướng phi phàm, thiên tư thông tuệ, có thể dễ dàng nắm bắt thuật tinh tướng, mệnh lí, không biết cậu có bằng lòng cố gắng học tập không?”.

Viên Thiên Canh vội vàng khấn đầu bái lạy : “Sư phụ tại thượng, xin nhận một lạy của đồ nhi. Đồ nhi nguyện phần đầu học tập, rèn luyện, theo hầu sư phụ”. Sau này, Viên Thiên Canh theo Tôn Tư Mạc học tập.

Từ câu chuyện này, chúng ta có thể thấy rằng, người xưa hết sức coi trọng “cốt tướng” và “thiên đình”, Viên Thiên Canh do trời sinh “cốt tướng phi phàm, thiên đình đầy đặn” nên nhận được sự yêu thích của Tôn Tử Mạc, từ đó có câu chuyện Viên Thiên Canh bái sư học nghệ còn lưu truyền đến nay.

“Cửu quý cốt” chỉ chín loại sau:

Một là xương gò má: là xương ở hai bên trái phải của mặt, nhô lên ở ngay dưới vuông góc với hai mắt, có hai miếng.

Hai là xương Dịch mã: là xương gò má thể vào “Thiên Thương”, có hai miếng, xương gò má không vào “Thiên Thương” thì gọi là xương dịch mã chưa thành.

Ba là xương Tướng quân: chính là xương tai, cũng có hai miếng.

Bốn là xương Nhật giác: là xương hơi nhô lên ở phía trên vuông góc với mi trái, một miếng. Mắt trái là nhật, vì thể xương ở phía trên vuông góc với nó gọi là xương Nhật giác.

Năm là xương Nguyệt giác: là xương hơi nhô lên ở phía trên vuông góc với mắt phải, một miếng. Mắt phải là nguyệt, nên xương ở phía trên vuông góc với nó gọi là xương Nguyệt giác.

Sáu là xương Long cung: là xương bao quanh hai mắt, lồi lên, có hai miếng.



Lưu Cơ: tự Bá Ôn, là danh thần thời kì đầu nhà Thanh. 14 tuổi đã thông Xuân Thu, làm văn chương, đặc biệt hơn còn tính thông thiên văn, binh pháp. Phò tá Chu Nguyên Chương tiêu diệt Trần Hữu Lượng, bắt Trương Sĩ Thành, chiếm trung nguyên, bình định Tây Thục. Ông là khai quốc công thần. Được phong là Thành Ý Bá.

Bảy là xương Phục tê: là một đoạn xương thẳng lên trên từ trên mũi, đến “thiên đình” ở phần trán, lại từ “thiên đình” thẳng đến đỉnh đầu, một miếng. Hình dáng giống sừng tê giác thập thò nằm phục ở đó, nên được gọi là xương Phục tê.

Tám là xương Cự ngao: xương lớn nhô lên sau hai tai, kéo thẳng đến sau đầu gọi là xương cự ngao, có hai miếng.

Chín là xương Long giác: hay còn gọi là xương phò, là xương ở phía trên, vuông góc với đuôi hai mi, nghiêng về phía “biên địa” hơi cao giống sừng.

Trong “cửu quý cốt”, mỗi loại xương có đặc điểm, hình dáng riêng, cơ bản như sau:



Tôn Tư Mạo: Ông là người thời Tùy Đường, tinh thông âm dương, giỏi về y học và thuốc. Ông có nhiệt huyết với việc tìm kiếm các loại thuốc, nghiên cứu y học, trị bệnh cho người khác. Các tác phẩm y học nổi tiếng như: “Thiên Kim yếu phương”, “Thiên Kim Dục”.

Xương gò má - hiển thị uy nghiêm, xương Dịch mã - hiển thị tôn nghiêm, xương Tướng quân - hiển thị dũng võ, xương Nhật giác - hiển thị trí tuệ, xương Nguyệt giác - hiển thị cơ mẫn (nhạy bén), xương Long cung - hiển thị nghị lực, xương Phục tê - hiển thị cần mẫn (nỗ lực không ngừng), xương Long giác - hiển thị quyết đoán.

Nói tóm lại, “cửu quý” đầy đặn, tròn nhuận là quý tướng. Nếu có thể tham khảo nhiều mặt của con người như thần, tinh, cân, cốt, khí, sắc, nghi, dung, ngôn để phân tích “cốt” tướng của họ thì tính chuẩn xác càng cao.

Trong *Cựu Đường Thư - Phương Kĩ truyện* có một câu chuyện: nhà tinh tướng học nổi tiếng thời Đường - Viên Thiên Canh trong một lần đi qua Lợi Châu, được phụ thân của Võ

Tắc Thiên là Võ Sĩ Hoạch mời đến nhà, lúc bấy giờ, Võ Tắc Thiên mới lên hai. Sau khi Viên Thiên Canh trông thấy mẫu thân của Võ Tắc Thiên liền nói: “Xem tướng phu nhân, ắt sinh quý tử”. Võ Sĩ Hoạch bèn gọi hai đứa con trai của mình ra nhờ Viên Thiên Canh xem tướng, sau khi nhìn hai đứa con của y, Viên Canh Thiên bèn nói: “Hai vị công tử đều là chủ nhân bảo vệ gia đình này, sau ắt sẽ làm đến quan tam phẩm”. Thực ra hai vị ca ca của Võ Tắc Thiên với Võ Tắc Thiên là cùng cha khác mẹ, sau khi Võ Sĩ Hoạch lấy người vợ sau luôn muốn sinh một đứa con trai, kẻ hầu người hạ trong nhà vì muốn nịnh chủ nhân bèn hóa trang cho Võ Tắc Thiên giống như con trai. Khi vú nuôi ôm Võ Tắc Thiên tới, Viên Thiên Canh kinh ngạc nói: “Vị công tử này long tinh phượng mục, quý tướng vô cùng”. Viên Thiên Canh để Võ Tắc Thiên xuống cho đi mấy bước, lại quay người cô bé lại, xem tướng mặt, tướng lưng, nói: “Vị công tử này chắc chắn sẽ trở thành người có thể quát gió gọi mây. Nếu là con gái, thật không thể đoán được, sau này sẽ trở thành chủ của thiên hạ này!”. Đây chỉ là một truyền thuyết, không nhất thiết phải cho là thật, song thông qua diện tướng (tướng mặt), cốt tướng và mắt để phân tích, phán đoán phẩm chất, tài năng của một người là rất có khả năng, hơn nữa trong lịch sử khi mà bấy giờ chưa từng có một vị nữ hoàng nào, Viên Thiên Canh lại dám chắc nói Võ Tắc Thiên “làm chủ trong thiên hạ”, đã cho thấy tài năng nhận biết, xem tướng của Viên Thiên Canh thực phi phàm.



Trưởng Tôn Vô Kỵ: là đại thần thời đầu nhà Đường, người Lạc Dương. Ông là huynh trưởng của Trưởng Tôn hoàng hậu đời vua Đường Thái Tông. Tham gia phát động cuộc chính biến Huyền Vũ Môn, giúp Lý Thế Dân chiếm đoạt ngôi vua, giúp Thái Tông trị thiên hạ. Sau khi Đường Cao Tông lập Võ Tắc Thiên làm hoàng hậu, do kiên quyết phản đối nên ông bị đày đến Kiếm Châu và treo cổ tự tử.

Cửu Trưng

Đối với cửu trưng, trong *Nhân vật chí* có nói tới như sau:

“Cửu trưng” chính là cửu chất chi trưng (đặc trưng của cửu chất), ý chỉ thông qua chín phương diện để nhận biết tài năng, tính cách, khí chất của con người.

Căn cứ theo nguyên tắc “bình bi chi chất tại vu thần, minh ám chi thực tại vu tinh, dũng khiếp chi thể tại vu cơ, cường nhược chi thực tại vu cốt, táo tĩnh chi quyết tại vu khí, thâm dịch chi tình tại vu sắc, suy chính chi hình tại vu nghi, thái độ chi động tại vu dung, hoãn cấp chi trạng tại vu ngôn”, chúng ta có thể hiểu về cửu trưng như sau: cửu trưng là chỉ thông qua biểu hiện bên ngoài của con người, bao gồm chín phương diện là thần, tinh, cơ, cốt, khí, sắc, nghi, dung, ngôn để nhận biết tính cách của người đó là bình bi (cân bằng/ngay thẳng,

ngiênê ngả), minh ám (minh bạch, ám muội, dững khiếp (dững cảm, nhất gan), cường nhược (mạnh khỏe, nhu nhược), táo tĩnh (nóng nảy, trầm tĩnh, lãnh đạm), thâm dịch (bi thương, vui vẻ), suy chính (suy nhược, đoan chính (đoan chính trong “ngũ quan đoan chính, ý chỉ khỏe mạnh”), thái độ, hoãn cấp (chậm chạp, từ tốn, nóng vội).

Nhất trung: thần khí của con người là biểu hiện của nội tâm, vì vậy tâm bình thì khí hòa, thần khí bất định thì tâm bất ninh (bất an). Do đó, từ thần sắc của con người có thể hiểu được trạng thái tâm lý của họ.

Nhị trung: từ trạng thái tinh thần của con người có thể thấy được sự minh ám (minh bạch, ám muội) trong tâm, tinh thần tốt thì tâm minh, tinh thần hoại (không tốt) thì tâm ám.

Tam trung: dững cảm và nhất gan đều ở cơ, cơ khỏe mạnh thì con người ắt dững cảm, ngược lại thì là kẻ nhất gan.



Vô Tắc Thiên: người Văn Thủy, Sơn Tây. Nữ chính trị gia thời nhà Đường. Lúc đầu là tài nhân của Đường Thái Tông, sau là hoàng hậu của Đường Cao Tông. Sau khi Cao Tông băng hà, lấy danh nghĩa thái hậu, buông rèm nhiếp chính, sau tự xưng vương đương chính, đổi quốc hiệu thành Chu, là vị nữ hoàng đế phong kiến duy nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Tứ trung: dựa vào cốt chất (chất xương) có thể đoán được tính cách của con người, cốt chất khỏe mạnh, cứng cáp thì tâm thái mạnh mẽ, cốt yếu thì mềm yếu.

Ngũ trung: mức độ nóng vội trong tính cách của con người được quyết định bởi tâm huyết khí, khí thịnh ắt nóng vội, khí bình thì lạnh đạm.

Lục trung: từ sắc mặt có thể phán đoán tâm trạng của một người, sắc mặt hồng hào tươi tỉnh thì vui vẻ, chính là câu chúng ta vẫn thường nói: người gặp chuyện vui tinh thần thoải mái, ngược lại thì tiêu tụy.

Thất trung: từ dáng vẻ có thể nhìn thấy suy chính (suy nhược, khỏe mạnh) của họ, dáng vẻ đường đường, nội tâm ắt trong sáng, còn hình dung không ngay ngắn, ắt là người yếu đuối, suy nhược.

Bát trung: thái độ của một người biểu hiện trên gương mặt của họ, gương mặt là dấu hiệu báo trước cho hành động, vì vậy từ đó có thể biết sơ qua về hoạt động nội tâm của họ.

Cửu trung: từ ngôn ngữ, lời nói của con người có thể phán đoán trạng thái tâm lý của họ, người khoan hồng, lời nói chậm rãi, từ tốn; kẻ ích kỉ lời nói gấp gáp, nóng vội. Do đó từ lời nói nhanh chậm, có thể biết được trạng thái tâm lý của họ như thế nào.

Hán Vũ đế Lưu Triệt có thể coi là một vị hùng chủ (vị vua có tài năng và mưu lược kiệt xuất) trong lịch sử. Có một lần Hán Vũ đế mặc thường phục, dẫn theo một đoàn người ngựa nhỏ đi săn trở về, trên đường về khi đi qua một thôn trang, trời đã tối, liền quyết định tá túc tại thôn trang một đêm. Lúc gọi cửa một gia đình nhà nông, ông cụ ra mở cửa trông thấy một đội người ngựa cầm theo cung tên, gươm kiếm, tưởng là cướp.

Đội sắp xếp ổn thỏa cho đoàn người của Hán Vũ đế, ông bèn chạy ra ngoài triệu tập con cháu tới để đối phó với đoàn người của Hán Vũ đế. Nào ngờ sau khi bà lão biết chuyện vội vàng ngăn cản mọi người, và nói ra suy nghĩ của mình: “Người dẫn đầu đó khí chất phi phàm, có khí chất của người đội trời đạp đất, không chịu khuất phục. Bọn họ chắc chắn không thể là người bình thường được, càng không thể là cướp, theo tôi thấy tốt nhất cứ nên thận trọng chút thì hơn”.



Thuần Vu Đề Oanh: Bà là người Lâm Chí, Tây Hán, là con gái của nhà y học nổi tiếng Thuần Vu Ý. Thuần Vu Ý mưu hại người, đáng phải chịu nhục hình. Sau Thuần Vu Đề Oanh tấu thư lên Hán Văn đế, sự hiếu thảo của nàng làm Hán Văn đế cảm động, miễn nhục hình cho cha nàng.

Lời nói của bà lão bị thị vệ của Hán Vũ đế nghe được, liền bẩm báo với Hán Vũ đế. Mấy hôm sau, triều đình hạ chỉ quan viên địa phương phải chăm sóc hai người già đó. Thực ra là Hán Vũ đế kinh ngạc bà lão lại có con mắt nhìn người như vậy đã giúp tránh khỏi sự hiểu lầm lớn. Từ câu chuyện này, chúng ta có thể thấy rằng: bà lão dựa vào kinh nghiệm và sự từng trải của mình, thông qua trạng thái tinh thần và khí chất của một

người để phán đoán là quý hay tiện, đích thực có lý.

Trong *Trang tử - Liệt Ngự Khẩu* cũng có nhắc đến cửu trung, nhưng “cửu trung” mà Trang tử nói không giống với Lưu Thiệu, là chín cách để nhận biết con người, chúng ta sẽ cùng xem những ví dụ dưới đây:

Viễn sử chi nhĩ quan kì trung: cử đến nhậm chức ở nơi xa, để quan sát lòng trung thành của người đó.

Cận sử chi nhĩ quan kì kính: để người đó làm việc bên cạnh, để quan sát sự cung kính, thận trọng.

Phiền sử chi nhĩ quan kì năng: để người đó làm những công việc phức tạp, để quan sát khả năng.

Tốt nhiên vẫn yên nhi quan kì tri: đột nhiên hỏi một câu hỏi, vẫn đề để quan sát sự nhạy bén của người đó.

Gấp dữ chi kì nhi quan kì tín: khi vội vàng hẹn gặp mặt có thể quan sát sự tín dụng (có thể tin tưởng) của người đó.

Ủy chi dĩ tài dĩ quan kì nhân: gửi họ một khoản tiền lớn, để quan sát liệu họ có phải người quân tử nhân nghĩa.

Cáo chi dĩ nguy nhi quan kì tiết: nói cho họ biết tình thế cấp bách để quan sát tiết tháo (phẩm chất) của họ.

Túy chi dĩ tửu nhi quan kì tác: cổ tình chuốc say cho họ để quan sát bản tính.

Tạp chi dĩ sở nhi quan kì sắc: sống cùng với nhiều người khác nhau để quan sát thái độ xử sự của họ.



Dương Hựu: nhờ quân sự nổi tiếng thời Tây Tấn, xuất thân trong gia đình danh môn sĩ tộc Hán Ngụy. Lúc nhỏ, khi đang chơi bên bờ sông Văn Thủy, có một cụ già nói y: “Nho tử có tướng tốt, ắt lập đại công với thiên hạ”. Sau này quả nhiên Dương Hựu lập chiến công hiển hách.

Cửu thành

Chín phương diện như trên được gọi là “cửu trung”, nếu “cửu trung” đều tốt, lại tiếp tục xem xét “cửu cốt”, nếu “cửu cốt” đều thanh, thì chính là đã có đầy đủ “cửu thành”, tự nhiên sẽ đại phúc đại lợi. Cách nói về “cửu thành” như sau:

Thần sắc sáng sủa là một thành, hồn thần khảng khái là hai thành. Dáng vẻ, tướng mạo trầm ổn là ba thành; khí sắc trong trẻo là bốn thành. Cử chỉ khoan thai là năm thành.

Hành tàng⁽¹⁾ hợp nghĩa là sáu thành, cái nhìn trong trẻo, chính trực là bảy thành.

⁽¹⁾ Hành tàng: chỉ thái độ của kẻ sĩ đối với việc ra làm quan hay lui về ẩn dật.

Tài trí ứng đối nhanh chóng là tám thành, đức hạnh hợp pháp là chín thành.

Về vấn đề này, Nguyệt Ba động trung kí có sáu câu thơ, giải thích rõ hơn:

Cửu thành bát thành tôn quý nhất; ngũ thành lục thành người nổi bật.

Tam thành tứ thành đạt mức ngũ phẩm; nhất thành nhị thành có chút sự nghiệp.

Có mà không thành không phải người bình dân; không thành không cốt vĩnh viễn khổ sở.

Cửu cốt

“Cửu quý cốt” mà *Băng Giám* nhắc đến với “cửu quý” được nhắc tới ở phía trước không phải hoàn toàn giống nhau.

Tăng Quốc Phiên là một vị đại học giả, đọc Chu tử bách gia, kinh sử, y học, bói quẻ đều có thành tựu. Là một vị tướng quân ưu tú văn nhân trị binh, ông nghiên cứu rất sâu về cốt tướng của văn nhân, “cốt quý tướng” mà ông nhắc đến như sau:

- Thiên đình cốt

Dưới thiên đình, hình dáng cao to, nổi lên, người có xương thiên đình đầy đặn ắt quý. Tục ngữ nói “thiên đình đầy đặn” chính là ý này. Song vật cực tất phản (sự việc phát triển đến cực điểm thì sẽ chuyển hóa theo hướng ngược lại), đầy đặn cũng có giới hạn, nếu quá mức đầy đặn, hiện lên hình chữ ĐỘT (lồi) thì không tốt.

- Chấn cốt

Xương ở phía sau đầu, ngang bằng với “Ẩn đường” là xương chẩm. Xương chẩm có 18 kiểu, có 1 thì quý, hoặc chỉ hơi nhô lên một tí, là chủ tướng lộc thọ; không có 1 cách thì bất đạt, càng không nói gì đến quý. Thể xương đầy đặn, chắc chắn là tốt, càng rõ thì càng quý. Điểm này hoàn toàn khác với quan niệm của người thời nay rằng gáy bằng thì đẹp.

- **Đỉnh cốt:**

Xương đỉnh bằng, ngay ngắn mà nhô lên là tốt.

- **Tá xuyên cốt:**

Chính là xương tóc mai. Đỉnh xương nghiêng lên trên chỗ tiểu nhĩ tổng giác (chỗ buộc tóc hai bên trên đầu), hình dáng giống chiếc sừng thì tốt. Tục ngữ nói “sừng trên đầu lộ thì xuất chúng” chính là ý này.

- **Thái dương cốt**

Bắt đầu từ chỗ đuôi của hai mi, gốc nằm ở huyết thái dương, thành một đường thẳng hướng lên trên, vừa mỏng vừa rõ, kéo thẳng đến được chỗ “biên địa” thì tốt.

- **Mi cốt**

Xương không lõm cũng không lộ, hình dáng ẩn phục nổi lên giống như chiếc sừng tê giác thì mới tốt; nếu không, người mà xương mi hõm vào thì gian tà, nổi lên thì vô cùng ngạo mạn.

- **Tị cốt**

Từ “niên thọ” tới “sơn căn”, kéo dài lên cả “ẩn đường”, “trung chính”. Hình dáng giống như mầm lau mầm trúc, kéo thẳng mà nổi lên thì là tốt.

- **Quyền cốt**

Có câu “quyền cốt nhược bất đắc nhi khởi”, chính là muốn nổi mà không nổi lên, thể không nổi lên được nhưng mong muốn nổi lên mạnh mẽ, hình dáng có lực có thể, xuyên “thiên

táng” vào mai giác (góc mai), không nhọn không chắt, không lệch không ngược, không nổi không lộ thì tốt.

- Hạng cốt

Các nhà tướng học cho rằng, hạng hữu dư nhục, xương nhô bằng mà không đột nhiên lộ ra là hổ hạng, là chủ đại quý.

Chín loại xương này, mỗi loại đều có vị trí, tư thế và hình dáng riêng, hợp với quy phạm của mỗi loại thì quý, không hợp được thì không tốt.

Băng Giám nói: “tại đầu, dĩ thiên đình cốt, chẩm cốt, thái dương cốt vi chủ; tại diện, dĩ mi cốt, quyền cốt vi chủ”. Chính là nói, mặc dù cửu quý (chín loại xương) này là những xương quan trọng nhất trong bộ xương của cơ thể con người, song giữa chúng cũng có sự phân biệt chủ thứ. Triết học nói, mâu thuẫn có mâu thuẫn chính và mâu thuẫn thứ yếu, mâu thuẫn chính lại có thể phân thành mặt chính và mặt thứ yếu của mâu thuẫn. Luận cốt cũng có tư tưởng biện chứng như thế này. Trên lí thuyết và thực tiễn, thì cần phải nhìn vào tình hình cụ thể để phân biệt rõ chủ thứ, phải có sự tổng hợp, đúc kết, không được kết luận khái quát, kết luận ngay, theo giáo điều, nếu không sẽ không đạt được tới mục đích cuối cùng là giám sát và phân biệt.

Sử Kí có nói, Khổng Tử thân tài cao to, đầu có dị cốt, tướng mạo hùng vĩ, khác biệt so với mọi người. Nói về địa vị của Khổng Tử trong lịch sử, Tiền Mục tiên sinh nói: “Khổng Tử là thánh nhân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc. Trước Khổng Tử, nền văn hóa lịch sử Trung Quốc đã có hơn 2500 năm tích lũy, Khổng Tử đã tập trung lại thành một bộ hoàn chỉnh. Sau Khổng Tử, văn hóa lịch sử Trung Quốc lại tiếp diễn thêm hơn 2500 năm nữa, nhưng Khổng Tử đã mở ra thời kì mới đó. Trong hơn 5000 năm nay, là sự chỉ dẫn cho tiến trình

lịch sử Trung Quốc, là người sáng lập tư tưởng văn hóa của Trung Quốc, là người có ảnh hưởng sâu rộng, có công hiển lớn nhất, không ai có thể so sánh được với Khổng Tử”. Còn về việc Khổng Tử phải chăng “đầu hữu dị cốt”, đến nay đã không thể kiểm chứng được nữa, song từ đó chúng ta có thể thấy một phần nào đó sự coi trọng của người xưa với cửu cốt.

Cửu cốt ca

Người xưa có lưu truyền một bài *cửu cốt ca* về “cửu quý cốt”, không hề phức tạp lại rất dễ nhớ, dễ đọc, dưới đây là bài hát để tham khảo:

*Bách kiếp tu thành cửu quý cốt, phong long quang
nhuận khí bột bột.*

*Bất tại khốn nội bình tiết việt, tiện lập triều ban trì
ngọc hốt.*

(tổng luận về cửu quý cốt)

*Hữu nhục vô cốt chung chấp tiên, hữu cốt vô nhục nan
chường quyền.*

*Căn như sơn lộc thiên thương liên, song phong cao
thành hữu thượng thiên;*

*Tị vi sùng nhạc tuần cực thiên, thái hoa triều cùng phát
trung niên.*

(chuyên luận quyền cốt)

*Quyền thấp thiên thương hiệu dịch mã, thủ nhân quyết
bất cư nhân hạ.*

Chí tại tứ phương trượng phu dã, chu thủ tang tử hà vi giả?

(chuyên luận dịch mã cốt)

Quyền cốt thấp mẫn dữ nhĩ tề, tướng quân phần vô tức chinh bề.

Cầm hoạch hiệt lợi như phọc kê, lệnh nghiêm vạn mã bất kiêu tư.

(chuyên luận tướng quân cốt)

Tả mi chi thượng vi nhật giác, ẩn ẩn nhi khởi vô ban bác.

Mi mao thanh tú nhãn bất trọc, tam thập dĩ tiền định cao trạc.

(chuyên luận nhật giác cốt)

Nguyệt giác sinh vu hữu mi thượng, tả dữ nhật giác tương đối vọng.

Bất xung bất phá quý nhân tướng, nhi lập chi niên thụ quân hưởng.

(chuyên luận nguyệt giác cốt)

Nhiều nhãn cốt khởi viết long cung, kiêm hỉ hữu nhục mạc giáo không.

Bất hạm bất đột cốt khí phong, nhãn thần xiết điện xung hào hùng.

(chuyên luận long cung cốt)

Tị cốt trực khởi thượng nhân não, thị danh phục tê cốt trung bảo.

Lưỡng mi vô thể khí khô cảo, tung cư phú quý bất đao lão.

(chuyên luận phục tê cốt)

Cự ngao cốt khởi lưỡng nhĩ bạn, tiền sinh tướng thị kim la hán.

Hổ nhĩ ngọc đường khí nhất quán, thượng thư chi chức khả dự đoạn.

(chuyên luận cự ngao cốt)

Long cốt giác khởi tín bất dị, hữu thủ cốt giả thị đại khí.

Vị cư mi mao quân tu kí, sảo cao tự giác nhập biên địa.

(chuyên luận long giác cốt, cửu quý cốt luận tất)

Cửu cốt chi ca kí phân minh, thượng hữu số cốt mạc khan:

Ngạch cốt viên đại viết thiên thành, phát tể thanh tích chủ tảo vinh;

Quyển thể nhập nhĩ cốt pháp thanh, danh viết thọ cốt lão vận hanh;

Nhĩ hậu hữu cốt hảo thả bằng, ngọc lâu thọ căn giai kì danh;

Hoặc viết ngọc giai chủ hà linh, hoặc xưng ngọc đường thiếu an ninh;

Hạng hậu khởi cốt kê tử hình, danh viết thiên trụ tối thông linh.

(luận về năm loại xương khác cửu quý cốt, bao gồm: xương ngạch, xương thọ, xương ngọc lâu tức xương thọ căn, xương ngọc giới tức xương ngọc đường, xương thiên trụ).

Quý cốt thiếu niên thị đế đình, vô quý cốt giả chung bạch đình.

Tể độc nguyệt ba động trung kinh, quan nhân trực như phán vị kinh.

(phần kết bình luận tổng hợp về các loại quý cốt).

V. Cốt chi sắc dữ chất (sắc và chất của xương)

Cốt hữu sắc, diện dĩ thanh vi quý, tử thứ chi, bạch tư hạ hĩ.

Cốt hữu chất, đầu dĩ liên giả vi cốt, toái thứ chi. Đầu thượng vô ác cốt, diện giai bất như đầu giai.

Thử trung quý tiện, hữu hào li thiên lí chi biện.

[Nguyên văn]

Cốt hữu sắc, diện dĩ thanh vi quý⁽¹⁾, “thiếu niên công khanh bán thanh diện” thị dã. Tử thứ chi, bạch tư hạ hĩ⁽²⁾. Cốt hữu chất, đầu dĩ liên giả vi quý, toái thứ chi⁽³⁾. Tổng chi, đầu thượng vô ác cốt, diện giai bất như đầu giai⁽⁴⁾. Nhiên đại nhi khuyết thiên đình, chung thị tiện

⁽¹⁾ Cốt hữu sắc, diện dĩ thanh vi quý: xương tự bản thân nó có màu sắc khác nhau, màu sắc của xương do lục khí tạo nên. Lục khí ở đây bao gồm: thanh long, chu tước, câu trăn, đằng xà, bạch hổ, huyền vũ, đây là một nhóm khái niệm rất quan trọng trong văn hóa cổ đại thần bí của Trung Quốc. “Diện dĩ thanh vi quý” các nhà tướng học cho rằng: thanh (xanh) là một trong lục sắc, lục sắc ở đây bao gồm: thanh, hoàng (vàng), xích (đỏ), bạch (trắng), hắc (đen), tử (tím). Đại khái đối ứng với: thanh - mộc, hoàng - thổ, xích - hỏa, bạch - kim, hắc - thủy. Ý của hai câu này là: bộ xương có màu sắc khác nhau, sắc này được thể hiện trên khuôn mặt, coi màu xanh là cao quý.

⁽²⁾ Tử thứ chi, bạch tư hạ hĩ: “Tử” màu đỏ ẩn trong màu vàng là màu tím trong tướng học. “Bạch” ở đây chỉ màu trắng như xương khô thoa phấn. Ý của hai câu này là: màu tím mà đỏ ẩn trong sắc vàng hơi kém một bậc, mà màu trắng giống như xương khô thoa phấn thì là hạ đẳng nhất.

⁽³⁾ Cốt hữu chất, đầu dĩ liên giả vi quý, toái thứ chi: “Chất” ở đây chỉ thể phát triển, khí thể của xương. “Liên”: liên quan tới nhau, quan thông với nhau. Ý của ba câu này là: bộ xương có thể phát triển nhất định, người có bộ xương ở phần đầu mà liên quan tới nhau, quan thông với nhau thì tướng cao quý, nếu phân tán toán loạn thì thấp đi một bậc.

⁽⁴⁾ Đầu thượng vô ác cốt, diện giai bất như đầu giai: Câu này nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của cốt tướng ở đầu với vận mệnh của con người. Ý của hai câu này là: chỉ cần trên đầu không có xương ác phân tán toán loạn, khi so sánh, thì dù tướng mặt có tốt thế nào cũng không thể bằng tướng đầu tốt.

phẩm⁽¹⁾; viên nhi vô xuyên cốt, bán thị cô tăng; tị cốt phạm mi, đường thượng bất thọ. Quyền cốt vu nhĩn tranh, tử tự bất lập⁽²⁾. Thử trung quý tiện, hữu hào li thiên lí chi biện⁽³⁾.

[Bản dịch]

Cốt có màu sắc khác nhau, màu sắc trên khuôn mặt coi màu xanh là cao quý. Tục ngữ nói “thiếu niên công khanh bán thanh diện” chính là ý này. Màu tím do màu vàng trộn đỏ tạo nên, kém màu xanh một cấp, nếu khuôn mặt màu trắng giống như xương khô thoa phấn là màu hạ đẳng nhất.

Cốt có khí thể nhất định, phần đầu bộ xương liên quan tới nhau, khí thể quan thông là cao quý nhất, nếu không quan thông nhau, phân tán toán loạn thì kém một đi một bậc. Tóm lại, chỉ cần trên đầu không có xương ác, thì cho dù phần mặt có tốt đến đâu cũng không bằng tốt phần đầu. Tuy nhiên, nếu đầu to mà thiên đình lại không đầy đặn, thì cả đời phẩm vị ti tiện; nếu đầu tròn mà xương Tá xuyên ẩn nấp không nhìn thấy, thì phải đến năm mươi phần trăm là trở thành tăng nhân (nhà sư); nếu xương mũi xâm phạm hai mi, bố mẹ không trường thọ; nếu xương gò má bám chặt vào đuôi mắt, đỉnh xương xâm phạm mắt thì không có con cháu đời sau. Sự khác

⁽¹⁾ Đại nhi khuyết thiên đình, chung thị tiện phẩm; viên nhi vô xuyên cốt, bán thị cô tăng; tị cốt phạm mi, đường thượng bất thọ: “Đại” chỉ đầu to. Người xưa thường cho rằng đầu to là tốt. “Khuyết Thiên đình” chỉ xương thiên đình không đầy đặn. “Viên” chỉ đầu tròn, đầu tròn là tướng tốt. “Vô Tá xuyên” chỉ Tá xuyên bằng không nhô. “Tị cốt phạm mi” chỉ xương mũi quá dài, hướng lên xâm phạm cả vào hai mi. “Đường thượng bất thọ” chính là song thân (bố mẹ) tuổi thọ không dài.

⁽²⁾ Quyền cốt dữ nhĩn tranh, tử tự bất lập: “Quyền cốt dữ nhĩn tranh” chỉ đỉnh xương gò má dán chặt vào đuôi mắt. Đây là “quyền phong lăng nhĩn”, không tốt. “Tử tự” con cháu đời sau.

⁽³⁾ Hào li thiên lí chi biện: chính là sự khác nhau giữa một xíu và thiên lí, ý chỉ sự khác biệt rất lớn.

biệt giữa phú quý và bần tiện ở đây giống như sự khác biệt giữa độ dài của một xiu và thiên lí, khác biệt rất lớn.



Khổng Tử: Ông tên Khâu, tự Trọng Ni; là người nước Lỗ, thời Xuân Thu. Là nhà tư tưởng, nhà giáo dục vĩ đại, người sáng lập học phái Nho giáo. Ông mở lớp dạy học, làm chính trị. Học thuyết của Khổng Tử lấy “nhân” làm trung tâm.

Sắc

Chương này chuyên bàn luận về “sắc” và “chất” của cốt, trọng điểm luận về “chất”.

Người xưa khi bàn luận về tính trạng của “sắc”, có cách nói như sau:

Thanh sắc như qua (xanh như dưa)

Hoàng sắc như lạp (vàng như sáp)

Xích sắc như hỏa (đỏ như lửa)

Bạch sắc như chi (trắng như mỡ)

Hắc sắc như tât (đen như cây sơn)

Do triết học và y học cổ đại Trung Quốc có mối liên hệ mật thiết, phức tạp, “sắc” lại tương phối tương hòa với ngũ hành, ngũ tính, ngũ tạng, tứ thời, cụ thể như sau:

Nhất là thủy, trong ngũ tính là tinh, ngũ tạng thuộc thận, màu sắc là đen, hướng bắc, vượng vào mùa đông.

Hai là mộc, trong ngũ tính là hồn, ngũ tạng thuộc gan, màu sắc là xanh, hướng đông, vượng vào mùa xuân.

Ba là thu, trong ngũ tính là khí, ngũ tạng thuộc tâm, màu sắc là đỏ, hướng nam, vượng vào mùa hạ.

Bốn là thổ, trong ngũ tính là ý, ngũ tạng thuộc tì (lá lách), màu sắc là vàng, hướng là trung tâm, vượng vào cuối bốn mùa.

Năm là kim, trong ngũ tính là phách, ngũ tạng thuộc phổi, màu sắc là trắng, hướng tây, vượng vào mùa thu.

Còn theo như cách nói của *Tương kinh*, muốn biết một người có phú quý hay không, chủ yếu xem bộ xương của người đó. Vui hay buồn chủ yếu xem sắc mặt. Căn cứ theo học thuyết ngũ hành, vật chất có thể phân thành năm loại: mộc, kim, thủy, hỏa, thổ. Ngũ hành này lại đối ứng với năm màu, là xanh, trắng, đen, đỏ, vàng; phản ánh tâm, thân của con người, lại lần lượt đối ứng với ưu sầu, khốc khổ (khóc thút thít), tật bệnh, kinh hoàng, vui mừng. Mộc, hỏa, kim, thủy trong ngũ hành, mỗi cái giữ một mùa, ví dụ: mùa xuân là mùa cây cối sinh trưởng, vì thế mộc khí vượng nhất, hỏa do mộc sinh ra đứng thứ hai, còn kim thì lại ở trạng thái bị phong tỏa, nhốt lại, bởi vì hỏa vượng thứ hai khắc chế kim, thổ bị mộc vượng nhất khắc chế, thủy vì sinh mộc mà tiêu hao thì bất lợi, những cái còn lại cũng suy ra như vậy. Màu sắc mà ngũ hành đối ứng với trạng thái của thân, tâm con người cũng tương tự

như vậy: màu xanh là chủ âu sầu, màu đỏ chủ kinh hoàng, màu trắng chủ tật bệnh, màu vàng chủ vui mừng, màu đen chủ tật bệnh.

Vẫn còn một cách nói khác, chủ yếu luận về “sắc” của cốt, cho rằng cốt sắc đến từ “lục khí”. “Lục khí” ở đây bao gồm thanh long, chu tước, câu trăn, đằng sà, bạch hổ, huyền vũ (đây vốn là sáu vị thần thú trong thuật gieo quẻ, ở đây được các nhà dưỡng sinh mượn dùng để chỉ “lục khí”). Người xưa luận “sắc” không tách rời “khí”, luận “khí” cũng không tách rời “sắc”, hai đối tượng này thường được hợp xưng thành “khí sắc”. Trên thực tế, “lục khí” ở đây chính là “lục khí sắc” hay “lục sắc”.

Thanh long chi sắc (sắc của thanh long): hai mắt đen trắng phân minh, thần quang đỏ vàng, tinh quang chiếu nhân.

Chu tước chi sắc (sắc của chu tước): sắc diện đỏ như Đan (cây phong lá đỏ), lũng thích như khói.

Đằng sà chi sắc (sắc của đằng sà): nhãn sắc (màu mắt) hỗn đục, đen trắng bất phân, thần quang u tối, dưới mắt có vết xanh.

Bạch hổ chi sắc (sắc của bạch hổ): hai mắt bạch khí (khí trắng) chập chờn, như lệ lại như không phải, lấp lánh như có ánh sáng.

Huyền vũ chi sắc (sắc của huyền vũ): môi xanh đen, hơi rung, bên mép có hắc khí bay vờn.

Khí

Về đặc điểm của “lục khí”, người xưa có khái quát nói rõ như sau:

Thanh long chi khí, như tường vân sắc nguyệt: khí của thanh long như mây lành tôn lên mặt trăng.

Chu tước chi khí, như chiều hà ánh thủy: khí của chu tước như ánh nắng chiều phản chiếu mặt nước.

Câu trần chi khí, như hắc phong xuy vân: khí của câu trần như gió đen đuổi mây.

Đằng sà chi khí, như thảo mộc tương khôi: khí của đằng sà như cỏ cây sắp hóa thành tro bụi.

Bạch hổ chi khí, như ngưng chi đồ dầu: khí của bạch hổ như mỡ đông được thoa dầu.

Huyền vũ chi khí, như nhị dầu và vụ: khí của huyền vũ như dầu mỡ và sương mù.



Bốc Thức: người thời Vũ đế nhà Tây Hán. Khí Vũ đế tiến đánh Hung Nô, Bốc Thức đã quyên góp gia sản cho quân đội. Vũ Đế triệu ông làm trung lương, song Bốc Thức không thể hoàn thành nhiệm vụ, nguyện lên rừng chăn dê. Sau này Vũ đế phát hiện ông là người hiền lương, liền phong làm ngự sử đại phu.

Trong sáu loại khí này, coi thanh sắc (màu xanh) là đẹp, là tốt. Đó là vì, trong lý thuyết Đông y, ngũ hành của màu xanh thuộc mộc, gan trong ngũ tạng của cơ thể cũng thuộc mộc, do đó gan với màu xanh, với mộc và với mùa xuân có mối liên hệ với nhau. Mùa xuân, vạn vật sinh sôi nảy nở, sức sống tràn trề; gan trong cơ thể người giữ vai trò là cơ quan tạo máu, là động lực bên trong của sức sống mạnh mẽ, do đó màu xanh là tượng trưng cho sinh mệnh, vì vậy, người xưa cho rằng màu xanh là màu đẹp nhất, tốt nhất.

“Sắc” và “cốt”

“Sắc” có phân đẹp xấu, màu xanh tốt nhất, đứng thứ hai là màu trắng, màu đen là xấu nhất.

Vậy thì, giữa cốt và sắc có mối liên hệ gì không? Có. Người xưa cho rằng, xương tốt thì sẽ có sắc tốt. Đạo lý cũng giống như cây to rễ sâu thì không cần phải lo cành nhiều lá rậm sum suê. “Thạch uẩn ngọc nhi sơn huy, thủy hoài châu nhi xuyên mị” (tức đá có chứa ngọc thì núi sáng, nước có châu thì sông đẹp).

Ở đây, điều cần phải nói rõ là, do xương có da thịt bọc ngoài nên cho dù có sắc thì người trần mắt thịt cũng không nhìn thấy được, vậy thì *Băng Giám* nói: “Cốt hữu sắc, diện dĩ thanh vi quý” liệu có lý không? Nói một cách chính xác, “cốt sắc” mà chương này nói đến phải là “diện sắc”, “diện di thanh vi quý”, “thiếu niên công khanh bán thanh diện”, tiếp tục đi vào làm rõ điểm này. Lý thuyết y học cho rằng: “sắc” hiện bên ngoài, “khí” ẩn bên trong, “sắc” chỉ là biểu hiện bên ngoài của “khí”, “khí” mới là gốc rễ của “sắc”, “khí” bất túc, “sắc” tự

khắc suy nhược. Do vậy có thể cho rằng: “Cốt sắc” ở đây phải là “cốt hữu khí, tại diện vi sắc”. “Cốt hữu khí” cũng chính là nói tình trạng khỏe mạnh của xương có mối liên hệ mật thiết với sức sống sinh mệnh của con người. Về điểm này, y học hiện đại đã chứng minh.



Câu Dặc phu nhân chính là Triệu Tiệp Dư, mẹ của Hán Chiêu đế. Vũ đế đi săn qua nhà bà, có một thầy bói nói rằng vùng này có kì nữ, Vũ đế lập tức sai người triệu bà đến, bà được Vũ đế sủng hạnh.

Tiếp tục xem, “diện dĩ thanh vi quý, tử thứ chi, bái tư hạ” được nhắc đến trong *Băng Giám* thì dễ hiểu rồi. Mùa xuân là mùa vạn vật sinh sôi nảy nở, sức sống hiển hiện, “thanh sắc” (màu xanh) cũng chính là chỉ thanh xuân khí sắc (khí sắc xuân xanh) giống như mùa xuân hoạt bát, có sức lực, tượng trưng cho sinh mệnh khỏe mạnh, lớn lên. Kiểu sắc khí như thế này, có sức sống, lại cũng không mất đi sự trang trọng, đoan nghiêm, là thứ vật chất hoạt bát mà lại có thể duy trì lâu bền, ổn định, không lúc được lúc mất. Sức sống luôn tồn tại, con người tự nhiên có thể tập trung tinh thần để đạt được công danh lợi lộc, tự khắc “quý hiển”.

“Tử sắc” (màu tím), có điểm không bằng so với màu xanh, do đó có thể nói “quý” song khó mà “đại quý”. “Bạch sắc”

(màu trắng) thì lại xếp sau. *Băng Giám* nói “bạch sắc như khô cốt phó phần” (màu trắng giống như xương khô thoa phần), như vậy, màu trắng đương nhiên không phải màu của sự khỏe mạnh, của sức sống, giống như trong màu trắng bệch còn ẩn giấu màu vàng úa sau thu, ảm đạm, âm u như cành khô lá úa, là dấu hiệu khí huyết hư tổn. Khí sắc như vậy, thì sao có thể “quý” đây? Cũng giống như một người gầy yếu xương khô, làm sao có thể gánh nặng?

***Diện giai bất như đầu giai
(mặt tốt không bằng đầu tốt)***

“Cốt chất” ở đây chỉ tình trạng liên kết phát triển của xương đầu, do đó nói “đầu dĩ liên giả vi quý, toái thứ chi”.

“Liên” chính là liên kết, ở đây nhằm chỉ liên kết thông suốt với nhau, không có dạng đứt đoạn rõ rệt, khi nhìn sẽ thấy một kết cấu xương nhất thể hóa vừa hoàn chỉnh lại mượt mà đầy đặn. Xương đầu như vậy, ngũ đình tự khắc cân bằng, tương phối với xương đầu, có thể nói là “nghi biểu đường đường” (dáng vẻ đường đường), tương mạo vô cùng anh tuấn. Cốt tướng như vậy là quý tướng, tương thiết tương hợp với tình lí thể tục.

“Toái” tương phản với “liên”, chỉ liên kết không hoàn hảo, có vết nứt rõ rệt. Cũng giống như một thanh gỗ, chất gỗ rắn chắc, không có vết rạn nứt thì sẽ là vật liệu làm đồ gia dụng tốt, ngược lại thì sẽ không có tác dụng mấy, đương nhiên là “thứ chi” (đồ kém chất/ đồ kém hơn).

“Đầu thượng vô ác cốt, diện giai bất như đầu giai”, ở đây

lại cho ta thấy tư tưởng coi trọng cốt tướng của người xưa. “Diện giai”: một người khi nhìn vào tướng mạo, rất anh tuấn, ngũ quan đoan chính, song không bằng “đầu giai”, ý là không bằng cốt giai (xương tốt).

Tào Tháo khi chuẩn bị tiếp kiến sứ giả Tây Vực, lo lắng tướng mạo mình không đẹp, để sứ giả nhìn thấy sẽ mất đi quốc uy, vì thế liền cho một thần tử đóng giả làm mình còn bản thân ông thì đứng ngay bên cạnh Tào Tháo giả. Sau khi sứ giả yết kiến xong lui ra, một vị đại thần biết rõ ngọn nguồn câu chuyện liền hỏi vị sứ giả đó có ấn tượng ra sao về Tào Tháo, vị sứ giả kia trả lời, Tào Tháo rất tốt, nhưng người đứng cạnh Tào Tháo khí chất còn anh hùng hơn.



Lương Hồng: người nhà Đông Hán, là nhà thơ, lấy Mạnh Thị nữ (con gái nhà họ Mạnh), hữu đức vô dung (có phẩm hạnh song không có nhan sắc). Ẩn cư trong núi, ngày ngày làm đồng dệt vải. Thời Hán Chương đế, ông sáng tác Ngũ y ca để châm biếm sự đời, bị truy bắt, sau đó mai danh ẩn tích, đóng cửa viết sách.

Câu chuyện này đã cho thấy rõ, “diện giai” (mặt tốt) tuyệt nhiên rất tốt, song đó chưa phải là căn bản: “diện giai bất như đầu giai”.

Đã cho rằng “diện giai bất như đầu giai”, vậy phải chăng cứ

trên đầu là tốt? *Băng Giám* tiếp tục bàn luận về vấn đề này. “Đầu đại nhi khuyết thiên đình” thì không được. “Khuyết thiên đình” chính là vi phạm nguyên lí cân bằng, cũng chính là cốt tướng có thiếu sót, không phù hợp với nguyên tắc “đầu dĩ liên giả vi quý”. Kiểu đầu to như vậy luôn là biểu hiện của đại não kém phát triển, trí lực không tốt, do đó nói “chung thị tiện phẩm”.

“Viên nhi vô xuyên cốt”, nếu xương đầu liên kết và lại mượt mà đầy đặn, có vẻ như rất tốt, song nếu không có thể cao ngất, thiếu một kiểu khí chất thì cũng không coi là tốt được, có tướng mệnh “bán thị cô tăng” (50% là làm sự). Tình trạng như vậy, nếu “phụ nhược cung cốt” trên huyết thái dương có thể nhô ra, thì cũng có thể tránh được vận mệnh “cô tăng”.

“Đầu đại nhi khuyết thiên đình”, “viên nhi vô xuyên cốt” đã cho thấy rõ định nghĩa của người xưa về cốt tướng đại khái như sau: người có xương to mà tròn, đầy đặn mà có thể cao ngất thì có quý tướng, ngược lại thì không thể nói là quý được.

“Tị cốt” và “quyền cốt” **(xương mũi và xương gò má)**

Cuối cùng chúng ta luận về “tị cốt” và “quyền cốt”.

“Tị cốt phạm mi”: chỉ xương sống mũi thẳng tắp tới tận tâm mi, có tư thế ngày càng xâm phạm sâu. Như vậy thì không tốt, làm hỏng nguyên tắc cân bằng. Song có một tình huống khác, đó là xương mũi liên kết với mi, chứ không phải là xương mũi “phạm mi”, người xưa cho rằng tướng như vậy là quý tướng.

Có một chiếc mũi vừa cao vừa thẳng, trông thì có vẻ rất

đẹp, rất tao nhã, rất cao quý, có phong độ của một nhà quý tộc, song người xưa cho rằng kiểu như vậy chỉ là thêu hoa cho gối, nhìn được nhưng không dùng được. Họ thiếu sức sống, cả ngày không dễ dãi nói cười, ăn nói bình thản, hành động xơ cứng, không nhiệt tình, rất khó tập trung tinh thần để làm một việc gì đó trong thời gian dài, do đó khó mà có được thành tựu. Mang đến cho mọi người cảm giác phản ứng chậm chạp, ngơ ngác, giống như bức tượng thạch cao không có sức sống.

“Quyền dữ nhãn tranh, tử tự bất lập”, tức là xương gò má kẻ sát đuôi mắt, cao hơn cả mắt, như vậy là tướng âm dương di vị (rời khỏi chỗ vốn có của nó), ti tôn xâm lăng (ti tiện/thấp hèn xâm phạm tôn quý/ cao quý), có hại. Tình hình này còn dễ phân biệt hơn “tị cốt phạm mi” ở trên một chút. Người xưa gọi đó là “quyền phong lăng nhãn” (đỉnh xương gò má xâm phạm vào mắt).

Cũng có một loại người, xương gò má cao, dáng vẻ không phải là tốt lắm, người mặc dù không xinh đẹp song năng lực lại không hề yếu kém. Người như vậy có thể thủ cũng có thể công, làm nhân viên thì sẽ trở thành một nhân viên ưu tú, một mình đảm đương một phía, tác phong sắc bén, làm việc nhanh nhẹn, có tình có lý, có cách làm việc quyết đoán, quả quyết. Khi gặp trắc trở, rắc rối hay những ý kiến phê bình không đúng, cũng có thể nén giận, không nản lòng, không oán trời trách người, có thể vượt qua khó khăn, nghịch cảnh mà tiến lên, nhất tâm muốn làm tốt công việc.



Mao Trường: thái thú Bắc Hải Tây Hán, người nước Triệu, làm tiến sĩ Hà Gian Vương (tiên sĩ: tên một chức quan ngày xưa). Ông biên soạn Thi kinh, được người đời gọi là “Tiểu Mao Công”. Danh tiếng của ông được lưu truyền đến ngày nay.

CƯƠNG NHU GIÁM

Nhận biết tính tình của con người

I. Tổng luận cương nhu⁽¹⁾

Kí thức thần cốt, đương biện cương nhu. Cương nhu, tắc ngũ hành sinh khắc chi số, bất túc dụng vô, hữu dư dụng tiết. Tiêu tức dữ mệnh tương thông.

Nguyên văn

Tức thức thần cốt, đương biện cương nhu⁽²⁾. Cương nhu, tức ngũ hành sinh khắc chi số⁽³⁾, danh viết “tiên

⁽¹⁾ Cương nhu: là một cụm khái niệm mâu thuẫn vừa đối lập lại vừa thống nhất với nhau, xét về mặt tính chất, cương đối ứng với dương, nhu đối ứng với âm, chính là cửa dương cương và cửa âm nhu. Âm dương là một cụm khái niệm được sử dụng rộng rãi trong triết học, y học, tôn giáo và trong cả nền văn hóa thần bí cổ đại Trung Quốc, trong cuộc sống có rất nhiều khái niệm âm dương, chính là nhất chính nhất phản, ví dụ:

Dương: nam, tinh (nắng), thái, dương, thượng, trực, ngoại, thành, công, đại...

Âm: nữ, vũ (mưa), nguyệt, lượng, hạ, khúc, nội, thất, bại, tiểu...

Là hai mặt của sự vật, dương hiện ra bên ngoài, âm ẩn mình bên trong, hai mặt vừa đối lập lại vừa dựa vào nhau để cùng tồn tại, nếu một bên mất cân bằng thì sẽ xảy ra sự thay đổi. Ví dụ, bên trong và ngoài của sự vật, bên ngoài mất đi, thì cũng không còn gì cái gọi là trong nữa.

⁽²⁾ Tức thức thần cốt, đương biện cương nhu: “Tức”: đã. Ý của hai câu này là: sau khi đã nhận biết và phân biệt rõ vấn đề về thần cốt thì còn phải phân biệt rõ cái gì là cương, cái gì là nhu.

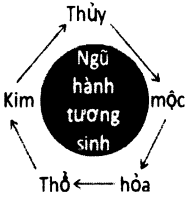
⁽³⁾ Cương nhu, tắc ngũ hành sinh khắc chi số: “Ngũ hành” tức kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. “Sinh” sự thúc đẩy lẫn nhau trong ngũ hành. “Khắc” sự khắc chế, bó buộc lẫn nhau trong ngũ hành. Người xưa cho rằng, ngũ hành vừa nguyên tố cơ bản để cấu thành nên vũ trụ và vạn vật, vừa là hình thức ngoại hóa và phương thức chuyển hóa trong vận động âm dương. Ngũ hành chính là năm nguyên tố có ích cho con người. *Thượng Thư - Hồng Phạm* viết: “Ngũ hành, nhất viết thủy, nhị viết hỏa, tam viết mộc, tứ viết kim, ngũ viết thổ. Thủy viết nhuận hạ, hỏa viết viêm thượng, mộc viết khúc trực, kim viết tông

thiên chủng tử”⁽¹⁾, bất túc dụng vô, hữu dư dụng tiết.⁽²⁾ Tiêu túc dữ mệnh tương thông⁽³⁾, thủ kì giáo nhiên dị kiến giả.

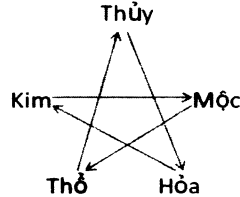
cách, thổ viết giá sắc. Nhuận hạ tác thành, viêm thượng tác khổ, khúc trực tác toan, tông cách tác tân (lạt), giá sắc tác cam”. Trong ngũ hành có mối quan hệ vừa tương sinh lại vừa tương khắc. Cái gọi là tương sinh chính là trong ngũ hành, một loại nguyên tố có tác dụng thúc đẩy với một nguyên tố khác, như mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ... Cái gọi là tương khắc chính là trong ngũ hành, một nguyên tố có tác dụng ức chế với một nguyên tố khác, như thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim. Quy luật sinh khắc của ngũ hành là:

Tương sinh: mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc.
Tương khắc: mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc.

Mối quan hệ sinh khắc của ngũ hành có thể được biểu hiện bằng biểu đồ dưới đây:



Hình ngũ hành tương sinh



Hình ngũ hành tương khắc

Số: vận số; khí số. Ở đây ý chỉ vốn có của bản thân sự vật. Ý của hai câu này là: cương và nhu được định sẵn trong mối quan hệ tương sinh tương khắc của ngũ hành.

⁽¹⁾ Tiên thiên chủng tử: “Tiên thiên”: di truyền. “Chủng tử”: sức sống. Ý của câu này là: cương và nhu là sức sống được di truyền.

⁽²⁾ Bất túc dụng vô, hữu dư dụng tiết: “Bất túc” chỉ dương cương bất túc hoặc âm nhu bất túc. “Vô” bổ sung, bù đắp. “Hữu dư” chỉ dương cương hoặc âm nhu hữu dư. Trong *Lão tử*, chương 77 có nói: hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi, thiên đạo tổn hữu dư nhi bổ bất túc (Cái nào thừa thì lấy bớt đi, thiếu thì bổ sung vào, đạo lý ở đời là lấy cái thừa bổ sung cho cái thiếu).

“Tiết” cắt giảm. Các nhà âm dương ngũ hành cho rằng, bắt buộc phải duy trì cân bằng giữa dương cương và âm nhu, bất kì một bên nào thừa hoặc không đủ đều không tốt. Ý của hai câu này là: nếu có một phần nào đó không đủ thì phần khác đều có thể bổ sung cho nó; nếu một phần nào đó thừa, thì phần khác cũng có thể cắt giảm đi.

⁽³⁾ Tiêu túc dữ mệnh tương thông: “Tiêu” dương cương đi thì âm nhu đến, hoặc dương cương tiêu yếu đi thì âm nhu mạnh lên, dịch học gọi đó là “Tiêu”. “Túc” âm nhu đi mà dương cương đến, hoặc âm nhu yếu đi dương cương mạnh lên, dịch học gọi đó là “Túc”. Ý của câu này là: sự doanh hư tiêu trưởng của dương cương, âm nhu đều có mối quan hệ tới vận số của con người.

Bản dịch

Sau khi quan sát phân biệt thần cốt, cần tiếp tục phân biệt cương nhu. Cương nhu là đạo lý sinh khắc của ngũ hành, đạo gia gọi là “tiên thiên chủng tử”, chỗ nào chưa đủ thì bổ sung cho nó, chỗ nào thừa thì tiêu tan bớt đi, để cho cương nhu cân bằng, ngũ hành hòa hợp, doanh hư tổn ích (sự vật phát triển biến hóa, đấu tranh với nhau, mạnh yếu thay thế nhau, cái này mất đi thì cái kia phát triển) tương thông với tướng mệnh của con người, đây là điều tương đối dễ phát hiện khi so sánh.

Cương nhu - trạng thái tiêu trưởng (biến mất và phát triển lên) của ngũ hành

Chương này chuyên luận về nhóm khái niệm mâu thuẫn “cương” và “nhu”.

Trước khi bàn về “cương”, “nhu”, sẽ nói về học thuyết ngũ hành âm dương cổ đại của Trung Quốc, đó là cơ sở lý luận của “cương”, “nhu”.

Học thuyết âm dương đã được hình thành từ thời nhà Hạ. Âm hào và dương hào trong bát quái xuất hiện trong sách quẻ (sách về gieo quẻ) *Liên Sơn* của nhà Hạ (*Liên Sơn*, *Quy Tàng* và *Chu Dịch* là sách quẻ nổi tiếng thời cổ đại, hiện nay chỉ còn lưu giữ được *Chu Dịch*, *Liên Sơn* và *Quy Tàng* đã thất truyền). Trong *Sơn Hải Kinh* có ghi chép: “Phục hi đắc hà đồ, hạ nhân nhân chi, viết *Liên Sơn*; hoàng đế đắc hà đồ, thương nhân nhân chi, viết *Quy Tàng*; liệt sơn thị đắc hà đồ, chu nhân nhân chi, viết *Chu Dịch*”. Ở đây ý nói, Phục Hi thị đạt được hà đồ, người triều Hạ căn cứ theo Hà đồ viết nên *Liên*

Sơn, người triều Thương viết Quy Tàng, người triều Chu viết Chu Dịch.



Thái Ung (tự Bá Giai): Ông là nhà văn, nhạc gia thời Đông Hán, học thức sâu rộng, sở trường thi ca văn chương, tính thông âm luật. Con đường làm quan gặp nhiều trắc trở, trong thời loạn Đông Trắc, chết trong ngục. Trong các tác phẩm của ông, Thuật Hành Phú là nổi tiếng nhất.

• “Hà Đồ” và “Lạc Thư”

Hà đồ và Lạc thư rốt cuộc như thế nào?

Tương truyền vào thời Phục Hi lãnh đạo bộ lạc thị tộc nguyên thủy Trung Quốc, có long mã ra khỏi sông Hoàng Hà, trên lưng vác theo “hà đồ”; có rùa thần ra khỏi sông Lạc Thủy, trên lưng vác theo “lạc thư”. Phục Hi thị sau khi có được “hà đồ” và “lạc thư”, đã căn cứ theo điểm âm dương trên “hà đồ” và “lạc thư” vẽ thành bát quái. Sau này, nhà đại học giả thời Tống tên Chu Hi gọi “hà đồ” và “lạc thư” là “*thiên địa tự nhiên dịch*”.

• Ngũ hành tương sinh tương khắc

Học thuyết ngũ hành được hình thành như thế nào, đến nay vẫn chưa có kết luận chắc chắn. Giới Dịch học cho rằng, học thuyết ngũ hành cùng hình thành với học thuyết âm dương. Giới sử học lại cho rằng, người sáng lập nên học thuyết ngũ hành là Mạnh Tử. Giới triết học lại cho rằng, nó được hình thành từ thời Tây Chu, sớm nhất được bắt gặp xuất hiện trong *Thượng Thư - Hồng Phạm*. Ba ý kiến trên trước nay vẫn chưa được thống nhất.

Ngũ hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, mỗi cái có một đặc tính riêng:

“Mộc” có đặc tính sinh sôi phát triển, lưu loát thông đạt.

“Thủy” có đặc tính nóng nực, vươn lên.

“Thổ” có đặc tính nuôi dưỡng, dưỡng dục.

“Kim” có đặc tính thanh tịnh, thu sát.

“Hỏa” có đặc tính hàn lạnh, hướng xuống.



Điêu Thuyền: người sống vào thời kì cuối nhà Đông Hán. Là ca kĩ trong nhà tư đồ Vương Doãn, có dung mạo nguyệt thẹn. Tự nguyện hiến thân dùng kế li gián liên hoàn với Đổng Trác và Lã Bố, mượn tay Lã Bố, giết chết Đổng Trác.

Ngũ hành tương sinh, ắt tương khắc, song ngoài thuận khắc như kim khắc mộc, mộc khắc thổ... ra, còn có hiện tượng nghịch khắc (khắc ngược trở lại), như thổ vượng mộc suy, mộc phản thụ thổ khắc; mộc vượng kim suy, kim phản thụ mộc khắc; thủy vượng thổ suy, thổ phản thụ thủy khắc; kim vượng hỏa suy, hỏa phản tạo kim khắc; hiện tượng nghịch khắc này còn được gọi là ngũ hành phản vũ.

Lịch sử có một câu chuyện rất thú vị, chính là việc lấy tên của Minh đại đế vương (các vị vua nhà Minh), về cơ bản là đặt tên dựa trên ý nghĩa tương sinh ngũ hành. Như Thái Tử Tiêu, con trai của Minh thái tổ Chu Nguyên Chương thời ông đều lấy “mộc” trong ngũ hành để đặt tên. Hơn thế có một vài chữ rất xa lạ, có thể là do trực tiếp tạo nên. Như Thái Tử Tiêu (chữ Tiêu có bộ mộc), Tần Vương Sảng (chữ Sảng có bộ mộc), Tần Vương Lư (chữ Lư có bộ mộc), Yên Vương Đệ (chữ Đệ có bộ mộc), Chu Vương Tiêu (chữ Tiêu có bộ mộc), Sở Vương Thực (chữ Thực có bộ mộc), Tề Vương Phù (chữ Phù có bộ mộc), Lỗ Vương Khởi (chữ Khởi có bộ mộc), Đàm Vương Tử (chữ Tử có bộ mộc), Thục Vương Đan (chữ Đan có bộ mộc), Tương Vương Bách (chữ Bách có bộ mộc), Đại Vương Quế (chữ Quế có bộ mộc), Túc Vương Tùng (chữ Tùng có bộ mộc), Liêu Vương Mô (chữ Mô có bộ mộc), Khánh Vương Mai (chữ Mai có bộ mộc), Ninh Vương Quyền (chữ Quyền có bộ mộc), Cốc Vương Huệ (chữ Huệ có bộ mộc), Mân Vương Cánh (chữ Cánh có bộ mộc), Hán Vương Khải (chữ Khải có bộ mộc), Phan Vương Chương (chữ Chương có bộ mộc), An Vương Lịch (chữ Lịch có bộ mộc), Đường Vương Quất (chữ Quất có bộ mộc), Sính Vương Tương (chữ Tương có bộ mộc), Y Vương Tài (chữ Tài có bộ mộc), Tịnh Giang Vương Quất (chữ Quất có bộ mộc), Hán Vương Mô (chữ Mô có bộ mộc), Dự Vương Đồng (chữ Đồng có bộ mộc), Vệ Vương Chi (chữ Chi có bộ

mộc). 28 vị Vương do Minh thái tổ phong đều có một chữ “mộc” ở bên. Căn cứ theo nguyên lý tương sinh ngũ hành, mộc sinh hỏa, đời sau đương nhiên sẽ đặt tên có chữ “hỏa ở bên”, sự thật chính xác là như vậy. Nhân Tông hoàng đế là con trai của Minh thành tổ, tên là Chu Cao Xí (chữ Xí có bộ hỏa ở bên)... cứ lần lượt như thế, Tuyên Tông Chu Thiêm Cơ (trong chữ Cơ có bộ thổ), Đại Tông Chu Kỳ Ngọc (chữ Ngọc có bộ kim), Hiến Tông Chu Kiến Thâm (chữ Thâm có bộ ba chấm thủy), Hiếu Tông Chu Hựu Đường (chữ Đường có bộ mộc), đều là căn cứ theo trình tự tương sinh mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc mà đặt tên. Việc đặt tên của Minh triều hoàng đế đều dựa theo ngũ hành tương sinh, mang ý nghĩa, sinh sôi phát triển không bao giờ lụi tàn, đúng là suy nghĩ kì diệu, độc đáo.



Nhan Hôi: người nước Lỗ, thời kì cuối của thời xuân thu. Đứng đầu trong 72 vị hiền nhân của Nho gia, nổi tiếng bởi đức hành của mình. Ông nghèo song ham học, say mê với chuyện tồn vong (sinh tồn và cái chết) mặc dù cuộc sống cơ hàn cũng không làm thay đổi niềm yêu thích của ông, ông được người đời sau gọi là “Phục Thánh”.

• **Thiên can và địa chi**

Trung Quốc cổ đại dùng thiên can và địa chi để ghi năm, điều này cũng có quan hệ mật thiết với âm dương ngũ hành.

Mười thiên can là: giáp, ất, bính, đinh, mậu, kị, canh, tân, nhâm, quý; mười hai địa chi là: tí, Sửu, dần, mao, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Âm dương ngũ hành của thiên can như sau:

Giáp ất thuộc mộc, giáp là dương mộc, ất là âm mộc;

Bính đinh thuộc hỏa, bính là dương hỏa, đinh là âm hỏa;

Mậu kị thuộc thổ, mậu là dương thổ, kị là âm thổ;

Canh tân thuộc kim, canh là dương kim, tân là âm kim;

Nhâm quý thuộc thủy, nhâm là dương thủy, quý là âm thủy.

Âm dương ngũ hành của địa chi như sau:

Dần mao thuộc mộc, dần là dương mộc, mao là âm mộc;

Tỵ ngọ thuộc hỏa, tỵ là dương hỏa, ngọ là âm hỏa;

Thân Dậu thuộc kim, thân là dương kim, Dậu là âm kim;

Tí Hợi thuộc thủy, tí là dương thủy, Hợi là âm thủy;

Thìn Tuất Sửu Mùi thuộc thổ, thìn Tuất là dương thổ, Sửu Mùi là âm thổ.

Tính tình, vận mệnh với ngũ hành

Giữa tính tình, vận mệnh của con người với âm dương ngũ hành có mối quan hệ như thế nào?

Triết học và luân lý học cổ đại Trung Quốc cho rằng, căn bản của người và vật có thể xem lý luận về tính tình, tuy nhiên lý luận về tính tình vừa tế nhị lại vừa huyền diệu, nếu không có ánh mắt của thánh nhân, người thường khó mà làm được. Tính tình có thể được suy ra từ biểu hiện bên ngoài của con người, cũng chính là nói, muốn biết thế giới nội tâm của một người có thể xuất phát từ việc quan sát từ giọng nói gương mặt, nhất cử nhất động bên ngoài của họ. Cả con đường nhận biết con người đều được bắt đầu từ bề ngoài để biết được nội tâm, từ chỗ rõ rệt mà phán đoán những chỗ thâm kín, ẩn giấu. Tức là: vật, bắt buộc phải đi từ bên ngoài để mà tìm kiếm bản chất bên trong.

Hình chất (hình dáng, chất) từ đâu mà đến? Lưu Thiệu cho rằng hình chất có mối quan hệ mật thiết với ngũ hành, âm dương, nguyên nhất (nguồn cội duy nhất của vạn vật). Bởi vì chứa nguyên nhất mà cho rằng đó là chất nên bị đánh đồng; vì được ban cho âm dương để lập tính, nên nó có cương nhu; bởi vì hình thể được tạo nên bởi ngũ hành, vì vậy có hình trạng như: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Mặc dù hình dáng trạng thái biến hóa khôn lường, song tính chất bên trong không bao giờ thay đổi, do đó hình thành nên hình chất.

Qua căn cứ từ nguyên nhất, âm dương, ngũ hành, coi luận về tính tình là khí tính luận (hay còn gọi là tài tính luận, chất tính luận). Thời Đông Hán, Vương Sung đề ra chủ trương “dụng khí vi tính”, ông cho rằng “nguyên nhất chi khí” là cội nguồn của “tính”. Vương Sung nói: “Nhân bẩm khí vu thiên, khí thành nhi hình lập” (con người được trời ban cho khí, khí thành thì hình lập); lại nói: “Nhân chi thiện ác, cộng nhất nguyên khí”(thiện ác của con người đều cùng có một nguyên khí). Khí có bao nhiêu thì sẽ quyết định tốt xấu của tính.

Tài chất của con người nằm ở sự phân biệt khí được ban cho nhiều hay ít, dày hay mỏng, thanh hay đục, do vậy, tư chất, bản tính của con người tự khắc có sự phân biệt thiện ác, trí ngu, tài, bất tài, hiền, bất tiêu. Người mà được ban cho khí nhiều, dày, trong, là người thông minh trí tuệ, ban cho khí ít, mỏng mà đục là kẻ ngu dốt. Mặc dù có thể bồi dưỡng song sự bồi dưỡng qua giáo dục này không thể thay đổi được bản chất của con người. Tính chất vốn có của con người là thứ không thể thay đổi.

Thời Đông Hán rất thịnh hành thuyết âm dương ngũ hành, phạm là khí đến đều được gọi là dương khí, khí đi là âm khí. Hai khí âm dương đến từ khí của nguyên nhất của trời đất và hòa vào làm một, trong trời đất có sự phân biệt khí âm dương, con người cũng có hai mặt âm dương, do đó Đồng Trọng Thư nói: “Con người có tính tình cũng giống như trời có âm dương”.

Hai mặt âm dương của con người là chỉ tham và nhân. Đồng Trọng Thư nói: “Nhân chi thành, hữu tham hữu nhân, nhân tham chi khí lưỡng tại vu thân. Thân chi thủ chư thiên, thiên vũ, hữu âm dương chi thi; thân diệc vũ, hữu than nhân chi tính” tham khí có thể từ tà, nhân khí có thể từ thiện. Tham nhân mà con người thể hiện ra ngoài thậm chí còn do lây nhiễm, học theo mà thành, do đó thiện ác của tính người có thể trông chờ vào sự giáo dục sau này.

Tương sinh tương khắc trong ngũ hành, hàm ý của nó là vừa có sinh lại vừa có khắc, là trong sinh có khắc, trong khắc có sinh, có mối quan hệ, chuyển hóa lẫn nhau. Chỉ sinh mà không khắc hoặc chỉ khắc không sinh không phù hợp với quy luật sinh khắc của ngũ hành.



Lí Mục: là danh tướng nước Triệu thời Chiến Quốc. Trần giữ Nhận Môn trong một thời gian dài để đề phong quân Hung Nô xâm phạm, nhiều lần lập chiến công. Sau này, Triệu vương trúng kế li gián của Tần, Lí Mục bị xử trảm.

Để nói rõ và giải thích vạn sự vạn vật trong vũ trụ, người xưa đưa thể giới tự nhiên, xã hội loài người, thậm chí là gần như tất cả mọi sự vật hiện tượng trên các mặt của cơ thể con người vào trong ngũ hành, tạo nên một loạt những mối quan hệ đối ứng. Xem hai bảng dưới đây:

Nhân diện ngũ hành thời không phương vị

Ngũ hành	Địa chi	Thiên can	Ngũ phương	Bát quái	mùa	Ngũ sắc
Mộc	Dần - Mão	Giáp Ất	Đông	Chấn	Xuân	Xanh
Hỏa	Tỵ - Ngọ	Bính Đinh	Nam	Ly	Hạ	Đỏ
Thổ	Thìn - Mùi - Tuất - Sửu	Mậu Kỷ	Trung	Cấn	Trường hạ	Vàng
Kim	Thân - Dậu	Canh Tân	Tây	Đoài	Thu	Trắng
Thủy	Hợi - Tý	Nhâm Quý	Bắc	Khảm	Đông	Đen

Ngũ hành	Ngũ quan	Tạng	Phủ	Ngũ thể	Tình thái	Ngũ đức	Sơ chủ	Giải thích
Mộc	Mục	Gan	Đảm	Cân mạt qua giáp	Tức giận	Nhân	Quý tiện	Tinh hoa tốt đẹp
Hỏa	Thiệt	Tâm	Tiểu tràng	Huyết khí mao phát mạch	Vui vẻ	Lễ	Cương nhu	Uy dũng cương liệt
Thổ	Khẩu	Tì	Vị	Nhục và nhục sắc	Suy nghĩ	Tín	Bản phú	Chống đỡ, nuôi dưỡng vạn vật)
Kim	Tị	Phổi	Đại tràng		U sầu	Nghĩa	Thọ yếu	Giải quyết nguy nan
Thủy	Nhĩ	Thận	Bàng quang	Cốt xị	Kinh hoàng	Trí	Hiển ngu	Thông minh, nhạy bén

Thiên nhân hợp nhất

Triết học cổ đại Trung Quốc có một quan niệm hạt nhân là “thiên nhân hợp nhất”, chính là chỉ thiên đạo và nhân đạo, tự nhiên và con người tương thông, cùng loại và thống nhất với nhau. Các nhà tư tưởng cổ đại Trung Quốc thường chủ trương thiên và nhân thống nhất với nhau, phản đối thiên và nhân là kẻ thù của nhau, họ ra sức tìm kiếm nơi tương thông giữa thiên và nhân, để đạt được sự hài hòa giữa thiên với nhân. Điểm này có chỗ tương đồng với chủ nghĩa bảo vệ môi trường

ngày nay, song ý nghĩa nội hàm của tư tưởng “thiên nhân hợp nhất” cổ đại của Trung Quốc còn phong phú hơn rất nhiều so với khái niệm bảo vệ môi trường ngày nay. Có người cho rằng, chủ trương và theo đuổi “thiên nhân hợp nhất” là một trong những đặc điểm của triết học cổ đại Trung Hoa, còn ra sức tạo nên “thiên nhân hợp nhất” lại là cảnh giới sinh tồn cao nhất mà người Trung Quốc theo đuổi. Bình luận về tư tưởng “thiên nhân hợp nhất” như thế nào không phải là nhiệm vụ của cuốn sách này, nên ở đây tạm thời chúng ta sẽ không bàn về điều này. Song sự “hợp nhất” vào một lúc nào đó hay ở một phương diện nào đó chính là sự thống nhất tương thông, cùng loại giữa thiên và nhân, đây lại là một sự thật khách quan.

Triết học quan (cái nhìn về triết học) cổ đại của Trung Quốc cũng chính là luận về “thiên nhân hợp nhất”. Triết học quan này cho rằng, con người là “linh trưởng của vạn vật”, chính là sự tồn tại của sinh mệnh cao cấp, vừa là sản vật của thế giới tự nhiên, lại vừa là bức tranh thu nhỏ của thế giới tự nhiên; cũng giống như vậy, con người vừa là sản vật của xã hội loài người, vừa là một bộ phận cấu thành xã hội loài người, hơn nữa còn là phần quan trọng nhất, do đó tất cả những tin tức bao hàm về xã hội loài người chính là hình ảnh thu nhỏ của xã hội loài người. Chính từ hai lý do trên mà con người vừa có tính tự nhiên lại vừa có tính xã hội.

Cương nhu tương tế chi lí (lý luận về cương nhu cùng nhau hỗ trợ, thúc đẩy nhau)

Căn cứ theo những lý luận ở trên, người xưa khi suy đoán, phán đoán vận mệnh của con người, yêu cầu nhân tướng vừa phải hòa hợp với tự nhiên lại vừa phải hòa hợp với xã hội, dung hòa tính tự nhiên và tính xã hội thành một thể là việc làm phù hợp với quy luật biến đổi của âm dương ngũ hành, quy luật âm dương chuyển hóa lẫn nhau, ngũ hành sinh khắc.

Trong *Băng Giám* có nhắc đến “thần” và “cốt” là gốc của nhân tướng, có gốc mới có hạt giống, do đó chương này cho rằng “cương nhu” là “tiên thiên chủng tử” của tướng. Hay nói một cách khác, “thần” và “cốt” rất quan trọng, “cương” và “nhu” cũng quan trọng như thế, “biện cương nhu” thì mới có thể nói về con người.



Mã Viện: là người Đông Hán. Vào thời loạn Vương Bôn, quy thuận Lưu Tú, đã từng dẫn quân tấn công người Khương, trấn áp khởi nghĩa, được phong làm Tân Túc Hầu.

“Cương nhu, ngũ hành sinh khắc chi số”. Ngũ hành: phía trước đã nói tới, ở đây ta không nói lại nữa. Nếu có một “hành” nào đó của con người trong ngũ hành bất túc, thì những phần khác đều có thể bổ sung cho nó, chính là “tồn hữu dư nhi bổ bất túc” được nói đến trong *Lão Tử*, nếu một “hành” hữu dư, những phần khác có thể tiêu giảm nó đi. Đây chính là quan niệm về “cương nhu tương tế” trung hòa cân bằng. Ví dụ, nếu hình hoặc thần của mắt bất túc, mà hình hoặc thần của tai hữu dư, vậy thì giai tướng (tướng tốt) của tai có thể bù đắp cho sự thiếu sót (bất túc) của mắt, ngược lại cũng tương tự như thế.

“Bất túc dụng bổ, hữu dư dụng tiết”, đây là tư tưởng biện chứng quan trọng trong âm dương ngũ hành. Ví dụ, kim vượng, cái gọi là vật cực tất phản, cương cực dị chiết, thì dùng thủy để tiết chế sự vượng của kim; nếu thủy quá yếu, không đủ để hỗ trợ thúc đẩy với hành khác trong ngũ hành thì dùng kim để sinh thủy, giúp thể của thủy mạnh lên. Quan niệm tổng thể này có thể giúp tránh giới hạn quan điểm phiến diện “chỉ trông cục bộ mà không thấy được toàn diện vấn đề”. Khi vận dụng “bất túc dụng bổ, hữu dư dụng tiết”, cần phải tuân theo lý luận về doanh hư tiêu trưởng (sự vật phát triển biến hóa, đấu tranh với nhau, mạnh yếu thay thế nhau, cái này mất đi thì cái kia phát triển), chính là quy luật âm dương cân bằng, cương nhu tương tế, ngũ hành hài hòa thống nhất.



Thương Hiệt: theo truyền thuyết Thương Hiệt quan sát vết tích của chim để tạo nên văn tự, là người đầu tiên tạo nên chữ. Nghe nói Thương hiệt có bốn con mắt.

II. Ngoại cương nhu

Ngũ hành hữu hợp pháp, hợp pháp hữu thuận hợp, hữu nghịch hợp. Thuận giả đa phú, nghịch giả kì quý phi thường.

Nguyên văn

Ngũ hành hữu hợp pháp, mộc hợp hỏa, thủy hợp mộc, thổ thuận nhi hợp⁽¹⁾. Thuận giả đa phú, tức quý diệc tại phù trầm chi gian⁽²⁾. Kim dữ hỏa thù, hữu thời hợp hỏa, suy chi

⁽¹⁾ Ngũ hành hữu hợp pháp, mộc hợp hỏa, thủy hợp mộc, thổ thuận nhi hợp: “Hợp” trong ngũ hành có mối quan hệ tương sinh tương khắc, mối quan hệ như vậy được gọi là hợp. Hợp lại chia thành “thuận” và “nghịch”, tương sinh là thuận hợp, tương khắc là nghịch hợp. Ưu nhược điểm của “thuận hợp” và “nghịch hợp” không thể kết luận khái quát được, cần căn cứ vào tình hình cụ thể mà đưa ra kết luận. Ý của bốn câu này là: trong ngũ hành có quan hệ tương sinh tương khắc, quan hệ như vậy được gọi là “hợp”; “hợp” lại được chia thành thuận hợp, nghịch hợp, mộc hợp hỏa chính là mộc sinh hỏa, thủy hợp mộc chính là thủy sinh mộc... đây chính là thuận hợp.

⁽²⁾ Thuận giả đa phú, tức quý diệc tại phù trầm chi gian: người xưa cho rằng, ngũ hành thuận hợp là chủ phú chứ không phải chủ quý, cho dù thỉnh thoảng gặp được quý

thủy thổ giả giai nhiên, thử nghịch nhi hàm giả⁽¹⁾, kì quý phi thường. Nhiên sở vị nghịch hợp giả, kim hình đá hỏa tắc nhiên. Hỏa hình đá toàn, tắc tam thập tử hĩ⁽²⁾; thủy hình đá thổ tắc nhiên, thổ hình đá thủy, tắc cô quả chung lão hĩ; mộc hình đá kim tắc nhiên, kim hình đá mộc, tắc đao kiếm tùy thân hĩ⁽³⁾. Thử ngoại khiên hợp, câu thị tạp cách, bất nhập văn nhân chính luận⁽⁴⁾.

cũng không thể duy trì lâu dài. Ý của hai câu này là: người thuận hợp đa phần sẽ phú song không được quý, cho dù thỉnh thoảng được quý thì cũng không thể giữ lâu dài, luôn luôn trôi nổi bấp bênh, lên lên xuống xuống giữa ranh giới của quý và bất quý.

⁽¹⁾ Kim dữ hỏa thù, hữu thời hợp hỏa, suy chi thủy thổ giả giai nhiên, thử nghịch nhi hợp giả: “thù” còn được gọi là “vũ”. Cái mà chúng ta gọi là “vũ” thực chất chính là phản khắc (khắc ngược trở lại), như hỏa vốn dĩ khắc kim, ngược lại, có lúc kim cũng ức chế, bó buộc hỏa, như thế này gọi là kim vũ hỏa hoặc kim thù hỏa. Tục ngữ nói “kim hỏa tương thành”, kim không được hỏa luyện thì không thể thành dụng cụ có tác dụng. Quan hệ tương thù trong ngũ hành là: kim thù hỏa, hỏa thù thủy, thủy thù thổ, thổ thù mộc, mộc thù kim.

Từ trên ta có thể thấy rằng, nghịch hợp thực chất bao gồm tương khắc và tương thù. “Suy chi thủy thổ giả giai nhiên” thực chất là suy ra tương tự như trên, thổ với mộc, hỏa với thủy, mộc với kim cũng đều là quan hệ tương thù. Ý của bốn câu này là: trong ngũ hành, kim và hỏa tương thù, tức là kim thù hỏa, song có lúc kim lại khắc với hỏa, tức là hỏa khắc kim. Tương tự như vậy, thủy với thổ, thổ với mộc, mộc với kim đều có mối quan hệ vừa tương thù lại vừa tương khắc như vậy, mối quan hệ như vậy gọi là nghịch hợp.

⁽²⁾ Nhiên sở vị nghịch hợp giả, kim hình đá hỏa tắc nhiên, hỏa hình đá kim, tắc tam thập tử hĩ: “kim hình”, người xưa cho rằng hình mạo của con người có thể dựa theo ngũ hành để chia thành ngũ hình, chính là kim hình nhân, mộc hình nhân, thủy hình nhân, hỏa hình nhân và thổ hình nhân. “Kim hình đá hỏa tắc nhiên” chính là kim hình đá hỏa đã được nói đến ở trên, vô cùng quý, bởi vì kim thù hỏa, khi kim hình nhân đá (mang theo) hỏa, hỏa có thể luyện kim, kim được hỏa luyện mới thành thứ hữu dụng. Hỏa hình đá kim, tắc tam thập tử hĩ, đó là bởi vì hỏa khắc kim, kim lại làm ảnh hưởng cản trở đến hỏa thể, khiến cho hỏa bất thuận, do đó không tốt, vì vậy chết sớm. Ý của bốn câu này là: tuy nhiên trong nghịch hợp mà chúng ta nói đến, do thù hỏa, nên tướng kim hình nhân mang theo hỏa hình thì rất cao quý. Ngược lại, do hỏa khắc kim, tướng hỏa hình nhân mang theo kim hình, thì kim sẽ bị khắc, vì thế người này chỉ sống đến 30 tuổi thì sẽ chết.

⁽³⁾ Đao kiếm tùy thân hĩ: sắp gặp phải nạn gươm đao, họa sát thân.

⁽⁴⁾ Thử ngoại khiên hợp, câu thị tạp cách, bất nhập văn nhân chính luận: “khiên hợp” gượng ép gộp lại. Ý của ba câu này là: tất cả những cách nói khiên cưỡng phụ họa khác, đều là những kiểu hỗn tạp, không thể coi là lý luận chính tông của văn nhân.

Bản dịch

Trong ngũ hành có mỗi quan hệ tương sinh tương khắc tương thù, mỗi quan hệ này được gọi là “hợp”; “hợp” lại được chia thành thuận hợp và nghịch hợp, như mộc sinh hỏa, thủy sinh mộc, kim sinh thủy, thổ sinh kim, hỏa sinh thổ, sự tương sinh lưu truyền này chính là thuận hợp. Trong số những người có tướng thuận hợp, phần nhiều sẽ được phú song không được quý, cho dù ngẫu nhiên được quý cũng trôi nổi phập phồng, lúc lên lúc xuống, khó mà giữ lâu được. Kim thù hỏa, có lúc hỏa với kim lại tương phụ tương thành (giúp đỡ nhau cùng phát triển), cũng giống như đạo lý kim không được rèn qua lửa thì không thể thành vũ khí, suy ra tương tự, mỗi quan hệ giữa thủy với thổ và những cặp quan hệ khác cũng như vậy, đây chính là nghịch hợp, tướng nghịch hợp như vậy vô cùng cao quý. Tuy nhiên trong tướng nghịch hợp được nói đến ở trên, nếu như là tướng kim hình nhân mang theo hỏa hình thì sẽ rất cao quý, ngược lại, nếu là tướng hỏa hình nhân mang theo kim hình, vậy thì đến 30 tuổi sẽ chết; nếu là tướng thủy hình nhân mang thổ hình, hết sức cao quý, ngược lại, nếu là tướng thổ hình nhân mang thủy hình thì cả đời cô đơn, không nơi nương tựa; nếu là tướng mộc hình nhân mang kim hình, vô cùng cao quý, ngược lại là tướng kim hình nhân mang mộc hình sẽ gặp phải nạn gươm đao, mang họa sát thân. Còn về cách nói gò ép khiến cưỡng khác thì đều là mô thức được gom nhặt lại, không thể cho đó là lý luận chính tông của văn nhân.



Cổ Phục: người sống vào thời đầu nhà Đông Hán. Thời trẻ theo Lý Sinh học Thượng Thư, Lý Sinh quan sát dung mạo chí khí và tính thần chăm chỉ học tập của ông, biết ông là nhân tài làm tướng lĩnh, tể tướng. Sau tòng quân, được Lưu Bị phong làm Phá Lỗ tướng quân.

Ngũ hành hình tướng

Chương này chuyên bàn luận về “cương nhu” được thể hiện ở ngoại hình, chính là “ngoại cương nhu”. Ngoại cương nhu là đặc trưng hình trạng có thể trực tiếp nhìn thấy thông qua hình mạo bên ngoài.

Cổ nhân xưa nay đều vô cùng coi trọng hình thể, hơn nữa còn chỉ ra rõ ràng tầm quan trọng của có “thân tốt” tức là “thân phương đoan chính”.

Phía trước đã nhắc đến ngũ hành, về mặt hình thể, người xưa cũng vận dụng ngũ hành để phân loại, để nói rõ tính cách,

phẩm hạnh và vận mệnh của con người. Phương pháp này gọi là “ngũ hành hình tướng”.



Lý phu nhân: là người thiếp được Hán Vũ đế sủng ái. Do anh trai Lý Diên Niên tiến cử nên gặp được Vũ đế. Vì vẻ đẹp thanh tú mỹ lệ, cộng thêm tài ca múa nên được sủng ái.

“Ngũ hành hình tướng” tức là căn cứ vào tính chất của ngũ hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, dùng phương pháp loại suy quy hình dáng tướng mạo, tính cách khí chất của con người thành năm loại: kim hình, mộc hình, thổ hình, hỏa hình, thủy hình. Quan niệm triết học “nhân bẩm âm dương ngũ hành chi khí nhi sinh thân” của người xưa là căn cứ lý luận của “ngũ hành hình tướng”.

Người xưa cho rằng vũ trụ vạn vật đều được cấu thành bởi năm nguyên tố: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ; con người là tinh hoa của vũ trụ, là linh trưởng của vạn vật; nguyên tố cấu thành nên con người cũng là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, tất nhiên cũng phải phù hợp với tính tự nhiên, do đó nói: “Bẩm ngũ hành dĩ sinh, thuận thiên địa chi hòa, thực thiên địa chi lộc, vị thường bất do vu ngũ hành chi sở thủ, biện ngũ hành chi hình, tu tận thức ngũ hành chi tính”. Ý của đoạn này là nói, đời

người tương hợp với ngũ hành, trời đất, vậy nếu đã đến từ ngũ hành, thì muốn hiểu được trạng thái ngũ hành, bắt buộc phải biết tính trạng của ngũ hành, biết rõ ngọn ngành, thì mới có thể nắm chắc được bản chất của sự vật.



Vương Hí Chí: là thư pháp gia thời Đông Tấn, được người đời sau mệnh danh là “Thư thánh”, xuất thân từ sỹ tộc danh môn, làm quan nhà Tấn, là hữu tướng quân. Từng theo Vệ phu nhân học thư pháp. Thể bút của ông “phiên nhược kinh hồng, kiếu nhược du long” (bay nhanh như nhạn hồng kinh hải, uốn lượn như rồng bay ngoạn cảnh).

Ngũ thể, ngũ chất, ngũ thường

Trong cuốn *Nhân vật chí* của Lưu Thiệu thời nhà Hán, Lưu Thiệu dùng ngũ hành để nói rõ năm kết cấu của con người, là: cốt, khí, cơ, cân, huyết, lại từ tính chất của ngũ thể để tượng trưng cho ngũ chất của con người, là: hoàng nghị (khoan hồng kiên nghị), văn lí (lễ nghĩa, có điều lý), trinh cố (kiên trì bảo vệ chính đạo, không thay đổi), dũng cảm, thông vi (thấu hiểu, quan sát rõ chi tiết mọi việc dù là nhỏ nhất), rồi lại lấy ngũ chất để tượng trưng cho ngũ thường của con người, là: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, thông qua đó để nhận biết tính cách, phẩm chất của con người.

Bởi vì mộc đối ứng với cốt của con người, nên gộp lại gọi là mộc cốt; vì hỏa đối ứng với khí nên gọi là hỏa khí; thổ đối ứng với cơ nên gọi là thổ cơ; kim đối ứng với cân nên gọi là kim cân; thủy đối ứng với huyết nên gọi là thủy huyết.

Tiếp đó, Lưu Thiệu lại dùng cốt, khí, cơ, cân, huyết để nói rõ mối quan hệ giữa tính chất với ngũ chất, ngũ thường. Nếu có tính nhu thì tính cách hoằng nghị, nếu tính cách hoằng nghị thì có chất nhân; nếu thanh thuần thì có tính cách văn lí, tính cách văn lí chính là gốc của lễ; cơ thể nếu rắn chắc, hùng tráng thì có tính cách trinh cổ, tính cách trinh cổ chính là cơ sở của tín; cân nếu có sức thì tính cách dũng cảm, tính cách dũng cảm chính là nhân tố quyết định của nghĩa; huyết sắc nếu lưu thông thì tính cách thông vi, tính cách thông vi chính là nguồn gốc của trí.

Ngũ thường chỉ: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. *Bạch hổ thông đức luận* nói: “Ngũ thường giả hà, vị nhân, nghĩa, lễ, trí, tín dã. Nhân giả bất nhĩn dã, thi sinh ái nhân dã; nghĩa giả nghị dã, đoạn quyết đắc trung dã; lễ giả lữ dã, lữ đạo thành văn dã; trí giả tri dã, độc kiến tiền văn bất hoặc vu sự; kiến vi giả dã, tín giả thành dã, chuyên nhất bất di dã. Cổ nhân sinh nhi ứng bát quái chi thể, đắc ngũ khí dĩ vi thường, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín dã”. Ngũ chất: Hoằng nghị, văn lí, trinh cổ, dũng cảm, thông vi đều có tính lâu dài, thường xuyên.

Bốn phương diện chúng ta nhắc đến ở trên có thể được thể hiện thông qua bảng sau:

Ngũ hành	Thủy	Kim	Thổ	Hỏa	Mộc
Ngũ thể	Huyết	Cân	Cơ	Khí	Cốt
Ngũ tính	Sắc bình mà lưu thông	Cân khỏe mà tinh	Thể đoan (ngay ngắn) mà chắc	Khí thanh mà sáng	Cốt trực và nhu
Ngũ chất	Thông vi	Dũng cảm	Trình cổ	Văn lý	Hoàng nghị
Ngũ thường	Trí chi nguồn (nguồn gốc của trí)	Nghĩa chi quyết (yếu tố quyết định đến nghĩa)	Tín chi cơ (cơ sở của tín)	Lễ chi bản (gốc của lễ)	Nhân chi chất (chất của nhân)

Những nội dung được nói đến ở đây, sẽ rất khó hiểu với những bạn đọc không hiểu về văn hóa truyền thống và học thuyết Nho gia của Trung Quốc, nhất thiết phải tìm hiểu kỹ quan điểm của Bách gia chư tử Trung Quốc thì mới có thể hiểu được hàm ý sâu sắc trong đó.

Nói tiếp đoạn trên chúng ta vừa nói đến, ngũ hành có thể tượng trưng cho ngũ thể, ngũ chất, ngũ thường, cũng có thể trở thành điều kiện để thể hiện đạo đức, do đó, dùng mộc để tượng trưng cho đạo đức ôn hòa, chính trực, quả quyết, cho phẩm hạnh cương nghị, khoan hồng, cho tổ chất vừa lý trí lại vừa tôn kính. Dùng thổ để tượng trưng cho phẩm chất trung hậu nghiêm túc, nhu nhược song có khả năng tự lập, chỉ ra những mỹ đức (phẩm chất cao đẹp) đã bị bỏ qua một cách đơn giản và rõ ràng.

Dưới đây sẽ giải thích về ngũ đức.

1. Kim đức: mạnh mẽ mà chắc chắn, khoan hồng mà quyết đoán. Mạnh mẽ mà không chắc chắn thì dễ gãy; khoan hồng mà không quyết đoán thì dễ thiếu sót.

2. Mộc đức: ôn hòa, cương trực khiêm tốn, quyết đoán. Ôn hòa mà không chính trực thì dễ trở thành kẻ nhu nhược; khiêm tốn mà không quyết đoán thì dễ gặp bất trắc.

3. Thủy đức: bền mà chặt chẽ, cẩn thận, hiểu đạo lý lẽ mà tôn kính. Bền mà không chặt chẽ, cẩn thận thì dễ gặp phải những lời lẽ sai trái; hiểu đạo lý mà không tôn kính dễ gây ra hỗn loạn.

4. Thổ đức: trung hậu mà nghiêm túc, nhu nhược song có thể tự lập. Nếu trung hậu mà không nghiêm túc, thì dễ buông lơi, lỏng lẻo; nhu nhược mà không thể tự lập thì dễ phân tán, tản mạn.

5. Hỏa đức: đơn giản, rõ ràng mà lưu loát, nếu đơn giản rõ ràng mà không lưu loát thì không có tiến triển gì, nếu không thể chỉ ra chính xác sai lầm cũng chính là không thể châm biếm thì sẽ mơ hồ không rõ.

Từ ngũ hành → ngũ hình → ngũ thể → ngũ thường → ngũ đức, từ đó chúng ta có thể ngẫm ra được sự thay đổi tương đối lớn trong tính tình của con người, mà sự thay đổi này được thể hiện trên nhân tình thể sự thì có sự phân biệt giữa có khả năng làm việc và không làm được việc. Những thứ này có thể dùng kim, mộc, thủy, hỏa, thổ để thể hiện, đây là kiến thức cơ bản nhất về nhận biết con người.



Vệ phu nhân: nữ thư pháp gia thời Đông Tấn, họ Vệ, tên Thước. Bà tinh thông thư pháp, theo học sư phụ là Chung Dao. Bút pháp của bà cao diệu, nổi danh hàng đầu một thời. Ngày nhỏ, Vương Hí Chí từng theo bà học thư pháp.

“Ngũ hành hình tượng” phân thuật (lần lượt nói về hình, tượng của ngũ hành)

Dưới đây lần lượt dùng ngũ hành để luận “ngũ hình”

Đặc điểm của kim hình nhân

Hình dáng tướng mạo: mặt và trán, tay và chân vuông, ngay ngắn, tương đối nhỏ, giống như một thỏi vàng hình vuông, cốt nhục (xương và thịt) chắc chắn.

Màu da: màu trắng

Giọng nói: hòa nhã dễ chịu

Tính cách: cương nghị quả quyết, tư duy chặt chẽ cẩn thận, tư tưởng sâu sắc, thông minh nhạy bén.

Có đầy đủ những điều kiện kể trên gọi là hợp cục - hợp kim cục, rất tốt.

Đặc điểm của mộc hình nhân

Hình dáng tướng mạo: gầy, thẳng, giống như một cái cây lớn thẳng tắp, tư thế hiên ngang, cốt tiết nổi rõ, mặt rộng mà nhọn, mi mắt thanh tú, lưng bụng tròn đầy.

Màu da: màu xanh (trắng xanh).

Giọng nói: cao mà vang.

Tính cách: ôn hòa, khoan hồng nhân hậu, song ý chí không kiên cường.

Có đầy đủ những điều kiện phía trên thì gọi là hợp mộc cục, rất tốt.

Đặc điểm của thủy hình nhân

Hình dáng tướng mạo: tròn trịa, béo mập, nhiều thịt ít xương, eo tròn lưng dày, mi thô mắt to.

Màu da: hơi đen

Giọng nói: nhanh chậm bất định

Tính cách: tình cảm phong phú, có trí tưởng tượng, thông minh hoạt bát.

Có đầy đủ những đặc điểm trên thì gọi là hợp thủy cục, rất tốt.

Đặc điểm của hỏa hình nhân

Hình dáng tướng mạo: trán hẹp cằm rộng, mũi cao to nhưng lỗ mũi lộ, lông tóc tương đối nhỏ.

Màu da: màu đỏ.

Giọng nói: to dữ.

Tính cách: tình cảm dạt dào, không giỏi tư duy trừu tượng.
Có đầy đủ những điều kiện trên thì gọi là hợp hỏa cục, rất tốt.



Đào Khản, tự Sỹ Hành, danh tướng thời Đông Tấn. Thượng thư lúc bấy giờ là Mai Đào nói Đào Khản là người nhanh nhạy, quan sát rõ ràng tỉ mỉ, trung thành, cần cù. Ông ở trong quân suốt mấy chục năm vẫn trước sau như một, không hề thay đổi, ghét sự nhạt nhẽo, lãnh đạm, xa hoa, khiến ai ai cũng đều kính phục.

Đặc điểm của thổ hình nhân

Hình dáng tướng mạo: đôn hậu tráng kiện, lưng to eo tròn, thịt nhẹ xương nặng, ngũ quan rộng lớn, đầy đà.

Màu da: màu vàng.

Giọng nói: trầm, kéo dài.

Tính cách: tư thế an nhàn, cử chỉ chậm chạp mà thận trọng vững vàng, lạnh lùng trầm mặc, song lòng dạ sâu xa khó đoán biết; tài trí bình bình; tình cảm nhạt nhẽo, song là người khoan hậu, giữ chữ tín.

Có đầy đủ những điều kiện trên thì gọi là hợp thổ cục, rất tốt.

Sự khác biệt trong ngũ hành hình tướng

Các đặc điểm và sự khác biệt trong các tướng của ngũ hành có thể gộp thành bảng dưới đây:

Hình tướng	Hình mạo	Màu da	Ngũ phương	Ngũ tính ngũ đức	Khí chất tính cách	Giọng nói
Kim hình nhân	Kiên phương (vuông)	Trắng	Đông	Nghĩa	Chính trực	Hòa nhã dễ chịu
Mộc hình nhân	Sầu trực (dài)	Xanh	Nam	Nhân	Ôn nhu	Cao vang
Thủy hình nhân	Viên phi (tròn)	Đen	Trung	Trí	Viên mãn	Chậm gấp
Hỏa hình nhân	Trên nhọn dưới rộng (lộ)	Đỏ	Tây	Lễ	Hiển lộ (rõ ràng)	Dữ dội
Thổ hình nhân	Đôn hậu (hậu)	Vàng	Bắc	Tín	Đôn hậu	Dày, sâu

Ở đây chúng ta cần chú ý hai điểm sau:

Phương pháp phân loại ngũ hình như ở trên là kim hình nhân, mộc hình nhân, thủy hình nhân, hỏa hình nhân, thổ hình nhân chuẩn, là tướng chuẩn rất điển hình, có thể gọi là ngũ hình chính cục, là thượng đẳng của thượng đẳng, hợp cục chặt chẽ mà không hề pha tạp chút nào. Song trong thực tế

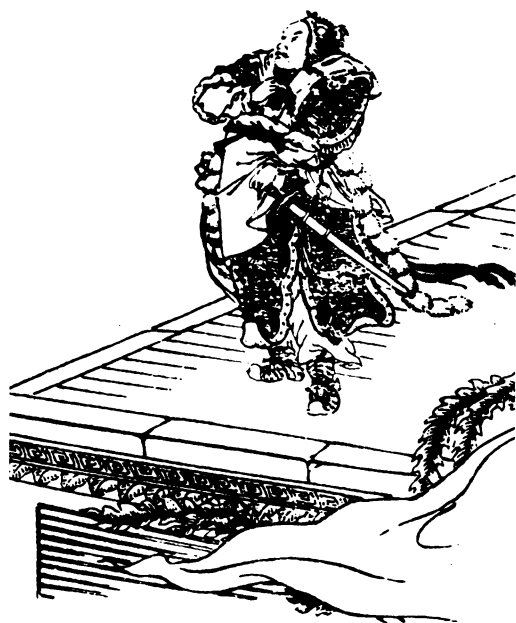
cuộc sống, gần như không có ai có tướng giống hoàn toàn như vậy, mà phải hợp với hình tượng của chính cục ngũ hình, nhưng cũng rất hiếm, khó mà có được. Nếu như hợp được với chính cục ngũ hình thì sẽ rất tốt, nhưng trong bao nhiêu thứ kiêm tạp (kiêm nhiệm, hỗn tạp) không đếm xuể trên thế giới này, phải phán đoán như thế nào đây? Vẫn là căn cứ theo nguyên lý ngũ hành sinh khắc. Nếu như ngũ hình tương sinh lẫn nhau, thì là quý; ngũ hành tương khắc, không có trật tự, hỗn loạn, khắc chế nhau, thì là tiện. *Lão tử* nói “tổn hữu dư nhi vô bất túc”, nếu như có tướng tốt để bù đắp cho những chỗ thiếu sót, như vậy cũng là tướng quý. Còn về kiêm tướng khá nhiều và phổ biến (kiêm: gồm hai cái trở lên), muốn phán đoán một cách chính xác, thì cần có kinh nghiệm tương đối phong phú cũng như kỹ thuật tương đối cao siêu mới có thể làm được.

Học thuyết ngũ hành hình tướng xuyên suốt cả cuốn sách này, có một vị trí hết sức quan trọng, cần phải hiểu rõ, hiểu sâu. Phải nắm chắc cơ sở, rồi sau đó mới có thể hiểu nhanh được.

“Thuận hợp” và “nghịch hợp”

Bằng Giám nói: “Thuận hợp giả, đa phú”, kim, mộc, thủy, hỏa, thổ tương sinh chuyển tiếp, tương hỗ thúc đẩy nhau, vận thế thông đạt, trôi chảy, viễn cảnh tất nhiên sẽ giống như dòng nước chảy xuôi, xuôi theo chiều gió, rẽ sóng tiến lên mà không gặp trở ngại, làm ăn tự nhiên sẽ vô cùng thuận lợi, chính là câu mà mọi người vẫn thường nói, làm ăn phải thuận, do vậy người như thế này sẽ rất dễ phát tài. Song họ lại khó mà lên cao, nắm quyền hành quan trọng, khả năng

có thể lập công trạng, thành tích lại càng nhỏ, có phú song ít quý, không thể nói là phú quý song toàn. Song thời xưa có thể dùng tiền để mua chức quan, nếu đã như vậy, sự quý của họ cũng chìm chìm nổi nổi, không chắc chắn, vừa lên lại xuống, không được lâu dài, có quý cũng chỉ là tiểu quý, không được quý tộc thừa nhận.



Cảnh Yểm, tự Bá Chiếu, từ nhỏ đã hiếu học, đặc biệt rất thích bàn luận về binh pháp, võ thuật. Khi loạn Vương Bôn, ông cùng cha đầu quân, đi theo Lưu Tú, từ đó nam chinh bắc chiến, nhiều lần lập chiến công, lập công lớn cho sự thành lập của vương triều Đông Hán.

“Thuận hợp” chỉ trong ngũ hành khắc chế lẫn nhau, như hỏa khắc kim, nhưng kim có lúc có thể hợp hỏa, chính là nói kim không có lửa rèn không thể thành dụng cụ; như thổ khắc thủy, nhưng thủy có lúc lại có thể hợp thổ, chính là thổ không có thủy thì không thể nuôi dưỡng vạn vật. Do đó giữa thủy và kim, thổ và hỏa và tương phò tương thành (giúp đỡ nhau cùng phát triển), coi cân bằng thành thể là tốt, không thể bỏ một phía, nếu bỏ một phía tự khắc sẽ bại tướng. Thể lực trong ngũ hành cân bằng, ngũ hành hòa hợp không xung đột, ai giữ chỗ người này, tương phò tương thành, cùng tạo nên thể lạ lùng

nổi bật, tự khắc sẽ là quý tướng, và có thể “kì quý vô thường” (vô cùng quý). Có câu thơ: “vô bệnh bất thị kì, hữu bệnh phương vi quý”. Có bệnh có cách cứu chữa, có thể thành quý. Có bệnh mà vô cách cứu chữa thì không tốt.

“Kim hình đá hỏa, kì quý phi thường; hỏa hình đá kim, tam thập tử” câu phía trước ở trên đã giải thích; câu sau là nói, trong hỏa có kim, kim lại không thể giúp hỏa thể, ngược lại làm cho hỏa thể không thuần, hình thành nên hỏa pha tạp, hỗn loạn, kim lại không thể chiếm vị trí chủ đạo, khiến cho kim hỏa giao chiến, thể tự nhiên nguy hiểm, bản thân cũng khó mà bảo tồn thân thể, do đó mới nói “tam thập tử” (30 tuổi thì chết).

“Thủy hình đá thổ, kì quý phi thường; thổ hình đá thủy, cô hàn chung lão”. Thủy thể (thể nước) vốn mệnh mộc phóng túng, nếu không có thổ làm đê làm bờ để ngăn lại sẽ thành thủy tai (lũ lụt), không có lợi cho mọi việc. Có thổ làm đê làm bờ thì thủy có thể để con người sử dụng, trở thành vật có ích, do đó sẽ quý. Nhưng thủy nhiều thổ bị nhấn chìm, mà thủy sinh mộc, mộc khắc thổ. Nếu thổ hình có cả thủy hình không thuần trong đó, do thủy thổ tương thù, thì sẽ “cô hàn chung lão” (cô đơn không nơi nương tựa cả đời).

“Mộc hình đá kim, kì quý phi thường; kim hình đá mộc, đao kiếm tùy thân”. Mộc không có rìu chặt đốn, không có sự gọt dũa của dao bào thì không thể trở thành gỗ có tác dụng, hơn nữa, kim sinh thủy, thủy sinh mộc, cũng có lợi cho mộc thể, do đó mộc hình mang theo kim thì vô cùng quý. “Kim hình đá mộc”, do mộc có thể sinh hỏa, hỏa khắc kim, tự khắc sẽ làm hỏng chất của kim, thể kim bại, vì vậy có nạn gươm đao.

“Thử ngoại khiên hợp, câu thị tạp cách, bất nhập văn

nhân chính luận” ngoài “nghịch hợp” tương sinh tương khắc có lý ở trên, những “nghịch hợp” khác không có gì để chỉ ra, đều là “tạp cách”, ắt sẽ không phú quý, danh lợi khó khăn. Tình hình này, áp lên người văn nhân, không hiệu nghiệm gì, do đó “bất nhập trượng nhân chính luận”. Tư tưởng này chịu ảnh hưởng của tư tưởng thanh quý “thiên hạ giai vạn phẩm, duy hữu độc thư cao”.



Chu Bội: công thần khai quốc nhà Tây Hán, từ nhỏ cuộc sống nghèo khổ, vất vả. Thời cuối nhà Tần, cùng Lưu Bang khởi binh, chiến công hiển hách. Sau khi vương triều nhà Hán lập lên, được phong làm Giáng hầu. Ông là người chất phác, giản dị, không giỏi ăn nói. Có vai trò vô cùng to lớn trong việc yên định chính trị nhà Hán thời mới thành lập.

Luận nhân thể ngũ hành

Trần Đoàn - đạo sỹ nổi danh thời nhà Tống, có nghiên cứu tương đối sâu về mối quan hệ giữa nhân thể hình trạng (hình trạng của cơ thể con người) với ngũ hành, ông có nói trong *Phong Giám* như sau:

Con người khi mới sinh ra đã được hấp thụ khí thủy, được ban cho hình hỏa, thủy là tinh là chí, hỏa là thần là tâm. Tinh hợp rồi thần sinh, thần sinh rồi sau đó hình toàn, hình toàn rồi có sắc. Cái hiện bên ngoài là hình, sinh ở trong tâm là thần, trong huyết nhục là khí, ở da là sắc.



Từ Trĩ, sống vào thời kì cuối nhà Hán, được người đời mệnh danh là “Nam Châu cao sỹ”. Gia cảnh khốn khó, song ham tìm tòi học hỏi, học vấn uyên bác, kiến thức sâu rộng. Ông cả đời không chịu ra làm quan, ẩn cư dạy học.

Hình của con người có hình kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, có phân loại chim bay thú chạy. Kim không ghét vuông, mộc không ghét gầy, thủy không ghét béo, hỏa không ghét nhọn, thổ không ghét đục.

Như kim đặc kim cương nghị, kiên quyết, như mộc đặc mộc tư tài đầy đủ, như thủy đặc thủy văn chương quý, như hỏa đặc hỏa gặp cơ quả, như thổ đặc thổ kho đầy ắp. Giống chim bay không ghét gầy, giống thú chạy không ghét béo. Chim béo thì không bay, thú gầy thì thiếu lực. Nếu là hình loan phượng thì mắt mi cao, thanh tú, hình thể xanh gầy, nếu hình

giác hổ (tê giác, hổ) thì sừng cao to, hàm tròn đầy. Những người như vậy đều là tướng quý, ngược lại thì là tướng tiện.



Lý Ứng: danh sỹ cuối thời Đông Hán. Tiến cử người hiếu đạo, liêm khiết. Giáo du với thái học sinh, phản đối hoạn quan lộng quyền triều chính, phát động luận tội kẻ gian nịnh, là “tấm gương trong thiên hạ”. Vì họa Đảng Cố, ông bị hạ ngục tra khảo đến chết.

Hình của con người, mộc hình vốn gầy, sắc xanh. Gầy mà không lộ, xanh mà không phù, xanh gầy thì mỏng mà chắc, phù lộ thì thô mà hư. Những người trên đời bàn về mộc, chỉ biết hình mộc gầy mà không biết là mộc thô như cây tùng cây bách, bản chất của nó vững chắc, lá càng xanh, gọi là “mỏng chắc”. Còn về mộc như cây ngô đồng, bên trong vốn hư, bên ngoài không chắc, gọi là “thô hư”. Tuy nhiên đâu có thể kết luận đại khái về hình của mộc? Hình của mộc không chỉ có một, có mang theo cả kim, mang theo thủy, hỏa, thổ. Hình của thủy không chỉ có một, có mang theo thổ, mang theo kim, hỏa, mộc. Hình của hỏa không chỉ có một, có mang theo thủy, mang theo kim, thổ, mộc. Hình của thổ không chỉ có

một, có mang theo mộc, mang theo thủy, hỏa, kim. Mang theo cái tương sinh với nó thì cát (tốt), mang theo cái tương khắc thì hung (không tốt). Như mộc ban đầu thì gầy, đây là hình của mộc; giữa thì thô, đây là hình của kim; thứ mà béo, là hình của thủy; sau đó dày chắc là hình của thổ. Trước gầy sau béo, là thủy sinh tại mộc; sau lại béo chắc là mộc đắc thổ. Ban đầu nếu gầy, sau thô, là ứ đọng, đình trệ; ban đầu gầy sau béo dày là phát, hoặc mặt vuông lưng dày là có cả mộc lẫn thổ, thì sẽ làm quan. Văn thì chỉ dừng lại ở chọn người, là mộc vô thổ. Ở trên cả quan chức, thần tại nhân, muốn sâu không muốn nông, thần sâu thì trí tuệ thâm sâu, thần nông thì trí tuệ nông cạn, dùng thì phải mở mắt ra nhìn, đóng lại thì thu vào tâm. Nhìn gần thì có mị, nhìn xa thì có uy. Ánh nhìn có lực, khi ngủ dễ tỉnh. Ví dụ như lửa của đèn, tán ra từ tâm thì gọi là thần; ánh lửa của đèn thì gọi là thần quang. Ánh sáng xung quanh của nó, thì gọi là phách. Dầu mới là tinh hoa, dầu có sáng thì sau đó đèn mới sáng, như vậy gọi là sáng.

Khí tại thân, muốn khí phải kiên hưởng thanh vận, chứ không chú ý đến cương kiến cường minh. Bên trong bình thì chí bền, bên ngoài thư thái thì khí hòa, có thanh, có đục, có đục trong thanh, có thanh trong đục. Nếu dùng khí của Triết nhân, Hoài nhân để luận về khí, khí của Triết nhân nặng mà không vang, khí của Hoài nhân vang mà không nặng. Khí của người ở phương Nam thanh mà không dày, khí của người phương Bắc dày mà không thanh. Dương khí thư thái thì núi sông tú lệ tươi tốt, nhật nguyệt xuất thì đất trời quang minh, khí này sáng. Sắc tại nhân, mặc dù da phải săn chắc, không được lỏng lẻo. Muốn tập trung, không muốn phân tán. Sắc sinh ra từ trong bề ngoài của ngũ tạng, tô điểm bởi ánh sáng của ngày. Đường Cử tiên sinh nói: quang bất túc, là do sắc.

Con người được đắc ý thì lộ vẻ vui vẻ bên ngoài, mất mát thì ưu sầu giữ trong lòng. Có già, có non nớt, non nớt thì gọi là sắc niên kỉ thâm mà mang theo kiếp sau, người có sắc lão thì cát, sắc non nớt thì hung. Không chỉ người có sắc như vậy tri trệ mà người có hình non cũng như thế. Sắc có tam quang, ngũ trạch, tam ám, ngũ khốc. Về hình thần, có người hình hữu dư mà thần bất túc, có người thần hữu dư mà hình bất túc. Người hình hữu dư mà thần bất túc, mới gặp lúc đầu trông thì có vẻ uy, nhưng nhìn lâu thì mờ; người mà thần hữu dư mà hình bất túc, mới nhìn tưởng mờ, nhìn lâu càng sáng. Người mà thần hình đều hữu dư, thì dù quen hay không quen, nhìn họ cũng đã thấy vui; người mà thần hình đều bất túc, không cần phải hỏi, khiến người khác thấy đáng ghét. Thần và hình tương chiếu, khí và sắc tương phù, thần toàn thì hình toàn, khí toàn thì sắc toàn. Thần có thể lưu khí, khí không thể lưu hình; khí có thể lưu sắc, sắc không thể lưu khí. Còn về hình, thì chỉ là mang theo mà thôi. Có dày, có mỏng, dày thì cát, mỏng thì hung, thể nhân có người gặp thời đắc trí, họ bắt đầu đều muốn có thành tựu, đạt được thì ngưng lại, không đạt được thì kết thúc. Tất cả đều do lòng dạ hẹp hòi, không thể dung nạp. Tường mỏng thì dễ sứt lở, rượu nhẹ thì dễ chua, giấy mỏng thì dễ rách, người yếu thì dễ chết, nước mỏng thì không đủ tiếp thêm cho mây đen. Không xem xét khuyết điểm của mình, chuyên nói người khác, chiếm đoạt đồ của người, cho rằng mình có ơn, trước mặt nói phải, sau lưng nói không, không hòa mục thân thiết với người thân, lại đi cung phụng người ngoài, bản tính khinh suất, giả vờ thâm trầm, có mới nói cũ, vong ơn bội nghĩa, chưa quý đã hoang phí, chưa phú đã kiêu, chưa học đã cho là đủ, như vậy là đại bạc. Như vậy không những là phá tướng, mà còn hại đến tuổi thọ của bản thân lại làm hại cả con cháu. Tuy nhiên tướng thọ không nằm ở hình

mạo to lớn khỏe mạnh, mắt lơ đãng, lồm, mà nói đến trời ban. Người hình mạo cao lớn khỏe mạnh, nếu khoan dung nhân hậu, như vậy gọi là tinh khí tương phù; nếu lòng dạ hẹp hòi, thì gọi là tâm bất xứng. Con người trên đời chỉ biết lông mày và bên trong tai có nhiều lông thì đa thọ, xương vào trong tai và nhân trung thâm trường, pháp lệnh rõ ràng, thì nói là có thọ, mà không biết tuổi thọ được ban cho cái gì. Như vậy bên ngoài tinh khí, bên trong chắc chắn, xương cốt sinh ra từ tinh tủy. Sau đó lông tơ mới bắt đầu mọc ở lông mày, tai, pháp lệnh mới bắt đầu phân minh, nhân trung mới bắt đầu thâm trường, như rễ của cây chắc chắn, bên trên mới bắt đầu phát sinh cành lá, như dầu tinh thì đèn sáng, tinh túc thì thân an. Đường tiên sinh nói: xương hổ mắt rồng, thể nhân đều biết như vậy là cát; kết hầu lộ răng, mặc dù là tướng xấu, nhưng có người tâm địa tốt thì lại là quý, nhưng chỉ có lợi cho bản thân họ, chứ bất lợi với vợ, con gái. Như người tam tiêm ngũ lộ (tam tiêm: đầu nhọn, mũi nhọn, miệng nhọn. Ngũ lộ: mắt lồi, tai lật, mũi cao, môi cong, hầu kết (xương mềm chỗ yết hầu nhô lên), phần nhiều đều quý. Nhưng thần khí của họ thâm thúy, đều có thể dùng được. Người thần khí thâm thúy, hình an thể tịnh, không hành động theo lời nói, không dừng lại vì im lặng, không động theo sắc, không chuyển theo sắc, yên và định, tường mà nhả, người như vậy đều biết an phận. Người thời nay hưởng phú quý nhưng tâm bất túc, người không thấy vui vẻ nhiều. Người mà thần khí an tịnh, tâm địa thoải mái, thì làm gì cũng yên tâm. Người mà hình, khí, sắc ngưng tụ thì có nhiều. Hình ngưng tụ tám năm thì bụi bặm, khí ngưng tụ bốn năm thì thân cứng, khí ngưng tụ ba năm thì tâm nghiêng, sắc ngưng tụ một năm thì thần khốn. Có âm có dương, dương không thể mang âm, âm không thể mang dương. Nếu nam mà có nữ tướng, yếu đuối thì vô lập; nữ mà có tướng nam, thì chủ mất

chồng. Phụ nữ phải nhu thuận, nam tử phải cương chính. Người phụ nữ tốt, có uy mà ít mị; người phụ nữ là kĩ nữ, mị nhiều mà uy ít. Tuy nhiên người xem tướng mà chỉ nhìn vào phần mặt nhiều, mà không truy tận gốc rễ của nó, như xương, người bình thường ở trên lông mày, mũi, hai gò má đều có xương, xương trên người quý nhân thì lại được sinh ra từ tinh tủy, nên xương vừa tú vừa mỏng; còn về người bản tiện, thì nhô lên bề mặt mà thô, như xương gò má gắn vào tai, thì chỉ có thọ, không lộ thì chỉ có phú; còn về người làm giám tư, người mà xương gò má vào hai mai, hai phủ, thì xương gò má vào thiên táng; Người làm thái thú, thì xương nhô thành đỉnh và chỉ vào hai đuôi mắt mà thôi, còn người phò tá trông coi kho, nô tì, nếu địa các rộng dày, thì tự khắc có kho, có nô tì. Nếu địa các khuyết lõm, thì là không có nhà để ở, thì lấy đâu ra mà có nô tì, có kho chứ? Người nhìn xa trí xa, nhìn cao trí cao, nhìn thấp trí thấp, nhìn lệch trí lệch, mắt đảo liên tục thì sát nhân. Hoặc người nhìn lên, nhìn dưới, ánh mắt bất thường không thể kiêm lập nghiệp. Người có thiên quý, có địa phú, có

nhân thọ. Có thiên có địa, con người không tu tâm dưỡng tính, là tướng không thực.



Mao Dung: danh sỹ cuối thời Đông Hán. Vì lúc tránh mưa ngồi cung cấm đoan trang, được Quách Thái yêu thích. Quách Thái bèn khuyên ông học hành, cuối cùng trở thành người hiền đức, hơn nữa còn giỏi ăn nói, biện luận.



Lý Cố: người Đông Hán. Thông hiểu điển tịch, rất có danh vọng. Ông ra làm quan, do đối đầu với quyền quý, bị bãi miễn, cuối cùng vì danh tiếng đức độ, bị đổ kị nên bị hại.

III. Nội cương nhu

Ngũ hành vi ngoại cương nhu, nội cương nhu, tắc hỷ nộ, khiêu phục, thâm thiển giả thị dã. Hỷ cao nộ trọng, quá mục triếp vong, cận “thô”. Phục diệc bất khác, khiêu diệc bất dương, cận “xuẩn”. Sơ niệm thậm thiển, chuyển niệm thậm thâm, cận “gian”.

Nguyên văn

Ngũ hành vi ngoại cương nhu⁽¹⁾, nội cương nhu, tắc hỷ nộ, khiêu phục, thâm thiển giả thị dã⁽²⁾. Hỷ cao nộ trọng, quá

⁽¹⁾ Ngũ hành vi ngoại cương nhu: ngoại cương nhu, xem phần chú thích phía trên ở chương hai. Ý của câu này là: ngũ hành là biểu hiện bên ngoài của khí cương nhu của con người hoặc là thứ biểu hiện ra bên ngoài.

⁽²⁾ Nội cương nhu, tắc hỷ nộ, khiêu phục, thâm thiển giả thị dã: “Nội cương nhu”, chỉ cương và nhu được ẩn giấu bên trong, chính là tình cảm mà các tính chất tương phản

mục triếp vong⁽¹⁾, cận “thô”. Phục diệc bất kháng, khiêu diệc bất dương⁽²⁾, cận “xuẩn”. Sơ niệm thậm thiển, chuyển niệm thậm thâm⁽³⁾, cận “gian”. Nội gian giả, công danh khả kì⁽⁴⁾. Thô xuẩn các bán giả, thắng nhân dĩ thọ⁽⁵⁾. Thuần gian năng khoát đạt, kì nhân chung thành⁽⁶⁾. Thuần thô vô chu mật,

song lại tương ứng lẫn nhau của thể giới tinh thần nội tại của con người, hình thức biểu hiện bên ngoài của nó chính là “hỉ nộ, khiêu phục, thâm thiển”. “Hỉ nộ” chỉ tình cảm của con người, chính là tình cảm được chia ra làm hỉ nộ ai lạc. “Hỉ nộ” ở đây, trên thực tế là chỉ khái quát tất cả tình cảm của con người. “Khiêu phục” chỉ tâm trạng của con người, “khiêu” là kích động, “phục” là bình tĩnh. “Thâm thiển” chỉ tâm cơ, thành phủ của con người. Ý của hai câu này là: Khí âm dương và cương nhu được ẩn giấu bên trong là chỉ tình cảm vui mừng và tức giận, tâm trạng kích động và bình tĩnh và cả tâm cơ hoặc thành phủ của con người.

⁽¹⁾ Hỉ cao nộ trọng, quá mục triếp vong: “Hỉ cao nộ trọng” chỉ sự vui mừng, tức giận hiện ra rất rõ ràng, hơn nữa còn vượt quá cả giới hạn cần thiết, có đôi chút không hợp với tình cảm thường tình của con người. Đây chính là tính cách quá cương mà cuốn sách này nói tới. “Triếp” thì, liền. “Quá mục triếp vong” chỉ không để tâm, rất nhanh liền quên hết. Ý của hai câu này là: gặp phải chuyện vui thì mừng tới mức quên hết tất cả, gặp phải chuyện bực mình thì tức giận tới mức không thể kiềm chế nổi, nhưng chỉ trong chốc lát đều quên hết sạch.

⁽²⁾ Phục diệc bất kháng, khiêu diệc bất dương: “Kháng” khỏe mạnh. “Dương” cao. Ý của hai câu này là: lúc tâm trạng bình tĩnh không hào hứng, khi tâm trạng kích động cũng không hào hứng nổi.

⁽³⁾ Sơ niệm thậm thiển, chuyển niệm thậm thâm: “Sơ niệm thậm thiển” là chỉ khi gặp phải sự việc nào đó, lúc mới đầu suy nghĩ, có cảm giác như không sâu sắc chút nào. “Chuyển niệm thậm thâm” tức là khi suy nghĩ lại thì lại vô cùng sâu sắc, rất chu đáo, chặt chẽ. Đây là biểu hiện của trước thiển sau thâm, từ thiển đến thâm, có thể suy nghĩ có thể biết, thiển chính là nhu, thâm chính là cương, như vậy chính là cương nhu tương tế. Ý của hai câu này là: khi gặp phải sự việc nào đó, lúc mới đầu suy nghĩ, có cảm giác như không sâu sắc chút nào, nhưng khi suy nghĩ lại thì lại vô cùng sâu sắc, rất chu đáo, chặt chẽ.

⁽⁴⁾ Nội gian giả, công danh khả kì: “Nội gian giả” là người trong lòng ấp ủ gian trá. Người như vậy cương nhu tương tế, có thể tiến cũng có thể lui, có thể cong cũng có thể thẳng, tương lai nhất định sẽ có sự nghiệp và danh tiếng. Ý của hai câu này là: người trong lòng ấp ủ gian trá, ắt có hi vọng lập được sự nghiệp và danh tiếng.

⁽⁵⁾ Thô xuẩn các bán giả, thắng nhân dĩ thọ: “Thô xuẩn các bán” vừa thô tục lại ngu xuẩn. Người như vậy cương nhu đều có thể chi phối, cương chi phối “thô”, nhu chi phối “xuẩn”. “Thắng nhân dĩ thọ” tức là dĩ thọ thắng nhân, nghĩa là tuổi thọ lâu hơn người bình thường. Ý của hai câu này là: người vừa thô lỗ lại ngu xuẩn, tuổi thọ của họ luôn lâu hơn so với người thường.

⁽⁶⁾ Thuần gian năng khoát đạt, kì nhân chung thành: “Thuần gian” tức trong ngoài đều gian. “Khoát đạt” chỉ lòng dạ rộng rãi, cử chỉ đại độ, khi làm việc có thể liên kết

bán đồ tất khí⁽¹⁾? Quan nhân sở hốt⁽²⁾, thập hữu cửu bát hĩ.

Bản dịch

Ngũ hành mà chúng ta nói đến ở phần trước, là biểu hiện bên ngoài của khí dương cương và âm nhu của con người, chính là cái mà chúng ta gọi là “ngoại cương nhu”. Bên cạnh ngoại cương nhu, còn có nội cương nhu. Nội cương nhu chỉ tình cảm hỉ nộ ai lạc, tâm trạng kích động hoặc bình tĩnh và tâm cơ hoặc thành phủ (chỉ suy nghĩ, mưu kế) có lúc thâm sâu có lúc nông. Khi gặp chuyện khiến con người vui mừng thì vui mừng cực độ, gặp chuyện khiến người ta phải tức giận thì vô cùng phẫn nộ, nhưng một khi sự việc qua đi thì quên sạch sành sanh, người như vậy, khí dương cương quá thịnh, khí chất của người này gần với “thô lỗ”. Lúc bình tĩnh không có một chút hứng thú hưng phấn, khi kích động cũng không hăng hái nổi, người như vậy khí âm nhu quá thịnh, khí chất tiếp cận với “ngu xuẩn”. Khi gặp phải sự việc nào đó, lúc đầu suy nghĩ, trông có vẻ suy nghĩ rất nông cạn, nhưng nghĩ lại thì nghĩ rất sâu sắc, tinh tế, người như vậy, dương cương và âm nhu điều hòa, khí chất gần với “gian trá”. Phàm là người nội tàng gian

cũng có thể phân tán, hành động tự nhiên, người như vậy, tâm của họ có thể tùy ý chỉ phối cương nhu, hỉ nộ đều không thể hiện ra ngoài, hành động tùy ý, vì vậy “khoát đạt”. Ý của hai câu này là: người mà trong ngoài đều gian thì lòng dạ luôn luôn rộng rãi, hành động tự nhiên, có thể gọi là “khoát đạt”, người như vậy tương lai nhất định sẽ công thành danh toại.

⁽¹⁾ Thuần thô cô chu mật, bán đồ tất khí: “Thuần thô” chỉ người tính tình quá cương hơn nữa tính lại chỉ có cương, người như vậy làm việc ắt không chu đáo, chặt chẽ. “Khí” vút, bại. Ý của hai câu này là: người vô cùng thô lỗ, khi làm việc không hề chu đáo, tỉ mỉ, cho dù làm việc gì thì cũng bỏ cuộc giữa chừng.

⁽²⁾ Quan nhân sở hốt: Do “nội cương nhu” được ẩn giấu bên trong không hiện ra ngoài, nên phải bắt đầu từ “hỉ nộ, khiêu phục, thâm thiển” của con người để quan sát, phát hiện ra, nhưng tư duy của con người có tính thói quen, vì vậy rất dễ bỏ qua việc bắt đầu từ “nội cương nhu” để đi đối xử, nhận biết con người.

trá thì ngoại nhu nội cương, khi gặp chuyện biết tiến biết lui, biết cong biết thẳng, sau này ắt có lúc đạt được sự nghiệp, danh tiếng. Người mà vừa thô lỗ lại ngu xuẩn, cương nhu đều có thể chi phối tâm của họ, khiến cho họ an phận với số mệnh trời ban, do đó tuổi thọ thường cao hơn người bình thường. Người thuần gian tức là người đại gian đại trá, tâm có thể chi phối ngược lại cương nhu, gặp sự việc nào đó luôn luôn có thể lùi một bước để tiến hai bước, lấy thuận đón nghịch, người như vậy cuối cùng sẽ đạt được thành công trong sự nghiệp. Loại người cử chỉ bên ngoài thô lỗ, khí chất bên trong cũng thô lỗ, là người chỉ có cương, khi làm việc chắc chắn sẽ bỏ cuộc giữa chừng. Điểm mà chúng ta nói tới ở trên đây cũng chính là “nội cương nhu”, luôn luôn bị coi nhẹ, hơn nữa người bình thường thì trong mười người phải có đến tám chín người phạm phải lỗi này.



Lục Tồn: người nước Ngô thời Tam Quốc. Lúc đầu làm mộ liêu (bộ hạ) ở phủ Tôn Quyền. Lỗ Mông cho rằng y suy nghĩ sâu sa, có tài năng có thể gánh vác trọng trách lớn, sau này có thể gánh vác việc lớn. Sau đó Tôn Quyền cho y làm Hựu đô đốc. Sau này đánh bại quân Thục ở Giang Lăng.



Trương Liêu: tướng quân nước Ngụy thời Tam Quốc. Ông có dũng võ hơn người, đối diện với thay đổi loạn lạc, bình tĩnh không kinh hãi, hoảng hốt. Từng nhậm chức quận lại, sau này trở thành một vị chiến tướng đặc lực dưới trướng của Tào Tháo. Được phong làm Tấn Dương hầu, khi dẫn quân tấn công quân nước Ngô, bị bệnh qua đời tại Giang Đô.

Cương nhu thất điều vi thiên tài ***(thiên tài: chỉ giỏi về một mặt nào đó)***

Chương này so sánh với “ngoại cương nhu” được nói tới ở chương trước.

“Nội cương nhu”, chỉ trạng thái biến hóa khí âm dương trong tâm của con người, biểu hiện ra ngoài chính là trạng thái tình cảm “hỉ nộ ai lạc” mà ai ai cũng có thể trông thấy, chính là “hỉ nộ, khiêu phục, thâm thiển” được nói tới trong nguyên tác. Nó vừa chỉ tình cảm hỉ nộ ai lạc, vừa chỉ các tính cách bình tĩnh, nóng vội, trong lòng có suy tư mưu kế. Tâm lý học hiện đại chia tính cách thành mấy loại và nghiên cứu rất kĩ

lượng, tường tận, các bạn có hứng thú có thể tìm đọc một số tư liệu có liên quan.

Có điểm chúng ta phải chú ý là, tính cách, không có nghĩa có thể đại diện cho toàn bộ nội hàm của “nội cương nhu” trong *Băng Giám*. Do đó, tính cách chỉ có thể dùng để tham khảo “nội cương nhu”.

Nhân vật chí có bàn luận khá tường tận về tính cách, cũng phân thành hai loại là “dương” và “âm”. Cụ thể như sau:

Con người vốn dùng khí âm dương để xác lập tính tình, âm khí quá thịnh sẽ mất cương, còn dương khí quá thịnh sẽ mất nhu. Quá nhu thì làm việc thận trọng, không dám vung dao to búa lớn; quá cương thì hung phần, thường vượt quá mức độ nhất định. Hai kiểu người như trên đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng. Do đó “thiện hữu sở chương, nhi lý hữu sở thất”.



Chung Dao: thư pháp gia nước Ngụy, thời Tam Quốc. Trải qua ba đời triều Ngụy, viết thư pháp. Tiếp thu ưu điểm của nhiều người, hình thành lên phong cách riêng cho mình, mở ra diện mạo mới từ chữ Lệ sang chữ Khải. Cùng Vương Hí Chí được mệnh danh là “Chung vương” trong lịch sử thư pháp.

Thiên chấp chi tài (tức thiên tài: chỉ có tài nghiêng về một mặt nào đó) thường gặp chính là quá cương quá nhu mà chúng ta nói đến ở trên. Đoạn này liệt kê sáu kiểu cang giả (người hung phần) và sáu kiểu câu giả (người cẩn thận chặt chẽ) và nói rõ ưu nhược điểm của những kiểu người đó. Bảng liệt kê như sau:

	Thiên tài	12 loại thiên tài	Ưu điểm	Nhược điểm
Cang phần giả	Cường nghị chi nhân	Lịch trực cương nghị	Tài tại kiểu chính	Thất tại kích kiết
	Hùng hãn chi nhân	Hùng hãn bảo kiến	Nhiệm tại thêm liệt	Thất tại đa kị
	Lãng khái chi nhân	Cường khái kinh kiên	Dụng tại trình cán	Thất tại chuyên cổ
	Hoằng phổ chi nhân	Phổ bác chu hiệp	Hoằng tại phúc dụ	Thất tại hỗn trọc
	Hưu động chi nhân	Hưu động lỗi lạc	Nghiệp tại phán đăng	Thất tại sơ việt
	Phác lộ chi nhân	Phác lộ kinh tậ	Chắt tại trung thành	Thất tại bất vi
Câu cẩn giả	Nhu thuận chi nhân	Nhu thuận an nộ	Mĩ tại khoan dung	Thất tại thiếu quyết
	Cẩn thận chi nhân	Tinh lương úy cụ	Thiện tại cung cẩn	Thất tại đa nghi
	Biện bác chi nhân	Luận biện tư dịch	Năng tại thích cật	Thất tại lưu đăng
	Chính trực chi nhân	Thanh giới liêm khiết	Tiết tại kiệm cổ	Thất tại câu cần
	Trầm (âm) tĩnh chi nhân	Trầm tĩnh cơ mật	Tinh tại huyền vi	Thất tại trì hoãn
	Thao quyết chi nhân	Đa trí thao tình	Quyết tại mưu lược	Thất tại y vi

12 kiểu người thiên tài kể trên, mỗi kiểu đều có mối quan hệ đối ứng, như cường nghị đối với nhu thuận, hùng họa đối cần thận, tương tự như vậy. Dưới đây sẽ đi vào phân tích cụ thể:

Người cường nghị, lịch trực cương nghị: ưu điểm là có thể sửa chữa sai lầm, sửa chữa thói xấu; nhược điểm ở chỗ bảo thủ cố chấp, thích bới móc người khác.

Người nhu thuận: hài lòng với hiện trạng (với những gì mình đang có), ưu điểm là khoan hồng với người khác; nhược điểm là chần chừ không quyết, bỏ qua cơ hội tốt.

Người hùng hãn: ưu điểm ở chỗ khi làm việc có thể khắc phục những khó khăn; nhược điểm là kiêu ngạo tự phụ, coi thường người khác.

Người cần thận: giải quyết các vấn đề tốt, ưu điểm là có thái độ cần thận; nhược điểm là dễ nghi ngờ.

Người lãng khái: tâm mạnh ý chí kiên cường, ưu điểm là kiên tri với nguyên tắc; nhược điểm là chuyên đoán (đơn phương quyết định) cố chấp, không nghe người khác khuyên cáo.

Người biện bác, ưu điểm là giỏi thuyết phục mọi người, kết nối đa thông tư tưởng; nhược điểm là dễ cảm động, không làm nên việc.

Người hoàng phổ: ưu điểm là thân thiện với mọi người, nhân duyên tốt đẹp; nhược điểm là không phân biệt tốt xấu.

Người chính trực, thanh giới liêm khiết, ưu điểm là tiết kiệm giản dị, tránh xa xỉ; nhược điểm là gò bó quá mức, giao tiếp ít.

Người hưu động, hưu động lỗi lạc: ưu điểm là dũng cảm vươn lên vượt trội, nhưng nhược điểm là quá phóng túng với bản thân mình.

Người trầm tĩnh, trầm tĩnh cơ mật, ưu điểm là tinh tế tỉ mỉ; nhưng nhược điểm là động tác chậm chạp, tiết tấu tương đối chậm.

Người phác lộ, phác lộ kính trực, ưu điểm là thành thật chất phác thẳng thắn; nhược điểm là thẳng thắn nhưng lại không thể quan sát tỉ mỉ.

Người thao quyết, đa trí thao tình: ưu điểm là gian trá mà mưu lược; nhược điểm là sống hai mặt quá mức, dễ bị người khác khác phỉ bỏ.



Đàn Đạo Tế: Ông sống vào những năm cuối thời nhà Đông Tấn, từng là tham quân dưới chướng của Lưu Dự, lập công lao to lớn cho đại nghiệp xưng đế của Lưu Dự. Thời Tống Văn đế, ông được phong làm đại tướng quân, uy danh ngày càng lớn. Do Tống Văn đế đổ kị, hận ông mà đã giết hại ông.

Trong *Thế thuyết tân ngữ* có một câu chuyện, kể về Hà Ân, Đặng Tiêu, Hạ Hầu Huyền đều muốn kết giao với Phó Hổ, nhưng Phó Hổ trước sau đều không đồng ý. Ba người này bèn mời Tuần Xán đến thuyết phục hộ, Tuần Xán nói với Phó Hổ: “Hạ Hầu Huyền là nhân vật kiệt xuất hiện nay, khiêm tốn muốn kết giao với người nhưng người lại cho rằng không thể qua lại với ông ta. Nếu như mọi người qua lại quan hệ tốt thì

đúng là một chuyện tốt đẹp, nếu như người kiên quyết không đồng ý sẽ khiến cho mối quan hệ giữa người và họ xa cách. Nếu như mọi người cùng nhau chung sống hòa thuận thì đó chính là phúc khí của quốc gia. Đây chính là đạo lý Lạn Tương Như hạ thấp mình bái kiến Liêm Phan! Phó Hổ nói: “Hạ Hầu Huyền chí hướng cao xa, luôn theo đuổi hư vinh không thực kia, đúng là có thể coi là nhân vật xảo ngôn phục quốc. Hà Ân, Đặng Tiều mặc dù có thành tích song tính tình thô bạo, mặc dù học cao song lại rất ít khi tự kiểm chế bản thân, đối ngoại tham cầu danh lợi, đối nội lại không biết kiểm điểm, khắc chế, chỉ coi trọng những người có đồng ý kiến với mình mà lại ghét bỏ những người trái ý kiến với mình, nhiều lời lại hay đổ kị những người mạnh hơn mình. Nói nhiều thì sơ hở nhiều, đổ kị người thì không ai dám đến gần. Theo tôi thấy ba người có tài năng này đều là người không có đạo đức, xa họ một chút e rằng vẫn có ngày hấp họa chứ nói gì đến gần gũi”. Sau này quả nhiên giống như những gì Phó Hổ nói. Câu chuyện này đã cho thấy, lúc cần “cương” thì “cương”, lúc cần “nhu” thì “nhu” mới là đạo của người quân tử.

Ví dụ điển hình về thiên tài

Người có sở trường về một mặt nào đó, không phải hung phần thì là cẩn thận chặt chẽ, không phải thiên cương (ngiên về cương) thì là thiên nhu (ngiên về nhu). Có nhiều người không biết nhược điểm của mình, cho dù là có người biết nhược điểm của bản thân cũng không thể làm được như thánh nhân, tiếp thu ưu điểm của người khác để sửa chữa nhược điểm của mình, mà ngược lại còn một mực phủ nhận, thậm chí còn tấn công nhược điểm của người khác để che lấp cho nhược điểm của bản thân. Vì thế họ luôn tự cho mình là đúng, người cao

ngạo thì càng cao ngạo, người bó buộc thì càng bó buộc, từ đó khiến cho họ không thể tự cải tạo bản thân tốt lên được.

Thân Đồ Dịch là gián quan triều Thương, Thương Trụ vương tàn bạo vô đạo, Thân Đồ Dịch nhiều lần can gián không nghe, cuối cùng dùng cách can gián kịch liệt nhất - tử gián (dùng cái chết để can gián), y ôm đá nhảy xuống sông tự vẫn. Khuất Nguyên trong *Sở từ - chương 9* có nói: “Vọng đại hà chư châu hê, bi Thân chi kháng tích” (nhìn dòng sông lớn nhiều cồn cát, tiếc thương vết tích kháng cự (ý chỉ can gián) của Thân Đồ Dịch). Trong đó thương tiếc tưởng niệm Thân Đồ chính là Thân Đồ Dịch. Đây là ví dụ về người cao ngạo càng cao ngạo.



Viên Thiệu: người thời cuối nhà Đông Hán, một trong những nhà quân phiệt chia cắt thế lực lớn nhất thời cuối nhà Đông Hán. Từng khởi binh thảo phạt Đổng Trác. Sau này thua dưới tay Tào Tháo trong trận chiến Quan Độ. Vào năm thứ 7 Kiến An, ông lâm bệnh qua đời.

Giới Tử Suy là người nước Tấn thời xuân thu. Ông hết mực trung thành với Tấn Văn Công, khi Tấn Công sống lưu vong không có đồ ăn, ông đã tự cắt thịt mình cho Tấn Văn Công ăn. Sau khi Tấn Văn Công trở về nước, ban thưởng văn võ bá quan, song lại không có phần của ông, sau đó ông liền cùng mẹ lên núi ẩn cư. Tấn Văn Công vì muốn ông xuống núi

làm quan mà phóng lửa đốt núi, ông lại ôm mẹ già cùng bị lửa thiêu chết. Đúng là kẻ bó buộc càng bó buộc.

Người nước Sở ngày xưa cầm kiếm bằng tay trái, còn người nước Tấn thì cầm kiếm tay phải. Người Tấn châm chọc người nước Sở cầm kiếm tay trái, người nước Sở cũng cười nhạo người Tấn cầm kiếm tay phải. Người nước Tấn và Sở cũng giống như những người bó buộc và cao ngạo, chỉ luôn cho rằng mình là đúng, mà không chịu tiếp thu những thứ thuộc về người khác, không thể thoát khỏi thiên kiến (ý kiến phiến diện), nhìn người và nhìn bản thân mình một cách khách quan. Nếu Tấn và Sở có thể dẹp bản thân lại, nhìn sự việc cầm kiếm một cách khách quan, thực ra chỉ cần dùng thuận tay, trái hay phải đều không có ý nghĩa gì hết! Vốn không cần phải cười nhạo lẫn nhau.



Lã Bố: người thời cuối nhà Đông Hán. Giỏi cưỡi ngựa bắn cung, lúc bấy giờ được mệnh danh là “phí tướng”, là đại tướng, thủ hạ dưới trướng của董卓, sau này mưu sát董卓, chia cắt Từ Châu. Cuối cùng chết dưới tay Tào Tháo.

Nhân quý hữu tự tri chi minh
(con người quý ở chỗ tự biết mình là ai)

Lão Tử nói: “Tri nhân giả trí, tự tri giả minh; thắng nhân giả lực, tự thắng giả cường” (người biết người là người trí, tự biết bản thân là người sáng suốt; người thắng người khác là người khỏe, người tự thắng bản thân mình là người mạnh), kẻ địch lớn nhất của đời người chính là bản thân mình. Bất kì một ai nếu như có thể nhận thức bản thân, hiểu bản thân, đã rất khó khăn, huống hồ chi sau khi nhận ra điểm yếu điểm mạnh của mình, có thể phát huy điểm mạnh, vứt bỏ cái xấu, sửa chữa khuyết điểm, cải thiện chính mình, như vậy thì càng khó hơn, vì thế Lão Tử mới nói “tự tri giả minh”, “tự thắng giả cường”.

Người cương nghị: cương cường lại ôn hòa, không dùng cương cường để cảnh giác, mà dùng nhu thuận để mềm yếu, đối kháng lại với tâm thể đường đột. Người như vậy có thể quy hoạch tổng thể, song không thể quan sát tỉ mỉ những chỗ nhỏ nhặt.

Người nhu thuận: khoan hồng chịu đựng tốt, nhưng lại chân chủ đo dự, không suy nghĩ đến toàn bộ tình hình của sự việc, khi gặp chuyện thường cố gắng nhẫn nhịn. Người như vậy có thể ứng phó với những việc thông thường nhưng lại không phải người làm được đại sự.

Người hùng hãn: dũng cảm trước mọi chuyện, nhưng luôn thiếu tính cảnh giác. Người như vậy có thể khắc phục khó khăn nhưng không thể tuân thủ quy tắc.

Người cẩn thận, sợ hãi, cẩn thận trước mọi việc, nhưng tính cách quá mềm yếu, hơn nữa lòng hoài nghi quá lớn. Vì thế người như vậy có thể bảo vệ bản thân nhưng lại không thể gây dựng tiết nghĩa.

Người lảng khái, chuyên đoán với mọi việc, thường dùng vẻ hùng biện bên ngoài để che lấp cho lòng dạ chuyên đoán của mình. Người như vậy có thể kiên trì chính nghĩa, nhưng không thể khiến cho mọi người tâm phục và đi theo dựa dẫm.

Người biện bác: người này giỏi biện luận, không hề cảnh giác với lời nói cứ thể tuôn ra, nên khi giảng lý luận đâu đâu cũng là đạo lý, song trên thực tế lại không hiểu gì.

Người hoàng phổ: bác ái lại chu đáo hòa hợp, song khi kết giao lại quá rộng rãi không chú ý đến lựa chọn đối tượng. Người như vậy có thể an ủi mọi người, song không thể đoan chính phong tục (thống nhất lối sống, phong tục).



Lý Thế Dân tức Đường Thái Tông. Ông thông minh anh võ, phát triển chế độ khoa cử, biết dụng người hiền tài, nghe lời can gián, thực hiện chính sách khai minh văn hóa. Ngày nhỏ có thư sinh nhìn thấy Lý Thế Dân liền nói ông có long phượng chí tư, thiên mục chí biểu. Sau này, quả nhiên trở thành thiên cổ nhất đế (vị hoàng đế số một thiên cổ).

Người chính trực: liêm khiết mà lại có thể gan dạ đục khoi trong, không sợ con đường nhỏ hẹp, tiếp tục bước trên con đường mà mình phải đi, phân rõ ranh giới tốt, xấu, coi hoàng

phổ là vắn đục mà tăng cường sự cẩn thận, chặt chẽ. Người như vậy có thể bảo vệ phẩm hạnh, song cuối cùng lại luôn không được thuận lợi.

Người hưu động: một lòng trời cao, siêu việt, coi trầm tĩnh là đỉnh trệ mà tăng thêm sự quyết đoán, nhạy bén. Người như vậy có thể tiến lên, song lại không chịu ở sau người khác.

Người trầm tĩnh, nghĩ trước nghĩ sau, rất chu đáo, tỉ mỉ, khi gặp chuyện phản ứng tương đối chậm chạp. Người như vậy có thể suy nghĩ sâu sa, song không nhanh nhạy, tốc đạt.

Người phác lộ, chất phác thành thực, không coi sự thành thực của mình là một tiêu chuẩn làm người, mà lại dùng những thủ đoạn gian dối để thể hiện sự thành thực của mình. Người như vậy có thể xây dựng uy tín, niềm tin, song lại không thể đo lường sự nặng nhẹ của vấn đề.

Người thao quyết, túc trí đa mưu, không cảnh giác với mưu lược của mình, xa rời chính đạo, coi trung trinh là ngu xuẩn mà thẳng thắn, coi trọng sự giả tạo, không thực. Người như

vậy có thể phò trợ công việc, song lại không thể sửa chữa, chống lại gian tà, sai trái.



Thương Trụ: vị vua cuối cùng của nhà Thương. Mê đắm tửu sắc, thống trị bạo ngược, gây nên sự phẫn nộ của dân chúng. Trong trận “chiến tranh du mục” đã bại dưới tay Chu Vũ vương, sau khi bại trận tự sát.

Nhân dĩ loài tự

Sự phân tích như trên của Lưu Thiệu với mười hai kiểu biệt tài rất tinh tế tỉ mỉ và truyền thần. Thực ra xung quanh chúng ta (bao gồm cả bản thân) có rất nhiều loại biệt tài như vậy, bạn đọc cứ thử đi quan sát, gộp tất cả những người xung quanh mình vào mười hai loại như trên, thêm vào đó sự phân tích, cũng có thể bạn sẽ có những phát hiện mới.

“Hỉ cao nộ trọng”, cũng là tình cảm hỉ nộ quá cao, quá lớn, vượt xa so với tình cảm thông thường, vượt quá “độ” của tình cảm. Vật cực tất phản, một khi vượt qua phạm vi của “độ”, sự vật sẽ từ sự thay đổi về lượng, phát triển thành sự đột biến về chất, tức là tính chất của sự vật phát sinh biến đổi. Tình huống này thuộc về “cương”.

“Quá mục triếp vong”, khi gặp phải việc gì đó, hỉ nộ quá độ, lại không màng để tâm tới, một khi sự việc qua đi, lại quên sạch sành sanh, trong lòng không có chút bận tâm. Đây chính là “thô”, cũng thuộc “cương”.

“Phục diệc bất kháng, khiêu diệc bất dương” chính là nói: lúc không nên hưng phấn, anh ta không thể hưng phấn, nhưng lúc cần hưng phấn anh ta cũng không hưng phấn. Tóm lại, không có chút sự hưng phấn nào, hành động cử chỉ lúc nào cũng mềm yếu, không phấn chấn lên nổi, âm nhu quá mức, gần với “xuẩn”. Đây cũng là một biểu hiện của “nhu”.

“Sơ niệm thậm thiển, chuyển niệm thậm thâm”. Về trước là “nhu”, về sau là “cương”. Câu này ý nói, kiểu người biết suy nghĩ, giỏi nhận biết, tư duy và trạng thái làm việc của họ, bề ngoài tưởng là “nhu”, nhưng thực chất là “cương”. Lúc đầu

mới nhìn, có vẻ như anh ta là người thô thiển, nhưng trong nhu có cương, trước nhu sau cương, nghĩ lại, suy nghĩ rất sâu sắc, lại chu đáo, tỉ mỉ, từ “nhu” chuyển sang “cương”. Do đó, với người như thế này, cần coi “chuyển niệm thâm thâm” là chủ đạo, là căn bản. *Bằng Giám* gọi kiểu người như vậy là “gian”, nên nói, cái “gian” này không phải gian trong “gian trá”, “gian nịnh”, mà là suy nghĩ cẩn thận rồi mới hành động, có tài ấp ủ suy nghĩ, mưu kế bên trong để thành đại sự.



Tôn Sách là người nước Ngô thời Tam Quốc. Là anh trai của Ngô đế Tôn Quyền. Lúc đầu dựa dẫm vào Viên Thuật, sau lập chính quyền ở Giang Đông. Tào Tháo cho ý làm quá nghịch tướng quân, phong làm Ngô hầu.

Giống kiểu “nội gian giả” này, trong lòng có tâm cơ, ấp ủ thành phủ, vẻ ngoài ôn thuận cung kính, vừa có kế mưu tâm lược, lại không thể hiện ra bên ngoài, có vẻ rất trầm tĩnh, nhưng luôn luôn nhìn xa trông rộng, quyết định sách lược tác chiến phía sau, đúng là tài năng cương nhu tương tế. Đã như vậy, tự nhiên ắt có thành tích, “công danh khả kì”.

Công nguyên năm 383, thời Tiền Tần, Phù Kiên đích thân thống lĩnh 60 vạn đại quân hướng về phía Nam tấn công Đông Tấn, người ngựa đông đúc, thể lực hùng mạnh. Tạ An, tướng lĩnh chống địch Đông Tấn thống lĩnh 8 vạn quân đánh địch. 8 vạn người ngựa, trong mắt Phù Kiên vô cùng nhỏ bé.

Lúc hai bên bắt đầu quyết chiến, Tạ An lại ngồi đánh cờ với một vị đại thần.

Người “thuần gian” luôn luôn không thể hiện hi nộ, bi hoan ra ngoài, làm người xử lý mọi việc luôn lùi một bước để tiến hai bước, lấy thủ để công, lấy thuận ứng nghịch, lấy giả loạn chân. Người như vậy rất có tâm cơ, khi sự việc chưa thành hết sức cẩn thận, không hề có kẽ hở, tu luyện công phu này đến mức tinh thâm thành thạo, có thể nói là du dao hữu du, thu phát tự nhiên. Do đó, người như vậy làm việc có thể liên kết phân hóa, tự nhiên cởi mở, cuối cùng ắt thành công.



Tạ An: người Đông Tấn. Xuất thân danh môn đại tộc, thời niên thiếu suy nghĩ đã nhạy bén sâu sắc, cử chỉ điềm tĩnh, phong độ nho nhã lưu loát. Không màng danh lợi, yêu thích sơn thủy. Sau này bị ép ra làm quan, trong trận chiến trên sông Phì Hà, đánh bại Tiền Tần. Không lâu sau lâm bệnh qua đời.

Ở đây chúng ta cần chỉ rõ, “thuần gian năng khoát đạt, kì nhân chung thành” được nói đến trong *Băng Giám* trái ngược với tư tưởng trung hiếu mà Nho giáo đề cao, song dùng câu nói đó ứng nghiệm với lịch sử thì lại chính xác. Tăng Quốc Phiên là người rất tích cực đề cao tư tưởng trung hiếu, song thân là một tướng sĩ, ông vẫn coi trọng sự thật, tức là “gian giả” cũng sẽ có thành tựu. Trong lịch sử từ trước đến nay, chính trị quân sự không thể tách rời quyền mưu, quyền mưu không tách rời trá thuật, chính là cái mà chúng ta vẫn gọi là “binh bất yếm trá” (binh không ghét trá). Thuần túy sùng trung hậu chất phác thật thà để vận trù quân sự, không dùng đến chút quyền mưu nào, thế thì phần nhiều khó mà giành thắng lợi.

“Gian” được nói đến ở đây, trong xã hội hiện đại, đã có thay đổi. Thương trường cạnh tranh cũng giống như chiến trường, dựa vào “gian trá” thành công chỉ nhất thời, không thể lâu dài, phải coi trọng trung thực, uy tín, mới có thể mãi mãi đứng trên đỉnh cao của thị trường mà không thất bại. Quyền mưu, kế hoạch, mưu lược được sử dụng trong đó là một loại hoạt động trí lực cao cấp, không nên đánh đồng với “gian thương”.

“Thuần thô vô chu mật, bán đồ tất phế”. “Thuần thô vô chu mật”, là nói làm việc luôn qua loa đại khái, bề ngoài trông thì có vẻ có phong độ của bậc đại trượng phu không xét nét tiểu tiết nhỏ nhặt, lúc cần tỉ mỉ, cẩn trọng cũng không thể vứt bỏ thô mà tỉ mỉ, trên thực tế là người chuyện nhỏ làm không tốt, chuyện lớn làm không nổi. Người như vậy chỉ một mực cương, vừa không có học thức, lại không có kĩ xảo, làm việc không thành, chỉ có bỏ cuộc giữa chừng.

Đạo lý trên không phải quá phức tạp, chính vì nó không phức tạp mà thường bị tướng sĩ bỏ qua, do đó, *Băng Giám*

phát ra một tiếng cảm thán, mong rằng cảnh tỉnh mọi người chú ý: “quan nhân sở hốt, thập hữu bát cửu hĩ!”.



Lý Bạch tự Thái Bạch là nhà thơ nổi tiếng thời nhà Đường. Từ nhỏ, ông đã có tài năng xuất chúng, chí khí rộng rãi, hào phóng, nhẹ nhàng có tấm lòng siêu thế. Tô Đĩnh thấy ông khác lạ nói ông đặc biệt thiên tài, có thể so sánh với Tương Như. Hạ Tri Chương thì lại nói ông là ông tiên bị giáng xuống trần. Lịch sử gọi ông là “thí tiên”.

DUNG MAO GIÁM

Nhận biết thể cách và cá tính của con người

I. Tổng luận dung mạo⁽¹⁾

Dung dĩ thất xích vi kì, mạo hợp lưỡng nghi nhi luận. Tương di tương xứng, tắc phúc sinh; như bội như tâu, tắc bất túc luận.

Nguyên văn

Dung dĩ thất xích vi kì, mạo hợp lưỡng nghi nhi luận⁽²⁾.

⁽¹⁾ Dung mạo: “Dung” chỉ cả cơ thể của con người, như ngực bụng, tay chân, eo lưng đều bao gồm trong đó, còn bao gồm cả cử chỉ, tình thái của con người như: đi, ngồi, nằm, ăn và cả lời ăn tiếng nói, hỉ nộ ai lạc. “Mạo”, đặc chỉ hình tượng hoặc trạng mạo phần mặt của con người, bao gồm, miệng, mũi, tai, mắt và cả động thái và tính thái của nó. Phần mặt là công cụ biểu hiện xem sức sống có vượng không, ông trời có ban cho thiên phú tốt đẹp không, thể hiện mức độ thích ứng, hòa hợp của con người với thế giới tự nhiên. Vì vậy người xưa nói: “Liệt bách bộ chi linh cư, thông ngũ phủ chi thần lộ, suy tam tài chi thành tượng, dung nhất thân chi đắc thất giả, diện dã” (ý nói: phần mặt, là nơi cư ngụ linh hồn của mọi bộ phận khác, là con đường thần thông ngũ phủ, là tướng thành của tam tài, là nơi cho thấy sự thành bại của con người).

⁽²⁾ Dung dĩ thất xích vi kì, mạo hợp lưỡng nghi nhi luận: “Thất xích” chỉ thân thể của con người. Thước thời cổ nhỏ, vì thế gọi thân thể của con người là “thất xích chi khu” (thân bảy thước). “Kì”, hạn độ. “Hợp” ở đây chỉ ý “thì”. “Lưỡng nghi” chỉ một nhóm sự vật vừa tương đối tương xích (đối lập, bài trừ nhau) lại tương phò tương thành (giúp đỡ nhau cùng phát triển) gồm: âm dương, thiên địa, thư hùng (đực cái), nam nữ, tôn ti (tôn quý, ti tiện), động tĩnh, hữu vô (có, không), vốn là khái niệm của Dịch học, ở đây dùng để luận nhân, chỉ thiên đình và địa các. Còn có một cách nói khác, là chỉ hai mắt hoặc tay và chân. Ý của hai câu này là: quan sát con người xem tướng, tư dung lấy độ dài bảy thước làm giới hạn, diện mạo chủ yếu là bình phán đôi mắt.

Hung phúc thủ túc, thực tiếp ngũ hành⁽¹⁾; nhĩ mục khẩu tị, toàn thông tứ khí⁽²⁾. Tương di tương xứng, tắc phúc sinh⁽³⁾; như bội như tấu, tắc lâm lâm tổng tổng, bất túc luận dã⁽⁴⁾.

Bản dịch

Khi quan sát hình mạo của con người, quan tư dung lấy thân bầy thước làm hạn độ, xem diện mạo thì phán đoán qua hai con mắt. Hung phúc thủ túc (ngực bụng tay chân) của con người đều liên quan tới ngũ hành, tức là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, đều có những đặc tính và đặc trưng riêng của chúng; nhĩ

⁽¹⁾ Hung phúc thủ túc, thực tiếp ngũ hành: “Ngũ hành”, vốn chỉ năm loại nguyên tố là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, ở đây là chỉ ngũ tạng. Các nhà âm dương ngũ hành và y học Đông y đều cho rằng, ngũ tạng đối ứng ngũ hành, quan hệ đối ứng như sau:

Gan thuộc mộc, tâm thuộc hỏa, phổi thuộc kim, thận thuộc thủy, tì thuộc thổ.

Mà ngũ tạng lại tương thông với hung phúc thủ túc, tức cơ thể, vì thế nói “hung phúc thủ túc, thực tiếp ngũ hành”. Ý của hai câu này là: hung phúc thủ túc, tức cơ thể của con người, đều tương quan với ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, có một số thuộc tính và đặc trưng của chúng.

⁽²⁾ Nhĩ mục khẩu tị, toàn thông tứ khí: “Tứ khí”, chính là khí của bốn thời, lại là khí của ngũ tạng. Các nhà âm dương ngũ hành và Đông y đều cho rằng, ngũ quan và ngũ tạng của con người tương thông với tứ thời, quan hệ đối ứng như sau:

Mục (mắt) thông gan, là khiếu (lỗ) của gan, thuộc xuân;

Thần (môi) thông tì, là khiếu của tì, thuộc cuối bốn mùa;

Thiệt (lưỡi) thông tâm, là khiếu của tâm, thuộc hạ;

Tị (mũi) thông phổi, là khiếu của phổi, thuộc thu;

Nhĩ (tai) thông thận, là khiếu của thận, thuộc đông.

Ý của hai câu này là: ngũ quan của con người, gồm nhĩ, mục, khẩu, tị đều tương quan thông với khí của bốn mùa, có một số thuộc tính và đặc trưng của chúng.

⁽³⁾ Tương di tương xứng, tắc phúc sinh: “Tương di”, ở đây chỉ phối hợp với nhau của các bộ phận trên cơ thể con người. “Tương xứng”, chỉ sự đối xứng điều hòa của các bộ phận trên cơ thể con người. “Tương di” và “tương xứng”, là một khái niệm quan trọng trong lý luận triết học. Ý của hai câu này là: nếu các bộ phận trên cơ thể con người phối hợp với nhau, đối xứng, điều hòa với nhau, thì sẽ mang đến phúc phận cho con người.

⁽⁴⁾ Như bội như tấu, tắc lâm lâm tổng tổng, bất túc luận dã: “Bội” trái lại, phản, tức các bộ phận trên cơ thể con người không phối hợp với nhau. “Tấu”, chặt, mật, tức là các bộ phận trên cơ thể con người không đối xứng, điều hòa với nhau. “Lâm lâm tổng tổng”, vẻ phân tán toán loạn. Ý của ba câu này là: nếu các bộ phận trên cơ thể con người tách rời nhau, tranh chấp với nhau, tương mạo sẽ phân tán không ngay ngắn, vận mệnh của người đó không đáng nói tới nữa.

mục khẩu tị (tai mắt miệng mũi) của con người đều quan thông với tứ khí là khí của bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, cũng có những đặc tính và đặc trưng riêng của chúng. Các bộ phận trên cơ thể con người nếu phối hợp với nhau, đối xứng, điều hòa với nhau, thì sẽ mang lại phúc khí cho con người, nếu xa rời nhau, tranh chấp với nhau, thì sẽ khiến cho tướng mạo hỗn loạn, phân li vỡ vụn, vận mệnh của người đó cũng không đáng nói tới.



Đỗ Dự: là danh tướng nhà Tây Tấn, từ nhỏ học cao hiểu rộng. Khi nhậm chức trấn Nam đại tướng quân, chấn hưng, tu sửa thủy lợi, tấn công Tây Lăng, tam trận bình Ngô. Ông có đóng góp công sức vô cùng to lớn cho sự thống nhất nhà Tây Tấn.



Tư Mã Duệ tức Tấn Nguyên Đế, là Hoàng đế khai quốc nhà Đông Tấn. Dưới sự phò trợ của Vương Đạo và Vương Đôn, sự nghiệp của ông đứng vững tại Giang Nam, xưng đế Kiến Khang. Sau này Vương Đôn làm phản, tấn công vào Kiến Khang, Tấn Nguyên Đế vì lo lắng, phần nộ mà qua đời.

“Dung” “mạo”

Dung mạo mà ngày nay thường nói, ngày xưa phân ra làm “dung” và “mạo”. Chương này tổng luận về “dung” và “mạo” của con người, ở đây trước hết sẽ giới thiệu về những kiến thức liên quan đến “dung” và “mạo”.

- Thân tướng tam đình

Tam đình, chính là ba phần thượng, trung, hạ trên cơ thể con người. Thượng đình: chính là chỉ đầu. Trung đình: chỉ phần từ vai đến eo. Hạ đình: chỉ phần từ eo đến chân. Người xưa cho rằng: tam đình thượng, trung, hạ của con người đều đặn, cân đối, vừa phải, cũng chính là chỉ sự phối hợp giữa to nhỏ, dài ngắn, cân bằng với nhau, một người nếu phù hợp với những điều kiện này thì là hợp tướng, như thế, người này ắt phúc thọ lâu dài, phú quý song toàn.

Người xưa nói: thân phân tam đình. Đầu là thượng đình, người mà thân hình thấp bé mà đầu to dài, có đầu trên mà không có đầu dưới, thân dài mà đầu ngắn nhỏ, thì cả đời bần tiện; từ vai đến eo là trung đình, trung đình phải cân đối, ngắn thì vô thọ, dài thì bần cùng, người eo mềm mà ngồi xuống đi đứng đều động thì vô thọ; từ eo đến chân là hạ đình, phải ngay ngắn với thượng đình mà không được dục (muốn) dài, dài thì lắm bệnh. Nếu người nào mà sự dài ngắn, to nhỏ của thượng, trung, hạ đình không đều nhau, thì vô thọ. Nhất thân tam đình tương xứng là tốt đẹp.

Đương nhiên, lý luận về “thân tướng tam đình” là xuất phát từ tổng thể để nắm bắt, xem xét kỹ tổng thể thân tài (vóc người) của con người một cách toàn diện, vĩ mô. Ngoài những điều này ra, các nhà y học cổ đại còn tiến hành quan sát tỉ mỉ các bộ phận trên cơ thể con người như tay chân, ngực bụng, eo lưng, vú rốn.



Dĩ Khỉ Chí, thư họa gia thời Đông Tấn. Học thức cao rộng, có tài. Ông làm thơ phú, viết thư pháp, đặc biệt rất giỏi về hội họa. Người thời bấy giờ gọi ông là “họa, văn, sĩ” tam tuyệt. Ông đã đặt nền móng cho sự phát triển hội họa của Trung Quốc.

• Tay chân

Tứ chi là chỉ hai tay, hai chân, tứ chi và bốn mùa xuân, hạ, thu, đông có mỗi tương quan họa phúc với nhau. Tứ chi và đầu gọi chung là “ngũ thể”. Ngũ thể càng có mỗi quan hệ mật thiết với ngũ hành. Trong thiên thời, tứ thời bất tề (không tương trợ nhau), ngũ hành bất điều (không điều hòa), thì vạn vật khó mà hóa sinh; trong nhân tướng, tứ chi bất tề (không hoàn chỉnh), ngũ hành bất hòa, ắt sẽ bần cùng khốn khó cả đời.

Tay của người khỏe mạnh là: mềm dài, cốt tịnh, không lộ gân xương. Người xưa cho rằng người tay nhỏ mà dài, là người có tâm lòng lương thiện, thích làm từ thiện. Do công dụng của tay là ở “cầm” và “bỏ”. Hai tay quá đầu gối là anh hùng cái thế, Lưu Bị chẳng phải “hai tay quá đầu gối, hai tai rũ xuống vai” sao? Chẳng trách người đời gọi Lưu Bị là thể chi hiêu hùng (nhân vật trí dũng kiệt xuất trên đời). Còn người tay ngắn chưa đến eo cả đời ắt khắc khổ. Người thân nhỏ tay to, phúc lộc hồng trạch, người thân to tay nhỏ thì thanh bần. Tay hợp đoan hậu (thẳng, dày), người tay đoan hậu, dày thì phú túc, kị bạc tước (mỏng, yếu), người tay bạc tước thì bần cùng. Người tay thô cứng thì ti tiện, người tay nhỏ mềm thì cao quý. Người tay thơm, ẩm thì thanh tú, người tay hôi bần thì hỗn đục.

• Ngực bụng

Ngực là cung đình của khí huyết, là chẩm phủ của thần tinh, cung đình bằng rộng thì thần thái an định mà khí huyết bình hòa, phủ kho lún xuống, thì kiến thức nông cạn mà khí lượng nhỏ hẹp. Vì vậy, ngực phải bằng và dài, rộng mà dày, như vậy thì trí cao phúc hậu (tài cao, phúc lớn).

Có câu thơ: “Ngực là cung đình của khí huyết, bằng rộng mới có lộc, nếu lệch và nhấp nhô chắc chắn vất vả hơn so với bình thường”.



Tiêu Đạo Thành, người sáng lập Nam Triều Tề. Ông vốn là tướng lĩnh cầm quân của nhà Tống, sau này giết hậu phế đế, lập tân đế, thân tóm đại quyền. Cuối cùng tự lập triều đình mới thay thế triều Tống.

Chức năng của bụng là dùng để bao lấy lục phủ ngũ tạng, cũng giống như lò luyện của cơ thể, có thể hóa giải vạn vật. Vì thế, người bụng phải tròn, da dày mà phệ xuống thì là quý.

Cổ nhân nói: bụng, là lò luyện của cơ thể, vì thể bao lấy tràng vị và tiêu hóa vạn vật. Muốn tròn và dài, dày và chắc, thể phệ xuống, da dày mà trơn. Người da dày ít tật mà phú, người da mỏng nhiều tật mà bần. Người ngực gần thượng thì tiện mà ngu. Vì thế nói: bụng treo lơ lửng hướng xuống dưới, phú quý chủ thọ; bụng rụng và rũ, trí hợp thiên cơ; bụng lệch mà ngắn, ăn không đầy bát; bụng ôm, tứ chủ văn tri.

• Eo lưng

Eo, nằm ở phần giữa của cơ thể, là trung khu hoạt động của cơ thể con người, trong khi thi thể dục thể thao, tất cả các

động tác đều lấy eo là tâm trục mà vận động. Có thể thấy, eo quan trọng như thế nào với con người. Người xưa cho rằng, eo phải ngay ngắn, dày thì là tốt. Eo là tâm của bụng, sự an nguy của một đời, tất cả đều dựa vào eo, nếu eo của một người vừa ngay ngắn lại thẳng, rộng mà dày thì là người có phúc có lộc.

Sự dày mỏng và đầy đặn, lõm của lưng có thể quyết định sự bần phú của đời người. Lưng bằng rộng mà đầy đà, cả đời ít tai họa mà nhiều phúc.

Cổ nhân nói: “Eo như ngọn núi của bụng, như vật dựa vào núi để nhờ cậy cho sự an nguy của chúng. Vì thế người mà eo ngay mà thẳng, rộng mà dày, là người có phúc lộc”.

Lại nói: “Lưng muốn dài không muốn ngắn, muốn dày không muốn mỏng, bằng rộng đầy đà, thì thân được yên”.



Nhan Chân Khanh: thư pháp gia nổi tiếng thời Đường. Ông là thư pháp gia duy nhất trong lịch sử Trung Quốc có thể so sánh ngang bằng với Vương Hí Chí. Phong cách của ông lại đối lập với Vương Hí Chí, mở ra luồng gió mới cho thư pháp.

Dung dĩ thất xích mạo hợp lưỡng nghi

Phía trên là một số kiến thức có liên quan tới “dung” và “mạo”. “Dung mạo” bao gồm hai khái niệm là “dung” và “mạo”. Dung là “tư dung”, một mặt chỉ tay chân, eo lưng, ngực bụng, vú rốn; một mặt khác chỉ những cử chỉ, tình thái của con người thể hiện ở các mặt ngồi, nằm, đi đứng và cả ngôn ngữ lời nói, hỉ nộ ai lạc. Trên thực tế, “dung”, một là chỉ thân thể, hai là chỉ những cử chỉ, tình thái được thân thể thể hiện ra. Thân thể là vật chất có thực, nhìn thấy sờ thấy, có hình trạng, màu sắc, chất lượng, thể tích. Thân thể là cơ sở của “dung”. Còn cái thứ hai là tình thái mà thân thể thể hiện ra, là thứ ảo ảnh mặc dù có thể nhìn thấy, nghe thấy nhưng lại không sờ được, không có chất lượng, là thứ mà đạo gia gọi là “hữu hình vô chất”, là hình thức biểu hiện của dung. Hai mặt này liên quan với nhau, ảnh hưởng, khắc chế lẫn nhau. Khi tiến hành quan sát một người cụ thể nào đó, phải chú ý nắm bắt, nghiên cứu từ tổng thể, toàn diện.

Mạo chỉ hình tượng phần mặt của con người, như đặc trưng cá tính được thể hiện lúc động và tĩnh của mồm, mắt, tai, lưỡi, mũi. Xét nghĩa rộng, mạo không chỉ là phần mặt, mà còn là cả phần đầu, như ấn đường, cằm. Giống như “dung”, “mạo” cũng có hai phần: một là cơ quan của cơ thể con người tồn tại thực gồm mồm, mắt, tai, lưỡi, đó là phần vật chất của “mạo”, là cơ sở. Hai là những tình thái mà những cơ quan đó thể hiện, là biểu hiện tinh thần của mặt, thuộc ảo ảnh.

“Dung dĩ thất xích vi kì, mạo hợp lưỡng nghi nhi luận”. Câu này có mấy tầng ý nghĩa sau: hai khái niệm “dung” và “mạo” đều có hàm ý riêng của mình, không thể gộp vào để

nói, đây là tăng nghĩa thứ nhất. “Dung” chỉ toàn bộ thân thể của con người và những tình thái mà thân thể biểu hiện ra, “mạo” thì chỉ cả phần mặt từ thiên đình đến địa các, đây là tăng nghĩa thứ hai. Phạm vi, giới hạn của “dung” trong bảy thuộc thân thể, phạm vi của “mạo” thì ở giữa “lưỡng nghi”, đây là tăng nghĩa thứ ba. Từ đó chúng ta có thể thấy, cuốn sách này hết sức nghiêm túc, cẩn thận, trước sau hô ứng, hòa vào làm một.



Úy Trì Cung, tự Kính Đức, là công thần thời kì đầu nhà Đường. Khỏe mạnh thiên chiến, nhiều lần lập công cho Lý Thế Dân. Với chiến công số một, được phong làm Quốc Công, sau sửa phong thành Ngạc Quốc Công.

Chúng ta đã biết, các bộ phận trên cơ thể con người tương quan với ngũ tạng, mà trong ngũ tạng mỗi cái lại có thuộc tính riêng của mình. Thuộc tính này là chỉ đặc trưng tính chất của ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, đây chính là “hung phúc thủ túc, thực tiếp ngũ hành” mà “nhĩ mục khẩu tị, toàn thông tứ khí”. Là nói ngũ tạng và khí của tứ thời hô ứng với nhau, thông qua các lỗ tai, mắt, miệng, mũi mà tương thông với nhau.

Cảnh giới tối cao mà thánh nhân ngày xưa theo đuổi là “thiên nhân hợp nhất”, “hung phúc thủ túc có thể tiếp ngũ hành, nhĩ mục khẩu tị có thể thông tứ khí” chính là nhân

mạnh mỗi quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên, con người là một chỉnh thể do các bộ phận trên cơ thể phối hợp với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, các bộ phận nên tương di tương xứng, hài hòa sinh động. Vì vậy, tam đỉnh bình đẳng mà cân xứng, đại tiểu bất khuỵ, chính là cái cân to phải to, cái cân nhỏ phải nhỏ. “Tương di tương xứng” là nói hung phúc thủ túc phối hợp với nhau, nhĩ mục khẩu tị ăn khớp với nhau, chỉ có như vậy mới phù hợp với lý của tự nhiên. Đã có thể cho thấy cơ thể khỏe mạnh, còn cho thấy tướng của họ bất phàm, vì vậy mới có cách nói “tương di tương xứng tắc phúc sinh”. Ngược lại “nhu bội như tẩu, lâm lâm tổng tổng”, đương nhiên là chỉ các bộ phận trên cơ thể con người miễn cưỡng, gò bó kết hợp với nhau, rồi ren tạp loạn, người như vậy tự khắc “không tốt”, vì thế không đáng nhắc tới.

Có một câu chuyện liên quan tới dung mạo, kể về Tào Tháo sắp triệu kiến sứ giả Hung Nô, song Tào Tháo tự cho rằng khuôn mặt mình xấu, không thể để cho sứ giả từ phương xa tới thật tâm phục tùng, vì thế Tào Tháo liền để Thôi Quý Khuê thay thế mình, còn Tào Tháo thì cầm đao đứng bên. Sau khi triệu kiến sứ giả Hung Nô kết thúc, Tào Tháo phái người đi hỏi sứ giả Hung Nô, thấy Ngụy vương thế nào. Sứ giả trả lời: “Ngụy vương nho nhã không giống người thường, nhưng người cầm đao đứng bên chính là một vị anh hùng”.

Câu chuyện này đã cho thấy rõ, tinh thần và khí chất của con người có thể được thể hiện qua dung mạo, chính là cái mà chúng ta gọi là “nhĩ mục khẩu tị, toàn thông tứ khí”.



Địch Nhân Kiệt: người Tịch Châu thời nhà Đường. Là tể tướng thời Võ Tắc Thiên, là nhà chính trị kiệt xuất. Ông cương trực liêm minh, chất phác công chính vô tư, làm việc cẩn thận, nghiêm túc, vì duy trì pháp lệnh thậm chí còn dám trực ngôn phạm gián (nói thẳng để can gián vua). Hơn nữa ông rất biết nhìn người, thường chủ trương lựa chọn người hiền.

II. Luận dung

Dung quý “chỉnh”, “chỉnh” phi chỉnh tề chi vị. Ngũ đoản đa quý, lưỡng đại bất dương; phụ trọng cao quan, thử hành hao lợi.

Nguyên văn

Dung quý “chỉnh”, “chỉnh” phi chỉnh tề chi vị⁽¹⁾. Đoản bất thì đôn, trường bất mao lập, phì bất hùng xan, sấu bất thước hàn⁽²⁾, sở vị “chỉnh” dã. Bội nghi viên hậu, phúc nghi

⁽¹⁾ Dung quý “chỉnh”, “chỉnh” phi chỉnh tề chi vị: “Chỉnh”, từ ý nghĩa của những phần trên thấy rằng, đó là ý chỉ sự cân xứng, cân bằng. Ý của hai câu này là: tư dung của con người lấy quý ở “chỉnh”, “chỉnh” nói đến ở đây, không phải chỉ chỉnh tề, mà là cân xứng cân bằng.

⁽²⁾ Đoản bất thì đôn, trường bất mao lập, phì bất hùng xan, sấu bất thước hàn: “Đoản”, đối lập với trường, trường chỉ vóc dáng cao to, đoản chỉ vóc dáng thấp bé. “Thì” ở đây là danh từ làm trạng ngữ, ý chỉ giống như lợn, “mao”, “hùng”, “thước” ở những đoạn sau cũng giống như vậy. Ý của bốn câu này là: vóc dáng của con người có thể thấp, nhưng không được thấp đến nỗi trông như một con lợn đang ngồi; vóc dáng

đột thản, thủ nghi ôn nhuận, khúc nhược loan cung, túc nghi phụng mãn, hạ nghi tàng đản⁽¹⁾, sở vị “chỉnh” dã. Ngũ đoản đa quý, lưỡng đại bất dương, bản trọng cao quan, thử hành háo lợi⁽²⁾, thử vi định cách. Tha như thử trường vu thân, thân quá vu thể, phối dĩ giai cốt, định chủ phong hầu⁽³⁾;

có thể cao, nhưng không được cao trông như ngọn cỏ tranh đứng sừng sững; thể thái có thể béo, nhưng không được béo phì như con gấu; thể thái có thể gầy, nhưng không được gầy đến mức trông quá yếu ớt. Muốn “thấp mà không ngắn, cao mà không sừng sững, béo mà không phì, gầy mà không mỏng manh”.

⁽¹⁾ Bội nghi viên hậu, phúc nghi đột thản, thủ nghi ôn nhuận, khúc nhược loan cung, túc nghi phụng mãn, hạ nghi tàng đản: “Đột thản”, nổi bật mà phẳng, đây là ý chỉ tất cả đều đầy đặn. “Ôn nhuận”, ấm, mềm mại. “Khúc nhược loan cung”, cách nói hoàn chỉnh là “nghi khúc nhược loan cung”. Bàn tay cong như cung, ý chỉ bàn tay cong theo chiều ngang, hình giống như chiếc cung. “Hạ tàng đản”: câu này tương tự như “khúc nhược loan cung”, cách nói hoàn chỉnh là “túc đẫy hạ nghi tàng đản”. Dưới lòng bàn chân tối kị bằng như tấm bản, người xưa cho rằng, chính giữa lòng bàn chân giống hình chữ Ao (Ao trong tiếng Trung là lõm), tức là chân cong cao lên, để trông có thể giấu được quả trứng là giai tướng (tướng tốt), chủ đại phú. Ý của sáu câu này là: phần lưng cần phải tròn đầy, dày chắc, phần bụng cần nổi bật mà bằng, lòng bàn tay phải ấm, mềm mại, mu bàn tay nên cong như cung. Phần chân cần chắc nịch, đẫy đà, lòng bàn chân nên trống, có thể giấu được trứng bên dưới đó.

⁽²⁾ Ngũ đoản đa quý, lưỡng đại bất dương, phụ trọng cao quan, thử hành háo lợi: Ngũ đoản chỉ năm phần là đầu, mặt, thân, tay, chân đều ngắn. “Ngũ đoản” cũng là một kiểu tướng cân xứng, cân bằng, vì thế người xưa phần lớn coi ngũ đoản là quý. “Lưỡng đại”, chỉ hai đùi quá dài. “Bất dương” ở đây chỉ mệnh không tốt. “Phụ trọng” chỉ lúc đi đường trông như đang vác vật nặng, do đó bước đi rất kiên cố, vững chắc, có lực, có tướng nhận trọng đạo viễn (trọng trách lớn, phải có một con đường phấn đấu dài), người xưa coi đó là quý, có vận mệnh làm quan. “Thử hành”, chỉ lúc đi đường trông giống con chuột, bước đi nhỏ vun, gấp gáp, hai mắt đảo qua đảo lại, lại còn chớp chớp bất định. “Háo lợi” tính của chuột là thích lỗ, nên gọi là “háo lợi”. Ý của bốn câu này là: người sinh ra thân tài ngũ đoản, địa vị nhất định hiển quý; người có hai đùi dài, vận mệnh nhất định không tốt; người mà lúc đi đường trông như đang vác vật nặng, dáng vẻ bước đi vững chãi, chắc nịch, có lực, nhất định có thể làm quan to; người mà đi trông giống con chuột, bước đi nhỏ vun, gấp gáp, hai mắt liếc ngang liếc dọc lại chớp chớp bất định, nhất định là kẻ tham tài háo lợi.

⁽³⁾ Thủ trường vu thân, thân quá vu thể, phối dĩ giai cốt, định chủ phong hầu: “Thân” ở đây chỉ phần thân trên. “Thể” ở đây chỉ phần thân dưới, tức là hai đùi. Hai tướng trên đều được gọi là kì tướng, tướng kì mà không quái, chủ đại quý. “Hầu”: hầu tước, một trong những tước vị thời xưa. Chế độ thời xưa, triều đình phong thưởng tước vị cho người có công, vị phong làm năm đẳng là: công, hầu, bá, tử, nam, trật tự tôn ti của nó là tước vị “công” cao nhất, sau đó đến “hầu”, tiếp theo đến “bá”, sau nữa đến “tử”, “nam” là thấp nhất. Ở đây lấy hầu để thay thế cho tước vị, ý chỉ được phong

la văn mãn thân, hung hữu tú cốt, phối dĩ diệu thần, bất bá tương tức đỉnh giáp hĩ⁽¹⁾.

Bản dịch

Chỗ quý của tư dung của con người nằm ở “chỉnh”. “Chỉnh” ở đây không phải là ý chỉ chỉnh tề như nhau, mà là muốn tất cả các bộ phận cấu thành nên thân thể phải cân bằng, cân xứng, để tạo nên một chỉnh thể hữu cơ hoàn mỹ. Nói đến thân tài, đáng người có thể thấp nhưng không được thấp đến mức nhìn trông như một con lợn đang ngồi; vóc dáng cũng có thể cao, nhưng tuyệt đối không thể giống như một ngọn cỏ tranh cô đơn đứng sừng sững. Xem xét về thể hình, thể thái có thể béo, nhưng không được béo giống như một con gấu tham ăn béo phì; thể thái gầy cũng không sao, nhưng không được quá gầy yếu, không có sức sống. Đây là cái mà chúng ta gọi là “chỉnh”. Lại xét từ các bộ phận trên cơ thể con người, phần lưng phải tròn mà dày chắc, phần bụng phải nổi bật mà phẳng, tay phải ấm, mềm, bàn tay thì uốn cong như cung, bàn chân phải chắc nịch đầy đà, giữa lòng bàn chân

tướng vị. Ý của bốn câu này là: Nếu hai tay dài qua thân trên, thân trên lại qua thân dưới, lại có thêm cốt tướng tốt, sau này nhất định sẽ được phong hầu.

⁽¹⁾ La văn mãn thân, hung hữu tú cốt, phối dĩ diệu thần, bất bá tương tức đỉnh giáp hĩ: “la”, tức lĩnh là, ở đây là chỉ tên gọi chung của các loại vải tơ nổi tiếng gồm lĩnh, là, lụa, đoạn. “La văn mãn thân”, ý nói da dẻ mềm mịn giống như vải lĩnh là phủ toàn thân. “Hung hữu tú cốt”, chỉ phần ngực phẳng, rộng, mà cự ly giữa hai ngực rộng rãi, xương ngực ẩn chứ không lộ, thì vô cùng nho nhã, thanh tú. “Diệu thần”, ở đây chỉ phong độ tổng thể, khí chất thượng giai (rất tốt), trông rất nho nhã, phóng khoáng. Chỉ nhãn thần (thần thái của ánh mắt) và phong thái. “Bá”, ban cho quan chức. “Tướng”, tế tướng, phẩm chỉ cao quan trọng thần. “Đỉnh giáp”, cả ba người đứng trong nhất giáp (gồm ba giáp) trong thi đình khoa cử thời phong kiến, tức đứng đầu là trạng nguyên, thứ hai là bảng nhãn, thứ ba là thám hoa, ở đây chỉ trạng nguyên. Ý của bốn câu này là: nếu trời sinh da dẻ mềm mịn, giống như lĩnh là phủ toàn thân, xương ngực ẩn chứ không lộ, thì vô cùng nho nhã, thanh tú, lại thêm có cả thần thái tốt, thì sau này nhất định tiền đồ hanh thông.

phải trống, trống tối mức có thể giấu một quả trứng gà bên dưới thì tốt. Đây cũng là cái mà chúng ta gọi là “chỉnh”. Ngũ đoản thân tài (thân hình thấp. Ngũ đoản: chỉ năm phần là đầu, mặt, thân, tay, chân đều ngắn) mặc dù trông thì có vẻ không rõ lắm, nhưng phần lớn địa vị cao quý, hai đùi dài quá thì vận mệnh thường không tốt. Một người khi đi đường, giống như đang vác vật nặng, thì người này nhất định có vận mệnh làm quan to; người mà khi đi lại trông giống con chuột bước đi nhỏ vun, gập gáp, hai mắt nhìn ngang nhìn dọc hơn nữa còn nhấp nháy bất định, tất là người tham tài háms lợi. Đây đều là những cách thức cổ định, nhiều lần thử nghiệm đều không có sai sót. Vẫn còn những cách thức khác: như hai tay dài hơn thân (tốt nhất vượt quá đầu gối), thân trên dài hơn thân dưới, lại có xương tốt, vậy thì nhất định sẽ được phong công hầu. Lại như da mỏng mà mềm mại, giống như lĩnh là phủ toàn thân, xương ngực ẩn chứ không hiện, vô cùng nho nhã thanh tú, nếu có thêm thần thái kì giai (tốt lạ thường), vậy thì sau này cho dù không được phong tướng, cũng sẽ trúng trạng nguyên.



Lý Tĩnh: là nhà quân sự thời kì đầu nhà Đường. Từ thuở niên thiếu ông đã “văn võ tài lược”. Sau khi quy thuận nhà Đường, phía Nam bình Giang Nam, phía Bắc tiêu diệt Đột Quyết, phía Tây định Sỷ Cốc Hồn. Ông có tài năng quân sự phi phàm, năm Trinh Quan, được phong làm Vệ Quốc Công.



Ngu Thế Nam: một trong bốn nhà thư pháp giá nổi tiếng thời kì đầu của nhà Đường. Tính tình trầm lặng không tham cầu, chí tính cương liệt, nghị luận chính trực, rất được Đường Thái Tông trọng dụng. Thư pháp của ông ngoại nhu nội cương, không màu mè.

“Hình” và “Thần”

Chương này trông thì có vẻ chuyên bàn về các vấn đề của “dung” và “dung” với “mạo”, nhưng thực tế thì lại là bàn về vấn đề của “hình” và “thần”, cũng chính là xuất phát từ góc độ “dung” và “mạo” để xem “hình” và “thần” và lấy đây làm cơ sở, tiếp tục đoán định, dự đoán cát hung họa phúc trong cuộc đời của con người, chính là vận mệnh. Khi xem “hình” và “thần” chú ý phải coi “hình” là chính, “thần” là phò trợ.



Tần Quỳnh: tự Thúc Bảo, người nhà Đường. Chí hướng cao xa, dũng mãnh cường hãn, nhiều lần lập chiến công, nhận được sự trọng dụng của Tần Vương Lý Thế Dân. Năm Trính Quan được phong làm Tả Võ Vệ đại tướng quân.

Trước tiên chúng ta sẽ đi tìm hiểu một số kiến thức có liên quan để tiện cho việc đọc và nghiên cứu chương này.

- **Hình hữu dư**

Hình hữu dư chỉ một loại hình tướng lý tướng, người có hình tướng như vậy, khỏe mạnh trường thọ, phú quý vui vẻ. Hình hữu dư bao gồm hai mặt: “dung” và “mạo”.

Thuộc vào dung, đỉnh đầu phải tròn dày, lưng bụng phải đầy đặn, nổi lên, vai phải to rộng, ngực phẳng, rộng, bụng phải tròn mà phệ. Cử chỉ đoan trang, nghiêm túc, tam đỉnh cân xứng. Thịt phải mịn, xương phải to tròn, tay phải dài, chân phải vuông.

Thuộc vào mạo, trán rộng tứ phương, mồm như cung sừng (loại cung dùng sừng của các loài động vật làm), môi đỏ như anh đào, răng trắng như sương tuyết, hai tai tròn như bánh xe, mũi thẳng như huyền đảm (túi mật treo lơ lửng), mắt đen như sơn, mắt trắng như ngọc. Lông mi thon dài, ngũ nhạc triều củng tụ hợp.

Hình thể của một người có những đặc trưng trên, thì chính là tướng hình hữu dư. Khiến người khác nhìn xa thì cao to sừng sững, trông lên cũng đúng như vậy.



Thái Duẩn Cung là người Tùy Đường. Tư dung đẹp, giỏi thơ văn. Mới đầu làm quan nhà Tùy. Thời đầu nhà Đường là tham quân kiêm học sỹ văn học quán trong phủ Tàn Vương. Viết mười cuốn Hậu Lương Xuân Thu.

• Hình bất túc

Hình bất túc là mặt tương phản với hình hữu dư, đặc điểm của nó là dung tục, bủn xỉn, thần thái ủy mị, khiến người khác nhìn vào mà thấy ghét, có thể nói là không vừa mắt.

Hình bất túc cũng giống như hình hữu dư, bao gồm hai mặt là “dung” và “mạo”.

Thuộc “dung”, đỉnh đầu nhọn, lồi, phần đầu mỏng yếu, vai và cánh tay vừa hẹp vừa lệch, phần ngực hoặc nhô lên hoặc lõm xuống, phần lưng mỏng, phần bụng vừa dẹp vừa phẳng, phần bắp tay lõm xuống, đầu to, thân hình nhỏ, thân trên ngắn thân dưới dài, khoảng cách giữa các ngón tay thưa thớt, bàn tay nhỏ mọn, chi tiết (chân, tay) ngắn mà thô, đi đứng lắc lư bất định, giọng khan.

Người thuộc “mạo”, trán lõm sâu, môi mỏng như tờ giấy, sống mũi thấp tẹt, vành tai lật ra ngoài, hai mi một cong một thẳng, hai mắt một cao một thấp, một to một nhỏ, xương gò má một lồi một lõm, lúc ngủ mắt nửa nhắm nửa mở, giọng nói nam giới như nữ giới, răng vàng mà lộ ra ngoài, miệng nhọn mà còn có mùi hôi, đầu trọc, mắt lõm sâu, thần thái hốc mắt ủy mị nhu nhược.

Những gì nói ở trên, thực tế là sự hội tụ các khuyết điểm của hình thể, một người có thể có tất cả những khuyết điểm này, nhưng chỉ cần có một trong số khuyết điểm đó thì sẽ cho rằng đó là sự thiếu sót, hỏng của hình tướng, giảm phúc phận.

• **Thần hữu dư**

Hình hữu dư là một loại hình tướng bên ngoài lý tưởng, thần hữu dư lại chỉ một loại trạng thái tinh thần lý tưởng. Nói một cách cụ thể, chỉ ánh mắt sáng có thần, tinh thần hưng phấn, cử chỉ đoan chính, làm việc trầm tĩnh lão luyện, làm việc gặp phải thay đổi không bất ngờ hoảng loạn, bất luận lúc nào ở đâu, đều có thể kiên trì bảo vệ phẩm đức của mình. Cũng chính là cảnh giới “bất dĩ vật hỷ, bất dĩ ki bi” (không vì vật bên ngoài tốt và mình được đắc).

Ý mà vui mừng, không vì vật bên ngoài xấu và không được như ý mình mà buồn).



Nhan Sư Cổ là người khá nổi tiếng thời nhà Đường. Ông đọc nhiều sách, học thức sâu rộng, đặc biệt tinh thông văn tự cổ và giải thích từ cổ Trung Quốc. Ông kiểm tra và định lại năm bộ kinh điển, viết Quốc Mậu Chính Tục được mọi người coi trọng.

• Thần bất túc

Thần bất túc chính là mặt trái ngược với thần hữu dư, chính là tinh thần ủy đồn (không có tinh thần), khí chất dung tục, bủn xỉn, tới mức không có gì có thể bổ sung thêm vào, hết thuốc chữa.

Ngũ đoản, ngũ trường

Có sự phân biệt “ngũ đoản chi hình” và “ngũ trường chi hình”:

Ngũ đoản chi hình, chính là đầu ngắn, mặt ngắn, thân ngắn, tay ngắn, chân ngắn.

Ngũ trường chi hình, chính là đầu dài, mặt dài, thân dài, tay dài, chân dài.

Ngũ đoản chi hình và ngũ trường chi hình vốn không có phân biệt tốt xấu, mấu chốt là phải xem sự phối hợp giữa chúng với các phương diện khác mà định đoạt.

Người ngũ đoản chi hình nếu xương nhỏ mà trơn nhẵn, ấn đường sáng, ngũ nhạc cùng tụ hợp thì là thượng giai (tốt). Người ngũ trường chi hình phối với xương to tướng mạo nổi trội, thanh tú mềm mịn, chính là người kì giai (tốt lạ thường), chủ nhân phú quý song toàn.

Quy loại và tiêu chuẩn

Phân chia loại hình của hình tượng, các phái khác nhau đều có những phương pháp và tiêu chuẩn riêng, song nói tóm lại, có thể phân thành hai loại: một là phương pháp hình tượng, một loại khác là phương pháp trừu tượng. Phương pháp hình tượng, chính là căn cứ vào “hình” của con người để tiến hành quy loại, thông thường phân loại tướng hình ngũ hành cũng thuộc phương pháp này. Phương pháp phân chia dùng hình chữ của mười bốn chữ là giáp, thân, sơn, đồng, vương, mục, viên, dụng, phong, điền để tỉ loại thủ tượng (tỉ loại thủ tượng: phương pháp quy nạp thuộc tính của sự vật - đây là một phương pháp nghiên cứu âm dương ngũ hành quan trọng của Dịch học). Ưu điểm của phương pháp phân chia theo phương pháp hình tượng là trực quan, tính tháo tác mạnh. Phương pháp trừu tượng là phương pháp căn cứ vào đặc điểm diện mạo bên ngoài, trạng thái tâm lý, biểu hiện tinh thần của con người, kết hợp với các tiêu chuẩn phán đoán vận mệnh để tiến hành phân chia. Còn một loại khác là phương pháp phân loại thông dụng của người xưa, chính là “phương

pháp lục phân”. Phương pháp lục phân phân thành: phú, quý, thọ, bản tiện, cô khổ, yếu.

- **Phú tướng**

Phú tướng là eo tròn lưng dày, sống mũi cao thẳng, hai gò má nhô lên, khóe miệng vuông, địa các vuông tròn, tứ giác đầy đặn; phú tướng là khí sắc hồng nhuận sáng sủa, da thịt cơ thể mềm mại, nhẵn bóng, phần mặt đầy đặn, cốt tướng thanh kì; phú tướng là mu bàn tay chắc thịt, đi đứng ngồi nằm, tư thế đoan trang, tinh thần thoải mái, cử chỉ chắc chắn.

- **Quý tướng**

Đặc trưng của quý tướng là: mặt đen thân trắng, mặt thô người nhỏ, thân thể nhỏ thấp nhưng giọng nói vang, mặt ngắn nhưng mắt dài, mũi trên cơ thể thơm nhẹ thanh thoát.

Trên đây là những đặc trưng cơ bản, phản ánh toàn diện những yêu cầu khắt khe của người xưa với hình tướng của con người, trong đó, vừa mang tính điển hình, lại bao gồm cả tính thần bí và huyền hoặc đặc trưng của nền văn hóa phương Đông. Tiêu chuẩn yêu cầu với hình tướng của cơ thể con người cao như vậy, phàm phu tục tử, bình dân áo vải đương nhiên là không thể đạt tới được. Thực ra, đến cả bậc đế vương, bậc tướng, quan cao hiển quý cũng chắc gì sinh ra đã được tướng hoàn mĩ, cao quý như vậy?

- **Thọ tướng**

Ngũ nhạc cao rõ, trán có xương ngang, sống mũi thẳng, cao, tai dài dính sát vào đầu, sơn căn không lõm, nhân trung dài thẳng, che răng, sau tai có xương thọ tinh, xương ngọc chằm sau đầu nổi lên, hai mắt có thần, lông mày có lông mày dài, da mặt khoan hậu (rộng, dày), pháp lệnh phân minh, răng đều mà khít, trong lỗ tai có lông, phần lưng cơ thịt rắn chắc, ngực phẳng, rộng, da sau đầu lỏng mà thịt có các đường

ngang dọc. Những đặc trưng kể trên đều là những đặc điểm của thọ tướng xuất phát từ phương diện hình mạo. Xem xét từ phương diện tinh thần khí chất, thọ tướng lại có những đặc điểm dưới đây: tính tình ôn hòa, tấm lòng rộng mở, đứng ngồi đoan trang, ăn uống từ tốn, giọng nói trong sáng, dục vọng tương đối ít, hơi thở không gấp như quy tức (hơi thở của rùa).



Khổng Đình Đạt: là kinh học gia nổi tiếng thời nhà Đường. Lúc nhỏ, ông thông minh nhanh nhạy, hiếu học, đọc hết kinh truyện. Thời kì đầu nhà Đường, ông là học sỹ chuyên quản về văn học của Lý Thế Dân. Ông nhận lệnh chủ biên Ngũ kinh chính nghĩa, giải thích, ghi chú rõ ràng, nghĩa lý thông đạt.

Phương pháp thập tự

Đây là phương pháp thập tự chuyên dùng để quan sát tướng mạo của con người được nói đến trong *Hằng Chân*. Dùng hình tượng của mười chữ: mục, đồng, sơn, giáp, dụng, thân, điền, viên, vương, phong để đại diện cho mười loại hình mặt khác nhau, đây cũng là phương pháp vận dụng tỉ loại thủ tượng. Nói một cách tổng thể, đây là một phương pháp vi

quan, chỉ nói đến dung mạo, song nó cũng là một phương pháp vĩ quan. Nội dung cụ thể như sau:

1. Mặt chữ mục: mặt hình chữ nhật, làm việc nhiệt tình, tích cực, lòng tự tôn mạnh, không chịu thua.

2. Mặt chữ đồng: xương quai hàm phát triển, do đó quai hàm rộng, mặt hình tứ giác, sinh tính thông tuệ, làm người khoan hồng đại độ.

3. Mặt chữ sơn: phần trán dưới to béo, khiến cho khuôn mặt có hình trứng ngỗng, người có khuôn mặt như thế này kiên quyết kiên định, không đạt được mục đích quyết không bỏ cuộc.

4. Mặt hình chữ giáp: trán rộng, cằm nhọn nhô. Người có mặt như thế này làm việc giỏi suy nghĩ vạch kế hoạch, nhưng khó áp dụng vào thực tiễn.

5. Mặt hình chữ dụng: hai má trái phải không đối xứng, làm người xử lý mọi chuyện gấp gáp, nóng vội, không chắc chắn.

6. Mặt chữ giáp: xương gò má hai bên mặt nhô cao bất thường, cằm vừa nhọn vừa gầy, dễ kích động, lại còn cổ chấp, ngoan cố không thay đổi.

7. Mặt chữ điền: phần mặt rộng, đầy đà, có tính kiên nhẫn, làm người kiên cường cương nghị,

8. Mặt chữ viên: cả mặt tròn tròn mập mập, tính cách cởi mở, tấm lòng rộng mở, vô lo vô nghĩ.

9. Mặt chữ vương: xương gò má rất phát triển, là người dám nói dám làm, dám yêu dám hận.

10. Mặt chữ phong: da mặt nhão, lỏng lẻo người có mặt như thế này sinh tính tiêu cực lười nhác, không có chí tiến thủ.



Vương Bột: Tự Tử An, một trong bốn tứ kiệt thời sơ Đường. Là con trai của nhà Nho lớn thời cuối Tùy Vương Thông. Tư chất nhanh nhẹn, lời văn bay bổng, để lại cho đời sau những tác phẩm khiến người người không ngớt lời khen ngợi. Nhưng tài cao mệnh bạc, ông chỉ sống đến năm 27 tuổi.

Phương pháp mẫn đình phương

Phương pháp mẫn đình phương là do Viên Liễu Trang và Viên Cung thời nhà Minh nghĩ ra, hay còn gọi là “phương pháp tam thập lục”. Phạm vi xem hình tướng của phương pháp này tương đối rộng, gần như bao gồm tất cả mọi thứ, cùng đề cập đến 36 phần trên cơ thể con người, phương pháp này nổi tiếng bởi hình tượng nhân vi cụ thể. 36 phần này gồm:

Đầu, tóc, mi, mắt, tai, mũi, nhân trung, môi, răng, lưỡi, râu, não, cổ, vú, bụng, lưng, rốn, cánh tay, tay, đùi, chân, ngọc kinh, bao tinh hoàn, cốc đạo, lông, hào, nốt ruồi, bớt, điểm, da, xương, máu, xương chẩm, tiểu tiện, đại tiện, âm thanh.

Câu đầu tiên của chương này là “dung mạo ‘chỉnh’”, tiếp đó lại nói “‘chỉnh’ phi chỉnh tề chi vị”, nhấn mạnh vai trò quan trọng của “chỉnh” trong hình tướng. Tác giả giải thích “chỉnh” như thế này: trước tiên phủ nhận chỉnh không phải chỉnh trong chỉnh tề; tiếp đó xuất phát từ các phương diện cao thấp béo gầy, tay chân lưng bụng để trả lời hàm ý của “chỉnh”, chính là “chỉnh” chỉ các bộ phận trên cơ thể con người phù hợp với cách thức, bố cục và tương ứng, điều hòa, cân bằng với nhau.

Tiếp theo, tác giả lần lượt nói đến “trường”, “đoản”, “phì” (béo), “sầu” (gầy), đây là xuất phát từ góc độ ngũ hành. Hình thổ chi nhân (người hình thổ) không sợ thấp, nhưng cũng không thể thấp đến mức giống như con lợn đang ngồi; mộc hình chi nhân không sợ dài, nhưng cũng không thể sừng sững như một ngọn cỏ tranh đứng đơn độc; thủy hình chi nhân không sợ béo, nhưng béo phì giống như con gấu ham ăn ham ngủ thì không được; kim hình chi nhân không sợ gầy, nhưng không thể gầy đến mức yếu ớt, thiếu sức sống được. Từ những điều này, chúng ta rõ ràng có thể cảm thấy được ảnh hưởng của “đạo Trung dung” với tư tưởng của tác giả, “đạo trung dung” chính là đối nhân xử thế bất thiên bất ỷ (không nghiêng về bên nào), điều hòa ở giữa. “Đạo trung dung” không nhất định chính xác hoàn toàn, nhưng tự cổ chí kim, khắp nơi đều có sự tồn tại của nó. Vì vậy, người hình thổ thấp quá thì như xếp như chồng, rất xấu; người hình mộc dài quá, thì nhỏ bé, mỏng manh yếu ớt, yếu đến nổi gió thổi cũng bay; người hình thủy quá béo, thì béo phì phù phiếm, ngu dốt chậm chạp; người hình mộc gầy quá giới hạn cho phép, thì đơn thân lẻ bóng, bần khổ nhu nhược. Những cái kể trên đều là bất “chỉnh” của “dung”, không phải tướng tốt! Như thế nào mới được coi là “chỉnh”? Thông qua chương này, tác giả cho

chúng ta biết, dù là ngắn dài, gầy béo đều phải có vừa phải, chính là “bất mao lập” (không sừng sững như ngọn cỏ), “bất thì đôn” (không như con lợn đang ngồi), “bất hùng xan” (không như con gấu tham ăn), “bất thược hàn” (không yếu ớt).



Dương Quính: một trong tứ kiệt thời đầu nhà Đường. Khi viết văn, văn tự như con sông treo trên cao tuôn nước xuống, tràn trề không hết. Nhưng ông cao ngạo, huỳnh hoang, mọi người không yêu mến.

“Ngũ đoản” mặc dù ngắn, nhưng quý ở chỗ tất cả đều ngắn, vì thế nói “đa quý”. “Lưỡng đại” chính là hai đùi quá dài, không phù hợp với nguyên tắc đều đặn, cũng không phù hợp với quan niệm thẩm mỹ được đại đa số mọi người thừa nhận, tướng đi nhất định rất khó coi, người xưa cho rằng đó là tướng bần tiện và đoán định người có “lưỡng đại” vận mệnh “bất dương” (không tốt) thì không có gì khó hiểu. “Phụ trọng” khi đi đường trông giống như đang vác vật nặng, để chỉ tư thế bước đi chắc chắn, vững vàng khỏe mạnh. Theo nguyên lý tỉ loại thủ tượng, người xưa cho rằng tướng này là tướng gánh

vác trọng trách lớn, nên chủ đại quý, nói sau này chắc chắn được làm quan to hiển quý. “Thử hành háo lợi” cũng như vậy, cũng là kết quả của việc dùng phương pháp tỉ loại thủ tượng. “Háo lợi” trong lòng luôn luôn ấp ủ quý kế, tà tâm không thể đoán biết, vì thế đi lại vội vội vàng vàng, mắt gian tà nhìn ngang liếc dọc, chớp chớp bất định. Tác giả rút ra kết luận “thử hành háo lợi” dường như là bắt nguồn từ sự quan sát sâu sắc tỉ mỉ trong cuộc sống thực tế mà rút ra được. Coi “ki” là “quý”. Truyền thuyết kể lại, Hoàng đế có long nhan, Chuyên Húc đội trâu đi ra, Đế Cốc răng dài, Nghiêu thân cao mười thước, mày phân tám sắc, mắt Thuần hai con người, tai Vũ có ba lỗ, Thương Thang cánh tay có hai khuỷu, Vũ Vương mắt như nhìn dương phủ, đầu ngựa cao, Chu Công lưng cong lạc đà, Cao Đào sinh ra đã có miệng ngựa, Khổng tử phản vũ (chỉ hình dáng đỉnh đầu của Khổng Tử ở chỗ không nên to thì lại to lên). Mười hai người kể trên được người xưa gọi là mười hai vị thánh nhân, họ đều có tướng khác với người thường. “Thân trường vu thể” mà chương này nói đến là kì tướng, tự nhiên ắt cũng là quý tướng, vì thể tướng này có thể “phong hầu”. Còn “la văn mãn thân, hung hữu tú cốt”, không những thuộc vào kì tướng quý tướng trong tướng học, mà từ những yêu cầu về thẩm mĩ, cũng là giai tướng hảo tướng, chẳng trách tác giả cảm khái người có hai tướng này “bất bái tướng tức đỉnh giáp hĩ”.

Đáng chú ý là, tác giả dường như đặc biệt tôn sùng địa vị của “thần” và “cốt” trong hình tướng, không những thường xuyên xuất hiện hai chữ “thần cốt”, mà những câu như “phôi dĩ giai cốt”, “hung hữu tú cốt”, “phôi dĩ diệu thần” càng chứng minh rõ điểm này. Do đó, chúng ta có thể thấy: tác giả coi lý luận về “thần cốt” là cơ sở và là nội dung trọng tâm. Lý luận về “thần cốt” càng có cái nhìn tổng thể và tính sâu sắc, để mọi người hiểu một cách toàn diện, sâu sắc về bản chất của “cốt”

là “hình”, “hình” là biểu hiện của “cốt”, muốn quan sát “hình” tốt thì phải biết quan sát “cốt”. Mọi người thường nói cốt cán cốt cán, con người coi cốt là cán, vì thế nhấn mạnh vai trò của cốt, đạo lý chính là ở đây. Còn về “thần” càng là sự khác biệt bản chất nhất giữa vì sao con người là người mà không giống những loài động vật khác, tầm quan trọng của nó có cần phải nói nữa không?



Quách Tử Nghĩa: danh tướng thời đầu nhà Đường, nhà quân sự nổi tiếng. Ông tham gia võ cử (thí võ) xuất thân. Ông bình định loạn An Sử, đánh Thổ Phiên, cả đời tòng quân trên lưng ngựa, lập nhiều chiến công, có uy vọng và thanh danh vô cùng lớn.



Tào Thực: là nhà thơ Ngụy thời Tam Quốc. Là con trai của Tào Tháo. Từ nhỏ thông minh, hạ bút thành văn, là nhà tập đại thành của văn học Kiến An. Sau khi Tào Phi xưng đế, ông bị nghi kị, uất ức mà chết.

Người xưa luận dung mạo

Cổ nhân nói:

Tinh thần trừng triệt cốt long thanh, cương nghị uông dương thùy khả thức?

Băng nham khí trụ hoàn hoàn sinh, hành nhược phù vân tọa như thạch;

Thân tiểu thanh đại cách giang văn, nhật giác long nhan ngạch huyền bích;

Nhật quang lạn nhược thụ tinh huyền, tị lương tủng quý thiên trung xuất;

Bội hậu tiếp ngũ thân bất chuyển, bắt đãi chi lan thân tự hương;

Thượng trường hạ đoán thủ thù tất, trùng đồng nhị trửu nhân nan hội;

Long tàng chung thanh diện doanh xích, hồng như điệp đời niệu như châu;

Phu tự ngưng chi mục như tất, thân như “cụ” tự diện như “điền”;

Hổ sậu long bồn tự phiêu dịch, quyền cốt long bằng ngọc chấm phong;

Thiệt tự chuẩn đầu hữu trường lý, tướng đối chỉ xích bất kiến nhĩ;

Chính diện nguy nhiên như ẩn chỉ, khẩu đan bội phụ bì sinh lân;

Thiên địa tương triều sinh cốt khởi, thanh trung tàng trọc trọc trung thanh;

Túc hạ sinh mao kiêm hắc chí, long lai thiết hổ chỉ viên trường;

Nhục cốt xuất đỉnh tủng song nhĩ, cửu châu tương kế dịch mã phong;

Biên địa long cao vô kiến phu.

Hình hậu, thần an, khí thanh, âm vọng, mi rộng, tai dày, môi hồng, mũi thẳng, mặt vuông, lưng dày, eo thẳng, da trơn mịn, bụng phệ, răng bò, nga hành (dáng đi như thiên nga), tất cả những điểm kể trên đều là quý tướng, người có tướng như vậy thời trẻ hăng hái vươn lên, gia sản đầy ắp!

Mặt đen thân trắng, mặt thô thân nhỏ, chân ngắn tay dài, thân nhỏ giọng nói lớn, mặt ngắn mắt dài, không hôi mà thơm, góc thịt ít đỉnh, tất cả những điểm đều này là quý tướng.

Người eo tròn lưng dày phú quý, người có xương trụ, xương quỳên trái phải nhô lên, mồm vuông mà địa các vuông tròn, tứ duy triều cung, là người có phú tướng, người khí sắc nhuận tú, thân thể mềm mại, mặt ngay ngắn, phẳng, đầy đặn, lưng cổ quái thanh kì, chủ phú. Người mu bàn tay dày, đi đứng ngồi ăn đoan trang thì phú. Người tinh thần tú dị, cử chỉ trầm tĩnh thì phú.

Xem quan quý ở mắt có thần, có xương nhô lên, thanh tú, đều là người khác thường. Người thân ngắn mà mặt dài thì quý, mặt vuông mắt dài thì quý, sau gáy dày quý, đầu có giác cốt quý, mặt có cốt cách quý, mắt phượng mắt rồng quý, trán có sừng nhô lên, âm thanh sáng vang, tai trắng như mặt, trán uy thể quý, râu tựa sắt, tay chân tựa ngọc, không quý thì phú.

III. Luận mạo

Mạo hữu thanh, cổ, kì, tú chi biệt, tu khan khoa danh tinh dữ âm trắc văn vi chủ. Đắc khoa danh tinh giả tảo vinh, đắc âm trắc văn giả trì phát. Nhị giả toàn vô, tiền trình mạc văn.

Nguyên văn

Mạo hữu thanh, cổ, kì, tú chi biệt, tổng chi tu khan khoa danh tinh dữ âm trắc văn vi chủ⁽¹⁾. Khoa danh tinh, thập tam

⁽¹⁾ Mạo hữu thanh, cổ, kì, tú chi biệt, tổng chi tu khan khoa danh tinh dữ âm trắc văn vi chủ: “Thanh”, là tướng mạo thanh tú, chỉ tướng tinh thần thanh lãng, khí độ thanh thuần, và cả lời ăn tiếng nói tao nhã lịch sự, cử chỉ đoan trang, nho nhã. “Cổ”, là tướng mạo cổ xưa, chất phác, chỉ người có tướng thuần phác, khí chất đôn hậu, và cả lời ăn tiếng nói, cử chỉ đều giản dị, không màu mè. “Kì” là tướng mạo kì vĩ, chỉ hình tướng thể cách khôi ngô, cao to, phong độ khí chất khác thường. “Tú” là tướng mạo tú trí, chính là hình mạo mỹ lệ anh tuấn, phong độ dễ thương hợp với mọi người. “Tổng

tuế chí tam thập cửu tuế tùy thời nhi kiến⁽¹⁾; âm trắc văn, thập cửu tuế chí tứ thập lục tuế tùy thời nhi kiến⁽²⁾. Nhị giả toàn, đại vật dã⁽³⁾, đặc nhất diệc quý. Khoa danh tinh kiến vu ấn đường mi thái, thời ẩn thời kiến, hoặc vi cương châm, hoặc vi tiểu hoàn, thường hữu quang khí, tửu hậu cập phát nộ thời dị kiến⁽⁴⁾. Âm trắc văn kiến vu nhãn giác, âm vũ tiện kiến, như tam xoa dạng, giả mị thời tối dị kiến⁽⁵⁾, đặc khoa

chỉ” trong câu này không phải là tổng chi (tóm lại) làm phó từ trong tiếng Hán hiện đại, ý nghĩa của nó là từ tổng thể xem xét sự phân biệt giữa bốn loại tướng mạo thanh, cổ, kì, tú. “Khoa danh tinh”, người xưa cho rằng là tử khí (khí màu tím) bay lên trên thiên đình và ngưng tụ lại ở đế tọa, nó nằm ở giữa ấn đường và lông mày. “Âm trắc văn”: Người xưa gọi nếp nhăn dưới hốc mắt là Ngọa Tàn, đây chính là âm trắc văn, bởi vì có người cho rằng nếp nhăn này chủ sự âm trắc (âm trắc, ở đây chỉ dương đức). Ý của câu này liên kết lại với nhau là: diện mạo của con người có sự phân biệt thanh tú, cổ phác, kì vĩ, tú trí, muốn phân biệt bốn loại tướng này, chủ yếu phải phân biệt từ khoa danh tinh và âm trắc văn.

⁽¹⁾ Khoa danh tinh, thập tam tuế chí tam thập cửu tuế tùy thời nhi kiến: người xưa cho rằng, thời thanh niên của con người từ 13 tuổi bắt đầu, thời kì trai tráng khỏe mạnh kéo dài đến 39 tuổi. Khoa danh tinh trong khoảng thời gian này có thể “thấy bất kì lúc nào”, là nhấn mạnh khoa danh tinh là thứ trời sinh ra đã có, và quyết định tới sự vinh nhục thời niên thiếu. Câu này ý nói: trong quãng thời gian từ 13 đến 39 tuổi, bất cứ lúc nào cũng có thể nhìn thấy khoa danh tinh.

⁽²⁾ Âm trắc văn, thập cửu tuế chí tứ thập lục tuế tùy thời nhi kiến: Ý của câu này là: từ 19 đến 46 tuổi, là giai đoạn trưởng thành của một người, kiến thức nhiều, tu dưỡng sâu hơn, do đó, sẽ có sự xuất hiện của âm trắc văn, đó là thứ nhất. Thứ hai là, âm trắc văn là sau này dựa vào tích đức tu đạo mà thành, và nó quyết định đến “trì phát” (sự trì trệ và phát triển). Vì vậy, 19 tuổi và 46 tuổi, so sánh với 13 tuổi và 39 tuổi của khoa danh tinh, 19 tuổi muộn hơn chút. Câu này nói rõ âm trắc văn trong khoảng thời gian từ 19 đến 46 tuổi, bất cứ lúc nào cũng có thể nhìn thấy.

⁽³⁾ Nhị giả toàn, đại vật dã: “Nhị giả” chỉ khoa danh tinh và âm trắc văn. “Đại vật”, nhân vật, nhân tài không giống người thường. Câu này ý nói: một người nếu cùng lúc có đầy đủ cả khoa danh tinh và âm trắc văn thì tương lai người này nhất định không phải là một nhân vật bình thường.

⁽⁴⁾ Khoa danh tinh kiến vu ấn đường mi thái, thời ẩn thời kiến, hoặc vi cương châm, hoặc vi tiểu hoàn, thường hữu quang khí, tửu hậu cập phát nộ thời dị kiến: khoa danh tinh là một loại quang khí, thường xuất hiện ở vị trí của phần giữa ấn đường và mi thái, có lúc hiển hiện, có lúc lại ẩn giấu không nhìn thấy. Nó có lúc giống như cây kim, có lúc lại giống quả bóng nhỏ, sau khi uống rượu và lúc tức giận, dễ nhìn thấy (bởi vì lúc này khí huyết của người xúc động, vì thế dễ nhìn).

⁽⁵⁾ Âm trắc văn kiến vu nhãn giác, âm vũ tiện kiến, như tam xoa dạng, giả mị thời tối dị kiến: “Giả mị”, chỉ trạng thái như nửa ngủ nửa không ngủ. Vì âm trắc văn

danh tinh giả tảo vinh, đắc âm trắc văn giả trì phát⁽¹⁾. Nhị giả toàn vô, tiền trình mạc vấn. Âm trắc văn kiến vu hầu gian, hựu chủ sinh quý tử; tạp lộ bất tại thử cách⁽²⁾.

Bản dịch

Diện mạo của con người có sự phân biệt giữa thanh tú, cổ xưa chất phác, kì vĩ, tú lệ khéo léo. Bốn kiểu tướng mạo này chủ yếu xuất phát từ khoa danh tinh và âm trắc văn để phân biệt. Trong quãng thời gian từ 13 tuổi đến 39 tuổi, khoa danh tinh bất cứ lúc nào đều có thể nhìn thấy, âm trắc văn thì trong khoảng từ 19 đến 46 tuổi, bất cứ lúc nào đều có thể nhìn thấy. Nếu như có cả âm trắc văn và khoa danh tinh thì tương lai sẽ trở thành một nhân vật nào đó, có thể đạt được một trong hai thì được phú quý. Khoa danh tinh hiện giữa ấn đường và mi thái, có lúc sẽ xuất hiện, có lúc lại ẩn đi không hiện ra, hình trạng có lúc giống cây kim, có lúc lại như quả bóng nhỏ, là một loại khí hồng quang tử khí (khí tím ánh sáng hồng), sau khi uống rượu và lúc tức giận là dễ nhìn thấy nhất. Âm trắc văn xuất hiện ở chỗ khóe mắt, khi gặp trời râm hoặc trời mưa thì có thể nhìn thấy, giống như chiếc đỉnh ba, vào lúc con

nhỏ, chỉ khi nào da dẻ thả lỏng thì mới có thể dễ dàng nhìn thấy, vì thế nói lúc “âm vũ” và “giả mị” dễ nhìn thấy. Câu này nói rõ, âm trắc văn xuất hiện ở chỗ khóe mắt, hình trạng giống như chiếc đỉnh ba, gặp ngày trời mưa tối hoặc lúc người nửa ngủ nửa không dễ nhìn thấy nhất.

⁽¹⁾ Đắc khoa danh tinh giả tảo vinh, đắc âm trắc văn giả trì phát: khoa danh tinh là trời ban cho, sinh ra đã có, vì thế chủ “tảo vinh”. Còn âm trắc văn là dựa vào sự tu dưỡng, hành thiện, tích đức của con người sau này mà thành, vì thế đến một độ tuổi nhất định mới xuất hiện, chủ “trì phát”. Câu này là nói, người có khoa danh tinh, thời trẻ sẽ phát đạt vinh quang, người có âm trắc văn, thời gian phát đạt muộn hơn chút.

⁽²⁾ Tạp lộ bất tại thử cách: “Tạp lộ” chỉ âm văn trắc không nằm ở vị trí yết hầu, mà ở vị trí khác. “Cách” cách thức bố cục, mô thức. “Thử cách” chỉ “kiến vu hầu gian”, “chủ sinh quý tử”. Ý của câu này nói: nếu âm trắc văn nằm ở bộ phận khác, thì không thuộc cách thức “sinh quý tử”, cũng chính là không nhất định sẽ sinh được quý tử.

người sắp ngủ là dễ nhìn thấy nhất. Người có khoa danh tinh, thời trẻ sẽ phát đạt vinh quang; người có âm trắc văn, thời gian phát tích (đạt được sự nghiệp, tiền tài) chậm hơn chút. Nếu không có cả hai, thì con đường phía trước khỏi cần hỏi nữa. Ngoài ra, nếu âm trắc văn hiện ở yết hầu, thì người đó sinh được quý tử. Nếu âm trắc văn xuất hiện ở bộ phận khác, thì không thể đoán định như vậy, cũng không chắc sẽ được quý tử.



Vương Trọng Thư là người thời nhà Đường. Thiếu khách Giang Nam, có văn danh, là vị quan thanh liêm chính trực, là vị quan tốt, làm đến chức Giang Nam Tây Đạo quan sát sứ.



Trương Chí Hòa là người thời Đường, thời Túc Tông ra làm quan, sau vì việc bị biếm, tuyệt ý làm quan, ẩn cư giang hồ. Ông sáng tác năm bài từ Ngư Ca tử nổi tiếng, được truyền tụng rộng rãi. Ông vừa giỏi làm thơ lại giỏi họa tranh.

Âm trắc văn

Chương này chuyên luận về hình mạo của con người, để nghiên cứu chương này tốt hơn, trước tiên sẽ giới thiệu hai loại kiến thức có liên quan: một là âm trắc văn, hai là phân loại hình mạo, khí chất và trạng thái tinh thần.

Âm trắc văn là gì? Từ “âm trắc” vốn xuất hiện trong *Thượng thư - Hồng Phạm*, nghĩa gốc là bất ngôn (không nói), mà mặc định, sau này dẫn ra sử dụng, thay đổi ý nghĩa thành âm đức. Người xưa cho rằng nếp nhăn dưới hốc mắt quyết định mọi việc âm trắc, nên gọi là âm trắc văn, muốn hiểu vai trò của âm trắc văn, thì phải giới thiệu những vấn đề về “biến tướng”.

Tướng, từ những góc độ khác nhau có thể chia thành các loại “tướng”. Ví dụ như: có tướng tiên thiên và tướng hậu thiên, đây là bàn luận xuất phát từ nguồn gốc của nó; có tướng tự nhiên và tướng xã hội, đây là bàn từ góc độ biến hóa vận động của nó; có thường tướng và biến tướng, đây là luận từ thái thế (hàng thái và thời thái); có tâm tướng và hình tướng, đây là xuất phát từ bản chất. Sở dĩ có thể tiến hành phân chia tướng từ nhiều góc độ như vậy là bởi vì là con người vừa là con người của tự nhiên, vừa là con người của xã hội, nhân tướng cũng như vậy. Trên thế giới rộng lớn này, không có thứ gì là không bao giờ thay đổi, bất luận là điều kiện khách quan hay nhân tố chủ quan, vì thế nhân tướng vừa có thể thay đổi theo sự trôi chảy của thời gian, sự dời chuyển của không gian, sự phát triển của xã hội, sự tiến bộ của văn hóa, sự thay đổi của môi trường, lại vừa có thể thay đổi theo sự biến đổi của tu dưỡng, học thức, dũng cảm mưu lược, cảnh ngộ, cảm xúc, tính cách của bản thân con người. Đây là nguyên nhân trực tiếp nhất, bản chất nhất dẫn đến sự hình thành của “biến tướng”. Đề ra lý luận về biến tướng, có ý nghĩa tích cực của nó: thứ nhất, biến tướng chủ yếu là chỉ tướng chuyển hóa của hình thể ngoại mạo và tinh thần hợp chất do yếu tố tinh thần gây ra. Nó được nhìn nhận bằng quan điểm toàn diện của sự phát triển, có thể khiến cho nhận thức của con người lý tính hơn, sâu sắc hơn, dường như có quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng đang chỉ đạo nó, từ đó tránh được những khuyết điểm như sự máy móc, tĩnh tại trong quan sát tướng. Thứ hai, do loại biến tướng này cũng có ảnh hưởng rất lớn tới vận mệnh trong cuộc đời con người, vì vậy, việc đưa ra lý luận này, trên thực tế là nhấn mạnh vai trò của nhân tố chủ quan của con người, khẳng định con người có thể thông qua nỗ lực

phần đầu mà thay đổi được vận mệnh của bản thân ở một mức độ nào đó.



Nguyên Trắc là nhà thơ nhà Đường. Ông nhậm chức Giám sát ngự sử đầu Nguyên Hòa, sau làm Thông Châu Tư Mã. Ông nổi tiếng cùng với Bạch Cư Dị, được gọi là “Nguyên Bạch”.

Liễu Công Quyền: là nhà đại thư pháp thời Đường. Kế thừa thể chữ của tiền bối, tự mình sáng tạo nên “Liễu thể”. Cùng với “Nhan thể” nổi tiếng, được gọi là “Nhan cân Liễu cốt”.



Đã nói vấn đề của “biển tướng”, thì dễ hiểu Âm trắc văn rồi, nói một cách chính xác, Âm trắc văn chính là phần quan trọng nhất của “biển tướng”.

1. Âm trắc văn nằm ở phần bụng mắt dưới hai mắt, hay còn gọi là long cung, phượng đại, lệ đường, hay âm trắc cung. Hàm ý của âm trắc là chỉ ở kiếp này tích âm công đại đức, hành thiện làm việc tốt. Vì thế, âm trắc văn là bảng thống kê của một người có hay không có âm đức và âm đức lớn hay nhỏ. Nó còn là căn cứ chủ yếu của “biển tướng”. *Thủy kinh thần tướng* nói: “Dương âm văn hiện, tất chủ nhi tôn phú quý” (dương âm văn hiển hiện, tất con cháu phú quý).

2. Phân loại hình mạo khí chất và tinh thần

Đây là một trong những phương pháp phân loại hình tướng, thuộc vào phương pháp phân loại trừu tượng. Có rất nhiều phương pháp phân loại, như bát phân pháp (phương pháp bát phân), cửu thành chi thuật (thuật cửu thành), quan nhân thập pháp (mười phương pháp quan sát con người). Dưới đây sẽ lần lượt giới thiệu những phương pháp phân loại này:

• **Bát phân pháp**

Bát phân pháp chính là “quan nhân bát tướng”. Chia tất cả những kiểu hình tướng khác nhau của con người thành tám loại, chính là uy tướng, hậu tướng, thanh tướng, cổ tướng, cô tướng, ác tướng, bạc tướng và tục tướng.

Uy tướng là tướng mà hình mạo trên cơ thể con người có sự uy nghi cương mãnh, khí thể của nó giống như “hổ xuất sơn lâm, bách thú hãi hùng; giao long bay tứ hải, vạn vật không ai không thuận phục”. Hình thể hình mạo của nó cao lớn, dáng vẻ đường đường, thần sắc trang trọng, thư thái uy nghiêm, tính

tình dũng mãnh, bất nộ tự uy (không tức giận nhưng vẫn không làm giảm khí chất uy nghiêm), có mạo trời ban.

Hậu tướng, là tướng đôn hậu chất phác, thận trọng vững vàng, đặc trưng của nó là “độ lượng như biển lớn có thể dung nạp hàng trăm con sông, có thể dung nạp vạn vật. Khí độ như con thuyền lớn, “dẫn chi bất lai nhi điều chi bất động” (dẫn không tới, lắc lư không động). Xét từ mặt thể thái dung mạo, chính trực chắc chắn, cử chỉ xác đáng, tính tình lại ôn thuận hòa nhã, hành động lão luyện, chắc chắn vững vàng.

Thanh tướng là tướng mạo thanh tú, rộng mở trong trẻo, khí độ thuần chính ôn hòa, không chút tạp chất. Chính là cái mà chúng ta gọi là “như một nhành cây trong rừng quế, một viên ngọc trên núi Côn Luân, tự nhiên khoáng đạt, cao nhã thanh tú, thuần khiết không dính bụi trần”. Thể thái dung mạo nho nhã thanh tú, trong sáng, tư dung chất phác đoan trang, thần sắc tự nhiên, cử chỉ nhẹ nhàng nhanh nhẹn, chất phác không màu mè, dáng vẻ ôn hòa trang nhã, tính cách phóng khoáng cởi mở, tư duy nhanh nhạy, linh hoạt khéo léo, làm việc có tính sáng tạo và tinh thần cầu tiến, song có người thanh tú mà không hồn hậu chất phác, như thế thì gần với cay nghiệt.

Cổ tướng, “cổ giả, cốt khí, nham lăng vị chi cổ, nhi bất thanh giả cận vu tục dã” (Cốt tướng, cốt cách nổi rõ, nhiều góc cạnh thì là cổ tướng, nhưng nếu không thanh thì gần với dung tục). Phán đoán như vậy là căn cứ vào “thanh” và “trọc” trong “cổ” mà quyết định, cổ mà thanh, vận mệnh hanh thông đại cát đại lợi; cổ mà trọc, vận mệnh không tốt.

Cô tướng, chính là tướng cô độc, bản khổ (nghèo khổ vất vả). Thể hình gầy yếu, thần sắc hỗn đục ủy mị, như hạc tiên bên dòng nước, cò trắng trong mưa.

Ác tướng, ác tướng chính là tướng hung thần ác sát. Cùng với bạch tướng, tục tướng, đều là những tướng không tốt.



Liễu Tông Nguyên: tự Tử Hậu, người Hà Đông thời nhà Đường, được người đời gọi là Liễu Hà Đông. Thơ của ông phần lớn viết về những tình cảm phiến muộn, bi thương, phẫn nộ, nhớ quê nhớ bạn, cảnh yên tĩnh ẩn mật, tự hình thành cho mình một phong cách riêng.

• CỬU THÀNH CHI THUẬT

Cửu thành chi thuật đã được giới thiệu qua ở chương 4 của *Thần cốt thiên*, ở đây lại tiếp tục giới thiệu từ góc nhìn về “dung”.

Ý nghĩa của cửu thành là “cửu cốt” và “cửu hành” phối hợp, điều hòa với nhau. Trên thực tế chính là khảo sát một cách toàn diện những chỉ tiêu tổng hợp như thiện ác, thanh trọc, nhã tục, trí dũng của con người từ chín phương diện của “cửu hành” gồm: nhất tinh thần, nhị hồn phách, tam hình mạo, tứ khí sắc, ngũ động chỉ, lục hành tàng, thất thiêm thị, bát tài trí, cửu đức hạnh, từ đó bình phán, đoán định cát hung, phú quý, bần tiện trong vận mệnh của con người. Thời cổ đại, “cửu hành chi thuật”, luôn có danh tiếng lớn, nguyên nhân là

do đặc điểm của “cửu thành chi thuật” là cảnh giới tương đối cao, tính thao tác mạnh. Nói cụ thể hơn, thứ nhất, “cửu thành chi thuật” nắm bắt được nội dung cơ bản nhất, chủ yếu nhất của hình tướng; thứ hai, “cửu thành chi thuật” từng bước khảo sát, bình giá đánh giá chín cấp độ tinh thần, hồn phách, hình mạo, khí sắc, động chỉ, hành tàng, thiêm thị, tài trí, đức hạnh; dễ dàng vạch rõ đầu mối trật tự khi thực hiện, tiện cho việc phân rõ tầng lớp, đồng thời chú ý được hình với trí, đức, thần cùng lúc; nhìn nhận được vấn đề từ chính thể. Đạt được sự kĩ càng, tỉ mỉ, vừa thấy được cục bộ lại vừa thấy được toàn bộ.



Mạnh Giao: là nhà thơ ưu tú thời Trung Đường. Tính tình ông chính trực, ít khi hợp với mọi người. Nhiều lần ông thi nhưng không đỗ đạt, không gặp cơ hội. Thơ của ông “Thanh kì tích khổ” (thanh kì: về mặt nghệ thuật thì mới mẻ có tính sáng tạo. Tích khổ: nội dung phản ánh sự bất đắc chí trong cuộc sống, trên con đường làm quan).

• Quan nhân thập pháp

“Quan nhân thập pháp” là chỉ mười điểm và góc độ để xem tướng.

Tam pháp đầu trong “quan nhân thập pháp” là quan sát tinh thần trạng thái của con người: (I) uy nghi (thái độ uy nghiêm), (II) đôn trọng (đôn hậu, trang trọng) và tinh thần, (III) thanh trọc. Tứ, ngũ, lục, thất, bát pháp là nói về làm thế nào để quan sát tỉ mỉ cận kề hình tướng thể mạo của con người. (IV) đầu tròn trán cao; (V) tam đỉnh và ngũ nhạc; (VI) ngũ quan lục phủ; (VII) eo tròn, lưng dày, ngực phẳng, bụng phệ; (VIII) tay chân; pháp thứ chín là nói về thiện ác trong “giọng nói và nội tâm” của con người; pháp thứ mười nói về “hình cục với ngũ hành”, trên thực tế là nắm bắt tổng thể các mặt gồm hình tướng, thể mạo, tinh thần của con người, và cũng là tổng kết về cửu pháp ở trên. Nội dung của thập quan pháp là phân “tướng” người thành mười phương diện, mà mười phương diện này có phân biệt trước sau, cao thấp. Từ “thần” tới “hình”, từ cục bộ tới toàn bộ, đẩy mạnh từng phần, khiến con người cảm thấy các bước chặt chẽ, trình tự ngay ngắn. Bất luận là từ một mặt hay từ chỉnh thể đều dễ hiểu, dễ nắm bắt, đây chính là đặc điểm của “thập phân pháp”.

Bây giờ sẽ nói về nội dung cụ thể của thập phân pháp:

Bốn kiểu bổ cục tốt

Nội dung của chương này chính là chuyên luận về “mạo” của các tầng lớp người như văn nhân, người phú quý của người xưa. Vì vậy, mới phân mạo thành bốn loại bổ cục tốt là thanh, cổ, tú, kì. Ở đây, tiếp tục bổ sung nói rõ bốn loại tướng này.

- **Thanh tướng**

“Thanh” là chỉ tinh thần của con người trong sáng, cử chỉ hành động nho nhã, như nhành cây trong rừng quế, viên ngọc

núi Côn Luân, tự nhiên siêu thoát, không nhiễm trần tục, khiến người khác nhìn vào như hạc đứng giữa đàn gà, xuất sắc siêu việt, hình thái vẻ ngoài phi phàm, hài hòa cao nhã, không vương hồng trần, khí thể hào hùng, như vậy là “thanh”. Ngược lại, bản cùng khốn khó, ra vẻ nho nhã, tự cho mình là trên hết, vô cùng khốn khó là giả “thanh”.



Đỗ Mục tự Mục Chí, là thí nhân thời Đường. Ông có phẩm hạnh lạ lùng, giỏi văn thơ; có ý chí hướng hoài bão lớn tham chính trị thế, song phần lớn thời gian lại cam lòng làm chức quan nhỏ, không cầu danh lợi, vì thế trong thơ của ông có cảm thức thâm trầm về lịch sử.

• Cổ tướng

“Cổ” chỉ khí chất chất phác của con người, phong độ tự nhiên, kiến thức sâu rộng, tài cao bất đầu (vô cùng tài hoa), nể ra ngoài thì hiển đạt lưu danh, tạo phúc cho thiên hạ; nể ở trong thì là ẩn sĩ, duy trì phẩm hạnh của mình. Như vàng chưa luyện, ngọc chưa mài, không cần đục đẽo, mà phong thái khiến người khác cảm thấy vui vẻ, thoải mái. Như tùng như bách, chất phác chân thành. Thần định khí túc, vinh nhục

bất kinh, như vậy là “cổ”. Còn cử chỉ khó hiểu, tư duy kì quái, ra vẻ thâm trầm, tính tình nông nổi, đều là giả “cổ”.

- **Kì tướng**

“Kì” là chỉ cơ thể con người cao to kì vĩ, khí độ dồi dào, phong độ phi phàm, thể phách khỏe mạnh, bước đi có lực, anh dũng uy vũ, thần thái hào hùng, tiến thì có thể trở thành tướng, biết nhìn nhận con người, lui thì có thể thành thánh nhân siêu phàm, văn thì có tài tung hoành thiên hạ, võ thì có sức an bang định quốc, như vậy là “kì”. Còn cổ tình làm ra vẻ, huênh hoang ngạo mạn, không ai bì được, âm dương lẫn lộn, thì là giả “kì”.

- **Tú tướng**

“Tú” là chỉ con người khí thể hòa tường, mắt thanh mây tú, hơn nửa ở giữa lông mày và mắt còn có thần thái vui vẻ. Như mùa xuân tươi đẹp, gió nhẹ vãn vút, như dương liễu phát phơ, trời nước một màu, khiến lòng người cảm thấy thoải mái song lại không nói ra được lí do vì sao, khiến người cảm thấy đáng yêu mà không đáng sợ, có thể gần gũi nhưng không thể vui đùa, đây chính là chân “tú”. Còn bôi son trát phấn, vẽ môi vẽ mắt, ra vẻ gượng gạo, đàn ông giọng như đàn bà thì là “mị”.

IV. Luận mục tị khẩu xỉ (luận về mắt, mũi, mồm, răng)

Mục bất thâm tắc bất thanh, tị bất cao tắc bất linh, khẩu khoát nhi phương lộc thiên chung, xỉ đa nhi viên bất gia thực.

Nguyên văn

Mục giả diện chi uyên, bất thâm tắc bất thanh⁽¹⁾. Tị giả diện chi sơn, bất cao tắc bất linh⁽²⁾. Khẩu khoát nhi phương lộc thiên chung, xỉ đa nhi viên bất gia thực⁽³⁾. Nhãn giác nhập mấn, tất chương hình danh⁽⁴⁾. Đỉnh kiến vu diện, chung tư

⁽¹⁾ Mục giả diện chi uyên, bất thâm tắc bất thanh: “Uyên” là đầm nước trong suốt có thể nhìn thấy đáy, sâu mà tĩnh tại. “Thâm” ở đây chỉ sự thâm trầm, sâu thẳm của ánh mắt, không phải chỉ hốc mắt lõm sâu. “Thanh” chỉ khí sắc phần mặt tươi sáng. Liên kết ý của hai câu này lại: mắt là đầm nước trên mặt của con người, thần khí đôi mắt nếu không thâm trầm, thì cả khuôn mặt sẽ không tươi sáng.

⁽²⁾ Tị giả diện chi sơn, bất cao tắc bất linh: “Cao” ở đây chỉ sống mũi cao mà đầu mũi đầy đặn, cả chiếc mũi giống như dãy núi khí thế hùng vĩ. “Linh” chỉ khí nhanh nhạy, tú lệ trên khuôn mặt. Ý của hai câu này là: mũi được so sánh như dãy núi chống đỡ khuôn mặt của con người, cột trụ đỉnh - sống mũi nếu không cao, đầu mũi không tròn đầy thì trên khuôn mặt không có khí nhanh nhạy, anh tuấn.

⁽³⁾ Khẩu khoát nhi phương lộc thiên chung, xỉ đa nhi viên bất gia thực: “Lộc” bổng lộc, tiền lương mà quan viên thời xưa được nhận. “Chung” đơn vị đo dung tích thời xưa, dung lượng của nó là sáu hộc bằng bốn đấu. “Thiên chung” ý chỉ bổng lộc rất hậu hĩnh. “Xỉ đa” răng có số lượng cố định của nó, vốn không có sự phân biệt ít nhiều. “Đa” ở đây ý nói nhỏ, răng nhỏ nên trông có vẻ nhiều. “Gia thực”: “Gia” là danh từ làm trạng ngữ, gia thực nghĩa là ăn cơm ở nhà. Ý của hai câu này là: người miệng rộng lại vuông, có thể hưởng bổng lộc hậu hĩnh của quốc gia, người mà răng nhỏ lại tròn, sáng thì sẽ không chỉ ru rú ở quê, mà cần tới nơi khác phát triển.

⁽⁴⁾ Nhãn giác nhập mấn, tất chương hình danh: “Nhãn giác nhập mấn” chỉ hai mắt thanh tú, dài, đuôi mắt nghiêng cắm đến tận tóc mai. Người có tướng như vậy, không những uy nghi có mà tính cách còn kiên cường, trong mắt dù là một hạt cát cũng không dung nạp, căm ghét cái ác như kẻ thù. “Chương” nắm giữ, quản lý. “Hình danh” chỉ quyền tư pháp. Ý của hai câu này là: người mà hai mắt thanh tú, dài, đuôi mắt cắm đến tận tóc mai, thì cuối cùng sẽ nắm đại quyền tư pháp, quyền sinh quyền sát.

tiền cốt⁽¹⁾, thủ quý trưng dã. Thiệt thoát vô quan, quất bì bất hiển⁽²⁾. Văn nhân hữu thương tả mục, ưng tị động tiện thực nhân⁽³⁾, thủ tiện trưng dã.

Bản dịch

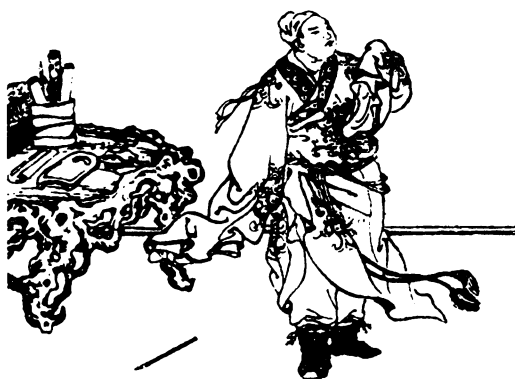
Mắt của con người giống như đầm nước trên khuôn mặt, thần khí không thâm trầm hàm súc, thì mặt không sáng sủa. Mũi giống như dãy núi chống đỡ cho khuôn mặt, sống mũi không thẳng, đầu mũi không đầy đặn, thì mặt sẽ không hiện ra khí nhanh nhạy thông minh. Miệng rộng lại vuông, chủ nhân được hưởng nhiều phúc lộc. Răng nhỏ mà tròn, sáng, thích hợp phát triển sự nghiệp ở bên ngoài. Người mà hai mắt thanh tú, dài, cắm thẳng vào chỗ tóc mai, chắc chắn nắm đại quyền tư pháp. Đỉnh đầu trọc tóc, khiến cho đầu và trán nối với nhau không có ranh giới, thì có thể nắm quyền tài chính. Người nói lắp, không có sổ làm quan. Người mà da thịt trên

⁽¹⁾ Đỉnh kiến vu diện, chung tư tiền cốt: “Đỉnh kiến vu diện kiến” kiến ở đây là “hiện”, chỉ trung niên đầu trọc, khiến cho đỉnh đầu và trán nối liền nhau. “Tư” nắm giữ, quản lý. “Tiền cốt” ở đây chỉ đại quyền ngân sách nhà nước. Ý của câu này là: người mà tuổi trung niên hói đầu, đỉnh đầu và trán nối liền nhau không có giới hạn, thì sẽ nắm đại quyền ngân sách nhà nước.

⁽²⁾ Thiệt thoát vô quan, quất bì bất hiển: “Thiệt thoát”: nói lắp, tức là người nói lắp không có sổ làm quan. “Quất bì” chỉ da thịt trên mặt thô ráp, lỗ chân lông lộ rõ, trông như vỏ quýt. “Bất hiển” địa vị không lừng lẫy, tức là không được làm quan, người xưa cho rằng người mà mặt thô như vỏ quýt thì vận quan không thông. Ý của hai câu này là: người nói lắp không có sổ làm quan, người mặt thô cứng như vỏ quýt không làm nổi quan.

⁽³⁾ Văn nhân hữu thương tả mục, ưng tị động tiện thực nhân: Mắt là văn tinh, mắt bị thương ắt tổn văn tinh, tại sao chỉ nói mắt trái mà không nói mắt phải? Bởi vì theo truyền thống chú tâm đến “nam trái nữ phải”. “Hữu thương tả mục”, tức là bên mắt trái bị thương. “Ưng tị” chỉ đầu mũi chúc xuống, giống như miệng chim ưng. “Thực nhân” ăn người, ở đây chỉ làm tổn thương người. Ý của hai câu này là: Nếu mắt trái của văn nhân bị thương thì không làm được việc gì cả. Người mà sống mũi có hình lưỡi câu như miệng chim ưng thì có khuynh hướng bạo lực, sức công kích lớn, nội tâm hiểm độc, thường làm tổn thương người khác.

mặt thô như vỏ quýt thì sẽ không phát đạt. Văn nhân nếu mắt trái bị thương thì văn tinh lờm xuống, không có thành tích gì. Người mà mũi như miệng chim ưng, chắc chắn nội tâm hiểm độc, thích làm tổn thương người khác. Những cái này đều là điềm báo của bất tiện.



Ban Siêu là danh tướng nhà Đông Hán, con của nhà văn Ban Bưu. Thời trẻ, ông có chí lớn, không chấp vật, có tài ăn nói, cũng từng đọc qua Thượng Thư, Tả truyện. Ban đầu viết sách mưu sinh, sau này gác bút tòng quân. Người xem tướng nói ông: “yến linh hổ cảnh, hữu vận lí hầu tướng” (cầm chim yến, cổ hổ, có tướng được phong hầu), sau này quả nhiên được phong hầu.

Diện dung tổng thuật ***(nói tổng hợp về dung mạo khuôn mặt)***

Trong ngũ quan của phần mặt, mắt là giám sát quan, có lẽ bởi vì mắt “minh sát thu hào” (hiểu rõ từng chân tơ kẽ tóc), bởi vì những tin tức mắt tiếp nhận được đều là hình tượng trực quan. Thực ra, cũng là xuất nạp quan, khác với miệng ở chỗ, mắt là cơ quan tiếp nhận và truyền tải thông tin trên cơ thể

con người. Các học giả phương Tây đã từng thông qua thống kê để đưa ra kết luận như thế này: những tin tức mà con người thu nhận được thông qua ánh mắt, chiếm hơn 80% tổng lượng thông tin mà não tiếp nhận được. Điều này càng chứng minh được vai trò của mắt trong việc tiếp nhận thông tin. Và những tin tức mà con người muốn truyền đi, cũng có một phần được truyền qua mắt, đặc biệt là những gì liên quan đến mặt tình cảm. Tinh thần khí chất, hỉ nộ ai lạc của con người, phần lớn được mắt thể hiện ra ngoài. Tục ngữ vẫn thường nói: long lanh có thần, mặt mày đưa tình, âm thầm đưa tình và “đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn”, chính là ý này. Đồng thời, mắt cũng là màn hình hiển thị tình trạng sức khỏe của con người. Đôi mắt đen trắng phân minh, thần khí tươi sáng, là tướng khỏe mạnh; tối đục, khô khốc đỏ đẫm là tướng không khỏe mạnh; nhìn quanh không có ánh sáng, lơ mờ không rõ, là tướng yếu đuối; thần sắc đều không có, như cá lật mắt, chủ nhanh chết. Chính vì mắt quan trọng như vậy với khuôn mặt, nên tác giả mới nói “mục giả diện chi uyên, bất thâm tắc bất thanh”, đầm nước phải sâu thì mới thanh (trong), có thanh thì mới đẹp. Mắt vì là đầm nước của khuôn mặt, thì cần phải sâu, từ đó mới trong, mới đẹp, nếu không thì sẽ không trong, không đẹp. Đáng chú ý là, sâu ở đây chỉ ánh mắt sâu thẳm không lộ, chứ không phải nói hốc mắt lõm hay mắt sâu. Còn cái mà chúng ta gọi là “thanh” thì là chỉ thần sắc của cả diện tướng (tướng mặt) phải tươi sáng, thanh thoát.

Sở dĩ danh sơn nổi tiếng là bởi vì kí mạch giai phong (mạch núi kì lạ, đỉnh núi đẹp) của nó. Mũi ở trên mặt, giống như kì mạch giai phong của núi. Diện tướng có tốt hay không, đương nhiên có rất nhiều điều kiện, song mũi thì càng quan trọng hơn hết, “vô tị bất thành tướng” (không có mũi thì

không thành tướng) đã nói rõ điều này. Trong một phạm vi nhất định, mũi cao là đẹp, cao là đầy đặn, thẳng tắp, tiếp nối có thể, chứ không phải chỉ là cao đơn thuần. Mũi nếu quá cao, thì sẽ thành cô phong độc lập (đỉnh cô đơn đứng một mình), ngược lại còn không đẹp. Ngoài ra, mũi còn phải cân bằng với tứ nhạc đông, tây, nam, bắc, tương xứng với nhau, như vậy mới là giai tướng. Vì thế tác giả nói “tị giả diện chi sơn, bất cao tắc bất linh”. Mũi cao là một trong những điều kiện quan trọng của diện tướng tốt, mũi không cao, thì cả khuôn mặt mất đi linh khí.

Khẩu là xuất nạp quan (cơ quan xuất, nạp), hình trạng của mồm nếu rộng, vuông, chính là dung lượng, vì thế chủ được hưởng lộc. *Luận xỉ* có nói: câu bách cốt chi tinh hoa, tác nhất khẩu chi phong đao, vận hóa vạn vật dĩ thuận lục phủ giả, xỉ dã (Răng, giữ tinh hoa của bách cốt, là con dao sắc nhọn của miệng, vận hóa vạn vật để thông với lục phủ). Người xưa cho rằng răng nhiều mà tròn là tướng đại quý.

“Nhãn giác nhập mấn”, chỉ hai mắt thanh tú, dài tới tận chỗ tóc mai, khiến cho diện tướng uy nghiêm, chủ nhân ý chí kiên cường, phách lực dồi dào, làm việc quyết đoán, vô tư chính trực, căm ghét cái ác như kẻ thù. Người có phẩm đức tốt đẹp như thế này, đương nhiên nên chủ trì cơ quan tư pháp, nắm quyền sinh quyền sát.

“Đỉnh kiến vu diện” chỉ con người đến tuổi trung niên, đầu trọc tóc, từ đó khiến cho đầu và trán nổi liền thành một thể. Mặc dù không nhìn thấy tóc, song người xưa cho rằng đầu trọc là biểu hiện của giới quản lý tài chính, có năng lực quản lý tiền tài, vì thế nói “chung tư tiền cốc”.

“Thiệt thoát” chính là nói lắp. Xét từ góc độ của sinh lý học, có hai nguyên nhân gây ra hiện tượng nói lắp: một là,

hoành cách và dây thanh vận động không hài hòa, hai là do sống cùng với người bị nói lắp, học theo thói quen nói của họ, dần dần thành quen, trở thành một loại bệnh thái. Điều này đương nhiên sẽ ảnh hưởng đến tiến trình sự nghiệp của một người, khiến cho vận mệnh vất vả, nhiều trở ngại, đây cũng chuyện trong tình lý. Trong sách cho rằng: người nói lắp, không có chức quan địa vị, đây cũng chỉ là dựa trên những trường hợp thông thường mà nói. Mồm miệng lanh lợi, nhà chữ rõ ràng đương nhiên là điều kiện không thể thiếu của người làm quan, nhưng trên thực tế có rất nhiều ví dụ không phải như vậy. Chu Xương thời nhà Hán, Đặng Ngải thời nhà Tấn đều có tật nói lắp, song địa vị của họ lại vô cùng hiển quý.

“Quất bì bất hiển” là chỉ khuôn mặt của một người nếu thô cứng như vỏ quýt, thì người này là người hồ đồ, lười nhác, tiêu cực, không có chí tiến thủ, không biết xấu hổ, nhục nhã, vì thế không thể phát đạt.



Dương Tổ: người thời Tùy Đường, thời trẻ chí hướng cao xa, tính tình hào sảng, tự nhiên không gò bó, tính thông cả văn thơ lẫn sử sách. Sau vì lập chiến công được phong là Việt Quốc Công. Ông từng tham dự bàn mưu tuyệt mật trong cung đình, lập Dương Quảng làm thái tử. Về sau lâm bệnh qua đời.

“Tả mục hữu thương, văn tinh thất hạp”. Người xưa cho rằng văn tinh nếu có khiếm khuyết, thì không tốt. Song xem xét từ góc độ ý nghĩa hiện thực, một người có vết thương sinh lý, đặc biệt là khuôn mặt - phần lộ rõ có vết thương sẽ dẫn đến tâm lý của con người thất thường, biến thái, luôn luôn cam chịu thụt lùi, tính cách thất thường, đương nhiên khó mà có thành tựu.

“Ưng tị” chỉ hình dáng của mũi giống miệng chim ưng, nhọn hướng xuống thành hình móc câu, trông có vẻ hiểm độc hung bạo, đem đến ấn tượng không tốt cho mọi người. Mà người có mũi chim ưng có tính công kích mạnh, nghiêm khắc, hà khắc với mọi người. Vì thế người xưa cho rằng người có mũi chim ưng thường hay tổn thương người khác, hơn nữa sinh tính không biết thỏa mãn.

Nội dung chủ yếu của chương này là luận thuật về “dung mạo” của con người, nội dung chủ yếu của tiết này thì luận thuật về “diện mạo” của con người. Mà trong diện tướng của con người, ngũ quan lại có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi vì bất luận là tam tài, tam đỉnh, tam chủ, hay là ngũ tinh, lục diệu, lục phủ và cả tứ học đường, bát học đường đều có mối liên hệ khăng khít với ngũ quan. Chúng hoặc là tên gọi đại diện cho ngũ quan, hoặc là phương pháp phân chia các bộ phận trên khuôn mặt với nội dung trọng tâm là ngũ quan.



Mạnh Hạo Nhiên: là thi nhân thời Đường. Thơ ông phần lớn viết thú vui sơn lâm và nỗi buồn khổ thương tiếc tài năng không gặp thời. Do cuộc sống nhỏ hẹp, nên hiện thực xã hội được phản ánh trong thơ của ông không nhiều, song trình độ nghệ thuật lại tương đối cao.

TÌNH THÁI GIÁM

Nhận biết tài khí của người khác

I. Tổng luận tình thái

Dung mạo giám cốt chi dư, thường tá cốt chi bất túc. Tình thái giả, thần chi dư, thường tá thần chi bất túc. Cửu chú quan nhân tinh thần, sạ kiến quan nhân tình thái. Đại chỉ diệc biện thanh trọc, tế xứ kiêm luận thủ xả.

Nguyên văn

Dung mạo giả, cốt chi dư, thường tá cốt chi bất túc⁽¹⁾. Tình thái giả, thần chi dư, thường tá thần chi bất túc⁽²⁾, cửu chú quan nhân tinh thần, sạ kiến quan nhân tình thái⁽³⁾. Đại

⁽¹⁾ Dung mạo giả, cốt chi dư, thường tá cốt chi bất túc: “Dư” ở đây ý chỉ biểu hiện bên ngoài. Thực ra, dung mạo không phải chỉ là “cốt chi dư”, mà là sản vật mang tính tổng hợp của ba thứ gồm cốt, nhục, thần. “Tá”, phò trợ, ở đây mang ý bù đắp. Ý của ba câu này là: dung mạo là biểu hiện bên ngoài của cốt cách, thường thường có thể bù đắp cho những chỗ khiếm khuyết của cốt cách.

⁽²⁾ Tình thái giả, thần chi dư, thường tá thần chi bất túc: Ý của ba câu này là: tình thái là biểu hiện bên ngoài của tinh thần, thường có thể bù đắp những khiếm khuyết của tinh thần.

⁽³⁾ Cửu chú quan nhân tinh thần, sạ kiến quan nhân tình thái: “Sạ” ban đầu, bắt đầu. Ở đây nói đến phương pháp và các bước quan sát con người. Ý của hai câu này là:

gia cử chỉ, tu sáp diệp giai; tiểu nhi hành tàng, khiêu khiêu dữ thất⁽¹⁾. Đại chỉ diệp biện thanh trọc, tế xứ kiêm luận thủ xả⁽²⁾.

Bản dịch

Dung mạo của một người là dư âm của trạng thái cốt cách của họ, thường có thể bù đắp những khiếm khuyết của cốt cách. Tình thái là lưu âm của tinh thần, thường có thể bù đắp những chỗ bất túc của tinh thần. Quan sát lâu, quan sát kĩ, phải tập trung xem tinh thần của con người; vừa mới nhìn thì trước hết phải xem tình thái của con người. Phàm là thuộc đại gia - như cử chỉ động tác của cao quan hiển thần, thạc nho (đại nho) cao tăng, cho dù là tình thái ngại ngùng, cũng vẫn là giai tướng; còn phàm là thuộc cử động như trẻ con, như tiếng khóc

quan sát lâu, quan sát kĩ thì phải chú trọng quan sát tinh thần của con người, vừa mới quan sát, thì trước tiên phải quan sát tình thái của con người.

⁽¹⁾ Đại gia cử chỉ, tu sáp diệp giai; tiểu nhi hành tàng, khiêu khiêu dữ thất: “Đại gia” ở đây chỉ người mà tu dưỡng bên trong và phong độ bên ngoài đều đạt tới cảnh giới vô cùng cao, như những vị quan cao hiển thần, thạc nho (tức đại nho: phần lớn chỉ tầng lớp tri thức có học vấn, phẩm hạnh cao thượng) cao tăng thời xưa. “Đại gia cử chỉ” chỉ những cử chỉ an nhàn, yên tĩnh trang nghiêm, lịch sự từ tốn. “Tu sáp” chỉ kiểu tình thái không giỏi giao tiếp mà còn thiếu cả sự xúc động bên trong lẫn tình cảm mãnh liệt bên ngoài, kiểu tình thái như vậy thuộc kiểu tình thái hướng nội. “Hành tàng” ở đây ý chỉ hình tích (bộ dạng), cử động. “Tiểu nhi hành tàng” không phải chỉ bộ dạng, cử động của trẻ con, mà là chỉ bộ dạng, cử động giống như trẻ con, chính là những cử chỉ ấu trĩ, trẻ con như khóc khóc cười cười, vừa nhảy vừa gọi. Ý của bốn câu này là: chỉ cần là tình thái của đại gia, thì cho dù là ngại ngùng, thì cũng là giai tướng; ngược lại, chỉ cần là tình thái giống như trẻ con, càng dùng những cử chỉ ấu trĩ trẻ con như kiểu vừa nhảy vừa gọi để che lấp chân tướng, thì ngược lại càng cho thấy sự ấu trĩ và thô tục.

⁽²⁾ Đại chỉ diệp biện thanh trọc, tế xứ kiêm luận thủ xả: “Đại chỉ”: chỗ lớn, chỗ chính; đối lập với “tế xứ” ở câu sau. “Tế xứ”, chỉ các loại tình thái cụ thể, có những tình tiết nhỏ sinh động. Người xưa quan sát con người, coi trọng nhất là chủ thứ và thủ xả (dùng, bỏ). Chủ là những bộ phận chủ yếu đóng vai trò then chốt, đây là đối tượng của “thử” (dùng); thứ là những bộ phận thứ yếu không quan trọng, đây là đối tượng của “xả” (bỏ). Chủ thứ với thủ xả, có tư tưởng của phép biện chứng, đáng để lấy đó mà làm gương.

tiếng cười của tiểu dân nơi phố chợ, vừa nháy vừa gọi, càng là làm bộ làm tịch, thì ngược lại càng cho thấy ầu trĩ thô tục. Xem tình thái của con người, với những chỗ lớn đương nhiên cũng phải phân rõ thanh đục, còn với chỗ nhỏ nhặt, tỉ mỉ thì không những phải phân rõ thanh đục, mà còn phải phân biệt chủ thứ thì mới có thể quyết định được dùng hay bỏ.



Tạ Cao là người sống vào những năm cuối nhà Nam Tống. Tính cách chính trực, có phẩm chất cao thượng, từng dẫn hương binh (quân lính ở quê hương) quy thuận Văn Thiên Tường. Nhà Tống sụp đổ, ông không ra làm quan mà ngao du giang hồ đến cuối đời.

“Tình thái” dĩ động vi chủ

Trong các tác phẩm ngày xưa, trừ *Băng Giám*, gần như không tìm thấy cuốn sách về tướng học nào liệt “tình thái” vào hẳn một chương để luận thuật, nhưng trong *Băng Giám* thì lại liệt hẳn thành một bài. Từ đó có thể thấy rõ sự coi trọng của Tăng Quốc Phiên với “tình thái”.

“Tình thái” với “thần thái” mà vẫn thường được nói tới trong *Băng Giám* có gì khác nhau không? Có sự khác biệt.

Trong bài đầu tiên, trước hết nói đến “thần” và “tình thái” được nói tới trong chương này có mối quan hệ rất chặt chẽ, chúng là mối quan hệ giữa trong và ngoài. “Thần” hàm xúc bên trong, “tình thái” thì lại biểu hiện ra bên ngoài; “thần” lấy tĩnh thái là chính, “tình thái” lấy động là chính; “thần” là nguồn gốc của “tình thái”, “tình thái” là dòng chảy của “thần”. Nếu một người nào đó thần bất túc, vậy thì bất buộc phải do “tình thái” bổ sung cho. Lấy Lâm Đại Ngọc làm ví dụ, trong *Hồng lâu mộng* hình dung nàng “hành động như cành liễu yếu chống đỡ cơn gió”, cả người bệnh tật, vô cùng yếu ớt, tinh thần khẳng định là bất túc, nàng thông minh lanh lợi, thể thái phong lưu, có một phong vị đặc biệt gì đó không thể diễn tả bằng lời.



Thạch Diên Niên: là nhà thơ, đại thần thời Bắc Tống. Ông là người hào phóng, coi trọng chữ tín, trọng khí tiết. Thời gian làm quan, liêm khiết công bằng, nhận được sự khâm phục nể trọng của quan lại và bách tính địa phương.

Phía trước đã nói đến “tồn hữu dư dĩ bổ bất túc”, cũng chính là nguyên tắc hổ bổ với hổ nghịch. Trong dạy học có khái niệm bổ sung cho nhau, cùng là bổ sung cho nhau, nhưng tính chất của chúng lại không giống nhau, hơn thế còn không có chút quan hệ gì.

Con người có xấu đẹp, trăng có tròn khuyết, tướng cũng có sự khác biệt giữa viên mãn và bất túc. Trong kinh Phật nói, Phật có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp hoàn mỹ, chính là tướng viên mãn. Có bất túc, chính là phá vỡ, nếu có thể bù đắp chỗ bất túc, thì vẫn chưa bị mất tướng tốt, đây chính là bổ (bổ sung). Phá tướng xung chính là nghịch. Nói cụ thể hơn, mỗi một phần trên tướng thiếu sót không thành, nếu kết cấu chỉnh thể rất tốt, kết cấu chỉnh thể có thể hỗ trợ cho phần có khiếm khuyết, thì vẫn không xấu; một phần nào đó mặc dù tốt, song chỉnh thể tạo thành thể thể không tốt, phần tốt kia không thể hỗ trợ cứu chữa cho cả một kết cấu chỉnh thể, chính là nghịch. Cũng giống như một cây đại thụ, một cành nhánh nào đó hỏng, song cả cây vẫn có sức sống, thì cành lá vẫn sum suê, lớn lên khỏe mạnh, đây chính là bổ. Nhưng cả cây phần lớn đều chết, chỉ có một cành nào đó vẫn tốt, cành vẫn tốt ấy không đủ để hỗ trợ cứu cho sinh mệnh của cả cây lớn, đây chính là nghịch.

“Thập mĩ” “thập thanh”

Chủng loại của bổ nghịch rất nhiều, lớn nhỏ không dưới mấy chục loại, như tự thân bổ nghịch, tương quan bổ nghịch, tương xứng bổ nghịch, đại bổ tiểu nghịch, tiểu bổ đại nghịch...

Sự ra đời của tư tưởng bổ nghịch có liên quan tới thuyết “thập mĩ”, “thập thanh” thời xưa.

“Thập mĩ”, “thập thanh” là một loại tiêu chuẩn của tốt tướng, người xưa dùng những tiêu chuẩn này để so sánh con người, khiến cho hoạt động xem tướng có một tiêu chuẩn tham khảo, tránh hiện tượng ai nói theo cách của người đó, chưa thể đi đến kết luận. Cũng giống như trước đây Tăng Quốc Phiên mất rất nhiều thời gian để quan sát Giang Trung Nguyên, tiêu chuẩn mà ông dựa vào cũng có mối quan hệ mật thiết không thể tách rời với “thập mĩ”, “thập thanh”. Song ví dụ có thể thể hiện được việc quan sát một người từ tình thái lại là sự diu dặt của Tăng Quốc Phiên với Lưu Minh Truyền. Ông đi qua từ phòng lớn, lại có thể nhận ra phong độ đại tướng của Lưu Minh Truyền, điều này tất nhiên có liên quan tới những kinh nghiệm, từng trải của ông suốt mấy chục năm, lâu nay, tiêu chuẩn về tốt tướng mà người xưa hình thành lên bấy lâu

nay cũng có ảnh hưởng rất lớn tới ông.



Phương Thuấn Khâm: nhà thơ Bắc Tống. Là một tác gia quan trọng trong cuộc vận động cải cách thơ văn. Trên chính trị, ông nghiêng về khuynh hướng phe cải cách do Phạm Trọng Yêm dẫn đầu, do đó bị cắt chức và đi đày.

• **“Thập mĩ”**

1. Bàn tay mềm mại như bông, mắt tú có thần, mồm rộng có thể nhét vừa nắm đấm;
2. Thịt trên người như ngọc như châu;
3. Thân gầy đầu tròn;
4. Phần thịt sau tai đầy đà, sau đầu không nhìn thấy quai hàm;
5. Bao tinh hoàn đầy đặn, da dẻ hồng hào, khí sắc tươi sáng lâu dài;
6. Người đen mặt trắng, mu bàn tay đen còn lòng bàn tay trắng;
7. Mắt sáng có thần, môi hồng hào;
8. Cơ thể thấp nhỏ, nhưng giọng nói sáng, vang;
9. Mắt có dạ quang, trong bóng tối có thể nhìn thấy vật;
10. Râu thanh tú.

• **“Thập thanh”**

1. Giọng nói vang, trước nhỏ sau to;
2. Lông tóc nhỏ, mềm;
3. Răng nhỏ, đều, trắng như ngọc;
4. Lòng bàn tay hồng hào, ngón tay thon dài, vân tay nhỏ như sợi;
5. Tai trắng đến tận mặt, hơn nửa màu sắc còn hồng hào;
6. Lông mi đen, tóc bóng, đều;
7. Mắt sáng có thần, môi hồng hào;
8. Cơ thể gầy mà không lộ xương, da dẻ hồng hào;
9. Con gái cơ thể gầy mà núm vú rắn chắc, đầy đặn;
10. Rốn vừa sâu vừa to.

Nếu có thể hợp với “Thập mĩ”, “thập thanh” kể trên, thì

chính là tướng hoàn mỹ của người xưa. Song trên thực tế, số lượng người có thể hoàn toàn tương hợp với tướng này thì thưa thớt như sao buổi sớm, do đó, nguyên tắc hồ hồ nghịch đã ra đời.

Tể xứ kiêm luận thủ xả

Trong chương này còn nói đến “tể xứ kiêm luận thủ xả”, có thủ xả, chắc chắn trước hết phải phân chủ thứ, nặng nhẹ, để không bị lệch về bên nào, không mất hay bỏ qua bên nào. Phân biệt rõ chủ thứ, xác định thủ xả, cũng là một trong những nguyên tắc quan trọng trong quan sát con người.

Chủ thứ, phần đóng vai trò mang tính quyết định đến tốt xấu của tướng chính là chủ, cũng chính là phần quan trọng nhất, phần có vai trò thứ yếu với sự tốt xấu của tướng thì là thứ, cũng chính là phần không quan trọng. Xét từ góc độ tổng thể, nên coi thần là chủ, hình là thứ; cốt là chủ, mạo là thứ. Có người dung mạo thanh nhã tuần tú, cử chỉ lại thô tục vô cùng; có người dung mạo thì xấu xí, song lại đoan trang, nhã nhặn lịch sự, phong tư trác việt, đây chính là một kiểu đẹp bên trong. Tử Vũ - đệ tử của Khổng Tử, tướng mạo xấu xí, Khổng Tử lúc mới đầu không hề coi trọng y. Ba năm sau, Khổng Tử mới phát hiện, Tử Vũ thực ra “dung mạo xấu xí nhưng phẩm chất cao thượng”, do đó ông nói: “Ngô dĩ mạo thủ nhân, thất chi Tử Vũ” (Ta trông mặt mà bắt hình dong nên đã bỏ qua mất Tử Vũ). Xét từ góc độ các bộ phận, đầu mặt là chủ, những phần khác là thứ.

Một khi đã định được chủ thứ, thì thủ xả không còn khó khăn, thủ là chủ, xả là thứ, đây là kiến thức thông thường,

chính là nói dùng phần quan trọng, phần mấu chốt, bỏ phần thứ yếu, phần không quan trọng.



Mai Nghiêu Thần: nhà thơ thời Bắc Tống, ông cùng với Âu Dương Tu, Phương Thuần Khâm nổi danh trong cuộc vận động cải cách văn chương Bắc Tống. Thơ ông có đặc trưng nghệ thuật cơ bản là phong cách bình dị, ý tứ hàm súc.

Song không phải tất cả những phần thứ yếu đều vứt bỏ hết. Mở đầu cuốn sách đã chỉ ra rõ ràng: “tiên quan thần cốt”, mặc dù “thần cốt” là phần quan trọng, nên dùng hết, song cũng không thể không nói tới những phần khác như dung mạo, tình thái, không thể vứt bỏ hoàn toàn, có một lúc nào đó, do dung mạo, tình thái có vai trò bổ sung cho “thần cốt”, ngược lại trong cục bộ chúng còn trở thành phần quan trọng, chủ yếu. Đây cũng chính là chỗ biện chứng của nguyên tắc chủ thứ và thủ xả. Con người là một chỉnh thể, tướng của các bộ phận tốt, chỉnh thể tự khắc không xấu, nhưng nếu chỉnh thể tốt, cốt tướng đặc kì (vô cùng kì lạ), nhưng dung mạo, tình thái lại có khiếm khuyết, thì phải có bù đắp cho chúng, thì mới là tốt. Thần cốt nếu không tốt, có giai mạo (tướng mạo đẹp),

giai tình giai thái (tình thái tốt) bù đắp cho nó, lại có thể làm cho tình thể của nó mạnh mẽ thì đều thành tướng tốt. Do đó, luận thần cốt là thứ nhất, nhưng vẫn không được bỏ qua dung mạo, tình thái. Từ Sản nước Trịnh thời Chiến Quốc nắm quyền, trong dùng người giỏi chọn lựa người có năng lực và trọng dụng họ. Do “Tử Đại Thúc mĩ tú nhi văn”, nên lần nào cũng phái Tử Đại Thúc “ứng đối binh khách” (đón tiếp khách). “Mĩ tú nhi văn” ở đây chắc chắn là chỉ dung mạo và tình thái.

Sự khác nhau giữa “thần” và “tình”

“Dung mạo” là dung mạo của hình thể, mà hình thể chủ yếu do cốt và nhục cấu thành, mỗi quan hệ giữa cốt và nhục vô cùng mật thiết, vì vậy nói “dung mạo giả, cốt chi dư”. Như đã nói ở trên, nếu cốt tướng khí thể yếu ớt, mà dung mạo lại đẹp đẽ đoan lệ, thì dung mạo có thể bổ cứu chỗ bất túc của

cốt tướng, vì thế nói “thường tá cốt chi bất túc”.



Mễ Phát: Thư gia thời Bắc Tống, phong thần xuất chúng, nhà âm rõ ràng lưu loát, tất cả những nơi ông đến mọi người đều tụ tập lại xem. Ông giỏi văn chương thư họa, đạt được tình cảm qua nét bút như Vương Hiến Chí; nổi tiếng cả về vẽ tranh sơn thủy và con người.

“Tình thái” là sự bộc lộ và biểu hiện bên ngoài của “thần”, “tình thái” và “thần” một là bên ngoài, một là bên trong, quan hệ vô cùng mật thiết, vì vậy nói “tình thái giả, thần chi dư”. Như đã nói ở trên, nếu “thần” không tốt, bất túc, mà tình thái ưu nhã tự nhiên, thì tình thái có thể bổ cứu cho chỗ khiếm khuyết của “thần”, vì vậy nói “thường tá thần chi bất túc”.

“Thần” và “tình” thường được gọi chung là “thần tình”, dường như “thần” và “tình” là một vật hoặc một chuyện, nhưng thực chất, hai đối tượng này lại khác xa nhau, có sự khác biệt lớn. “Thần” hàm chứa bên trong, “tình” biểu hiện bên ngoài; “thần” luôn luôn ở trạng thái tĩnh, “tình” luôn ở trạng thái động; “thần” thông thường có thể lâu dài, “tình” thường quý ở tự nhiên. Tóm lại, tinh thần là bản chất, tình thái là hiện tượng. Vì thế tác giả cho rằng, “cửu chú thị nhân tinh thần, sạ kiến quan nhân tình thái”. “Tình thái” là một kiểu biểu hiện bên ngoài, vì thế cho dù chỉ nhìn qua có một lần, cũng có thể phán đoán, còn nếu muốn biết bản chất của tinh thần thì không hề dễ như vậy. Tăng Quốc Phiên sau một thời gian dài quan sát Giang Trung Nguyên, mới rút ra được kết luận anh ta sẽ “minh danh thiên hạ, trạng liệt thảm tiết nhi tử” (nổi tiếng khắp thiên hạ, chết oanh liệt thủ tiết).

Giữa tình thái và dung mạo, vừa có mối liên hệ lại vừa có sự khác biệt. Dung mạo là tướng tĩnh của hình thể, biểu hiện hình thái phong tư, tình thái là tướng động của hình thể, biểu hiện phong độ khí chất, hai đối tượng này chắc chắn không giống, “hình” cũng có sự khác biệt. Tuy nhiên chúng lại có thể tương phò tương thành, cùng giúp đỡ bổ sung cho nhau. Thường thấy người có dung mạo thanh tú mỹ lệ, mà tình thái thì vô cùng dung tục, cũng có người dung mạo thì vô cùng xấu xí,

nhưng tình thái đoan chính, cẩn thận, phong nhã, hai kiểu người như vậy đều khiến người ta lấy làm tiếc. Nếu như cô gái nước Việt - Tây Thi có dung mạo xinh đẹp “diện như đào hoa, tự thái được chi thần khu” (mặt như hoa đào, như nàng tiên hái thuốc), mà không có tuyệt thể phong tình “ca tắc hương hầu thanh tuần, vũ tắc kì tư phiên phiên” (giọng hát thì trong sáng ngọt ngào, múa thì tư thể nhẹ nhàng thướt tha) thì sự nằm gai nếm mật của Câu Tiễn cũng không khiến người ta ghi nhớ sâu sắc đến vậy.

“Đại gia cử chỉ, tu sáp diệp giai”: “Đại gia” chỉ những người có học thức tu dưỡng uyên thâm, cử chỉ đoan trang, ôn hòa, xác đáng. “Tu sáp” ở đây không phải chỉ sự rụt rè, mất tự nhiên, e thẹn vờ vĩnh như cô gái nhỏ, mà là chỉ gặp người khác thì đỏ mặt, không giỏi giao tiếp. Xét từ góc độ phân tích tâm lý, người “tu sáp” có tính cách thuộc kiểu “hướng nội”, kiểu người này thiếu tình cảm mãnh liệt bên ngoài, do đó không giỏi giao tiếp. Mỗi lần gặp phải trường hợp này, lúc gặp người hoặc gặp nhiều người thì mặt đỏ, miệng nói lúng ba lúng búng, nhưng tình thái lại bình tĩnh ung dung, yên tĩnh, trang nghiêm, tao nhã thờ ơ, khi động khi tĩnh, khi cau mặt, khi tươi cười, tuyệt đối không mất đi phong độ của “đại gia”, “tu sáp” ngược lại lại trở thành giai tượng, vì thế tác giả mới nói “đại gia cử chỉ, tu sáp diệp giai”. Tả Tư - nhà văn thời Tây Tấn, mặc dù tướng mạo xấu xí, miệng lúng ba lúng búng, không giỏi giao du, song lại từ ngữ tráng lệ, lời nói tao nhã cổ kính. Sau khi tác phẩm *Tam đô phú* của ông hoàn thành, một thời được mệnh danh là “Lạc Dương chỉ quý” (sách quý của Lạc Dương). E rằng ông chính là “đại gia cử chỉ, tu sáp diệp giai”.

“Tiểu nhi hành tàng, khiêu khiêu dữ thất”: Là từ tình thái mà quan sát tinh thần, tình thái của người bình thường không

dễ che đậy, quan sát tỉ mỉ hành tàng (Hành tàng: thời xưa chỉ thái độ của kẻ sĩ đối với việc ra làm quan hay lui về ẩn dật) của họ thì có thể nhìn ra chân tướng của họ, chứ không phải là nói trẻ con có cái “hành tàng” gì đó.



Diệp Mộng Đắc: Ông là người viết từ - một thể loại thơ ca thời nhà Tống. Từ lâu đã chủ trương đánh lại quân nhà Kim. Những năm về già sống tại Chiết Giang, ngày ngày lấy đọc sách, ngâm vịnh làm thú vui. Ông viết thơ văn, giỏi làm từ. Có cuốn Thạch lâm thi thoại được lưu truyền rộng rãi.

Hai câu cuối “địa chỉ diệp biện thanh trọc, tể xứ kiêm luận thủ xả”, là nói quan sát con người phải phân rõ chủ thứ, nắm chắc trọng điểm, trước tiên phải phân biệt rõ thanh trọc của “thần”, thanh giả quý, trọc giả tiện, lại phải giỏi thủ xả, tức là thủ “chủ” còn xả “thứ”, hiểu ra được chỗ kì diệu của “thần”, “tình”.



Phạm Thành Đại: nhà thơ, đại thần thời Nam Tống. Trong thời gian làm quan, nhiều lần có thành tích trên chính trị, sau này đi sứ nước Kim, từ khi kháng khái, toàn tiết trở về. Sau này từ chức, ẩn cư ở Thạch hồ. Thơ của ông có sự độc đáo riêng biệt, là nhà tập đại thành⁽¹⁾ thơ điền viên Trung Quốc thời xưa)

Phân biệt “dung mạo” “cử chỉ”

Trong Nhân vật chí, Lưu Thiệu có nói về dung mạo, cử chỉ như sau:

Người tâm tính trung thành chính trực, sẽ thể hiện ra dung mạo tư thái cương chính bất khuất;

Người tâm tính lương thiện, sẽ biểu hiện ra dung mạo tư thái tiến thủ cẩn thận;

Người tâm tính ngăn nắp, đầu vào đầy, chắc chắn sẽ biểu hiện ra dung mạo tư thái ung dung, tự nhiên;

Chính trực, hươu quyết (tốt đẹp, lương thiện mà cương nghị), bình lý (công bằng) đều là trạng thái tâm lý bên trong, có thể thể hiện ra dung mạo tư thái bên ngoài tiến mãnh (phấn chấn mà uy nghiêm), an tường (bình tĩnh, ung dung, chắc chắn).

⁽¹⁾ Tập đại thành: tập trung hội tụ những ưu điểm và phát triển.

Tĩnh thái của con người là dung mạo tư thái, động thái là cử chỉ, do đó, dung mạo tư thái hoạt động thì chính là cử chỉ là dung chỉ. Dung chỉ có thể phân thành ba loại là trực dung, hựu dung, đức dung.

Người chính trực tất biểu hiện ra sự cương trực không a dua, uy vũ bất khuất;

Người thiện mỹ tất biểu hiện ra sự chăm chú cẩn thận, chú ý cẩn thận;

Người có đức tất hiện ra nghiêm túc chăm chú, khí thể hiên ngang.

Về mặt mạo sắc (sắc của dung mạo), Lưu Thiệu lại phân tích như sau:

Một người tâm chất thành nhân, chắc chắn sẽ biểu hiện ra mạo sắc ôn hòa mềm mại;

Một người tâm chất thành dũng, chắc chắn sẽ biểu hiện ra mạo sắc nghiêm túc trang trọng;

Một người tâm chất thành trí, chắc chắn sẽ biểu hiện ra mạo sắc sáng suốt rõ ràng.



Đàm Đài Diệt Minh (tự Tử Vũ): là người thời Xuân Thu, một trong 72 vị hiền nhân, là đệ tử của Khổng Tử. Tướng mạo ông xấu xí nhưng phẩm hạnh cao thượng.

II. Luận hằng thái

Hữu nhược thái, hữu cuồng thái, hữu sở lẫn thái, hữu chu hoàn thái. Giai căn kì tình, bất do kiểu uống. Nhược nhi bất mị, cuồng nhi bất hoa, sở lẫn nhi chân thành, chu hoàn nhu kiến cử, giai năng thành khí; phản chi, bại loại dã.

Nguyên văn

Hữu nhược thái, hữu cuồng thái, hữu sở lẫn thái, hữu chu hoàn thái⁽¹⁾. Điều y nhân, tình trí uyển chuyển, thử nhược thái dã⁽²⁾ bất sam bất lữ, bàng nhược vô nhân, thử cuồng thái dã⁽³⁾. Tọa chỉ tự như, vấn đáp tùy ý, thử sở lẫn thái dã⁽⁴⁾. Sức kì trung cơ, bất cầu ngôn tiểu, sát ngôn quan

⁽¹⁾ Hữu nhược thái, hữu cuồng thái, hữu sở lẫn thái, hữu chu hoàn thái: “Nhược thái” là tình thái uyển chuyển nhu nhược. “Cuồng thái” là tình thái phóng đãng không gò bó. “Cuồng thái” khác với “điên thái”, điểm này không thể coi nhẹ, cũng không được lẫn lộn. “Sở lẫn thái” chỉ tình thái lãnh đạm uể oải của việc cậy tài khinh người, chứ không phải tình thái lãnh đạm uể oải của ý chí sa sút, tinh thần ủy mị. “Chu hoàn thái”, chỉ tình thái giỏi giao tiếp, giỏi triết chung của người tài trí, trong đó có trí có mưu, có cương có nhu, do đó gần như âm hiểm (ác ngầm). Ý của bốn câu này là: tình thái thường thấy có bốn loại, là tình thái uyển chuyển nhu nhược, tình thái phóng đãng không gò bó, tình thái lãnh đạm uể oải, tình thái giao tiếp chiết trung.

⁽²⁾ Phi điều y nhân, tình trí uyển chuyển, thử nhược thái dã: “Phi điều”, ở đây chỉ chim được con người thuần hóa, loại chim này với chủ nhân luôn là “tình trí uyển chuyển”, lưu luyến không rời. “Phi điều y nhân, tình trí uyển chuyển” ở đây là tình trạng và đặc trưng của nhược thái. Ý của ba câu này là: Giống như con chim nhỏ lưu luyến chủ nhân, tình chí uyển chuyển dịu dàng, đây chính là tình thái uyển chuyển nhu nhược.

⁽³⁾ Bất sam bất lữ, bàng nhược vô nhân, thử cuồng thái dã: “Bất sam bất lữ” chỉ dáng vẻ ăn mặc không chỉnh tề, không chú ý đến quần áo, tùy tiện. “Bàng nhược vô nhân” chỉ dáng vẻ cậy tài khinh người, trong mắt không có ai. Ý của ba câu này là: ăn mặc không chỉnh tề, không chú ý, tùy tiện, cậy tài khinh người, coi như không có ai bên cạnh, đây là tình thái phóng đãng không gò bó.

⁽⁴⁾ Tọa chỉ tự như, vấn đáp tùy ý, thử sở lẫn thái dã: “Tọa chỉ tự như”, tức là muốn làm gì thì làm, muốn làm như thế nào thì làm như thế. “Vấn đáp tùy ý”, là muốn nói gì thì nói, muốn nói thế nào thì nói như thế. Ý của ba câu này là: muốn làm gì thì làm, muốn nói thế nào thì nói, đây là tình thái lãnh đạm uể oải.

sắc, xu cát tị hung, tắc chu hoàn thái dã⁽¹⁾. Giai căn kì tình, bất do kiểu uống⁽²⁾. Nhược nhi bất mị, cuồng nhi bất hoa, sở lẫn nhi chân thành, chu hoàn nhi kiến cử, giai năng thành khí⁽³⁾; phản chi, bại loại dã⁽⁴⁾. Đại khái diệc đắc nhĩ tam hĩ⁽⁵⁾.

Bản dịch

Tình thái thường thấy có bốn loại sau: nhược thái uyển chuyển nhu nhược, cuồng thái phóng đảng không gò bó, sở lẫn thái lãnh đạm uể oải, chu hoàn thái giao tiếp chu toàn chu đáo. Như chim con lưu luyến, tình cảm uyển chuyển, dịu dàng

⁽¹⁾ Sức kì trung cơ, bất cầu ngôn tiểu, sát nhân quan sắc, xu cát tị hung, thử chu hoàn thái dã: “Trung cơ” là tâm cơ. “Cầu” không nghiêm túc. “Sát nhân quan sắc” chỉ tìm mọi cách để hiểu và nắm bắt đối thủ. “Xu cát tị hung” đây là nguyên tắc và phương thức hành động cụ thể. Ý của năm câu này là: che giấu tâm cơ của mình thật sâu, thường rất đứng đắn, không dễ dãi nói cười, quan hệ với mọi người thì luôn thăm dò quan sát, xử lý mọi việc thường nghiêng về cái tốt, tránh hung, đây là tình thái giao tiếp chiết trung.

⁽²⁾ Giai căn kì tình, bất do kiểu uống: “Căn” nguồn gốc từ, đến từ. “Tình” ở đây chỉ chân tình của nội tâm. “Bất do”: không do con người tùy ý như thế nào. “Uốn”: uốn cong. “Kiểu uống”: là cố tình làm ra vẻ. Ý của hai câu này là: bốn loại tình thái trên đều đến từ chân tình trong tâm, không phải do tùy ý ngụy tạo.

⁽³⁾ Nhược nhi bất mị, cuồng nhi bất hoa, sở lẫn nhi chân thành, chu hoàn nhi kiến cử, giai năng thành khí: “Mị”: có ý rêu đón, nịnh nọt. “Hoa” chỉ ồn ào, náo động vô lý. “Chân thành”: chỉ thẳng thắn, chân thành, thuần chất chứ không ngụy tạo, vờ vĩnh. “Kiến cử”: chỉ trong nhu có cương, cương cán hào hùng. “Khí”: chỉ nhân tài hữu dụng. Ý của năm câu này là: uyển chuyển nhu nhược chứ không có ý nịnh nọt, phóng đảng không gò bó chứ không ồn ào náo động, lãnh đạm uể oải nhưng thẳng thắn, chân thành, thuần khiết, giao tiếp chiết trung lại cương cán hào hùng, sau này chắc chắn sẽ trở thành nhân tài hữu dụng.

⁽⁴⁾ Phản chi, bại loại dã: “Phản chi” tức là nhược mà mị, cuồng mà hoa, sở lẫn mà không chân thành, chu hoàn mà không kiến cử. “Bại loại” là đồ bỏ đi không có tác dụng. Ý của hai câu này là: nếu trái ngược lại với bên trên, thì sau này chắc chắn sẽ trở thành đồ bỏ đi không có tác dụng gì.

⁽⁵⁾ Đại khái diệc đắc nhĩ tam hĩ: “Đại khái”: sơ lược, chỉ tình hình sơ lược của bốn loại tình thái trên. “Nhĩ tam”: 20, 30%, ý chỉ có thể nhìn ra một chút manh mối. Ý của hai câu này là: tình thái mặc dù khó nắm bắt, nhưng chỉ cần thấy được một cách sơ lược, sau này ai sẽ trở thành nhân tài hữu dụng, ai sẽ trở thành kẻ bỏ đi vô dụng, cũng có thể thấy được 20, 30%.

thân thiết, đây chính là nhược thái; ăn mặc không chỉnh tề, không chú ý, tùy tiện, cậy tài khinh người, trong mắt không có ai, coi như bên cạnh không người, đây chính là cuồng thái; muốn làm gì thì làm, muốn nói thế nào thì nói, không phân biệt tình huống, hoàn cảnh, không kiêng dè, đây chính là sơ lẫn thái; chôn giấu tâm cơ, thăm dò qua lời nói sắc mặt khắp nơi, mọi việc đều hướng đến cái tốt, tránh hung, giao tiếp với mọi người chu toàn, chu đáo, đây chính là chu hoàn thái. Những tình thái này đều đến từ chân tình thực tính của nội tâm, không do con người tùy ý che giấu, làm ra vẻ. Uyển chuyển nhu nhược mà không có ý nịnh nọt, phóng đảng không gò bó mà không ồn ào náo động, lãnh đạm uể oải nhưng thẳng thắn, chân thành, thuần khiết, giao tiếp chu toàn lại cường cán hào hùng, sau này đều sẽ trở thành nhân tài hữu dụng. Ngược lại, vừa uyển chuyển nhu nhược vừa có ý nịnh nọt, phóng đảng không gò bó lại ồn ào náo động, lãnh đạm uể oải nhưng không thẳng thắn, chân thành, thuần khiết, giao tiếp chu toàn nhưng không cường cán hào hùng, sau này đều trở thành đồ bỏ đi vô dụng. Tình thái biến hóa bất định, khó nắm bắt chuẩn xác, nhưng chỉ cần nhìn thấy tình hình đại khái của nó, sau này ai sẽ trở thành nhân tài hữu dụng, ai sẽ trở thành đồ bỏ đi vô dụng, cũng có thể thấy được 20, 30%.

“Hàng thái” và “thời thái”

Trước tiên nói một chút về “hàng thái” và “thời thái” mà chương sau nói tới.

“Hàng thái” và “thời thái” là một nhóm khái niệm đối chiếu với nhau.

Hằng thái: hiểu trực tiếp là hình thái vĩnh hằng cố định, nói cụ thể hơn, chính là biểu hiện của các loại hình mạo của con người như hình thể tướng mạo, tinh thần khí chất, lời nói cử chỉ khi ở trạng thái vĩnh hằng cố định, ở đây chủ yếu là chỉ hình thái biểu hiện của lời nói cử chỉ.

Thời thái: đối lập với hằng thái, hiểu trực tiếp là hình thái vận động. Thời thái có mối quan hệ mật thiết với thuộc tính xã hội, hoàn cảnh xã hội của con người. Hoạt động của con người, không có cái nào không có dấu ấn của hoàn cảnh và thời đại, con người thoát li thời đại và hoàn cảnh mà sinh sống độc lập không tồn tại, đến cả Robinson trên đảo cũng phải dùng đến súng và thuốc súng nhân tạo. Từ điểm này, có thể thể nghiệm và quan sát đầy đủ hơn về hoạt động nội tâm của con người.

Người xưa do rất nhiều hạn chế mà vẫn chưa thể chỉ rõ ra phương pháp kết hợp “hằng thái” với “thời thái”, phần lớn chú trọng “hằng thái” mà coi nhẹ “thời thái”, do đó thiếu sót không nhỏ.

Lã Mông là võ tướng nước Ngô thời Tam Quốc đã bắt giết Quan Vũ. Với văn tài thao lược hơn người đã khiến mọi người phải khen ngợi. Nhưng mới đầu, ông cũng chỉ là hạng võ phu, là người thô lỗ, do đó, Lỗ Túc rất coi thường ông. Sau này, Lã Mông bắt đầu dốc chí học tập không mệt mỏi. Một thời gian sau, Lỗ Túc gặp lại Lã Mông cũng phải khуất phục ông. Lã Mông nói: “Sỹ biệt tam nhật, túc tiện quất mục tương dãi” (Vừa mới cách biệt có ba ngày, đã phải nhìn với con mắt khác rồi), vì thế thời thái cũng tương đối quan trọng trong việc nhận biết phân biệt nhân tài.



Hồ Ái: là học giả thời Bắc Tống, là nhân vật quan trọng trong thời kì sơ khai của lý học thời nhà Tống. Tính thông Nho gia kính thuật, tự mình phân đầu theo thánh hiền, yêu cầu học hành phải rõ ràng, có thể biến hóa sử dụng.

Về mặt này, Tăng Quốc Phiên đã thoát ra khỏi cái khung của người đi trước mà có sáng kiến của mình, chỉ rõ khái niệm “hằng thái”, “thời thái”, từ tự phát thăng lên tự giác cao độ, có bước tiến lớn so với những người khác trên phương diện này. Điều này cũng cho thấy chỗ hơn người của một người là trọng thần thời kì cuối nhà Thanh - Tăng Quốc Phiên.

Người xưa không hề đưa ra phương pháp kết hợp động tĩnh giữa “hằng thái” với “thời thái”, nhưng Bằng Giám là bổ sung những chỗ còn thiếu của họ. Trên thực tế, phương pháp kết hợp hằng thái với thời thái, có yếu tố của phép biện chứng, có thể tránh được những sai lầm của chủ nghĩa máy móc, có thể đưa ra được phán đoán toàn diện hơn, chính xác hữu cơ hơn.



Âu Dương Tu: là nhà văn, nhà chính trị thời Bắc Tống; một trong bát đại gia thời Đường Tống. Do thắng thần luận sự mà bị đi đày, sau nhậm chức tham tri chính sự. Ông tích cực bồi dưỡng lớp người sau, là lãnh tụ của cuộc vận động cổ văn Bắc Tống.

Nhược thái, cuồng thái, sở lãn thái và chu hoàn thái

Trong chương này, Tăng Quốc Phiên đã chỉ ra bốn loại hình thái: nhược thái, cuồng thái, sở lãn thái, chu hoàn thái và đưa ra định nghĩa, so sánh và phân tích định tính. Số lượng chữ không nhiều, nhưng ngôn ngữ tinh tế ý nghĩa sâu xa, lời nói đơn giản nhưng hàm ý sâu xa, đáng để noi theo.

Người “nhược thái”: tính tình ôn hòa, thân thiện, dễ gần, thường đa sầu đa cảm, “đếm từng giọt mưa rơi trước cửa sổ”, thiếu sự dương cương quả cảm, thường do dự không quyết đoán, chính là kiểu người mà chúng ta vẫn gọi là “đa tài thì đa sầu, đa tình thì nhiều ưu tư, không trọng không khinh vừa

phải, cam tâm chịu đựng, ai gọi thì theo người đó”. Song ưu điểm của loại người này ở chỗ hoạt động nội tâm nhạy bén, cảm thụ sâu sắc, nếu làm về văn học nghệ thuật hoặc tôn giáo từ thiện, thì có khả năng sẽ đạt được thành tích nhất định. Người này tâm tư tỉ mỉ, làm việc chu toàn, khiến người khác yên tâm, nhưng không thích hợp lắm với những công việc có tính sáng tạo. Trong trí tuệ cổ đại Trung Quốc, ưu điểm của nhược thái ở chỗ có thể bảo vệ bản thân, lùi một bước tiến hai bước, tránh được tiểu nhân đồ kị, làm hại. Tôn Tần và Bằng Quyên thời Chiến Quốc cùng nhau theo học Quỷ Cốc Tử, sau sau khi xuất sư, tài hoa của Tôn Tần lại vượt qua cả Bằng Quyên. Sau khi bị Bằng Quyên hãm hại, Tôn Tần vì giữ mạng sống, giả điên giả khờ, thậm chí còn ăn phân trước mặt Bằng Quyên, khiến cho Bằng Quyên yên tâm hơn, nơi lỏng cảnh giác, ông mới có thể trốn thoát. Cuối cùng thì Tôn Tần cũng rửa được mối thù huyết hận này.

Muốn phân biệt thật giả của hai loại nhược thái, phải khảo sát biểu hiện hành vi nhất quán trước sau của nó. Nhược thái của Lưu Thuyền, con trai của Lưu Bị, từ trước khi y nắm quyền đã bị mọi người biết, nhưng nhược thái của Tôn Quyền và Tư Mã Ý, bao gồm cả nhược thái của Chu Văn Vương khi bị Thương Trụ Vương giam cầm đều là kẻ thích nghi tạm thời. Bình tĩnh quan sát bằng con mắt của lịch sử, ai cũng đều có thể nhìn thấy sự kì diệu trong đó, còn Bằng Quyên không xem xét kĩ, Tào Sảng không xem xét kĩ, Thương Trụ Vương không xem xét kĩ, đại khái là do không có người bình tĩnh để khuyên gián. Trên thực tế, nhìn vào lịch sử, nhìn lại chúng ta có bao nhiêu người có thể bình tĩnh quan sát, có trí tuệ như Phạm Lãi, Trương Lương, Quách Tử Nghi chứ? Ngũ Tử Tư, Văn Trọng, Thương Ương, Lã Bất Vi, Lý Tư, Hàn Tín cho đến Đường,

Tổng, Nguyên, Minh, Thanh, hiểu rõ đại nghĩa “công thanh thân thoái” (sau khi đại công cáo thành, tự mình biết lui về phía sau) liệu có mấy người? Người xưa không thể, người đời sau cũng không thể, một khi đã có lòng muốn đạt được công danh, thì vạn sự khó mà quay đầu lại.



Lỗ Túc: là danh tướng nước Ngô thời Tam Quốc, rất được Tôn Quyền trọng dụng. Ông là người trung hậu, lại có khả năng tự quyết, giúp đỡ Chu Du giành được thắng lợi trận chiến Xích Bích. Sau khi Chu Du qua đời, ông tiếp nhận, xử lý mọi việc ở Kinh Châu.

Ngoài ra còn một loại nhược thái khác, phần lớn là tình cảm nhi nữ, làm con chim nhỏ dựa vào người, tình cảm uyển chuyển, dịu dàng thân thiết, diễm lệ, khiến người khác yêu thương. Tây Thi là như vậy, Lâm Đại Ngọc càng giống vậy hơn. Nếu nói loại nhược thái phía trước với đặc trưng là giỏi tâm kế, thì loại nhược thái này nổi tiếng vì đẹp.

Người “cuồng thái”, phần lớn bất mãn với hiện thực, căm hận xã hội, thường thích bài xích cái xấu của tệ nạn xã hội, phẩm tính cá nhân thường là chính trực, cao thượng, mộc mạc, có một phong cách riêng, chính vì như vậy, nên khó kết nối được với người khác, tinh thần đoàn kết hợp tác không tốt

lắm. Cung Tự Chân năm Quang Đạo nhà Thanh nổi tiếng chính bởi cuồng. Ông rất tài hoa, văn chương cũng giỏi, do chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng “kinh thể trì dụng” của Nho gia, Cung Tự Chân luôn vạch ra một cách sâu sắc những vấn đề của xã hội, đả kích mạnh mẽ, cá tính phóng đãng không gò bó, do đó, ông trên quan trường thất ý, u uất mà qua đời cũng không có gì kì lạ. Nhưng kiểu người này có sức mạnh nghiên cứu, lại thông minh, chịu quyết tâm cố gắng và kiên trì bền bỉ lâu dài, cuối cùng có thể có được thành tựu hơn người. Những người như Trịnh Bản Kiều trong lịch sử thuộc vào kiểu người này. Nhưng quá cuồng ngạo, mất đi chừng mực, lại rất có thể mang đến nhiều rắc rối cho bản thân. Như Dương Tu thời Tam quốc, cậy tài khinh người, lại không chịu tuân thủ kỉ luật quân đội, ăn nói lung tung, tùy tiện, cũng rơi đầu; Di Hoành tuổi còn trẻ, không những không khuất phục người, mà còn công khai ngang nhiên đánh trống, cời đàn mắng Tào Tháo, cũng mất mạng. Cái chết của hai người bọn họ, không thể nói Tào Tháo không có trách nhiệm, nhưng không phải không có quan hệ với sự cuồng ngạo không gò bó của họ.

Người có “sở lấn thái”, phần lớn có tài có thể nhờ cậy, không đồng ý, không thềm để ý tới những chuẩn mực hành vi và quy phạm luân lý được thể tục công nhận, do đó dẫn đến trở thành lãnh đạm uế oải, kiêu căng bất kính. Loại người này, nếu như tâm tính thẳng thắn, chân thành mà trong sáng thuần phác, thì không những có thể thu hút những người có cùng chí hướng, hứng thú, giao tiếp rộng rãi với danh sỹ trong thiên hạ, mà sẽ có thành tựu trong nghiên cứu học thuật hoặc sáng tác thơ ca. Sở lấn thường chỉ là một mặt bên trong nhân cách của họ, nếu như một công việc hay sự nghiệp nào đó thật sự thu

hút họ, họ sẽ toàn tâm toàn ý cho công việc đó mà còn phần đầu không mệt mỏi. Mặc dù trong cuộc sống hàng ngày họ vô cùng tự do tản mạn, nhưng có một điểm không thể nghi ngờ, đó chính là họ chắc chắn không thể làm quan. Thượng quan thông thường sẽ không chọn họ làm hạ quan, còn họ vừa không biết cách chung sống cùng bạn đồng僚, lại không giỏi đối nhân xử thế, càng không biết nịnh nọt bợ đỡ cấp trên. Nguyễn Tịch thời Tây Tấn chính là một người kiểu như vậy. Ông ở trong vòng xoáy đấu tranh chính trị giữa Tư Mã thị và Tào Ngụy, tự do tản mạn trở thành một phương thức để bảo vệ bản thân. “Tần Văn Vương công đức thịnh đại, tọa tịch nghiêm kính, nghĩ vu vương giả. Duy Nguyễn Tịch tại tọa, ki cú tiểu ca, cam phóng tự nhược” (Tần Văn vương công đức to lớn, khi ngồi nghiêm túc, tôn nghiêm, như một vị vương. Duy có Nguyễn Tịch khi ngồi, dạng chân huýt sáo ca hát, uống rượu say sưa, tự to tự tại) từ đó có thể thấy mức độ kiêu ngạo bất kính của y.



Lã Mông: là danh tướng nhà Đông Ngô thời Tam Quốc. Nổi tiếng bởi sự dũng cảm, được Tôn Quyền trọng dụng và tin tưởng. Sau này đánh bại Quan Vũ tại Kinh Châu, được phong làm Sànlăng hầu, tuy nhiên không lâu sau đó lâm bệnh qua đời.

Bọn họ làm như vậy phần nhiều là do không muốn lãng phí thời gian và công sức vào chuyện quan hệ, kết giao với mọi người, vì thế họ chấp nhận từ quan gác ấn mà rời đi. Như Đào Uyên Minh, làm chức quan nhỏ hơn 40 ngày, đã từ quan rời đi, thà đi làm ruộng, “đái nguyệt hòa sừ quy” (đội trăng vác cuốc về), làm vườn, viết thơ, sống cuộc sống thần tiên “thái cúc đông li hạ, du nhiên kiến nam sơn” (hái cúc dưới giàn đông, thư thái nhìn núi nam). Mặc dù cuộc sống rất gian khổ, ông cũng tự mình tìm thấy niềm vui, tuyệt đối không vì năm đầu gạo mà chịu gầy lưng.

Người có “chu hoàn thái”, trí tuệ vô cùng, tâm cơ nhạy bén, đối nhân thì ung dung tự tại, xử thế thì thành thực, lão luyện, là cao thủ, chuyên gia trong giao tiếp. Loại người này là nhà ngoại giao trời sinh, làm quan ngoại giao của quốc gia hoặc người phụ trách ngoại giao của thể gia vọng tộc, là người làm bên hải quan, thuế vụ của một công ty hoặc xí nghiệp lớn, đều có thể vui vẻ, đảm đương thành công trọng trách đó. Khả năng làm việc của họ rất tốt, thường có thể tự mình chống đỡ, xử lý, nếu trong chu hoàn lại có cả sự cường hãn hào hùng, vậy thì trong ngoại giao, chắc chắn có thể thắng địch trên bàn tiệc, kiến công lập nghiệp. Cái mà người xưa vẫn nói “hội minh chi tể, nhất ngôn hưng bang; sứ vu tứ phương, bất nhục đình mệnh” chính là ý này. Như câu chuyện về Lạn Tương Như hoàn bích quy Triệu, Đường Tuy không phụ sứ mệnh mà lịch sử vẫn còn truyền tụng, chính là đại diện điển hình về mặt này. Còn Tô Tần thời Chiến Quốc có thể nói là đại diện của phái Tung hoành gia thời đó. Khi Yên Thiệu Vương chiêu nạp hiền sỹ, ông đến nước Yên, cả đời vô số lần hoạt động ngoại giao vì sự lớn mạnh của nước Yên, vào thời kì đỉnh cao, thậm

chí ông còn kiêm chức tể tướng của sáu nước. Có thể nói, ông chính là đại diện của người có “chu hoàn thái”.

“Thất tự chi lưu”

Tuy nhiên, ở đây vẫn phải làm sáng tỏ hơn nữa, sự vật luôn không hề đơn giản tới mức bốn loại này đã có thể khái quát tất cả tính thái của con người như thế này:

“Nhược thái” nếu mang theo “mị” thì trở thành rào đón nịnh nọt, vấy đuôi lấy lòng, đây là một loại tiện tướng. Triệu Cao vào thời Tần Nhị Thế muốn đoạt hoàng vị, vì muốn thử thăm dò xem các đại thần có phục tùng mình không, hẳn ta dắt một con hươu đến công đường, nói với Tần Nhị Thế đó là con ngựa. Tần Nhị Thế nói không phải ngựa mà là hươu. Tiếp đó, Triệu Cao liền bảo các đại thần nói xem đó rốt cuộc là hươu hay ngựa. Có người vì nịnh bợ Triệu Cao, liền nói đó là ngựa. Loại người này chính là tướng hạ tiện “nhược thái” mà còn “mị”.

“Cuồng thái” nếu đem theo “hoa”, thì ồn ào náo động, gây sự vô lý, tính cách hung bạo thô lỗ, ti tục hạ lưu, đây là một loại vọng tướng (vọng: ngông cuồng).

“Sớ lẫn thái” nếu không “chân thành”, thì sẽ vô cùng ngông cuồng tự đại, như vậy đích thực là hạng rước họa rước tai, tuyệt đối không thể dùng. Đây chính là một loại ngạo tướng.

“Chu hoàn thái” nếu không “kiến cử”, tâm kế mưu mô rất sâu, gian tà xảo quyệt, âm hiểm độc ác, đây là một loại hiểm tướng. Đối với loại người này, thì cần phải cảnh giác, đề

phòng mọi lúc mọi nơi, không thể vì sự hiểm ác của một người mà làm loạn thể trận của mình, thậm chí còn bại hoại cả sự nghiệp của bản thân.

Đứng giữa thị phi này, Lưu Thiệu trong *Nhân vật chí* chỉ rõ ra khái niệm “thất tự chi lưu”, chính là nói trong xã hội có một loại người, bề ngoài có vẻ học thức sâu rộng, có năng lực, nhưng rốt cuộc có đúng như vậy không, thì cần phải làm sáng tỏ kĩ càng hơn. Trong lịch sử, có một câu chuyện về bàn việc dùng binh trên giấy (nói khoác lác) rất nổi tiếng, kể về thời Chiến Quốc, nước Tần tiến đánh nước Triệu, vì nước Triệu có lão tướng Liêm Pha thủ ngoài trận tuyến, quân Tần không có bước tiến triển gì cả. Sau đó, Phạm Thư nước Tần đưa ra kế li gián, khiến cho Triệu Vương phái Triệu Quát thay thế Liêm Pha. Triệu Quát là con trai của danh tướng Triệu Xa, từ nhỏ thích học binh pháp, nói đến cách dụng binh thì từ đầu chí cuối đầu đầu cũng là đạo lý, tự cho rằng mình là thiên hạ vô địch, đến cha mình hấn cũng không coi ra gì. Nhưng Triệu Quát lại chỉ giỏi khoác lác, vốn không thể tham trận thực tế, kết quả bốn mươi vạn quân Triệu do hấn thống lĩnh tất cả đều bị tiêu diệt, còn hấn thì cũng chết trong loạn tên. Đối với loại người này, Lưu Thiệu vô cùng phản cảm. Lưu Thiệu chia loại người này thành bảy kiểu, gọi là “thất tự”, cũng chính là loại người ba phải.

Nhất tự: có người mồm miệng lanh lợi, thao thao bất tuyệt, rất biết tạo không khí, lấy lòng mọi người, bề ngoài có vẻ ăn nói tài giỏi, nhưng thực chất quan sát kiến thức trong đầu họ, thì cũng chỉ là một bao cỏ đầy bụng, vốn chẳng có gì. Xã hội hiện nay có rất nhiều những diễn thuyết gia kiểu này, chúng ta phải cẩn thận không sẽ mắc lừa bọn họ.

Nhị tự: cũng có chút tài hoa, nhưng rõ ràng thiếu nền giáo dục cao, nhưng với các vấn đề như chính trị, ngoại giao, pháp luật, quân sự thì lại nói có vẻ rất hiểu biết. Bề ngoài trông thì có vẻ học thức sâu rộng, kì thực cái gì cũng biết chính là chẳng hiểu cái gì. Kiểu người này chủ yếu là những kẻ bợ đỡ, kẻ tỏ ra cái gì cũng biết nhưng không biết gì.

Tam tự: có người trình độ thấp, vốn không hiểu những gì đối phương nói, lại cố ý gật đầu đồng tình với đối phương, làm ra vẻ nghe hiểu. Trong cuộc sống hàng ngày có loại người nịnh hót kiểu này, đây là người kiểu không hiểu làm ra vẻ hiểu.

Tứ tự: có người học vấn rất tồi, khi gặp phải vấn đề nào đó, không dám thể hiện thái độ của mình, liền đợi tất cả mọi người phát biểu xong, lại phụ họa theo, dùng những lời của người khác nói lại, rất nhiều người dốt nát kém cỏi chính là thuộc vào loại này, đây là người có thể nhai lại những lời người khác nói.

Ngũ tự: có người không có khả năng trả lời câu hỏi, khi bị người khác chất vấn, cố làm ra vẻ kì diệu cao thâm, trốn tránh câu hỏi không trả lời, thực ra là chẳng biết gì cả. Có người khi bị chất vấn trực diện, thường cho rằng không đáng trả lời, lại thêm trốn tránh, thực ra là không hiểu gì, cố ý nói vòng vo, người như vậy thuộc loại này. Đây là kiểu người có vẻ có thừa hiểu biết nhưng thực tế không biết gì.

Lục tự: có người vừa nghe những gì người khác nói đã cảm thấy rất khâm phục, thực ra như hiểu mà không hiểu, chính là không hiểu gì. Là loại người thuận phục nhưng không biết gì.

Thất tự: có một loại người, về đạo lý thì đã đến mức sơn cùng thủy tận (không có lối thoát), nhưng vẫn phụ họa một cách miễn cưỡng, không chịu nhận thua, một mực cường biện

vô lý. Loại người lý bất trực khí bất trạng này, ở bất cứ nơi nào có thảo luận đều có thể bắt gặp. Đây là loại người kiểu người không chịu khuất phục.

Các thái nói đến ở trên, mỗi cái đều có những ưu nhược điểm riêng, là một người dụng nhân, thì cần phải đón những cái tốt, tránh những khuyết điểm; khi quan sát, thì phải quan sát từ những cái nhỏ nhặt nhất, mới có thể định đoạt chính xác thị phi thật giả, người chính đại có thể thành tài, kẻ phiến diện hẹp hòi sẽ thành bại loại, cần chú ý phân biệt.

III. Luận thời thái

Tiền giả hằng thái, hựu hữu thời thái. Thâm hiểm nan cận, bất túc dữ luận tình; ti dung khả si, bất túc dữ luận sự; phụ nhân chi nhân, bất túc dữ đàm tâm. Tam giả bất tất định nhân chung thân.

Nguyên văn

Tiền giả hằng thái, hựu hữu thời thái⁽¹⁾. Phương hữu đối đàm, thần hốt tha vãng⁽²⁾; chúng phương xứng ngôn, thử độc lãnh tiểu;⁽³⁾ thâm hiểm nan cận, bất túc dữ luận tình⁽⁴⁾. Ngôn

⁽¹⁾ Tiền giả hằng thái, hựu hữu thời thái: “Hằng thái, thời thái” xem chú thích ở chương trước. Ý của hai câu này là, mấy loại tình thái nói đến ở phần trước, đều thuộc hằng thái, ngoài ra, còn có một loại tình thái, thuộc vào thời thái.

⁽²⁾ Phương hữu đối đàm, thần hốt tha vãng: “Phương”: đang. “Đối đàm”: nói chuyện trực tiếp. “Thần” ở đây chỉ ánh mắt. “Tha vãng” chỉ ánh mắt di chuyển về chỗ khác. Ý của hai câu này là: đang nói chuyện với người khác, ánh mắt của người này lại đột nhiên chuyển sang hướng khác, đủ để thấy người này không có chút thành ý nào cả.

⁽³⁾ Chúng phương xứng ngôn, thử độc lãnh tiểu: “chúng phương xứng ngôn”, chỉ lúc mọi người đang nói cười vui vẻ. Ý của hai câu này là: lúc mọi người đang cười nói vui vẻ, người này lại ở một bên thờ ơ, cười nhạt, đủ để thấy người này lãnh đạm khắc nghiệt, bạc bẽo tình người.

bất tất đáng, cực khẩu xứng thị⁽¹⁾, lai giao thử nhân, cố ý để hủy⁽²⁾; tị dung khả si, bất túc dữ luận sự. Mạn vô khả phu, lâm sự trì hồi⁽³⁾; bất thậm quan tình, diệc vi đọa lệ⁽⁴⁾, phụ nhân chi nhân, bất túc dữ đàm tâm⁽⁵⁾. Tam giả bất tất định nhân chung thân⁽⁶⁾. Phản thử dĩ cầu, khả dĩ giao thiên hạ sỹ⁽⁷⁾.

⁽⁴⁾ Thâm hiểm nan cận, bất túc dữ luận tình: “Thâm”, chỉ thành phủ rất sâu sa. “Hiểm” chỉ cư tâm âm hiểm. “Luận tình”, chỉ xây dựng tình bạn. Ý của hai câu này là: Loại người này thành phủ thâm trầm, cư tâm hiểm ác, khó mà lại gần, do đó, không nên xây dựng tình bạn với họ.

⁽¹⁾ Ngôn bất tất đáng, cực khẩu xứng thị: “Tất” nhất định. “Đáng” thỏa đáng, chính xác. “Cực khẩu”, tức là liên thanh, nói liên tục. Ý của hai câu này là: ý kiến người khác đưa ra vẫn chưa chắc hoàn toàn thỏa đáng, người này lại ở bên liên tục nói “đúng vậy, đúng vậy”, đủ để thấy người này không có ý kiến kiên định.

⁽²⁾ Vị giao thử nhân, cố ý để hủy: “Để hủy” có sự phỉ báng, vu tội ác ý cho người khác. Ý của hai câu này là: vẫn còn chưa kết giao với người này, thì đã phỉ báng, vu tội ác ý sau lưng người ta, đủ để thấy người này ba hoa tùy tiện, không chịu trách nhiệm.

⁽³⁾ Mạn vô khả phu, lâm sự trì hồi: “Mạn”, nghĩa gốc là mênh mông rộng lớn vô bờ, ở đây mang ý bất luận làm gì hoặc với cái gì. “Khả phu”, ở đây chỉ phát biểu ý kiến khẳng định hoặc phủ định. “Lâm sự”, là sự việc rơi vào đầu mình. “Trì hồi” chần chừ không quyết hoặc do dự không tiến lên. Ý của hai câu này là: bất luận gặp phải chuyện gì, người này đều chẳng bảo đúng sai, mà một khi chuyện rơi vào đầu mình, anh ta lại chần chừ không quyết, do dự không tiến, đủ để thấy người này do dự không quyết đoán.

⁽⁴⁾ Bất thậm quan tình, diệc vi đọa lệ: “Quan tình” kéo theo tình cảm. Ý của hai câu này là: gặp phải một việc vốn không cần phải xúc động quá, người này lại thương tâm rơi lệ, vô cùng xúc động, đủ để thấy người này trong lòng không trung tiết, thiếu lý trí.

⁽⁵⁾ Phụ nhân chi nhân, bất túc dữ đàm tâm: Phụ nhân chi nhân là cái tâm không hợp tình lý, không hợp pháp độ. Đây chính là cái mà chúng ta thường gọi là “Tống Tương Công chi nhân”. Đây là một cách nói kì thị phụ nữ. Ý của hai câu này là: đây là một kiểu phụ nữ chi nhân (sự nhân từ của phụ nữ) vừa không hợp tình lý cũng không hợp pháp độ, loại người này, không nên thành tâm kết bạn tâm giao với họ.

⁽⁶⁾ Tam giả bất tất định nhân chung thân: “Tam giả” chỉ ba loại thời thái kể trên, là “thâm hiểm nan cận, bất túc dữ luận tình”, “tị dung khả si, bất túc dữ luận sự” và “phụ nữ chi nhân, bất túc dữ đàm tâm”. “Bất tất”, không nhất định. “Định chung thân”, chỉ quyết định vận mệnh cả đời. Ý của câu này là: ba loại tình thái kể trên, không nhất định có thể quyết định vận mệnh cả đời của một người.

⁽⁷⁾ Phản thử dĩ cầu, khả dĩ giao thiên hạ sỹ: “Thử” chỉ ba loại tình thái trên. Ý của hai câu này là: nếu có thể theo đuổi cái ngược lại với ba loại tình thái trên, tức là tìm thấy người đủ để luận tình, đủ để luận sự và đủ để đàm tâm và coi đây là thước đo chuẩn mực để kết giao với người khác, thì gần như có thể kết giao với danh sỹ trên khắp thiên hạ.

Bản dịch

Những gì chương trước nói đến, là tình thái thường xuất hiện trong cuộc sống hàng ngày của con người, gọi là “hằng thái”. Ngoài ra, còn có mấy loại tình thái không thường xuyên xuất hiện, gọi là “thời thái”. Như trong lúc đang nói chuyện với mọi người, anh ta lại đột nhiên chuyển ánh mắt sang hướng khác, cũng đủ để thấy loại người này không có chút thành ý nào; trong lúc mọi người đang nói cười vui vẻ, anh ta lại thờ ơ cười nhạt ở bên, đủ để thấy loại người này lãnh đạm, khắc nghiệt, bạc bẽo tình người. Loại người này thành phủ thâm trầm, cơ tâm hiểm ác, không nên xây dựng mối giao tình với họ. Ý kiến người khác đưa ra vẫn chưa chắc đã hoàn toàn thỏa đáng, anh ta lại đứng bên phụ họa liên hồi, đủ để thấy loại người này không có ý kiến kiên định; còn chưa kết giao với người này, anh ta lại có những phỉ báng, vu tội ác ý sau lưng người ta, đủ để thấy loại người này ba hoa tùy tiện, không chịu trách nhiệm. Loại người này dung tục hạ lưu, hèn hạ vô sỉ, không thể hợp tác cộng sự với họ. Bất luận gặp phải chuyện gì đều chẳng bảo đúng sai, nhưng một khi sự việc rơi đến đầu mình thì chần chừ không quyết, do dự, đủ để thấy người này do dự không quyết; gặp phải một chuyện vốn không cần xúc động quá, anh ta lại thương tâm rơi lệ, xúc động quá mức, đủ để thấy người này thiếu lý trí. Sự nhân từ của loại người này thuộc “phụ nhân chi nhân” (sự nhân từ của phụ nữ), không nên chân thành giao tâm với người này. Tuy nhiên ba loại tình thái trên lại không nhất định có thể quyết định vận mệnh cả đời của một người. Nếu có thể theo đuổi ngược lại với ba loại kể trên, thì gần như có thể kết giao với danh sỹ khắp thiên hạ.

Tề giả tề xứ khan

Chương này tiếp tục chương trước, luận về “thời thái” đối lập với “hằng thái”. Khái niệm “thời thái” và “hằng thái”, chương trước đã nói rõ, ở đây không cần nhắc lại nữa.

Thông qua thời thái trong tình thái để giám biệt tâm tính phẩm chất của con người, có rất nhiều con đường, chứ không phải chỉ có mấy loại được nhắc đến trong kinh điển. Trước khi Thái Kinh thời Bắc Tống nắm được quyền thế, địa vị, làm loạn triều chính, có một người tên là Trần Quán, thấy Thái Kinh đang nhìn mặt trời, nhìn thẳng rất lâu mà không chớp mắt, bèn nói với người khác: “Thái Kinh nhìn thẳng mặt trời rất lâu mà không chớp mắt, tinh thần ý chí dồi dào mạnh mẽ, định lực chắc chắn vững vàng, tương lai nhất định có thể hiển đạt phú quý. Nhưng y tự kiêu thiên chất hơn người, dám đối địch với mặt trời, tâm chí quá cao, cao này không phải cao bình thường, tương lai sau khi đắc chí, nhất định sẽ ngông nghênh càn rỡ, trong mắt không có vua, mặc ý làm bừa, nhiễu loạn triều cương”. Khi Trần Quán dám nhận chức quan chuyên đưa ra lời can gián về mọi chuyện cho hoàng đế, liền tố giác tội ác gian tình của Thái Kinh, nhưng vì lúc đó Thái Kinh đang là mật thư (thư ký) của hoàng thượng, gian tình còn chưa bại lộ, mọi người lại đều cho rằng Trần Quán sinh thị phi vô cớ, không cho là thật. Sau này Thái Kinh đắc trí, đúng như lời Trần Quán nói, mọi người mới nghĩ lại dự đoán trước đây của Trần Quán. Đáng tiếc, thiên hạ những người biết nhìn nhân tài như Trần Quán quá ít ỏi; những người hiểu Trần Quán biết nhìn người cũng ít; người có thể tin vào dự đoán của Trần Quán ít. Người có tài ít, những người thiên tư

thông minh, dã tâm ẩn giấu như Thái Kinh tự nhiên có thể đắc trị loạn thiên hạ.

“Phương hữu đối đàm, thần hốt tha vãng”. Đúng lúc đang nói chuyện với người khác, anh ta lại tùy tiện hướng ánh mắt mình sang chỗ khác, hoặc trong lúc đang bàn luận về một chủ đề, anh ta lại đột nhiên chuyển sang một chủ đề khác chẳng liên quan với chủ đề đang nói tới, có thể thấy loại người này vừa không tôn trọng đối phương, lại thiếu thành ý, trong lòng chắc chắn có suy nghĩ khác.

“Chúng phương xứng ngôn, thử độc lãnh tiểu”. Lúc mọi người đang nói chuyện vui cười thoải mái, rất hứng thú, duy chỉ có anh ta một mình đứng bên lạnh lùng thờ ơ, không thềm quan tâm, để ý, có thể thấy người này tự tách mình ra khỏi mọi người, hơn nữa còn là người thờ ơ bạc bẽo, lòng hiểm ác khó lường.

Hai tình huống kể trên đi ngược lại với tình thái thông thường, không hợp lý lẽ thường tình. Nếu lúc đó không phải trong lòng có chuyện gì gấp khác, khiến cho biểu cảm của anh ta thất thường, vậy thì loại người này phần nhiều là thuộc vào loại người trong lòng có mưu mô tính toán, rắp tâm hiểm ác. Xây dựng mối quan hệ tốt với loại người này không dễ, người khác cũng thấy kính nhi viễn chi. Do đó, Tăng Quốc Phiên bình luận là “thâm hiểm nan cận, bất túc dữ luận tình”.

Như đã nói phải làm sáng tỏ từ những chỗ nhỏ nhặt nhất, hai loại như trên nếu không tỉ mỉ, chăm chú thì không dễ quan sát được. Thô giả thô xứ khan, tế giả tế xứ khan. Định hướng giá trị và sự xem xét kĩ lưỡng của Tăng Quốc Phiên nằm ở điểm này.

“Ngôn bất tất đáng, cục khẩu xứng thị”. Quan điểm và kiến giải người khác đưa ra chưa chắc đã hoàn toàn chính xác, chưa chắc xác đáng, anh ta lại đứng một bên phù họa không ngừng, lớn tiếng tán thành, một mực gật đầu “đúng, đúng, đúng”. Loại người này nếu không phải là cố ý, đích thị là tiểu nhân, trong lòng không có ý kiến, kiến giải, ý chí mềm yếu, chỉ biết nịnh hót bợ đỡ, đầu cơ trục lợi, nịnh nọt người khác. Loại người này đương nhiên không được coi trọng. Hòa Thân thời vua Càn Long nhà Thanh, chính là một tên tiểu nhân như vậy. Hắn ta giỏi đoán nội tâm của Càn Long, nịnh nọt, “dĩ đề tâm vi tâm”. Mà mục đích cuối cùng của hắn lại là ở vào vị trí cao hơn mọi người, điên cuồng vơ vét của cải, tới mức lúc bấy giờ quan lại phủ bại, đến bản thân ông ta cũng để lại tiếng xấu vạn năm.

“Vị giao thử nhân, cố ý để hủy”. Chưa từng qua lại với người ta, không hiểu gì về người ta, tất cả đều là nghe lời đồn đại, thêm vào tưởng tượng chủ quan của bản thân, thì đã ở sau lưng người ta ăn nói lung tung, nói xấu người ta, cố ý phỉ báng ác ý, hủy hoại sự trong sạch của người ta. Loại người này phần nhiều là hạng tiểu nhân vô đức vô hạnh, không có học thức, lại thiếu sự tu dưỡng, vừa vô cùng dung tục, lại không biết tự lượng sức mình. Hiếu Vũ Đế thời nhà Tần trọng dụng hai người Vương Quốc Bảo, Vương Nhã. Một lần, Vương Nhã tiến cử Vương Tuấn với Hiếu Vũ Đế, Hiếu Vũ Đế quyết định cho triệu kiến. Vương Quốc Bảo biết tài năng của mình thua kém Vương Tuấn, sợ y sẽ đoạt mất sự sủng ái của hoàng thượng, liền buông lời gièm pha với Hiếu Vũ Đế, khiến cho Vương Tuấn không được triệu kiến. Người như Vương Quốc Bảo thuộc vào loại người hữu tài vô đức. Tư Mã Quang nói: “Hữu tài vô đức vị chi tiểu nhân” (kẻ hữu tài vô đức là tiểu nhân), chúng ta nhất định phải cảnh giác loại người tiểu nhân như thế này.

Hai loại người kể trên, do phẩm cách ti tiện, hèn hạ, lại vô thức vô năng, dung tục vô liêu, vừa không thể cộng tác cùng làm việc với hần, lại càng không thể kết giao thân tình với hần. Người đoan chính, nên vạch rõ ranh giới với loại người này. Đương nhiên, nếu bọn họ biết mà có thể sửa, thì lại không nói.

“Mạn vô khả phụ, lâm sự trì hồi”. Trong cuộc sống có một loại người do dự không quyết, sợ hãi rụt rè, làm việc chỉ biết theo mô típ cũ, mà không biết con người có sáng tạo, nên xóa bỏ những lề thói cũ. Do đó, họ vừa thiếu chí lớn, lại không có tài cán thực sự, khả năng làm việc, động não đều kém. Gặp phải việc gì cũng không có chủ kiến, thích chối phất sai lầm, không dám nhận trách nhiệm, không dám gánh vác việc nặng. Do đó, họ chẳng có kiến giải gì, việc gì cũng không làm được. Luẩn quẩn chần chừ, do dự không quyết, cả đời chẳng làm được gì.

“Bất thậm quan tình, diệc vi đoạ lệ”. Chỉ loại người đa sầu đa cảm trong cuộc sống, thể giới nội tâm của họ rất phong phú, cũng rất nhạy cảm, nhìn hoa động tình, nghe thấy gió thổi thương tâm, giống như cô gái nhỏ đang bị bệnh, yếu đuối tiêu tụy. Phàm là gặp phải việc gì, bất luận chẳng liên quan gì tới mình, đều rung rung nước mắt, một loại trạng thái của con gái khi ốm. Nếu như loại người này làm vua một nước, thì đúng là bất hạnh lớn của nhân dân. Trần Hậu Chủ thời Nam triều chính là một người như vậy. Ông sinh ra trong cung, lớn lên dưới tay của phụ nữ, tính cách mềm yếu, đa tình đa cảm, không có chí lớn, thậm chí sau khi kể vị đắm chìm tửu sắc, cực kì sa đoạ, cuối cùng mất nước.



Liêm Hy Hiến: là nhà chính trị nhà Nguyên, đọc thuộc Kinh thư, tính thông đạo Nho gia. Ông được Hốt Tất Liệt yêu mến, có tài năng quân sự và cái nhìn chính trị sắc sảo.

Tăng Quốc Phiên bình luận hai kiểu như trên là phụ nhân chi nhân. Bình luận này chính xác hay không, xác đáng hay không, có thể thảo luận. Nhưng hai loại người được chỉ ra trong đoạn này, thì đúng là tồn tại trong cuộc sống, muốn kết giao, cộng tác với loại người này, đúng là làm khó cho người ta. Bậc trượng phu đứng mảy râu, cả ngày ẻo lả rơi lệ như con gái, ai có thể chịu được lâu dài chứ? Loại người này có thể làm được việc gì? Không có ý chí, không có đầu óc, tất cả đều do “phu quân” làm chủ, liệu có thể có được thành tựu gì? Do đó tác giả nói: bất túc dĩ chi luận tâm.

Thô giả thô xử khan

Mấy loại ở trên, tác giả bình là “thời thái”. Chúng ta biết rằng, khí chất tính cách cá tính năng lực của con người không

phải sinh ra đã có, cả đời không thay đổi, một khi thay đổi thì tất cả đều thay đổi, do đó câu cuối của Tăng Quốc phiên “tam giả bất tất định nhân chung thân”, đủ để thấy sự khách quan công bằng của ông, không dùng một câu nói để làm tổn hại tình trạng của sự vật.

Người Trung Quốc thời xưa đều có nghiên cứu đến tính cách khí chất của con người, nhưng không có hình thành một hệ hoàn chỉnh thống nhất, phần nhiều thấy trong các tác phẩm nổi tiếng. Tục ngữ nói: “Giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời” liệu có phải nhất thành bất biến (đã hình thành thì không thể thay đổi)? Không phải vậy. Tăng Quốc Phiên thể nghiệm, quan sát tình, ý, nhận thức rõ ràng được tính tình khí chất không phải là thứ cố định vĩnh hằng, mà đều sẽ có sự thay đổi. Nói sâu hơn chút, tác giả đã nhận thức được rõ ràng tính cách, tính tình, nhân cách tình thái, lời nói cử chỉ của một người không có mối quan hệ đối ứng trực tiếp tới vận mệnh của người đó, không quyết định đến vận mệnh cả đời của con người. Nghiệm từ hiện thực cuộc sống xã hội xưa, có thể thấy được, một kẻ tiểu nhân gian tà lại có thể làm quan to, còn người chính nhân quân tử lại công danh khó cầu; hiền tướng lương tướng thường sớm đầu lìa khỏi cổ, đại gian đại xảo thường có thể được tận hưởng mãi mãi. “Thiện có ác báo”, “ác có thiện báo” là chuyện đã gặp nhiều lần, không có gì kỳ lạ, bởi vì cuộc sống xã hội quá phức tạp, không có công thức cố định bất biến nào.

“Cận thử dĩ cầu, khả dĩ giao thiên hạ sỹ”. Người xưa coi trọng học hành để ứng dụng vào thực tế. Ba loại “thời thái” đã phân tích xong, còn phải thế nào nữa? Biết được đạo lý này, vậy thì trong cuộc sống có thể phát hiện những người làm người chân thành, không che giấu giả tạo, dũng cảm quyết

đoán, chủ kiến chắc chắn, lập trường kiên định, kết giao bạn bè, cùng mưu đại sự với họ có thể thành công. Ngược lại, thì không thể kết giao cùng, để hướng tới cái tốt, tránh cái xấu. Trên thực tế, là tiêu chuẩn để so sánh đánh giá, kiểm nghiệm, lựa chọn con người, dùng để bình giá những người chúng ta gặp, tự nhiên có thể xác định ai có thể trở thành chiến hữu thân thiết, ai có thể đồng cam cộng khổ, ai chỉ có thể kính nhi viễn chi; dùng tiêu chuẩn này để kết giao với danh sỹ trong thiên hạ, có thể đảm bảo không hề sai sót.

Câu chuyện Quán Ninh cắt chiếu như sau: Quán Ninh và Hoa Hâm là bạn bè. Có một lần hai người cùng cuốc rau trong vườn, thấy trên đất có một thỏi vàng. Quán Ninh tiếp tục cuốc đất, Hoa Hâm lại vứt cuốc xuống, cầm thỏi vàng lên đi. Lại có một lần, hai người họ cùng ngồi trên chiếu đọc sách, có người ngồi xe, đội mũ miện qua cửa, Quán Ninh vẫn ngồi đọc sách, còn Hoa Hâm lại vứt sách ra xem. Quán Ninh liền cắt chiếu ra ngồi, tuyệt giao với Hoa Hâm. Đương nhiên, đây không phải là để khiến chúng ta không theo đuổi danh lợi, mà là muốn chúng ta phải hiểu rằng một người chỉ cầu có lợi như Hoa Hâm sớm muộn cũng có ngày mang đến tai họa cho chúng ta, phải thận trọng.

Hiền bất khả tri - Nhân bất dị thức

Không phải. Chúng ta biết rằng, làm người ở đời, quan trọng nhất đương nhiên là nhận biết con người, nhưng khó khăn nhất cũng là nhận biết con người. Con người không giống nhau, cũng giống như khuôn mặt của mỗi người là khác nhau. Người có ngoại hình na ná, thế giới nội tâm cũng có sự

khác biệt rất lớn, do đó người xưa thường cảm thán: “hiền bất khả tri, nhân bất dị thức”.

Hai sai lầm thường phạm phải nhất khi nhận biết con người:



Trình Cự Phu: là nhà thơ, thư pháp gia thời nhà Nguyên. Chữ viết thuần chính, nét bút như viết thư pháp. Thời Thế Tổ, ông được phong làm Hàn lâm học sỹ.

• **Dĩ kỉ độ nhân, chủ quan thái thâm (lấy lòng mình đo lòng người khác, quá chủ quan)**

Quen biết một người, lấy bản thân mình ra làm tiêu chuẩn để đo lường người khác, ý thức chủ quan quá lớn, thường sẽ gây ra sai lầm và sự lệch lạc trong việc nhận biết con người.

Trước tiên nói đến một câu chuyện trong *Liệt Tử - thuyết phù thiên*.

Trước đây, có một người làm mất một cái rìu, ông ta nghi ngờ chiếc rìu bị đứa trẻ kế bên ăn trộm. Sau đó, ông ta liền âm thầm quan sát hành động của thằng bé, bắt luận là lời nói hay động tác, hoặc là thần thái hay cử chỉ, nhìn sao cũng thấy giống kẻ ăn trộm chiếc rìu. Vì không có chứng cứ, vì thế cũng

không có cách nào vạch trần. Cách mấy hôm, ông ta tìm thấy chiếc rìu của mình ở sau núi, thì ra là tự mình làm mất. Từ đó, ông lại tiếp tục quan sát thằng bé nhà kế bên, nhìn thế nào cũng không giống kẻ biết ăn trộm rìu.

Người này đã lấy bản thân ra để đo lòng người khác, ý thức chủ quan quá lớn, mới coi đứa trẻ thật thà thành kẻ gian. Trong lòng ông ta nhận định đứa trẻ là kẻ gian, vì thế đứa trẻ càng nhìn càng thấy giống kẻ gian; sau khi trong lòng ông ta chắc chắn đứa trẻ không phải kẻ gian, thì có nhìn thế nào cũng không phải kẻ gian. Thực ra, trẻ con vốn đã không giống kẻ gian, cách nhìn của ông ta hoàn toàn chịu sự chi phối của ý thức chủ quan, đây cũng là do ý thức chủ quan khuấy phá mà gây ra sai lầm khi nhìn người. Chúng ta phải cẩn thận đề phòng.

Gia Cát Lượng thời Tam Quốc giỏi nhìn người, cũng từng vì quá chủ quan mà nhìn nhầm Mã Tắc. Mã Tắc từng làm huyện lệnh Trúc huyện, Thành Đô và cả thái thú Siêu Tuyền, năng lực hơn người, lại giỏi bàn chuyện quân quốc đại sự, Gia Cát Lượng rất coi trọng hắn. Trước khi chết, Lưu Bị nói với Gia Cát Lượng: “Mã Tắc nói quá sự thật, không thể trọng dụng, hy vọng khanh có thể nhận ra điều này”. Do ấn tượng của Gia Cát Lượng với Mã Tắc quá tốt, do đó không những không nghe lời Lưu Bị, mà còn cho Mã Tắc làm tham quân. Hai người bàn chuyện quân quốc đại sự, lần nào cũng từ sáng tới tận khuya. Công nguyên năm 228, Gia Cát Lượng xuất sư Kỳ Sơn, lúc bấy giờ, các đại thần đều kiến nghị cử Ngụy Diên hoặc Ngô Nhất làm tiên phong, nhưng Gia Cát Lượng một mình bác bỏ ý kiến của số đông, để Mã Tắc làm tiên phong, thống lĩnh đại quân giao chiến với Trương Thai của nước Ngụy tại Nhai Đình, kết quả bị Trương Thai đánh bại. Bởi vì tiên phong đại quân bại trận bỏ chạy, Gia Cát Lượng chỉ còn cách lui về cố thủ Hán Trung.



Lưu Nhân: nhà tế học thời Tống Nguyên, thiên chất trác tuyệt, ba tuổi biết đọc sách. Ban đầu là kinh học, nghiên cứu các thuyết chú thích, giải thích văn cổ. Sau này chuyên nghiên cứu lý học Trình Chu. Viên Thế Tổ trưng triệu ông, nhưng ông khéo léo từ chối.

Dùng ý thức chủ quan của bản thân để nhìn người, đây là nhược điểm trong tính cách của con người, cũng là đại kị khi nhìn người, Gia Cát Lượng anh minh sáng suốt cũng không tránh được mà sa vào đó, hưởng chi là người thường.

• **Chịu ảnh hưởng lớn bởi sự yêu ghét cá nhân**

Khi chúng ta thích một người, thì sẽ không chú ý tới khuyết điểm của người đó mà khẳng định tất cả những gì thuộc về họ; khi chúng ta ghét một ai đó, thì sẽ quên hết (hoặc không chú ý tới) ưu điểm của họ, chỉ bới móc khuyết điểm của họ và phủ định tất cả những gì của họ.

Lấy ví dụ để nói rõ.

Thời Chiến Quốc có một người tên là Di Tử Hà. Do có tướng mạo anh tuấn, vì thế người này rất được Vệ vương yêu quý, được phong làm thị thần (chuyên hầu hạ vua). Theo quy định pháp luật của nước Vệ, người nào sử dụng trộm xe ngựa đại vương, sẽ chịu hình phạt cắt đứt hai chân. Do mẹ lâm bệnh,

Di Tử Hà liền đánh trộm xe ngựa của đại vương về nhà thăm bệnh mẹ. Sau khi Vệ vương biết chuyện, không những không trừng phạt Di Tử Hà, mà ngược lại còn khen ngợi: “Tử Hà đúng là rất hiếu thuận! Vì bệnh tình của mẹ mà quên cả hình phạt”. Một hôm, Di Tử Hà theo hầu Vệ vương du lãm vườn cây ăn quả, Di Tử Hà hái xuống một trái đào, ăn một nửa, nửa còn lại dâng lên cho Vệ vương. Vệ vương vui vẻ nói: “Tử Hà đúng là yêu trầm mà! Mang quả đào ngon dâng cho trầm”.

Mấy năm sau, Di Tử Hà tuổi già xuống sắc, Vệ vương liền không thích nữa. Có một lần, Di Tử Hà vì chuyện nhỏ mà đắc tội, Vệ vương liền tức giận nói: “Di Tử Hà đã từng dùng trộm xe của trầm, còn đưa cả quả đào ăn giờ cho trầm”... sau khi moi móc liệt kê tội trạng của Di Tử Hà, liền bãi chức quan của ông.

Từ ví dụ có thật trên có thể thấy, thông thường thái độ của người này với một người khác chịu ảnh hưởng rất lớn từ ấn tượng tốt xấu của cá nhân.



Triệu Mạnh Phủ: một trong những họa gia hiển hách nhất thời nhà Nguyên, cũng là thư pháp gia nổi tiếng. Hội họa của ông theo đuổi phục cổ, nét chữ được mệnh danh là “Triệu thể”, có ảnh hưởng rộng lớn trong lịch sử hội họa Trung Quốc xưa.

Lại nói tiếp một câu chuyện khác: Hán Vũ đế tới Lang Thự (tên cung điện thời nhà Hán) tuần hành thị sát, gặp một

ông cụ áo vải không chỉnh tề, liền hỏi ông: “Ông tên là gì? Ông làm Lang⁽¹⁾ ở đây từ khi nào vậy?”

Ông lão trả lời: “Thần tên Nhan Tứ, từ thời Văn đế đã ở đây làm Lang”.

Vũ đế lại hỏi: “Tại sao già như vậy rồi, vẫn ở đây làm đầy tớ?”.

Nhan Tứ trả lời: “Văn đế thích văn còn thần giỏi võ, Cảnh đế thích người tuổi cao, thì thần vẫn trẻ, bệ hạ thích tuổi trẻ thì thần đã già rồi. Do đó trải qua ba đời vẫn chưa có cơ hội thăng tiến, chỉ còn cách ở đây làm đầy tớ”.

Ví dụ nếu Văn đế thích võ, Cảnh đế thích trẻ tuổi, Vũ đế thích tuổi già, cơ hội trong đời của Nhan Tứ sẽ có sự khác biệt rất lớn. Nhìn vào ví dụ Nhan Tứ sống không gặp thời, chúng ta một mặt vừa cảm thán tạo hóa trêu đùa con người, một mặt vừa cảm nhận được sâu sắc sự yêu thích của cá nhân ảnh hưởng sâu sắc đến nhìn nhận con người.

Người thiên tài (chỉ giỏi một mặt nào đó) chỉ có thể yêu thích những người có cùng phẩm tính (phẩm chất, tính cách) tương đồng với họ, từ đó có thể thấy, người tiết tháo thanh cao thích người tiết tháo thanh cao, người của pháp gia chỉ thích người của pháp gia, người của thuật gia chỉ thích người của thuật gia, họ đều không thể tiếp nhận người không cùng phẩm tính, do đó “năng thức đồng thể chi thiện, nhi thất dị lượng chi mi” (có thể nhận ra cái thiện của những người phẩm tính giống mình, nhưng lại mất (không nhận ra) cái đẹp của những người khác mình). Chỉ có người có cả tam tài đức, pháp, thuật, mới tiếp nhận những người phẩm tính không giống mình, khí độ khoáng đạt, lòng dạ thẳng thắn rộng mở, tiếp nhận, thu nạp nhiều người tài rồi sau đó trọng dụng.

⁽¹⁾ Lang: tên gọi tắt tên chức quan nước Vệ.

TU MI GIÁM

Tảo thành dữ văn thực đích tiêu chí

I. Tổng luận tu mi (râu)⁽¹⁾

Vị hữu tu mi bất cụ khả xưng nam tử giả. Mi chủ tảo thành, tu chủ văn vận.

Nguyên văn

“Tu mi nam tử”. Vị hữu tu mi bất cụ khả xưng nam tử giả. “Thiếu niên lưỡng đạo mi, lâm lão nhất phó tu⁽²⁾”. Thử

⁽¹⁾ Tu mi: nội dung chương này bàn luận tới là râu và lông mày. Bởi vì râu là lông mày là tiêu chí quan trọng thể hiện “khí phách đại trượng phu”, người xưa luôn coi trọng râu và lông mày. Y học ngày xưa lại cho rằng: “râu thuộc thận, thận lại thuộc thủy. Vì thế râu ‘tính’ âm nhu và tiến thủy, vì thế dài và chúc xuống. “mi” thuộc đả, đả lại thuộc hỏa, vì thế mi “tính dương cương mà cận hỏa, nên mọc lên mà lên cao”. Tướng thuật cho rằng “tu” là từng bách trên núi, là biểu trưng cho sức sống của một người, sự mạnh yếu của sức sống hiển hiện ở đây. Nếu râu đẹp, sáng, không dính hạt bụi, là tượng trưng cho con người có sức sống mạnh mẽ, thịnh vượng. Do sự khác nhau về vị trí mà râu được chia làm hai loại, mọc dưới môi thì gọi là “tu”, mọc ở chỗ quai hàm thì gọi là “nhiêm”; “tu” chủ cao quan, “nhiêm” chủ hậu phúc, trường thọ. Về “mi”, các nhà tướng thuật cho rằng: lông mày là mui xe của đôi mắt, là uy nghi của khuôn mặt, có thể thông qua lông mày để phán đoán hiền năng (hiền, có năng lực) và ngu ngạo (ngu dốt, ngạo cố) của con người. Lông mày có 24 loại: như lông mày thanh nhẹ, lông mày dao sắc, lông mày chữ bát, có những tình thái khác nhau, vận mệnh của người có những loại lông mày này cũng khác nhau, thông thường cho rằng lông mày chủ phú quý thời trẻ, râu chủ phúc thọ khi về già. Vì vậy, người tuổi trẻ đặc chí, hai hàng lông mày thường rất thanh tú, còn người về già hạnh phúc, râu thường nhuận sắc.

⁽²⁾ Thiếu niên lưỡng đạo mi, lâm lão nhất phó tu: Ý của hai câu này là: lông mày hưng vào thời thanh thiếu niên, còn râu thì đến thời kì trung niên, tuổi già mới hiển

ngôn mi chủ tảo thành, tu chủ văn vận đã⁽¹⁾. Nhiên nhi tử diện vô tu mi tự quý, bạo tai khuyết tu diệc vinh⁽²⁾. Quách lệnh công bán bộ bất toàn, hoắc phiêu kiều nhất phó quả liễm⁽³⁾. Thử đẳng gian phùng, tất cánh hữu tu mi giả, thập chi cửu giả⁽⁴⁾.

vượng tướng. “Mi chủ tảo thành, tu chủ văn vận” chính là nói ý này. Liên kết ý của hai câu này lại: khi quan sát tướng mệnh của con người, thời trẻ phải chú trọng xem hai hàng lông mày, thời trung niên, tuổi già chủ yếu xem râu.

⁽¹⁾ Thử ngôn mi chủ tảo thành, tu chủ văn vận: Câu này thực tế là để giải thích cho câu “thiếu niên lưỡng đạo mi, lâm lão nhất phó tu”. Ý là: lông mày vượng vào thời trẻ, râu vượng vào thời trung niên, tuổi già, vì vậy, lông mày chủ tảo thành, râu chủ văn vận. Nhưng mà, về vấn đề này, phải nhìn bằng đôi mắt biện chứng. “Mi chủ tảo thành” chỉ nói lông mày vượng vào thời thanh thiếu niên, xem tướng cho thanh thiếu niên phải chú trọng đến tướng của lông mày. Nhưng cũng không thể nói tướng râu không có quan hệ gì. Nói “tu chủ văn vận” chỉ nói râu vượng vào thời trung niên, tuổi già, khi xem tướng cho người trung niên, người già, phải chú trọng xem tướng râu, nhưng cũng không nói không xem tướng lông mày.

⁽²⁾ Tử diện vô tu tự quý, bạo tai khuyết tu diệc vinh: Tướng thuật cho rằng: người mà mặt có sắc tím, là thuộc kim hình đái hỏa. Học thuyết âm dương ngũ hành cho rằng hỏa khắc kim, còn kiểu kim hình đái hỏa này thì là kim hợp hỏa, thuộc nghịch hợp, chủ “kì quý phi thường” (vô cùng quý), vì vậy người mà sắc mặt có tử khí (khí tím), không có râu cũng có thể phú quý. Còn bạo tai là “yến hàm” (cằm yến). Con người nếu có đầu hổ cằm yến, người xưa cho rằng là quý tướng được phong vạn hộ hầu, vì vậy, người nào mà phần hàm lộ rõ ra, thiếu râu cũng được vinh hiển.

⁽³⁾ Quách Lệnh Công bán bộ bất toàn, hoắc phiêu kiều nhất phó quả liễm: Quách Lệnh Công, chính là danh tướng Quách Tử Nghi bình định “An Sử chi loạn” (loạn An Sử) thời nhà Đường. Quách Tử Nghi từng làm trung thư lệnh, người đời gọi ông là Quách Lệnh Công. Do ông bình định “An Sử chi loạn” có công, nhiều lần nhận được phong thưởng của triều đình, do đó quyền khuynh triều dã (quyền cao dưới một người, đứng trên vạn người), giàu nhất thiên hạ. Nhưng theo truyền thuyết kể lại, tướng râu của ông không tốt, vì thế tác giả mới nói “Quách Lệnh Công phong bộ bất toàn”. Hoắc Phiêu Kiều là Hoắc Khứ Bệnh - danh tướng thời nhà Hán có công xua đuổi quân Hung Nô, Hoắc Khứ Bệnh từng làm Phiêu Kiều tướng quân, phong quan quân hầu, địa vị cao, quyền hành lớn, lưu danh thiên cổ. Nhưng theo truyền thuyết tướng râu của ông cũng không tốt, vì vậy, tác giả lại nói “Hoắc Phiêu Kiều” nhất phó quả liễm.

⁽⁴⁾ Thử đẳng gian phùng, tất cánh hữu tu mi giả, thập chi cửu dã: “Thử đẳng” loại này, chỉ “tử diện vô tu tự quý, bạo tai khuyết tu diệc dung” và “Quách Lệnh Công bán bộ bất toàn, Hoắc Phiêu Kiều nhất phó quả liễm” ở đoạn trên. “Gian” hoặc, thỉnh thoảng. Ý của hai câu này là: kiểu như ở trên đây thỉnh thoảng mới có thể nhìn thấy, còn người có râu có lông mày dù gì thì cũng chiếm đến hơn 90%.

Bản dịch

Mọi người thường nói “tu mi nam tử”, đây chính là lấy tu mi (râu, lông mày) làm danh từ thay thế cho nam tử (đàn ông). Trên thực tế cũng đúng như vậy, bởi vì vẫn chưa trông thấy người nào vừa không có râu lại không có lông mày mà được gọi là nam tử. Mọi người thường nói: “Thiếu niên lưỡng đạo mi, lâm lão nhất phó tu”. Hai câu này thì nói, vận mệnh một người thời thiếu niên ra sao, thì phải xem tướng của lông mày, còn vận khí khi về già thế nào, thì xem tướng râu là chính. Nhưng cũng có ngoại lệ, trên mặt có sắc tím, cho dù không có râu, địa vị cũng sẽ cao quý; người mà hai hàm lông lồi, thì cho dù râu ít, cũng có thể được thanh danh hiển đạt; mặc dù Quách Tử Nghi râu ít, thưa thớt, nhưng địa vị lại vô cùng cao, giàu nhất thiên hạ; mặc dù Hoắc Khứ Bệnh không có râu, mà chỉ có một gương mặt trơ trụi, nhưng lại có công cao cái thế. Nhưng kiểu như thế này, chỉ là thỉnh thoảng gặp phải, rốt cuộc thì người có râu có lông mày cũng chiếm đến hơn 90%.

Tu mi nam tử

Chương này tổng luận “tu mi”. Chương này ngay ở đầu đã dùng câu tục ngữ: “Tu mi nam tử” để mở đầu, mục đích là nhằm nhấn mạnh nói rõ tu mi là tiêu chí quan trọng biểu hiện khí phách nam tử hán, đại trượng phu, không thể xem nhẹ. Tiếp theo nói “vị hữu tu mi bất cự khả xưng nam tử giả”, là nói rõ và giải thích cho “tu mi nam tử”. Theo cách nói của các nhà y học Trung Quốc: “mi” thuộc đảm, tính dương cương mà cận hỏa. Vì thế người xưa cho rằng, lông mày là “mũi xe của đôi mắt, là uy nghi của khuôn mặt. Và là thái hoa của mắt, dùng

để phân biệt chủ hiền ngu”. “Lông mày, râu phải rộng, thanh, dài, hai đường kéo dài đến mai, hoặc có hình dạng như huyền tê, trắng mới mọc. Đầu đuôi đầy đà, sáng ở giữa trán, vạn bảo thọ quan thành”. Trong *Thế thuyết tân ngữ* nói Hoàn Huyền “râu như sọ da, lông mày như móm đá tím, là loại người giống như Tôn Trung Mưu, Tư Mã Tuyên vương”. Có thể thấy sự coi trọng của người xưa với lông mày.

Từ những luận thuật này chúng ta có thể biết, “mì” giống như màu sắc đẹp đẽ của trăng trời, hoa cỏ cây cối của dãy núi, là đặc trưng bên ngoài của tình trạng khỏe mạnh, tính cách khí chất quý tiện thông minh ngu dốt của một người. Người xưa cho rằng: lông mày thưa, mỏng bằng, túm, thon dài là tốt. Hình trạng giống như sừng tê giác và một vòng trăng mới mọc treo lơ lửng. Lông mày mềm mỏng, bằng thẳng, dài rộng là tượng trưng cho sự thông minh, trường thọ, tôn quý, còn lông mày thô cứng, dày rậm, mọc ngược, phân tán, ngắn ngắn là

tướng ngu xuẩn, hung ngoan (hung bạo, ngu muội ngoan cố). Xem xét từ góc độ của mỹ học, cũng là cái trước là đẹp, cái sau là xấu.



Vương Miện: họa gia, thi nhân nổi tiếng thời nhà Nguyên. Ông là người lối lạc, có chí lớn. Học thức uyên thâm, giỏi làm thơ. Sau này ẩn cư trong núi, bán tranh mưu sinh.

Mi chủ tảo thành

Lông mày có ý nghĩa hết sức quan trọng trong thẩm mỹ, là một hệ tham chiếu quan trọng của vận mệnh đời người, người “mi” khác nhau thì có tính cách và vận mệnh khác nhau. Lâm Đại Ngọc trong *Hồng lâu mộng* là “lưỡng loan tự súc phi súc lung yên mi” (Đôi lông mày điểm màu khói lạt, dường như cau mà lại không cau), là tướng bạc mệnh đa sầu đa cảm; Vương Hi Phượng có “lưỡng loan liễu điệp điều sảo mi” (đôi lông mày thon dài như lá liễu), là hình tượng nữ cường nhân gian tà; còn Thám Xuân thì “tuần nhãn tu mi” (mắt đẹp, mày thon), vô cùng thoát tục.

Tóm lại, sức khỏe, cá tính, tú mĩ, uy nghiêm của một người đều được thể hiện qua lông mày. “Thiếu niên lưỡng đạo mi” chính là nói thông qua lông mày để xem một người có thành tựu hay không, là ngu muội hay thông minh, từ đó phán đoán sự thành bại trong sự nghiệp, sự tốt xấu của vận mệnh. Tướng lông mày tốt, khiến cho con người trông anh tuấn tú lệ, thông minh lanh lợi, người như vậy sẽ lưu lại ấn tượng vừa tốt đẹp lại sâu sắc cho người khác, từ đó tăng thêm cơ hội thể hiện lý tưởng, thực hiện ước mơ của bản thân, khẳng định mình, khiến họ có thể tuổi trẻ đắc trí, vì vậy tác giả mới nói, “mi chủ tảo thành”.



Quan Vũ: tự Vân Trường, là danh tướng nước Thục thời Tam Quốc. Ông có bộ râu đẹp nên được người đời sau gọi là Mĩ Nhiêm Công (người có bộ râu đẹp). Ông đọc thuộc Tả Truyện, có thâm mưu đại lược. Lưu Bị xưng vương, phong cho Quan Vũ làm tiên tướng quân. Sau này, ông bị quân Ngô bắt giết trong trận chiến Giang Lăng.

Tu chủ văn vận

Y học Trung Quốc cho rằng: “tu” thuộc thận, tính âm nhu mà cận thủy, vì thế nên dài hướng xuống. Chúng ta cũng không được coi nhẹ tầm quan trọng của râu đối với một người. Tô Đông Ba râu mọc quanh miệng, Tống Thần tông gọi ông là Tô đại hồ tử (Tô nhiều râu). Còn đối với Quan Vũ, mọi người lại dứt khoát gọi ông là “Mĩ Nhiêm Công” (người có bộ râu đẹp). Tào Tháo còn đặc biệt cho người làm một chiếc túi bông rất đẹp để bảo vệ bộ râu đẹp của Quan Vũ. Còn tiếng tăm hiệp nghĩa của râu quai nón khách thời cuối nhà Tùy thì càng lưu tiếng thơm muôn đời. Tại sao vận mệnh khi về già của một người lại có liên quan tới bộ râu chứ? Nguyên nhân

đại khái là: phần lớn phàm là người có bộ râu rậm rạp, đẹp là do thận thủy vượng, chức năng của thận mạnh. Mà thận vượng là nguyên nhân chủ yếu và điều kiện không thể thiếu với sức khỏe và tinh lực mạnh mẽ của một người. Cơ thể khỏe mạnh, tinh lực mạnh mẽ, thì ý chí thường cũng rất kiên định, làm việc rất thuận lợi, được như ý nguyện. Trải qua sự tích lũy của năm tháng, đến thời kì trung niên, tuổi già, sự nghiệp sẽ có thành tích. Thêm nữa, trong xã hội xưa, coi đông con đông cháu là quý. Thận là gốc của hệ thống sinh sản, thận thủy vượng, chức năng của thận mạnh, ắt sẽ dễ đông con, đông con thì dễ được đông cháu, mà đông con đông cháu tương đương với nhiều phúc, ít nhất người thời đó cũng cho rằng như vậy. Vì thế, tác giả mới nói, “tu chủ văn vận”.

Lông mày, râu của một người đều chỉ là một bộ phận trong toàn bộ lông tóc của cơ thể con người. Đã là các bộ phận trong chính thể, vậy thì cần phải tương xứng với nhau, cân bằng hài hòa. Lông mày mặc dù chủ tảo vinh, vẫn cần râu rậm rạp, đẹp nếu không thì khó mà duy trì được. Không thể bắt đầu tốt, kết thúc tốt, thì cho dù có thành tích, cũng e rằng không thể tiếp tục duy trì lâu được. Lại nói, lông mày mạnh râu yếu, nếu đã mất cân bằng tương xứng, diện tướng sẽ không hài hòa. “Kì mạo bất dương” từ đó hình thành. Râu mặc dù chủ vận khí lúc về già của một người, nhưng vẫn cần đến sự chiếu ứng của lông mày. Nếu không sẽ giống như cây mạ khô hạn lâu ngày, mãi mới được nước mưa tưới tắm tươi tốt, như vậy quả thực cũng không được viên mãn. Tóm lại, âm dương tu hài hòa, râu và lông mày phải tương xứng. Người xưa vẫn thường nói “ngũ tam, lục tam, thất tam, thủy tinh la kế yếu tương tham” chính là ý này.



Lưu Bị: vị vua xây dựng nhà Thục thời Tam Quốc. Có chí lớn, đoan trang, quả quyết dứt khoát, hi nộ đều không thể hiện ra ngoài. Sau này giành được Hán trung, lập nên nước Thục.

“Tử diện” “bạo tai”

“Tử diện vô tu tự quý, bạo tai khuyết tu diệc vinh”. Người “tử diện” là thuộc kim hình nhân đại hỏa tướng, do màu sắc của kim là trắng, màu sắc của hỏa là đỏ, màu tím thì lại là vàng được hỏa luyện, đây là bảo sắc (màu quý). Trong bài *Cương nhu* của cuốn sách này cũng cho rằng: “Kim nhĩ hỏa hợp, vạn nghịch nhi hợp, kì quý phi thường” do đó, tác giả mới cho rằng “tử diện vô tu tự quý”. Lại xem xét từ góc độ cuộc sống hiện thực và sinh lý học, người “tử diện” thường huyết khí dồi dào, tính tình cương liệt, làm việc gì đó đều thành công và do đó nên “quý”. Cầm là ngoại phụ của khẩu, khẩu là thủy tinh, cầm đương nhiên cũng thuộc thủy, bạo tai chi nhân, thủy tất nhiên cũng hữu dư. Từ những luận thuật ở phía trước có thể thấy rằng: thủy đa giá, quý (người nhiều nước

thì quý). Vì vậy, bạo tai chi nhân cho dù râu thưa, ít, bất toàn, nhưng vẫn phú quý. Tác giả lại đưa thêm ví dụ về Quách Tử Nghi và Hoắc Khứ Bệnh để chứng minh những suy luận, phán đoán này. Nhưng tướng râu của Quách Tử Nghi và Hoắc Khứ Bệnh thì trong chính sử không thấy có ghi chép, “bán bộ bất toàn” và “nhất phó quả liễm” ở đây chỉ e là truyền thuyết dã sử.



Triệu Vân: tướng nước Thục thời Tam Quốc. Tướng mạo hùng vĩ, trí dũng song toàn, võ nghệ cao cường, vô cùng dũng cảm. Ông có đóng góp lớn, quan trọng cho sự thành lập của nước Thục.

II. Luận mi (lông mày)

Mi thượng thái, thái giả, xảo xứ phản quang dã. Quý nhân hữu tam tầng thái, sở vị “văn minh khí tượng” nghi sở sáng bất nghi ngưng trệ.

Nguyên văn

Mi thượng thái, thái giả, xảo xứ phản quang dã⁽¹⁾. Quý nhân hữu tam tầng thái, hữu nhất nhị tầng giả⁽²⁾. Sở vị “văn minh khí tượng”, nghi sở sáng bất nghi ngưng trệ⁽³⁾. Nhất vọng hữu thừa phong tường vũ chi thể, thượng dã; như bát mặc giả, tối hạ⁽⁴⁾. Đảo thụ giả, thượng dã; hạ thùy giả, tối

⁽¹⁾ Mi thượng thái, thái giả, xảo xứ phản quang dã: “thượng” tôn sùng (coi trọng), “thái” ánh sáng. Ánh sáng này không phải ánh sáng theo nghĩa thông thường, mà là chỉ “xảo xứ phản quang” ở câu sau. “Xảo xứ” chỉ phần đuôi của lông mày. “Phản quang” là chỉ tầng ánh sáng sáng đẹp hiện ra ở phần cuối của lông vũ các loài chim thú, đặc biệt là chân cầm dị thú, ánh sáng này là sự hiển hiện của sức sống. Mấy câu này là nói, lông mày coi trọng ánh sáng, mà ánh sáng của lông mày chính là ánh sáng phát ra ở phần đuôi mày.

⁽²⁾ Quý nhân hữu tam tầng thái, hữu nhất nhị tầng giả: “Mi tam tầng”, chỉ một tầng chỗ đầu mày, một tầng chỗ giữa mày, một tầng chỗ đuôi mày. “Tam tầng thái” là “thái” (ánh sáng) tốt nhất, khó có được nhất, nếu không phải người vĩ đại, trác việt, kiệt xuất thì không thể có được. Vì vậy, chỉ có “quý nhân” mới có tam tầng thái. “Hữu nhất nhị tầng giả”, ý nói có người chỉ có hai tầng ánh sáng, có người chỉ có một tầng, đẳng cấp cao quý của con người được phân biệt bởi “thái”: người có ba tầng thì quý, người có hai tầng xếp sau, có một tầng lại xếp sau nữa.

⁽³⁾ Sở vị “văn minh khí tượng”, nghi sở sáng bất nghi ngưng trệ: “Văn minh khí tượng” là chỉ khí tượng của con người từ thời man di bước vào thời đại văn minh, sau khi con người bước vào thời đại văn minh, sự giảm bớt của lông tóc trên cơ thể là đặc điểm rõ rệt nhất, đây là biểu hiện cụ thể nhất của hình tượng khí tượng văn minh, cũng là cột mốc đánh dấu cho sự tiến bộ của loài người. “Sở sáng” thừa dày hợp lý, thanh tú, sáng sủa. “Ngưng trệ” chỉ ngưng kết dày nặng, cứng nhắc đậm dày. Ý của hai câu này là nói: “Văn minh khí tượng” của lông mày mà vẫn thường nói chính là chỉ lông mày phải thanh tú, sáng sủa, chứ không được dày nặng cứng nhắc, vừa thô vừa rậm.

⁽⁴⁾ Nhất vọng hữu thừa phong tường vũ chi thể, thượng dã; như bát mặc giả, tối hạ: “Nhất vọng hữu thừa phong tường vũ chi thể” là nhìn từ xa, giống như chim phượng đang bay theo cơn gió, như rồng cưỡi gió nhảy múa, ý chỉ tướng lông mày sinh động có thần. Người xưa cho rằng, tướng lông mày tốt có bốn điều kiện cơ bản sau: thanh tú, dài, có thể, hiền ngang có thần; rộng rãi hào sảng có khí; thanh tú nhuận sắc, có ánh sáng. Trong đó, “thừa phong tường vũ chi thể” vì có đầy đủ cả bốn điều kiện trên, nên gọi là “thượng”. “Như bát mặc”, tức là giống giọt mực bị đổ ra loang lổ. Người xưa cho rằng: mi tướng (tướng lông mày) vô thể, vô khí, vô thần, vô quang, thì là “hạ”. Ý của bốn câu này là: nhìn từ xa, lông mày giống chim phượng bay theo cơn gió, giống rồng cưỡi gió bay lượn, là tướng thượng giai. Nếu nhìn lại, giống như vết mực loang lổ, thì là tướng lông mày hạ đẳng nhất.

hạ⁽¹⁾. Trường giả khởi phục, đoản hữu thần khí⁽²⁾; nông kị phù quang; đậm kị khô tố⁽³⁾. Như kiếm giả chương binh quyền; như trửu giả phó pháp trường⁽⁴⁾. Cá trung diệt hữu trưng phạm, bất khả bất biện⁽⁵⁾. Dẫn như áp nhãn bất lợi, tán loạn đa ưu; tế nhi ái mị, sơ nhi vô văn. Thị tối hạ thừa⁽⁶⁾.

(1) Đảo thụ giả, thượng dã; hạ thụ giả, tối hạ: “Đảo thụ”, chính là “lông mày hình chữ bát ngược”. Loại tướng lông mày này hữu thể, hữu thần, hữu khí, uy vũ cương trực, chủ nhân cương cường kiên nghị, có chí tiến thủ tích cực, nên là “thượng”. “Hạ thụ”, là “lông mày hình chữ bát”. Người xưa cho rằng, loại tướng lông mày này vô thể vô thần, chủ nhân tính cách nhút nhát, là người ti tiện hạ đẳng, nên là “hạ”. Ý của bốn câu này là: hình của lông mày mọc ngược trở lại, giống như hình chữ bát ngược, là tướng lông mày thượng giai; hình của lông mày chúc xuống, giống hình chữ bát, là tướng lông mày hạ đẳng nhất.

(2) Trường hữu khởi phục, đoản hữu thần khí: “Trường hữu khởi phục” là “cong mà có thể”, người xưa cho rằng, lông mày bằng thẳng như tên mà không cong lên, chủ tính cách nóng vội, hiếu thắng, vì vậy lông mày tối kị quá bằng thẳng. “Đoản nhi hữu thần”, nếu ngắn thì thần không dễ hiển hiện, vì vậy ở đây nhấn mạnh “ngắn mà có thần”, nếu lông mày ngắn mà lại không có thần, thì chủ cô bản yếu mệnh, cũng không tốt. Ý của hai câu này là nói, nếu lông mày dài, thì phải cong, không được bằng thẳng cứng đờ, lông mày nếu ngắn, thì phải hiện ngang có thần, không được tự do vô thần.

(3) Nông kị phù quang; đậm kị khô tố: “Phù quang”, chính là ánh sáng chập chờn, người xưa cho rằng, lông mày đậm lại chập chờn ánh sáng, cũng thiếu sức sống, là do âm khí quá thịnh. “Khô tố”, là dây thừng khô khốc. Người xưa cho rằng, loại lông mày như thế này vô thể, vô thần, vô quang, vô khí, là tượng trưng cho lửa sắp hóa thành tro tàn, sắp tàn lụi. Ý của hai câu này là: nếu như lông mày tương đối đậm, thì không nên có ánh sáng chập chờn xuất hiện, nếu như lông mày tương đối nhạt thì không nên giống như sợi dây thừng khô khốc.

(4) Kiếm giả chương binh quyền; như trửu giả phó pháp trường: “Chương binh quyền” chính là thống lĩnh tam quân, là tướng soái. “Phó pháp trường” ý là có họa sát thân. Ý của hai câu này là: nếu lông mày giống như hai thanh bảo kiếm sắc nhọn, chắc chắn sẽ được quý thành tướng soái. Người mà hai hàng lông mày giống như hai cây chổi cũ nát, sẽ có họa sát thân.

(5) Cá trung diệt hữu trưng phạm, bất khả bất biện: “Cá trung” bên trong, trong đó. “Trưng phạm”: dấu vết; điềm báo. Hai câu này ý nói, ở đây vẫn còn nhiều dấu vết và điềm báo khác, không thể không chú ý đi phân biệt, nhận biết.

(6) Dẫn như áp nhãn bất lợi, tán loạn đa ưu; tế nhi ái mị, sơ nhi vô văn. Thị tối hạ thừa: “áp nhãn bất lợi”, chỉ lông mày quá dài, dài đến nổi chèn ép, che kín đôi mắt, khiến cho ánh mắt trông u tối. Người xưa cho rằng, người có lông mày như thế này rất không đặc chí. “Tán loạn đa ưu” chỉ lông mày vừa nhiều vừa tạp, rối loạn hết lên, trông khổ sở rách nát “Tế nhi ái mị”, chỉ hình dáng lông mày quá nhỏ lại mang theo cả mị thái, tướng lông mày như thế này cho thấy người này âm nhu quá mạnh, dương cương bất túc, phần nhiều tạo tiện nghiệp “sơ nhi vô văn”, chỉ hình dáng lông mày thô cứng,

Bản dịch

Lông mày coi trọng ánh sáng và ánh sáng của lông mày chính là ánh sáng phát ra ở phần đuôi mày. Người phú quý, thì ở phần đầu, giữa, đuôi lông mày của họ có tất cả ba tầng ánh sáng, đương nhiên có người chỉ có hai tầng, có người chỉ có một tầng. “Văn minh khí tượng” vẫn thường nói là chỉ lông mày thưa rậm hợp lý, thanh tú sáng sủa, không được dày nặng cứng nhắc, vừa đậm vừa rậm. Nhìn từ xa, giống như hai con chim phượng hoàng đang cười gió bay lượn, như đôi rồng đang cười gió bay múa, đây chính là tướng lông mày thượng giai (rất tốt). Nếu như giống như một vết mực loang lổ, thì là tướng lông mày hạ đẳng nhất. Hai hàng lông mày dựng ngược, hình chữ bát, là tướng lông mày tốt; còn lông mày chúc xuống, hình chữ bát thì là tướng hạ đẳng. Nếu lông mày tương đối dài thì phải nhô lên, nếu ngắn thì phải hiên ngang có thần. Nếu lông mày đậm, không nên có ánh sáng chập chờn, nếu lông mày nhạt, tối kị hình dáng giống một sợi dây thừng khô khốc. Hai hàng lông mày nếu giống hai thanh bảo kiếm sắc nhọn, chắc chắn sẽ trở thành tướng soái thống lĩnh tam quân, còn nếu hai hàng lông mày giống cái chổi cũ nát, thì sẽ có họa sát thân. Ngoài ra, ở đây còn có các dấu vết và điểm báo khác, không thể không chú ý phân biệt, nhận biết. Nhưng nếu lông

rộng mà không có khí chất thanh tú nho nhã. “Mì” là tướng quá nhu, nhu nhiều hơn cương. Còn “văn” thì là cương nhu đều có, tướng văn tú nhu mỹ. “Sơ” thì là cương quá nhiều, dễ dẫn đến thô dã tục tĩu, nếu có “văn” bổ cứu, thì vẫn không mất tốt tướng, nếu “vô văn” thì không có thuốc chữa, càng thô dã hung ngoan (thô tục, hung hãn, ngoan cố). “Thừa”: đẳng, đẳng cấp, tầng lớp. Liên kết ý của mấy câu này lại: nếu lông mày quá dài, che kín đôi mắt, khiến cho ánh mắt trông cứng đờ u tối, lông mày tán loạn không ngay ngắn, khiến cho ánh mắt trông ưu phiền mệt mỏi, hình dáng lông mày quá nhỏ và có cả mì thái, hình dáng lông mày quá thô, rộng mà không có khí nho nhã, thanh tú, thì đều là tướng mi hạ đẳng nhất.

mày quá dài và chèn ép hai mắt, khiến cho ánh mắt trì trệ bất lợi, lông mày tán loạn không có trật tự, khiến cho ánh mắt trông ưu phiền mệt mỏi, vô thần, hình của lông mày quá mỏng mà còn có cả mị thái, hình lông mày quá thô, khiến cho con người không có vẻ nho nhã, thanh tú, những cái này đều thuộc vào tướng lông mày hạ đẳng nhất.



Tô Thúc: là người có thành tựu trác việt trên thi đàn thời Bắc Tống. Con đường làm quan của ông vô cùng gập ghềnh, hết lần này đến lần khác bị đi đày. Tư tưởng của ông là sự hòa hợp của Nho gia, Thích gia, Đạo gia, xử sự có cái nhìn rộng rãi, tài học uyên bác. Trên các mặt thơ, từ, văn ông đều đạt được thành tựu to lớn. Ông là một trong bát đại gia thời Đường Tống.



Hồng Phát: người sống vào thời kì cuối nhà Đường, họ Trương. Bà vốn là ca kĩ trong phủ Dương Tố. Vì ngưỡng mộ tài hoa của Lý Tĩnh, nên đã bỏ đi cùng ông. Sau này, Lý Tĩnh được phong làm Vệ Quốc công, Hồng Phát trở thành nhất phẩm phu nhân.

Mã hoàng hậu (hoàng hậu của Hán Minh đế): Là con gái của danh tướng Mã Viện. Trên trị thiên hạ bằng sự uy vũ, còn hoàng hậu thì khoan hồng nhân từ. Đời Trung Minh đế, bà không dùng chuyện tư để can dự triều chính.



Luận mi quyết (quyết: khẩu quyết)

Lông mày xanh chạm tóc mai, làm tới chức công khanh
Lông mày cong tựa cung, cơm no áo ấm
Lông mày nhô cao, quyền uy lộc hậu
Lông mày dài rủ xuống, sống thọ chẳng lo
Lông mày mi tươi tốt, cầu quan dễ được
Lông mày như trăng non, thông minh trác việt
Lông mày dài quá mắt, trung trực hữu lộc
Lông mày mảnh như tơ, không hiền cũng quý
Lông mày chạm tóc mai, tuần tú khôi ngô
Lông mày cong tựa cung, hiền lành đôn hậu
Lông mày cao mà thẳng, là quan thanh liêm
Lông mày xanh cao dài, vang danh tứ hải
Lông mày xanh nhuộm màu, cô đơn thanh cao
Lông mày giao lẫn nhau, ấy mệnh chết sớm
Lông mày như chổi quét, ân tình khó bền
Lông mày ngắn hơn mắt, tâm tính cô độc
Lông mày như trăng non, thiện lương thanh khiết
Lông mày lộ khí hùng, vinh quý vui mừng
Lông mày không che mắt, tài li người tán
Gò lông mày nhô cao, thường chịu phong ba
Lông mày thấp, một đời cô bản
Lông mày giao nhau, mệnh khó toàn
Lông mày mọc lông nhỏ, thọ mệnh dài lâu
Đầu lông mày vên phá, trắc trở lắm nạn
Lông mày dài quá mắt, anh em thuận hòa
Lông mày đứt ở giữa, anh em phân tán
Lông mày thưa thớt, cô độc phân tán

Lông mày mọc ngược, anh em bất hòa
Đầu lông mày cong, nhiều nam ít nữ
Lông mày thanh tú hài hòa, ắt hưởng phúc thanh nhàn
Lông mày mảnh mai, lắm tài nghệ
Lông mày có nốt đen, tất sẽ giở trò
Lông mày như trăng non, danh vang bốn bể.
Lông mày dài quá mắt, đông anh đông em
Lông mày như quét chổi, anh em thành đoàn
Lông mày bằng mắt, ít anh em
Lông mày ngắn hơn mắt, không có anh em, dù có đi nữa,
cũng là khác mẹ.

Mi hữu thể, thần, khí, quang

Người xưa có bốn yêu cầu đối với lông mày:

Hữu thể, tức “loan trường hữu thể”;

Hữu thần, tức “ngang dương hữu thần”;

Hữu khí, tức “sớ sáng hữu khí”;

Hữu quang, tức “tú nhuận hữu quang”.

• Lông mày tú nhuận hữu quang

Lông mày của một người nếu phù hợp với những điều kiện này, thì đương nhiên thuộc vào tướng mày tốt. Lông mày như thể này vừa phản ánh cơ thể người đó khỏe mạnh, trông cũng rất đẹp, trong bốn điều kiện trên, “quang” là quan trọng nhất. Lông mày của một người nếu như có ánh sáng, thì cũng như châu báu sáng rực rỡ, nếu âm u mất sắc, thì cũng như châu

bầu lâu năm không còn sáng. “Quang” chính là ánh sáng mà chương này nhấn mạnh tới, vì vậy, tác giả trong mở đầu của chương này đã nhắc đến “mi thượng thái”.

Lông tóc có ánh sáng, là sự hiển hiện và tượng trưng cho sức sống của một người, lông tóc của người trẻ thường nhuận sáng, lông tóc của người già, thì phần nhiều là khô khốc, vô quang, nguyên nhân là do sức sống của người trẻ mạnh mẽ hơn nhiều so với người già. Lông vũ của chim thú đều có thể hiển hiện ánh sáng của nó ở phần cuối, đặc biệt là chân cầm dị thú, như hổ báo, không tước, ánh sáng càng sáng tươi chói mắt. Dường như ánh sáng ở lông da của động vật cũng có thể thể hiện vị trí và tầng lớp của nó ở trong đàn.



Viên An: là đại thần nhà Đông Hán. Khi làm quan, ông chỉ huy thuộc hạ vô cùng nghiêm, xét xử công bằng, có danh tiếng trong triều đình. Ông không sợ quyền quý, bảo vệ chính đạo quyết không thay đổi. Viên thị Nhữ Nam trở thành một đại thể gia nổi tiếng.

“Thái” (ánh sáng) có ba tầng, chính là một tầng ở chỗ đầu, một tầng chỗ giữa, một tầng chỗ đuôi, số tầng là tượng trưng cho đẳng cấp của phú quý. “Quý nhân hữu tam tầng, hữu nhất nhị tầng giả”, câu này nhấn mạnh phú quý cũng có sự phân biệt đẳng cấp. Người cao quý nhất, lông mày của họ có ba

tầng ánh sáng, người có hai tầng ánh sáng và chỉ có một tầng ánh sáng lần lượt là trung quý và tiểu quý.



Vương Thủ Nhân: là nhà giáo, nhà triết học thời Minh. Được người đời gọi là Thái Minh tiên sinh. Làm quan đến chức binh bộ thượng thư. Lúc mới đầu học lý học Trình Chu, sau chuyển sang tâm học của Lục Cửu Uyên. Là nhà tập đại thành phát triển tâm học.

- **Lông mày sớ sảng hữu khí**

Sự biến chất của lông tóc của con người, chính là từ nhiều biến ít, từ đục biến thanh, đây là sự đánh dấu con người từ thời man di ăn lông ở lỗ tiến hóa đến giai đoạn văn minh, cũng là một trong những đặc trưng rõ rệt nhất của cái gọi là “văn minh khí tượng”. Đã là con người của thời đại văn minh, thì nên có hai hàng lông mày kiểu văn minh. Lông mày đó phải giống như tác giả nói “nghị sớ sảng bất nghị ngưng trệ”. “Sớ sảng” ở đây là biểu trưng của “thanh tú”, còn “ngưng trệ” thì là biểu trưng của “tục trọc”. Tướng của con người (cho dù là mi tướng mày, tướng mặt hay tướng thân), quý “thanh” mà kị “trọc”. Vì thế, lông mày của con người muốn có khí tượng văn minh, trước hết, phải “sớ sảng”.

• **Lông mày cong dài hữu thể**

“Nhất vọng hữu thừa phong cao tường chi thể”, kiểu lông mày này là kiểu lông mày có đầy đủ cả tứ mỹ là thể, quang, thần, khí. Vô cùng sơ sảng, vô cùng thanh tú. Cho dù không thể phú quý phúc thọ đều toàn, ít ra cũng có được một, hai; cho dù không thể chiếm hết cả “tam bất hủ” là “lập đức, lập công, lập ngôn”, thì cũng vẫn có thể chiếm một cái, vì thể kiểu lông mày này mới là tướng mày thượng giai, nhìn xa, trông như long phượng đang cưỡi gió bay lượn, nháy múa. Vì vậy, người có tướng mày này đại phú đại quý, lộc hậu thọ trường. Như lông mày rồng, lông mày kiếm, lông mày trắng non đều thuộc vào tướng mày thượng đẳng này.

“Bát mặc” chính là hình dáng giống như vết mực bị hắt đổ trên đất, hình dáng hỗn loạn, vô cùng xấu. Biểu tượng của lông mày quý, lông mày dao nhọn, lông mày chổi cũng là bữa bộn tán loạn, khó coi như “bát mặc” vậy, bản chất của những kiểu lông mày này là huyết vượng tham dâm, chủ nhân sinh tính hung hãn, ngu muội, lỗ mãng. Đương nhiên, là “tối hạ” (thấp nhất).

Lông mày “đáo thụ”: chỉ tướng mày hình chữ bát ngược, chủ nhân tính cách kiên nghị; có lý tưởng, có hoài bão, dũng cảm tiến lên, có đầy đủ tất cả phẩm chất tâm lý để làm thành đại nghiệp, đương nhiên dễ thành công, vì vậy thuộc “thượng dã”. Nhưng vạn vật đều có mức độ, giới hạn của nó, quá thì không đẹp, loại lông mày này nếu quá cong vô độ, khiến cho đôi mắt trông lõm xuống vô khí, thì phần lớn là người mơ ước viễn vông, không thực tế. Việc nhỏ không muốn làm, việc lớn lại không làm được, cuối cùng chẳng nên cơ đồ gì.

Lông mày “hạ thù”: chính là tướng lông mày hình dáng giống chữ bát, loại người này tính cách nhu nhược, là người

xấu xa bỉ ổi, phần nhiều là người hành vi dung tục, bản tiện hạ đẳng, vì thế gọi là “tối hạ”.



Ngụy Tương: đại thần nổi tiếng thời Tây Hán, lần lượt làm các chức quan: Mạo lĩnh lệnh, Ngự sử đại phu. Sau khi Hoắc Quang chết, ông làm đến chức thừa tướng, được phong làm Cao Bình hầu.

• Lòng mây áng dương hữu thần

“Trường hữu khởi phục”, chỉ lông mây thô, thanh tú, cong. Chủ nhân tính cách vững vàng chắc chắn, thanh quý cao nhã. Người có loại lông mây này, vừa có thể hưởng thụ phú quý, lại được trường thọ. Ngược lại, nếu lông mây quá dài lại không cong, thẳng như một mũi tên, thì là người nóng tính, cao ngạo hiếu thắng.

“Đoản hữu thần khí”, “đoản” ở đây là chỉ tướng lông mây tương đối ngắn so với khuôn mặt, “trường” ở đoạn trước cũng là chỉ tướng lông mây tương đối dài so với khuôn mặt, lông mây ngắn lại thiếu thần khí, thì khiến cho tướng mây trông dòn dập lại lộ thịt, xấu lại mỏng, là tướng cô bản hàn cùng. Ngược lại, nếu “đoản nhi hữu thần khí”, khiếm khuyết của lông mây ngắn có thể được thần khí bổ cứu, đây chính là cái

mà chúng ta vẫn nói là dĩ thần bổ hình (lấy thần để bổ sung cho hình).



Triệu Xung Quốc: là đại thần nhà Tây Hán. Ông dũng cảm, có mưu lược, thông binh pháp, biết tử di. Thời Vũ đế đánh quân Hung Nô có công, được phong làm tướng, chiến công lừng lẫy, được phong làm Thụy Tráng hầu.

Ở đây nói rõ hơn chút: tiếng Hán cổ đại thường tỉnh lược nhiều thành phần của câu, người lúc bấy giờ thường quen rồi nên cho đó là bình thường, không vấn đề gì, nhưng ngày nay, có một số thành phần không thể tỉnh lược, nếu không, cả câu văn sẽ khiến cho mọi người khó hiểu. Như trong hai câu “trường hữu khởi phục; đoản hữu thần khí”, đều tỉnh lược chữ “nghi”; lẽ ra phải là “trường nghi hữu khởi phục; đoản nghi hữu thần khí”. Bởi vì từ việc phân tích các đoạn văn trên dưới, “trường hữu khởi phục” không phải nói chỉ cần dài thì nhất định cong, mà là lông mày đã dài rồi, thì cần cong nữa mới tốt. “Đoản hữu thần khí” cũng như vậy.

Từ những gì “Lục Diệu” nói ở trên chúng ta đã biết, hai sao La Hầu và Kế Đô lần lượt đại diện cho mắt trái, mắt phải.

Hai mắt phải thanh tú, bằng thẳng, nhuận trạch mới tốt, nếu hai mắt có phù quang (ánh sáng chập chờn) (chứ không phải ánh sáng quang thái, linh quang). Thì là đá sít chì tượng (mang tướng sát), là biểu hiện của âm khí quá thịnh, vì thế, người xưa nói “nồng kị phù quang”.

“Đạm kị khô tổ”, lông mày như sợi dây thường khô, chủ bệnh khổ đeo bám, cả đời nghèo khó vất vả.

Thạch thất thân dị phú nói: “Thiết diện kiếm mi, binh quyền vạn lý” (Mặt sắt, lông mày như kiếm thì nắm binh quyền lớn) là từ khí chất để luận tướng mi của con người, để quyết định đến cát hung. “Như kiếm giả chương binh quyền”, bởi vì người có lông mày kiếm, trông rất uy nghiêm anh vũ, có khí chất của tướng soái.

Hai hàng lông mày chèn ép mắt; lông mày tán loạn; mỏng mà mịn; thô mà không thanh tú, nho nhã hoặc là cả đời bất đắc chí, hoặc mệt mỏi phiền não, vì vậy, bốn loại lông mày này đương nhiên thuộc vào “tối hạ thừa” trong tướng mày.



Hoàn Vinh: là người triều Hán. Ông chăm chỉ học hành không mệt mỏi, 15 năm chưa từng về nhà một lần. Quang Vũ đế nghe ông nói về Thượng Thư, rất hài lòng, phong cho làm Nghị lang, lệnh cho ông dạy học cho thái tử. Sau này, ông được phong làm Quan Nội hầu.

III. Luận tu

Tu hữu đa quả, thủ kì dữ mi tương xứng. Đa giả, nghi thanh, nghi sớ, nghi thúc, nghi sâm si bất tề; Thiếu giả, nghi quang, nghi kiến, nghi viên, nghi hữu tình chiếu cố.

Nguyên văn

Tu hữu đa quả, thủ kì dữ mi tương xứng⁽¹⁾. Đa giả, nghi thanh, nghi sớ, nghi thúc, nghi sâm si bất tề⁽²⁾; thiếu giả, nghi quang, nghi kiến, nghi viên, nghi hữu tình chiếu cố⁽³⁾. Quyền như la văn, thông minh khoát đạt; trường như giải sách, phong lưu huỳnh hiển⁽⁴⁾; kinh như trương kích, vị cao

⁽¹⁾ Tu hữu đa quả, thủ kì dữ mi tương xứng: “Quả” ít. “Xứng”, thích hợp, tương đương, hài hòa, phối hợp. Ý của hai câu này là: râu của con người có nhiều có ít, nhưng nhiều ít không quan trọng, quan trọng là phải hài hòa, phối hợp với lông mày.

⁽²⁾ Đa giả, nghi thanh, nghi sớ, nghi thúc, nghi sâm si bất tề: “Thanh” không đục, chính là sáng sạch, thanh thoát. “Sớ” thanh thoát, trong sáng vừa phải, không tán loạn, ú đọng, tức là thanh thoát, sáng sửa. “Thúc”, chỉ không thẳng không cứng, không tán không loạn. “Sâm si bất tề” chỉ có dài có ngắn, dài ngắn phối hợp hài hòa, chứ không phải hỗn loạn, tán loạn không ngay ngắn. Ý của mấy câu này là: râu nếu nhiều, thì cần trong sáng, thanh thoát, có trật tự, không thẳng không cứng và dài ngắn phối hợp với nhau.

⁽³⁾ Thiếu giả, nghi quang, nghi kiến, nghi viên, nghi hữu tình chiếu cố: “Quang”: không khô khốc; nhuận trạch, thanh tú. “Kiến”: mạnh mẽ khỏe mạnh, có sức sống. “Viên” tròn nhuận sinh động, không cứng đờ. “Hữu tình chiếu cố”, râu phải cân bằng, tương xứng với các bộ phận khác như lông mày, tóc, khiến cho chính thể ngày càng hài hòa nhất trí, mềm mại như đôi bên hữu tình, phối hợp với nhau. Ý của mấy câu này là: nếu như ít râu, thì phải thanh sáng, nhuận sắc, mạnh mẽ khỏe mạnh, thần khí sinh động và kết hợp, hô ứng với các bộ phận khác.

⁽⁴⁾ Trường như giải sách, phong lưu huỳnh vinh: “Giải sách”, chính là sợi dây thừng sau khi bị đứt và mài mòn, trên thân dây thừng nhiều vết gấp khúc nhỏ. “Phong lưu”, thích nữ sắc nhưng không dâm loạn, cao thượng chính phái. “Huỳnh vinh”: hiển đạt vinh quang, chỉ địa vị cao quý, thanh danh vang dội. Ý của hai câu này là xem xét từ góc độ hình trạng của râu, ý là: râu giống như sợi dây thừng sau khi bị đứt, có rất nhiều đoạn

quyền trọng⁽¹⁾; lượng nhược ngân điều, tảo đăng lang miếu⁽²⁾. Giai hoạn đồ đại khí⁽³⁾. Tử tu kiểm mi, thanh âm hồng tráng⁽⁴⁾; bông nhiên cù loạn, thường kiến nhi hậu⁽⁵⁾, phối dĩ thần cốt thanh kì, bất thiên lý phong hầu, diệc thập niên báitướng⁽⁶⁾. Tha như “phụ tu tiên trường chung bất lợi”, “nhân

gấp khúc, vậy thì người này phong lưu hào phóng nhưng không dâm loạn, tương lai nhất định địa vị cao quý, thanh danh vang dội.

⁽¹⁾ Kinh như trương kích, vị cao quyền trọng: “Kinh” khỏe mạnh có lực. “Trương” mở ra. “Kích”: một loại binh khí thời xưa, ở một đầu cán dài có gắn kim loại làm lưỡi mác, bên cạnh lưỡi mác còn có lưỡi dao hình trăng lưỡi liềm. Hai câu này là nói từ góc độ khí khái của râu, ý là: Râu mạnh mẽ có lực, giống như một cái kích sắc nhọn, người này sau này chắc chắn sẽ làm quan lớn, nắm trọng quyền.

⁽²⁾ Lượng nhược ngân điều, tảo đăng lang miếu: “Lượng”, sáng sủa, nhuận sắc có ánh sáng. “Lang miếu”: miếu là tiền điện và triều đường của hoàng cung, còn gọi là thái miếu; lang, chính là hành lang bốn phía quanh cung điện, đây là nơi mà hoàng đế cùng quần thần nghị bàn triều chính. Sau này, dùng miếu lang hoặc lang miếu để chỉ triều đình. Đăng miếu lang, chỉ người làm quan to. Hai câu này nói về khí sắc của râu, ý là: râu sáng sủa, thanh thoát, giống như thổi bạc phát ra ánh sáng, người như vậy thời trẻ đã có thể làm trọng thần trong triều.

⁽³⁾ Giai hoạn đồ đại khí: “Hoạn đồ”: đường làm quan; quan trường. Câu này là nói. Những người có râu như vậy, tương lai là nhân vật tài ba chốn quan trường.

⁽⁴⁾ Tử tu kiểm mi, thanh âm hồng tráng: “Tử tu”: màu sắc của râu là màu tím. “Kiểm mi” chỉ hình dáng lông mày thanh tú mà dài, như thanh kiếm, khuôn mặt chính khí, cương trực không a dua, có uy nghiêm, khiến cho người khác sợ hãi, khuất phục, lại nho nhã, thanh tú khiến người ta gần gũi. Người xưa cho rằng, “tử tu” phối hợp với “kiểm mi”, thêm vào đó lại có cả giọng nói vang sáng, hùng tráng, thì là kiểu kim hình đặc kim, là tướng đại quý. Ý của hai câu này là nói, nếu màu sắc của râu trong đen có đỏ, hiện ra sắc tím, thêm vào đó có hàng lông mày hình thanh kiếm và giọng nói hùng tráng.

⁽⁵⁾ Bông nhiên cù loạn, thường kiến nhi hậu: “Bông nhiên”: dáng vẻ xõa tung. “Cù”: con rồng nhỏ có sừng trong truyền thuyết xưa. “Cù loạn”: râu giống như con rồng nhỏ có sừng thẳng đứng cao vút tán loạn”. Thường”, từng, có lúc. Người xưa cho rằng tướng râu này, phong thái hiên ngang, uy đức đều có. Ý của mấy câu này là nói: nếu hình dáng râu giống như con rồng nhỏ có sừng vừa xõa tung thẳng đứng cao vút lại vừa tán loạn, và có lúc còn kéo dài đến tận sau tai.

⁽⁶⁾ Phối dĩ thần cốt thanh kì, bất thiên lý phong hầu, diệc thập niên báitướng: “Thần cốt thanh kì” là điều kiện rất quan trọng. Nếu chỉ là “tử tu kiểm mi, thanh âm hồng tráng” “bông nhiên cù loạn, thường kiến nhi hậu” thì cũng không phải là tướng đại quý, còn cần phải có “thần” thanh thoát và “cốt” kì tuyệt. “Thiên lý phong hầu” chính là được phong vương hầu có hàng nghìn mét đất. Ý của mấy câu này là nói: nếu có thể có cả tinh thần thanh thoát và cốt cách kì tuyệt, thì do dù không trở thành chư hầu có trong tay hàng nghìn mét đất, cũng có thể làm tể tướng lâu dài đến mười năm.

trung bất kiến nhất thể cùng”, “tị mao tiếp tu đa trệ hồi”, “đoản tư già khẩu ngã chung thân”⁽¹⁾, thứ kì hiển nhi khả kiến giả nhĩ⁽²⁾.

Bản dịch

Râu, có người có nhiều, có người có ít, bất luận là nhiều hay ít, đều phải hài hòa, tương phối với tướng mày. Râu nhiều thì phải thanh tú, mượt, thoáng, sáng, không thẳng không cứng và dài ngắn vừa phải. Râu ít thì phải nhuận trạch sáng sủa, cương kiến thẳng, khí vận thập túc (thần khí dồi dào) và chiếu ứng với các bộ phận khác. Nếu râu cong như ốc vít, người này nhất định thông minh, biết nhìn xa trông rộng, rộng rãi độ lượng. Râu mỏng dài, chỗ nào cũng cong cong gấp khúc giống như sợi dây thừng bị mài mòn, người này sinh tính phong lưu hào phóng, nhưng không dâm loạn, tương lai nhất định được danh cao vị hiển. Râu cương cứng có lực, như cái kích sắc nhọn, người này tương lai nhất định làm quan to, nắm trọng quyền. Râu thanh sáng, giống sợi dây bạc phát ra ánh sáng, người này tuổi trẻ đã làm đại thần trong triều. Những người như trên đều là nhân vật đại tài trên chốn quan trường.

⁽¹⁾ Tha như “phụ tu tiên trường chung bất lợi” “nhân trung bất kiến nhất thể cùng” “tị mao tiếp tu đa trệ hồi” “đoản tư già khẩu ngã chung thân”: “Phụ tu”, tức là râu mọc ở bên cằm, hai hàm, nên gọi là phụ tu (râu phụ), để thể hiện sự khác biệt với chủ tu (râu chính). Người xưa cho rằng phụ tu mọc trước, là trật tự bị đảo lộn, là tướng gốc rễ đảo lộn, không tốt. “Nhân trung bất kiến”, tức là nhân trung không có râu, nhân trung không râu thì chủ nhân không có uy. Lông mũi nối liền với râu, người xưa cho rằng loại tướng râu này là thổ khắc thủy, không tốt. “Đoản tư già khẩu” (ria ngắn che miệng), người xưa cho rằng đây là kiểu “buông rèm”, chủ vô lộc, vì vậy cả đời chịu nghèo đói. Ý của mấy câu này là: phụ tu mọc trước chủ tu, không có lợi với tương lai phía trước của con người, nhân trung không mọc râu, cả đời chịu đói khổ; lông mũi nối liền râu, vận mệnh không thuận lợi, tiền đồ mù mịt; ria ngắn che miệng, cả đời tương đối nghèo khổ.

⁽²⁾ Thứ kì hiển nhi khả kiến giả nhĩ: những gì ở trên đều là những thứ hiển hiện dễ dàng trông thấy, không cần phải giải thích tường tận thêm.

Nếu râu của con người có màu tím, lông mày như thanh kiếm sắc nhọn, giọng nói vang vọng, ồm ồm, hoặc râu giống như con rồng nhỏ có sừng thẳng đứng cao vút tán loạn, mà có lúc còn dài đến tận sau tai, lại có thêm cốt cách và tinh thần thanh sáng, anh tuấn. Cho dù không được phong hầu, thì cũng làm tể tướng mười năm. Những râu khác: Như râu phò mọc trước, chung quy không có gì tốt đẹp. Nhân trung không có râu, cả đời chịu khổ chịu nghèo. Lông mũi nổi liền với râu, vận mệnh không thuận lợi, tương lai tăm tối. Rìa ngắn phát triển rồi che lấp miệng, cả đời chịu đói chịu khát... Những hung tượng của râu này rõ và dễ nhìn thấy, ở đây, không cần nói đến tướng tặn.



Trương Đức Thắng: là tướng lĩnh khai quốc thời kì đầu nhà Minh. Tài lược hùng tráng hào hùng, chinh chiến rất rộng. Dẫn thủy binh Sào Hồ đầu quân cho Chu Nguyên Chương, lập đại công. Được phong làm Thái Quốc công.



Thái Thiên: là tướng lĩnh khai quốc thời kì đầu nhà Minh. Thái tổ cho ông làm tiên phong, mỗi trận đều đánh đến đâu tan tác đến đó, quân địch không dám lại gần. Thương tích đầy người cũng không hề gì. Ông được phong làm Định Viễn hầu.

Tương xứng tương hợp

Chương này chuyên luận về “râu”, yêu cầu đối với râu cũng là phải theo nguyên tắc tương xứng và tương hợp:

Sự tương xứng với tương hợp của tướng là nguyên tắc dùng hình tướng tĩnh thái để luận sự thành bại của kết cấu tổ chức cơ thể, nguyên tắc này có hai nội dung: nguyên tắc tương xứng, nguyên tắc tương hợp.

Tương xứng chỉ sự phối hợp, điều hòa giữa các bộ phận với nhau, trông cân xứng, cân bằng, khiến cho cả cơ thể có tướng hoàn mĩ. Tương xứng là tướng có thành tựu, cơ đồ, ngược lại thì là tướng không thành công.



Cảnh Tái Thành: là tướng lĩnh khai quốc của nhà Minh. Sau thời Thái tổ, cứu Lưu Hợp, đánh bại quân Nguyên, bảo vệ Dương Châu, lấy được Kim Hoa. Trị quân vô cùng nghiêm khắc, binh sỹ thủ hạ không hề mạo phạm đến dân chúng. Được phong làm Tứ Quốc Công.

Tương hợp, chỉ ngũ hành hình cục, nếu hợp ngũ hành chính cục thì thượng tướng, ngược lại thì là hạ tướng. Ngũ hành hình tướng gọi “kim bất hiềm phương, mộc bất hiềm sấu, thủy bất hiềm phi, thổ bất hiềm oải” (kim không chê vuông, mộc không chê gãy, thủy không chê béo, thổ không chê thấp) đều hợp ngũ hành chính cục, là thượng tướng. *Linh sơn mật điệp* nói: “Khẩu thượng viết tư, khẩu hạ viết tu, tại di viết hồ, tại giáp viết mân” (ở trên miệng thì gọi là ria mép, dưới miệng gọi là râu cằm, ở má gọi là râu má, ở mép gọi là râu mép). Nhiều nhưng không được loạn, ít nhưng không được ỉu rũ. Bài này mở đầu cũng nói: “Tu hữu đa quả, thủ kỳ dữ mi tương xứng”, từ đó, chúng ta có thể thấy được tầm quan trọng và vai trò của nguyên tắc tương xứng. Lưu Bang nhà Tây Hán sủng ái Thích phu nhân, muốn phế thái tử, lập con trai của Thích phu nhân Như Ý làm thái tử. Lữ hậu rất sợ, mời Trương

Lương cho ý kiến. Trương Lương kiến nghị mời bốn vị cao nhân từ trên núi đến. Lưu Bang trước nay đều kính trọng bốn vị cao tăng này, nhưng lại không thể mời được họ xuống núi. Bốn vị cao tăng này cùng thái tử đi gặp Lưu Bang. Lưu Bang thấy bốn người “bát thập hữu dư, tu mi hảo bạch, y quán thậm vĩ” (ngoài tám mươi tuổi, râu, lông mày bạc phơ, phong độ thần thái tốt đẹp, đoan trang), thành tâm thành ý phò tá thái tử, sau đó biết được thái tử là người nhân hiếu, cung kính, mến mộ sỹ phu, thì không còn nhắc đến chuyện phế thái tử lập thái tử mới nữa. Bốn vị cao tăng này có thể khiến Lưu Bang thay đổi tâm ý, không thể bỏ qua được vai trò của ngoại hình bên ngoài của họ. Ngoại hình, diện mạo bên ngoài của họ thuộc tướng hữu thành (có thành tựu) cân xứng, cân bằng.



Thái Sử Từ: là tướng quân nước Ngô thời Tam Quốc. Thân cao 7 thước 7 tấc, râu dài đẹp. Tay dài có lực, giỏi bắn tên. Ông là Triết Xung Lang tướng của nhà Đông Ngô.

Hữu đa hữu thiếu

Có người nhiều râu, có người ít râu. Người xưa cho rằng, râu ít nhiều không có quan hệ nhân quả, cũng không có quan hệ tỉ lệ thuận hay tỉ lệ nghịch với sự tốt xấu của tướng râu, mà tập trung chỉ ra: bất luận râu nhiều hay ít, đều phải tương xứng với lông mày. Cũng chính là nếu như lông mày nhiều, râu cũng phải nhiều, lông mày ít, râu cũng phải ít. Chỉ có như vậy, mới gọi là giai tướng. Tại sao sự ít nhiều của râu, sự hữu thành với vô thành của “tướng râu” lại có quan hệ lớn như vậy với lông mày? Bởi vì với con người mà nói, lông mày và râu thuộc cùng một loại, đều là lông tóc trên cơ thể con người, là thứ nhất; râu và lông mày cùng nằm trên khuôn mặt của con người, đều là thành phần quan trọng cấu thành nên khuôn mặt (đương nhiên là chỉ nam giới), là thứ hai; thứ ba là mang ý nghĩa nghĩa thủy hỏa đã tề hoặc thủy hỏa chưa tề, cũng chính là râu và lông mày tương xứng thì là đã tề, chưa tương xứng là chưa tề, đã tề là thượng tướng, chưa tề là hạ tướng.

Râu nhiều phải “thanh”, “thanh” chính là thanh tú, thanh thoát, thanh nhã, thanh sáng, chính là không đục, không loạn, không tục, không xấu. Phải “Sổ”, “sổ” chính là sổ lạc, sổ tán, sổ lang, chính là không hỗn loạn, dồn nén. Phải “thúc”, “thúc” chính là gấp khúc vừa phải hợp lý, không thẳng, không cứng. Phải “sâm si bất tề”, chính là có ngắn có dài, ngắn dài đan xen hợp lý, giao nhau có trật tự, không nên chính tề như một, tằm tấp như bàn chải. Loại tướng râu nhiều mà thanh, sổ, thúc, sâm si bất tề này, cho dù lông mày nhiều hay ít, đều có thể tương xứng với lông mày. Nếu lông mày nhiều, loại tướng râu này có thể cùng với nó hình thành nên sự tương phản nhất định, nếu lông mày ít, loại tướng râu này có thể hài hòa

nhất trí với nó về “thần”. Do đó, tác giả nói: “Đa giả, nghi thanh, nghi sở, nghi thức, nghi sâm si bất tề”.



Cam Ninh: là danh tướng nước Ngô thời Tam Quốc. Thời trẻ, ông thích giao du với tất cả hiệp sỹ, sau chuyên tâm đọc sách. Ông đầu quân cho nước Ngô, được Tôn Quyền trọng dụng. Cam Ninh có chiến công trong trận chiến Xích Bích và đã từng cứu mạng Tôn Quyền.

“Thiếu giả” phải “quang”, “quang” chính là không khô, không ráp, mà là nhuận trạch (mướt mà), sáng. Phải “kiến”, “kiến” chính là không khô héo, không yếu, không mỏng manh, chính là phải mạnh mẽ, khỏe mạnh, chắc chắn. “Tư mã Chiêu chi tâm, lộ nhân giai tri” chỉ Tư Mã Lộ - con trai của Tư Mã Ý cuối thời Tam Quốc, có dã tâm chiếm đoạt chính quyền Tào Ngụy. Tư Mã Chiêu rất lợi hại, cũng rất giỏi trong việc nhìn nhận con người. Hắn có một trợ thủ đắc lực bên trong, tên là Ngụy Thư. Ngụy Thư thời trẻ, chậm chạp, mộc mạc, không thích nói chuyện, những người trong làng đều không thích cậu ta. Thúc thúc của cậu ta là Ngụy Hoàn, lúc bấy giờ rất nổi tiếng, cũng không thích cậu, để cậu đi trông

phòng cối xay. Ngụy Thư không thể nói, nhưng cũng không để tâm, cũng không vì vậy mà ghét bỏ hay báo thù hay có suy nghĩ gì khác trong lòng. Duy chỉ có Thái nguyên Vương Nghĩa cho rằng Ngụy Thư là một nhân tài, thường xuyên cổ vũ động viên cậu và cứu tế rất nhiều tiền bạc tài sản, Ngụy Thư cũng không từ chối. Đến năm 40 tuổi, vẫn không được phát huy tài năng, chỉ làm việc tham mưu ý kiến cho vài người. Sau đó nhờ có cơ duyên, ông được tham gia một hội nghị với thân phận là người được lấy thêm để bổ sung cho đủ, Ngụy Thư ung dung nhàn nhã, nói rủ rỉ, khiến cho ai nấy đều kinh ngạc. Người lúc đó tiến cử tới chỗ Tư Mã Chiêu, vừa nói chuyện, Tư Mã Chiêu rất coi trọng ông, phong làm Tham quân tướng quốc, việc nhỏ trong ngoài, thì còn chưa được thấy tài năng của y, phàm là có việc đại sự tồn vong, mọi người không thể quyết định, Ngụy Thư lại có thể hiểu rõ, rành mạch, kiến giải trên mọi người. Từ đó người thời đó đều phục ông. Tương truyền, râu của Ngụy Thư không nhiều, nhưng lại có đặc điểm là “quang, kiến”. Ông đã ngoài 40, vẫn tham mưu cho người khác, nếu không phải đại khí ấp ủ bên trong, tài năng được phát huy muộn, có lẽ sớm đã nản lòng nhụt chí, sống vô vị một đời. Ngoài ra, râu còn phải “viên”, “viên” chính là không cứng đơ, không máy móc, chính là phải tròn nhuần, sinh động, bông bênh. Phải “hữu tình chiểu cổ”: là tương xứng với lông mày, tóc, tương xứng với ngũ nhạc tứ độc, chính là có sự phối hợp với nhau, không đơn độc.

Những độc giả tinh ý có lẽ đã nhìn ra: căn cứ vào tiêu chuẩn của yêu cầu về “tứ nghi” đặt ra với “đa giả” và “hữu giả” ở đây chính là nguyên tắc tương xứng.

Trong phần giải thích ở chương trước đã nói, bốn điều kiện của lông mày chính là *cong dài hữu thế, hiên ngang hữu*

thần, sơ sảng hữu khí, tú nhuận hữu quang, trong đó *cong dài, hiên ngang, sơ sảng, tú nhuận* là những yêu cầu và tiêu chuẩn cụ thể được đưa ra với những chủ thể khác nhau. Cũng chính là nói: lông mi dài phải “cong dài”, lông mi ngắn phải “hiên ngang”, lông mi đậm phải “sơ sảng”, lông mi nhạt phải “tú nhuận”, còn “hữu thể, hữu thần, hữu khí, hữu quang” thì lại là yêu cầu và tiêu chuẩn phổ biến chung với các loại chủ thể - hay chính là các loại lông mày.



Quách Tử Hưng: là lãnh tụ quân khởi nghĩa nông dân cuối thời nhà Nguyên. Ông dũng cảm vô địch. Không trận nào là thất bại. Ông thường mặc quân phục cả ngày lẫn đêm không thay ra, nên thường có chấy rận. Sau này, ông bị bệnh qua đời trong quân đội.

Sáu loại râu thượng giai (tốt)

“Quyển như la văn”, chỉ tướng râu của con người giống như thể sông biển cuộn cuộn, như xoáy nước ở chỗ rẽ hay chỗ tụ hợp, chính là giống như thể này, người có râu như vậy nhìn xa trông rộng, tầm lòng rộng lớn, can đảm hiểu biết hơn người. Vì vậy, nói người này “thông minh khoát đạt”.

“Trường như giải sách” là chỉ tướng râu của con người như dòng nước chảy mãi của dòng sông, nhấp nhô cuộn cuộn, lại giống như sợi dây thường đứt nhiều gấp khúc, chính là hình dáng giống như vậy. Người có râu như vậy yêu thích cái đẹp, háo sắc, phong lưu hào phóng, nhưng lại không dâm loạn, không loạn tính, vì vậy nói người này “phong lưu hiển vinh”. Kỷ Hiểu Lam thời nhà Thanh nổi tiếng bởi hình tượng phong lưu tài tử. Chiêu Liên - người ở cùng vào thời đại đó với ông nói ông “niên bát thập, do háo sắc bất suy” (tuổi đã 80 mà dường như sự háo sắc phong lưu vẫn chưa hề suy giảm). Kỷ Hiểu Lam “cả đa súc thiếp đẳng, hồng phần bạn bạch đầu” (ý chỉ có nhiều vợ lẽ, hồng phần: chỉ phụ nữ còn trẻ trung; bạn: đồng hành, sống cùng, bên cạnh; bạch đầu: chỉ tuổi già). Nhưng ông lại là người thoải mái, căm ghét cái ác như kẻ thù, thậm chí còn phá vỡ cả sự ràng buộc của lễ giáo, mời treo biển cho phụ nữ (một hình thức khen thưởng thời xưa). Râu của ông “trường như giải sách”.

“Kình như trương kích” là chỉ tướng râu giống như khí thế vung đao múa kiếm của hai bên khi xông trận, người có tướng râu như thế này, có phách lực, có lòng dũng cảm hiểu biết, có thành tích, ắt thành đạt, vì vậy nói người như thế này “vị cao quyền trọng”. Trong *Tam Quốc diễn nghĩa* nói Trương Phi “báo đầu hoàn nhân” (đầu báo, mắt to tròn). Đầu giống như con báo, tóc chắc chắn là thể múa kiếm vung đao, chẳng trách ông có thể lưu danh ở đời.

“Lượng nhược ngân điều” là chỉ tướng râu như sinh mệnh mới được hình thành, sức sống thịnh vượng, khí sắc mượt mà, sáng bóng, tràn đầy sức sống, chính là giống như thế này. Tướng râu như vậy, chủ nhân văn tú đa tài, thoát tục siêu

phàm, vì vậy nói người này “tảo đẳng lang miếu”. Đương nhiên, bốn loại tướng râu này không nhất định quyết định một ai đó “thông minh khoát đạt”, “phong lưu hiển vinh”, “quyền trọng vị cao”, “tảo đẳng lang miếu”, nhưng ít nhất có một điểm có thể khẳng định, bốn loại tướng râu này đều là biểu hiện của cơ thể khỏe mạnh, nguyên nhân là do y học Trung Quốc cho rằng tướng râu thượng giai, cho thấy tinh thần dồi dào.

“Tử tu kiếm mi, thanh âm hồng tráng”: sự phối hợp như thế này, người xưa gọi là kim hình đắc kim. “Bồ đề nhiên cù loạn, thường kiến nhi hậu” là tướng phong thái hiên ngang, uy đức đều có. Hai loại này vốn là giai tướng, nếu có thể có thêm thần thanh cốt kỳ, thời loạn có thể thành bá tài, thời bình có thể thành lương tướng, không quý mới lạ!

THANH ÂM GIÁM

Văn thanh biện nhân chi pháp (phương pháp nghe giọng nói để phân biệt, nhận biết con người)

I. Tổng luận thanh âm⁽¹⁾

Nhân chi thanh âm, do thiên địa chi khí, khinh thanh thượng phù, trọng trọc hạ trụ. Thanh âm thực dữ ngũ âm tương phối, văn thanh tương tư, kì nhân tư tại.

[Nguyên văn]

Nhân chi thanh âm, do thiên địa chi khí, khinh thanh

⁽¹⁾ Thanh âm: ở đây chỉ âm hưởng được phát ra do các cơ quan phát âm trong cơ thể chịu sự rung động của dòng khí lưu trong bụng. Xét từ góc độ sinh học và vật lý, “thanh âm” chỉ là do sự vận động của dòng khí lưu gây nên sự rung động của dây thanh mà sinh ra, là hiện tượng sinh học và vật lý thuần túy. Người xưa lại cho rằng, sự hình thành “thanh âm”, có nhân tố quan trọng hơn chính là nhân tố về tinh thần và khí ở bên trong. “Thần” và “khí” bên trong là sự tổng hợp (thống nhất) của tính tự nhiên và tính xã hội, quyết định đến tình trạng của âm thanh. Người xưa cho rằng, tâm động là tính - “thần” và “khí”, tính phát ra thành âm thanh. Ý nói sự hình thành của âm thanh không thể tách rời khí của tự nhiên (không khí), càng có quan hệ mật thiết hơn với “tính” bên trong. Điều này rất có lý. Người xưa lại cho rằng, “thanh” và “âm” có mối quan hệ mật thiết với nhau nhưng lại có sự khác biệt về bản chất, như câu sau nói “thanh chủ ‘trương’, tầm phát ngoại kiến”, “âm chủ ‘liễm’, tầm yết xứ kiến”, “âm giả, thanh chi dư dã”, ở đây là nói, “thanh” đến từ “vật”, “âm” thì đến từ “thanh”. Âm thanh có phân biệt to bé, dài ngắn, chậm nhanh, thanh đục, người xưa cho rằng, những điều này đều có quan hệ mật thiết tới vận mệnh của con người.

thượng phù, trọng trọc hạ trụy⁽¹⁾. Thủy vu đan điền, phát vu hầu, chuyển vu thiệt, biện vu xỉ, xuất vu thần, thực dữ ngũ nhạc tương phối⁽²⁾. Thủ kì tự thành nhất gia, bất tất nhất nhất hợp điều, văn thanh tương tư, kì nhân tư tại, ninh tất nhất kiến quyết anh hùng tai?⁽³⁾

⁽¹⁾ Nhân chi thanh âm, do thiên địa chi khí, khinh thanh thượng phù, trọng trọc hạ trụy: Ý của hai câu này là, giọng nói của con người cũng giống như khí giữa trời đất, có sự phân biệt thanh đục, giọng thanh nhẹ thì lên cao, giọng đục nặng thì trầm xuống.

⁽²⁾ Thủy vu đan điền, phát vu hầu, chuyển vu thiệt, biện vu xỉ, xuất vu thần, thực dữ ngũ nhạc tương phối: “Đan điền” chỉ phần nằm ở dưới rốn, cách rốn một tấc rưỡi đến ba tấc. “Hầu”: nói đến bộ phận của cơ thể con người, âm thanh trên thực tế sinh ra ở dây thanh. “Biện vu xỉ”: ý là ở rằng phát sinh sự thay đổi, giới hạn giữa thanh đục. “Ngũ nhạc” tức ngũ âm: cung, thương, giác, trưng, vũ. Các nhà âm dương ngũ hành cho rằng: “Ngũ hành tán nhi vi vạn vật, nhân sinh vạn vật chi thượng, thanh diệp biện kì ngũ âm”. Trong ngũ âm, cung thuộc thổ, thương thuộc kim, giác thuộc mộc, trưng thuộc hỏa, vũ thuộc thủy. Đặc trưng cụ thể của ngũ âm là: cung thanh trầm dày, thương thanh hòa nhuận (mượt), giác thanh cao vang, trưng thanh mãnh liệt. Vũ thanh tròn gấp (nhánh). Người xưa cho rằng, “nhân chi bẩm ngũ hành chi hành, kì thanh diệp hữu ngũ thanh chi tượng” (con người được ban cho hình ngũ hành, thì giọng nói cũng có đặc trưng của ngũ âm). Vì vậy, phân biệt ngũ âm nhất định phải kết hợp với đặc điểm ngũ hành của hình thể con người, tiến hành đối ứng, khảo sát. Người xưa còn cho rằng, thuộc tính âm dương của âm thanh phù hợp với thuộc tính và đặc trưng ngũ hành của hình thể con người thì là cát tường, phú quý, lương thiện, nếu không thì sẽ là không tốt hoặc bất tiện, hung ác. Ý của sáu câu này là: âm thanh bắt đầu từ đan điền, phát ra thanh hưởng ở họng, qua sự chuyển hóa ở lưỡi, có sự biến đổi thanh đục ở răng, cuối cùng được phát ra từ môi, tất cả những điều này đều tương phối với ngũ âm cung, thương, giác, trưng, vũ.

⁽³⁾ Thủ kì tự thành nhất gia, bất tất nhất nhất hợp điều, văn thanh tương tư, kì nhân tư tại, ninh tất nhất kiến quyết anh hùng tai: “kì” ở đây là thay thế cho âm thanh. “Tự thành nhất gia” là độc đáo riêng biệt. “Bất tất” không nhất định. “Hợp điều” tương hợp với ngũ hành. “Tư” là trợ từ, không có ý nghĩa. “Ninh”: lẽ nào. “Quyết”: phân biệt; phán đoán. “Anh hùng” ở đây ý chỉ rốt cuộc có phải anh hùng. Ý của năm câu này là: khi quan sát, nhận biết con người, phải phân biệt giọng nói độc đáo riêng biệt của họ. Giọng nói của họ không nhất định hoàn toàn phù hợp với ngũ âm, nhưng chỉ cần nghe thấy giọng liền lập tức nghĩ đến người này, giọng nói là biểu hiện bên ngoài của tinh thần bên trong của con người, vì thế nghe giọng nói của họ như nhìn thấy họ, không nhất định phải nhìn thấy khuôn mặt thật của họ thì mới có thể nhìn ra rốt cuộc họ là người như thế nào.

Bản dịch

Giọng nói của con người cũng giống như khí của âm dương ngũ hành giữa trời đất, cũng có phân thanh đục, giọng trong nhẹ và lên cao, giọng đục nặng và trầm xuống. Âm thanh bắt đầu từ đan điền, phát ra âm hưởng ở họng, đến phần lưỡi có sự chuyển hóa và ở răng thì có sự biến đổi trong đục, cuối cùng phát ra ngoài qua môi, tất cả những cái này đều phối hợp mật thiết với ngũ âm: cung, thương, giác, trưng, vũ. Khi nhận biết con người, nghe giọng của họ, phải tiến hành phân biệt, nhận biết chỗ khác biệt riêng của giọng nói đó, không nhất định hoàn toàn phù hợp với ngũ âm, nhưng chỉ cần nghe thấy giọng sẽ nghĩ ngay đến người này, như vậy sẽ nghe giọng mà biết người, vì vậy không nhất định phải nhìn thấy tận mặt họ vẫn có thể nhìn ra rốt cuộc họ là anh tài hay là dung tài.



Bộc Chân: là đại tướng thời đầu nhà Thanh. Bản tính trung dũng. Tiến binh vào Trung Nguyên và Quan Hiệp đều có công. Lúc dẫn binh thảo phạt Cao Ly, bị bắt, không chịu khuất phục, tự đâm vào tim chết, được truy phong là Lạc Lăng Công.

“Ngũ hành” với “ngũ âm”

Con người sinh ra trong trời đất, giọng nói có mảnh có thô nặng, có mỏng như âm thanh của kim loại, có giọng dày nặng như tiếng trống da, có giọng thanh, giòn giã như tiếng gõ vào chuông. Có người sinh ra cao to, vạm vỡ, giọng nói lại mảnh, có hơi nhưng không có lực. Người xưa tổng kết quy nạp những trường hợp này và đưa ra một vài quy luật.

Trên thực tế, sinh học và vật lý hiện đại đã chứng minh, cơ sở sinh học của âm thanh là do ba bộ phận lớn gồm phổi, khí quản; họng, dây thanh; khoang miệng, khoang mũi cấu thành. Động lực sinh ra âm thanh là phổi, phổi quyết định lượng lớn nhỏ của khí lưu, sự to bé của âm lượng chủ yếu do hệ thống rung động mà họng và dây thanh tạo nên quyết định, âm sắc chủ yếu được quyết định bởi hệ thống bộ máy cộng hưởng do khoang miệng và khoang mũi tạo nên. Âm thanh được hình thành bởi vật thể chấn động kích thích không khí, âm thanh là cơ quan thính giác - cảm giác của tai. Âm lượng của âm thanh có sự phân biệt to nhỏ, sự khác biệt giữa đẹp và khác thường của âm sắc còn có phân âm cao, âm dài.

Giọng nói của con người, do sự khác nhau giữa người với người, tình trạng sức khỏe khác nhau, môi trường sống khác nhau, gen di truyền khác nhau, tu dưỡng sau này khác nhau mà có sự khác biệt rất lớn, vì vậy giọng nói không chỉ biểu hiện một mức độ nào đó tình trạng sức khỏe của một người, mà còn biểu hiện một phần nào đó văn hóa phẩm cách của một người - sự nho nhã với thô tục, trí với ngu, quý với tiện (ở đây chi tu dưỡng nhân cách), phú với bần của họ.



Chương Thụy: là đại tướng thời kì đầu nhà Minh. Lúc mới sinh giọng như tiếng chuông, bố mẹ cho rằng là điều không tốt, sau khi trưởng thành làm người trang trọng. Sau làm ngự sử trung thừa, có uy danh.

Đã là như vậy, vậy thì giọng nói có mối quan hệ nhất định với vận mệnh (tình trạng sinh tồn trong quá khứ và hiện tại và cả viễn cảnh sinh tồn trong tương lai) của con người. Nhưng nếu như giọng nói có thể quyết định vận mệnh của con người, thì khó tránh có phần vô căn cứ, không thực tế. Một người ca sỹ thành công, thông thường đều phải vất vả học tập, rèn luyện, nhưng nếu thiên phú không cao, chỉ dựa vào vất vả học tập, khổ luyện, cũng rất khó trở thành ca sỹ. Âm vực của Hứa Hòa Tử - ca sỹ nổi tiếng năm Khai Nguyên thời nhà Đường rất rộng, thậm chí có thể vượt qua cả độ cao mà nhạc khí có thể đạt tới. Đường Minh Hoàng từng hạ lệnh cho nhạc gia trong cung Lý Mô thổi sáo đệm cho Hứa Hà Tử, đến cuối khúc nhạc, thân sáo lại nứt toác ra. Do đó, Hứa Hòa Tử nổi tiếng khắp Trung Nguyên, nghìn năm sau vẫn khiến cho người đời phải cảm thán. Tuy nhiên không nên quá phóng đại vai trò của âm thanh tới vận mệnh của con người. Thời xưa không ít

những nhân vật lớn địa vị chính trị cao, được biết, âm thanh họ nói chuyện, diễn thuyết thật khiến người khác không dám nói hay hay không hay, nhưng vận mệnh của họ lại không hề không tốt.

Người xưa trước nay đều tương đối coi trọng âm thanh và tiến hành quan sát, nghiên cứu sâu. Xét trên phương diện phân phối ngũ hành, người xưa chia âm thanh thành:

Kim thanh: đặc điểm là nhẹ nhàng mượt mà vui tai;

Mộc thanh: đặc điểm là cao vút, sáng vọng;

Thủy thanh: đặc điểm là lúc nhanh lúc chậm;

Hỏa thanh: đặc điểm là đục, dữ dằn;

Thổ thanh: đặc điểm là dày chắc, cao nặng.

Về quan hệ của âm thanh với vận mệnh của con người, cũng có một cách nói rất rõ ràng.



Dương Hùng: nhà triết học, văn học thời Tây Hán. Học thức sâu rộng, giỏi làm từ phú. Nói lắp, không giỏi nói chuyện, nhưng giỏi suy nghĩ. Không ham phú quý, chức quan thấp bé. Cả phú và tài văn của ông đều có thành tựu.

Văn “*thanh*” biện “*tư*”

Tăng Quốc Phiên kế thừa học thuyết của người đi trước, cho rằng con người được ban cho khí của thiên địa ngũ hành, âm thanh của con người cũng có phân thanh đục, giọng thanh nhẹ thì vang cao, giọng đục nặng thì trầm xuống, do đó thanh giả quý, trọc (đục) giả tiện, đạo lý đã nói rất rõ ràng.

Câu “thủy vu đan điền”: tác giả cho rằng, người mà âm thanh thượng giai, thì là bắt đầu từ trong đan điền. Đan điền, nằm ở phần dưới rốn ba tấc (Đạo gia thời xưa có cách nói thượng đan điền, trung đan điền, hạ đan điền, ở đây thuộc cách nói thứ nhất). Âm thanh bắt đầu từ đan điền sâu, dày, nặng, vận thanh vang xa, là biểu hiện của thận thủy dồi dào. Thận thủy dồi dào, cơ thể ắt khỏe mạnh, có thể sinh phú quý, do đó chủ nhân phú quý thọ toàn. Đồng thời, loại khí đan điền này dồi dào, thanh đan điền sáng vang vui tai, dễ dẫn đến hiệu quả cộng hưởng, mang đến cho con người cảm giác rất thoải mái, hân hậu.

Âm thanh không hay thì là loại âm thanh mỏng bắt nguồn từ cổ họng, dừng ở chỗ giữa răng và lưỡi. Loại âm thanh này khí bất túc, mang đến cho người ta cảm giác yếu ớt, suy yếu, là biểu hiện của thận thủy bất túc.

Thông qua âm thanh của con người để phán đoán vận mệnh của họ, liệu có chính xác hay không thì vẫn có thể thảo luận tiếp. Ở cuối chương này, Tăng Quốc Phiên lại nói tới, “bất tất nhất nhất hợp điều”, như vậy lại không đúng với quy luật vừa nói rồi. Quan trọng vẫn là ở “văn thanh tương tư”, một chữ “tư”, nói rõ nhận biết con người vẫn không thể tiến

hành một cách máy móc, cần phải xem tình hình cụ thể rồi quyết định.

Trong *Lễ kí* có nói đến mối quan hệ giữa nội tâm và âm thanh. *Lễ kí* - *Lạc kí* nói: “phàm âm chi dã, do nhân tâm sinh dã. Nhân tâm chi động, vật sử chi nhiên dã. Cảm vu vật nhi động, cổ hình vu thanh. Thanh tương ứng, cổ sinh biến” đối với một sự vật từ cảm xúc mà có, tất nhiên biểu hiện qua âm thanh. Âm thanh bên ngoài của con người sẽ thay đổi theo sự thay đổi của thể giới nội tâm, vì vậy nói “tâm khí chi trung, tắc thanh biến thị dã”.

Âm thanh không những có thể kết hợp với khí, mà cũng hô ứng với âm nhạc. Bởi vì âm thanh sẽ thay đổi theo sự thay đổi của nội tâm, vì vậy:

Nội tâm bình lặng âm thanh cũng tâm bình khí hòa; khi nội tâm thanh thuận, thông thoát, thì sẽ có âm thanh sáng và vang; khi nội tâm càng hưng khởi thì có giọng nói hơi kích động;

Như vậy chẳng phải là có thể phán đoán thể giới nội tâm của một người thông qua giọng nói đó sao?



Tạ Linh Vận: là nhà thơ nổi tiếng sống vào thời kì giữa nhà Tấn, Tống. Ông có thành tựu lớn về mảng thơ sơn thủy, là nhà sáng lập thơ sơn thủy của Trung Quốc. Ông có vai trò tích cực với sự chuyển biến phong trào thơ Huyền Ngôn thời Đông Tấn.

Có một lần Trịnh Tử Sản ra ngoài tuần sát, nghe thấy tiếng khóc của một người phụ nữ. Những người tùy tùng đi theo đều đợi mệnh lệnh, chuẩn bị đến cứu giúp, tuy nhiên Tử Sản lại lệnh cho họ lập tức bắt lấy người phụ nữ kia. Đám tùy tùng không dám kháng lệnh, đành phải bắt người phụ nữ vừa mới mất chồng kia. Lý do của Trịnh Tử Sản là tiếng khóc của người phụ nữ kia không có sự đau xót, mà ngược lại còn chứa đầy sự sợ hãi, cho rằng trong đó có sự giả dối. Kết quả sau khi thẩm vấn, quả nhiên người phụ nữ đó thông gian với người khác, mưu hại người chồng. Thuật lắng nghe âm thanh nhận biết con người của Trịnh Tử Sản thật quá cao minh.

Kiến thức có liên quan đến phương diện này, *Dật Chu thư - thị thính thiên* có nói đến bốn điểm đáng để nghiên cứu:

Người mà nội tâm không thành thực, giọng nói úp úp mở mở, đây là biểu hiện của sự chột dạ;



Lý Long Cơ (tức Đường Minh Hoàng) là người anh vũ, có tài lược. Thời Khai Nguyên văn trị võ công phát triển cực thịnh, lên đến đỉnh cao, được mệnh danh là "Khai Nguyên thịnh thế". Sau khi về già, triều chính phủ bại. Ông thích ca vũ, được suy tôn là Lê Viên sư tổ.

Người mà nội tâm thành thật, tin cậy, giọng nói thanh, giòn giã mà nhịp điệu rõ ràng, đây là biểu hiện của sự thần nhiên;

Người mà nội tâm bí ối ti tiện, ngang ngược, trong lòng có âm mưu, thì giọng nói kì quái, rất chối tai;

Người mà nội tâm khoan hồng hiền hòa, giọng nói dịu dàng từ tốn, như dòng nước nhỏ chảy thường xuyên, không gấp không chậm.

Văn “*thanh*” biện “*lý*”

Trong *Băng Giám* nói đến phán đoán, phân biệt vận mệnh của con người từ âm chất và âm sắc của con người, nếu có thể kết hợp với ngôn ngữ của con người để cùng phán đoán thì càng toàn diện hơn. Ngôn ngữ là kết quả của tư duy, từ ngôn ngữ có thể phát hiện đặc điểm trong phương thức tư duy của một người, điều này có ảnh hưởng rất quan trọng tới cách làm việc của một người, thậm chí đó còn là ảnh hưởng mang tính quyết định.

Tam quốc diễn nghĩa nói Trương Phi “thanh nhược cự lôi” (giọng nói như thiên lôi), nghe thấy giọng của ông thì có thể thấy con người ông, nhất định là tính tình hung bạo, vì vậy ông mới “nộ tiên Đốc Bưu” (kể về chuyện Trương Phi trối đánh Đốc Bưu, Đốc Bưu là tên một chức quan thời bấy giờ); mặt khác ông lại trung chính cương trực, nói một là một, hai là hai, trung thành hết mực với Lưu Bị. Vì vậy, căn cứ vào giọng nói để phán đoán hành sự vị nhân (làm việc, làm người) của một người cũng không phải không có lý.

Nếu muốn lời nói thỏa đáng, sự việc giải quyết hợp lý, thì phải chú ý đến chữ “lý”. Nhưng chúng ta đưa một chuyện ra thảo luận trước mặt nhiều người, rất khó đạt được cách nhìn nhất trí. Thậm chí có nhiều quan điểm hoàn toàn đối lập, dẫn đến không vui vẻ gì mà giải tán. Buổi thảo luận lúc đầu cuối cùng lại biến thành buổi biện luận, thậm chí còn xảy ra trận chiến quan điểm.

Tại sao tình hình lại trở nên như vậy? Chủ yếu là do người đông, đạo lý lăm. Một khi đông người, tài trí, khí chất đôi bên khác nhau, quan điểm họ bảo vệ cũng khác nhau, thậm chí đối lập, vì vậy nói “mộc tài dị tắc tình nguy”; còn về đạo lý nhiều, bạn cho rằng bạn có lý, anh ta cho rằng anh ta có lý, như vậy rất khó thống nhất, liên kết, vì vậy nói “lý đa phẩm tắc nan thông”.

Đôi bên không thể đả thông, không ai tiếp thu quan điểm của ai, vậy thì muốn có được sự thống nhất về tư tưởng thì tương đối khó.



Hứa Viễn Tân: là tướng lĩnh nhà Đường. Trong loạn An Sử, ông cùng với Trương Tuần bảo vệ Tuy Dương, chuyên quản lý quân lương, các vũ khí dùng khi đánh trận. Thành rơi vào tay địch bị bắt, quyết không khuất phục mà chết.

Chín loại tính cách của con người

Lão Tử nói: “Nội thị vi minh”. Minh là minh của tâm trí, chiếu sáng cho nội tâm của một người, nội tâm thuần chất thì mới có tâm trí sáng, tâm trí sáng thì lý tài tương ứng sẽ sáng. Vì bốn học phái đều sử dụng quan điểm của mình để luận thuật người hoặc vật, có tính hạn chế nhất định, do đó tiêu chuẩn đối với nhân tài mỗi phái nói một kiểu, không thể thống nhất. Cửu thiên chi tình chính là giới thiệu chín loại tính cách, luận đặc điểm và những sơ suất của con người, bây giờ chúng ta sẽ phân ra lần lượt để bàn đến như sau:

Người cương lược: tương đối qua loa đại khái, không thể phân biệt, giải thích rõ ràng, tỉ mỉ, ưu điểm của người này làm việc lớn rộng rãi, chí hướng cao xa; nhược điểm là làm việc nhỏ thì phóng túng không gò bó. Kê Khang thời Ngụy Tấn có thể nói là đại diện điển hình cho kiểu người cương lược. Ông “cương trằng kị ác” (cương trực, ghét cái ác), tuyệt đối không qua lại với loại người tranh đoạt chính quyền như Tư Mã Thĩ, nhưng ông làm người lại “tâm tính phóng đạt”, là lãnh tụ của “trúc lâm thất hiền” nổi tiếng thời Ngụy Tấn.

Người kháng lệ: dụng ý mạnh mẽ, không thể thương lượng lại, đặc điểm của người này là có tính nguyên tắc mạnh, tuân thủ pháp lệnh mà công chính vô tư; khuyết điểm là ít biến báo, khiến cho sự việc khó có tiến triển mới.

Người kiên kinh: dụng ý kiên cường, chắc chắn, coi gian là trực, thích công kích điểm yếu của người khác, ưu điểm của người này là lý luận, lời nói sắc bén, thường có thể áp đảo đối phương; khuyết điểm của họ là chuyên moi móc lỗi của người khác, làm tổn hại đến nền móng của cộng đồng.

Người biện cấp: thường tính cách nóng vội, phí lời nhiều, lời nói sắc bén. Ưu điểm của người này là khi làm gì hay giải quyết việc gì có thể truy tận đầu tận đuôi mà còn có kiến giải tinh thâm triệt để; nhược điểm của họ là luôn chỉ nghĩ đến những việc lớn mà bỏ qua những việc nhỏ, chi tiết có liên quan tới những nguyên tắc quan trọng.

Người phù trầm: quá đề cao vẻ bề ngoài, thích nói đông nói tây thiếu suy nghĩ sâu sắc, ưu điểm của người này là lúc ngồi tán chuyện thì tỏ ra bác học đa tài; nhược điểm của họ là lúc bàn luận chính sự, mặc dù có thể nói từ đầu tới cuối chỗ nào cũng toàn là đạo lý, nhưng không có chỗ nào là có tác dụng cả.

Người thiên giải: suy nghĩ nông cạn, khi gặp phải chuyện gì cũng không thể suy nghĩ tỉ mỉ, thận trọng; ưu điểm của người này là nghe thấy những lời nói hay, đặc sắc thì họ có thể mô phỏng lại để sử dụng rất nhanh; nhược điểm của họ là khi cần phải suy nghĩ kĩ hơn về những lời nói này thì họ lại không thích phiền phức nên cũng chẳng làm.

Người khoan nhặt, phản ứng chậm chạp, tốc độ suy nghĩ của họ rất chậm, ưu điểm của người này là lúc luận đến nhân nghĩa, thì tường tận rộng lớn lại quy phạm; nhược điểm của họ là lúc nói và lúc làm thực tế, do chậm chạp mà không theo kịp.

Người ôn nhu, suy nghĩ ôn hòa, không tận tâm tận lực theo đuổi cái tốt đẹp, cường nghị, ưu điểm của người này là làm việc xử sự coi trọng hòa bình, thông thuận; nhược điểm của họ là khi gặp phải một vấn đề khó, thì sẽ cho thấy bộ mặt mềm yếu của họ, luôn chọn cách trốn tránh để giải quyết.

Người hiếu kì, suy nghĩ kì lạ, đặc biệt, tính cách của họ dễ tiếp nhận những thứ mới, ưu điểm của người này là giỏi mưu

lược, không chịu sự trói buộc của lễ giáo, pháp luật; nhược điểm là chỉ biết dựa vào lý thuyết, do không hiểu sự vật mới mà hình thành nên thói ba hoa.

Sáu loại thiếu sót

Chín kiểu người như trên đều là do tâm trí khác nhau mà tạo thành thiên tài (chỉ giỏi một mặt nào đó), bọn họ mỗi người đều có những sở trường riêng, cũng có những nhược điểm riêng, đúng là ai cũng có những điểm yếu, điểm mạnh riêng.

• Người từ thẳng

Khi biện luận, chúng ta có thể nhìn thấy hai phương pháp để chiến thắng người khác là dùng lý để thắng người và dùng lời lẽ để thắng người. Dùng lý để thắng người, mặc dù lời nói không chính xác, nhưng căn cứ đầy đủ, rõ ràng, cho dù là những chỗ nhỏ nhặt nhất cũng giải thích rõ ràng, nên lý lẽ hùng hồn, khiến cho người khác tâm phục khẩu phục. Tương Vương nước Sở thời Chiến Quốc hoang dã, phóng đảng, xa xỉ, không để tâm đến triều chính. Trang Tân liền can gián Tương Vương, liên tiếp từng lời từng lời nói ngụ ý, khiến cho con người ta phải tự xem xét lại bản thân một cách sâu sắc. Tương Vương nghe xong “nhân sắc biến tác, thân thể chiến lật” (mặt biến sắc, toàn thân run rẩy), quyết tâm sửa chữa triệt để những sai lầm trước đây. Trang Tân giỏi dùng lý để thắng người. Người dùng lời lẽ để thắng người khác, là sử dụng cách cãi chày cãi cối để thắng người khác bằng lời nói, họ che lấp mặt chính xác của sự việc. Nên “cầu dị tặc chính thất” (khác biệt nhưng lại sai, không chính xác), lời nói thì hay nhưng

không thể khiến người khác tin phục, khiến mọi người khẩu phục mà tâm bất phục.



Kê Khang: nhà văn Tào Ngụy thời Tam Quốc. Là một trong Trúc lâm Thất Hiền. Văn học, huyền học, âm nhạc không có mặt nào không thông. Ông phong tư tú mĩ, thơ của ông cũng hùng tráng, thâm sâu, thanh nhã. Cá tính của ông đi ngược lại với những kinh điển, giáo điều mà tăng lớp thống trị phong kiến tôn thờ. Sau này, ông bị Tư Mã Thĩ giết.

• Người không giỏi biện luận

Thông thường, khi cửu thiên chi nhân (chín kiểu người chỉ giỏi về một mặt nào đó ở phía trên) biện luận, không nằm ngoài ba tình huống sau: một kiểu là bảo vệ đồng ý kiến, một kiểu là duy trì ý kiến đối lập, một kiểu thì là không đồng ý kiến cũng không đối lập. Người bảo vệ đồng ý kiến, đôi bên đều hiểu ý kiến của đối phương, cũng giống như dòng nước chảy về sông; người duy trì ý kiến đối lập, đôi bên đối kháng nhau, nước không chịu lửa, lửa không chịu nước; người vừa không tương đồng cũng lại chẳng đối nghịch, ý kiến ba phải, cổ tình làm ra vẻ khoan hồng rộng rãi.

Người giỏi biện luận, khi họ phát hiện đối phương nghe không lọt tai hay không có cách nào để thuyết phục đối phương, liền lập tức dừng lại lời nói của mình, nắm bắt tâm

thái của đối phương, sử dụng chiến thuật vu hồi, trước tiên nói những lời đối phương thích nghe, sau khi giành được sự tán đồng của đối phương, lại từ từ chèo lái đối phương vào trong nội dung mình muốn nói.

Trong chương một *Tam quốc sách - Xúc Long thuyết phục Triệu Thái hậu*, Triệu Thái hậu vừa mới nhiếp chính, nước Tần liền đến tấn công. Thái hậu cầu cứu, nước Tề muốn Trường An Quân mà thái hậu sủng ái nhất làm con tin thì mới chịu xuất binh. Thái hậu kiên quyết không chấp nhận. Sau đó Xúc Long cầu kiến, trước tiên không bàn chủ đề chính, lấy chuyện dưỡng sinh ra để khiến cho thái hậu “sắc thiếu giải” (giải tỏa, thả lỏng một chút), lại so sánh trái tim yêu thương con của mình với thái hậu, cho rằng nếu không để Trường An quân lập công với nước nhà, thì một khi thái hậu băng hà, Trường An quân làm sao có thể khiến mọi người phục tùng? Thái hậu sau đó liền vui vẻ chấp thuận, lệnh cho Trường An quân tới nước Tề làm con tin.

Cho dù là hiện nay, chiến thuật vu hồi này cũng vẫn rất được ưa chuộng. Nhân viên bán hàng thường dùng phương pháp “đúng vậy... nhưng mà” hoặc “hát bài hát đối phương thích nghe”. Trong thời đại kinh tế hàng hóa ngày nay, kĩ xảo này rất thực dụng.

Người không giỏi biện luận, khi biện luận với người khác. Nếu không phải là kiên trì ý kiến phản đối, thì là nói những câu ba phải, mập mờ, làm như vậy chính là muốn đối phương bước vào ý đồ của mình, thực ra lại đạt được những kết quả trái ngược với những gì họ mong đợi (phản tác dụng).



Sơn Đào: là người sống ở thời Ngụy Tấn, là một trong Trúc lâm Thất Hiền. Thời trẻ nghèo khó, khí lượng khác người. Sau đi theo Tư Mã Thĩ, được thăng quan nhiều lần do có nhiều công trạng, làm đến chức lại bộ thượng thư. Sau này khi già, từ quan về quê.

• Người không giỏi khuyên giải

Người giỏi khuyên giải rõ ràng, nói ít nhưng rõ ràng, vì vậy họ chỉ cần dùng mấy câu nói đơn giản rõ ràng nổi bật trọng điểm thì có thể giải thích những chuyện phức tạp rồi. Trâu Kị nước Tề thời Chiến Quốc chính là một người rất giỏi khuyên giải rõ ràng. Ông “tu bát xích hữu dư, thân thể ánh lệ” (người cao hơn tám thước, dáng vẻ anh tuấn). Nhưng ông không tự tin vào bản thân, cho rằng mình không đẹp như Từ Công thành bắc. Sau này ông gặp được Từ Công, tự than mình không sánh bằng, vì vậy lúc can gián Tề Ngụy Vương, đã dùng chính câu chuyện của mình ngụ ý tới quốc gia đại sự, khiến cho Tề Ngụy Vương từ đó về sau luôn biết nghe lời can gián. Nước Tề cũng từ đó cường thịnh.

Người không giỏi giải thích rõ ràng, nói sa sả cả đồng việc nhưng chẳng nói rõ việc nào, loại người này tự mình không biết mình đang nói gì, người khác thì càng không hiểu.

Sáu thiếu sót thường gặp khi chất vấn bác bỏ trong biện luận:

Từ cấu (thiếu sót về lời nói)

Người giỏi chất vấn biện luận, có thể nắm chắc chủ đề biện luận, khi giành được thắng lợi thì biết dừng lại đúng lúc; người không giỏi chất vấn biện luận, bỏ gốc lấy ngọn (không nắm bắt những cái cốt yếu), không đi tìm trọng điểm vấn đề mà bắn tên lung tung. Đây chính là tổn thất về lời nói.

Khí cấu (thiếu sót về đấu tranh tinh thần)

Tào Quệ thời Xuân Thu luận về đánh trận nói: “Phu chiến, dũng khí dã. Nhất cổ tác khí, tái nhi soai, tam nhi kiệt. Bĩ kiệt ngã doanh, cổ khắc chi” đánh trận thời xưa, gõ trống tiến quân. Khi gõ tiếng trống thứ nhất, sỹ khí thịnh nhất; khi gõ tiếng trống thứ hai, sỹ khí đã suy giảm; gõ tiếng trống thứ ba, thì không còn sỹ khí nữa.

Người giỏi biện luận chú trọng tấn công đối phương ở giai đoạn đầu tiên khi sỹ khí cao ngất, trước tiên tránh nhuệ khí của đối phương, sau đó nắm chắc chủ đề, quay lại tấn công chậm rãi, đợi đến khi sỹ khí đối phương suy kiệt, thì một phát giành chiến thắng.

Người không giỏi biện luận, khi đối diện với sỹ khí mạnh mẽ, không biết lẩn tránh mà lại cứng đầu đối kháng, kết quả khiến cho đôi bên đều đầu rơi máu chảy. Ngoài ra, loại người

này cũng biết nắm bắt nhược điểm của đối phương rồi công kích, để làm mai một nhuệ khí của họ. Kiểu phương thức lấy đá chọi đá hoặc chuyện bé xé ra to, dễ gây nên thiếu sót khi tranh luận.



Kê Thiệu: Ông sống vào thời kì đầu nhà Tây Tấn, là con trai của Kê Khang. Thể thái của ông khôi ngô khỏe mạnh, thông minh anh tuấn. Thời Tấn Huệ Đế làm thị trung. Vì bảo vệ Huệ đế mà ông bị giết chết.

Oán cầu (thiếu sót của việc kết oán)

Khi hai bên biện luận, khi đối phương có sai sót, đừng nắm chắc không buông, chỉ thả ra sai lầm của đối phương, nắm chắc lý thì không bỏ qua cho người ta.

Người không giỏi nắm chắc sai lầm, sẽ giữ chặt sai lầm của người khác, khiến cho đối phương khó xử. Như vậy, đối phương hoặc là vì thể diện phản đối đến cùng, hoặc là oán hận ghi nhớ trong lòng, gây ra thiên kiến với bạn.

Phẫn cầu (thiếu sót về trách móc)

Thông thường bản thân suy nghĩ, nghiên cứu một chủ đề

nào đó, lâu rồi cũng có thu hoạch. Kiểu luận điểm có được thông qua quá trình suy nghĩ tìm tòi trong thời gian dài này, rất khó có thể khiến người khác hiểu chỉ bằng hai ba câu ngắn gọn.

Bản thân mình hiểu rõ vấn đề, nhưng lại không thể khiến cho người khác cũng hiểu trong một khoảng thời gian ngắn, như vậy sẽ sinh ra thiếu sót về trách móc.

Vọng cầu (thiếu sót về lời nói xằng)

Hai bên khi chất vấn bắt bẻ, nhất định phải chú ý thảo luận vấn đề. Bởi vì khi hai bên đến lúc biện luận hăng hái sẽ rất dễ lạc đề, tình huống này càng dễ bắt gặp hơn với những người có khả năng biện luận tương đối kém.

Vì vậy, người giỏi chất vấn biện luận, nhất định lúc nào cũng phải nắm chắc chủ đề, khi đối phương quá hưng phấn mà lạc đề thì phải nghĩ cách để dẫn đối phương quay lại chủ đề. Người không giỏi chất vấn biện luận, khi đối phương hưng phấn quá mà lạc đề, không những không nghĩ cách lôi người ta trở lại, mà ngược lại còn càng ngày càng lạc đề, như vậy, biện luận sẽ không có ý nghĩa gì cả.



Vương Đạo: là danh thần nhà Đông Tấn. Thời trẻ phong độ khí chất xuất chúng, học thức cao, có hoài bão lớn. Cao sỹ Trần Lưu nói ông có sự độ lượng và tài năng làm tướng soái hoặc tể tướng. Sau này phò trợ Tấn Nguyên Đế độ giang, thành lập vương triều Đông Tấn.

Nộ cầu (thiếu sót về phần nộ)

Khi mỗi người đang nghĩ về việc gì đó trong lòng, thì thường không thể phân tâm đi nghe những gì người khác nói, chính là câu chúng ta vẫn thường nói: một trái tim không thể chia đôi ra dùng được, cũng giống như Lưu Thiệu nói: “Tư tâm nhất trí, tắc bất văn lời đình” (đang chuyên tâm, tập trung suy nghĩ, thì đến tiếng sấm sét cũng không nghe thấy) do đó khi thảo luận thường có thể phát hiện ra rằng, nhiều người một mặt chỉ nghĩ đến ý kiến của mình mà không nghe những gì người khác nói, mặt khác lại yêu cầu khi mình nói, đối phương phải nghe những gì mình nói.

Trên thực tế, khi mình đang nói, đối phương cũng đang suy nghĩ về ý kiến của họ, chứ không nghe những gì bạn nói. Như vậy, đôi bên đều không nghe những gì đối phương nói, rất dễ gây ra hiểu nhầm. Hai bên sẽ hiểu nhầm và chỉ trích đối phương vô lý, đây chính là căn nguyên gây ra sự phần nộ

Sáu loại thiếu sót nhắc đến ở trên, thường xuyên gặp phải khi biện luận. Mặc dù có nhiều thiếu sót như vậy, nhưng phương pháp biện luận này vẫn rất cần thiết trong biện luận, sẽ thu được hiệu quả ngay, nếu không thì nếu mỗi bên đưa ra ý kiến của mình mà không chất vấn, thì sẽ không thể biết được ai là nhân tài có thể dùng được.

Tám kĩ năng

Người giỏi biện luận, biết dùng đúng chừng mực, biết nhường nhịn người khác, tuyệt đối không nắm chuỗi mà làm khó người khác. Người như vậy mới được coi là tinh tế cao minh!

Họ năng thông (biết lắng nghe), năng tư (biết suy nghĩ), năng thức (biết nhận thức), năng từ (biết nói bằng lời), năng tiếp (biết nhanh), năng thủ (biết bảo vệ), năng công (biết tấn công), năng đoạt (biết giành lấy), có đầy đủ cả tám loại kể trên, sau khi có thể hiểu đạo lý ở đời, hiểu biện luận ở đời, mới có thể nhận biết con người. Nếu như không thể có đầy đủ cả bát năng, mà chỉ có một năng, vậy thì là người thiên tài (chỉ giỏi một mặt).

Nói chuyện, biện luận yêu cầu lý lẽ, mà những lý lẽ con người hiểu do tài năng, tài tính (tư chất, bản tính) quyết định, tư chất mà khác nhau, lý cũng khác nhau, do đó người biện luận chính xác phải có tám loại kỹ năng dưới đây:

Năng thông: tai có thể nghe hiểu ý của đối phương. Những người có tài, hữu dụng nghe giọng nói là có thể phán đoán tình hình, đây là tài năng của những nhân vật nổi tiếng. Trong *Khổng Tử gia ngữ* có kể về một câu chuyện của Khổng Tử, trên đường trở về nước Tề, Khổng Tử nghe thấy tiếng khóc vô cùng ai oán, ông liền nói với những người xung quanh: “Tiếng khóc này đau đớn thì đau đớn, nhưng không phải sự đau đớn của người đau đớn” tiếp tục đi về phía trước, gặp phải người đang khóc, Khổng Tử xuống xe hỏi thăm, biết ông ta tên là Khâu Ngô Tử. Hỏi vì sao khóc, Khâu Ngô Tử thở dài nói: “Trong đời tôi có ba sai lầm lớn nhất, đến nay tuổi đã già mới có thể giác ngộ được, nhưng hối hận không kịp, vì vậy nên mới khóc”. Người xưa nói: Triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ (ý nói bây giờ đã biết đạo lý rồi, thì hãy để những sai lầm trong quá khứ trôi qua đi, từ bây giờ bắt đầu làm lại theo đạo lý). Khâu Ngô Tử vì hối hận mà khóc, có phong thái của cao nhân. Còn Khổng Tử có thể nghe giọng mà phân biệt tâm sự của con người thì lại là người rất có thiên tư trời phú.



Sầm Bành: là danh tướng khai quốc nhà Đông Hán. Ông đi theo Lưu Bị, nhiều lần lập chiến công, được phong làm Vũ Dương Hầu. Khi tiến sâu vào địa phận nước Thục, bị thích khách giết.

Khi Khổng Tử hỏi nguyên nhân Khâu Ngô Tử khóc, Khâu Ngô Tử nói: “Tôi thời trẻ ham học hỏi, chu du thiên hạ, nên đã không thể tiễn đưa cha mẹ phút cuối đời, đây là sai lầm thứ nhất. Tôi là thần tử của nước Tề nhiều năm, Tề vương nay ngang ngược xa xỉ, mất lòng người trong thiên hạ, tôi nhiều lần khuyên ngăn, can gián đều không thành, đây là sai lầm thứ hai. Ngày thường tôi kết nhiều bạn, giao tình sâu sắc, không ngờ đến sau này đều tuyệt giao hết, đây là sai lầm thứ ba. Tôi làm con bất hiếu, thần bất trung, bạn bất thành (chân thành), còn có mặt mũi nào sống trên cõi đời này?”. Nói xong, liền lao mình xuống dòng nước.

Tam hồi của Khâu Ngô Tử, trong xã hội ngày nay, đã trở thành phẩm chất cao thượng của kẻ sĩ thời xưa khó mà trông thấy được nữa. Khả năng nhận biết con người của Khổng Tử từ đó mà lưu truyền hậu thế.

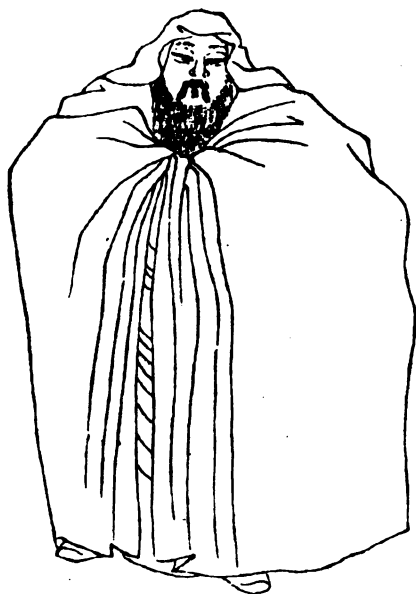
Năng tư, tư tưởng có thể sáng tạo lý luận mới, như ngựa

thần bay (ví với văn chương, thi ca, thư pháp hào phóng, không câu thúc), từ không hóa có, tư duy sáng tác không thiếu, đây là tài năng cầu tứ suy nghĩ. Từ Nho Tử thời Ngụy Tấn lúc chín tuổi, vui chơi dưới trăng. Có người nói: “Nếu trong trăng chẳng có gì, thì sẽ càng sáng”. Từ nói: “Nếu trong mắt con người không có đồng tử, thì sẽ chẳng có chút ánh sáng nào”.

Năng thức, ánh mắt có thể nhìn ra cơ hội trong tương lai. Có thể nhìn thấy những gì người khác không thấy, dự đoán xu thế và cơ hội trong tương lai, đây là tài đạt thức. Tào Tháo ngày trẻ gặp Kiều Huyền, Kiều Huyền nói Tào Tháo là “anh hùng thời loạn, gian tặc trị thế”, đúng là có cái nhìn tiên đoán.

Năng từ: lời nói có thể biểu đạt ý tứ của bản thân, diễn đạt rõ ràng, giỏi ăn giỏi nói dựa vào ba tắc lưỡi, có thể chống lại thiên quân vạn mã, đây là tài cung cấp cứu trợ.

Năng tiếp: hành động có thể sửa chữa sai lầm, khuyết điểm của bản thân, chuyển bại thành thắng, đây là tài năng ứng biến nhanh nhạy.



Đỗ Mậu: là danh tướng khai quốc nhà Đông Hán. Khi Lưu Tú chinh chiến Hà Bắc đã đầu quân cho Lưu Tú, đi theo phò tá. Do lập chiến công nên được phong là Lạc Hương hầu. Sau được phong là Phiếu Kị đại tướng quân, trấn thủ biên giới. Sau do khiến cho quan quân giết dân, nên bị miễn chức quan.

Năng thủ: phòng thủ có thể ngăn chặn sự tấn công của đối phương, giỏi phòng thủ, một giọt nước cũng không thể lọt vào, đây là tài năng đưa ra chủ trương.

Năng công: tấn công có thể phá vỡ sự phòng thủ của đối phương, coi tấn công là sự phòng thủ tốt nhất của bản thân, đây là tài có thể nghĩ triệt để, thông suốt.

Năng đoạt, tìm ra điểm mâu thuẫn của đối phương mà công kích, khiến cho quan điểm của đối phương tự mâu thuẫn với nhau, cuối cùng đầu hàng, đây là tài giỏi ăn nói ứng phó. Có thể cho thấy rõ quan điểm này nhất có lẽ chính là câu chuyện tự mình mâu thuẫn trong *Hàn Phi Tử - nan nhất*. Người bán phóng đại lá chắn của mình “không cái gì có thể xuyên qua”, lại phóng đại mác của mình “không vật nào là không xuyên qua được”. Sau đó có một người đứng bên bảo người bán dùng mác của mình đâm vào lá chắn của mình, xem có kết quả ra sao, người bán nín chặt không còn lời nào để nói.

Lời nói là biểu hiện của tâm linh, do đó từ kĩ xảo nói năng và biện luận, có thể thấy được những loại người với tài năng khác nhau.

Biện nhận nhị yếu quyết

(hai bí quyết để phân biệt, nhận biết con người)

Khi người đa tài nói chuyện và biện luận với người đa tài, bởi vì đôi bên đều có cả bát năng, vì vậy tâm linh thần thông, chỉ cần vài câu đơn giản là có thể kết nối được với nhau; khi người đa tài nói chuyện và biện luận với kẻ vô tài, thì phải

nhấn nạt, quan sát thông qua lời nói, sắc mặt, dẫn dắt từ từ thì mới có thể kết nối, hiểu nhau được. Mười nội dung chủ yếu trong việc kết nối của họ (cũng chính là mười kĩ năng biện luận của người đa tài) như sau:

Mặc dù bản thân thông minh tuyệt đỉnh, tự tin chắc chắn, nhưng thường chuẩn bị lui lại về sau, quyết không khoe khoang tài năng của mình.

Nói lời hay, hiểu lý rồi thì dừng lại. Đối phương nói sai, không được chăm chăm nhìn vào cái sai của người ta, bám chặt lấy không buông.

Một mặt để cho đối phương nói thoải mái những gì họ muốn nói, mặt khác giúp đỡ họ phát huy tài năng của mình.



Đậu Dung: danh tướng nhà Đông Hán. Thời trẻ cũng có chí lớn. Bên trong tu dưỡng hiếu nghĩa, bên ngoài tiếp hào kiệt. Sau đi theo Lưu Tú. Ông giỏi tự mình xử lý, sáng suốt biết tự bảo vệ bản thân mình, được Quang Vũ đề đãi ngộ rất tốt.

Nói chuyện biện luận, nhân nghĩa là thứ nhất, không lợi dụng để châm chọc điểm yếu của người khác, cũng không tận dụng thời cơ để khoe khoang điểm mạnh của mình.

Nói chuyện với mọi người, sau khi lấy được lòng tin của

đối phương có thể nói ra chỗ còn hạn chế của đối phương, nếu không, giao tình bình thường mà nói quá sâu, đối phương cho rằng bạn đang phỉ báng họ và họ không tiếp thu.

Không hát bằng giọng khác, mà làm mất đi bài hát hay; không cho rằng người khác ngu dốt, mà bỏ qua cái thiện, mỹ của người ta. Đối phương dù có dốt đến đâu đi chăng nữa thì cũng có điểm nào đó thông minh, cần phải thử xem ưu điểm của họ, chứ không nên phủ định hoàn toàn.

Chất vấn tranh luận, hoặc thủ hoặc công, hoặc tiên hoặc lui, bất luận là nắm chắc thời cơ, hay là suy nghĩ rồi đưa ra phán đoán, đều rất xác đáng.

Thuận theo tâm khí của đối phương, khi đối phương khí thịnh phải tránh đi; khi đối phương khí kiệt thì đó là thời cơ công kích tốt nhất.

Lúc biện luận, muốn làm cho đối phương phải tâm phục khẩu phục không phải là chuyện gì dễ dàng, nếu đã giành được lý, thì không được áp đảo người khác, được nước lấn tới.

Khi nói chuyện, biện luận phải tâm bình khí hòa, không nên chỉ nhìn vào thân phận của đối phương, không nói lý chỉ vì cầu danh, mục đích của biện luận chỉ là để đạt được chân lý mà thôi.

Có đầy đủ cả 10 yếu lĩnh như trên, mới đủ tư cách nói chuyện biện luận với người khác, xử lý nhiều chuyện phức tạp. Trong cuộc sống thực tế, cố gắng rèn luyện nhiều, thì cũng rất dễ có thể nắm bắt được những điều này.

Thượng đại phu Yển Anh của nước Tề thời Xuân Thu là một người đa tài. Tư Mã Thiên vô cùng tôn sùng, khâm phục ông, nói ông “bắt nhục sứ mệnh, hùng biện tứ phương”. Giai

đoạn cuối thời Chiến Quốc, nước Sở hùng mạnh, các nước nhỏ đều đến lạy châu. Một lần, Yến Anh đi sứ nước Sở, Sở Linh vương nghe nói ông thân hình thấp bé, quyết định hạ nhục ông một phen. Khi Yến Anh đến kinh đô nước Sở, phát hiện cửa lớn không mở, chỉ mở một cái cửa nhỏ. Người giữ cửa bảo ông vào trong qua cái lỗ chui của chó. Yến Anh từ tốn nói: “Người đi sứ nước cầu ra vào bằng cửa cầu, người đi sứ nước của người, ra vào bằng cửa của người. Tôi không biết đã đến nước của cầu hay nước của người vậy?”. Sở vương nghe xong, không còn cách nào đành phải mở cổng thành, để Yến Anh đường đường chính chính bước vào kinh đô nước Sở.



Yến Anh: là nhà chính trị, tư tưởng, ngoại giao quan trọng vào thời kì cuối của thời Xuân Thu. Ông là Thượng đại phu của nước Tề, liên tiếp nhậm chức qua ba triều. Tư Mã Thiên vô cùng tôn sùng, coi trọng ông, đánh giá ông “bất nhục sứ mệnh, hùng biện tứ phương”.

II. Luận thanh

Thanh chủ “trương”, tầm phát xứ kiến; âm chủ “liễm”, tầm kiệt xứ kiến. Thanh hùng giả, như chung tắc quý, như la tắc tiện; thanh thư giả, như trĩ minh tắc quý, như oa minh tắc tiện.

Nguyên văn

Thanh dữ thanh bất đồng⁽¹⁾. Thanh chủ “trương”, tầm phát xứ kiến; âm chủ “liễm”, tầm kiệt xứ kiến⁽²⁾. Biện thanh chi pháp, tất biện hỉ nộ ai lạc⁽³⁾. Hỉ như chiết trúc, nộ như âm lôi khởi địa, ai như kích bạc băng, lạc như tuyết vũ phong tiền, đại khái dĩ “khinh thanh” vi thượng⁽⁴⁾. Thanh hùng giả,

⁽¹⁾ Thanh dữ thanh bất đồng: Trong sinh học và vật lý hiện đại, “thanh” và “âm” là cùng một khái niệm, bản chất không có gì khác nhau cả. Người xưa thì cho rằng “thanh” và “âm” không giống nhau, chủ trương nói đến “âm thanh” của con người, âm thanh phát ra khi vừa mở miệng gọi là “thanh”, lúc này dây thanh rung động căng mà kịch liệt; sau khi động tác của miệng dừng lại, dây thanh căng đã được thả lỏng, âm thanh trong không trung lưu lại một đoạn dư âm vẫn vút, đây chính là “âm”.

⁽²⁾ Thanh chủ “trương”, tầm phát xứ kiến; âm chủ “liễm” tầm kiệt xứ kiến: thanh chủ “trương”, tức là thanh chủ yếu “trương”, ý là thanh bị “trương” chủ quản. “Trương” ở đây có thể dịch là khởi động. “Kiến” ở đây là nghe thấy. “Liễm” thu, có thể dịch là đóng lại. “Kiệt” dừng. Ý của bốn câu này là: thanh đến từ sự khởi động của cơ quan phát âm, có thể nghe thấy khi cơ quan phát âm khởi động; âm đến từ sự đóng lại của cơ quan phát âm, có thể nghe thấy khi cơ quan phát âm đóng lại.

⁽³⁾ Biện thanh chi pháp, tất biện hỉ nộ ai lạc: tình cảm hỉ nộ ai lạc của con người không giống nhau, lúc nói chuyện thể hiện, tốc độ và mật độ của dòng khí, mức độ căng và kịch liệt của dây thanh đều khác nhau, vì vậy tác giả cho rằng “biện hỉ nộ ai lạc” là “biện thanh chi pháp” là chính xác. Ý của hai câu này là: phương pháp phân biệt thanh, quan trọng nhất là phân biệt tình trạng của thanh khi con người bộc lộ tình cảm hỉ nộ ai lạc.

⁽⁴⁾ Hỉ như chiết trúc, nộ như âm lôi khởi địa, ai như kích bạc băng, lạc như tuyết vũ phong tiền, đại khái dĩ “khinh thanh” vi thượng: “Hỉ như chiết trúc” lúc cây tre gãy, âm thanh phát ra giòn giã vui tai, không tung không tục, đặc điểm là ung dung. “Nộ như âm lôi khởi địa”, sấm dội đất bằng ngày âm u, hùng tráng mãnh liệt, không bạo không gấp, đặc điểm là có sự bao dung. “Ai như kích bạc băng”: phá vỡ băng mỏng, thanh của nó vỡ nhưng không gấp, thê lương nhưng không khắc nghiệt. Đặc điểm là chấm dứt bình lặng. “Lạc như tuyết vũ phong tiền” là tuyết nhảy múa trước khi cơn gió mạnh thổi

như chung tắc quý, như la tắc tiện⁽¹⁾; thanh thử giả, như trĩ minh tắc quý, như oa minh tắc tiện⁽²⁾. Viễn thính thanh hùng, cận thính du dương, khởi nhược thừa phong, chỉ như phách cầm, thượng thượng⁽³⁾. “Đại ngôn bất tương thần, tế ngôn bất lộ xỉ”, thượng dã⁽⁴⁾. Xuất nhi bất phản, hoang giao ngư minh⁽¹⁾; cấp nhi bất đạt, thâm dạ thử tước⁽²⁾; hoặc tự cú

đến. Tuyết bay trong không trung trước khi gió lớn kéo đến, yên tĩnh nhẹ nhàng, không cuồng không dâm, đặc điểm là cởi mở. “Đại khái” ở đây nghĩa là đều. “Dĩ”: vì. Ý của năm câu này là: thanh hân hỉ như tre xanh gãy, giòn giã vui tai; thanh phần nộ như sấm dội đất bằng, hùng tráng mạnh mẽ; thanh bi ai như phá vỡ băng mỏng, vỡ vụn thê thảm; thanh hoan lạc như hoa tuyết bay lượn trong gió trước khi cơn gió to ào đến, yên tĩnh, nhẹ nhàng. Bất luận thanh nào, đều do nhẹ nhàng trong sáng mà được gọi là giai phẩm.

⁽¹⁾ Thanh hùng giả, như chung tắc quý, như la tắc tiện: “Thanh hùng” thanh đầy ắp sự mạnh mẽ, lạnh lạnh. “Như chung tắc quý” tiếng chuông vang sáng trầm hùng, lạnh lạnh vang xa, đầy ắp khí dương cương, nên là “quý”. “Như la tắc tiện”: tiếng của thanh la mỏng nhẹ bằng phẳng, tản mạn vội vã, khí dương cương quá thịnh, không có chút khí âm nhu nào, nên “tiện”. Ý của ba câu này là: nếu thanh mạnh mẽ lạnh lạnh, vậy thì giống tiếng chuông sáng vang trầm hùng thì quý, giống tiếng thanh la mỏng nhẹ bằng phẳng, thì ti tiện.

⁽²⁾ Thanh thử giả, như trĩ minh tắc quý, như oa minh tắc tiện: “Thanh thử”: thanh đầy ắp khí âm nhu văn tú. “Như trĩ tắc quý”: “trĩ” là gà, gà gáy trong sáng bay xa, trong nhu có cương, nên “quý”. “Như oa minh tắc tiện”: tiếng ếch kêu lực kiệt, não động trống rỗng, nên “tiện”. Ý của ba câu này là: nếu thanh ôn nhuận văn tú, vậy thì giống tiếng gà gáy trong sáng vang xa, thì cao quý, giống tiếng ếch kêu huyền não trống rỗng thì ti tiện.

⁽³⁾ Viễn thính thanh hùng, cận thính du dương, khởi nhược thừa phong, chỉ như phách cầm, thượng thượng: “Cận thính du dương” tức là có thanh ôn nhuận văn tú. “Khởi nhược thừa phong”: lúc thanh phát ra du du dương dương, như bay trong gió, vui tai thoải mái. “Chỉ như phách cầm”: lúc thanh thu hồi, giống như cầm sư cao minh ung dung gõ vào đàn ở đoạn cuối kết thúc khúc nhạc, ung dung tự tại. Ý của ba câu này là: nghe từ xa, mạnh mẽ lạnh lạnh, đầy ắp khí dương cương, nghe gần, ôn hòa du dương, đầy khí âm nhu, lúc mới bắt đầu như bay trong làn gió, vui tai thoải mái, lúc kết thúc như cầm sư gõ đàn, ung dung tự tại, đây là thanh tốt nhất.

⁽⁴⁾ “Đại ngôn bất tương thần, tế ngôn bất lộ xỉ”, thượng dã: “Đại ngôn bất tương thần” là tướng cơ thể khỏe mạnh, khí túc, cẩn thận chắc chắn, nên là “thượng”. “Tế ngôn bất lộ xỉ” đây là tướng tinh thần sáng khoái, nho nhã, thanh tú, giỏi giang già dặn, nên cũng là “thượng”. Ý của ba câu này là: Tục ngữ nói “giọng nói cao vút mà không mở to miệng, giọng thấp mỏng nhưng rằng lại ngậm chặt không lộ”, đây là thanh thượng đẳng.

⁽¹⁾ Xuất nhi bất phản, hoang giao ngư minh: “Xuất nhi bất phản” chính là thanh tản mạn trôi nổi, không có dư âm; “hoang giao ngư minh”, ý nói giống như một con

tương liên, điệp điệp lợi khẩu⁽³⁾; hoặc xỉ hầu cách đoạn, giai giai hỗn đàm⁽⁴⁾. Thị tỉnh chi phu, hà túc tỉ giáo?⁽⁵⁾

Bản dịch

Thanh và âm trông thì có vẻ mật thiết không thể tách rời, thực ra chúng có sự khác biệt, là hai loại vật chất không giống nhau. Thanh sinh ra khi cơ quan phát âm khởi động, có thể nghe thấy khi cơ quan phát âm khởi động; âm sinh ra khi cơ quan phát âm đóng lại, có thể nghe cảm giác được nó khi cơ quan phát âm đóng lại. Phương pháp để phân biệt, nhận thức điểm tốt xấu, cao thấp của tướng thanh rất nhiều, nhưng nhất định phải chú ý tiến hành thêm giám định phân biệt tỉ mỉ từ tình cảm hỉ nộ ai lạc của con người. Thanh hân hỉ giống như tre xanh đứt gãy, tình cảm thanh sáng, giòn giã mà vui tai; thanh phẫn nộ như sấm dậy đất bằng, tình cảm hùng tráng mà mạnh mẽ; thanh bi ai như đập vỡ băng mỏng, tình cảm vỡ vụn

bò cô độc kêu giữa đồng không mông quạnh. Ý của hai câu này là: sau khi thanh phát ra, tàn mạn trôi nổi, không có dư âm, giống như một con bò kêu giữa đồng không mông quạnh.

⁽²⁾ Cấp nhi bất đạt, thâm dạ thử tước: “Cấp nhi bất đạt” vội vội vàng vàng, kéo cà kéo kẹt, thanh không trôi chảy. “Thâm dạ thử tước” giống như âm hưởng của con chuột ăn vụng lúc đêm khuya yên tĩnh phát ra. Ý của hai câu này là: vội vội vàng vàng, lúc dừng lúc nói, giống như âm hưởng của con chuột ăn vụng lúc đêm khuya yên tĩnh phát ra.

⁽³⁾ Tự cú tương liên, điệp điệp lợi khẩu: “Tự cú tương liên” lời nói không có thứ tự, lời nói vội vàng, câu nọ liên tiếp câu kia. “Điệp điệp lợi khẩu” đáng vẻ nói không ngừng nghỉ lại nói vội nói vàng. Ý của hai câu này là: lúc nói, câu nọ nối câu kia, không ngừng nghỉ, lại còn vội vội vàng vàng.

⁽⁴⁾ Xỉ hầu cách đoạn, giai giai hỗn đàm: “Xỉ hầu cách đoạn” là âm thanh không lưu loát, nói không rõ. “Giai giai”: ý gốc chỉ tiếng chim hót, ở đây là ý chỉ ngập ngừng. “Giai giai hỗn đàm”, đáng ắp a ắp ứng, hàm hồ không rõ. Ý của hai câu này là: nói năng không rõ, ắp a ắp ứng, hàm hồ hồ hồ.

⁽⁵⁾ Thị tỉnh chi phu, hà túc tỉ giáo: “Thị tỉnh chi phu” là người thô lỗ, dung tục. Ý của câu này là: mấy kiểu tiếng nói như trên, đều là tiếng thô lỗ tục tĩu của người ở nơi chợ búa, không có cái nào không thuộc vào loại hạ đẳng nhất, vốn không đáng nhắc đến.

mà thâm thiết; thanh hoan lạc như hoa tuyết bay lượn giữa không trung trước khi gió mạnh thổi tới, tình cảm yên tĩnh, nhẹ nhàng, mềm mại. Chúng đều có chung một đặc điểm: nhẹ bay mà trong sáng, nên được liệt vào âm thượng giai. Nếu là âm dương cương mạnh mẽ lạnh lạnh, vậy thì cũng giống như tiếng chuông vang sáng trầm hùng, thì cao quý; giống như tiếng thanh la nhẹ nhàng trôi nổi, thì là ti tiện. Nếu là thanh âm nhu ôn hòa thanh tú nho nhã, vậy thì, nếu thánh thót du dương như tiếng gà gáy, thì cao quý; nếu ồn ào trống như tiếng ếch kêu, thì là ti tiện. Nghe từ xa, mạnh mẽ lạnh lạnh, đầy ắp khí dương cương, nhưng nghe gần, lại ôn hòa du dương mà đầy ắp âm nhu, lúc mới bắt đầu thì khẽ khàng như bay trong gió, vui tai thoải mái, khi dừng lại như cầm sư đánh đàn, ung dung tự tại, đây chính là thanh tốt nhất trong các loại thanh. Tục ngữ nói, “giọng nói cao vút mà không mở to miệng, giọng thấp mỏng nhưng răng lại ngậm chặt không lộ”, đây chính là thanh tương đối tốt trong các loại thanh. Sau khi phát ra, tản mạn bập bênh, thiếu vọng âm, giống như tiếng kêu của con bò đơn độc giữa đồng không mông quạnh; vội vội vàng vàng, kéo cà kéo kẹt, ngừng ngắt không có tiết tấu, giống như con chuột đang ăn vụng trong đêm khuya yên tĩnh; lúc nói chuyện, câu nọ nối liền câu kia, lời nói không có thứ tự, không ngừng nghỉ, hơi còn vội vội vàng vàng; lúc nói chuyện, nói năng không rõ ràng, ấp a ấp úng, hàm hồ. Mấy kiểu tiếng nói chuyện này, đều thuộc vào tiếng thô lỗ tục tằn của người nơi phố chợ, có gì đáng để so sánh với những thanh ở trên chứ?



Lưu Hoằng Cơ: là công thần khai quốc nhà Đường. Khi còn trẻ, tính tình ông hào phóng, không bó buộc, hành động tùy ý, hào hiệp trượng nghĩa, không theo gia nghiệp. Sau này, ông đầu quân cho cha con Lý Uyên, ra sức chiến đấu, lập công trạng, được phong làm Nhậm Quốc Công.

Ân Khai Sơn: là công thần thời đầu nhà Đường. Thời trẻ nổi tiếng bởi học vấn, phẩm hạnh, đặc biệt rất thích đọc sách viết văn. Sau đi theo cha con Lý Uyên khởi binh, ông lập chiến công, được phong làm Huân Quốc Quân.





Sài Thiệu: là đại tướng thời đầu nhà Đường. Ông là người cường hãn có lực, nổi tiếng là người dám làm vì việc nghĩa, sau khi tham gia quân khởi nghĩa của cha con Lý Uyên, nhậm chức tiên phong, lập nhiều chiến công. Ông được phong làm Tiểu Quốc Công.

Biện thanh chi pháp

“Âm thanh” ngày nay là một từ, thông thường không tách ra làm “âm” và “thanh”. Cũng có sự khác biệt giữa “thanh” và “âm”, “thanh” và “âm” mỗi cái chỉ một thứ khác nhau, mỗi cái có trọng tâm khác nhau, không thể nói một cách đại khái, gộp chung vào được. *Băng Giám* chia làm hai chương để lần lượt bàn về những đặc điểm của “thanh” và “âm”.

Băng Giám cho rằng, sự khác biệt giữa “thanh” và “âm” là:

Không khí được phát ra khi con người mở miệng rung động sinh ra “thanh”, lúc này mật độ không khí chịu rung động lớn, chất lượng cao, cơ quan phát âm căng nhất; sau khi

đóng miệng, phần còn lại vẫn rung động trong không khí sinh ra “âm”, lúc này mật độ rung động của không khí đã giảm, cơ quan phát âm đã thả lỏng, là kết quả truyền “thanh”, là dư âm của “thanh”, như mọi người vẫn thường nói “dư âm còn mãi”. Bằng Giám dùng câu “thanh chủ ‘trương’, tầm phát xứ kiển; âm chủ ‘liễm’, tầm kiệt xứ kiển” để biểu thị ý này.

Trong *Linh Sơn mật điệp* có mấy câu như sau:

Sát kì thanh khí, nhi trắc kì độ;

Thị kì thanh hoa, nhi biệt kì chất;

Thính kì thanh thể, nhi quan kì lực;

Khảo kì thanh tình, nhi suy kì trung;

Trong đó, “thanh khí” gần giống với âm lượng trong thanh học, thông qua độ dày mỏng của “thanh khí”, quan sát khí độ của con người; “thanh thể” tương đương với “trường âm” trong thanh học, người “trường âm” mạnh, lực ắt lớn; “thanh hoa” tương đương với âm chất âm sắc trong thanh học, chất “thanh hoa” đẹp, thì người đó tính tình lương thiện, phẩm chất cao thượng. “Thanh tình” tương đương với âm thanh mang theo cảm xúc. Con người có hỉ nộ ai lạc thất tình, chắc chắn được biểu hiện trong ngữ âm, là “như khắp như tổ, như oán như mộ”, hoặc có một loại âm thanh chan chứa tình cảm khác “tình từ kháng khái, thanh lệ cụ hạ”. Do đó, từ âm có thể phân biện “trung”, tức trạng thái tâm tình của con người. Ví dụ như Trịnh Tử Sản nhận biết âm thanh của người phụ nữ và Khổng Tử nhận biết âm thanh của Khâu Ngô Tử được nói đến ở trên đều là ví dụ điển hình về nhận biết con người qua âm thanh.



Trường Tôn Thuận Đức: là công thần khai quốc nhà Đường, là chú của Trường Tôn Vô Kị. Ông theo Lý Uyên khởi binh, công thành chiếm đất, được phong làm Bệ Quốc Công. Nhưng ông làm quan tham ô, mấy lần bị cắt tước vị, sau lâm bệnh qua đời.

Thanh hỉ nô ai lạc

Trong *Băng Giám* nói: “Biện thanh chi pháp, tất biện hỉ nô ai lạc” phía trước có nói đến, hỉ nô ai lạc của con người ắt được biểu hiện trong âm thanh, cho dù con người cố gắng che lấp và khống chế, nhưng tất cả đều cũng sẽ vô tình mà lộ ra. Do đó, quan sát thể giới nội tâm của con người bằng phương pháp này, là một phương pháp có thể thực hiện được.

Huỳnh đệ Ngô Đạo Trợ, Ngô Phụ Tử thời Ngụy Tấn sống ở phía sau nhà thái thú Đơn Dương Hàn Khang Bá. Sau khi mẹ qua đời, hai anh em nhà họ Ngô thủ tang tại gia, sớm tối khóc thương, cúng tế, thường đến mức thanh cũng bị nuốt trôi xuống cổ họng, khí thì tuyệt, khiến cho người qua đường cũng phải động lòng. Mẹ của Hàn thái thú vô cùng cảm động, nói với con trai rằng: “Nếu sau này con quản lý việc lựa chọn đề bạt của quan lại, nhất định phải chiếu cố đến hai người này”. Sau này Hàn thái thú làm Lại bộ thượng thư. Ngô Đạo Trợ đã qua đời, Ngô Phụ Tử được đề bạt, quan vị hiển hách.

Vậy thì hỉ nộ ai lạc có biểu hiện cụ thể như thế nào?

“Hỉ như chiết trúc”: cây tre do vốn có đặc điểm dẻo giòn, nên “chiết trúc” có thể xào xạc, vừa giòn già vui tai, lại tự nhiên hào phóng, không tục không mị, có tư thái ung dung.

“Nộ như âm lôi khởi địa”: thể âm lôi khởi địa, hùng tráng khí khái, mạnh mẽ uy lực, không thô bạo, có tư thái khoan dung đại độ.



Lỗ Trung Liên: là người nước Tề thời Chiến Quốc. Ông giỏi bàn mưu vạch kế sách, thường chu du liệt quốc, bài trừ nguy nan, giải quyết tranh chấp cho mọi người, tuy nhiên không ham phú quý. Không biết mất như thế nào.

“Ai như kích bạc băng”: băng mỏng dễ vỡ, nhưng âm vỗ vụn đều không tán loạn, cũng không làm nhiều tai, có tướng bi thương, thể lương vô cùng, nhưng không gấp gáp, có tư thái “phát hồ tình, chỉ hồ lễ” (xuất phát từ tình cảm mà phát ra, nhưng biết dừng đến đúng phạm vi của đạo đức, lễ nghĩa, không vượt quá).

“Lạc như tuyết vũ phong tiền”: gió thổi tuyết bay, như người con gái khi chuẩn bị múa, đai áo tung bay phấp phới, vô cùng đẹp, lúc hoa tuyết bay múa nhẹ nhàng chứ không cuồng

nhiệt mạnh mẽ, hoang dã, dịu dàng chứ không ào ạt, có tư thái nhẹ nhàng phóng khoáng, tự nhiên thoải mái.

Thanh phân “thử” “hùng”

Tiếng chuông và tiếng thanh la đều thuộc hùng thanh tức thanh dương cương, âm thanh to khỏe, khí thế to lớn, tuy nhiên tiếng “chuông” vang sáng trầm hùng, vang vọng bốn phương, dư âm bất tuyệt, vui tai thỏa thích, vì vậy là “quý”, còn tiếng “la” thì dứt gãy, mỏng, tản mạn, không có dư âm, chói tai, vì vậy “tiện”.

Gà kêu và ếch kêu đều thuộc thử thanh, tức thanh âm nhu, âm thanh nhẹ mỏng, như tiếng sáo giữa đồng không mông quạnh. Tuy nhiên thanh “trĩ” sáng, dài, thanh động theo khí, có ngừng có nén xuống, trầm bổng, thì cũng vui tai, nghe hay, vì vậy “quý”; còn thanh “oa” thì huyền não hỗn tạp, rất ồn ào, thanh khí tranh nhau phát ra ngoài, bên ngoài mạnh mẽ bên trong kiệt quệ, cũng rất chói tai gai góc, vì vậy là “tiện”.

Từ đây có thể thấy, bất luận là hùng thanh hay thử thanh đều có sự phân biệt quý, tiện. Có người coi hùng thanh là quý còn thử thanh là tiện; có người thì qua loa không tỉ mỉ, không phân thanh đục dày mỏng, đúng là một sai lầm lớn.

“Viễn thính thanh hùng” là nói thanh của người đó có sự hô ứng giữa khe núi, cho thấy người này ắt khí phách mạnh mẽ, bản tính hào phóng; “cận thính du dương” là nói thanh của người đó du dương trầm bổng như ống khèn, cho thấy người này ắt đa tài đa nghệ, trí tuệ siêu quần; “khởi nhược thừa phong” là nói thanh của họ như chim ung bay lượn, cho thấy người này ắt thần thái bay cao, có công có danh; “Chỉ

như phách cầm” là nói thanh của họ như khổng tước trang nhã, cho thấy người này ắt nhân nhã, ung dung tự do. Như trên đều là thanh tốt nhất trong các loại “thanh”, vì vậy được tác giả cho là “thượng thượng”.



Hoàng Bá: là đại thần nhà Tây Hán. Thời trẻ, ông học pháp lệnh. Làm chính trị, bên ngoài khoan dung, bên trong anh minh sáng suốt. Ông ra sức khuyên làm ruộng nuôi tằm, đẩy mạnh giáo dục cảm hóa, là Thành hầu phong kiến đầu tiên lúc bấy giờ.

“Đại ngôn bất trương thân” (nói một cách nghiêm ngặt hơn, đây là điều không thể, nên là “đại ngôn tức bất đại trương thân”) là biểu hiện của cẩn thận, chắc chắn, học thức sâu rộng, có tu dưỡng; “tế ngôn bất lộ xỉ” cho thấy người này ắt ôn hòa nho nhã, thoải mái đơn giản, trưởng thành lão luyện. Trên đây là thanh tốt của “thanh”, vì vậy được tác giả cho là “thượng”.

Người thô lỗ, thanh như tiếng kêu của một con bò giữa đồng không mông quạnh, trầm uất tản mạn, hữu thanh vô vận; đêm khuya tĩnh mịch, đàn chuột ăn vụng, thanh gấp liên tiếp, rục rà rục rịch, người đầu nhọn mặt nhỏ thì “thanh” của họ tương tự như vậy. Còn về “tự cú tương liên, điệp điệp lợi

khẩu”, đủ để thấy lời nói của người này không có thứ tự, thanh không trầm bổng, người này ắt ấu trĩ, nông cạn, không làm nên công trạng gì; “xỉ hèn cách đoạn, giai giai hỗn đàm” đủ để thấy người này ập a ập úng, không biết đang nói gì, ắt nhu nhược yếu đuối, không làm nổi chuyện gì. Tướng “thanh” như trên đương nhiên thuộc vào hạ đẳng, vì thế tác giả mới thấy không đáng nhắc tới mà nói: “hà túc tử giáo!”.

Khi Tùy Văn đế Dương Kiên ở tuổi già, bỏ bê chính sự, lại tin nhầm người, phế thái tử Dương Dũng, lập Dương Quảng, từ đó thiên hạ bắt đầu rơi vào cảnh hỗn loạn. Mười bốn năm, ông lại ban lệnh hiện hành âm nhạc mới. Giám sát quản lý âm nhạc trong thiên hạ lúc bấy giờ là Vạn Bảo sau khi nghe thấy thanh mới, khóc không thành tiếng, nói: “Âm nhạc tai họa và ai oán, thiên hạ không lâu nữa sẽ tận!” lúc bấy giờ bốn bề đều thái bình nên không ai coi đó là thật. Kết quả đến khi Dương Quảng kế vị, không lâu sau thiên hạ đại loạn, vương triều nhà



Tùy cũng nhanh chóng sụp đổ. Đạo lý dựa vào tiếng nhạc để biện chuyện thiên hạ và nghe thanh để phân biệt con người thực ra cũng tương thông với nhau.

Vương Chương: là đại thần thời Đông Hán. Tính tình cương trực, dám nói thẳng nói thật. Vào thời Kinh Triệu, thượng tấu bẩm chuyện Vương Phượng chuyên quyền, sau đó bị Vương Phượng hãm hại chết trong tù.

Chương này ngôn từ đẹp dễ, kiến giải sâu sắc, thể hiện được phong cách hành văn của Tăng Quốc Phiên. Tăng Quốc Phiên phát huy tài năng qua thi cử, tràn đầy khí độ của văn nhân, yêu thích học tập, không những khuyến khích con cái các gia đình học tập không mệt mỏi mà bản thân ông cũng là đại diện của trường phái văn học Tương thời kì hậu Thanh, các tác phẩm luận học đều có thành tựu tương đối lớn. *Thập bát gia thi sao*” do ông biên soạn và *Văn tuyển* do Túc thống thời Ngũ đại biên soạn, có mối liên hệ với nhau, đều là những tác phẩm văn học cổ ưu tú được chỉnh lý biên soạn. Từ đây có thể thấy tài năng văn học của ông.

Cổ nhân luận “thanh”

Thời xưa có cuốn *Luận Thanh* nói rằng: con người có thanh, như tiếng của chuông của trống, to thì thanh vang, nhỏ thì thanh ngắn. Thần thanh thì khí hòa, khí hòa thì thanh mượt, sâu mà tròn đầy lưu loát. Thần đục thì khí vội, khí vội thì thanh gấp gáp mà tản mạn. Vì vậy thanh của quý nhân, phần nhiều xuất phát từ đan điền, tương thông với tâm khí, trọn vẹn mà ngoại đạt. Đan điền là gốc của thanh; lưỡi là biểu hiện của thanh. Gốc của nó sâu thì biểu hiện nặng, gốc nông thì biểu hiện nhẹ, thanh xuất phát từ đan điền và thấy ở lưỡi. Nếu thanh trong mà tròn, chắc mà sáng, chậm mà kịch liệt, gấp gáp mà ôn hòa, dài mà có lực, dũng mãnh mà có tiết tấu. To như tiếng chuông vang, tiếng trống rung; nhỏ như dòng nước chảy, như khúc đàn, thấy sắc của thanh đột ngột, sau đó vang động, duy trì lâu, ứng với lời nói thì đều là tướng của quý nhân.

Lời nói của tiểu nhân, đều bắt nguồn từ lưỡi, vội vàng nhưng bắt đạt. Tại sao vậy? Gấp và nóng nảy, chậm và tắc, sâu mà trì trệ, nông mà hấp tấp. Lửa to thì tán, tán thì vỡ hoặc nặng nhẹ không cân bằng, lạnh lạnh không có tiết tấu, hoặc trùng trùng mà thô bạo, nhiều loạn mà trôi nổi; hoặc như tiếng chuông vỡ, tiếng trống bại; lại như con quạ gáy xám cho chim non ăn, ngỗng vịt nắc nghẹn; hoặc như vượn bệnh cầu bạn đời, cô hạc lạc đàn; mỏng như tiếng giun đất, cuồng như thanh quy kêu lúc nửa đêm; như tiếng chó sữa, như tiếng dê kêu, đều là tướng nông cạn. Nam có giọng nữ thì bần tiện, nữ có giọng nam cũng có hại. Người thân to mà thanh nhỏ thì hung, hoặc người can bộc mà bất tề thì gọi là la võng. Thanh to nhỏ không đều thì gọi là thử hùng. Thanh hoặc là trước chậm sau nhanh, hoặc trước nhanh sau chậm, hoặc thanh chưa dừng mà khí đã tuyệt, hoặc tâm chưa lên mà sắc đã thay đổi, đều là tướng tiện. Không có thần định ở trong, khí hòa ở ngoài, sau đó có thể giao tiếp, không khó phân biệt có thứ bậc trước sau của thanh, mà sắc của lời nói cũng không thay đổi. Nếu như thần bất an, khí bất hòa, thì thứ bậc trước sau của thanh, từ sắc đều hỗn loạn, đây là tướng không đẹp. Con người được ban cho ngũ hành thì khí sắc cũng là tướng ngũ hành. Vì thế thổ thanh sâu dày, mà mộc thanh cao vút, hỏa thanh mãnh liệt, thủy thanh thông thả, gấp gáp, còn kim thanh hòa nhuận. Lại nói người thanh nhẹ đoạn sự vô năng, người thanh phá làm việc không thành, người thanh đục mưu vận không phát, người thanh thấp thô lỗ, vô văn. Người trong sáng như dòng nước chảy trong biển vô cùng quý, phát âm lưu loát, sáng, cảm giác như thanh hưởng của vò (dụng cụ đựng), chỉ ngũ phúc đều có.



Thái Thuận: là người Đông Hán, nổi tiếng là người con có hiếu. Truyền thuyết nói rằng mẹ ông cắn ngón tay, ông lập tức động lòng mà về nhà. Sau này, ông luôn hiếu thảo khiêm nhường, sống đến già ở nhà.

Thơ nói:

Mộc thanh cao sương hóa thanh tiêu, hòa nhuận kim thanh tối phú nhiều.

Ngôn ngữ tức như thâm ung lí, thủy thanh viên cấp vận phiêu phiêu.

Quý nhân thanh âm xuất đan điền, khí chất hầu khoan hường diệp kiên.

Bần tiện bất li thần thiết thượng, nhất sinh bôn tẩu bất kham ngôn.

Thái Thanh thần giám cho rằng:

Người có thanh như tiếng chuông tiếng trống, nếu to thì thanh vang, nếu nhỏ thì thanh ngắn. Thần thanh khí hòa, thì thanh âm áp mà tròn vang. Thần đục khí vội, thì thanh vội vàng mà tản mạn.

Thanh của quý nhân, xuất phát từ trong đan điền, hòa hợp tương thông với tâm khí, mệnh môn cuộn cuộn mà ngoại đạt, tại sao vậy? Đan điền là gốc của thanh. Tâm khí, là đầu của thanh. Lưỡi là biểu hiện của thanh. Gốc sâu thì biểu nặng, gốc nông thì biểu nhẹ.

Nếu thanh của quý nhân, thì thanh mà tròn, chắc mà sáng, chậm mà mãnh liệt, gấp mà ôn hòa, dài mà có lực có uy. Nếu âm lớn như tiếng chuông phát ra vang dội, âm nhỏ thì như dòng suối tung bay, tiếp nối với tiếng thì đột ngột rồi rung động, kéo dài và hô ứng với lời nói. Thanh tốt thì vang xa mà không dứt, nông mà thanh, thâm sâu mà hàm súc, to nhưng không đục, nhỏ nhưng mới mẻ, dư âm mạnh mẽ, lưỡi khèn uyển chuyển trôi chảy, có thể tròn có thể vuông, tướng thanh như vậy thì chủ phúc lộc trường niên.

Nếu là thanh của tiểu nhân, thì phát từ lưỡi, gấp gáp mà không xa, không rời môi, rối loạn mà cách quãng không liên tục, gấp gáp mà tản mạn, chậm mà tắc, thâm sâu mà trì trệ nặng nề, nông mà gấp gáp. Hoặc to mà tán, hoặc như tiếng trống thùng, hoặc như chim gáy xám cho con ăn, hoặc như cô nhận lạc đàn, như tiếng giun đất, lớn như ve kêu buổi tối. Thanh hùng như tiếng chó sủa âm ỉ. Thanh thử như tiếng kêu của con nhận đơn độc. Thanh như vậy, đều là nông cạn.

III. Luận âm

Âm giả, thanh chi dư dã, dữ thanh tương khứ bất viển, thử tắc tông tế khúc trung kiến nhĩ. Bần tiện giả hữu thanh vô âm, tiêm xảo giả hữu âm vô thanh.

Nguyên văn

Âm giả, thanh chi dư dã⁽¹⁾, dữ thanh tương khứ bất viển, thử tắc tông tế khúc trung kiến nhĩ⁽²⁾. Bần tiện giả hữu thanh vô âm, tiêm xảo giả hữu âm vô thanh, sở vị “cầm vô thanh, thú vô âm” thị dã⁽³⁾. Phàm nhân thuyết thoại, thị thanh tán tại tiền hậu tả hữu giả thị dã⁽⁴⁾. Khai đàm đa hàm tình, thoại

⁽¹⁾ Âm giả, thanh chi dư dã: “Âm” nói đến ở đây giống như phía trên đã nói, thực ra chính là dư vận của thanh, vì vậy nói là “thanh chi dư”.

⁽²⁾ Dữ thanh tương khứ bất viển, thử tắc tông tế khúc trung kiến nhĩ: “Khứ” là cách, khoảng cách. “Tế khúc”: chỗ nhỏ bé. “Kiến”: nghe thấy và phân biệt được. “Nhĩ”: mà thôi. Ý của hai câu này là: thực ra, âm và thanh không khác nhau nhiều, sự khác biệt của chúng ở chỗ nhỏ bé vẫn có thể nghe ra.

⁽³⁾ Bần tiện giả hữu thanh vô âm, tiêm xảo giả hữu âm vô thanh, sở vị “cầm vô thanh, thú vô âm” thị dã: “Bần tiện giả hữu thanh vô âm” là nói người bần tiện tiếng nói thô lỗ, mang đến cho người ta cảm giác và ấn tượng là “hữu thanh vô âm”. Thực ra thì ở đây chỉ có thể hiểu là tiếng của người bần tiện luôn luôn thiếu dư vị nho nhã và tình cảm ấm áp. “Tiêm xảo giả, hữu âm vô thanh”: “Tiêm xảo giả” chính là người giỏi nguy trang giả tạo, loại người này giả hoạt, vô cùng khéo léo. “Tiêm xảo giả” hành sự luôn luôn tỉ mỉ thận trọng, nói năng chậm rãi, khí mỏng, vì vậy mang đến cho người ta cảm giác và ấn tượng là chỉ có “âm” mà không có “thanh”. “Cầm vô thanh, thú vô âm” là nói chim hót riu rít, liên miên mà không có khí mạnh, thuộc “vô thanh”, thú gầm gào cao vút, thô lỗ chứ không nho nhã, thuộc “vô âm”. Ý của bốn câu này là: người bần tiện nói chuyện có thanh mà không có âm, người giả hoạt nói chuyện có âm mà không có thanh, tục ngữ nói “chim hót vô thanh, thú gầm vô âm” chính là tương tự như vậy.

⁽⁴⁾ Phàm nhân thuyết thoại, thị thanh tán tại tiền hậu tả hữu giả thị dã: “Phàm nhân” người bình thường. “Thanh tán tại tiền hậu tả hữu” do “thanh chủ ‘trương’”, tiếng do không khí truyền đi, hình thành nên sóng âm, phân tán trong không khí tức trước sau trái phải. Ý của hai câu này là: người bình thường nói chuyện, thực ra chỉ là một loại âm hưởng phát tán trong không khí mà thôi.

chung hữu dư hưởng, bất duy nhĩ nhân, kiêm xưng quốc sỹ⁽¹⁾; khẩu khoát vô dật xuất, thiết tiêm vô điệu âm, bất duy thực hậu, kiêm hoạch danh cao⁽²⁾.

Bản dịch

Âm là sóng dư hoặc dư vận của thanh. Âm và thanh không khác xa nhau mấy, sự khác biệt giữa chúng từ chỗ nhỏ bé có thể nghe thấy. Người bần cùng tị tiện lời nói chỉ có thanh chứ không có âm, thô lỗ không nho nhã; người tròn trịa sắc sảo lời nói lại chỉ có âm chứ không có thanh, thấy giả tạo. Tục ngữ nói “chim kêu vô thanh, thú gầm vô âm” chính là ý này. Người bình thường nói chuyện, chẳng qua chỉ là một loại âm hưởng phát tán trong không khí mà thôi, chứ không có âm để nói. Nếu lúc nói chuyện, vừa mở miệng đã rung động, mà trong thanh chan chứa tình cảm, đến khi lời nói kết thúc, vẫn còn dư âm chưa dứt, thì là người nho nhã, hơn nữa có thể gọi

⁽¹⁾ Khai đàm đa hàm tình, thoại chung hữu dư hưởng, bất duy nhĩ nhân, kiêm xưng quốc sỹ: “Khai đàm đa hàm tình”, chỉ lúc nói chuyện, vừa mở lời tình đã có trong thanh, trong thanh chứa tình, đây là nói “thanh” xuất phát từ “tình”, ngữ thái tự nhiên mà chân thành. Câu này là nói đặc điểm của “thanh” tốt là “đa hàm tình”. “Thoại chung hữu dư hưởng” chỉ lúc nói, lời nói mặc dù đã hết, nhưng dư vận vẫn còn vọng lại trong không trung. “Bất duy” không chỉ. “Nhĩ nhân” người nho nhã. “Quốc sỹ” danh sỹ của quốc gia hoặc xã hội. Ý của bốn câu này là: lúc nói chuyện, vừa mở lời thì trong thanh đã ẩn chứa tình, ngữ thái tự nhiên mà chân thành, lời nói dứt rồi, dư âm vẫn còn bay lượn trong không trung, khiến cho người khác thấy dư vị vô cùng. Người này không chỉ là người ôn hòa nho nhã, mà còn được gọi là danh sỹ của xã hội.

⁽²⁾ Khẩu khoát vô dật xuất, thiết tiêm vô điệu âm, bất duy thực hậu, kiêm hoạch danh cao: “Khẩu khoát” miệng to rộng. “Dật xuất” chỉ thanh chưa động mà khí đã xuất trước, nói chuyện thô thanh đại khí. “Thiết tiêm” chỉ nói chuyện sắc xảo lanh lợi. “Điệu” đồng âm “khiêu”, khinh khiêu, tức tùy tiện không nghiêm túc. “Thực hậu” bên trong tu dưỡng thâm hậu. Ý của bốn câu này là: lúc nói chuyện, cho dù miệng rộng nhưng thanh chưa phát mà khí đã xuất, không thô thanh đại khí, cho dù khéo léo lưu loát thì cũng không có âm giả tạo khinh khiêu, tức không giả tạo. Điều này không chỉ cho thấy trong người tu dưỡng thâm hậu, mà còn thấy trước được người này sẽ được thành danh.

là nhân sỹ nổi tiếng của xã hội. Nếu lúc nói chuyện, cho dù miệng to mồm rộng, nhưng thanh thanh chưa phát khí đã ra trước, cho dù mồm miệng lạnh lợi, nhưng lại không giả tạo khinh khiêu, điều này không chỉ cho thấy người này tu dưỡng thâm hậu, mà còn dự báo người này sẽ đạt được thanh danh.



Hoàng Phủ Quy: là danh tướng thời Đông Hán. Ông xuất thân từ gia đình quan võ, có kiến thức, thành thực binh pháp. Sau vì dâng thư luận tội Lương Ký nên bị bãi chức. Sau khi Lương Ký chết, ông lại ra làm quan, bình định biên cương lập công.

Cầm vô thanh, thú vô âm

“Âm giả, thanh chi dư dã”. Đầu đoạn, nối tiếp chương trước, nói rõ bản chất của “âm”, cũng là chỗ khác biệt giữa “thanh” và “âm”. Âm thanh có trường âm, cường độ âm thanh, âm chất và âm sắc, tiếng của mỗi người có đặc điểm riêng, âm thanh các loại nhạc cụ phát ra cũng không giống nhau, những sự khác biệt này đều là do âm sắc tạo thành. Âm thanh của piano, violon, nhị hồ, sáo không giống nhau, nhưng

đều có thể phát ra những âm thanh vui tai, nghe rất hay, nhưng phương pháp lại không giống nhau, những âm thanh được tấu ra lại không nhất định có thể hài hòa với nhau. Âm sắc có sự phân biệt đẹp và không đẹp, âm sắc đẹp thì chất của nó hoa mỹ, do đó chủ quý, âm sắc không đẹp thì chất lậu bại, vì vậy chủ tiện.

“Cầm vô thanh, thú vô âm” là sự giải thích cho “bản tiện giả hữu thanh vô âm, tiêm xảo giả hữu âm vô thanh” ở câu trên. Tháng ba mùa xuân, chim chóc đua nhau hót, tiếng oanh hót uyển chuyển, tiếng chim yền lừ rầu, rầu ra rầu rít, chíp cha chíp chíp, không thể nói là không vui tai, cũng không thể nói là không hay, tuy nhiên thưởng thức kĩ hơn, luôn cảm thấy tình hữu dư liên miên, mà khí hào tráng lại bất túc, là cái mà chúng ta gọi là “mị mị chi âm” (âm ủy mị, yếu ớt). Đây chính là “cầm vô thanh”. Núi hoang đồng không, sư tử gầm sôi hú, vô cùng kinh hãi, thô lỗ không nho nhã, mặc dù mạnh mẽ

hùng tráng, nhưng lại thiếu sự uyển chuyển. Đây chính là “thú vô âm”. “Cầm vô thanh” tiêm xảo, “thú vô âm” bản tiện, dùng để ví với con người, vô cùng xác đáng.



Biện Hồ: là nhà chính trị nổi tiếng thời nhà Tấn. Khi còn trẻ đã có danh vọng, làm đến chức Thượng thư lệnh. Thời Thành đế, Tô Tuấn làm phản, Biện Hồ ra sức chiến đấu giành thắng lợi.

Thính âm dụng nhân (lắng nghe âm để dùng người)

“Phàm nhân thuyết thoại, thị thanh tán tại tiền hậu tả hữu” ý thật sự của tác giả là nói lời nói của người bình thường, chỉ có “thanh” mà vô “âm”, hữu thanh hữu âm mới được coi là người không có thiếu sót.

“Khai đàm đa hàm tình” là nói tình cảm chan chứa trong lòng, thái độ lời nói ắt thoả mái, không có dáng vẻ cố tình giả tạo, hoàn toàn khác với loại “vị ngôn tiên tiếu” khinh bạc kia.

“Thoại chung hữu dư hưởng” chỉ âm của lời nói thanh thuần vang xa, nho nhã, hay, dư vận vẫn vương không rời, hiệu quả cộng hưởng tốt.

“Khai đàm đa hàm tình, thoại chung hữu dư hưởng” tổng hợp lại cho thấy người có phú quý khí chất rất thoát tục, phong độ nho nhã, cử chỉ thoả mái tự nhiên, lời ăn tiếng nói lịch sự nho nhã, thanh minh chính trực, có phong độ của cao nhân quốc sỹ.

Con người coi tình là chính, nhưng lời nói tốt nhất vừa có tình vừa có lý, có cả hai thì đẹp, như vậy mới có thể thâm nhập vào trong lòng người khác, rất có sức lay động. Khâu Cát Nhĩ - bậc kỳ tài về diễn thuyết có sức lan truyền nhanh chóng trời phú chính là điển hình về mặt này.

Dật trong câu “Khẩu khoát vô dật xuất”: là nói trong cuộc sống, người miệng to mồm rộng, thích coi như bên cạnh chẳng có ai, ăn nói khoác lác, hơn nữa còn thích cho rằng mình giỏi hơn người khác, khoác lác. Loại người này khi nói chuyện, thường mặt đầm lẹ, trong miệng đầy bọt, kiểu tướng

thanh chưa phát mà khí đã xuất, lời chưa ra mà nước bọt đã phun này gọi là “dật xuất”. Anh hùng hào kiệt ngao du trong giang hồ, trên người đầy khí của đồng cỏ, nhưng vẫn không mất đi bản sắc anh hùng, trong quá trình phát triển sự nghiệp, họ từng bước một tăng cường văn trị công phu của bản thân, từ đó đạt được thành công. Như Lưu Bang, như Chu Nguyên Chương. Còn những anh hùng giống như Lương Sơn Bá lại coi nhẹ văn trị, từ đó gây nên bi kịch của lịch sử.



Ôn Kiệu: là đại thần nhà Đông Hán. Khi Vương Đôn nhiều loạn triều chính, ông từng vạch kế hoạch tiêu diệt Vương Đôn cho Tán Minh đế. Ông từng bình định loạn Tô Tuấn, không lâu sau lâm bệnh qua đời.

KHÍ SẮC GIÁM

Căn cứ nhận biết, phân biệt tổ chất tổng hợp

I. Tổng luận khí sắc⁽¹⁾

Diện bộ như mệnh, khí sắc như vận. Đại mệnh cổ nghi chính tề, tiểu vận diệc đương hanh thái. Đại giả chủ nhất sinh họa phúc, tiểu giả diệc tam nguyệt cát hung.

⁽¹⁾ Khí sắc: “Khí” và “sắc” gọi chung lại là “khí sắc”. “Khí” và “sắc” là khái niệm chỉ có ở triết học Trung Quốc. “Khí” vừa là chỉ vật chất có tính tổng hợp đang lưu chuyển trong cơ thể của sinh mệnh, lại chỉ động lực vốn có của sinh mệnh hoặc gọi là sức sống. Nó vô hình vô thể, vô sắc vô vị, lại là một sự tồn tại khách quan có thật, chẳng không ngừng trong cơ thể như dòng máu, khí vương có thể được biểu hiện ra bên ngoài, tức là con người có thể nhìn thấy được. Còn “sắc” thì là một trong những hình thức biểu hiện bên ngoài của “khí”. Nó là thứ hiện ra bên ngoài bề mặt cơ thể con người, nói về cơ thể con người thì nó là màu da. Con người thường nói một khuôn mặt nào đó xuất hiện màu đen, tức là có chuyện không thuận, chính là nói về sắc. Triết học và y học Trung Quốc cho rằng, “khí” có mối quan hệ mật thiết với “sắc”, “khí” là gốc rễ của “sắc”, “sắc” là mầm của “khí”, “sắc” thể hiện “khí”, “khí” quyết định “sắc”. “Khí” lại chia làm hai loại, một là “khí” trời sinh đã ban cho, một là “khí” được tu dưỡng sau này. Như Mạnh Tử nói: “Ngô thiên dưỡng ngô hạo nhiên chi khí” (ta giỏi nuôi dưỡng khí lớn mạnh của ta). “Khí” đã như vậy, “sắc” đương nhiên cũng có sự khác biệt giữa “sắc” trời sinh đã ban cho và “sắc” được tu dưỡng sau này. Người xưa dùng hai khái niệm triết học “khí” và “sắc” để dùng với chính bản thân mình, dùng để phán đoán ưu nhược điểm của con người, cát hung của vận mệnh. Họ trước nay đều vô cùng coi trọng “khí sắc”, cho rằng nó có mối quan hệ mật thiết tới vận mệnh con người, như người xưa nói: “Cốt cách quân vinh khốc một đời, khí sắc định cát hung lúc bấy giờ”. “Khí sắc” nếu đã có khí sắc được tu dưỡng sau này, thì chúng nhất định không ngừng vận động biến hóa, vì thế người xưa lại có cách nói “hàng niên khí sắc”. “Ninh mệnh nằm ở vận động”, cũng đã nói rõ đạo lý này.

[Nguyên văn]

Diện bộ như mệnh, khí sắc như vận⁽¹⁾. Đại mệnh cố nghi chỉnh tề, tiểu vận diệc đương hanh thái⁽²⁾. Thị cố quang diệm bất phát, chu ngọc dữ ngổa lịch đồng quan; tảo hội vị dương, minh quang dữ bố cát tề giá⁽³⁾. Đại giả chủ nhất sinh họa phúc, tiểu giả diệc tam nguyệt cát hung⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Diện bộ như mệnh, khí sắc như vận: “Mệnh” là thứ bẩm sinh trời ban cho, hoặc là một loại sức sống thể hiện vũ trụ vận động biến hóa mà trời sinh ra đã có. Trong *Tông giáo luân lý bách khoa toàn thư* của nước Anh cho rằng: “mệnh là một loại thể lực, đó chính là thứ mà năng lực của con người không thể chống lại. Nó là một loại thể lực máy móc, vật chất, không có ý thức. Loại thể lực này có thể quản lý cả thế giới, dù là con người cũng nằm trong danh sách bị quản lý ấy” loại sức mạnh này không thể kháng cự, không chuyển dời vì ý thức chủ quan của con người. Tuy nhiên, do nó là vật chất, là máy móc, nên có thể đo lường, ước đoán. Văn hóa truyền thống Trung Quốc cho rằng, vận, còn gọi là “khí số”, chính là biến số của âm dương vận hành, hay còn gọi là “thời hội”, là cơ hội hoặc cái mà chúng ta gặp phải khác nhau trong trạng thái của vũ trụ đang vận động biến hóa, vì thế còn có tên gọi khác là “vận khí”. Do đó, mặc dù “vận” và “mệnh” thường được gọi chung là “vận mệnh”, tuy nhiên nghiên cứu kĩ hơn, hai đối tượng này không phải là một. Ý của hai câu này là: nếu như nói khuôn mặt tượng trưng và thể hiện mệnh của con người, thì khí sắc lại tượng trưng và thể hiện vận của con người.

⁽²⁾ Đại mệnh cố nghi chỉnh tề, tiểu vận diệc đương hanh thái: “đại mệnh, tiểu vận” mệnh là cảnh ngộ nhân sinh - hướng đi cơ bản hoặc bố cục cơ bản của hoặc quý hoặc tiện, hoặc bần hoặc phú, hoặc thiên hoặc thọ, gọi là “đại mệnh”; vận thì là cảnh ngộ cụ thể của trạng thái nhân sinh, gọi là “tiểu vận”. “Chỉnh tề” cân bằng, chỉ sự cân bằng mà trời bẩm sinh ban cho và gặp phải sau này. Người xưa cho rằng, trời sinh quá thịnh thì yếu, sau này quá thịnh thì dung, cả hai nên âm dương cân bằng. “Hanh thái” thông thuận. Người xưa cho rằng, khí sắc chảy trong đời người cần phải thông thuận, không nên khô khốc, tối, trì trệ, nếu không thì, khô khốc thì giảm thọ, tối thì tổn thương nguyên khí. Ý của hai câu này là: đại mệnh của con người cần phải được suy trì cân bằng giữa trời sinh đã ban cho và gặp phải sau này, còn tiểu vận thì cũng nên duy trì sự thông thuận từ đầu đến cuối.

⁽³⁾ Thị cố quang diệm bất phát, chu ngọc dữ ngổa lịch đồng quan; tảo hội vị dương, minh quang dữ bố cát tề giá: “Thị cố” vì vậy. “Quang diệm” hào quang, ánh sáng. Ở đây ví với khí sắc. “Chu ngọc” chân châu bảo ngọc, tức màu sắc, ở đây ví với khí sắc. “Minh quang” chỉ các loại vải tơ lụa cao cấp màu sắc tươi sáng, chất mềm mượt. Ý của bốn câu này là: vì vậy, nếu như ánh sáng không thể phát ra, thì cho dù là chân châu bảo ngọc cũng không khác gì gạch vỡ; nếu màu sắc không thể hiện ra, thì dù có là linh la, vải bông cũng chẳng khác gì vải thô vải gai thô ráp.

⁽⁴⁾ Đại giả chủ nhất sinh họa phúc, tiểu giả diệc tam nguyệt cát hung: “Đại giả chủ nhất sinh họa phúc”, “đại giả” chỉ “mệnh”. Do “mệnh” là thiên phú, sinh ra đã có,

[Bản dịch]

Nếu nói gương mặt tượng trưng và thể hiện đại mệnh của con người, vậy thì khí sắc tượng trưng và thể hiện tiểu vận của con người. Đại mệnh là thứ do trời sinh mà thành, nhưng vẫn cần phải duy trì cân bằng với những gì gặp phải sau này, tiểu vận cũng nên liên tục duy trì thuận lợi. Vì vậy nếu ánh sáng hào quang không thể phát ra, thì cho dù là chân châu hay là bảo ngọc, thì cũng chẳng khác gì viên gạch vỡ; nếu màu sắc không thể hiện ra bên ngoài, thì cho dù là linh la hay vải bông, cũng chẳng khác gì vải thô vải gai thô cứng. Đại mệnh có thể quyết định họa phúc của đời người, tiểu mệnh cũng có thể quyết định hung cát trong mấy tháng của con người.



(Lục Trùng: người Nam Bắc triều. Tuổi trẻ đã thích đọc nhiều sách, không có cái gì là không biết, sách không bao giờ rời khỏi tay (cần cù học tập). Làm quan nước Tống, vì tuổi già bệnh tật, là quang lộc đại phu nhưng chưa được phong).

thuộc vào tính tự nhiên, tương sinh hoặc tương khắc với bản thể con người, quan sát nó, có thể dự đoán họa phúc của một đời, nên nói là “đại giả chủ nhất sinh họa phúc”. “Tiểu giả diệc tam nguyệt cát hung” “diệc” trong câu này nối với chữ “chủ” bị tính lược ở phía trước. Tiểu giả chỉ “vận”. “Tam nguyệt”, chỉ một quãng thời gian không dài không ngắn, chứ không có số nhất định. Ý của hai câu này là: mệnh có thể quản họa phúc trong đời của con người, vận cũng có thể quản cát hung trong mấy tháng của con người.



Nhiệm Phương: người Nam Bắc triều, vô cùng hiếu thảo, tám tuổi có thể viết văn. Là thái thú Tân An. Nổi tiếng viết biểu, tấu, thư, khởi.

Nhân bẩm khí nhi sinh

Nhóm khái niệm được nói tới trong phần này vô cùng quan trọng trong nền văn hóa truyền thống của Trung Quốc - khí sắc. Khí và mệnh đối lập với nhau, sắc và vận tương phối. Phải chú ý, “vận mệnh” là tên gọi gộp lại của “vận” và “mệnh”, “mệnh” là do trời sinh ra đã ban cho, không dễ thay đổi “vận” là sau này, có khả năng có thể thay đổi. Con người chia làm nhiều loại, có người “mệnh” tốt “vận” tốt, đây là thượng thượng giả; có người “mệnh” tốt “vận” không tốt, chủ cả đời có thành tựu, nhưng rất không thuận lợi; có người “mệnh” không tốt nhưng “vận” tốt, chủ cả đời thuận lợi, nhưng thành tựu không quá lớn; có người “mệnh” không tốt “vận” cũng không tốt, thì cả đời chông gai, không có thành tựu gì cả.

Trong *Đằng Vương cách tự* có câu nói “Phùng Đường để già, Lí Quảng khó được phong hầu”, chính là hai ví dụ về sinh không gặp thời. Phùng Đường thời Tây Hán trải qua ba triều vua, nhưng mãi vẫn làm lang, đến thời Vũ đế tham gia thi cử thành hiền lương, nhưng đã hơn 90 tuổi, không thể tiếp tục làm quan. Còn Lý Quảng thì càng khiến người ta phải cảm thán. Lý Quảng cả đời giao chiến với Hung Nô hơn 70 lần, trở thành “phi tướng quân” (tướng quân bay) khiến cho quân Hung Nô nghe thấy đã sợ mất mật, nhưng cả đời ông lại vẫn chưa được phong hầu. Sau đó trong chiến tranh chỉ vì lạc đường mà đắc tội phải tự sát, đúng là khiến người ta phải nắm cổ tay mà than thở.

“Khí” là thứ rất cơ bản trong nền văn hóa xưa của Trung Quốc, cũng là một khái niệm rất quan trọng. Trong khí công coi trọng “khí”, trong cờ vây cũng có cách nói “khí”. Trong cờ vây, nếu quân cờ không có “khí”, có nghĩa là quân cờ đó đã chết rồi, nên nhắc xuống khỏi bàn cờ. Trong khí công coi trọng sự tu luyện và vận hành “khí”, khí không tồn tại ắt không có công.

Người xưa cho rằng, nhân bẩm khí nhi sinh (con người sinh ra đã được ban cho khí), “khí” có phân thanh đục, hỗn minh, hiền bỉ; con người có sự khác nhau về thọ thiên, thiện ác, bần phú, quý tiện, tôn ti, những thứ này có thể được phản ánh bởi “khí”. Khí vận sinh hóa, con người có có vận mệnh và tạo hóa khác nhau.



Trình Linh Tảo: Lương đại tướng thời Nam Bắc triều, thời trẻ đã nổi tiếng dũng cảm, giỏi cưỡi ngựa bắn cung. Thời loạn Hầu Cảnh, chống Cảnh, lập nhiều chiến công được thăng quan nhiều lần. Hiệu lệnh rõ ràng, đồng cam cộng khổ cùng các binh sỹ, được mọi người cho đó là đức.

Tứ thời khí sắc đồ

“Khí” vượng thì sức sống mạnh mẽ; “khí” suy thì sức sống suy nhược. Sức sống có mạnh mẽ hay không, có mối quan hệ mật thiết tới thành bại của con người trong cuộc sống hàng ngày. Sức sống không mạnh mẽ, khó mà ngày đêm ngoan cường đấu tranh với khó khăn, đương nhiên khó mà thành công. Sức sống mạnh mẽ, thì có thể dồi dào sức sống, tinh thần rạng rỡ lâu dài, là điều kiện tất yếu để chiến thắng khó khăn, đạt được thành công. Nhưng sự vượng suy của “khí” lại không giống với việc con người thích động hay thích tĩnh. Thích động thích tĩnh có mối quan hệ với tính cách, không có mối quan hệ trực tiếp tới “khí”. Đồng thời cũng cần chú ý, có người “khí” nóng nảy, người này thích động, “khí” trầm, người này thích tĩnh, “khí” đó và “khí” mà chúng ta nói đến ở đây không phải là một, cần chú ý phân biệt.

“Sắc” nói về cơ thể con người, là chỉ màu da, hoặc đen hoặc trắng và có hoặc không có quang trạch. Người xưa cho

rằng, mối quan hệ giữa “sắc” và “khí” là mối quan hệ giữa dòng chảy và nguồn, “sắc” có nguồn gốc từ “khí” và là hình thức biểu hiện bên ngoài của “khí”, “khí” là gốc rễ của “sắc”, “khí” thịnh thì “sắc” tốt, “khí” suy thì “sắc” không tốt. Nếu “khí” có biến đổi gì, “sắc” cũng sẽ biến đổi theo. Người xưa gọi chung lại là “khí sắc”. Mọi người đều biết, con người mà sinh bệnh thì “khí sắc” của họ không tốt, chính là một loại biểu hiện của cái chúng ta gọi là “khí sắc”.

Biển Thước là thần y nổi tiếng khắp thiên hạ thời Chiến Quốc. Có một lần ông gặp Thái Hoàn Công, phát hiện Hoàn Công vì vui chơi phóng túng nên có bệnh đã ở da, cần kịp thời chữa trị, vì thế đã khuyên ông. Hoàn Công không thừa nhận mình có bệnh, tiễn Biển Thước đi. Mười ngày sau, Biển Thước lại gặp Hoàn Công, nói với ông rằng bệnh của y đã tới dạ dày, yêu cầu y nhanh chóng chữa trị, nếu không thì hậu quả khó mà tưởng tượng nổi. Hoàn Công vẫn không thèm quan tâm. Khi lần thứ ba Biển Thước gặp Hoàn Công, ông còn chưa đến gần Hoàn Công thì ông đã quay người chạy đi. Hoàn Công sai người đi hỏi ông vì sao, Biển Thước nói bệnh của Hoàn Công đã vào cao manh, không thể chữa trị được nữa. Mấy ngày sau, Hoàn Công quả nhiên sinh bệnh, đi tìm Biển Thước nhưng ông đã đi mất rồi. Sau đó Hoàn Công không chữa trị mà qua đời. Căn cứ của Biển Thước ở đây là dựa vào tứ quyết trong Đông y “vọng, văn, vấn, thiết”, “vọng” mà ông nhận biết thực chất chính là khí sắc.



Vệ Thanh: danh tướng nhà Tây Hán. Lúc còn trẻ, có người nhìn ông nói ông sau này làm quan được phong hầu. Sau vì chị của ông là Vệ Tử Phu được lập làm hoàng hậu, Vệ Thanh được Vũ Đế tin nhiệm. Ông có công trong việc chống quân Hung Nô nên được phong làm Trường Bình hầu.

Người xưa có hai nhóm khái niệm quan trọng liên quan tới “khí sắc”:

Một là chủ sắc và khách sắc:

Chủ sắc chính là tiên thiên chi sắc (sắc trời sinh ra đã có), sắc tự nhiên. Người xưa cho rằng tiên thiên chi sắc sinh ra và hiển hiện cùng với ngũ hành hình tướng và không bao giờ thay đổi. Ngũ hành chi sắc và ngũ hành hình tướng đối ứng với nhau, kim là màu trắng, mộc là màu xanh, thủy là màu đen, thổ là màu vàng, hỏa là màu đỏ. Năm loại màu sắc này là phu sắc (màu da) cơ bản, trên thực tế cũng có chút biến đổi, chỉ cần tương phối với ngũ hành hình tướng thì là chính sắc, chính là sắc cát tường.

Khách sắc, chính là hậu thiên chi sắc (sắc sau này mới có), cùng với sự thay đổi của thời gian, bốn mùa, sáng tối mà có những biểu hiện khác nhau. Dùng khách sắc để đoán định cát

hung, đương nhiên là đoán định theo phương thức thời gian, bộ vị, không có quy luật cố định nào cả, “khí sắc” của người xưa phần lớn là chỉ khách sắc biến hóa bất định này.

Hai là cát sắc và hung sắc:

Hung cát họa phúc là nội dung quan trọng mà dự trắc học cổ đại phải dự đoán, là chỉ hướng giá trị của âm dương học. Cát sắc và hung sắc còn được gọi là chính sắc và tà sắc, cát sắc đại diện cho cát tường thuận lợi, hung sắc dự báo hung hiểm ác họa. Hợp với ngũ hành chi sắc thì là cát, không hợp thì là hung. Chủ yếu căn cứ vào ngũ hành phu sắc mà định.

“Đại mệnh cổ nghi chỉnh tề”, ý chỉ trí tuệ phúc trạch của con người tỉ lệ cần phải cân bằng, không được mất cân bằng. Nếu như mất cân bằng thì người trí tuệ luôn luôn chết yếu, người có phúc luôn luôn dung ngu, như vậy đương nhiên không thể nói là mệnh tốt. “Tiểu mệnh diệc đương hanh thái”, hanh thái là cách nói Nguyên Hanh Lợi Trinh trong *Chu Dịch* (nguyên: lớn, hanh: hanh thông, lợi: có lợi, thuận lợi; trinh: chính, nguyên hanh lợi trinh lần lượt đại diện cho nhân, lễ, nghĩa, trí), thái có tên “thiên giao địa thái”, hanh thái chính là ý chỉ cát lợi suôn sẻ, là ý nói tiểu vận lúc bấy giờ nếu ứng thuận và thông thái thì mới là tốt. Nếu như tiểu vận khô khốc, ảm đạm, trì trệ thì dễ chết yếu, hoặc nguyên khí bất túc, khó mà phú quý. Cũng như người có tiền mà không biết tiêu, giữ một món tài sản lớn, lại không thưởng thức được niềm vui của nhân sinh phú túc.



Biển Thước: nhà y học thời Chiến Quốc, họ Tần, tên Việt Nhân. Ông có nhiều kinh nghiệm chữa bệnh. Sau vì chữa bệnh cho Tần Vương, bị Tần thái y Lệnh Lý Ê đố kỵ giết hại.

Trong cuộc sống hiện thực quả thực có trường hợp này, người thông minh chết sớm, người đa phúc thì bình dung. Vương Bột - nhà thơ thời Đường bảy tuổi đã viết ra bài thơ khoái miệng “nga, nga, nga, khúc hạc hương thiên ca, bạch mao phù lục thủy, hồng chương bát thanh ba” (thiên nga, thiên nga, thiên nga, đầu hương lên trời ca hát, lông trắng nổi trên làn nước xanh, chân đỏ gặt sóng xanh), mấy tháng trước khi qua đời, trong *Đăng Vương các tự* được viết khi ở trên Đăng Vương các có nói: “Thời vận bất tề, mệnh đồ đa chuyên” (không có cả thời lẫn vận, số mệnh đa chuyên), lúc qua đời ông mới có 27 tuổi. Nếu có thể “đại mệnh chỉnh tề”, “tiểu vận hanh thái” thì có thể phúc thọ song toàn, thanh danh cao trọng.

Còn các nhân tố, khí số, với thời cơ, hoàn cảnh cũng có mối tương quan mật thiết. Chu Du thời Tam Quốc là một người thông minh hơn người, một anh tài túc trí đa mưu. Nhưng Gia Cát Lượng trí tuệ hơn cả y lại khiến y bị lu mờ, vì thế ý mới than rằng: “Trời đã sinh ra Du, sao còn sinh ra Lượng”. Nếu như ở thời Chu Du sinh sống không có một thiên

tài như Gia Cát Lượng thì ông đã có thể vang danh thiên hạ, lưu tiếng thơm thiên cổ. Nhưng ông lại chết sớm.

Khí sắc vượng ắt sẽ có quang trạch nhấp nháy. Tác giả dùng hai ví dụ ví von để nói rõ vấn đề này. Châu ngọc đương nhiên quý hơn gạch ngói cả trăm lần, bởi vì nó có ánh sáng lấp lánh, nếu như mất đi quang trạch đẹp đẽ ấy, thì có khác gì so với gạch ngói chứ? Tơ lụa nếu mất đi màu sắc tươi sáng mượt mà thì có khác gì vải thô vải gai thô ráp chứ? Khí sắc của con người vượng thì có quang trạch. Mất đi quang trạch liệu có thể nói là khí sắc vượng không? Như vậy, vận mệnh của họ không thể nói là tốt được.

“Khí sắc” có ảnh hưởng rất lớn tới vận mệnh của con người, đại mệnh có thể suy đoán họa phúc của đời người; tiểu vận cũng có thể quyết định hung cát trong 3 đến 5 tháng. Đại mệnh là cái mà con người sinh ra đã có, không dễ thay đổi; tiểu vận là tạm thời, bất cứ lúc nào cũng có thể thay đổi, hoặc sáng hoặc tối, biến động bất định. Do đó, tác giả nói: “Đại giả chủ nhất sinh họa phúc, tiểu giả diệc tam nguyệt cát hung”.



Khuất Đột Thông: Ông là đại tướng nhà Đường, là người chính trực, cương nghị. Ông sống trong sạch, giỏi võ lược, giỏi cưỡi ngựa bắn cung. Ban đầu ông là đại tướng nhà Tùy, sau quy thuận Lý Thế Dân, được phong làm Tả Quang Lộc đại phu.

Luận khí

Người xưa cho rằng, “khí” là “chí tinh chi bảo” (bảo vật vô cùng tinh vi thần diệu), có mối quan hệ mật thiết tới tình trạng sức khỏe và sự thông thuận trì trệ của số mệnh con người, từ “khí” có thể biết được vận mệnh của con người. “Khí” lại có tác dụng chỉ thị cho nhân tâm nhân tính, từ “khí” của con người có thể nhìn ra được tính cách tốt xấu và phẩm chất cao thấp của con người, chính là “khí nãi hình chi bản, sát chi kiến hiên ngu” (khí là gốc của hình, quan sát khí là có thể thấy được sự hiển ngu của con người). Mạnh Tử nói: “Ngô thiện dưỡng ngô hạo nhiên chi khí”. Từ câu nói này có thể thấy được Mạnh Tử là người như thế nào. Ông tính tình cương trực, đầy tự tin, cho dù là đối với quốc vương cũng vô cùng ngạo mạn không chịu khuất phục, lời nói mà bất hòa thì lập tức phản bác, có lẽ chẳng sợ gì, lên tiếng trước để lấn áp người. Cho dù là bây giờ đọc *Mạnh Tử* cũng có thể bị chinh phục bởi khí thể của ông.

Về điều này, *Luận khí* có nói như sau:

Trong đá có chứa ngọc thì cả ngọn núi sẽ phát sáng, trong cát có vàng thì cả con sông trở nên tươi đẹp, đây chính là báu vật vô cùng tinh vi thần diệu, nhìn thấy ở sắc nhưng phát ra từ khí. Hình là chất, vì vậy khí đầy ở chất, chất rộng lớn nhờ khí, thần hoàn thì khí rộng, thần an thì khí tịnh. Được mất không đủ để làm khí bộc phát, hỉ nộ không đủ để làm kinh động đến thần, thì có lòng khoan dung, độ lượng, là người vững vàng đôn hậu, có phúc. Hình như rừng cây có các loài cây khởi, tử, cành, nam mộc, kinh, táo chua, thần như thổ vì vậy nuôi cây để sử dụng nó. Thanh như khí, nghe âm thanh của nó rồi biết cái đẹp xấu của nó; khí như ngựa, cưỡi thì biết nó tốt xấu. Quân tử thì giỏi nuôi dưỡng tài năng của họ, giỏi coi quản cái

đức của họ, lại giỏi sử dụng binh khí của họ, giỏi cai quản ngựa của họ; tiểu nhân thì ngược lại. Khí của họ rộng lớn có thể dung nạp vật, và có thể tiếp nhận chúng, cương thì có thể khống chế vật, thanh thì có thể thể hiện vật, chính có thể quản lý vật. Không rộng thì tràn, không hòa thuận thì tàn bạo, không cương thì nhu nhược, không thanh thì đục, bất chính thì xô lệch. Nhìn vào sự nông sâu của khí, quan sát sự nóng vội điềm tĩnh của sắc để phân biệt giữa quân tử và tiểu nhân. Khí dài mà hòa chứ không bạo, là người có phúc thọ; khí gấp gáp không cân bằng mà lại bộc phát ra ở sắc, là người hạ tiện. Y học coi một lần hít vào là một hơi thở, người bình thường một ngày đêm tổng cộng có 13500 hơi thở. Ngày nay quan sát hô hấp của con người, nhanh chậm không giống nhau, người hô hấp nhanh thì mười lần, chậm thì chưa được đến bảy, tám lần, người già, béo thì hô hấp nhanh, người trẻ, gầy thì hô hấp chậm, nên e rằng lời của người xưa cũng chưa phải có lý lắm. Khí hít vào thở ra được biểu hiện trên sắc mặt là dấu hiệu báo hung cát, khí tán như lông tóc, khí tụ lại như hạt kê, trông thì có hình, nhưng sờ vào thì không thấy tung tích, nếu không quan sát nó tỉ mỉ, tinh tế, thì họa hay phúc cũng không có căn cứ. Người mà khí xuất vô thanh, tai không tự phân biệt được, hoặc nằm nhưng không thở dốc, gọi là quy tức (hơi thở của rùa). Khí là dấu hiệu điểm báo, khí hô hấp tràn đầy mà thân động, là dấu hiệu của sắp chết. Mạnh Tử không màng lợi lộc nhiều, nên có thể dưỡng khí. Người tranh giành muốn đoạt lợi, không can tâm thì sắc hung mãnh, mà khí bộc phát thì có gì để nói! Có câu thơ:

Khí nãi hình chi bản, sát chi kiến hiển ngu;

Tiểu nhân đa cấp táo, quân tử tắc khoan thư;

Bạo liệt tai tương cập, trầm thâm phúc hữu dư;

Thùy tri công phụ thị, hư thụ khổ trọng hồ.

II. Loại hình của khí sắc

Nhân dĩ khí vi chủ, vu nội vi tinh thần, vu ngoại vi khí sắc. Hữu chung thân chi khí sắc, hữu nhất niên chi khí sắc; hữu nhất nguyệt chi khí sắc; hữu nhất nhật chi khí sắc.

Nguyên văn

Nhân dĩ khí vi chủ, vu nội vi tinh thần, vu ngoại vi khí sắc⁽¹⁾. Hữu chung thân chi khí sắc, “thiếu đạm, trường minh, trạng diễm, lão tố” thị dã⁽²⁾. Hữu nhất niên chi khí sắc “xuân thanh, hạ hồng, thu hoàng, đông bạch” thị dã⁽³⁾. Hữu nhất

⁽¹⁾ Nhân dĩ khí vi chủ, vu nội vi tinh thần, vu ngoại vi khí sắc: “Chủ” chúa tể, thần chủ yếu. “Nhân dĩ khí vi chủ” chính là con người coi khí là chủ thần của họ, hay nói một cách khác khí chi phối con người. “Khí” là một loại sức sống, là nguồn động lực nội tại và căn cứ cho sự sinh tồn và phát triển của con người. Vì vậy nói “khí” là chúa tể sinh mệnh của con người. “Vu nội vi tinh thần” tức là biểu hiện bên trong của “khí” là tinh thần của con người, còn “tinh thần” thì là thể tổng hợp của quan niệm, tình cảm, ý chí, khí chất, phong độ, đảm phách của con người. “Vu ngoại vi khí sắc” tức là biểu hiện bên ngoài của “khí” là khí sắc của con người. Ý của ba câu này là: Con người coi khí là chúa tể của mình, biểu hiện bên trong của khí là tinh thần của con người, biểu hiện bên ngoài là khí sắc của con người.

⁽²⁾ Hữu chung thân chi khí sắc, “thiếu đạm, trường minh, trạng diễm, lão tố” thị dã: “Đạm” chỉ khí sắc thuần thanh minh bạch. “Trường” chỉ thời trẻ. “Minh” chỉ sắc sáng mà nhiều. “Diễm” chỉ khí sắc đầy mà đẹp. “Tố” chỉ khí sắc mộc mạc mà chắc chắn. Ý của hai câu này là: sự biến đổi khí sắc trong đời người giống như tục ngữ nói “thời trẻ thì khí sắc thuần mà mỏng, tức tính trẻ con sắc mỏng, thời thanh niên khí sắc sáng mà nhiều, tức khí mạnh mẽ sắc sáng, thời trai tráng khí sắc phong mà anh, tức khí thịnh sắc diễm, lúc về già khí phác mà thực, tức khí chắc sắc mộc mạc”.

⁽³⁾ Hữu nhất niên chi khí sắc “xuân thanh, hạ hồng, thu hoàng, đông bạch” thị dã: “Xuân thanh” thanh thuộc mộc, sắc mộc là xanh. Thanh sắc là màu xanh ngọc bích, trong trắng có xanh. Hạ hồng: hạ thuộc hỏa, sắc hỏa là đỏ. Thu hoàng: thu thuộc kim, sắc kim là trắng, mặc dù trắng là chính nhưng lại không hợp (vì trắng là hung sắc, hợp với màu vàng hơn, lấy thổ sinh kim, không mất đi gốc của nó, còn tị thuộc thổ, dưỡng tị để đi khí. Đông bạch: đông thuộc thủy, thủy sắc là đen, mặc dù chính nhưng không hợp (vì đen thì thận hư), nên màu hợp là trắng, lấy kim sinh thủy, không mất đi cái gốc của nó mà thận thuộc thủy, chắc thận để dưỡng nguyên. Ý của hai câu này là: có khí sắc xuyên suốt

nguyệt chi khí sắc, “sóc hậu sâm phát, vọng hậu ẩn dục” thị dã⁽¹⁾. Hữu nhất nhật chi khí sắc, “tảo thanh, trú mẫn, văn đình, mộ tĩnh” thị dã⁽²⁾.

Bản dịch

Khí là thần chủ yếu trong sự sinh tồn và phát triển của con người, biểu hiện trong nội bộ cơ thể con người là tinh thần của con người, biểu hiện bên ngoài cơ thể con người là khí sắc của con người. Khí sắc có nhiều loại hình thái: Trong đó, có khí sắc xuyên suốt cả đời con người, đây chính là chính là khí sắc mà tục ngữ nói: “Thời trẻ khí sắc nhạt, đậm chính là khí trẻ con sắc mỏng; thời trẻ khí sắc sáng, minh chính là khí dồi dào sắc sáng; thời trai tráng khí sắc diễm, diễm chính là khí thịnh sắc diễm; lúc về già khí sắc là tổ, tổ chính là khí chắc sắc mộc mạc”. Có loại khí sắc xuyên suốt một năm, đây chính là loại khí sắc mà tục ngữ nói là: “Mùa xuân khí sắc là màu xanh - mộc sắc, xuân sắc; mùa hạ khí sắc là màu đỏ - hỏa sắc, hạ

một năm, chính là loại khí sắc mà có câu nói: “Mùa xuân khí sắc hợp xanh, mùa hạ khí sắc hợp đỏ, mùa thu khí sắc hợp vàng, mùa đông khí sắc hợp trắng”.

⁽¹⁾ Hữu nhất nguyệt chi khí sắc, “sóc hậu sâm phát, vọng hậu ẩn dục” thị dã: “Sóc” ngày sóc, chỉ mồng một mỗi tháng âm lịch. “Sâm phát” sinh sôi nảy nở như cây cối cành lá. “Vọng” ngày vọng, chỉ ngày 15 âm lịch. “Ẩn dục” lúc ẩn lúc hiện. “Sóc” là ngày nhật nguyệt tương hội, trăng đến ngày này dần dần tròn, có tướng sinh sôi phát triển của cây cối, vì vậy nói “sóc hậu sâm phát”. “Vọng” là ngày nhật nguyệt tương vọng, trăng đến ngày này dần dần ẩn, có tướng lúc ẩn lúc hiện, vì vậy nói “vọng hậu ẩn dục”. Ý của hai câu này là: có khí sắc xuyên suốt một tháng, chính là loại khí sắc nói là “sau mồng một như cây lá sinh sôi phát triển, sau rằm thì như lúc ẩn lúc hiện”.

⁽²⁾ Hữu nhất nhật chi khí sắc, “tảo thanh, trú mẫn, văn đình, mộ tĩnh” thị dã: “Tảo thanh” ở đây là ý nói khí sắc mới phát. Sáng sớm sau khi ngủ dậy, con người bắt đầu hoạt động, khí sắc cũng cùng với đó mà phục hồi, vì vậy nói “tảo thanh”. “Trú mẫn” ban ngày khí sắc dồi dào. “Văn đình” xế chiều khí sắc xuống thấp. “Mộ tĩnh” buổi tối khí sắc yên tĩnh. Ý của hai câu này là: có khí sắc xuyên suốt một ngày, chính là loại khí sắc mà tục ngữ nói là “buổi sáng khí sắc bắt đầu hồi phục, ban ngày khí sắc dồi dào, đầy ắp, xế chiều khí sắc dần dần hạ xuống, đến đêm khí sắc yên tĩnh”.

sắc; mùa thu khí sắc là màu vàng - thổ sắc, thu sắc; mùa đông khí sắc là màu trắng - kim sắc, đông sắc”. Có loại khí sắc xuyên suốt một tháng, chính là loại khí sắc mà tục ngữ nói: “Mỗi tháng sau mỏng một như cây lá tốt tươi, sau rằm thì lúc ẩn lúc hiện”. Có loại khí sắc xuyên suốt một ngày, chính là loại khí sắc mà tục ngữ nói: “Sáng sớm bắt đầu phục hồi, ban ngày tràn đầy no nê, xế chiều dần dần ẩn phục, đến tối yên tĩnh tĩnh lặng”.



Dĩ Tá: là đại thần nhà Minh. Khí còn làm giám sát ngự sử, ông ghét cái xấu, bảo vệ công bằng, trung trực không a dua nịnh hót, tạo được danh tiếng, kì cương nhờ đó được chấn hưng.

Nhân dĩ “khí” vi chủ

Phía trước đã nói đến, ngày xưa, “khí sắc” được chia làm hai khái niệm là “khí” và “sắc”. Lưu Thiệu thời nhà Hán trong cuốn sách *Nhân vật chí* đã tách “khí” và “sắc” ra để nhận biết, phân biệt nhân tài.

Ông cho rằng, “táo tịnh chi quyết tại vu khí” tức là thông qua việc quan sát “khí” của một người, có thể nhìn ra được họ

là kiểu người thích động hay thích tĩnh, bởi vì sự thịnh hư của khí là biểu hiện cho tính cách của một người, người khí thịnh thì hiếu động, người khí hư thì thích tĩnh.



Dương Vinh: là học giả triều Minh. Ông quyết đoán, có tài năng thông tuệ, nhanh nhạy, từng làm quan qua năm triều vua, là người có trái tim nhân hậu, khen thưởng để bạt hậu bối. Danh tiếng nổi khắp bấy giờ.

Vương Đôn là đại tướng quân thời Ngụy Tấn, lúc trẻ nổi tiếng khỏe mạnh, mọi người gọi ông là “điên xá lang”. Có một lần Vũ đế triệu tập hiền sỹ bàn luận chuyện kĩ nghệ. Người khác ai ai cũng bàn luận rôm rả, duy chỉ có Vương Đôn nói ông chỉ biết đánh trống. Vũ đế liền lệnh cho người mang trống đến. Vương Đôn xắn ống tay áo lên, giơ dùi đánh trống, âm tiết hài hòa, nhanh, thần khí hào phóng, dường như chẳng có ai bên cạnh, mọi người đều phải xúc động trước sự hào sảng mạnh mẽ của ông. Vương Đôn thuộc người khí thịnh.

Thông qua việc nhận biết, phân biệt giọng của một người cũng có thể nhận biết được con người: “Phù dung chi động tác, phát hô vu tâm khí, tâm khí chi chinh, tắc thanh biến thị

dã. Phù khí hợp thành thanh, thanh ứng luật lã: hữu hòa bình chi thanh, hữu thanh sướng chi thanh, hữu hồi diễn chi thanh”. Câu này có nghĩa là: Động tác bên ngoài là xuất phát từ tâm khí của con người. Tượng trưng cho tâm khí lại hợp với sự biến đổi của âm thanh. Sự chuyển động của khí lưu trở thành âm thanh, âm thanh lại hợp với âm luật. Có âm hòa bình, có âm thanh sáng, lưu loát, có âm vang vọng.

Khi luận dùng “sắc” để quan sát con người, ông nói: “thảm dịch chi tình tại vu sắc” tức là thông qua việc quan sát “sắc” của một người, có thể nhìn ra biểu hiện tình cảm của họ. Bởi vì sắc là biểu trưng của tình cảm cảm xúc, người sắc vui thì tình cảm vui vẻ, người sắc ủ rũ thì bi ai, buồn phiền.

Sắc, chủ yếu là chỉ sắc mặt: “Phù thanh sướng vu khí, tắc thực tồn mạo sắc; cổ thành nhân, tất hữu ôn nhu chi sắc; thành dũng, tất hữu căng phần chi sắc; thành trí, tất hữu minh đạt chi sắc” sự lưu chuyển của dòng khí phát ra âm thanh, tính cách của một người sẽ được bộc lộ qua tướng mạo và khí sắc. Vì vậy, người nhân hậu tất có tướng mạo khí sắc ôn hòa, nhu mì; người dũng cảm tất có tướng mạo khí sắc kích thích, phần chân; người trí tuệ tất có tướng mạo khí sắc trong sáng, khoáng đạt.

Tạ An thời Đông Tấn khi nhậm chức Trung thư giám, Vương Tuấn là Đông Đình hầu. Mỗi quan hệ của hai người họ không tốt. Có một lần hai người cùng nhau tham dự một hội nghị. Vương Tuấn đến muộn, không có chỗ ngồi. Tạ An liền nhường một chút không gian cho Vương Tuấn. Trong hội nghị, Vương Tuấn thần thái nhàn nhã thoải mái, còn Tạ An thì liếc mắt nhìn. Sau này Tạ An nói với người khác rằng Vương Tuấn là hiếm có, mặc dù bản thân và ông ta không liên can gì nhưng xét về mặt tình cảm vẫn khó mà cắt đứt hoàn

toàn được. Từ đó có thể thấy được sức hút của người trong sáng, khoát đạt.



Trần Kinh Tông: là đại thần nhà Minh, có bộ râu đẹp, giỏi nghị luận, nghị dung đoan trang, đi đứng có phép tắc, trang trọng lễ độ. Ông nổi danh bởi đức độ.

Trong chương một của *Bằng Giám*, tác giả cho rằng, nhân dĩ khí vi chủ, khí tại nội vi tinh thần, tại ngoại vi khí sắc, coi khí và sắc là một nhóm khái niệm mang tính bề ngoài và nội tại. Quan trọng hơn, chương này xuất phát từ góc độ tầm quan trọng, hình thức tồn tại và loại hình của khí sắc để nói rõ khí sắc biến hóa bất định, khi quan sát khí sắc cần phải duy trì quan niệm biến hóa, không được có phán đoán theo kiểu máy móc.

“Nhân dĩ khí nhi sinh” là nói “khí” rất quan trọng với con người, nằm ở phần chủ chốt, căn bản; “vu nội vi tinh thần, vu ngoại vi khí sắc” là nói “khí” hai hình thức tồn tại một trong một ngoài, hình thức tồn tại bên trong là “tinh thần”, hình

thức tồn tại bên ngoài là “khí sắc”, hay nói một cách khác, quan sát “khí” vừa phải quan sát “tinh thần” bên trong, lại phải quan sát “khí sắc” bên ngoài. Ý của hai câu này trên thực tế là chỉ ra con đường để quan sát “khí”, cũng chỉ rõ thực chất của “tinh thần” và “khí sắc”.

Nhân sinh tứ thời chi biến

Con người một đời phải trải qua một lộ trình dài đằng đẵng, đại khái là có bốn thời kì: thời nhỏ, thời thanh niên, thời trung niên và lúc già. Ở mỗi một giai đoạn, sự phát dục và thay đổi tâm sinh lý của con người có những khác biệt nhất định, có một vài mặt thậm chí là rất rõ rệt. Biểu hiện trên màu da của con người thì có các loại biến hóa sáng tối khác nhau. Điều này cũng giống như một cái cây, lúc mới sinh, sắc mỏng khí nhã, chủ yếu là tính trẻ con; khi lớn lên, sắc minh khí mạnh; đến thời kì sinh sôi nảy nở, sắc phong khí diễm; và đến khi già, sắc mộc mạc khí chắc. Con người và cây cỏ đều là những sự vật của đất trời, mà con người càng trọng linh khí của đất trời, lúc còn nhỏ sắc thuần mà nhã; lúc thanh niên, sắc sáng mà nhiều; lúc tráng niên, sắc phong mà thịnh, lúc về già sắc mộc mạc và chắc. Đây chính là quy luật của biến đổi khí sắc trong mấy giai đoạn của đời người. Đời người không thể nào có khí sắc vĩnh hằng, cố định, bất biến, lấy đó làm thước đo chuẩn mực, thì có thể biện chứng đối đãi sự thay đổi khác nhau của khí sắc con người, dùng “thiếu đạm, trường minh, trạng diễm, lão tổ” để tham chiếu, có thể tránh khỏi việc mắc phải sai lầm vì lý luận máy móc.

Khí sắc tứ thời

Trạng thái sinh lý và tinh thần của con người, thường thay đổi cùng với sự thay đổi của mùa và khí hậu và sự thay đổi bên trong này sẽ dẫn đến sự thay đổi của khí sắc, vì thế mùa khác nhau, khí hậu khác nhau thì khí sắc của con người cũng khác nhau. Tổng Ngọc thời Tiên Tần trong bài phú *Cửu Biện* có nói: “Bi tai! Thu chi vi khí dã. Tiêu sắt hê, thảo mộc dao lạc nhi biến suy. Liễu lật hê, nhược tại viễn hành. Đằng sơn lâm thủy hê, tổng tương quy... khảm lẫm hê, bản thổ thất chức nhi chí bất bình; khuếch lạc hê, ki lữ nhi vô hữu sinh; trù trưởng hê, nhi tư tự lân...”. Tương truyền Tổng Ngọc là đệ tử của Khuất Nguyên, ông xuất thân hàn vi. Sau khi Khuất Nguyên bị đi đày, ông được một người bạn giới thiệu nên gặp được Sở Tương Vương, nhưng ông dốc sức làm việc cho Sở Tương Vương mà lại không đạt được gì, trên quan trường vô cùng bất đắc chí. Nhất là vào những năm về già thì càng nghèo khó bệnh tật đan xen. Trong *Cửu Biện*, ông lên núi xuống biển, cảm nhận hơi thở lạnh lẽo khô khốc của mùa thu, thấy cây cỏ khô héo rơi rụng, lá vàng bay lá tả, nghĩ đến một đời bấp bênh của mình, cảnh ngộ có tài mà không gặp thời, nghĩ đến hiện thực cái ăn cái mặc cũng khó mà lo nổi, vô cùng bi ai, u sầu, tự thương cho bản thân mình. Lúc này, tinh thần của ông chắc chắn là bi ai thê lương, khí sắc chắc chắn cũng không tốt. Nhưng nếu lúc bấy giờ không phải mùa thu, mà là mùa xuân sức sống tràn trề, thì y sẽ cảm khái ra sao? Có thể thấy, được mùa, khí hậu có sức ảnh hưởng lớn như thế nào tới khí sắc của con người. Chúng ta vẫn nói: “xuân thanh, hạ hồng, thu hoàng, đông bạch”, là sự so sánh tỉ dụ với khí hậu bốn mùa. Nên nói rằng, sự so sánh tỉ dụ này vô cùng chuẩn xác:

Mùa xuân, cỏ mọc oanh bay, muôn hoa đua nở, sắc xanh ngập tràn, ước muốn sinh tồn của con người lúc này là mạnh mẽ nhất. Theo thuyết ngũ hành, xuân thuộc mộc, mộc sắc xanh, áp vào người là gan, mùa xuân gan vượng, vì vậy sắc bên ngoài là xanh, sắc xanh là sắc của sức sống dồi dào.

Mùa hạ, mặt trời đỏ chiếu rọi trên cao, trời đất nóng như chiếc lò, tinh thần của con người lúc này kích động nhất. Trong ngũ hành, hạ thuộc hỏa, hỏa sắc đỏ, áp vào con người là tâm, tâm động thì khí phát, khí phát ra ngoài da hiện sắc đỏ.



Sơn Vân: là đại tướng thời nhà Minh, điềm tĩnh thâm trầm, dụng binh như thần, liêm chính chính trực, có thể đồng cam cộng khổ với binh sỹ, có thể khiến cho người khác dốc hết sức lực tận tâm.

Mùa thu, phong thanh khí sáng, trời cao mây nhẹ, cây cỏ vàng úa, con người bị khí lạnh lẽo khô khốc này làm lây nhiễm, tinh thần cũng thê lương bi ai. Thu thuộc kim, kim sắc bạch, “kim” là binh khí, “bạch” là hung sắc, mặc dù đắc chính, nhưng lại không hợp. Hợp phải là màu vàng, lấy thổ sinh kim,

không mất cân bằng, mà tị lại thuộc thổ, dưỡng tị để di khí, vì thế nói “thu hoàng”.

Mùa đông, gió bắc hàn lạnh, gió lạnh thấu xương, thu thu đông tàng, cuộc sống con người lúc này dần yên ổn, đông thuộc thủy, thủy sắc đen áp vào người là thận, thận tổn thì sắc đen. Nhưng mặc dù sắc chính song lại không hợp. Sắc hợp phải là bạch, lấy kim sinh thủy, không mất cân bằng, mà còn củng cố thận để dưỡng nguyên.



Vương Trục: là đại thần nhà Minh, mặt vuông râu tú, khí tự hoàng vĩ, cư gia chỉnh tề, đối nhân hòa khí. Người trong thiên hạ đều muốn trông thấy thận thái của ông. Làm đến chức lại bộ thượng thư.

“Nhất nguyệt chi khí sắc”: cùng với sự ẩn hiện của mặt trăng mà phát, sau ngày mồng một, khí sắc như sự sinh sôi của cành lá, xanh tươi thấy rõ, sau ngày 15, khí sắc lại lúc ẩn lúc hiện, như mặt trăng sau khi tròn, dần dần xâm thực rồi biến mất.

“Nhất nhật chi khí sắc”: cùng với sự thay đổi của khí hậu sáng, trưa, tối mà có sự thay đổi trong phạm vi nhỏ, đại khái là, buổi sáng khí sắc được khôi phục, như cỏ xanh mùa xuân, buổi trưa khí sắc căng tràn, như cây cối um tùm mùa hạ, gần tối khí sắc dần dần ẩn phục, buổi tối khí sắc tĩnh lặng.

Vì vậy trong *Động Vi Ngọc Giám* có nói:

“Khí giả, nhất nhi dĩ hĩ. Biệt nhi luận chi, tắc hữu tam yên: viết tự nhiên chi khí; viết sở dưỡng chi khí; viết sở tập chi khí. Tự nhiên chi khí giả, ngũ hành chi tú khí dã, ngô bình thụ chi, kì thanh thường tồn. Sở dưỡng chi khí giả, thị tập nghĩa nhi sinh chi khí dã, ngô năng tự an, vật bất năng nạo. Sở tập chi khí giả, nãi tà khí dã, nhược sở tồn bất hậu, sở dưỡng bất xung, tắc vi tà khí sở tập hĩ”.

III. Mỗi quan hệ giữa khí sắc và văn nhân

Khoa danh trung nhân, dĩ hoàng vi chủ, thử chính sắc dã. Hoàng vân cái đỉnh, tất nhiếp đại khô; hoàng sí nhập mãn, tiền thân bất viễn; ấn đường hoàng sắc, phú quý bức nhân.

Nguyên văn

Khoa danh trung nhân, dĩ hoàng vi chủ, thử chính sắc dã⁽¹⁾. Hoàng vân cái đỉnh, tất nhiếp đại khô⁽²⁾; hoàng sí nhập

⁽¹⁾ Khoa danh trung nhân, dĩ hoàng vi chủ, thử chính sắc dã: “Khoa danh trung nhân” chỉ những người theo đuổi khoa danh thời khoa cử trong xã hội truyền thống. Thời đại khoa cử, phân ra các kì thi để lựa chọn sỹ tử, vì vậy sỹ tử thi đỗ gọi là đăng khoa, hay còn gọi là có khoa danh, còn gọi là chính đồ xuất thân (xuất thân theo con đường thẳng). “Dĩ hoàng vi chủ, thử chính sắc dã” chỉ màu vàng trừu tượng những phần thời lệnh, địa vực có sự xung khắc ra thì không ai là không hợp với màu vàng, không có gì là bất lợi cả, nên được gọi là chính sắc. Trong xã hội xưa, màu vàng vì khí thế uy nghiêm, tư chất đoan trang của nó mà trở thành màu sắc dùng cho hoàng gia và trở thành tượng trưng cho quyền lực của hoàng thất, do đó, màu vàng được tôn kính gọi là chính sắc, có mối quan hệ với việc xưng bá quyền lực hoàng thất. Ý của ba câu này là: đối với những sỹ tử có khoa danh mà nói, khí sắc nên lấy màu vàng là màu chính, vì màu sắc này thuộc vào chính sắc.

⁽²⁾ Hoàng vân cái đỉnh, tất nhiếp đại khô: “Hoàng vân cái đỉnh” chỉ màu vàng bắt đầu xuất phát từ thiên trung, thiên đình, lên đến đỉnh đầu, nối liền với sơn lâm địa biên, sáng lấp lánh. “Nhiếp” nhật, ở đây là ý chỉ, nhật, giành lấy. “Đại khô” đứng đầu

mẩn, tiến thân bắt viễn⁽¹⁾; ấn đường hoàng sắc, phú quý bức nhân⁽²⁾; minh đường tổ tịnh, minh niên cập đệ⁽³⁾. Tha như hạn giác hà tiên, quyết lợi tiểu khảo⁽⁴⁾; ấn đường thù tử, động hoạch tiểu lợi⁽⁵⁾; hồng vừng trung phân, định sản giai nhi⁽⁶⁾; lưỡng quyền hồng nhuận, cốt nhục phát tích⁽⁷⁾. Do thử suy chi, tức kiến nhất ban hĩ⁽⁸⁾.

nhất giáp thi diện trong khoa cử gọi là “đại khôi”, tức trạng nguyên. Ý của hai câu này là: nếu như một đám mây màu vàng che phủ đỉnh đầu, vậy thì vị sỹ tử này nhất định có thể một lần thi mà giành lấy ngay ngôi vị trạng nguyên trong khoa cử, trúng trạng nguyên.

⁽¹⁾ Hoàng sí nhập mẩn, tiến thân bắt viễn: “Hoàng sí nhập mẩn” chỉ màu vàng bắt nguồn từ hai gò má, giống như con chim bằng lớn giang đôi cánh cắm thẳng vào hai mai. Người xưa cho rằng, đây là dấu hiệu của sự thăng tiến, tuy nhiên so với “hoàng vân cái đỉnh” thì kém một bậc. “Tiến thân” chỉ đăng khoa thăng quan, hoặc phong tước hưởng lộc. Ý của hai câu này là: nếu như hai đôi cánh màu vàng cắm thẳng vào mai, vậy thì thời gian vị sỹ tử này đăng khoa thăng quan hoặc phong tước hưởng lộc đã không còn xa nữa.

⁽²⁾ Ấn đường hoàng sắc, phú quý bức nhân: Người xưa cho rằng, ấn đường là mệnh cung, phú quý do mệnh, vì vậy “ấn đường hoàng sắc” có “phú quý bức nhân” (phú quý hơn người) chi sắc. Ý của hai câu này là: nếu mệnh cung ấn đường có màu vàng, vậy thì vị sỹ tử này nhanh rất sẽ đạt được phú quý.

⁽³⁾ Minh đường tổ tịnh, minh niên cập đệ: “Minh đường” chính là mũi của con người. “Tổ tịnh” trắng nhuận chứ không nhiễm bẩn. “Cập đệ” thuật ngữ khoa cử, ngày xưa gọi thi đỗ giải nguyên hội nguyên, trạng nguyên là “tam nguyên cập đệ”. Chế độ khoa cử ngày xưa, thi hương tổ chức vào mùa thu năm đầu, thi hội tổ chức vào mùa xuân năm sau, vì vậy gọi là “minh niên cập đệ”. Ý của hai câu này là nếu minh đường trắng nhuận trong sạch, vậy thì vị sỹ tử này năm sau chắc chắn có thể khoa khảo cập đệ.

⁽⁴⁾ Nhãn giác hà tiên, quyết lợi tiểu khảo: “Nhãn giác” tức là phần đuôi cá. “Hà tiên” chỉ hai màu đỏ tím tươi sáng như ráng mây. Người xưa cho rằng tướng này chủ vui mừng. “Quyết” tất nhiên, khẳng định. “Tiểu khảo”, trong chế độ xưa, đồng sinh tham gia kì thi phủ huyện quan và học chính, được gọi là “tiểu khảo” còn gọi là “đồng tử thí”. Ý của hai câu này là: nếu như chỗ khóe mắt tức phần đuôi cá đầy ắp hai màu đỏ tím, hình dáng như ráng mây tươi sáng, vậy thì chắc chắn có lợi cho vị đồng sinh này tham gia tiểu khảo.

⁽⁵⁾ Ấn đường thù tử, động hoạch tiểu lợi: “Ấn đường thù tử” quan khí màu tím của đỏ trong đen từ phần ấn đường tức giữa hai mi phát động, hướng lên trên nhập vào giữa sơn căn, gọi là “thù tử”. Người xưa cho rằng, đây là dấu hiệu của cát tường. “Động”: động một tí, thường thường. Ý của hai câu này là: nếu khí tím xuất phát từ ấn đường, hướng lên trên nhập vào giữa sơn căn, vậy thì người này thường đạt được lợi về tiền tài.

⁽⁶⁾ Hồng vừng trung phân, định sản giai nhi: “Hồng vừng” ở đây chỉ phần bông mắt dưới hai mắt mỗi bên có một khoảng ửng đỏ, tức là màu đỏ mơ hồ không rõ, biên giới

Bản dịch

Đối với kẻ sỹ theo đuổi khoa danh, khí sắc khuôn mặt nên coi màu vàng là chính, bởi vì màu vàng là chính sắc, cát sắc. Nếu như có một đường mây màu vàng phủ trên đỉnh đầu của một người, vậy thì có thể khẳng định, vị sỹ tử này chắc chắn sẽ một lần thi mà giành lấy ngay ngôi vị trạng nguyên trong khoa cử; nếu như ở chỗ hai gò má, mỗi bên đều có một khoảng màu vàng mở rộng hướng ra ngoài, như hai đôi cánh cắm thẳng vào hai mai, vậy thì có thể khẳng định, thời gian vị sỹ tử này được đăng khoa thăng quan, phong tước hưởng lộc đã không còn xa nữa; nếu ở mệnh cung ẩn đường hiện lên màu vàng, vậy thì có thể khẳng định, vị sỹ tử này rất nhanh sẽ có được cơ hội vừa có thể làm giàu lại vừa có thể làm quan; nếu như ở phần minh đường tức mũi, trắng nhuận mà thanh khiết, vậy thì có thể khẳng định vị sỹ tử này chắc chắn có thể đạt được thứ hạng cao trong thi cử. Nếu như khõe mắt tức phần đuôi cá đầy ắp hai màu đỏ tím, hình dạng như ráng mây sáng đẹp, thì có thể khẳng định, vị đồng tử này tham gia tiểu khảo, chắc chắn có thể thuận lợi thi đỗ; mệnh cung ẩn đường có một khoảng màu tím, hướng lên trên nhập vào giữa sơn căn,

không phân minh. “Trung phân” chỉ ở giữa có sống mũi ngăn cách, hai khoảng ửng đỏ không thể nối với nhau. “Định sản giai nhi”, ngày xưa nói “hỏa vượng sinh nam, mộc vượng sinh nữ”, màu đỏ là hỏa, nên nói là “định sản giai nhi”. Ý của hai câu này là: nếu như phần thẳng dưới hai mắt, ở hai bên sống mũi mỗi bên có một khoảng ửng đỏ, vậy thì người này ắt được quý tử.

⁽⁷⁾ Lưỡng quyền hồng nhuận, cốt nhục phát tích: “Cốt nhục” chỉ người thân, bao gồm những người như bố, chú, huynh đệ. “Phát tích” chỉ lập công hiển danh, phát đạt giàu có. Ý của hai câu này là: nếu phần hai bên gò má có hiện lên màu đỏ nhuận, vậy thì người thân của người này như bố, chú, anh em chắc chắn sẽ lập công hiển danh và phát đạt giàu có.

⁽⁸⁾ Do thử suy chi, túc kiến nhất ban hĩ: “Thử” chỉ thay thế cho mấy loại tướng mệnh ở trên. “Ban”: ban trong thông thường, nhất ban tức thông thường. Ý của hai câu này là: từ mấy loại trên suy rộng ra, đủ để thấy mối quan hệ thông thường giữa khuôn mặt và vận mệnh.

vậy thì có thể khẳng định, người này thường xuyên đạt được lợi về tiền tài; nếu như dưới hai mắt mỗi bên có một khoảng ửng đỏ, lại bị sống mũi ở giữa phân cách, không thể nối liền với nhau, vậy thì có thể khẳng định, người này sẽ có được một đứa con trai bảo bối; nếu như ở chỗ hai gò má hồng nhuận quang trạch, vậy thì có thể khẳng định, người thân của người này như bố, chú, anh em chắc chắn có thể lập công hiển danh và phát đạt giàu có. Suy rộng ra từ đây, đủ để thấy mối quan hệ giữa khí sắc khuôn mặt với vận mệnh của con người.



Cảnh Cửu Trù: là đại thần nhà Minh. Là người đoan trang chính trực, mệnh lệnh ngắn gọn, nghiêm túc, các quan lại đều sợ mà nể phục ông, ông không có đam mê gì khác ngoài việc đọc sách. Ông từng làm Phó đô ngự sử rồi đến hình bộ thượng thư.

Dĩ “thất sắc” phán cát hung (phán đoán cát hung qua “thất sắc”)

Băng Giám là một cuốn sách chủ yếu luận dung mạo văn nhân. Tác giả Tăng Quốc Phiên đạt được công danh thông qua khoa cử, lại có mối quan hệ mật thiết với văn sỹ thời bấy giờ, nên ở trong quân doanh, ông cũng nhiều lần khởi xướng dùng văn nhân để dẫn dắt binh sỹ. Do đó, Tăng Công trong

bài này chỉ đưa ra một chương luận về khí sắc của văn nhân. “Khoa danh trung nhân” nói đến trong bài, dùng trong hoàn cảnh hiện nay, có thể hiểu là người có học lực cao, như cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ, còn những người sau khi tốt nghiệp làm việc trong giới chính trị, văn hóa thì càng phù hợp hơn với nghĩa này.

Trung Quốc thời xưa, màu vàng luôn được coi trọng là chính sắc. Hoàng đế là cử ngũ chí tôn, trang phục vật dụng của hoàng đế với màu vàng là chính, hơn nữa những đại thần bình thường, không được mặc áo màu vàng, long bào của hoàng đế đều là màu vàng, có màu vàng giống như con rồng đang bay lượn. Trong ngũ hành, màu vàng đại diện cho thổ, còn trong ngũ hành phương vị, thổ là ở giữa, những cái khác như kim là Tây, hỏa là Nam, thủy là Bắc, mộc là Đông. Vùng đất sản sinh ra nền văn minh cổ đại Trung Quốc là lưu vực sông Hoàng Hà, cũng lấy màu vàng là chủ yếu. Do đó, màu vàng được tôn sùng là chính sắc.

“Khoa danh trung nhân, hoàng sắc vi chủ” những người đăng khoa, phục vụ cho hoàng gia, đương nhiên coi chính sắc là cát sắc (màu tốt lành). Màu vàng này, mặc dù giống màu đất, nhưng bắt buộc phải có quang trạch (ánh sáng). Nếu không có quang trạch, thì là khí bất túc, cũng khó mà dùng được.

Ngày xưa dùng thất sắc để quan sát con người, luận tướng, thông thường phân thành bảy loại màu sắc: xanh, vàng, đỏ đậm, trắng, đen, đỏ, tím. Vàng, đỏ, tím chủ cát chủ hi; đen, trắng, xanh, đỏ đậm chủ hung chủ tai. Phán đoán cát hung tổng thể của thất sắc là:

Màu xanh: chủ thị phi, ưu phiền sợ hãi, kinh hoàng;

Màu đen: chủ lao ngục, tật bệnh, tai nạn;

Màu trắng: chủ tổn thất, hiểu phục (quần áo mặc khi thủ tang), chết chóc;

Màu đỏ đậm: chủ huyết quang, khẩu thiệt, tổ tụng;

Màu tím: chủ thăng quan tiến chức, vinh hoa, danh vọng;

Màu đỏ: chủ phát tài, công danh, sinh con;

Màu vàng: gần như màu hồng, chủ của tất cả những việc vui vẻ, tốt lành.

Trong cuộc sống hàng ngày, hôn lễ với màu đỏ là màu chủ đạo, khi có tang, thì màu đen trắng là chủ đạo, từ trong những tập tục này có thể thấy mối quan hệ giữa thất sắc với hung cát.

Lưu Hưởng thời Tây Hán nói: “Lão tử tây du, quan lệnh doãn hỉ vọng kiến hữu tử khí phù quan, nhi lão tử quả thừa thanh ngư nhi qua dã” (lão tử ngao du về phía Tây, quan lệnh doãn nhìn từ xa thấy có tử khí (khí màu tím) bay lơ lửng, lão tử quả nhiên cuối trâu đi qua) với người xưa, tử khí cũng thường có mối tương quan với thiên tử, đúng là quá cát tường.

***Nhân đạt “hoàng” sắc chủ quý
(con người có được màu vàng thì quý)***

Khoa cử ngày xưa, từ chế độ phong kiến Tùy Đường, tới thời Minh Thanh ngày càng hoàn thiện. Tăng Quốc Phiên 24 tuổi vào kinh dự thi, 26 tuổi trúng cử, trong vòng 10 năm sau liên tiếp thăng lên 10 cấp, là một người Hán may mắn hiếm có thời nhà Thanh (bởi vì nhà Thanh không trọng dụng người Hán). Tăng Quốc Phiên vốn sinh ra trong một gia đình nông dân ở Tương Tây, Hồ Nam, hoàn toàn dựa vào khoa cử để đạt

nền móng cho công danh cả đời của ông, do đó, khi ông luận về khoa danh trung nhân, đặc biệt khởi xướng văn nhân coi màu vàng là chính sắc.

Trong khoa cử, đứng thứ nhất trong kì thi đình là đại khôi, cũng chính là Trạng nguyên mà mọi người vẫn nói. Một văn nhân, nếu có “hoàng vân cái đỉnh” có thể nói là mây lành che phủ, không phát mối lạ. Màu vàng xuất phát từ điển trung, thiên đình, khí thể phát triển hùng hực, hướng lên đến tận đỉnh đầu, bên nổi với giác mai biên địa, một khoảng sáng rực rỡ. Người như vậy, trong kì thi đình chắc chắn sẽ đạt được thứ hạng cao, trúng trạng nguyên, bảng nhãn hoặc thám hoa, do đó nói: “tất nhiên đại khôi”.



Dương Thủ Trần: là đại thần nhà Minh, Quan lại bộ thị lang. Kết bạn với mọi người bằng tín nghĩa, là người cung cần ôn thuận, cơ thể yếu đuối. Còn lúc bàn bạc nghị luận, thì kiên quyết vững vàng, không thể khuất phục.

Trên đây là tướng màu vàng xuyên lên đỉnh đầu. Nếu khí vàng không sáng rực rỡ như vậy mà chỉ nổi lên ở hai gò má, như chim hồng học giang đôi cánh, cắm thẳng vào hai mai, có dấu hiệu thăng tiến, nhưng không có lên thẳng đỉnh đầu nổi liền thành một mảng, so với “hoàng vân cái đỉnh” kém một

cấp, nhưng vẫn có thể “tiền thân bất viễn”, cũng chính là vẫn có thể đạt được công danh, nhưng danh kém một chút.

Ẩn đường sáng khí sắc vượng

“Ẩn đường hoàng sắc, phú quý bức nhân” mọi người thường nói một ai đó ẩn đường phát sáng, thông minh có tài, ắt có chuyện tốt đến với họ. Tăng Quốc Phiên nhìn người, nếu ẩn đường có màu vàng xán lạn, tươi sáng, mượt mà, thì người này chắc chắn sẽ đạt được phú quý. Có mối tương quan với “khí” vượng ở trên.

“Minh đường tổ tịnh, minh niên cập đệ”: Minh đường chính là mũi của một người, mũi là cửa thông của phổi, thuộc cung bệnh tật rủi ro bất hạnh, tiền tài, quyết định đến tài phú của một người có hay không. “Minh đường tổ tịnh” chính là mũi trắng nhuận sáng sạch, nếu thật sự có thể như vậy, khảo thí cập đệ chỉ còn là vấn đề thời gian sớm hay muộn. Minh đường tổ tịnh cũng có một vấn đề là đắc thời hay không đắc thời, coi mùa thu là đắc thời (được thời), nếu không thì, trước ưu lo phiền muộn, sau mới được tốt lành.

“Nhân giác tiên hà, quyết lợi tiểu khảo” khỏe mắt phần chỗ vết chân chim, người mà nếu có hai màu đỏ tím tươi đẹp như màu sắc của ráng, ắt có chuyện vui mừng. Người này trí thanh thần minh, có lợi cho thi huyện, thi châu.

“Ẩn đường thúy tử”, tử khí (khí tím) lưu động giữa hai mi. Trong nhân gian có cách nói “tử khí đông lai” (khí tím từ phía Đông tới) chủ cát tường, vậy thì tử khí lưu động giữa hai mi, đương nhiên cũng là điềm báo cát tường, nếu như có thêm ánh

mắt tinh khiết, khí sáng như mây, thì “động hoạch tiểu lợi”, người ốm đau bệnh tật có thể khỏi hoàn toàn, người vương vào tổ tụng có thể thắng kiện, người đang mưu cầu chức vị có thể đạt được chức vị, người cầu công danh có thể được công danh. Nhưng như thế này thì lại khó mà có được đại lợi.



Lý Đông Dương: là nhà văn thời Minh, là trọng thần triều đình, chủ trì thí đàn với địa vị là đại thần triều đình, khen thưởng tiến cử những hậu bối, rất có danh vọng. Ông là người đứng đầu của “phái Trà Lăng”.

“Hong vụng trung phân, định sản giai nhi”: ngày xưa “có ba điều bất hiếu, không có hậu thế là bất hiếu lớn nhất” do đó có cách nói mừng được quý tử, coi việc sinh con trai là việc hỉ lớn nhất. *Băng Giám* khảo sát khí sắc của con người, như dưới hai mắt có màu đỏ như say, do có mũi ngăn cách nên hai bên trái phải không thể nối liền với nhau, như vậy là đại vượng, ắt sinh quý tử. Người xưa từng nói: “hỏa vượng sinh nam, mộc vượng sinh nữ”, chính là chỉ điều này.

“Lưỡng quyền hồng nhuận, cốt nhục phát tích” giữa những người thân trong gia đình với nhau có quan hệ huyết thống, một người gặp chuyện, người thân có thể cảm nhận

được từ xa, hoặc trong giấc mơ sẽ có linh cảm, điều này đã không còn là chuyện gì kì lạ nữa. Theo như người xưa, nếu như ở hai gò má của con người đỏ nhuận như ráng, là điềm báo người thân của họ như bố, anh em sẽ phát tích. Nhưng màu đỏ lại không dễ phân biệt, màu đỏ đậm thì là xích, như vậy thì có hung tai; màu đỏ lại không được có sắc khô khốc, khô khốc thì không tốt.

Anh tài và hùng tài

Chương này chủ yếu luận về khí sắc của nhị đình trung, thượng trong tam đình của con người, không có bàn tới hạ đình. Màu sắc ở đây, coi đỏ vàng là chính là cát, mà sắc thì phải trạch, minh, nhuận, phong phú, không được biên mất, khô khốc, nếu không thì không thể coi là cát lợi.

Như những người thuộc các ngành nghề như công, nông, binh, thương, do khí chất của họ bẩm sinh đã có những đặc điểm khác nhau, lấy màu này để đo lường thì lại không hợp với tiêu chuẩn. *Bằng Giám* mặc dù chưa bàn tới vấn đề này, nhưng trong những cuốn sách khác của người xưa đã có nói đến.

Như trong *Nhân vật chí* có sự phân biệt giữa “anh tài” với “hùng tài”, anh là người thông minh kiệt xuất, có đầy đủ văn tài; hùng là người dũng cảm khỏe mạnh hơn người, có đầy đủ võ lực.

Trương Lương thời Tây Hán, là một trong “Hán sơ tam kiệt” (ba vị anh hùng hào kiệt thời kì đầu của nhà Hán) phò tá Lưu Bang thống nhất thiên hạ. Dân gian thường cùng nhắc đến y với Gia Cát Lượng, so sánh là hóa thân của sự thông

minh và trí tuệ, là anh tài trí mưu đảm lược đều có. Trương Lương là quý tộc nước Hàn. Khi Tần Thủy Hoàng diệt sáu nước, trước tiên là diệt nước Hàn. Trương Lương quyết tâm giết chết Tần Thủy Hoàng để rửa mối thù huyết hận. Do đó, y kết giao rộng rãi với các hào kiệt, hỏi thăm tìm kiếm cao nhân. Sau này y kết giao bạn tốt cùng với một vị đại lực sỹ có thể dùng chiếc trùy sắt nặng tới 60kg.



Thích Kế Quang: là anh hùng dân tộc, tướng lĩnh chống quân Nụy Khấu nổi tiếng thời nhà Minh. Ông thích đọc sách, thông kinh sử đại nghĩa, đạo quân “Thích gia quân” do ông lập nên nổi tiếng khắp thiên hạ, nhiều lần phá tan quân Nụy Khấu, tạo nên danh tiếng vang dội.

Tần Thủy Hoàng đến phía Đông tuần sát, đi qua Bắc Lãng Sa. Trương Lương và đại lực sỹ mai phục ở đây chuẩn bị tấn công Tần Thủy Hoàng. Nhưng do đại lực sỹ nhất thời hoang mang rối loạn, chiếc chùy sắt lệch phương hướng. Tần Thủy Hoàng may mắn trốn thoát. Trương Lương từ đó mai danh ẩn tích đến Hạ Bi.

Một hôm, Trương Lương đến cầu Di Thủy ở Hạ Bi để giải tỏa, gặp một cụ già râu tóc bạc phơ, xưng là “Hoàng Thạch Công”. “Hoàng Thạch Công” truyền cho y cuốn *bình pháp*

thái công. Trương Lương từ đó nghiên cứu miệt mài, nghiền ngẫm tỉ mỉ, dần dần văn thao võ lược, trở thành một nhà mưu lược thâm trầm, sáng suốt.

Sau này, Trương Lương tòng quân và cuối cùng đi theo Lưu Bang. Ông làm việc hết sức trách nhiệm và trong cuộc chiến tranh giảng thuật cho Lưu Bang về *binh pháp thái công*. Lưu Bang trước mặt Trương Lương trước nay chưa từng dùng thái độ của bề trên với ông mà luôn coi y như tri kỉ, khiêm tốn thỉnh giáo, nghe theo ông.

Trong cuộc chiến tranh giành ngôi bá chủ giữa Lưu Bang và Hạng Vũ, Trương Lương luôn tận tâm làm tròn chức trách, ở Quan Trung giúp Lưu Bang tập kết lương thảo binh mã, vạch ra mưu lược kế sách cho cuộc chiến tranh, còn vì Lưu Bang và giữ lại Hàn Tín - một vị quân sự kì tài, dưới sự phò tá của Trương Lương, Lưu Bang cuối cùng cũng đánh bại Hạng Vũ, thống nhất thiên hạ.

Còn Hàn Tín cùng thời bấy giờ, thì lại là một bậc hùng tài điển hình. Hàn Tín xuất thân bản hàn, cha mẹ đều qua đời khi y còn nhỏ nhưng y lại học hành chăm chỉ, diễn tập binh pháp thành thực, nuôi chí lớn an bang định quốc. Do cuộc sống không có nơi nương tựa nên ông nhiều lần bị những người xung quanh kì thị và lạnh nhạt, thậm chí ông còn từng chịu “Khổ hộ chi nhục” (chịu nhục chui qua háng). Sau này ông đi theo Hạng Lương, sau khi Hạng Lương chết, ông chưa từng được Hạng Vũ trọng dụng, vì vậy tức giận mà dẫn đầu quân cho Lưu Bang. Sau này dưới sự giúp đỡ của Túc Hà, nhận được sự tín nhiệm của Lưu Bang, phong làm đại tướng, lập nhiều chiến công cho Lưu Bang và cuối cùng đánh bại Hạng Vũ, lập thành bá nghiệp.

Mặc dù thông minh kiệt xuất được gọi là anh, dũng cảm khỏe mạnh hơn người được gọi là hùng, nhưng giữa chúng có mối quan hệ hết sức mật thiết, chúng tương phò tương thành, chúng ta tuyệt đối không được tách chúng ra.



Hứa Tiến: là đại thần triều Minh, nhậm chức lại bộ thượng thư, gây gổ với Lưu Cẩn, bị cách chức, sau được phục chức. Là người có khí khái, phụng độ hùng dũng, có hoài bão ý chí lớn lao, nghị luận hùng dũng, ai thấy đều kính trọng mà nể sợ. Ông được người thời bấy giờ coi là hiền nhân.

Sao lại vậy? Do thông minh là thuộc thành phần của anh, nếu như không có sự chi viện của dũng cảm khỏe mạnh của hùng vậy thì chủ trương của anh tài không thể được thực hiện; còn dũng cảm khỏe mạnh thuộc thành phần của hùng, nhưng nếu không có sự chi viện của sự thông minh của anh, vậy thì không thể thành sự được.

Do đó, anh bắt buộc phải dựa vào sự thông minh để bắt đầu lập kế hoạch, bàn bạc, nắm chắc thời cơ, dự đoán trước những thuận lợi và tránh những tai họa, và phải dựa vào sự dũng cảm khỏe mạnh của hùng để thực hiện được kế hoạch của mình. Hùng bắt buộc phải dựa vào sự dũng cảm khỏe

mạnh của mình để khiến cho mọi người đều phải khâm phục, dùng dũng khí của mình để bài trừ tất cả khó khăn, và có sự thông minh của anh giúp đỡ. Tóm lại, anh và hùng dựa vào nhau, phối hợp với nhau thành một thể, tương phò tương thành, bắt buộc phải phối hợp cùng nhau thì mới có thể phát huy tối đa sở trường của chúng. Nếu như hữu hùng vô anh hay hữu anh vô hùng thì đều không thể thành đại sự. Vị vua khai quốc nhà Hán - Lưu Bang nếu không có sự phò tá của anh tài Trương Lương và hùng tài Hàn Tín, thì không thể thành công.

Anh tài và hùng tài, mỗi cái có ba tầng lớp.

Tầng thứ nhất của anh tài là: ban đầu sẽ dựa vào sự thông minh để vạch kế hoạch, bàn bạc, nhưng không thể dự đoán biết trước họa hại, chỉ có thể ngồi đó mà nói không, không thể giải quyết sự việc.

Tầng thứ hai của anh tài là: lúc đầu không những có thể dựa vào sự thông minh để vạch kế hoạch, bàn bạc, mà còn có

thể dự đoán biết trước họa phúc, nhưng thiếu dũng khí để thực hiện, lúc này có thể giải quyết những việc thông thường, nhưng không thể biến hóa thay đổi theo tình hình cụ thể.



Dương Thận: học giả triều Minh, học vấn uyên bác, có nhiều tác phẩm nổi tiếng, làm quan dưới thời nhà Minh, được phong làm hàn lâm học sỹ.

Tầng thứ ba của anh tài là: một là ban đầu có thể dựa vào sự thông minh để vạch kế hoạch, bàn bạc, hai là có thể biết trước họa phúc trong tương lai, ba là dũng cảm khỏe mạnh có thể quyết đoán sự việc, đây mới là anh tài thật sự, Trương Lương chính là kiểu người này.

Tầng thứ nhất của hùng tài là: mặc dù dũng cảm khỏe mạnh hơn người, nhưng lại thiếu dũng khí để thực hiện, lúc này chỉ có thể là người có sức mạnh, được cái danh xưng đẹp dễ là đại lực sỹ, chứ không thể làm tiên phong.

Tầng thứ hai của hùng tài là: không những dũng cảm khỏe mạnh hơn người, mà còn có dũng khí thực hiện, nhưng mà khi gặp phải việc gì đó thì lại thiếu mưu lược, lúc này chỉ có thể làm tiên phong chứ không thể làm tướng soái.

Tầng thứ ba của hùng tài là: một là dũng cảm khỏe mạnh hơn người, hai là có dũng khí đi thực hiện, ba là thông minh, có thể xử lý việc, đây mới là bậc hùng tài thực sự, Hàn Tín chính là kiểu người như vậy.

Anh tài bao gồm thành phần của trí, nổi tiếng bởi văn tài; hùng tài bao gồm thành phần của đảm, nổi tiếng bởi võ lược. Anh tài có thể đảm nhiệm chức tể tướng, hùng tài có thể đảm nhiệm chức tướng soái, anh tài và hùng tài mặc dù tên gọi khác nhau, nhưng đều là thiên tài (giỏi về một mặt), đều là tư chất của thần tử. Chỉ có người có đầy đủ cả anh tài và hùng tài thì mới có thể sáng lập sự nghiệp, tồn tại muôn đời. Giống như Lưu Bang và Hạng Vũ.



Đồng Kỳ Xương: là họa sỹ nổi tiếng thời Minh. Ông giỏi vẽ tranh sơn thủy, nét vẽ ôn hòa, an nhàn, rõ ràng, thanh tú. Danh tiếng của ông lấy lòng vào cuối thời Minh và thời Thanh.

IV. Thanh sắc và bạch sắc

Sắc kị thanh, kị bạch. Thanh thường kiến vu nhĩn đế, bái thường kiến vu mi đoan.

Nguyên văn

Sắc kị thanh, kị bạch⁽¹⁾. Thanh thường kiến vu nhĩn đế,

⁽¹⁾ Sắc kị thanh, kị bạch: sắc có sự phân biệt giữa chính sắc và tà sắc, tức là cát sắc và hung sắc, sắc kị đương nhiên phải là hung sắc. Thanh sắc ở đây chỉ “thanh” trong vết nám, không phải là màu của cây cối mùa xuân phát triển mạnh mẽ, đặc điểm là khô khốc u tối như màu của vết thương; bạch sắc chỉ “bạch” của bột trắng, xương khô, đặc điểm là khô tối, không có ánh sáng. Ý của hai câu này là: khí sắc trên khuôn mặt của con người kị màu xanh, cũng kị cả màu trắng.

bái thường kiến vi mi đoan⁽¹⁾. Nhiên diệc bất đồng: tâm sự ưu lao, thanh như ninh mặc; họa sinh bất trắc, thanh như phù yên; tửu sắc bại quyền, bạch như ngọa dương; tai hồi thôi nhân, bạch như bác phần⁽²⁾. Hựu hữu thanh nhi ái tử, kim hình ngộ chi nhi phi dương, bạch nhi hữu quang, thổ canh tương đương diệc phú quý⁽³⁾, hựu bất tại thử luận dã. Tồi bất giai giả: “thái bạch giáp nhật nguyệt, ô điều tập thiên đình, đào hoa tán diện giáp, pha vĩ thủ địa các⁽⁴⁾”. Hữu nhất vu

⁽¹⁾ Thanh thường kiến vu nhĩn đế, bạch thường kiến vu mi đoan: kiến tức “hiện”, xuất hiện. “Nhĩn đế” chỉ bên dưới hai mắt. “Mi đoan” chỉ phần đuôi mày. Ý của hai câu này là: màu xanh thường xuất hiện ở dưới hai mắt, màu trắng thường xuất hiện ở gần đuôi mày.

⁽²⁾ Nhiên diệc hữu bất đồng: tâm sự ưu lao, thanh như ninh mặc; họa sinh bất trắc, thanh như phù yên; tửu sắc bại quyền, bạch như ngọa dương; tai hồi thôi nhân, bạch như bác phần: “Ngưng mặc”: là giọt mực ngưng tụ lại, đặc điểm là vừa đậm vừa dày, ranh giới rõ ràng. “Họa sinh bất trắc” tức gặp phải tai họa đến bất ngờ. “Phù yên” khói xanh trôi nổi bất định, đặc điểm là nặng nhẹ không cân, ranh giới mơ hồ. “Sắc” ở đây chỉ nữ sắc. “Bại quyền”: mệt mỏi. “Ngọa dương”: màu trắng của con dê đang nằm, vẫn là sinh sắc chứ không phải tử sắc, như con dê đang nằm nghỉ ngơi, không lâu sau là có thể hồi phục nguyên trạng. Người xưa cho rằng, sắc này mặc dù không cát nhưng cũng không phải đại hung. “Tai hồi thôi nhân” chỉ gặp phải đại tai đại nạn. “Bác phần”: đánh phần. Người xưa cho rằng, trắng như đánh phần là tử sắc (màu của chết chóc), người mà mặt hiện lên sắc này chắc chắn thần trí hỗn loạn, tinh lực sa sút. Ý của năm câu này là: tuy nhiên sắc xanh và sắc trắng xuất hiện trên khuôn mặt lại có những trường hợp khác nhau: nếu như do tâm sự ưu lo mệt mỏi mà mặt hiện sắc xanh, thì loại sắc xanh này nhất định vừa đậm vừa dày, hình dạng như mực ngưng tụ lại; nếu gặp phải họa từ đâu bay tới mà mặt hiện sắc xanh, thì sắc xanh này nhất định nặng nhẹ không cân; nếu là do đam mê tửu sắc mà mệt mỏi khiến cho mặt hiện sắc trắng, thì sắc trắng này nhất định thể như con dê đang nằm, không lâu sau sẽ tán đi; nếu như do gặp phải đại nạn mà mặt hiện sắc trắng, sắc trắng này nhất định giống như xương khô, đầy tử khí.

⁽³⁾ Hựu hữu thanh nhi ái tử, kim hình ngộ chi nhi phi dương, bạch nhi hữu quang, thổ canh tương đương diệc phú quý: “Kim hình” chỉ kim hình nhân. “Phi dương”: bay cao phát đạt. “Thổ” chỉ thổ hình nhân. “Canh”: là âm kim. “Tương đương”: chỉ thổ và canh tức là kim tương hợp. Ý của bốn câu này là: nếu như trong sắc xanh có khí tím, loại khí sắc này xuất hiện trên khuôn mặt của kim hình nhân, người này nhất định có thể tung bay phát triển; nếu như là sắc trắng nhuận quang trạch, loại khí sắc này xuất hiện trên khuôn mặt của người thổ hình kiêm kim hình, thì người này cũng sẽ được phú quý.

⁽⁴⁾ Thái bạch giáp nhật nguyệt, điều điều tập thiên đình, đào hoa tán diện giáp, pha vĩ thủ địa các: “Thái bạch” tên một ngôi sao, tức sao Khải Minh, do sáng nên có sắc trắng. Người xưa cho rằng sao này chủ sát phạt. “Nhật nguyệt” chỉ hai bộ vị là nhật giác

thử, tiền trình thoái lạc, họa hoạn tái tam hĩ.

Bản dịch

Khí sắc khuôn mặt kị màu xanh, cũng kị cả màu trắng. Màu xanh thường xuất hiện ở chỗ dưới mắt, màu trắng thì thường xuất hiện ở phần đuôi hai lông mày. Tình hình cụ thể của chúng lại có sự khác biệt: nếu như do tâm sự ưu phiền, khó khăn mà khuôn mặt hiện sắc xanh, vậy thì sắc xanh này phần nhiều vừa đậm vừa dày, giống như mực cô lại; nếu như do gặp phải họa từ đâu rơi xuống mà mặt hiện sắc xanh, thì sắc xanh này nhất định nặng nhẹ không cân bằng, giống như đám khói bay; nếu như do đam mê tửu sắc dẫn đến mệt mỏi kiệt sức mà mặt hiện sắc trắng, vậy thì sắc trắng này nhất định có thể giống như con dê đang nằm, không lâu sau sẽ tiêu tan; nếu như do gặp phải đại họa đại nạn mà mặt hiện sắc trắng, thì sắc trắng này nhất định thắm như xương khô, đầy tử khí (khí chết). Còn có sắc trong xanh có tím, nếu như là kim hình nhân, gặp phải loại khí sắc này, nhất định có thể bay cao phát triển, nếu như là sắc bái nhuận, quang trạch người thổ hình kiêm kim hình, cũng sẽ được phú quý, những cái này đều là trường hợp ngoại lệ đặc biệt, không nằm trong những cái chúng ta vừa kể ra. Nhưng không tốt nhất chính là bốn loại khí sắc sau: “sắc trắng bao quanh vành mắt, chủ tang loạn; khí đen tụ tập tại trán, chủ tham cách (cách chức); bột đỏ hai bên má, chủ hình ngục; màu đỏ nhạt ngưng tụ tại địa các, chủ

và nguyệt giác, nhật giác ở chỗ xương mi trái nổi lên cho đến chân tóc bên trái, nguyệt giác nằm ở chỗ từ chỗ nổi lên của xương mi phải đến chân tóc bên phải. Người xưa cho rằng, tướng này chủ tang loạn. “Ô điếu” tức quạ đen, ở đây chỉ sắc đen. Người xưa cho rằng tướng này chủ tham cách (cách chức). “Đào hoa” ở đây chỉ vết bột đỏ. Người xưa cho rằng tướng này chủ hình ngục. “Pha vĩ” vốn chỉ đuôi cá màu đỏ, ở đây chỉ màu đỏ nhạt. Người xưa cho rằng tướng này chủ hung vong.

hung vong”. Bốn loại khí sắc trên, nếu chỉ có một, thì sẽ tương lai thụt lùi, lụn bại và cùng với đó là gặp phải tai họa.



Sử Khả Pháp: nhà quân sự, nhà chính trị thời kì cuối nhà Minh. Lúc quân Thanh bao vây Dương Châu, ông từ chối đầu hàng, khi thành bị công phá, ông hy sinh oanh liệt.

Sắc phân “thanh” “bạch”

Chương trước nói đến “khoa danh trung nhân, dĩ hoàng vi chủ, thử chính sắc dã”, có thể thấy rằng chương đó luận về cát sắc là chủ yếu, còn chương này sẽ chuyên luận thuật hung sắc.

Cát và hung, trong *Chu Dịch* chính là một nhóm khái niệm đối sánh với nhau, mà một trong những nội dung quan trọng của dự trắc học chính là phải đoán ra kết quả để hướng đến cái tốt, tránh cái hung.

Quan sát con người từ sắc, bắt buộc phải quan sát tỉ mỉ khí sắc của con người, nhân dĩ khí vi chủ, phía trước đã nói đến

rồi. Nhưng khí sắc không phải là vĩnh hằng, cố định bất biến, cần phải nắm chắc quy luật của nó trong sự thay đổi, biến hóa, thì mới có thể nắm bắt bản chất của nó trong muôn vạn sự biến hóa, để không xuất hiện sự chênh lệch. Không nên chỉ nhìn vào một điểm là có thể biết được toàn bộ sự vật, trong thực tế vận dụng cách làm này rất có hại.

Về điểm này *Quy giám* cho rằng: “Sắc hữu đại tiểu, ứng hữu xa thúc, tùy thời cải biến, kì hậu bất nhất. Nhuận trạch hoặc hung, khô táo hoặc cát, tùy tiết vi dụng, dĩ thời tiêu tức” (sắc có to nhỏ, ứng với nó là có chậm nhanh, thay đổi theo thời gian, không giống nhau vào những lúc khác nhau. Nhuận trạch cũng có thể là hung, khô khô cũng có thể là cát, tùy theo thời gian mà đoán biết, thay đổi theo thời gian). *Quy giám* nhấn mạnh “tùy thời cải biến”, “tùy tiết vi dụng”, không thể rơi vào trong vũng bùn của chủ nghĩa máy móc.



Trần Tử Long: là nhà văn, người anh hùng kháng Thanh thời cuối nhà Minh. Ông có nhân phẩm cao thượng, trong sạch; sau khi nhà Minh diệt vong, ông ẩn bí mật mưu kế kháng Thanh, sau khi bị bắt, ông nhảy sông tự vẫn.

Xét trên góc độ cơ chế sinh lý của con người, hai màu xanh và trắng là biểu hiện không khỏe mạnh. Màu xanh ở đây không phải màu xanh lục của cây cối gặp mùa xuân thì sinh sôi nảy nở, mà là màu xanh trong câu “mặt của ai đó bị đánh bầm” mà mọi người vẫn thường nói, là do khí huyết tụ lại tạo nên màu sắc không khỏe mạnh. Màu trắng thì là biểu hiện của không có huyết sắc giống như xương khô, phần trắng, là một loại biểu hiện của khí huyết suy kiệt bất túc, từ đó có thể thấy, hai màu xanh trắng đều là màu da của cơ thể không khỏe mạnh.



Nhiệm Nhân Phát: họa gia, nhà thủy lợi học thời nhà Nguyên. Ông có sở trường và thành tựu khá lớn khi vẽ những bức tranh trên lưng ngựa, tranh nhân vật và hoa lá chim chóc. Ông từng làm vận tải đường biển, chủ trì công trình thủy lợi.

Bốn loại khí sắc trắng xanh

Hai màu xanh trắng lại có hình thể tư thế và biểu hiện riêng, cũng có quy luật biến hóa thịnh suy riêng, những việc chúng đại diện cũng khác nhau, hình của chúng cũng có hung cát, thiện ác riêng.

Nếu như do tâm sự ưu phiền mà có sắc xanh, hình dạng như mực đọng trên mặt giấy, đen mà có ánh sáng, như vậy vẫn có thể nghỉ ngơi điều trị được, tuy nhưng có thể thông, không đến nỗi thành trạng thái bệnh tử, có thể qua một vài hôm, sắc xanh sẽ dần dần biến mất. Trong sách Đông y nói thông thì không đau, đau thì không thông, cũng giống như trường hợp này.

Nếu như “thanh như phù yên”, khí sắc lượn lờ bất định, mà còn không có cả một chút ánh sáng, thì là tử sắc, khó mà cứu giúp, không lâu sẽ có họa khó mà đoán biết được.

Trước đây Biển Thước ba lần gặp Thái Hoan Công, lúc mới đầu còn khuyên Thái Hoan Công chữa trị, lần gặp cuối cùng, lại trốn đi xa. Thì ra ông đã nhìn ra tử tướng không thể cứu chữa của Thái Hoan Công, do đó cũng không nói gì nữa với một người ngoan cố không thay đổi, coi tính mạng của mình như trò chơi như Thái Hoan Công.

Nếu vì “tử sắc” mà hại thân, tinh thần mệt mỏi, đuôi mày thường hiện sắc trắng, đây là điềm báo của thận hư phổi suy, vì vậy biểu hiện thành màu trắng, “trắng như con dê đang nằm”. Loại sắc trắng này chưa có gì đáng ngại lắm, nghỉ ngơi dưỡng sức vài ngày, là có thể hồi phục.

Nhưng nếu khuôn mặt “trắng như cốt phấn”, thì không thể cứu chữa. Sắc này cho thấy chức năng thận của người này đã quá suy rồi, tinh lực đã suy sụp đến mức hồi quang phản chiếu (chỉ con người trước khi chết thân chí đột nhiên trở nên tỉnh táo, hưng phấn), tai họa giáng xuống đầu tiếp theo đó sẽ đến. Hai màu xanh trắng có rất nhiều sự biến hóa, chưa thể kết luận gộp lại một cách máy móc. Do sự thay đổi của thời gian, vĩ độ địa lý, cũng sẽ xảy ra sự thay đổi cát hung.

“Thanh nhi đái tử, kim hình ngọ chi nhi phi dương” do

xanh thuộc mộc, tím thuộc hỏa, kim khắc hỏa, nhưng mộc có thể sinh hỏa luyện kim, như vậy ngược lại thành một thuận một ngược, đều là nghịch hợp, kim hình nhân gặp sắc này ngược lại có thể bay xa phát đạt, có thể được phú quý.

“Bái nhi hữu quang, thổ canh tương đương diệc phú quý” màu trắng vốn là không tốt, nhưng nếu kim thổ tương đương, màu vàng của thổ có thể nuôi dưỡng màu trắng của kim, thổ kim tương sinh, ngược lại sẽ có lợi, đây thuộc thuận hợp, cũng là chủ phú quý. “Bạch nhi hữu quang” chứ không phải “bạch nhược cốt phần” thì tình hình lại khác.

Hà Yển là Huyền học đại sư thời Ngụy Tấn. Ông không những tài hoa xuất chúng, mà tư thái nghi dung đẹp dễ, sắc mặt trắng nhuận. Ngụy Minh đế Tào Duệ nghi ngờ ông thoa phấn, nên trong một ngày mùa hè ban cho ông một bát canh nóng. Hà Yển uống xong, mồ hôi đầm đìa. Ông bèn lấy tay áo màu đỏ lau mặt, sau khi lau xong, sắc mặt trở nên càng khiết bái lại có ánh sáng. Lúc này Ngụy minh đế mới tin sắc mặt của Hà Yển thật sự trắng như châu ngọc. Khuôn mặt của Hà Yển ngĩ lại thì là “bạch nhi hữu quang” chứ không phải “bạch nhược cốt phần”.

Khí sắc phát ra từ lục phủ ngũ tạng của cơ thể con người, ngấm ngấm hòa hợp với nguyên lý ngũ hành, lại hợp với sự biến hóa của thiên, địa, thời, kinh, khi quan sát nhân tướng, phải chú ý những sự khác biệt mà những thay đổi này mang lại, không nên đi theo, lao đầu vào những quan niệm cố chấp.



Cát Càn Tôn: là danh y thời nhà Minh, thể mạo khôi ngô, to lớn, thích võ thuật. Ông từng thay đổi sở thích thói quen cũ để chuyên tâm học tập, nhưng nhiều lần thi không đỗ đạt. Cuối cùng ông theo nghề y, hành y tế thế, chữa bệnh luôn luôn có hiệu quả kì diệu.

PHỤ LỤC 1

Giải thích nguyên tác về đạo nhận biết người tài dụng kẻ hiền của Tăng Quốc Phiên

Tăng Quốc Phiên là một trong những nhân vật có ảnh hưởng nhất trong lịch sử Trung Quốc. Trên quan trường, ông nhận ra rõ nét sự phủ bại, suy yếu của vương triều Đại Thanh sau thời “Cần Gia thịnh thế” (ý chỉ thời vua Cần Long và Gia Khánh - hai thời kì phát triển thịnh vượng của nhà Thanh), ông đưa ra “hành chính chi yếu, thủ tại đắc nhân”. Ông cho rằng, lúc quốc gia nguy cấp sử dụng những người tài đức vẹn toàn, để nhằm khởi xướng phong trào chính trực, thực hiện nền chính trị bằng lễ trị. Trên chiến trường, chọn tướng phải chọn dùng người hiền tài và đưa ra bốn yêu cầu khi chọn tướng: “Nhất viết tri nhân thiện nhiệm, nhị viết thiện quan địch tình, tam viết lâm trận đảm thức, tứ biết doanh vụ chỉnh tề” (một là phải biết người, đảm nhiệm tốt chức trách; hai là phải biết quan sát tình hình quân địch; ba là khi lâm trận phải dũng cảm, thức thời; bốn là mọi việc trong doanh trại phải chỉnh tề, ngay ngắn) về mặt đối nhân xử thế, đạo kết giao bạn bè của ông có kiến giải rất sâu sắc, ông cho rằng kết giao bạn bè quý ở chỗ rộng lượng, phải “thôi thành thủ chính, ủy khúc hàm hoàng, nhi vô tư ý sai nghi chi tệ” (phải chân thành, thẳng thắn, khiêm nhường, bao dung rộng rãi, không được mắc tật tư lợi, suy đoán nghi ngờ). “Phàm sự bất khả chiếm

nhân bán điểm tiện nghi, bất khả khinh thủ nhân tài” (chuyện gì cũng không được phép lợi dụng người khác, không được coi nhẹ việc sử dụng nhân tài). Ông còn đặc biệt nhấn mạnh: “Quan nhân chi pháp, dĩ hữu tháo thủ nhi vô quan khí, đa điều lý nhi đại ngôn vi chi” (phương pháp quan sát con người là có phẩm tiết chứ không quan liêu, có điều lý và ít nói những lời khoe khoang, khoác lác).

Từ đó có thể thấy, Tăng Quốc Phiên là mệnh quan triều đình, bất luận là chính trị, trị quân hay là làm người đối nhân xử thế, tự mình tu dưỡng đều có thể nhìn nhận được nhân tài, dũng cảm đề bạt tiến cử sử dụng nhân tài. Ông vừa không coi nhẹ hình thể ngoại mạo của con người như thần, cốt, khí, sắc, âm, thanh, đồng thời ông càng chú ý hơn đến việc khảo sát các mặt như đạo đức, học thức, khí chất, thành tích. Đạo quan nhân dụng hiền của ông có thể khái quát thành: dùng “hình” quan “thần”, dùng “cốt” quan “đức”, dùng “khí” quan “chí”, dùng “sắc” quan “tâm”, dùng “âm” quan “thức”, dùng “thanh” quan “hành”.

Cuốn sách này sử dụng một vài bài trong *Tăng Quốc Phiên văn tập*, xếp sau *Bằng Giám*, để mọi người không hiểu nhầm tâm nguyện quan nhân dụng tài của Tăng Quốc Phiên, để tránh chúng ta có những dự liệu lẫn lộn khi kết giao, dùng người.



Ngạc Nhĩ Thái: đại thần nhà Thanh, người Mãn, xuất thân trong gia đình quan lại. Ông đã làm đến chức đại thần nghị chính. Thời gian còn nhậm chức, ông chú trọng đến thủy lợi, đặc biệt có công lao lớn với việc xây dựng công trình thủy lợi Vân Nam.

Thức nhân tam pháp (ba cách nhìn nhận con người)

Cá nhân thần cho rằng, dùng người và xử lý chính trị, cả hai mặt này, từ cổ chí kim đều được nhắc đến, bàn luận cùng nhau. Chỉ duy đến triều đại của chúng ta, các việc chính sự đều đã có hiện pháp hiện thành, hơn nữa còn rất tường tận, khó mà tùy tiện nghị luận. Hôm nay điều nên thảo luận, chỉ có chuyện dùng người mà thôi. Ngày nay nhân tài không thiếu, muốn bồi dưỡng và khích lệ họ, tất cả đều phải dựa vào sự vận dụng của hoàng thượng. Xét về tổng thể, phương pháp dùng người có phương pháp chuyển di, phương pháp bồi dưỡng, phương pháp khảo sát, ba phương pháp này không thể thiếu bất cứ một cái nào, xin cho phép thần được trình bày với hoàng thượng.

Phương pháp chuyển di là gì? Các vị thánh chủ triều ta xử lý chính sự, phần lớn dựa vào những sai lầm của thế tục rồi uốn nắn, sửa chữa, khiến cho những sai lầm ấy hướng về cái đúng đắn, phù hợp. Thời Thuận Trị, vết thương vừa mới lành, dân tâm còn chưa được yên định, vì vậy thánh tổ tiếp tục áp dụng chính sách khoan hồng; cuối đời Khang Hy, do thái bình lâu dài, quan lại lỏng lẻo, hình phạt vứt bỏ, bách tính khắc khổ, vì vậy Thế Tông áp dụng chính sách nghiêm khắc thêm vào đó là chỉnh đốn chính trị; thời Càn Long, Gia Khánh, con người sùng bái tài hoa, chí hướng cao xa, vì vậy, Nhân Tông vốn đề cao đức hành áp dụng phương pháp trấn tĩnh, trói buộc họ, để thay đổi thói quen khoe khoang khoác lác, không thiết thực rộng rãi lúc bấy giờ. Một đạo, mọi người mới tuân theo quy tắc, không dám tự mình khoe khoang mình là người đa tài đa trí, tài năng ắt có ngày bộc lộ. Như vậy, người có hành vi phẩm chất thì rất nhiều, nhưng người có mưu lược có thành tựu thì lại dần dần thiếu hụt. Mọi người phần lớn đều coi nhút nhát rụt rè là thận trọng, coi nhu nhược ủy mị là cung thuận. Theo như thần thấy, căn bệnh phổ biến của quan viên kinh thành khi xử lý việc có hai điểm: một là thụt lại sau, hai là phiền tể. Căn bệnh phổ biến của quan viên ngoài kinh thành khi xử lý việc cũng có hai điểm: một là làm ăn tạm bợ, hai là không màng quan tâm. Người lui về sau, các quan đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, ai cũng không muốn bị oán hận, động một tí là thỉnh thị ý chỉ, ai cũng không muốn nhận trách nhiệm. Người phiền tể, chỉ thấy cái lợi nhỏ, mà không màng đại thể, chỉ có thể nhìn thấy những cái nhỏ nhặt, mà không thấy cả một xe củi cỏ. Người hành sự qua loa tạm bợ, chỉ biết làm đẹp bề ngoài, chỉ suy nghĩ cắt miệng thịt trước mắt để đắp vào chỗ vết sẹo, chứ không thềm quan tâm ngày mai ra sao. Người không quan tâm, bề ngoài hoàn hảo không có khuyết

điểm nào, ở trong thì đã thối rữa, lúc dâng tấu thì tô vẽ cho mình, nhưng những lời nói ra đó hoàn toàn vô căn cứ. Bốn loại người này, quen rồi thì lại bắt chước nhau, chỉ cầu tạm thời được an nhàn, không có sai sót gì, chứ không cầu phát lên, có thành tích, tương lai vạn nhất có chuyện đại sự quan trọng, khó khăn, quốc gia chắc chắn sẽ thiếu hụt nhân tài. Thánh đức hoàng đế, người biết rõ tình hình trong đó, vì vậy khẩn thiết muốn có một vị nhân tài hữu dụng, đến để ra sức cứu vãn lại tình trạng chán trường uể oải. Năm ngoài những quan viên tiếp nhận khảo sát, trong mấy tháng, đã có ba vị được cất nhắc lên làm Niết Tư, một người được đề bạt làm Phan Tư, đại khái là muốn thông qua phá cách vượt cấp đề bạt để chỉnh đốn tác phong ủy mị đã tích tụ lâu ngày. Không còn cách nào khác kiểu tác phong này là xu hướng của số đông, khó mà lập tức thay đổi. Nếu bây giờ gấp rút yêu cầu chọn nhân tài, lại sợ những kẻ cuống cuống mạo danh may mắn tiền thân, như thế ngược lại sẽ không đạt được hiệu quả thiết thực. Thần cho rằng, muốn khiến cho nhân tài không vượt ra ngoài quy phạm, chi bằng để cho họ hành nghề học thuật. Gia Cát Lượng - danh thần thời Thục Hán nói: “Nhân tài bắt buộc phải học tập, học tập nhất định phải hiểu” đây có lẽ là câu nói tốt nhất. Tuy nhiên, muốn khiến cho nhân tài đều hiểu hiểu học, lại phải dựa vào hoàng thượng người dùng chính bản thân mình để làm gương, thì mới có thể nắm chắc gốc rễ của chuyển di phong hóa. Theo như thần khảo sát, sau khi Thánh Tổ đăng cơ, chăm chỉ học tập ham học hỏi, mỗi ngày cho văn thần đến giảng bài, dù là hàn lạnh hay nóng khắc nghiệt cũng đều không từ bỏ; đến ngay cả ngày sinh nhật của mình, cũng không cho phép gián đoạn; địa phương xảy ra chiến sự, cũng chưa từng dừng lại; mỗi lần triệu kiến đại thần, luôn thảo luận hết lần này đến lần khác với họ. Vì vậy thời đó nhân tài nở rộ,

người hiểu học rất nhiều. Đến những năm cuối thời Khang Hy, người có học thức uyên bác và tài cán trác việt, phần nhiều đều do Thánh Tổ hướng dẫn bồi dưỡng mà thành. Hiện nay hoàng thượng sức lực dồi dào, vừa hay tương đương với tuổi của Thánh Tổ khi nghiên cứu học tập. Kiến nghị của thần, là muốn xin hoàng thượng sau khi đăng cơ 27 tháng, thực hiện quan lệ mỗi ngày cho triệu văn thần đến giảng bài. Thiên hạ truyền tai nhau, người người đều noi theo. Triệu kiến quần thần bách quan, cùng họ ủng dung bàn luận. Phát hiện người không có tài thức, thì dùng học tập để cổ vũ họ, để trị dứt điểm cái thói quen xấu khi gặp chuyện chẳng nói chẳng rằng, không đưa ra ý kiến; phát hiện người có tài thức, thì càng phải dùng học tập để cổ vũ họ, để thay đổi sai lầm bảo thủ cố chấp, hà khắc của họ. Mười năm sau, nhân tài nhất định sẽ có khởi sắc lớn. Một người trong cung làm tấm gương học tập, anh tài trong thiên hạ sẽ được cổ vũ, bắt đầu từ đây, thu được hiệu quả từ họ, chuyện xưa thời Khang Hy, là ví dụ rõ ràng nhất. Hy vọng thói quen xấu ủy mị học tập theo cái cũ ngày nay sẽ biến thành tác phong mới, lại lo lắng sau này lại xuất hiện sự việc bại hoại quốc gia, liền dùng *thi, thư* để giáo dục

mọi người. Chỉ mong thay đổi một cách vô tri vô giác chứ không thể sửa chữa uốn nắn quá thẳng.



Du Sĩ Duyệt: là đại thần thời Minh. Ông làm quan thanh liêm chính trực. Khi còn làm quan, giữ vững nghiêm khắc kỷ cương, tham quan ô lại đều bị ông vạch tội. Có danh tiếng lẫy lừng.



Dương Chú: là danh thần nhà Minh. Ông là người thành thực đôn hậu, khoan dung đại độ, được người thời đó tôn trọng. Nhận lệnh của hoàng thượng, tham gia thi đình, liên tục thăng lên đến chức Lễ bộ thượng thư.

Phương pháp bồi dưỡng là gì? Người không bước chân vào con đường làm quan, tạm thời không nói tới. Những người đã bước chân vào những nơi tập trung nhân tài nhiều nhất như nội các, lục bộ, viện hàn lâm trên con đường làm quan kia, tương lai là Khanh tướng trong triều, đốc phủ ngoài kinh, về cơ bản đều là được chọn lựa để bạt từ tám nha môn này. Nhân tài ở đó vô số, hoàng thượng không thể hiểu rõ từng người một. Chức quyền bồi dưỡng nhân tài không thể không giao cho trưởng quan của các nha môn. Nội dung của phương pháp bồi dưỡng, đại khái có mấy phương diện sau: một câu ban thưởng sẽ khiến cho họ cảm kích mà nỗ lực lập công; một câu trách phạt sẽ khiến cho họ sợ hãi mà sửa sai. Đây chính là nguyên nhân không thể không tăng cường việc dạy dỗ. Không trừ tận gốc bụi cây, gai góc, thì sắc trạch của hoa lan, hoa huệ cũng bị giảm đi một phần; con ngựa hại đàn không rời đi, thì thiên lý mã không thể thể hiện hết được tài năng của nó. Đây chính là nguyên nhân không thể không tăng cường giám sát, phân biệt. Năm thứ tư và năm thứ mười tám Gia Khánh, hai

lần hạ lệnh các bộ viện tiền cử thuộc viên, đây cũng là tiên lệ tiền cử. Thời Ung Chính, Hà Nhữ đến với thân phận chủ sự được ban thưởng nhân sâm, ra ngoài được làm tri phủ; năm Gia Khánh, Hoàng Thành cùng nhậm chức làm việc ở viện hàn lâm với thân phận chủ sự, được vào nam thư phòng trong cung. Đây là tiên lệ phá cách đề bạt. Trước đây đã từng thảo luận, nhân tài cũng giống như trồng hoa màu, sự chỉ dạy của trưởng quan nha môn, cũng giống như trồng tọt dưỡng đất; giám sát phân biệt cũng giống như cắt đi cỏ tạp; tiền cử cũng giống như dẫn nước tưới cây; sự phá cách đề bạt của hoàng thượng giống như cam vũ lộ (mưa) kịp thời, hoa màu phát triển nhanh chóng; trưởng quan thường xuyên tới công đường, cũng giống như nông phu ngày ngày ngoài đồng, mới có thể nắm rõ sự sinh trưởng của hoa màu. Các vị trưởng quan các nha môn ngày nay, phần lớn đều là những người làm việc trong cung, có lúc mấy tháng trời không đến công đường, không thường xuyên tiếp xúc với thuộc hạ, ngoài mấy người giữ ấn, chủ thảo ra thì chẳng quen ai cả, cũng giống như cây mạ và cỏ tạp, mặc kệ cho chúng cùng sinh cùng chết trong đồng, còn nông phu cũng chẳng thèm ngó đến. Phương pháp dạy bảo không ai biết không ai hiểu, quan lệ giám biệt xưa cũng vứt bỏ, mấy năm gần đây nhận lệnh của hoàng thượng tiền cử nhân tài, lại chỉ giới hạn ở quan viên ngoài kinh, chứ không bao gồm cả bộ phận trong kinh thành. Phương pháp bồi dưỡng vẫn chưa bị vứt bỏ hoàn toàn sao? Từ mấy năm trở lại đây, những người trong lục bộ càng ngày càng nhiều, có người 20 năm không thể bổ khuyết, có người cả đời không thể chủ thảo; số lượng người trong nội các, viện hàn lâm cũng bằng 4 lần trước đây, những người này cả mười năm trời cũng chẳng có lấy một việc, nói gì đến một cấp hàm, điều này đã khiến cho nhân tài kiệt xuất phải chịu tổn thất, chèn ép. Còn

trưởng quan các nha môn lại phần lớn ở trong cung, thuộc hạ cả năm đến một lần gặp mặt cũng khó. Như trong sổ sáu vị đường quan của lại bộ thì có đến bốn vị ở trong cung; sáu vị đường quan của lễ bộ cũng có 4 vị trong cung; sáu vị đường quan của hộ bộ đều ở trong cung làm việc; hai vị chưởng viện viện hàn lâm cũng đều ở trong cung. Những người này ở trong ngự viên theo hầu, vốn khó mà phân thân đến công đường, lại có người kiêm quản lý hai bộ, có người quản lý nhiều nơi. Kẻ làm thuộc hạ, khi kí tên trên văn thảo, vội vội vàng vàng nhìn một cái, lúc hồi báo với thượng quan, lác đác nói vài câu, cho dù tài đức đều có cũng không thể khiến cho thượng quan chú ý đến, vậy làm sao có thể khiến cho hoàng thượng hiểu chứ? Nhiều nhân tài như vậy, ở ngay trước mắt lại không thể tận tâm bồi dưỡng, đúng là đáng tiếc. Ý của thần là muốn xin hoàng thượng người suy nghĩ thêm chút để có thể dễ dàng tiếp xúc với thuộc hạ. Chưởng quan của viện hàn lâm cũng phải có người không làm việc ở trong cung, để cho họ tiếp xúc với những người viết, người thẩm tra đối chiếu.



Hạ Nguyên Cát: đại thần nhà Minh. Ông làm quan luôn chú ý đến đại thể, tìm hiểu nỗi khổ của nhân dân, ai ai cũng yêu mến, thán phục. Ông làm quan ba triều, là vị đại thần tốt.

Bắt buộc phải khiến cho chương quan hiểu tính tình, tâm thuật của từng thuộc hạ một. Hoàng thượng phải thường xuyên thăm hỏi, ai có tài, ai chính trực, ai chỉ có tiểu trí, ai có thể đảm đương trọng trách lớn. Như vậy, ưu nhược điểm của thuộc hạ không những được thể hiện hoàn toàn rõ ràng, mà đến cả năng lực của chương quan, thông qua so sánh có thể phát hiện được. Thông qua khảo sát, đối chiếu, nhân tài của bát nha môn được hoàng thượng nắm rõ, còn những thuộc hạ kia, chỉ cần có thể khiến cho tên của họ truyền khắp thiên hạ, không nhất định phải cho họ chức quan, họ cũng đã vô cùng cảm kích rồi. Sau đó lại chiếu theo thông lệ cũ, lần lượt thực hiện phương pháp tiến cử và giám biệt. Hoàng thượng thỉnh thoảng có phá cách đề bạt, như vậy thì đúng là như, cây nam mộc, cây thiệp vờn cao, cỏ cây hưng phần cổ vũ lòng người. Nội dung của phương pháp bồi dưỡng đại khái là như vậy.



Ngô Khoan: Ông là đại thần, nhà thư pháp thời Minh, thuở nhỏ cần cù hiếu học, coi những điển chương của tiên triều như châu báu quý trong nhà. Ông là người quản lý, biên soạn sử rất tài giỏi và cũng là người giỏi thơ văn.

Phương pháp khảo sát, chỉ cái gì? Ngày xưa, thăm hỏi sự tình, khảo hạch ngôn luận, cả hai điều này đều quan trọng như nhau. Gần đây các nha môn làm việc, nhỏ thì dựa theo thông lệ cũ, lớn thì thỉnh thị thánh chỉ, vốn chẳng thể nhìn ra được tài trí mưu lược của những người làm việc, như vậy cần phải khảo sát bọn họ về phương diện ngôn luận. Khi triệu kiến họ ứng đối, do hoàng thượng ở ngay gần bên, lại không dám nói lời ngon tiếng ngọt, huyền thuyên luôn miệng, như vậy chỉ bằng khảo sát bọn họ bằng tấu sớ. Quốc gia hoạch định điều lệ, cửu khanh và các khoa đạo trong kinh thành, đốc phủ và các phan niết ngoài thành đều có trách nhiệm kể lại sự tình. Đạo viên các tỉnh, không được phép chỉ viết tấu chương tạ ơn, chỉ cho chuyên viết tấu chương nghị sự. Tuy nhiên, hơn mười năm nay, cửu khanh lại chẳng có một người nào trình bày những được mất của thời chính, tư đạo lại chẳng có lấy một bản tấu chương nói đến tốt xấu ở địa phương, mọi người đều giữ im lặng, một đạo hình thành nên thói quen như thế này, thật khiến cho người ta không hiểu nổi là vì nguyên nhân gì. Khoa đạo thỉnh thoảng cũng có dâng sớ, nhưng trước giờ chưa từng có lấy một câu đề cập đến đức hạnh của quốc vương thịnh suy, không có lấy một bản tấu chương luận tội những sai sót của đại thần, lẽ nào quốc vương đương triều đều là quốc vương như Nghiêu, Thuần, đại thần đương triều đều là đại thần như Tắc, Khiết sao? Một đạo hình thành nên thói quen này, cũng khiến cho người ta không thể hiểu nổi. Thần khảo sát bản triều cho đến nay, những người tiền ngôn sửa chữa đức hạnh của quốc vương, Tôn Gia Cam dùng tinh thần tự cho mình là đúng khuyên Cao Tông, Viên Tiễn dùng sự điềm tĩnh không dục vọng để khuyên Nhân Tông người sùng bái đức cao đức hạnh, đều được tiếp nhận, đến nay còn truyền tụng lại đẹp đẽ; luận tội đại thần, như Lý Chi Phương; dâng tấu luận tội

Ngụy Duệ Giới, Bành Bằng; dâng tấu hặc tội Lý Quang Địa, sau này cả bốn người này đều trở thành danh thần, đến nay cũng được truyền tụng đẹp đẽ. Tự cổ chí kim, thăng thần không kiêng dè không đầu thịnh hơn triều ta. Đến nay hoàng thượng, người mới lên ngôi, lại hạ chiếu chỉ cầu ngôn, bao hàm những lời lẽ nhân nghĩa, khiến thần đọc xong vui mừng nhảy múa, cảm kích rơi lệ, đây đúng là cảnh tượng của Thái Bình! Tuy nhiên thần có chút lo lắng quá đáng, thấy hoàng thượng người cầu ngôn hết sức cấp thiết, chỉ sợ các vị đại thần lủ lượt dâng tấu, hoặc dâng sớ trình bày đủ các chuyện chính vụ, trong đó có nhiều địa phương giống nhau, thời gian lâu rồi, người sẽ không tránh khỏi có tâm lý chán ngán; luận tội đại thần sợ trợ trưởng cung kích lẫn nhau, thời gian lâu dần, người sẽ không tránh khỏi thấy ngán ngẩm. Ý của thần là mong hoàng thượng người kiên định tâm ý, coi tấu sớ là công cụ để khảo hạch nhân tài, mãi mãi không thấy chán ngán. Cái nào đề cập giống nhau, thì không cần thiết giao cho các vị đại thần thảo luận; cái nào công kích quá độ, không cần đưa ra là được. Ngoài ra, thì sẽ chỉ nhìn thấy nó có lợi, ban đầu sẽ không thấy nó có hại. Con người đều quen với quy định thông thường cũ, phần lớn đều có rất nhiều bản khoản, như sự thịnh suy của đức hạnh của quốc vương, sự sai lầm của đại thần, nếu không phải hoàng thượng nhiều lần khuyên dụ dạy bảo họ, khiến cho họ thảo luận, thì ai sẽ dễ dàng mạo phạm những sai lầm lớn trong thiên hạ chứ? Như Phan Niết thượng triều tấu việc, đạo viên chuyển tấu chương, mặc dù có điều lệ cố định, nhưng một thời gian dài không theo đó mà thực hiện, nếu không phải hoàng thượng nhiều lần đốc thúc họ phát biểu ngôn luận, ai dám đưa ra những chủ trương mới, để đến nỗi chọc giận đốc phủ chứ? Thần cũng hiểu, con người trong ngoài kinh thành, lớn lớn nhỏ nhỏ cùng nhau tiến ngôn, cho dù là người giả tạo,

cũng có thể trà trộn trong đó. Tuy nhiên lời nói không có căn cứ, chỉ có thể bán đi một lần, chứ không thể nào diễn lại, gương sáng trên cao, lẽ nào có thể trốn thoát sao? Như bây giờ khảo hạch sự hiền và bất hiền của cửu khanh, chỉ dựa vào sự ứng đối khi triệu kiến, khảo hạch khoa đạo hiền hay không hiền, chỉ dựa vào khảo sát kinh thành của ba năm; khảo sát tư đạo hiền hay bất hiền, chỉ dựa vào lời nói của đốc phủ. Nếu như để cho mỗi người đều phát biểu kiến giải, so sánh, khảo sát nghiệm chứng, lẽ nào không phải càng xác thực sao? Phương pháp khảo sát mà thân nói, đại khái là những mặt này.

Ba phương pháp trên dựa vào nhau, cùng thực hiện, không làm trái nhau.

Ứng chiếu trần ngôn sơ



(Ngô Nột: đại thần nhà Minh. Từ nhỏ nỗ lực học tập, là người cương trực thẳng thắn. Vì am hiểu y học nên được tiến cử vào kinh. Khi nhậm chức Nam Kinh tả phó đô ngự sử, bị người khác đổ kị phải vào ngục. Sau được thả ra, cáo lão hoàn hương, sống cuộc sống đạm bạc đến cuối đời).

Tương nhân thức quân tử

Xét trên đại thể, quân tử hữu đạo khiến cho bản thân lập được công trạng, nằm ở địa vị hoàn cảnh của họ. Đích thực có thể tự kiểm điểm nội tâm của mình, không có chỗ nào phải hổ thẹn, vậy thì ngẩng cao đầu nhìn trời, nhật nguyệt, cúi xuống là vạn vật đại địa, trong lòng thoải mái không hổ thẹn. Vì vậy, Công Dã Trường không có điểm nào hổ thẹn với sư phụ Khổng Tử của ông, Phạm Băng thời Đông Hán không hề bôi nhọ lời giáo huấn của mẹ, trong lòng họ đều có thứ để họ cảm thấy tự tin. Ngài chắt phác thật thà, giữ gìn bốn phận của mình, không mưu cầu ở người khác, nhưng những tai họa ngoài ý muốn kia lại liên tiếp giáng xuống đầu ngài, ngày đêm đơn độc, trầm tư với chính cái bóng của mình, hối hận, sự hối hận và căm hận cứ đan xen với nhau, lúc này, phải tăng cường đề cao tu dưỡng, không được vì vậy mà tăng thêm hoài nghi, lo lắng, dần dần mất đi tâm niệm nhất quán của bản thân.

Ở đây tôi không có tài năng những vấn đề trà trộn vào những người giỏi để kiếm danh lợi, không có chút thành tích nào, đến cuối cùng chung quy cũng chẳng có kết quả gì tốt đẹp. Tôi luôn luôn cương chính, vốn không theo được tình thế hiện nay, nhưng từ từ học tập, cũng khó mà bước vào được cảnh giới cao minh, chỉ có một chuyện, đó là giữ gìn nguyên tắc độc lập của bản thân để không phụ niềm hi vọng của tri kỉ bạn bè dành cho tôi, cái mà từ đầu đến cuối đều theo đuổi chỉ là cần thận tỉ mỉ để làm được những điều này. Nếu có gửi lại thư, hi vọng ngài có thể cho tôi vài điều chỉ giáo.

Dữ Trần Nãi Đạo Quang năm 30.



(Huống Trung: nhà thơ, quan triều Minh. Có kì tài, được thượng thư Lỗ Chấn tiến cử làm chủ sự nghị chế tư. Khi còn là tri huyện Tô Châu, cương trực liêm khiết, hết mực yêu dân. Là vị thanh quan nổi tiếng).

Nhận biết thành tựu của con người qua lòng dạ khí độ

Nếu như là do bản thân không đúng mà người khác coi thường, vậy thì lỗi ở ta chứ không phải ở người, nếu như bản thân hiền minh mà người khác không biết, vậy thì bị coi thường không phải là lỗi lầm của bản thân. Nếu người khác hiền năng trước mặt chúng ta, vậy thì là đức năng của chúng ta chưa đủ. Nếu đức hành tương đương người cũng ở trước mặt ta, vậy thì là đức hành của ta kém người. Vậy có gì phải oán giận chứ?

Hơn nữa khi hiền năng của hai người chưa trông cao thấp, coi người có thể khiêm tốn nhường nhịn là sáng suốt. Khi hiền năng còn chưa phân biệt, người dùng lực để đi tranh giành phần thắng là hạ. Do đó, Lận Tương Như dẫn xe né tránh để thắng Liêm Pha, Khâu Tuân không đấu tranh với Cổ Phục mà

vượt qua Cổ Phục, sự biến hóa đi biến hóa lại của hình thể sự vật, chính là cái mà quân tử gọi là “đạo”.

Người mà lòng dạ khí độ rộng mở cao xa, nhất định sẽ có thành tựu đáng kinh ngạc. Người mà trong lòng có thiên hạ, làm nhiều việc thiện, nhất định cũng sẽ đạt được thành tựu đáng tự hào. Bởi vì một người có thể dung nạp lớn như thế nào, thì thành tựu của họ cũng lớn như vậy.

Tục ngữ có câu:

Nếu bạn chỉ muốn trồng mấy hôm, vậy thì trồng hoa;

Nếu bạn chỉ muốn trồng mấy năm, vậy thì trồng cây;

Nếu bạn muốn lưu tiếng thơm vạn thế, vậy thì trồng quan niệm.

“Quan niệm” ở đây ứng với đặc trưng của nhân tài, chính là lòng dạ rộng mở vĩ đại. Người có lòng dạ rộng mở vĩ đại, nhất định sẽ có mục đích nhân sinh rõ ràng mà kiên định, và từ đó sản sinh ra lực lượng tinh thần và sự đầu trí mạnh mẽ giống như trời phú, thần ban cho vậy, anh ta không chấp nhận thất bại, cũng không thừa nhận thất bại, ngược lại còn kích thích dũng khí to lớn và nghị lực hơn người vốn tiềm ẩn trong con người họ, thôi thúc, cổ vũ họ khắc phục trở lực chiến thắng khó khăn. Người như vậy cũng có lòng tin sức mạnh, có dũng khí, có trí tuệ và sản sinh ra ngọn lửa của linh cảm, của sự sáng tạo trong đấu tranh.

Người có phẩm chất tính cách như vậy, cũng có đầy đủ lòng tin, dũng khí và sức mạnh với bản thân mình, do đó cũng có tiềm năng thành công. Thành công cũng chính là con thuyền có thể nhìn thấy cột buồm trên hành trình phấn đấu của anh ta, có mục tiêu rõ ràng, kiên định, thì cũng có động

lực cuộc sống. Có người trẻ nào mà không động lòng trước mặt người khơi dậy tình yêu chân thành trong lòng họ chứ?



(Trần Cổ: họa gia kiệt xuất nhà Minh. Tính tình đôn hậu, học thức sâu rộng, đa tài, giỏi làm văn, cũng giỏi thi họa, thái độ sáng tác hết sức nghiêm túc, cẩn thận. có không ít tác phẩm nổi tiếng lưu truyền trên đời).

Trần Thăng lúc đầu khi còn là nông dân, giúp đỡ người khác làm ruộng trồng cây. Nhưng điểm khác nhau giữa anh ta và đồng sự ở chỗ cùng là vui đầu vào trồng trọt, nhưng anh ta vẫn hướng mắt lên nhìn trời xanh, anh ta có lý tưởng và ước mơ cao xa không giống với những người nông dân bình thường. Ngày trẻ có thể anh ta không biết cụ thể lý tưởng và ước mơ của mình là gì, cũng khẳng định anh ta không nghĩ rằng bản thân mình sẽ đứng lên khởi nghĩa nông dân, vung tay hô gọi, tạo phản Tần Thủy Hoàng (năm đó Tần Thủy Hoàng vừa mới rời khỏi đế quốc mà ông đã xây dựng bao năm, không cam tâm nằm trong lăng mộ khí khái phi phàm, quy mô rộng lớn, châu báu vô số, khiến người đời sau vô cùng kinh ngạc, ngưỡng mộ), nhưng anh ta biết mình không thể sống cả đời giống như những người nông dân khác, và cũng tin rằng mình sẽ không sống một đời như vậy. Vì nguyện vọng ấy, khi anh ta

ngủ ngơi trên bờ ruộng, anh ta nói với đồng sự một lời thật lòng: “Nếu giàu có rồi, sẽ không quên mọi người” Lúc mọi người cười chế giễu, anh ta thở dài: “Chim yến chim sẻ nào có thể biết được ý chí của hồng học!”

Anh ta có ước mơ cao lớn, do đó cuối cùng chưa đi được nửa quãng đường điền nông. Anh ta làm phản Tần Thủy Hoàng, cho dù là lựa chọn bắt buộc không còn con đường nào, nhưng sứ mệnh này ở trên người anh ta, vẫn có tính tất yếu của nó.

Khi lựa chọn, nhận biết con người, vì tương lai của công ty và đơn vị, vì ước muốn “nếu mỗi một người đều cao lớn hơn tôi, thì đây sẽ là một công ty người khổng lồ”, bắt buộc dưới tiền đề khảo sát học thức, năng lực của nhân tài, ước lượng thử lý tưởng và mục tiêu của cuộc đời họ. Người có mục tiêu kiên định, thì động lực công việc của họ nhất định cao hơn người khác, có thể trước mắt học thức tài lực của họ có hạn, nhưng dưới sự thôi thúc của mục đích cao xa này, họ sẽ không ngừng học tập, không ngừng tiến bộ, không ngừng cố gắng, cuối cùng sẽ vượt qua năng lực của những nhân tài hiện có. Do có một quá trình tiến bộ trong thời gian tương đối dài, khi lựa chọn kiểu nhân tài này đương nhiên phải suy nghĩ đến nhu cầu thực tế của đơn vị.

Nhưng Trần Thắng cuối cùng cũng thất bại, ngoài những khó khăn mà bản thân anh ta không thể vượt qua và khắc phục, hạn chế trong tính cách của anh ta cũng là một nhân tố đáng phải suy nghĩ.



(Ngư Khán: đại thần nhà Minh. Khi làm tri phủ Khai Phong, cương trực liêm khiết, được người đời xưng tụng. Mất thân qua đời, không lấy một thứ gì của quan phủ, từ quan về quê, sống cuộc sống vui vẻ tự lạc).

Anh ta có mục tiêu kiên định và lý tưởng to lớn, nhưng lòng dạ khí độ của anh ta lại chưa đủ. Khi “đạt được phú quý rồi, sẽ không quên mọi người” của anh ta khiến cho tất cả mọi người đều cười chế giễu, cái anh ta nghĩ đến là sự dung tục, trong lòng không có chí lớn của mọi người mà quên mất rằng trong cuộc sống đích thực có rất nhiều người như vậy. Điều này mâu thuẫn với nguyên tắc muốn thành đại sự thì phải đoàn kết với phần đông người bình thường, chấp nhận mọi khuyết điểm của họ, phát huy tối đa ưu điểm của họ (cho dù chỉ có một ưu điểm). Nhưng Mao Trạch Đông lại nhìn rất thấu đáo điểm này, cách làm cũng hết sức tinh tế, diệu kì, ông từ rất sớm đã vạch ra rõ ràng ranh giới “ai là địch của chúng ta, ai là bạn của chúng ta”.

Ngô Quảng cùng Trần Thắng khởi sự, giúp đỡ y rất nhiều, nhưng sau này khi Ngô Quảng bị bộ hạ giết chết, Trần Thắng không những không thương tiếc mà ngược lại còn trọng

thường tên bộ hạ đó, phong hấn làm thượng tướng (có thể thấy Trần Thắng không thể dung nạp người khác, hơn nữa lại còn vào lúc sự nghiệp chưa hoàn thành).

Sau khi Trần Thắng xưng đế, những người đồng sự năm đó cùng y làm ruộng đến tìm y, muốn thưởng thức chút phú quý, nhưng lại bị người canh cửa giữ lại (có người canh cửa như vậy, lòng dạ khí độ của Trần Thắng lại càng hẹp hòi). Những người đồng sự không còn cách nào khác, đành đợi bên đường, đợi khi đoàn xe của Trần Thắng đi qua gọi to tên y, như vậy mới gặp được Trần Thắng.

Khi bộ hạ nói với Trần Thắng, những người bạn hoạn nạn ấy của y cả ngày gào hét tên y, nhắc đến chuyện xưa của Trần Thắng làm tổn hại vương uy, Trần Thắng liền lập tức phái người đến giết một trong số đó, những người còn lại cũng rời đi; từ đó không còn ai đến gần Trần Thắng nữa.

Từ đó cho thấy rõ, lòng dạ khí độ của Trần Thắng đích thực nhỏ hẹp, mãi mãi không đủ để gây dựng sự nghiệp long trời lở đất. Hoàn toàn khác so với Lưu Bang cùng thời bấy giờ.

Lưu Bang lúc đầu chưa chắc đã có những ưu điểm như của Trần Thắng, dường như phần lớn là sự vô lại (ví dụ như trên giấy ghi lễ vật viết là 1 vạn tiền, trên thực tế một cắc cũng không tặng, ngược lại lại còn trấn tĩnh tự nhiên ngồi trên bàn tiệc ăn uống no say, ăn to nói lớn. May mà nhạc phụ của y là một người biết nhìn hàng. Nếu không thì lịch sử lại thiếu mất một đoạn những lời nói hay về nhận biết, phân biệt nhân tài). Nhưng trong thực tế đấu tranh, y dần dần học được bao dung, lòng dạ khí độ rộng mở vô hạn, thậm chí còn đến mức sâu vô bờ. Đó là bởi vì y biết mục đích của y là cả giang sơn, chứ không phải một người một việc, hoặc một mảnh đất. Do

đó, khi Hạng Vũ nói muốn giết cha của Lưu Bang để làm canh thịt, Lưu Bang dám cười mà nói rằng “chia cho ta một bát”. Khi Hàn Tín cầu được phong “Giả tể công”, Trương Lương giẫm vào chân Lưu Bang, Lưu Bang liền lập tức cho phép (khi không thể cự tuyệt hoàn toàn, thì đồng ý luôn), sự cổ hủ Nho sinh của Thúc Tôn Thông khiến cho Lưu Bang ghét, nhưng chỉ một câu “lập tức đắc thiên hạ, năng dĩ lập tức trị chi hồ?” (thiên hạ thì có được ngay, nhưng có ngay lập tức mà trị được thiên hạ sao?) Như một gậy giáng xuống, một tiếng hét lớn thức tỉnh Lưu Bang. Lưu Bang lập tức mời Thúc Tôn Thông giúp y hiệu sửa chữa đĩnh chính lại lễ nghi thiên hạ. Phẩm chất ưu tú bao dung tất cả này khiến Lưu Bang đoàn kết được tất cả lực lượng có thể đoàn kết, hội tụ được tất cả những nhân tài có thể sử dụng (cũng vì lòng dạ rộng lớn của y, rất nhiều nhân tài nghe danh mà đến, như Trần Bình), do đó mới gây dựng được cơ nghiệp 400 năm đế quốc nhà Hán.

Lòng dạ khí độ là tiêu chuẩn để đo lường thành công trong tương lai của một người. Cùng với sự thay đổi của thời đại, chủ nghĩa anh hùng cá nhân ngày nay đã ngày một mất đi trên địa của nó, thời đại ngày nay cần tinh thần hợp tác, cá tính không thể cùng làm việc cùng có lợi với người khác với môi trường sẽ ngày càng ít phát huy được sức mạnh ứng dụng của nó. Nhà nghệ thuật trước đây, có thể một buổi sáng tỉnh dậy thì phát giác bản thân đã thành danh, còn trong vòng tròn nghệ thuật ngày nay mà lợi ích vật chất là thứ mà mọi người cùng nhau theo đuổi, không tìm được người môi giới, truyền thông tốt, chỉ dựa vào thiên phận nghệ thuật của mình một mình chiến đấu, thật sự rất khó có cơ hội thành danh. Trong thời đại tất cả vì lợi nhuận (ít nhất bất kỳ sáng tạo nào đều mang đến lợi nhuận), cho dù là đại trí đại giác như kiểu “người đời đều say, duy chỉ có ta tỉnh” của Khuất Nguyên cũng chỉ có thể một

mình một nơi tự nghe bài ca của mình, chứ khó mà thức tỉnh được người đời. Không ảnh hưởng được tới người khác, thì lao động của anh ta cũng coi như công cốc.

Do kết quả của việc tư tưởng học thuật phương Tây truyền bá vào Trung Quốc, mọi người ngẩng đầu lên từ trong truyền thống tu dưỡng nội tâm được Trung Quốc xưa chú trọng, bắt đầu không ngừng chú ý đến trạng thái sinh tồn bên ngoài, cả thế giới trở thành một hệ mở cửa, thêm vào đó là sự phồn vinh của khoa học kĩ thuật, do cuộc cách mạng bằng những thủ đoạn vật tư, lợi ích cá nhân buộc phải gắn với lợi ích đoàn thể và môi trường lớn. Trong môi trường này, cá tính không có lòng dạ rộng mở để tiếp nhận số đông, thì đến sinh tồn còn khó khăn, chứ đâu có thể nói đến sáng tạo và phát triển, có phải nhân tài đều mất đi ý nghĩa rồi.

Khảo sát mỗi một nhân vật có thành tựu, đều sẽ tìm thấy đặc trưng chung này - lòng dạ rộng mở và chí hướng cao xa (có người không nhất định là vì công hiến, nhưng do họ không cam tâm với hiện trạng uất ức bất đắc trí, nguyện vọng này cũng sẽ sinh ra một động lực mạnh mẽ như lý tưởng cao xa vậy, thúc đẩy họ đi thực hiện ước mơ của mình. Khác biệt ở chỗ, động cơ không giống nhau, phương thức và thủ đoạn hành động cũng khác nhau. Do đó, có người cả đời chính trực, dựa vào nỗ lực của bản thân đạt được thành công; có người thì lại giẫm lên đầu người khác để leo lên). Giữa lòng dạ rộng mở và quyết tâm kiên định bất di bất dịch gần như có thể đặt một dấu bằng. Muốn thành công, thì phải học cách bao dung chịu đựng, rồi tìm kiếm cơ hội, mượn sức mạnh của người khác để bổ sung cho mình, dưới sự hợp lực để mưu cầu thành công của cá nhân, như vậy nhanh hơn rất nhiều so với một mình chiến đấu. Trong dũng khí của hành động và trí tuệ được sinh ra từ

đó, người lòng dạ rộng mở bao dung hơn rất nhiều so với người chỉ cầu thành công, do đó thành tựu cũng sẽ lớn hơn, lâu hơn.

Từng có người hỏi ba chàng trai trẻ đang làm việc ở công trường: “các bạn đang làm gì vậy?” chàng trai thứ nhất trả lời: “kiếm tiền”, chàng trai thứ hai nói: “làm việc”, chàng trai thứ ba nói: “chúng tôi đang xây dựng thành phố này” Hai mươi năm sau, chàng trai thứ nhất vẫn là một người công nhân bình thường, chàng trai thứ hai trở thành một vị lãnh đạo cơ sở, chàng trai thứ ba thì trở thành một kiến trúc sư cũng có chút danh tiếng trong nước.

Lòng dạ khí độ khác nhau, lý tưởng và mục tiêu chôn giấu trong lòng cũng khác nhau, động lực và thành tựu của họ cũng khác nhau, nhưng lòng dạ khí độ của con người lại không phải thứ do trời sinh ra và không bao giờ thay đổi, mà nó được mở rộng từ trong sự học tập không ngừng, sự rèn luyện. Thông thường có ba tình huống như sau:

1. Tự mình hoàn thiện đạo đức: tu dưỡng phẩm chất đạo đức là bài học cả đời của một người. Học, học nữa, học mãi, không chỉ là một quá trình của tri thức, mà cũng là quá trình của tư tâm dưỡng tính, tu dưỡng phẩm chất đạo đức. Trong quá trình này, lòng dạ khí độ của con người cũng lớn dần lên, rộng mở lên cùng với đó. Tu dưỡng đạo đức có sự khác biệt giữa đại tu và tiểu tu. Tiểu tu chỉ sự hoàn thiện đạo đức cá nhân, kết quả của nó là không tranh với đời, trốn tránh sự phiền phức của hiện thực, trên thực tế là một kiểu chủ nghĩa trốn tránh thanh cao. Đại tu thì là trong lòng có thiên hạ, làm nhiều việc thiện, nỗ lực vì hạnh phúc của nhiều người hơn. Mạnh Tử nói “Ngô thiện dưỡng ngô hào nhiên chi khí”

(ta giỏi nuôi dưỡng khí tiết cương chính của mình), cũng có thành phần này.

2. Sự lớn lên của học thức, trải nghiệm: người mà sau khi trải qua nhiều người, nhiều chuyện, trưởng thành, trong lòng có chí lớn, khí độ ắt sẽ tăng lên. Có người do trở lực của hiện thực, tự nguyện vứt bỏ rất nhiều mục đích của cuộc đời.

3. Tăng cường trách nhiệm: một khi nhận thức được lý tưởng và mục tiêu của bản thân có thể mang đến phúc âm cho càng nhiều người, lòng tin và sức mạnh của họ sẽ tăng lên, từ đó sinh ra tinh thần trách nhiệm và tinh thần sứ mệnh lớn lao. Điều này thôi thúc lòng dạ họ lớn lên để nhìn những việc cao hơn xa hơn, và vì mục tiêu đó phấn đấu cả đời.

Có người cũng có thể không ngộ ra được điều này, mà lại được vận mệnh đẩy lên. Ví dụ như tổ chức cho anh ta quyền lợi nào đó.

Làm thế nào để phán đoán sự lâu dài và ngắn ngủi của vinh phúc của một người

Do đó, nhường nhịn, khiêm tốn, cung kính, chấp nhận ở vị trí thấp hơn là con đường thông thoáng tăng trưởng nhanh nhất của danh tiếng, của hành vi tốt đẹp, tự cao tự đại tranh giành cướp đoạt, là con đường hẹp và nguy hiểm tự hủy thanh danh, tự bịt đường nói của mình. Do đó, cử chỉ hành vi của quân tử không dám vượt qua pháp quy, tư tưởng chí hướng không dám xâm phạm đến mức độ thông thường. Bên trong chăm chỉ tu thân dưỡng tính để bản thân được lợi, bên ngoài khiêm nhường lễ độ để biểu thị sự cung kính tôn trọng, phòng bị, kiêng dè. Do đó oán hận sẽ không dây dưa vào mình, mà vinh hiển phú quý, cát tường lại có thể giữ được lâu dài, thông

đạt. Những kẻ tiểu nhân kia sẽ không như vậy, tự cao tự đại lại thích khoe khoang tài năng, thích xâm phạm người khác, vì thế khi họ đi phía trước người, sẽ có tiểu nhân hại họ. Khi họ có thành tích, sẽ có tiểu nhân phỉ báng họ. Khi họ bị hủy hoại thất bại, tiểu nhân sẽ cười trên nỗi đau của họ. Do đó, khi họ tranh đấu hiểu thắng đôi bên bất phân cao thấp, thường cả hai đều thất bại mà cùng chịu thương tích, và kẻ đến sau sẽ chen lên, lợi dụng thời cơ vượt qua họ. Từ đó có thể nói rằng, sự khác nhau giữa tranh chấp và khiêm nhường rất rõ ràng.

Người biết tiến biết lui để đạt được sự khẳng định và sự yêu quý của người khác, thành công mà họ đạt được không những lớn và còn được lâu dài. Kẻ đắc trí thì điên cuồng ngang ngược thuộc vào hạng “tiểu nhân” mà sách xưa nói đến, cho dù nhất thời đắc trí, nhưng do ngông cuồng tự đại, trong mắt không coi ai ra gì, kéo đến sự đổ kị, ghét hận của tiểu nhân, ngầm ngầm phá hoại, thành công sẽ khó mà được dài lâu, vinh phúc cũng ngắn ngủi, như hoa đàn vừa nở đã tàn.

Nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự thành bại của hai loại người này không chỉ nằm ở sự khác biệt trong cách đối nhân xử thế của họ, mà còn được tạo nên bởi tư tưởng nhân sinh và phương thức làm việc khác nhau ẩn chứa trong cách đối nhân xử thế của họ, sự đánh giá và cách nhìn của người khác chỉ là nhân tố bên ngoài, nhân tố bên ngoài bắt buộc phải thông qua nhân tố bên trong thì mới có thể phát huy vai trò của nó.

Người biết tiến biết lui tương đối thận trọng, đối nhân xử thế cẩn trọng tỉ mỉ, không muốn tùy tiện, qua loa đại khái, gây ra những tổn thất không đáng có. Họ làm việc có quy củ, cũng rất có lý, không bận không loạn, trong loạn có ổn định, trong bận có trật tự, phương pháp làm việc này với hành vi nhân sinh biết tiến biết lui của họ được truyền từ đời này sang đời

khác. Có thói quen công việc tốt như vậy, lại có thể nhận được sự khẳng định và giúp đỡ của những người xung quanh, khí số thành công tự khắc tăng lên không ít.

Kẻ đắc trí thì điên cuồng ngang ngược thì không như vậy. Trước khi họ chưa đắc trí, họ cũng có lý tưởng và ước mơ, nhưng quá coi trọng sự nỗ lực và thiên phú của cá nhân, một khi thành công, họ luôn cho rằng đó là kết quả của sự thông minh và phần đầu nỗ lực của bản thân họ, mà quên đi công lao của người khác. Nguyên nhân sâu xa hơn ở chỗ, kiểu tâm thái này khiến cho họ không quan sát tỉ mỉ sự thay đổi của tình thế xung quanh mình, tự cao tự đại, mất đi phán đoán chuẩn xác với sự thay đổi của sự vật, do đó thành công khó mà giữ gìn lâu dài được. Lại thêm vào đó là sự điên cuồng ngông nghênh, đắc tội tiểu nhân, vậy là lại có thêm vô số trở lực và khó khăn, tự nhiên ắt khó mà duy trì lâu dài.

Quách Tử Nghi được phong tước Phần Hà vương, vương phủ được xây ở Thân Nhân thuộc kinh đô Trường An. Phủ Phần Hà vương từ sau khi xây xong, mỗi ngày đều mở rộng cửa phủ, để mọi người tự do ra vào, Quách Tử Nghi không cho phép người trong phủ can thiệp.

Có một hôm, một vị tướng quan dưới trướng của Quách Tử Nghi phải điều đến nơi khác nhậm chức, nên đến vương phủ cáo từ. Y biết trong phủ của Quách Phủ nghĩa không cấm kị điều gì, liền tiến thẳng vào trong khu nhà ở. Vừa hay y nhìn thấy phu nhân của Quách Tử Nghi và ái nữ của ông đang chải chuốt trang điểm, còn vương gia Quách Tử Nghi đang ở một bên hầu hạ họ, bọn họ lúc thì muốn vương gia đưa khăn tay, lúc thì muốn vương gia đi bưng nước, sai bảo vương gia giống như sai bảo một tên nô bộc. Vị tướng quan này lúc bấy giờ không dám châm chọc, sau khi trở về, mang chuyện này kể lại

cho người nhà nghe. Rồi một truyền mười, mười truyền một trăm, chỉ mấy ngày sau, mọi người trong kinh thành đều mang chuyện này ra làm trò cười.

Quách Tử Nghi nghe lại thấy chẳng có gì, mấy người con trai của ông nghe lại thấy quá mất thể diện của Vương gia. Họ hện nhau, cùng đến tìm phụ thân, muốn phụ thân hạ lệnh, cũng giống như vương phủ khác, đóng chặt cửa lớn, không cho những kẻ nhàn rỗi phức tạp ra vào.

Quách Tử Nghi nghe xong cười lớn, mấy đứa con trai khóc quý xuống cầu xin ông. Một đứa con trai nói: “phụ vương người chiến công hiển hách, người trong khắp thiên hạ đều tôn kính người, nhưng bản thân người lại không tôn kính bản thân, bất luận là người nào, người đều để họ tự do ra vào. Hài nhi cho rằng, cho dù hiền tướng Y Doãn triều Thương, đại tướng Hoắc Quang nhà Hán cũng chẳng thể làm được như người thế này”.

Quách Tử Nghi thu lại nụ cười, bảo các con đứng lên, nói rằng: “ta mở rộng cửa phủ, để mặc người ra vào, không phải để theo đuổi hư danh, mà là để tự bảo vệ mình, vì bảo toàn tính mạng của người trong nhà ta”.

Các con đều vô cùng kinh ngạc, vội hỏi đạo lý trong đó.

Quách Tử Nghi thở dài nói: “các con chỉ nhìn thấy thanh thế công danh hiển hách của Quách gia, chứ không nhìn thấy sự nguy hiểm thanh thế này mất đi. Ta được phong tước Phần Hà vương, đi về phía trước, thì chẳng còn cầu mong phú quý nào lớn hơn nữa. Trăng tròn thì sẽ khuyết, thịnh cực rồi sẽ suy, đây là đạo lý tất nhiên, vì vậy, mọi người thường nói phải dững cảm lùi lại khi dòng nước đang chảy xiết. Nhưng hiện nay triều đình vẫn đang cần dùng đến ta, sao có thể để ta quy

ẩn; thêm vào đó, cho dù quy ẩn, cũng chẳng thể tìm được vùng đất ẩn cư nào có thể dung nạp hơn 1000 người của Quách gia ta. Có thể nói, ta hiện nay tiến không được mà lui cũng chẳng xong. Trước tình hình này, nếu chúng ta đóng chặt cửa lớn, không qua lại với bên ngoài, chỉ cần có một người kết thù kết oán với Quách gia ta, vu cáo chúng ta có hai lòng với triều đình, thì chắc chắn sẽ có kẻ tiểu nhân giậu đổ bìm leo, đổ kị hãm hại người hiền năng thêm dầu vào lửa, tạo ra án oan, lúc đó, già trẻ cửu tộc Quách gia ta đều phải chết không nơi chôn thân”.

Đây là đạo lý hiểu rõ rằng họa sinh ra như thế nào, nên làm thế nào để tiêu trừ họa hại. Quách Tử Nghi có con mắt chính trị rất cao minh, ông biết nhịn, biết chịu đựng tai họa, nhưng càng biết chịu đựng may mắn và vinh sủng hơn, hiểu rõ đạo lý tự bảo vệ mình công bằng ung dung, bất biến bất kinh, vì vậy mới có thể trải qua bốn đời vua.

Từ việc giới thiệu mấy trọng điểm về nhân vật lịch sử Quách Tử Nghi này, có thể thấy được sự lập thân, xử sự của ông, thật sự đã đạt đến phong cách “dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng” (được bổ nhiệm thì ra làm việc, không được bổ nhiệm thì ẩn cư), không oán trời trách nhân. Ông dẫn binh trước nay nổi tiếng khoan hậu, đối nhân trung thành, rộng lượng. Trên chiến trường, trầm tĩnh mà mưu lược, hơn nữa rất dũng cảm. Lúc triều đình cần ông, một khi nhận được mệnh lệnh, ông bất chấp tất cả, lập tức hành động. Đến khi bề trên nghi ngờ ông, muốn bãi miễn ông, ông cũng bất chấp tất cả, lập tức trở về nhà ăn cơm canh đạm bạc. Vì vậy, nhiều lần bãi miễn, nhiều lần phục chức, quốc gia không thể không có ông.

Hai câu chuyện khác có liên quan tới phẩm hạnh, đạo nghĩa của ông. Một là có liên quan tới ân oán giữa ông với thái

giám giám quân Ngự Triều Ân. Tình thế chính trị lúc bấy giờ hết sức nghiêm trọng: Ngự Triều Ân phái người ngầm ngầm đào mộ phụ thân Quách Tử Nghi. Lúc bấy giờ là mùa xuân năm Đại Lịch thứ tư Đường Đại Tông, nhân sỹ trong triều đều lo sợ sẽ dấy lên một trận phong ba lớn, Đại tông cũng vì chuyện này mà đặc biệt tới phúng viếng thăm hỏi. Quách Tử Nghi lại khóc mà nói: thần dẫn binh chinh chiến bên ngoài, các binh sỹ phá hoại mồ mả của người khác, cũng chẳng thể hoàn toàn để tâm đến được, nay phần mộ của phụ thân bị người khác đào lên, đây là báo ứng, không thể trách người.

Ngự Triều Ân bèn đến mời ông cùng đến Chương Kính tự, để bày tỏ sự tôn kính và hữu hảo. Tể tướng Nguyên Tái lúc bấy giờ cũng không phải một nhân vật quá cao thượng. Nguyên Tái biết được tin này, sợ Ngự Triều Ân cất nhắc Quách Tử Nghi thì lớn chuyện mất. Chuyện những người trên chính đàn tranh chấp nhau, từ cổ chí kim, trong nước ngoài nước đều là chuyện đau đầu nhất. Do đó, Nguyên Tái phái người bí mật thông báo cho Quách Tử Nghi, nói lời mời của Ngự Triều Ân là ý đồ bất lợi lớn với ông, muốn mưu sát ông. Tướng sỹ dưới trướng Quách Tử Nghi biết tin này cật lực đòi dẫn theo một đội quân đi theo đến chỗ hẹn. Quách Tử Nghi lại kiên quyết không nghe những tin đồn đó, chỉ mang theo vài gia đồng cần thiết, thoải mái đến chỗ hẹn; ông nói với bộ tướng: “ta là đại thần quốc gia, nếu hấn không có mệnh lệnh của hoàng thượng, sao dám đến giết ta. Giả sử nhận được mệnh lệnh của hoàng thượng, muốn đổi phó với ta, các người làm sao có thể phản kháng chứ?” và như vậy ông đến Chương Kính tự, Ngự Triều Ân trông thấy vẻ đề phòng cảnh giác của mấy tên gia đồng mà ông đưa đi cùng, cảm thấy rất lạ bèn hỏi có chuyện gì. Quách Tử Nghi bèn thật thà kể lại bên ngoài có lời đồn đại như vậy, nên ông chỉ mang theo tám tên gia đồng

để nếu có thật sự có chuyện đó thì tránh cho y phải lao tâm khổ tứ sắp xếp bố trí khi động thủ. Ông thẳng thắn nói ra như vậy khiến cho Ngư Triều Ân xúc động rơi lệ nói: “phi công trường giả, năng vô nghi hồ!” (không phải người có trí tuệ, đều sẽ nghi ngờ) nếu như không phải Quách Lệnh công ngài đây là một người đại tốt đối đãi với người nhân hậu khoan dung như vậy, loại lời đồn nhảm nhí này, thật khiến người ta không thể không nghi ngờ.

Còn một câu chuyện khác, là khi Quách Tử Nghi về già, ông nghỉ hưu về nhà, ông say sưa tận hưởng thanh sắc cho qua ngày qua tháng. Lúc bấy giờ, tể tướng Lư Khởi mà sau này xuất hiện trong *Gian thần truyện* của lịch sử nước Đường, còn chưa thành danh. Một hôm, Lư Khởi đến bái kiến ông, ông đang được một đám ca kỹ nuôi trong nhà bao vây, đang vui chơi thưởng thức đắc ý, thì nghe Lư Khởi đến, lập tức mệnh lệnh tất cả nữ quyến, bao gồm cả đám ca kỹ lùi về sau bình phong trong phòng khách, không cho bất kì ai ra ngoài gặp khách. Ông một mình ngồi nói chuyện với Lư Khởi một lúc lâu, đợi đến khi khách ra về, gia quyến hỏi ông: “người bình thường tiếp khách đều không tránh, kiêng kị chúng tôi ở đó nói nói cười cười, tại sao hôm nay gặp một tên thư sinh lại thận trọng như vậy”. Quách Tử Nghi nói: “các người không biết, Lư Khởi người này, rất có tài cán, nhưng hắn ta lòng dạ hẹp hòi, thù vật ắt báo. Tướng mạo lại không đẹp, một nửa mặt màu xanh, giống như quỷ quái trong miếu. Mấy người phụ nữ các người thích cười, không có chuyện gì cũng cười. Nếu nhìn thấy nửa mặt xanh của Lư Khởi, nhất định sẽ cười, hắn ta sẽ ghi hận trong lòng, một khi đắc trí, các người và con cháu của ta, sẽ không ai có thể sống sót!” Không lâu sau quả nhiên Lư Khởi làm tể tướng, phạm là những người trước đây từng

khinh thường y, đắc tội với y, nhất loạt không ai có thể thoát khỏi oan báo sát thân, tịch thu gia sản. Chỉ có với toàn gia của Quách Tử Nghi, cho dù cũng có vài việc không hợp pháp, y vẫn bảo toàn cho họ, cho rằng Quách Tử Nghi rất coi trọng y, ít nhiều cũng cảm thấy cảm ơn.

Theo lịch sử ghi chép lại, Quách Tử Nghi đến năm 85 tuổi thì qua đời. Trong phủ ông những bộ hạ được ông đề bạt có hơn 60 người, sau này đều là tướng tương. Tám người con trai, bảy người con rể đều quý hiển thời đó. “Gần 30 năm vì an nguy của thiên hạ, công cái thiên hạ mà vua không nghi ngờ, địa vị vượt muôn người mà không ai đố kỵ, bản thân ông sống xa xỉ nhưng không một ai phê bình”. Công thần qua các triều đại, có thể công cái thiên hạ mà vua bất nghi, vị trí cao mà không ai đố kỵ, sống xa xỉ mà không ai phê bình, đúng thật quá khó, rất khó.

Dụng nhân nghi tinh tâm

Nguyên đế ngày 17/3 được nhận ấn quan, nay đã nhậm chức được mấy ngày. Tổng đốc, Tuần phủ vốn không dễ làm, gần đây lại đúng lúc đang gặp nhiều chuyện, bắt buộc phải xoay sở binh viên và tiền lương. Xoay sở binh viên thì lo vì bại trận mà bị phỉ báng; xoay sở tiền lương thì sợ vì vợ vệt của cái của nhân dân mà dẫn đến oán hận, cả hai điều này đều dễ làm tổn hại thanh danh. Dẫn đến nghị luận, người bị luận tội đều là do dùng người không đúng. Người mà Nguyên đế yêu thương bảo vệ rất nhiều, rộng rãi mà lại thích thể diện, nên trong việc dùng người từ trước tới giờ luôn thất bại ở chỗ khinh suất, thất bại ở chỗ dùng người quá nhiều, quá tạp. Sau này cần cần

thận chọn dùng nhân tài hiền năng, để cứu chữa bệnh dùng nhiều, dùng tạp. Người quan vị cao nhưng tài lực mỏng, bề ngoài coi trọng ôn hòa cung kính, nội tâm lại coi trọng khiếm tốn dễ gần với cấp dưới. Mọi việc trong thiên hạ và cả nhân tài, tôi không thể biết hết tường tận, những gì tôi không thể dự liệu còn rất nhiều, nên đừng có thành kiến rằng ta cho mình là giỏi nhất. Dùng người không được khinh suất, hỗn tạp, trong lòng không tự mãn, nếu có thể làm được cả hai điều này, nhất định có thể tránh được phải chịu trách móc, tránh gây ra sai lầm, không đến nỗi tổn hại thanh danh. Đây là lời dặn dò quan trọng nhất, mong đệ không vì nó chỉ là những lời nói bình thường mà coi nhẹ.

Ngày 26 tháng 3 năm Đồng Trị *Gửi Trùng đệ Nguyên đệ.*

Cẩn trọng dùng những người xung quanh

Là vua một nước, không thể hiểu rõ tất cả mọi chuyện trong thiên hạ, không thể tín nhiệm trọng dụng những đại phu hiền năng, nhưng đại phu hiền hay không hiền, lại khó mà hiểu được hết, vậy thì không thể không tín nhiệm thần tử, thuộc hạ quanh mình, nhưng trong số những thuộc hạ, đại thần được tán tụng khen ngợi quanh mình, có người chưa chắc đã là trung thần, trong số những thuộc hạ, đại thần quanh mình bị bôi nhọ, có người chưa chắc không phải quan lại hiền lương, vì vậy nói tai mắt không nên chỉ dựa vào người khác thay thế, quyền cho và lấy lại nên được nắm chắc trong tay của quân vương.

Trước đây, Tề Uy vương từng vì những lời của người xung quanh mình mà giết A đại phu, phong thưởng cho Mặc đại

phu. Thảo luận chuyện này một chút. Từ xưa, dung thần tại vị, tài năng của họ khi gặp chuyện phải xử lý thì cho thấy không đủ tài năng, nhưng lại rất có cách để củng cố sự sủng ái và cơ hội cho bản thân mình. Trong *Dịch kinh* có chương châm chọc Phúc Tắc, trong *Thi kinh* có chương tuyên dương Đề Lương, đều là nói những chuyện không xứng đáng với chức vụ. Loại người này xấu hổ vì cơm đạm canh bạc, phần lớn lòng tham lại rất lớn, hành sự bỉ ổi, không thể không bỏ dờ nịnh hót những người xung quanh quân chủ, những người xung quanh quân chủ cũng rất vui thích vì họ đi theo mình, từ đó khen ngợi bọn họ. Khen ngợi lâu rồi, quân chủ cũng sẽ bị ảnh hưởng, nên địa vị của những người này càng được củng cố, từ đó khiến cho những tháng ngày chính trị của họ không phải chỉ có một ngày. Nếu bản thân tự đánh giá cao sự hiền năng của mình, mọi người tất nhiên sẽ học theo, đây là nguyên nhân mà những hành động việc làm của A đại phu đáng bị giết. Nếu hiền thần ngồi trên chức vị, luôn có khí tiết chính trực, chứ không có hư danh hiển hách, không chủ trương đi tranh cướp đoạt lấy tài vật, không vi phạm đạo lý mà đi can thiệp vào thể thời, thể sự, gọi y cũng không đến, chỉ huy y cũng không đi, những người xung quanh quân chủ mặc dù cật lực tán thưởng y, nhưng cũng không đạt được cái gì, hoặc không thể hòa hợp với y, những người xung quanh quân chủ sẽ không tránh khỏi việc đi bêu xấu y. Quân chủ tin những lời bêu xấu đó, nghiêm trọng thì giáng chức bãi miễn, nhẹ thì đốc thúc trách mắng, không có tổn thất gì đến hiền thần. Quân chủ không tin những lời của những kẻ xung quanh, vậy đã cho thấy rõ sự anh minh của quân chủ, là phúc của quốc gia, với hiền thần lại chẳng có lợi gì. Hiền thần do bị phỉ báng mà bị bãi miễn, là chuyện thường gặp. Đại thần hiền lương tất nhiên không a dua nịnh hót những kẻ xung quanh quân chủ để cầu

được dung nạp, trọng dụng, đây cũng là chuyện thường tình. Đây chính là nguyên do mà hành động việc làm của Mặc đại phu đáng được phong thưởng.

Vì vậy thánh thượng ban thưởng cho một người mà cổ vũ được người trong thiên hạ, hình phạt một người mà đạt được hiệu quả cảnh cáo thiên hạ. Mặc dù không vứt bỏ tất cả những lời của người xung quanh mình, nhưng hiểu rõ lợi ích của việc biết lắng nghe nhiều người thì mới sáng suốt, cũng không hoàn toàn tin tưởng những lời nói của người xung quanh mà mất đi ánh sáng trí tuệ của mình. đây chính là nói thường phạt phải thể hiện được tấm lòng trung hậu, còn dùng người tiền thoái phải đi theo nguyên tắc công chính lỗi lạc.

Dịch vẫn Trai chi mẫu thọ thi tự.

Đa tuyển trợ thủ thành đại sự

Quân của đệ một vạn tám nghìn người, luôn cần phải có hai người có thể thống lĩnh, mỗi người thống lĩnh năm sáu nghìn người, bản thân đệ, đệ đích thân thống soái bảy tám nghìn người, sau đó có thể phân có thể hợp. Ngài Hạnh Nam ra, còn ai có thể chia nhau thống lĩnh? Vì vậy cần phải đề bạt sớm. Người làm đại sự, chọn nhiều trợ thủ là điều quan trọng nhất. Người vừa ý thì không tuyển được, vậy thì tạm thời tuyển người kém một chút, rồi dần dần dạy bảo họ là được rồi.

Ngày 12 tháng 4 năm Đồng Trị gửi Nguyên đệ.

Cử tài

Người chịu trách nhiệm công việc toàn cục, ta định mời Bá Phù, Liên Phảng, Tiểu Tuyền, ba người bọn họ đảm nhiệm. Tiểu Tuyền làm việc tinh tế linh hoạt, thời gian hẳn đi theo ta có thể nói là lâu dài, hẳn mưu kế vạch chiến lược cho ta có thể nói là trung thành. Mấy năm trước ta đã từng viết một bản tấu chương bảo lãnh tiến cử hẳn, ngoài ra còn từng nhắc đến hẳn hai lần trước mặt La Trạch Nam, Trạch Nam cũng vô cùng tán thành. Sau khi tấu chương được gửi đi, các cơ quan có trách nhiệm một mực cứng nhắc đòi tuân theo trình tự, nên vẫn chưa thể đạt được như ý nguyện. Ta có chút keo kiệt khi bảo lãnh tiến cử nhân tài, chẳng qua là tầm mắt tương đối hẹp mà thôi. Còn về Thứ Thanh, Tiểu Tuyền vẫn chưa thể được bảo lãnh tiến cử tốt nhất, Tất Kim Khoa vẫn chưa công thành danh toại, đây thật đều là tội là trách nhiệm của ta đã che giấu hiền tài. Nửa đêm tự suy nghĩ, phải làm sao mới có thể bù đắp tội này của ta đây? Đến nay Tất Kim Khoa đã qua đời, có hối hận cũng không kịp nữa rồi. Thứ Thanh, Tiểu Tuyền, hai vị nhân tài, vạn lần mong muốn ngài có thể nghĩ cách bảo lãnh tiến cử tốt nhất với triều đình, hoặc giúp họ tìm một chức quan nào đó ở Hồ Bắc. Xét từ mặt tình cảm cá nhân mà nói, như vậy mới có thể khiến cho ta vừa bù đắp được sự áy náy ở trong lòng, vừa làm được gì đó để giúp ích cho tiền đồ phát triển của họ; từ lợi ích của quốc gia, hai người này đích thị là người có tấm lòng yêu dân, nhất định sẽ có thành tích trong việc quản lý địa phương, nhất định có thể đề ra kế sách vì sự phát triển lâu dài của quốc gia. Khẩn thỉnh ngài lưu ý chuyện này, đồng ý chuyện này.

Ngày 25 tháng 5 năm Hàm Phong thứ 8 gửi Hồ Lâm Dục.



(Chúc Kĩ Sơn: nhà thư pháp, văn học thời Minh. Mười tuổi đã đọc vô số sách, tài trí xuất chúng. Do sinh tính tự do không trói buộc, bất mãn quan trường, nên từ chức về quê. Thư pháp của Chúc Kĩ Sơn hội tụ ưu điểm của các nhà thư pháp khác, lãnh đạo Phong Tào một thời, vô cùng nổi tiếng).

Chiêu nhân nhập mộ
(chiêu mộ nhân tài về trường của mình)

Ta phụng mệnh giúp đỡ lập quân đội rèn luyện, tra xét bắt đạo tặc, từ khi nhận nhiệm vụ đến nay, ngày đêm lo lắng, chỉ sợ có sai sót, lo lắng bản thân kiến thức còn hạn hẹp, suy nghĩ không chu toàn, do đó mong muốn, hi vọng hiền nhân ở quê hương không ghét bỏ ta, đồng ý đến giúp đỡ lẫn nhau, nhân đây lấy ý kiến của đông đảo quần chúng, chăm chú lắng nghe ý kiến để bù đắp, cứu vớt cho chỗ còn thiếu sót của ta. Vì vậy ta thường xuyên hoặc gửi thư mời người xuống núi, hoặc nhiệt tình chào đón khách đến, chiêu mộ anh hùng hào kiệt rộng rãi, tư vấn cao kiến diệu pháp, tấm lòng trung thành này, hi vọng có thể nhận được sự tha thứ, thấu hiểu của mọi người. Có một vị đến từ nơi khác, nói cho tôi rằng ngài là người công

chính lão thành, được những người ở quê nhà và những vùng lân cận noi theo. Tôi vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ ngài, chỉ vì đường xa, không thể trực tiếp gặp mặt nói chuyện với ngài, lãnh giáo thanh ngôn diệu ý của ngài, tôi vô cùng lấy làm tiếc! Tình hình thổ phỉ trước mắt khẩn cấp, thiên hạ không được thái bình, thủ lĩnh của đám thổ phỉ đang đóng cư ở trong thành Nam Kinh, thổ phỉ hoành hành ngang dọc trong địa phận Lương Hồ, nhân dân khắp thiên hạ, không ai không thấy phẫn nộ, đây chính là lúc mà các bậc nhân sỹ có chí kháng khái cứu nước, là cơ hội để những người hiền năng có thể ra hiển kế sách!

Ta vô đức vô năng, lại to gan dự định triệu tập mấy nghìn binh mã, tự mình giáo luyện, chinh đồn đội ngũ, quét sạch tất cả đám đạo tặc thổ phỉ trong thiên hạ, với bề trên có thể giảm bớt nỗi lo ăn ngủ không yên của hoàng thượng, với dưới có thể có thể diệt trừ tai họa sẽ dẫn đến nhân dân diệt tuyệt. Tuy nhiên, tiền lương quân ít ỏi, xoay sở hết sức khó khăn. Hiện nay bộ đội chuyển về đóng quân thủ tại Hoàn Châu, tất cả những việc có liên quan phải làm vẫn chưa được sắp xếp ổn thỏa. Ta dự định tập hợp lực lượng nhỏ giọt yếu ớt lại, để bảo vệ cho sự an toàn của quê hương. Cao ốc không phải dùng một cây gỗ là có thể chống đỡ, đại nghiệp phải dựa vào trí tuệ của nhiều người mới có thể hoàn thành. Nếu có thể khiến cho nhiều hiền sỹ hội tụ lại, cùng phối hợp với nhau, vậy thì, cho dù là kim thạch kiên cố cũng có thể xuyên qua, còn có khó khăn nào không được khắc phục chứ? Thành khẩn mong muốn ngài trong mấy ngày này có thể thu xếp đến Hoàn Châu, an ủi tấm lòng thiết tha của ta, đồng thời còn có thể cùng nhau thương nghị quân quốc đại sự, xin đừng cho rằng ta không đáng để cùng mưu kế mà băn khoăn lo lắng nhiều chậm đến! Khó khăn trước mắt rất nguy cấp, sự kì vọng của ta

với người vô cùng cấp thiết. Những gì muốn biểu đạt trong lòng, không thể nói hết, ngắc đầu trông mong đợi tin của ngài, chúc ngài vạn trường như ý. Những chuyện còn lại khi gặp mặt sẽ nói tường tận, ở đây không thể nhắc đến tất cả.

Ngày 24 tháng 9 năm Hàm Phong thứ 3 *Chiêu mỗ Thân Kì Thu*.



(Đường Dần: họa gia, nhà thơ nổi tiếng thời nhà Minh. Bị liên lụy bởi vụ án khoa trường, công danh gặp khó khăn. Từ đó buông thả không ràng buộc, đắm chìm thanh sắc. Ông có tài làm thơ xuất chúng. Tranh nhân vật, sơn thủy đều vô cùng tinh đáo. Thư pháp cũng có bỏ nhiều tâm sức, là một trong “Ngô môn tứ gia”).

Ái tài đương vi uẩn chi xúc chi (yêu mến nhân tài thì phải giữ kín họ để bảo vệ họ)

Trĩ Hoành thu nhận binh sỹ, ta dặn dò y chậm lại ba tháng sau rồi hãy làm. Ta đối với Trĩ Hoành, hi vọng hẳn trước tiên phải cần tinh nhuệ, sau đó mới đến hùng mạnh, trước tiên phải chịu ức chế, sau đó mới phát triển mạnh mẽ. Trước đây, ta vô cùng coi trọng Thấp Tề Bố, La Trạch Nam hai người này, gặp ai cũng khen ngợi trí tuệ, sự dũng cảm cương nghị của họ, hai người mặc dù danh tiếng nổi khắp thiên hạ, nhưng kết quả lại khiến người khác vô cùng thương tiếc, họ chưa

thành đại nghiệp, đến nay vẫn khiến tôi vô cùng hối hận. Nếu ngài yêu thích Trĩ Hoành, thì cần phải nghĩ cho y, bồi dưỡng y, đề cao y, không nhất thiết gặp người là thói phồng y lên, từ đó khiến cho y sinh ra sự tự mãn không có thật, đây mới là sự yêu quý bảo vệ tốt nhất dành cho y!

Ngày 17 tháng 8 năm Hàm Phong thứ 6 với *La Huyền*.

Khúc toàn hảo quan (bảo vệ quan tốt)

Huyện lệnh của Gia Hòa, sau khi điều tra kỹ, phát hiện đó là một vị quan tốt. Khi ngài thượng tấu điều tra về vụ án có liên quan tới việc Gia Hòa thất thủ, nhất định phải nghĩ cách bảo toàn cho y. Trước mắt tình thế hết sức khó khăn, phàm là quan tốt, mặc dù có tội nhưng cũng nên nghĩ cách bảo toàn cho họ; nếu như là quan viên xấu, thì không đáng tiếc rẻ.

Ngày 4 tháng 12 năm Hàm Phong thứ 3 phúc *Lạc Bình Chương*.



(*Văn Trính Minh*: họa gia, thư pháp gia nổi tiếng thời kì giữa nhà Minh. Thơ, văn, họa, không có gì là không tinh thông. Đặc biệt là trình độ thư họa vô cùng cao. Cả đời chuyên tâm nghiên cứu họa lý, là người đứng đầu của phái Ngô môn).

Tài trung chi thượng tài lệ đương lễ ngộ

Bắc phủ thần tiên triều Hồ Lâm Dục, xuất thân từ Hàn lâm, từng nhậm chức ở ngoài kinh. Tháng 3 năm Hàm Phong thứ năm, được Mông tiên hoàng để nhận ra tài năng và trọng dụng, từ đạo viên Quý Châu, nhận chức chưa đến nửa năm đã được điều động nhận chức tuần phủ Hồ Bắc. Lúc bấy giờ, Vũ Hán tam trấn đã từng bị chiếm đóng 3 lần, hơn một nửa huyện Quý Châu của Hồ Bắc cũng rơi vào tay giặc, binh丁 các lộ cũng bị đánh tan, Hồ Lâm Dục bị bao vây ở Kim Khẩu, Hồng Sơn, suy sâu nghĩ kỹ, lao tâm khổ tứ, không chỉ không quân không lương, cũng không quan không liêu, từ Lương Ti đến Tá Đóa của Quý Châu, cách xa bờ Bắc mấy trăm cây số. Cả tiền lẫn lương thực, đều tự mình viết thư, vay mượn mọi người, lời lẽ khẩn thiết, tình cảm sâu đậm, tuy nhiên gần như không có ai hưởng ứng. Vì thế ông liền dùng ngũ cốc trong tư gia của mình ở Ích Dương để lập vào quân lương, quân sỹ vô cùng cảm động trước hành động này của ông. Vừa may gặp lúc Tương quân từ Giang Tây đến viện trợ cho Hồ Bắc, quân uy ngày càng được phấn chấn, củng cố lên. Tháng 11 năm Hàm Phong thứ 6, tấn công Vũ Hán, rồi lần lượt thu hồi lại quận huyện ở Hoàng Châu. Ta vốn tưởng ông ta thân làm tuần phủ Hồ Bắc có thể nghỉ ngơi chút ít, nhưng Hồ Lâm Dục không hề nghỉ ngơi, củng cố lại mình, quân đội của ông tiến vào biên giới Việt, bao vây tấn công Cửu Giang, rồi lại chia quân đến giải cứu Thụy Châu trước tiên. Sau đó tổng đốc tuần phủ đốc toàn lực trợ giúp các tỉnh lân cận, bắt đầu từ Hồ Bắc. Vây quét Cửu Giang hơn một năm, hai bên kiên trì đối kháng không nhân nhượng, ở giữa Thạch Đạt Khai từ Giang Tây nhắm Hồ Bắc, Trần Ngọc Thành từ An Huy ba lần xâm phạm

Hồ Bắc, Hồ Lâm Dục cuối cùng cũng không chịu bỏ bao vây Cửu Giang để quay trở lại cứu tình hình nguy cấp ở bốn tỉnh. Ông ta hoặc đích thân thống soái nhất quân, Túc Thanh Kì, Hoàng hoặc phân cho các tướng, thu hồi lại An Huy, Hà Nam, cuối cùng tấn công thu hồi Cửu Giang, gần như diệt tận loạn tặc, khiến cho cục diện Đông Nam thay đổi tốt, tiếp đó Tần Minh dùng toàn bộ lực lượng của Hồ Bắc trừng trị loạn tặc ở vùng phía Bắc An Huy. Đợi đến khi toàn quân của Lý Tục Tân ở trấn Tam Hà bị tiêu diệt, Hồ Lâm Dục do mầu thân bị bệnh qua đời nên trở về quê trước, chưa đầy trăm ngày tang, sau khi nhận được tin, khóc đau đớn thề thảo phạt loạn tặc, không vào nhà môn, trực tiếp đến đóng quân ở Hoàng Châu. Người Luận lại cho rằng lương tướng Lý Tục Tân vừa mới qua đời, nguyên khi chưa hồi phục, chỉ có thể tạm thời bảo toàn phạm vi của mình, không tiện chăm sóc cả những vùng lân cận. Hồ Lâm Dục lại không cho là vậy, kinh hồn chưa định, đã phái Trọng binh vượt qua hơn hai nghìn cây số viện trợ giải vây cho Bảo Khánh Hồ Bắc. Quân viện trợ của Hồ Nam vẫn còn chưa chưa trở lại, lại tính kế tiến công An Huy. Lúc bấy giờ, thần quốc Phan Chính phụng mệnh vào Thục, Hồ Lâm Dục giữ lại cùng nhau bàn đại kế tấn công An Huy, chủ trương trước tiên diệt loạn tặc thổ phỉ, bảo đảm tài sản của Tam Ngô, báo thù cho thiên hạ. Ông vẽ mấy chục tấm bản đồ, lần lượt đưa tới tay Thần và các tướng linh chư lộ khác, không quản ngày đêm hỏi han mưu kế. Mùa xuân năm Hàm Phong thứ 10, đại chiến ở Tiềm Sơn, Thái Hồ, và tấn công liên tiếp. Sau đó ông lại đưa ra kế sách xuất vây tấn công An Khánh, tự mình ở lại thủ Thái Hồ, giám sát giải quyết chuyện thảo phạt thổ phỉ. Tháng 5 năm đó, lại quay trở lại viện trợ cho tỉnh Hồ Bắc. Đang mang bệnh vẫn nhiều lần viết thư cho vi thần, đốc thúc Trần không được bỏ vòng vây An

Huy, tận lực với kẻ sách tiêu diệt quân viện trợ của bọn loạn tặc. Vì vậy, việc tấn công An Khánh, vi thần xin được tâu thỉnh cử Hồ Lâm Dục làm thủ lĩnh, đây không phải ý kiến cá nhân của vi thần, mà là được các vị văn võ bá quan trong triều đều biết, cũng là điều mà thánh thượng thấy rõ.

Các vị lương tướng cùng nhau tụ hội lại thì dễ nảy sinh ý kiến, mâu thuẫn, hoặc tự cho rằng mình đạo cao nghĩa trọng khí thịnh, hoặc tự phụ tự đại, thế thì không tránh khỏi bị người coi thường, một câu không hợp, liền đại động can qua. Tướng tài gần đây, trước hết phải nói đến ở Hồ Bắc là nhiều nhất. Như Tháo Tề Bồ, La Trạch Nam, Lý Tục Tân, Đô Hưng A, Đa Long A, Lý Tục Nghi, Dương Tái Phúc, Bành Ngọc Lâm, Bào Siêu Đăng. Hồ Lâm Dục đều coi bọn họ như quốc sỹ, thành tâm kết nạp, khiến cho bọn họ ai ai cũng đều vui vẻ. Có lúc ông ta còn phân phát của cải riêng ban cho gia thất nhà họ, gửi một chút thuốc thang quý hiếm đến an ủi cha mẹ họ. Trước quân địch, ông ngày đêm cạn kiệt sức lực tìm kiếm lương thực, quân lương, tìm kiếm chi viện, sứ giả đưa thư qua lại tặng vật phẩm, không để tuyệt đạo. Từ năm Hàm Phong thứ 7 cho đến nay, mỗi khi có tâu chương cấp báo, Hồ Lâm Dục đều không tự mình tâu từng cái mà đều đưa đến cho quan văn và vi thần xử lý chủ thảo. Một khi tâu chương đưa đi, thì đều ca ngợi công lao của các tướng, mà lại không nhắc đến bản thân mình. Ông ta luôn muốn nhường nhịn giới thiệu bạn bè đồng liêu, nâng đỡ bồi dưỡng trung lương. Bên ngoài tỉnh đều truyền tụng nội vô Sở quân rất hòa hợp, thân như cốt nhục, những điều này đều không thể tách rời sự khổ tâm chăm sóc, yêu thương bảo vệ của Hồ Lâm Dục, chúng thần đều không biết. Những điều này khiến vi thần tự thấy hổ thẹn

trước đây không theo kịp, mà sợ rằng từ nay về sau khó mà kể thừa tiếp nối.

Từ Hưng binh đến nay, các tỉnh đều lo lắng quân lương, tiền không đủ, Hồ Bắc ba lần thất thủ, bách vật gột rửa cạn kiệt, những năm Kỉ Mão, Bính Thìn, đã vô cùng khó khăn, cấp bách. Từ khi Kinh Châu chuyên bán muối, các phủ trích ra Li kim (Li kim: một loại thuế thương nghiệp ngày xưa), Trung bộ Hồ Bắc cũng tạm có thể tự sinh tồn. Hồ Lâm Dục là nhân tài tuyệt thế, mỗi lần đến lúc quản lý tài chính, thường ngầm đốc xét bách quan. Hàm Phong năm thứ 3, bộ định thay đổi giá của gạo chở bằng đường thủy, mỗi thùng một lượng bạc ba quan tiền, nhưng châu huyện các tỉnh lại thu như cũ, nâng lên nhiều lần, tỉnh Hồ Bắc lại mỗi thùng mười mấy tiền, trên triều đình, dưới bách tính đều vô cùng khó khăn. Mùa xuân năm Hàm Phong thứ bảy, Hồ Lâm Dục kiến nghị giảm giá gạo chở bằng đường thủy, nghiêm khắc cắt giảm các loại phí thừa thải. Tiên hoàng biểu dương, nói ông ta không vì tình riêng, không nể tình riêng, gạt bỏ thói xấu suốt trăm năm nay, đúng là đáng khen ngợi. Hồ Bắc giảm giá gạo chở bằng đường thủy, mỗi năm tiết kiệm được hơn 14 triệu xâu cho nhân dân trong tỉnh, tăng 420 nghìn lượng bạc cho quốc khố, lại tiết kiệm được 310 nghìn lượng bạc tiền quỹ, có lợi cho quốc gia, cho nhân dân, nhưng không có lợi cho những kẻ trung gian kiếm lời. Các quy định cũ các thói xấu ở các nha môn, những khoản kinh phí chi tiêu không cần thiết từ trước tới nay được cải cách loại bỏ gần hết. Châu huyện trưng thu sai dịch và khóa thuế không cho phép thu nhiều hơn một hào một cắc, cũng không cho phép đốc thu tô thu thuế dưới danh nghĩa thu cho chính trị, làm giàu báu bỏ cho gian quan ô lại. Quan viên các tạp, mỗi tháng mỗi ngày đều có tập luyện, phê duyệt trả lời thư hàm, có thể nói thoả mái. Bởi vì quân dân cùng kính trọng,

khiến cho căm thù quân địch đều căm ghét quân địch, ông ấy đã dạy mọi người trung thành như vậy; vào nhiều xuất ít, khiến cho các cục viên đều liêm khiết làm việc công, không tư lợi, ông ấy đã đề xướng liêm khiết như vậy. Kẻ sỹ trong sạch, có thể được trọng dụng; kẻ dối trá giả tạo, thì phải chịu vô vàn khiển trách. Vì vậy, vùng cần cỗi vùng Hồ Bắc, nuôi hơn 6 vạn binh, kinh phí mỗi tháng hơn 400 nghìn lượng bạc, nhưng thương nhân không hề mệt mỏi, chế độ quan lại ngày càng trong sạch. Kiểu quản lý chăm chú như vậy, không có năng lực nhất định thì rất khó có thể làm được.

Từ tháng tám đến nay, tàn dư thổ phỉ tấn công An Khánh, Trường Giang, Hồ Bắc bị tiêu diệt, toàn cục mới được chấn hưng, thế mới có thể nhanh chóng xuống phía Đông, đại công sắp hoàn thành. Tổng đốc Hồ Quảng Quan Văn tâu thỉnh ưu đãi trợ cấp cho sách bộ của Hồ Lâm Dục, kính mong thánh ân minh giám. Vi thần và ông ta đã cùng nhau làm việc lâu dài, hiểu nhau rất rõ. Năm Hàm Phong thứ tư, từng dâng tấu giới thiệu tài cán của Hồ Lâm Dục hơn vi thần gấp chục lần. Mấy năm trở lại đây hễ gặp chuyện đều trưng cầu ý kiến, đặc biệt thán phục đạo đức cao thượng của ông ta. Thần không dám nói quá lời, cũng không dám che giấu công trạng của ông ta. Cần thận mang tình hình sơ lược về ông ta, thuật lại đúng sự thật, khẩn thỉnh phụ quốc sử quán xem xét thi hành.

Ngày 14 tháng 10 năm Hàm Phong thứ 10

Lịch trần tiền tiền Hồ Bắc phủ thần Hồ Lâm Dục trung cần huân tích triết.

(Tâu chương trần thuật lại một cách chính xác, trung thực sự trung thành, cần cù và công trạng của tiền tuần phủ Hồ Bắc Hồ Lâm Dục).



(Hải Thụy: danh thần triều Minh. Ông không sợ quyền quý, dùng lời lẽ thẳng thắn chống lại quyền cao, nổi tiếng là người cương trực, nhiều lần bị đi đày. Sau này phát lên, được điều đến Nam Kinh nhậm chức, là thanh quan một đời).

Nhân tài dĩ tường tá nhi xuất

Năm nay thần nhiều lần phụng dụ chỉ, phụng mệnh bảo lãnh tiền cử nhân tài. Thần lại phụng khâm dụ, bảo lãnh tiền cử phong cương tướng soái. Thần tự hổ thẹn không có con mắt nhìn người, không có bản lĩnh nuôi dưỡng nhân tài, không đủ để báo đáp tấm lòng khiêm nhường của thánh thượng, chỉ là kinh tế nhờ có kinh nghiệm và được rèn luyện mà thành, nhân tài phải có khen ngợi tôn sùng mà xuất, một khi nghe thấy có công lao lớn, thì nên tìm kiếm tiền cử, để sau này có thể sử dụng. Năm ngoái Thường Châu bị chiếm đóng, quan lại bảo vệ thành đều chạy trốn, nhân dân quận này tạm thời vẫn có thể cố thủ bảo vệ thành trì, chiến đấu kịch liệt suốt mấy ngày với phản tặc. Sau khi thành bị công phá, đoàn luyện các thôn trấn chống lại phản tặc, như trấn Vô Tích Đãng Khẩu, đến nay vẫn chống lại quân loạn tặc quyết không buông tay, đó là vì trong đó chắc chắn có hai, ba vị hiền trí khởi xướng

thông soái. Thần nghe nói những quận này trước giờ luôn đề cao tiết nghĩa trung hiếu, thần dân của họ phần lớn đều ham đọc sách, nghiên cứu sự lý. Chu Đằng Hổ mà thần biết có thể chọn làm chủ sự, kiến thức của hắn sâu rộng, học thức uyên thâm; ngoài ra còn có thể dự bị đồng tri Lưu Hàn Thanh, giám sinh Triệu Liệt Văn, họ đọc nhiều sách, lưu tâm đến thời sự; giám sinh Phương Tuấn Mô, không cầu danh lợi, chính tích nổi trội; giám sinh hàm lục phẩm lam linh Hoa Hoàn phương, nghị tự tông cửu Từ Thọ, nghiên cứu tinh thông khí số (lễ khí, lễ tiết), đọc lướt tinh thông rất nhiều rất rộng. Mấy người họ, nếu để họ phát huy kiến giải của mình trong quân đội, chắc chắn có thể có ích lợi với việc tham mưu hoạch định kế sách quân sự, rất có hi vọng. Từ sau khi Thường Châu rơi vào tay giặc, những người này phần lớn tránh xa loạn tặc, Chu Đằng Hổ ở Triết Giang, Lưu Hàn Thanh ở Sơn Đông, Phương Tuấn Mô ở Hà Nam, những người khác vẫn còn ở quê. Thánh thượng nên hạ lệnh tổng đốc các tỉnh dò hỏi tìm kiếm họ, sau đó cử đến quân đội. Đợi mấy tháng sau khi họ đến quân đội của thần thần quan sát tỉ mỉ, rồi sẽ đưa ra đánh giá. Tầu thỉnh hoàng thượng lượng tài lực dụng (căn cứ theo tài năng của mỗi người để sử dụng, sắp xếp công việc cho họ).

Ngày 25 tháng 11 Hàm Phong năm thứ 11 bảo tầu Chu Đằng Hổ đẳng phiên



(Hà Chúc: học giả, đại thần nhà Thanh. Cương trực hiếu học. Do Lý Quang Địa tiến cử y uyên bác, nên nhận mệnh trực nam thư phòng. Giỏi hiệu đính sách, giữ hàng vạn cuốn. Các nhà Giữ sách lấy được cuốn sách hiệu đính của ông như vớ được vật quý).

Yêu thích anh tài

Hi Am mất tiếng do bệnh lao, vẫn đang ở trong thành Tương Hương, lúc nhẹ lúc nặng, đúng là khiến cho người ta phải lo lắng. Một mình chèo lái con thuyền vượt biển lớn, nhìn quanh thủy thủ, người cầm lái, gần như không có ai có thể dựa dẫm. Ông ta đến nói với vi thần nói thích khảo tra sát hạch toàn diện mà đề cao kẻ bình thường, đại khái cũng không phải như vậy. Mấy năm trở lại đây, thần nhìn các tướng lĩnh, chỉ có Trình Trấn hữu dũng hữu mưu, mới đều học tốt. Năm ngoái khi đề bạt cử y đến Thượng Hải, Xã Nguyên đệ kiên quyết không để y đi, huynh đệ tranh nhau mấy ngày, cường chế đông hành, sau này Trình Trấn nhiều lần lập kì công. Xã đệ mặc dù vui mừng Thiếu Thuyền có thể một mình gánh vác một mặt, có ích cho toàn cục, cũng chưa từng trách móc A Khắc sau lưng, dẫn đến bên này được một lương tướng thì mạnh lên, bên kia lại mất một người mà yếu thể. Thực ra yêu thích anh tài mà ghét bỏ bại loại, xem trọng bảo kiếm mà coi thường dao gọt bút, đều là chuyện thường tình của con người. Trong các tướng của Tệ bộ hiện nay, kẻ bắt tài thì có, anh tài thì chưa có.

Ngày 8 tháng 5 năm Đồng Trị thứ 2 *phục Tả Tông Đường*.

Trữ tuyển hiền tướng

Vi thần được biết tổng đốc tào vận (vận tải đường biển) Ngô Đường, thời gian tòng quân rất dài, kinh nghiệm nhiều nhất, hơn nữa rất thông thuộc tình hình ở Giang Bắc, đúng là

có thể tiếp quản thống soái quân này. Chỉ là địa giới của Thanh Giang, Hoài thành tiếp giáp 3 tỉnh, nay đã trở thành trấn trọng điểm. Dư đảng ở An Huy, Hà Nam, Miêu, Niệp, gốc của loạn tặc ở Phúc Giáo Sơn Đông, một ngày chưa diệt trừ được thì Thanh Giang, Hoài thành một ngày không thể không có người thống lĩnh binh sỹ trấn áp. Dương Châu cách Thanh Giang, Hoài thành hơn 400 cây số, khó mà trừ tính chung các mặt. Đúng như thánh thượng minh ngôn, tổng đốc tào vận này một khi rời khỏi Thanh Hà, vậy thì Từ, Túc sẽ có sự hoài nghi lo lắng vượt ngoài tầm tay. Trần Quốc Thụy là một vị tướng kiêu dũng anh dũng thiện chiến, không ai có thể bì được. Chỉ là mới có 20 tuổi, dưỡng binh không thuần, gần đây dưỡng bệnh ở trong Cao, Bảo, huyện nha bị y làm nhục, dân gian cũng sợ họ quấy nhiễu. Y lại không hòa hợp với Lý Thể Trung, rất khó tự mình gánh vác một bề. Theo như ngu kiến của vi thần, nên lệnh cho tăng cách Lâm Sâm, Ngô Đường không chế y chinh chiến, lợi dụng sự dũng mãnh của y, chứ không nên để y tiếp quản thống soái dẫn quân, và không thể để ý đến giúp đỡ việc quốc phòng ở Dương Châu, chỉ sợ làm tăng thêm sự tức giận của bại tướng ngạo nghễ, cũng thiêu rụi luôn cả tình thế ra trận, đánh nhau ở Trừ. Lý Thể Trung gần đây đến chỗ của vi thần bẩm báo, ngoài tuân theo chỉ thị cân nhắc giữ lại hơn nghìn người ra, số người còn lại hạn lệnh trong hai, ba tháng tất cả đều phải rời đi, thành tạp đồng loạt giao nộp. Mặc dù có thể tin tưởng đề đốc này tuyệt đối không thay đổi nguyện ước ban đầu của hần, nhưng bộ hạ của hần trước giờ không có kỉ luật, khó bảo đảm không nảy sinh các vấn đề khác, nên tách Trần Quốc Thụy hai người bọn họ, càng xa càng tốt. Chiêm Khải cũng là giáng tướng, trước đây do buôn muối quấy nhiễu người dân, thanh danh bị hủy hoại, gần đây tình hình có thay đổi, sau khi Đô Hưng A bắc chinh,

chỉ sợ không phải người khác có thể nắm chắc, không chế được. Như những gì thánh thượng nói, lệnh cho hấn đến Từ Châu nhậm chức, dùng để liên kết sỹ khí Đông, Hà Nam.

Còn về các quân bộ hạ của vi thần, binh dũng được chiêu mộ thêm ngày càng nhiều, mà hiền tướng lương tài ngày càng ít, những người này phần lớn chất phác, nghiêm túc, cẩn thận, đúng là thiếu người để chọn lựa thống soái ba quân. Những lương tướng trước đây từng là bộ hạ dưới trướng của vi thần, Dương Nhạc Bân vì mẩu thân bệnh nặng chưa khỏi hấn nên khó mà mời ra đảm nhiệm công việc, Bành Ngọc Lân chuyên quản thủy quân, cũng khó mà đảm nhiệm được chức vụ khác; chỉ có giáng bổ phan tư Đường Huấn Phương tâm địa thiện lương, khoan hậu nhân từ, chịu khổ cần cù nhẫn nại, thương dân như con, kĩ thuật chiến thủ đều vô cùng lão luyện, cũng rất hợp với Lý Thế Trung, nếu để y tiếp nhận việc quốc phòng ở Dương Châu, thì đúng là lựa chọn rất thích hợp. Giả Sử học thức tài cán có chút không ổn, lại là quan viên chưa từng phụng chỉ được bổ nhiệm, cũng không phải người vi thần dám tâu thỉnh, chỉ là dâng lên chờ hoàng thượng suy xét, chọn ra đại tướng thích hợp tiếp nhận thống lĩnh quân đội quốc phòng Dương Châu. Đội ngựa của quân này đương nhiên tất cả đều đi bắc chinh cùng Đô Hưng A. Những con thuyền như Hồng Đan của thủy quân, thì có thể do vi thần kiêm quản lý, tính toán vận chuyển để tiết kiệm chi phí. Vi thần phụ trọng trách được hoàng thượng ủy thác, không thể dự trữ chọn lựa hiền tướng cho triều đình sử dụng, thần thực vô cùng hổ thẹn.

Ngày 12 tháng 2 năm Đồng Trị thứ 2

Phục Trần tiếp bạn Dương Châu phòng vụ đại viên nhân tuyền phiên.



(Quy Hữu Quang: nhà văn học triều Thanh. Thông kinh sử, làm đến chức tả sử kinh thái phó. Ông đề cao cổ văn Đường Tống, được mệnh danh là Phái Đường tông. Có cuốn Chân Xuyên tiên sinh tập).

Thị tài chiêu bang tu đức chỉ oán

Gần đây làm việc rất coi trọng danh vọng của một người, vì vậy ta mang chuyện Quán Văn ở Hồ Bắc từng nghĩ kể hãm hại, Tả Tông Đường để nhận hết mọi việc, độc chiếm địa vị, quyền lợi nói cho người, người lại cho rằng ta không nên kể chuyện này, bên ngoài chỉ trích huynh đệ ta quá ác liệt, ta có nghe được, nên tự mình phải nói với người từng điều một, trách móc rõ ràng khuyên giải từ tốn, nếu có thật thì sửa chữa, nếu không có thì phải cố gắng hơn nữa, làm sao có thể giữ bí mật mà không tuyên truyền ra ngoài chứ? quan viên Hồ Bắc có ý làm khó Tả Tông Đường. Có danh vọng thì thị phi của mọi việc đều do nó phán đoán, thưởng phạt cũng do nó phân biệt, ngay đến cả có tiền lương hay không cũng lấy nó ra mà phán đoán, định đoạt. Năm ngoái Kim Mi Sinh bị nhiều người luận tội, lại đến nỗi bị tịch thu gia sản, vợ con giữa đêm ở giữa trời đầy sương, lẽ nào thật sự có tội ác vạn phần sao? Cũng là vì danh vọng tồn tại, thưởng phạt tùy theo nó mà quyết định.

Nhiều người đông đúc, hoặc hủy hoặc tán tụng, lại không biết hủy danh dự từ đâu mà nên, cũng không biết phải làm sao mới có thể dừng lại. Người có tài năng tức giận vì vô cớ bị phỉ báng, nên hung hãn ngang ngược bắt chấp tất cả, vậy thì lời phỉ báng hủy hoại ngày càng nhiều, ngày càng nặng lời. Người có đạo đức sợ vô cớ bị phỉ báng, nên tự tu thân nghiêm túc, phỉ báng hủy hoại cũng dần dần mất đi. Ta hi vọng người biết tự tu, đừng hung hãn bắt chấp tất cả. Hi vọng người nghiêm túc nghe lời của ta, thủ túc hòa hảo, cùng nhau đối phó lại sự phỉ báng hủy hoại của người ngoài với gia đình chúng ta, không mong các đệ ai cũng tự tỏ rõ tài năng của mình, tính toán so đo trong gia đình, mà lại quên mất hậu họa bên ngoài.

Còn với ta mà nói, địa vị cao, lại có hư danh, bất cứ lúc nào cũng có sự lo lắng suy nghĩ rụng xuống, ta đọc thông truyền kì nhân vật tự cổ chí kim, giống như kiểu người có quyền thế này, tự cổ chí kim liệu có mấy người có thể làm tốt từ đầu chí cuối chứ? Rất sợ khi ta đang ở lúc toàn thịnh không thể che chở cho các đệ, khi ta rụng xuống ngược lại còn liên lụy đến các đệ, chỉ có lúc vô sự, thường dùng những lời nói khắt khe để khuyên bảo cảnh báo, hi vọng có thể tránh được đại họa. Thời tiết nóng nực, không thể làm việc, rất khổ não.

Ngày 20 tháng 6 Đồng Trị nguyên niên *Gửi Nguyên đệ.*

Nhân tài thủ xả chi đạo ***(đạo sử dụng và bỏ đi nhân tài)***

Hàn Xuân tiến đã xuất sư thành công đã đến tỉnh chưa? Mười viên quan doanh kia, từng người một nhất định phải được các hạ thẩm định, không nên tất cả đều dựa vào y để

quyết định dùng hay bỏ. Lý Dịch Am huynh đệ tuyển quan doanh, chuyển chọn dùng những người giản dị chất phác, thật thà, lâm trận không hoảng hốt. Đệ không thể lâm trận quan sát người, mà lại theo ý của Lý thị chọn dùng người giản dị, chất phác, Các hạ từ trước tới nay tri nhân thiện nhiệm, ở đây chỉ đưa ra để tham khảo.

Ngày 25 tháng 10 Đồng Trị viên niên *phục Thẩm Bảo Trinh*.

***Vật dĩ tiểu hà khí hữu dụng chi tài (đừng vì vết
sai lầm nhỏ mà vứt bỏ người tài hữu dụng)***

Trong sổ quan văn ở vùng này như Khôi thái thú, Chu huyện lệnh, trong sổ quan võ như Tháo tham tướng, Cảnh đô tư, đều trung thành dũng cảm, hăng hái, có thành tích, có thể cùng bọn họ phát huy đại nghĩa. Nhưng Thả tham tướng trong sổ đó, là nhân vật chủ chốt được Ô đô thống yêu thích, thật sự thuộc vào hàng nhân tài rất khó mà có được. Gần đây nghe nói ngài vì chuyện hấn không chịu đến Quế Đông tăng viện, đốc thúc trách móc rất kịch liệt, xin ngài hãy từ từ bình tĩnh, đợi ta khảo sát hấn kỹ lưỡng hơn. Nhân tài khó có, chỉ sợ vì sai lầm nhỏ mà mất đi người tài hữu dụng!

Ngày 18 tháng 5 năm Hàm Phong thứ 3 *dũ Trương Lượng Cơ*.

Tri nhân khuyết điểm chi minh

Vương Phác trở về từ Hưng Ninh, đến Hoàn Châu gặp mặt ta, ta phát hiện ý chí đặc ý mãi, tính tình nóng nảy, coi mọi chuyện quá dễ dàng, trong lòng thầm nghĩ rất khó cùng y bàn mưu lập kế, lập thành đại sự. Lúc bấy giờ, ý của y là dự định để Hưng binh báo mối thù mà người Hồ Nam phải chịu hồi tháng bảy, ta cũng dự định phái quân đến giúp Mân Tiều một tay, cùng nhau ước định triệu tập Bảo dũng, Tương dũng cùng đến Hoàn Châu huấn luyện, và bàn bạc dùng số tiền lương quân không dùng đến đi cứu trợ, khí giới không dùng đến cũng đi lãnh từ các tổng cục, tất cả đều dùng phương pháp quyên góp để từ từ giải quyết. Ta đã từng gửi thư cho ngài nói về một số chuyện trong đó, nói rõ khí giới thật sự không dễ giải quyết. sau đó, Phác Sơn từ Hồ Nam được thăng chức lên tỉnh, vừa hay gặp quân Thái Bình truyền ngôn ở vùng hạ lưu sông Trường Giang muốn trốn thoát trở lại, Trường Sa giới nghiêm, ngài mệnh lệnh dẫn binh trước tiên thủ tỉnh thành, ta cũng dự liệu chuyện ắt như vậy, vì thế trong lúc tình hình cấp bách, tất cả quân hưởng, quân giới đều không thể không lấy dùng từ tỉnh phủ và tổng cục, như vậy, binh sỹ hiện nay được chiêu mộ thu nhận, không còn là vũ trang dân gian nữa, mà là quân đội quốc gia. Thân đã là đội quân quốc gia, thì cần phải được đối đãi như binh sỹ trong toàn tỉnh, thì phải đối đãi với binh sỹ trong toàn tỉnh giống nhau, lập kế hoạch toàn diện. Nếu một địa phương phải nộp trước đến 32 nghìn lượng bạc, vậy thì khoản tiền các nơi chiêu mộ binh sỹ phải nộp trước sẽ không đủ, hưởng hồ gì sau này mỗi tháng vẫn còn phải chi tiêu nữa? hưởng hồ gì vẫn còn binh hưởng nữa? Đây là do lỗi lầm của Phác Sơn kinh nghiệm còn ít, coi sự việc này quá dễ dàng mà gây nên.

Ngày 6 tháng 10 năm Hàm Phong thứ 3 dũ *Lạc Bình* Chương.



(*Chu Thuận Xương*: đại thần nhà Minh. Làm quan chính trực, thanh liêm, quan tâm bệnh tật, đói khổ của nhân dân. Vì phản đối *Ngụy Trung Hiền*, bị bãi quan, sau bị bắt, tra khảo đến chết).

Nhận biết con người từ đạo nghĩa và giao tình

Vừa rồi nhận được thư ngài chỉ trích trách móc ta, lời lẽ rất kịch liệt, sự việc kể đến mặc dù rất nhỏ nhưng ngụ ý lại vô cùng trọng đại. Trên đời có những chuyện bình thường thô鄙, và cả những lễ tiết nghi thức vô nghĩa, từ vương công đại thần có địa vị cho đến bách tính bình dân không có địa vị, đều cho rằng không đáng để tính toán về chúng, nhưng bậc quân tử có đức có học thức lại không thể không tranh biện kịch liệt, ngài thuộc vào đây! Thường nói, bậc quân tử có đức có học thức đối đãi với bản thân mình, thường nghiêm túc chắc chắn thận trọng chứ không thể mạo phạm; họ đối đãi với người khác, để

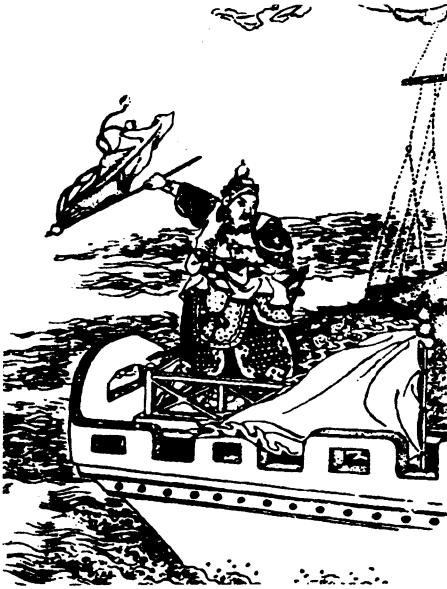
người khác kính trọng mình họ tôn kính người khác; với người đạo hạnh vượt qua mình, thì cung kính học theo người ta. Ta mặc dù ngu xuẩn chậm chạp, cũng rất hiểu nặng nhẹ, chậm nhanh. Không lâu trước đây, Trần quân lo việc tang cho thể tử, ta nhờ ngài mua quan tài giúp y. Đây là chuyện quá nhỏ bé, vụn vặt, không những không đáng làm làm phiền đến người có đức có tài có thân phận như ngài, cho dù là kẻ vô đức vô tài như ta, thì làm sao có thể nhân cơ hội này mà nịnh nọt người khác chứ? Chỉ vì chuyện lo việc tang cho người chết, không để ý tí mĩ chọn lựa mà cầu người giúp đỡ. Lúc đó vừa hay có một người, đem chuyện ngài hành thiện giúp Trương mỗ lo việc hậu sự nói cho ta biết, còn có một người nữa kể về việc ngài giúp Lỗ mỗ lo liệu tang sự cho cha hắn. Ta và ngài lại từng có mối giao tình tụ hợp lại cùng nhau uống rượu nói chuyện, do đó không suy nghĩ nhiều mà đưa ra thỉnh cầu, bản thân ngài cũng cho rằng không cần lựa chọn đối tượng mà cứu giúp hắn, đồng ý với hắn, và hoàn thành việc này. Lúc đó, ngài chẳng qua đang thực thi nghĩa vụ “tận lực cứu hắn”, vốn chẳng tính toán hắn có cảm ơn hay không. Đến hôm ngài đến viếng người chết, ngài chẳng qua cũng chỉ làm theo thói quen tiếp khách của thể tục, nhất định không phải là đến vì để được đức danh. Nhưng sự việc lại vừa hay không như vậy, người đón khách lại không cảm danh thiếp của ngài thông báo với bên trong, Trần quân trước giờ lại chưa từng gặp ngài, ta lại không kịp ngầm chỉ điểm cho y, dẫn đến Trần quân không nói lời cảm ơn với ngài, đây hoàn toàn đều là lỗi lầm do ta sơ xuất mà nên, Trần quân vì không biết nội tình mà mạo phạm ngài, đâu có đáng để nói tới? Trần quân vừa rồi nói với ta: Vương tiên sinh ngài là người mà ngày nay mọi người tán tụng khen ngợi là người đọc sách có kiến thức, chân thành, nhiệt tình, vì tôi mà đích thân làm cái việc hạ tiện ấy, tôi đâu có thể được yên

lòng chứ? Sau khi tang sự xong xuôi, y nên đến nhà ngài tam bái cảm ơn, lễ tiết thông thường không phải để biểu đạt sự cảm ơn trong lòng, chỉ có mãi mãi khắc cốt ghi tâm, kính chúc Vương tiên sinh trường thọ mà thôi. Nhưng ngài lại trách móc y đối nhân không nhiệt tình, thất lễ, không phải là người cuồng ngạo vô đức, sao dám khinh mạn ân đức với hần chứ? *Thi kinh* có nói: “lần này sau này sẽ đến lượt ngươi” giả như Trần quân dám khinh mạn ngài, vậy thì không lâu sau cũng sẽ đến lượt ta! Ta có lợi gì mà phải thiên vị hần chứ?

Huống hồ chi tình huống cấp bách mà phải nhờ cậy người khác, bất luận con người là quý hay tiện, là hiền hay bất hiền đều sẽ gặp phải chuyện này; cầu người giúp đỡ rồi cảm ơn họ bằng những lời nói đường mật, đây là việc bất kì ai cũng có thể làm được; có ơn với người và yêu cầu báo đáp, cũng là chuyện mà bất kì ai cũng có thể làm được. Còn về những người thông hiểu đại đạo kia thì có chỗ hơn người: họ nhận ơn huệ của người khác, chôn giấu nó trong lòng, không chỉ báo đáp xuống bằng lời; họ thành tâm thành ý thay người khác làm việc, sự việc qua đi rồi thì cũng quên đi. Người khác có ơn với ta, ta tự thấy điều này hợp với đạo lý; người khác không có ơn với ta, ta cũng thấy hợp với lý thường tình, dần dần khảo sát những mặt khác của họ. Họ ở phương diện khác phù hợp với đạo nghĩa, ta vẫn làm bạn với họ như trước đây; hành vi khác của họ không hợp đạo nghĩa, thì sẽ tuyệt giao với họ, nhưng từ đầu chí cuối không trách móc họ. Đức hạnh mà mọi người vẫn thường nói có ích với vạn vật, nhưng lại khiêm tốn cất giữ; truyền đến hậu thế, nhưng không kiêu ngạo không khoe khoang, đều từ đó mà ra. Bản thân ta cho rằng ngài chí hướng cao xa, trong sạch, đức hạnh thâm viễn, nên mới dám mang những suy nghĩ kiến giải nông cạn này ra để ngài tham khảo,

không có ý trách móc ngược lại ngài, kiến thức của bản thân vẫn còn hạn chế trong phạm vi trình độ của người thường lại dùng điều văn tũn mủn nghiêm trọng làm khó dễ bậc hiền minh hào kiệt. Hơn nữa ta lại nghe nói quân tử hiền đức mặc dù có chí hướng siêu tục xuất chúng, nhưng lại không dễ để người khác dễ dàng nhìn ra, mặc dù có khí khái khinh thường quân vương lực thoái tam quân, nhưng trước giờ không tùy tiện bộc phát. Ta thấy ngài cũng gần như là người như vậy, nhưng hôm nay ngài lại bộc phát ra. Nhưng chuyện này dường như không đủ để trấn động tâm khí của ngài khiến ngài phát tác, vậy tôi nghĩ ở đây có nguyên nhân nào khác. Có ba người nói dối ở chợ có hổ, người nghe liền tin rằng đó là sự thật; có ba người truyền sai Tăng thám giết người, mẫu thân của hắn không thể không tin, đây đều là do những lời nói mập mờ mà khiến cho con người tin! Ta làm sao biết được ngài không có do bị lời nói mập mờ nào khiến cho ngài tin, mà nhân đó bộc phát chứ? Đạo đức còn chưa hiện rõ, trung thành tín nghĩa vẫn chưa thể được người khác tin tưởng, lại muốn khiến cho người ta chân thành vô tư mà tha thứ, do đó rất khó! Mặc dù như vậy, nhưng những ngày tháng sau này còn dài, đôi bên mới quen biết, vẫn còn cơ hội không cần phải giải thích mà vẫn có thể hiểu nhau, ta hà tất phải ưu sầu chứ! Còn về sự cảm kích ngưỡng mộ của Trần quân, khi gặp ngài hẳn sẽ tự biết bày tỏ, không cần ta nói nhiều. chỉ mong ngài sau này tự trọng hơn nữa, làm tấm gương cho mọi người, còn ta cũng nhiều lần suy nghĩ lại mình, bị bậc quân tử hữu đạo ghét bỏ, chắc chắn có khuyết điểm nào đó ngoài chuyện này. Ta chỉ có không ngừng xem xét bản thân, động viên bản thân, cầu mong không phải vận mệnh đến cuối cùng cũng bị vứt bỏ mà thôi.

Tháng Giêng năm Đạo Quang thứ 24 *Gửi Vương Chứng*.



(Vương Tâm Nhất: đại thần nhà Minh. Từng làm ngự sử và hình bộ thị lang, dám trực ngôn, từng vì đắc tội Khách thị mà bị bãi quan).

(Du Đại Du: đại tướng nhà Minh. Gia đình nghèo khó, tông quân, từ nhỏ thích đọc sách, là người rộng rãi cởi mở. Vì đánh Ngụy Khẩu nên được phong làm quan tổng binh Triết Giang. Sau cùng với Thích Kế Quang san bằng quân Nụy Khẩu).



(Tư Phương: người sống vào giai đoạn cuối nhà Minh đầu nhà Thanh. Sau khi quân Thanh vào cung, ẩn cư trong núi, bán tranh mưu sinh, thư, thi, họa đều tinh thông, được người đời coi trọng).

Chọn bạn là ý nghĩa quan trọng nhất của đời người

Kể từ sau khi người quay trở về Hồ Nam, ta không nhận được thư của người, không thể yên tâm được. Năm nay thời tiết nóng nực, người đi đường bình an chứ?

Ta tụ hợp với Nguyên thúc ở Kim Lăng 25 ngày, 20 ngày ngồi thuyền trở về An Huy, vẫn khỏe. Ta với Nguyên Thúc nhận thánh ân được tấn phong tước vị Hầu bá, môn hộ quá thịnh, vô cùng lo lắng sợ hãi. Người ở tỉnh thành cần lấy hai chữ khiêm kính làm trọng, sự sự đều phải tỉnh giáo hai vị nhân thúc Ý Thần và Chi Sinh, tuyệt đối không được dùng cách hối lộ tiền bạc, chuốc lấy thị phi và nghị luận. Ngày 16 xuất khoa trường, hai ngày 17, 18 bá khách, ngày 19 có thể về nhà. Đầu tháng 9 ở nhà sau khi nghe tin thi xử, lại khởi hành lên đường đến công đường của ta. Chọn bạn là việc quan trọng đầu tiên của đời người, nhất định phải chọn người có chí hướng cao lớn. Ta có mấy lời dặn dò như vậy!

Ngày 24 tháng 7 năm Đồng Trị thứ 3 *Dụ Kí Hồng*.

Thăng quan yếu quyết

Công đường Tô Châu là nơi hội tụ của những người làm quan làm tể tướng. Theo như những gì ta biết, ở đó phần lớn là những quan viên xa xỉ phủ bại nhận được đánh giá tốt, những quan viên tận trung với chức trách của mình thì rơi vào nhân rồi; quan viên làm việc hà khắc lợi dụng thời cơ vươn lên, quan viên đối nhân khoan hậu có chí thì khó mà thực hiện

được hoài bão của mình, quan viên nịnh bợ lẫn nhau cầu kết tán tụng, quan viên có thực lực thì không ai biết đến. Đưa ba điều này đặt lên người ngài để khảo sát, đều không thích hợp thỏa đáng. Nhưng mà hành vi của người quân tử có đạo, là không vội vã cấp bách theo đuổi danh lợi tư vọng, mầu chốt là trong công văn đoạn án, thực sự có nhiều kinh nghiệm, trải nghiệm, vậy thì kinh nghiệm ấy cuối cùng cũng được các bạn đồng liêu tán tụng, được cấp trên khẳng định. Ta có một câu, mong ngài trong mấy năm tới theo đó mà làm, đó chính là chữ “nại”. Khi không được cấp trên trọng dụng, thì phải coi nhẩn nại bình tĩnh là trên hết; khi cuộc sống thỉnh thoảng gặp khó khăn về tiền bạc, về cái ăn, thì phải đặt nhẩn nại trong sạch lên hàng đầu; khi không chịu nổi công vụ tiếp khách quá nhiều, phải đặt nhẩn nại lên hàng đầu; khi những người cùng cấp bậc với ta hoặc là dựa vào hư danh mà được lợi lộc, những người cấp bậc thấp hơn ta dựa vào nịnh nọt mà đạt được vinh dự, lúc này phải đặt nhẩn thông dong lên hàng đầu. An với bốn phận, tận lực toàn lực, điềm tĩnh thanh bạch như không cầu điều gì, như vậy không quá hai năm, nhất định sẽ được sự khâm phục, trọng dụng của thượng tư, đồng liêu.

Năm Đạo Quang thứ 26 đáp Hoàng Đình Toàn.

Tám ưu điểm trong lúc nói chuyện

1. *Biết lắng nghe*

Loại người này nghe nhiều, nói ít, trí tuệ luôn luôn phong phú, có đại trí nhưng lại như vẻ ngu ngốc, lời nói mặc dù không nhiều, nhưng trong lòng thông minh, lời nói ra một chữ đáng nghìn vàng, rất có trọng lượng, có thể trực tiếp chỉ ra cái

tồn tại mấu chốt của vấn đề. Là một cây đại thụ trầm mặc kiệm lời, nhưng có sức mạnh.

2. *Năng phát kì tư diệu ngữ*

Kiểu người này thường có một vài suy nghĩ, tư tưởng kì diệu, lại thú vị khôi hài, đầy tính hài hước, có thể tạo nên những thứ mà người xưa chưa tạo ra. Cái chúng ta cần giám biệt đó là, có những suy nghĩ tư tưởng kì diệu có khả năng thực hiện, khả dụng; có cái lại không thể, là thứ đi mê hoặc con người, hoặc thứ dung tục loạn dân.

3. *Khả năng nhìn thấy trước*

Có thể dự đoán chính xác tương lai của sự vật, liệu sự như thần. Khả năng phân tích tình thế mạnh, có thể tổng hợp tất cả các thông tin để dự đoán chính xác tương lai. Có người lại phán đoán, dự đoán bằng trực giác.

Năm Kiến An thứ 5, Tào Tháo và Viên Thiệu đánh nhau ở Quan Độ, đối đầu không chịu nhượng bộ. Tôn Sách bèn chuẩn bị dẫn quân vượt Giang Bắc, lợi dụng sơ hở tấn công sào huyệt của Tào Tháo là Hứa Xương. Điều này đã khiến cho Tào Tháo đánh trận lâu năm tại Quan Độ không chịu lui bước gặp phải vấn đề khó khăn:

Nếu bây giờ bỏ qua Viên Thiệu, sau này lại chinh chiến thảo phạt, chắc chắn sẽ hao tổn nhiều tinh lực hơn, vì thế không thể bỏ qua thời cơ tiêu diệt Viên Thiệu tốt trước mắt này được; nhưng nếu tiếp tục đóng quân ở Quan Độ, mà Tôn Sách thật sự vượt Giang Bắc, Hứa Xương phòng thủ trống rỗng, rất có khả năng thất thủ, một khi Hứa Xương mất, thì gốc rễ sẽ lung lay.

Những mưu sĩ nổi tiếng của Tào Tháo là Quách Gia, tự là Phụng Hiếu, luôn có chí lớn tế thế an dân, đa mưu thiện đoán.

Lúc đầu, đầu quân cho Viên Thiệu - kẻ chia cắt phương Bắc, nhưng rất nhanh nhìn ra Viên Thiệu chỉ có hư danh, là một tên dung chủ (chủ kém cỏi) do dự không quyết đoán, khó mà thành đại sự; nên bèn rời khỏi Viên Thiệu dù lúc bấy giờ vẫn đang chiếm ưu thế rất lớn về mặt quân sự lúc bấy giờ, sang đầu quân cho Tào Tháo.

Kiến An nguyên niên Hán Hiến đế, Quách Gia đến Hứa Xương, qua sự dẫn dắt giới thiệu của Tuân Hoặc, gặp được Tào Tháo. Tào Tháo có tuệ nhãn nhìn người, vô cùng coi trọng tài tình chí hướng của Quách Gia, khen ngợi rằng: “Người khiến ta thành được đại nghiệp, nhất định là Quách Phụng Hiếu!” Quách Gia cũng thán phục vị hùng kiệt loạn thế này, nói: “Tào Tháo là vị chủ nhân Quách Gia tìm kiếm bấy lâu!” Tào Tháo ngay lập tức cho Quách Gia làm tư không quân tế tửu. Từ đó về sau, Quách Gia tận tâm tận lực mưu hoạch kế sách vì đại nghiệp bình định quân hùng thời kì cuối nhà Hán của Tào Tháo.

Lúc này, Quách Gia nhìn rõ tâm tư của Tào Tháo, nói: “Tôn Sách bình định 5 quận Giang Đông, chiếm không ít nơi, cũng giết hại không ít hào kiệt Giang Đông; hắn sở dĩ có thể làm được điều này, là bởi vì hắn tạm thời lôi kéo được mấy người vì hắn mà sẵn sàng chết. Nhưng Tôn Sách liêu lĩnh, xử sự khinh suất, rất ít khi đề phòng, đây chính là điểm yếu chí mạng của hắn; do đó, trước mắt mặc dù hắn có mấy trăm nghìn quân, nhưng do sự chi phối của tính cách như vậy, hắn vẫn giống như một kẻ độc hành trên đồng hoang. Hắn ở Giang Đông tấn công thành trì, chiếm đoạt đất đai, thôn tính quần hùng, chắc chắn đã kết không ít thù oán, giả như bên cạnh hắn đột nhiên có thích khách, hắn chẳng qua chỉ là một

kẻ địch đơn độc mà thôi. Do đó, Tôn Sách không đáng lo ngại, ta liệu định hẳn chắc chắn sẽ chết dưới tay thất phu!”

Quách Gia ra tay từ việc phân tích tính cách của Tôn Sách, chỉ rõ ra sự nóng nảy phóng đảng của Tôn Sách trong đối nhân xử thế. Sự nóng nảy phóng đảng không nhận được, người khác sẽ thấy không thuận mắt, lời nói quá cuồng ngạo, người khác sẽ ghi hận trong lòng, và tất cả những điều này Tôn Sách đều không nhận nài khắc chế, vì vậy Quách Gia đoán định Tôn Sách sẽ có tai họa không lường trước được, kiên quyết chủ trương Tào Tháo tiếp tục đóng quân ở Quan Độ, bình định Viên Thiệu, tạm thời không lo nghĩ việc Tôn Sách xâm phạm phía Bắc; y còn phân tích Viên Thiệu có 10 nhược điểm chắc chắn thất bại, đoán định Tào Tháo tất thắng. Những phân tích, sự đoán tỉ mỉ tinh tế này, đã giải trừ được mối lo của Tào Tháo với Tôn Sách, cổ vũ ý chí bình định Viên Thiệu của Tào Tháo. Sau này, Tào Tháo quả nhiên giành đại thắng trận Quan Độ, củng cố sự thống trị ở phương Bắc. Còn vận mệnh của Tôn Sách cũng đúng như những gì Quách Gia dự liệu, trong đêm trước khi dẫn quân lên phương Bắc, lúc ra ngoài thành sẵn bắn, không đề phòng, bị môn khách của thái thú Hứa Hiển Ngô quận ngày xưa đâm chết.

4. *Giỏi nói*

Giỏi ăn nói, không chỉ lời lẽ ngôn từ phong phú, hay, mà đạo lý cũng vô cùng thấu triệt, rất có tính logic, có thể biểu đạt suy nghĩ, tư tưởng của mình một cách hoàn chỉnh, chuẩn xác. Tung hoành gia môn thời chiến quốc, giỏi ăn nói, như Trương Nghi.

Thành ngữ có câu “triều Tần mộ Sở” (sớm Tần tối Sở: tức là sớm nắng chiều mưa, tráo trở bất thường) kể về Trần Chấn thời chiến quốc. Trương Nghi và Trần Chấn đều đầu quân đến

dưới trướng Tần Huệ vương, được trọng dụng. Không lâu sau Trương Nghi bèn nảy sinh sự đố kỵ, bởi vì Trần Chấn rất có tài cán, mạnh hơn y.

Trương Nghi nói với Tần Huệ vương: “địa vương thường để Trần Chấn qua lại giữa hai nước Tần, Sở, nghe nói Trần Chấn còn thường xuyên tiết lộ cơ mật của nước Tần cho nước Sở. Thân làm thần tử của đại vương, làm sao có thể làm như vậy được? gần đây lại nghe nói hắn dự định rời khỏi nước Tần đến nước Sở”.

Tần vương lập tức hạ lệnh triệu kiến Trần Chấn. Vừa gặp mặt, Tần vương liền nói với Trần Chấn: “nghe nói ngươi muốn rời khỏi đây, chuẩn bị đi đâu vậy? nói cho ta nghe để ta tiện chuẩn bị xe ngựa cho ngươi!”

Trần Chấn nghe xong, không hiểu gì hết, rất nhanh lập tức hiểu ra, ở đây trong lời có lời, bèn trấn tĩnh đáp: “thần chuẩn bị đến nước Sở”.

Quả nhiên như vậy. Tần vương càng tin lời của Trương Nghi, bèn chậm rãi nói: vậy lời của Trương Nghi là thật.

Thì ra là Trương Nghi đang giở trò! Trần Chấn trong lòng đã hoàn toàn hiểu rõ. Y không lập tức đáp lại Tần vương, mà định thần, sau đó không vội không vàng giải thích: “chuyện này không chỉ Trương Nghi biết, đến ngay cả người qua đường cũng đều biết. Trước đây, thời Ân Cao Tông, Hiếu Kỉ vô cùng hiếu kính mẹ kế của mình, vì vậy người trong thiên hạ đều muốn Hiếu Kỉ trở thành con trai của mình; đại phu Ngũ Tử Tư của nước Ngô hết mực trung thành với Ngô vương, đến mức quân chủ trong thiên hạ đều mong Ngũ Tử Tư làm thần tử của mình. Vì vậy, tục ngữ nói, giao bán nô bộc và tiểu thiếp, nếu hàng xóm xung quanh tranh nhau đòi, vậy thì cho

thấy rõ họ là nô bộc là thiếp tốt, bởi vì những người hàng xóm hiểu họ nên mới mua; một người con gái xuất giá, nếu những chàng trai đồng hương tranh nhau đòi cưới cô ta, vậy thì cho thấy cô ta là một cô gái tốt, bởi vì những người đồng hương hiểu cô ta. Nếu thần không trung thành với đại vương, Sở vương tại sao lại muốn thần làm thần tử của hần? tấm lòng trung thành của thần, lại bị hoài nghi, thần không đến nước Sở thì đi đâu được chứ?”

Tần vương nghe xong, cảm thấy có lý, gật đầu tán thành, nhưng lại nghĩ đến chuyện tiết lộ cơ mật mà Trương Nghi nói, bèn hỏi: “đã như vậy, vậy người tại sao lại tiết lộ cơ mật của nước Tần ta cho nước Sở?”

Trần Chấn cười thản nhiên, nói với Tần vương: “đại vương, thần làm như vậy, chính là vì nghe theo mưu kế của Trương Nghi, dùng để chứng minh thần không phải là đồng đảng của nước Sở!”

Tần vương nghe xong, càng mơ hồ, ngậy người nhìn Trần Chấn. Trần Chấn vẫn từ tốn nói: “nghe nói nước Sở có một người có hai người thiếp, có người dụ dỗ người thiếp lớn tuổi hơn một chút kia, lại bị người thiếp kia mắng cho một trận. Hần lại đi dụ dỗ người thiếp trẻ hơn một chút kia, người thiếp trẻ tuổi đối với hần rất tốt. Sau này người nước Sở chết rồi. Có người liền hỏi cái người dụ dỗ thiếp của hần: “nếu người muốn cưới họ làm thiếp, thì sẽ cưới người lớn tuổi kia hay người trẻ tuổi?” hần trả lời: “cưới người lớn tuổi hơn”, người này lại hỏi: “người lớn tuổi mắng người, còn người trẻ tuổi thích người, người tại sao lại muốn lấy người lớn tuổi hơn đó?” hần nói: “ở vào vị trí lúc bấy giờ của nàng ta, ta đương nhiên hi vọng nàng ta đồng ý ta. Nàng ta mắng ta, cho thấy nàng ta rất trung thành với phu quân. Bây giờ muốn làm vợ của ta, ta đương

nhiên cũng mong muốn nàng ta chung thủy một lòng với ta, và lớn tiếng mắng những kẻ dụ dỗ nàng ta”, đại vương người thử nghĩ xem, thần thân là thần tử nước Tần, nếu thần thường xuyên mang chuyện cơ mật của nước Tần tiết lộ cho nước Sở, nước Sở sẽ tín nhiệm thần, trọng dụng thần sao? Nước Sở sẽ giữ thần lại sao? Thần có phải đồng đảng của nước Sở, đại vương ngài nên hiểu rõ chứ!”

5. *Xuất khẩu nhanh nhạy*

Kiểu người này phản ứng nhạy nhạy, có thể phân tích chuẩn xác sự tốt xấu của hoàn cảnh mà mình đang ở vào và nhanh chóng tìm ra những lời lẽ ngon ngọt để giải thoát cho mình, kiểu người này nếu như có tính trung hậu nữa thì sẽ là đại tướng văn thần.

Quách Hoài thời tam quốc, thời trẻ làm quan dưới trướng của Tào Tháo. Trong buổi lễ chúc mừng Ngụy Văn đế Tào Phi kế vị, Quách Hoài đến muộn, điều này sẽ mang đến hậu quả với tương lai phía trước? Quách Hoài suy nghĩ tìm ra kế sách. Tào Phi còn là một vị hoàng đế rất biết làm thơ, hiểu biết rất nhiều, bèn dùng chuyện cũ trong lịch sử trách hỏi Quách Hoài: “năm đó Đại Vũ ở Đồ Sơn triệu tập chư hầu, Phòng Phong thị vô cớ đến muộn, bị xử phạt chém đầu. Hôm nay ngươi đến muộn, nên chịu phạt như thế nào?” Quách Hoài quay đầu lại đáp: “Thần nghe nói Nghiêu Thuấn dùng phương pháp giáo dục dẫn dắt, do đó người đời sau tôn họ là thánh vương, Vũ lại không có hiền danh như Nghiêu Thuấn, bởi vì người dùng phương pháp trừng phạt. Hôm nay thần gặp được vị vua Nghiêu Thuấn, vì thế sẽ không chịu sự xử phạt giống như Phòng Phong thị”. Tào Phi nghe xong rất vui, không những không xử phạt, mà ngược lại còn thăng chức cho y, để bạt làm thứ sử Ung Châu. Quách Hoài sau này trở thành một viên đại

tướng của nước Ngụy, lúc một mình cưỡi ngựa truy đuổi Thục tướng Khương Duy, chết dưới tên của Khương Duy.

6. *Lời nói nghiêm cẩn, không lộ sơ hở*

Khi đối diện với lời nói kịch liệt của người khác, có thể bình tĩnh, lâm nguy bất loạn, đứng vững vàng, và từng bước một phản bác, công kích đối phương, không hề hỗn loạn, thủ chắc chắn, cẩn thận, tiếp tục đợi cơ hội bất sơ hở của đối phương mà phản kích. Kiểu người này làm việc nghiêm túc, cẩn thận, ổn định, chắc chắn, không tùy tiện mạo hiểm, phạm là chuyện gì cũng đề cao bất bại lên hàng đầu, rồi mới tìm kiếm cơ hội để chiến thắng. Là người thành công có thể từng bước tiến lên phía trước.

7. *Giỏi thuyết phục người khác*

Kiểu người này lời nói sắc bén, có sức thuyết phục lớn, trí mà tuyệt, mạnh mà có thể nói, giao tranh tất thắng, là nhân tài về mặt ngoại giao. Kiểu người này tinh lực dồi dào, phản ứng nhanh, đầu óc rõ ràng mà linh hoạt, luôn luôn đánh bại quân địch lúc chúng không kịp trở tay, hơn nữa có thể cầu biến, thuận theo hướng phát triển của sự việc mà chèo lái, đưa cuộc nói chuyện hướng đến con thuyền có lợi cho bản thân.

Mỗi quan hệ quân thần giữa Ngụy Trinh và Đường Thái Tông, ai ai cũng đều biết, nhưng cũng có lúc tức giận, va chạm với nhau.

Có một lần, lúc Ngụy Chính thượng triều, tranh luận với Đường Thái Tông tới mức đỏ mặt tía tai. Đường Thái Tông vì nghĩ đến hình tượng của mình, miễn cưỡng nhẫn nại không tức giận tại triều. Sau khi trở về cung điện, gặp Trưởng Tôn hoàng hậu, Đường Thái Tông nổi giận dùm dùm nói: “sẽ có một ngày, ta phải giết chết tên nhà quê đó!”

Trưởng Tôn hoàng hậu hỏi: “không biết bệ hạ muốn giết ai?”

Đường Thái Tông nói: “chính là Ngụy Chính! Hắn luôn sỉ nhục ta trước mặt văn võ bá quan, ta thật sự không nhịn được nữa rồi!”

Trưởng Tôn hoàng hậu nghe xong, quay người vào trong phòng, để lại một mình Đường Thái Tông ở đó tức giận. Một lúc sau, Trưởng Tôn hoàng hậu mặc một bộ lễ phục chính thức lúc triều kiến, vừa bước ra bèn cúi lạy chúc mừng Đường Thái Tông.

Đường Thái Tông hết sức kinh ngạc, hỏi: “nàng làm gì vậy?”

Trưởng Tôn hoàng hậu nói: “thiếp nghe nói chỉ có dưới sự thống trị của thiên tử anh minh thì mới có đại thần chính trực. Ngụy Chính chính trực như vậy, chẳng phải cho thấy rõ bệ hạ vô cùng anh minh sao, thần thiếp sao có thể không chúc mừng bệ hạ! ”

Mấy câu nói của Trưởng Tôn hoàng hậu lập tức khiến cho Đường Thái Tông thức tỉnh. Đường Thái Tông trong ngoài đều có hiền thần, có thể không trở thành minh chủ sao?

8. *Giới bác bỏ đối phương*

Kiểu người này là cao thủ trong ngôn đàm, vừa có thể nhanh nhạy bác bỏ đối phương, lại giỏi bảo vệ bản thân không bị công kích. Lập luận, lý lẽ bác bỏ đều rất thận trọng thỏa đáng, luôn luôn dùng thủ pháp gây ông đập lưng ông, khiến cho đối phương không còn lời nào để nói.

Khổng Dung 4 tuổi có thể nhường nhịn lễ, 10 tuổi cùng phụ thân vào kinh báii kiến đại thần Lý Nguyên Lễ, thông báo là gia đình có mối thâm tình với nhà Lý Nguyên Lễ, Lý Nguyên

Lễ vừa trông thấy là một đức trẻ nhỏ mà lại không quen biết, hỏi: “ta và nhà ngươi trước giờ chưa từng có quan hệ thân thích dây mơ rễ má, sao lại nói là có mối thâm tình với gia đình ta chứ?” Khổng Dung đáp: “gia đình ta tiên tổ Khổng Tử, có mối giao tình với tiên tổ Lý Đam (Lão Tử) của quý phủ, tại sao không phải là hai nhà có mối thâm tình chứ!” Lý Nguyên Lễ rất khâm phục sự nhanh nhạy của tiểu Khổng Dung, khen ngợi thẳng bẻ sau này tất thành tài lớn với các vị khách. Một người trong phủ tên Trần Vĩ nói: “lúc nhỏ thông minh, lớn lên chưa chắc đã thông minh” Khổng Dung lập tức phản bác nói: “vị tiên sinh này lúc nhỏ chắc chắn thông minh”.

Những vấn đề cần chú ý trong lời ăn tiếng nói

Trong lời nói, biện luận, ngoài việc có đầy đủ tám ưu điểm kể trên, cần chú ý mười điểm sau:

1. “Tuy minh bao chúng lý, bất dĩ thượng nhân; thông duệ tư cấp, bất dĩ tiên nhân”.

Tức là phải khiêm tốn. Mặc dù bản thân thiên tư thông minh, hiểu rõ thông đạt lý lẽ, nhưng không khoe khoang, không tự mãn hơn người.

2. “Thiện ngôn xuất kị, lý túc tắc chỉ; bì ngộ tại nhân, quá nhi bất bách”.

Tức là nói, lời nói chuẩn xác được nói ra từ miệng mình, có lý rồi thì dừng lại, không cần phải nói hết mới thôi. Với khuyết điểm của người khác, có thể chỉ ra để phê bình, nhưng không ép người ta nhận sai.

3. “Tả nhân chi sở hoài, phù nhân chi sở năng”.

“Tả” có nghĩa là giải bày, biểu đạt. Tức là nói, trong lời nói có thể thể hiện ra được ý kiến và nguyện vọng của đối

phương, nâng đỡ tài năng và sở trường của đối phương, để họ được phát huy.

4. “Bất dĩ sự loại, phạm nhân chi sở hộ; bất dĩ ngôn lệ, cập kỉ chi sở trường” “Hộ” bí mật riêng tư, kiêng kị. Tức là nói, ăn nói phải thận trọng, tránh dùng những từ xúc phạm đến bí mật riêng tư kiêng kị của đối phương, cũng không được ám thị trong lời nói để khoe khoang thành tích và ưu điểm của mình.

5. “Thuyết trực thuyết biến, vô sở úy ác”.

Tức là nói, khi chỉ trích những lời nói hoang đường, phát biểu ý kiến trung trực công chính, đều phải nghiêm nghị chính trực, không sợ gì hết.

6. “Thái trùng thanh chi thiện âm, tán ngu nhân chi ngẫu đắc”.

Phải nghiêm túc lắng nghe ý kiến của đối phương, cho dù đối phương địa vị thấp, lời nói không có trọng lượng, không vì địa vị của họ thấp mà vứt bỏ thiện ngôn của họ; mặc dù đối phương ngu dốt kém cỏi, không vì ngu dốt mà vứt bỏ lương ngôn.

7. “Đoạt dữ hữu nghi, khứ tỵ bất lưu”.

Tức là nói, tranh đoạt, nhượng bộ đều phải thích hợp vừa phải. Phải quyết đoán vứt bỏ hay lắng nghe, đi hay ở.

8. “Phương kì thịnh khí, chiết tạ bất lận”.

Khi đối phương khí thịnh, phải tránh khí sắc nhọn của họ, tạm thời không tính toán với những lời nói chỉ trích trách móc, giải thích sai của họ.

9. “Phương kì thắng nan, thắng nhi bất căng”.

Khi biện luận giành thắng lợi, không được vì thắng mà cho rằng mình tài giỏi, mà quên hết tất cả.

10. “Tâm bình chí dụ, vô thích vô mặc. Kì vu đắc đạo nhi dĩ hĩ”.

Lúc nói chuyện tâm bình khí hòa, tâm thái thoải mái. Không xử sự theo cảm tính, mà phải nghiên cứu thảo luận học thuật, giành được chân lý.

Có đầy đủ mười điểm quan trọng kể trên, mới có thể trở thành thông tài trong biện luận.

PHỤ LỤC 2

1. Cầu người phò tá, cả đời không thể quên

Thành công và thất bại của một người, mấu chốt là ở việc họ có thể chuyển hóa năng lực của người có quan hệ với họ thành năng lực của bản thân hay không. Tăng Quốc Phiên chính là một ví dụ tuyệt vời nhất về việc biến năng lực của người khác thành của bản thân mình.

Tăng Quốc Phiên nói với em trai mình: cầu mong người khác phò tá mình, từng giây từng phút không được quên những đạo lý này. Có được nhân tài là khó khăn nhất, trước đây có mấy người làm bộ hạ của ta, ta cũng đối đãi bình đẳng, không quá khâm phục, kính trọng họ quá, đến nay, những người này đúng là không phải có được nhiều người như họ. Đệ nên thường xuyên coi việc cầu nhân tài là nhiệm vụ quan trọng, còn về những người vô năng, cho dù là bạn bè thân thiết, cũng không nên giữ lại lâu, chủ yếu là vì lo lắng người có tài không muốn cùng làm việc với họ.

Vì thế, khi mới ở giai đoạn đầu lập quân đội, Tăng Quốc Phiên đã ban bố *Chiêu mộ thân kì thư* để chiêu mộ nhân tài: ta phụng lệnh giúp đỡ việc lập và quản lý quân đội, kiểm tra, truy bắt loạn tặc, thổ phỉ, từ khi nhận nhiệm vụ đến nay, ngày đêm lo lắng, chỉ sợ có sai sót, lo lắng bản thân kiến thức không rộng, suy nghĩ không chu toàn. Do đó, mong muốn, hiền nhân tại quê hương không ghét bỏ ta, đồng ý đến giúp đỡ

phò trợ lẫn nhau, thông qua đây để trưng cầu kiến nghị của đông đảo quần chúng, nghiêm túc cẩn thận tiếp thu ý kiến để mong bù đắp cho chỗ thiếu sót của bản thân. Vì vậy thường hoặc là gửi thư mời cao nhân xuống núi, hoặc là nhiệt tình chào đón quý khách, chiêu mộ anh hùng hào kiệt, trưng cầu cao kiến diệu pháp, tầm lòng canh cánh này, hi vọng có thể được mọi người hiểu và lượng thứ. Ta định tập hợp lực lượng ít ỏi, yếu đuối lại để bảo đảm cho sự an toàn của quê hương. Nhà lầu không phải do một cây gỗ chống đỡ, đại nghiệp dựa vào trí tuệ của nhiều người mà hoàn thành. Nếu như có thể khiến cho đông đảo hiền sỹ hội tụ lại, cùng nhau làm việc, vậy thì, cho dù là kim thạch kiên cố cũng có thể xuyên qua, còn có khó khăn gì không thể khắc phục chứ?

Sau này, Tăng Quốc Phiên lãnh binh xuất chinh, làm đến chức đốc phủ, khâm sai, càng chú ý chiêu mộ nhân tài. Không chỉ bản thân mình như vậy, mà ông cũng đưa ra lời khuyên bảo chân thành như thế với em trai mình. Trong bức thư *Trí Nguyên đệ* (gửi Nguyên đệ) ông nói, người làm thành đại sự, cốt yếu đầu tiên là phải lựa chọn nhiều trợ thủ. Không chọn được người vừa ý, thì tạm thời chọn người gần vừa ý, từ từ dạy bảo họ là được. Tức là nói từng giây từng phút phải chú ý chiêu mộ người, không nên vì không có người khiến mình vô cùng vừa ý mà không dùng người.

Còn đối với những người tài hoa xuất chúng, Tăng Quốc Phiên bắt luận là lúc nào, một khi biết được bèn nghĩ ra trăm phương nghìn kế chiêu nạp họ, để giúp sức cho mình, như là đối với Quách Ý Thành chính là như vậy.

Quách Ý Thành, tự là Côn Đảo, danh nho vùng Tương Trung. Vì vô cùng có văn tài, nên thời Hàm Phong, Đồng Trị, Trung hưng chư lão không ai không kết giao với y, ai cũng đều

muốn đón vời y đến dưới trướng của mình. Nhưng Quách Ý Thành rất yêu vợ của mình, ngày ngày không rời xa, nên luôn ra sức từ chối.

Tăng Quốc Phiên cũng rất yêu thích tài năng của Quách Ý Thành. Vì muốn để y dốc sức trung quân báo quốc, Tăng gửi thư trêu Quách: trong thư nói: “tri công quân lộc chi tính, bất kham thúc phược, thỉnh khuất tôn tạm lâm, phụng thương nhất thiết, tịnh giai thiên quyển đồng hành, đương thúc nhân tảo tháp dĩ sĩ”. (Ta biết tính tình của người, không chịu trời buộc, mời ông tạm thời đến đây, ta sẽ phong thưởng tất cả. Và có thể dẫn theo vợ cùng tôi, để sửa soạn dọn dẹp giường chiếu). Quách Ý Thành vì sự tín phục với Tăng Quốc Phiên, nên sau khi nhận được thư lập tức đến ngay doanh trại Tương Quân gặp Tăng Quốc Phiên. Nhưng không mang theo vợ đi cùng. Vì thế Tăng Quốc Phiên lại lệnh cho ý tức tốc quay về, và viết thư nói: “yến nhận hữu đãi phi chi hậu, uyên ương vô độc túc chi thời, thử diệc sự chi khả hành giả dã” (mặc dù chim yến chim nhận có thể truyền thư nhưng vẫn cần thời gian chờ đợi, mà uyên ương đều thành đôi thành cặp, sao có thể chia cắt, ông hãy mau chóng về nhà với vợ đi) Quách Ý Thành nhận được thư, cười xòa. Nhưng chấp nhận lời mời của Tăng Quốc Phiên, quyết tâm ra làm việc.

Nghe nói, Quách Ý Thành dưới trướng của Tăng Quốc Phiên làm việc rất tốt, trở thành trợ thủ đắc lực của Tăng Quốc Phiên, không ít tấu chương thư hàm đều từ tay Quách Ý Thành mà ra. Tăng cũng rất quan tâm y, hoặc cho phép y nghỉ phép trở về nhà, hoặc lệnh cho y đón phu nhân tới, không ảnh hưởng tới cuộc sống vợ chồng của y. Năm 1858, Quách Ý Thành có một quãng thời gian xin nghỉ ở nhà, do vẫn chưa kịp thời quay lại doanh trại, Tăng Quốc Phiên từng

mấy lần gửi thư thúc dục y tức tốc quay lại. Ngày 4/6/1858, trong *Trí Trưng đệ tín*, Tăng Quốc Phiên nói: “công văn giấy tờ tư hàm, Ý Thành đều có thể xử lí được”, đủ để thấy sự tín nhiệm của Tăng Quốc Phiên với Quách Ý Thành.

Tăng Quốc Phiên chính là như vậy, từng giây từng phút không quên cầu nhân tới giúp mình. Chỉ có từng giây từng phút không quên, mới có thể nắm bắt thời cơ, giữ người có tài, thu hút những người mà người khác không chiêu nạp được về bên mình, để phò tá sự nghiệp phát triển huy hoàng.

2. Đạo dùng người: võ nhân cho tiền, văn nhân cho danh

Tăng Quốc Phiên cả đời không thích tiền bạc, vì vậy trong việc dụng nhân tuyển tướng, ông phản đối lựa chọn dùng những người vì danh lợi mà đến. Trong bốn tiêu chuẩn chọn tướng của ông, điều thứ ba là tất cả các tướng lĩnh được lựa chọn không được cần thiết danh lợi, ông nói: người đến vì danh lợi, để bạt muện một chút thì vô cùng oán hận, gặp phải chuyện không như ý thì oán khí lên tận trời; họ tranh bổng lộc với đồng liêu, tranh từng chút xíu với binh sỹ. Bụng nhỏ ruột gà, không làm được đại sự. Vì vậy với người cầm binh mà nói, không ham thích danh lợi, là nghĩa vụ quan trọng thứ ba.

Nhưng trong việc dụng binh, Tăng Quốc Phiên lại chủ trương dùng “lợi” để có được lòng quân, dùng phong thưởng hậu hĩnh để có được sự dũng cảm của binh tướng. Do vậy ông không tiếc tinh lực, tìm mọi cách cố gắng, kiên trì thực hiện phương thức thống lĩnh quân đội là dùng bổng lộc hậu hĩnh nuôi quân, để đạt được sức mạnh quân sự dũng mãnh vô song, đây là một nguyên nhân quan trọng khiến ông thành công giành thắng lợi trên quân sự.

Tǎng Quốc Phiên cho rằng một nguyên nhân chủ yếu khiến cho lực doanh binh phủ bại vô năng chính là ở chỗ bổng lộc cho binh quá thấp. Lực doanh bộ binh mỗi tháng tiền lương là một lượng 5 tiền, tiền lương mỗi tháng của thủ binh ở lực doanh là một lượng, tiền lương mỗi tháng của mã binh là hai lượng. Tình hình này nếu ở thời kì đầu của nhà Thanh, cố gắng lắm thì cũng có thể duy trì cuộc sống, nhưng từ sau thời Đạo Quang, giá gạo lên cao, lương tháng của binh lính lực doanh đã không đủ để duy trì cho nhu cầu ăn uống của một nhà năm miệng ăn nữa, thêm vào đó tiền lương mỗi tháng của binh sỹ lực doanh ngày càng bèo bọt, thì càng không thể dựa vào tiền lương binh mà duy trì cuộc sống. *Đạo Hàm Hoạn Hải kiến văn lục* có ghi chép, binh lực doanh “phí công trong doanh, mấy năm gần đây ngày càng thiếu, các loại chi phí khác ‘không có cái nào không phân bổ từ tiền lương của binh sỹ, chỉ để cho mỗi binh sỹ mỗi tháng lĩnh 3 đồng lẻ, không đủ tiền ăn cho một người, nên binh sỹ phải đi ra ngoài kiếm sống, cũng là chuyện hết sức tự nhiên’ ”. Do đó, binh sỹ lực doanh không thể không xuất doanh tìm kiếm sinh kế, coi nhẹ việc huấn luyện trong doanh trại, cuối cùng dẫn đến lực chiến đấu xuống thấp. Quan quân lực doanh vì để tập hợp tài sản, cũng thường xuyên cắt xén tiền lương của quân sỹ hoặc mạo nhận lĩnh tiền lương của quân sỹ, dẫn đến lòng quân không ổn định.

Tǎng Quốc Phiên lúc mới bắt đầu lập quân liên quy định lương thực theo đầu người, diễn tập mỗi ngày cho một tiền; xuất chinh diệt trừ “thổ phi” của tỉnh, mỗi ngày một tiền bốn xu; chinh chiến tiêu diệt “Việt phi” (ở đây chỉ những người tham gia vào cuộc khởi nghĩa Thái bình thiên quốc) ngoài tỉnh, mỗi ngày một tiền 5 xu. Đội trưởng và tiêu trưởng tăng thêm theo cấp bậc. Tiền dưỡng thương, thượng đẳng 30, trung đẳng

20, hạ đẳng 10 lượng. Tiền bồi thường cho binh sỹ tử trận là 60 lượng. Xuất chinh “thổ phí” giảm một nửa, tăng thêm gấp đôi so với tiền lương của lực doanh.

Tiền lương của quân sỹ Tương quân tương đối hậu hĩnh, Tiền lương tháng của binh tốt Tương quân gần như bằng 4 lần hoặc hơn 4 lần so với tiền lương tháng của binh sỹ lực doanh. Thống kê tất cả các khoản thu nhập, doanh quan mỗi tháng 200 lượng, phân thống, thống lĩnh dẫn quân trên 3000 người, mỗi tháng 390 lượng, trên 5000 người 520 lượng, trên 10 nghìn người 650 lượng. Ngay cả bản thân Tăng Quốc Phiên cũng không thể không thừa nhận “chế độ lương vốn quá hậu hĩnh”. Vương Khải Vận trong *Tương quân chí* chỉ ra: “nếu thống lĩnh 500 người, thì một năm ba nghìn, thống lĩnh một vạn người, thì một năm sáu mươi vạn tiền, vẫn là liêm tướng” trong sổ tướng lĩnh Tương quân, ngoài Đa Long A “thống lĩnh vạn người, mà thân không áo da quý báu, nhà không có phòng, con không quần áo giày dép” thì ai ai cũng đều của cải sung túc.

Tăng Quốc Phiên thông qua nguyên tắc tiền lương hậu hĩnh nuôi binh, thu được một vài thành công. Tiền lương của binh sỹ Tương quân, ngoài cuộc sống cá nhân, còn có thể chu cấp cho gia đình, do đó có thể yên tâm thao luyện, nâng cao sức chiến đấu, vừa thay đổi tệ nạn các binh sỹ trong lực doanh do tiêu chuẩn lương thực không đủ, mà thường xuyên ra ngoài làm việc, lơ là luyện tập, đồng thời, Tăng Quốc Phiên cũng hi vọng, thông qua việc cho các tướng lĩnh thu nhập hậu hĩnh, sẽ giảm bớt được hiện tượng cắt xén tiền lương tháng của các binh sỹ, để đạt được mục đích “dưỡng liêm”. Trong tấu sớ, Tăng Quốc Phiên đã trình bày về suy nghĩ này, “thần sơ định tương doanh hưởng hạng, sảo kì ưu dụ, nguyên kí nguyệt hữu

doanh dư, dĩ dưỡng tướng lĩnh chi liêm, nhi tác quân sỹ chi khí” (thần khí mới lập nên doanh trại Tương quân, cũng có chút của cải, vốn mong muốn mỗi tháng có lãi thì dùng để làm phụ cấp thêm cho tướng lĩnh, để làm tăng sỹ khí của quân sỹ).

Tăng Quốc Phiên nuôi binh bằng cách cho họ hưởng tiền lương hậu hĩnh, đương nhiên “những người dẫn độn làm ruộng, ai ai cũng sẵn sàng tòng quân, nghe thấy tin chiêu mộ thì lập tức đến nơi nghe lệnh, không còn hiện tượng lục doanh phải trưng tập điều động những người rời khỏi doanh trại như trước nữa”. Và làm lính - bán mạng - phát tài, trở thành nghề nghiệp thứ hai của những người nông dân nghèo khổ vùng Tương Nam, Tương quân cũng trở thành một đội vũ trang anh dũng thiện chiến.

Còn về văn nhân cho danh, trong trường của Tăng Quốc Phiên còn nuôi một loạt những người đại nho có học vấn, để thỏa mãn tâm thể háo danh của họ.

3. Người trung nghĩa huyết tính là khả dụng nhất

Kết giao với người phải kết giao với những ai tấm lòng thẳng thắn, chân thành, cùng cộng tác làm việc với nhau một cách chân thành, chọn tướng chọn binh đương nhiên cũng phải chọn những người “trung nghĩa huyết tính”, còn về những người đơn giản chất phác, trí lược tài thức đương nhiên cũng không thể thiếu.

Từ tiêu chuẩn chọn tướng mà Tăng Quốc Phiên quy định có thể thấy, chế độ chọn tướng của Tương quân tương đối nghiêm khắc, đại để có thể khái quát thành năm phương diện sau: một là trung nghĩa huyết tính, hai là liêm minh vi dụng, ba là thật thà chất phác, bốn là trí lược tài thức, năm là kiến nhẫn

cần cù.

Tăng Quốc Phiên trong việc chọn tướng, tướng “trung nghĩa huyết tính” được đặt lên hàng đầu. Cái mà chúng ta gọi là “trung nghĩa huyết tính” chính là yêu cầu tướng lĩnh Tương quân thể chết hiểu trung với vương triều Thanh, tự giác bảo vệ trật tự thống trị phong kiến với gốc rễ là tam cương ngũ thường, có ý chí thể chết ngoan cường chống lại đến cùng với khởi nghĩa nông dân. Ông nói: “người hữu dũng, thứ nhất đủ khả năng trị dân, thứ hai không sợ chết, thứ ba không được thêm khát danh lợi, thứ tư chịu đựng khổ cực. Tài trị dân, không ngoài ba chữ công minh cần. Bất công bất minh thì các binh sỹ khác tất không vui vẻ phục tùng; bất cần thì những việc to nhỏ trong doanh trại đều lơ là không làm. Đây chính là nhiệm vụ quan trọng thứ nhất. Không sợ chết lâm trận làm tiên phong, thì dù là binh tốt vẫn có thể hiệu lệnh, là thứ hai. Người mà cơ thể gầy yếu, làm quá sức thì ốm; người mà thiếu hụt tinh thần, dùng lâu ắt tán, là thứ ba. Yêu cầu hoàn thiện, đầy đủ cả bốn kiểu người như trên, mà nếu thiếu một, vạn bất khả đãi dũng, phần lớn có trung nghĩa huyết tính, thì cả bốn kiểu người đó đều có, không có trung nghĩa huyết tính, thì bề ngoài thì giống bốn kiểu người đó, thì đến cuối cùng cũng không thể dựa vào được”. Lựa chọn dùng người “trung nghĩa huyết tính” làm tướng lĩnh, có tác dụng làm tấm gương tốt cho cả quân đội, “lấy tấm gương ra để cầu người như vậy, lấy khí độ của họ để dẫn dắt người khác noi theo, trong số đông được một người thì sẽ cầu được thêm nhiều người”, như vậy có thể khiến cho toàn quân hiển dương trung thành với sự thống trị phong kiến, từ đó có thể khiến cho đội quân mới ra đời này - Tương quân không những có năng lực trấn áp khởi nghĩa nông dân, đồng thời còn có chức năng chính trị “chuyển dời thể phong”.

Tăng Quốc Phiên nhấn mạnh “liêm minh vi dụng”. Đối với hai chữ “liêm”, “minh”, ông nói: “các quan quân binh sỹ quân doanh ta thống lãnh, tạm thời không yêu cầu những cái khác, chỉ suy xét xem có liêm khiết về chuyện tiền bạc hay không, có đáng để bảo lãnh tiền cử hay không, thì bao con mắt nhìn vào, dò xét lẫn nhau, nhiều người bàn tán, chàm chọc lẫn nhau. Duy chỉ có bản thân liêm khiết, công tư rõ ràng các khoản, khiến cho toàn danh nhìn thấy nghe thấy, hành vi trong sạch liêm khiết, thì có thể khiến cho các quan quân binh sỹ phải phục, còn thường có thưởng, lại khoan dung, khiến cho kẻ dưới được thơm lây, thì có thể hô gọi kêu gọi mọi người. Chữ minh, trước tiên là khi lâm trận, nhìn rõ xem ai đó xung phong lâm trận, ai theo sau trợ giúp, ai bị bao vây, ai thấy nguy thì bỏ trốn trước, nhìn rõ từng cái một, kết hợp xem xét đối chiếu với những việc làm hàng ngày, từng bước xem xét tỉ mỉ, lâu dần, có ưu nhược điểm, có phải người hiền năng hay không, nhưng đều có những sách lược lớn kể trên, thì dần dần đến được với chữ minh”.

“Liêm” đối với quân đội mà nói là một vấn đề hết sức nhạy cảm. Hiện tượng tướng soái lỵ doanh cắt xén tiền lương tháng của binh sỹ, mạo danh nhận số tiền còn thiếu để làm giàu cho mình, từ lâu đã là một hành vi phủ bại công khai. Điều này khiến binh sỹ hết sức bất mãn, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức chiến đấu của quân đội. Vậy thì, trong quân đội mới xây dựng của mình, Tăng Quốc Phiên muốn làm được cái mà khác với mọi người, thì bắt buộc phải coi trọng cao độ vấn đề tuyển tướng, bởi vì việc này trực tiếp quan hệ tới sức chiến đấu của Tương quân.

“Minh” là chỉ tướng lĩnh phải thực hiện được thưởng phạt phân minh, không lẫn lộn thị phi. “Người thấy nó gần, ta thấy

nó xa” gọi là cao minh; “người thấy nó thô, ta thấy nó tế”, gọi là tinh minh. Đối với tướng lĩnh thông thường, yêu cầu họ “tinh minh”, còn đối với những tướng lĩnh cấp cao, thì yêu cầu họ bắt buộc phải cao minh, như vậy mới có thể có tầm nhìn xa, có kiến thức trác việt.

Tăng Quốc Phiên nhiều lần nhấn mạnh, tướng lĩnh phải có đầy đủ phẩm chất “liêm”, “minh”, điều này có vai trò rất quan trọng trong việc cải thiện mối quan hệ giữa quan và binh, nâng cao sức chiến đấu

Thứ ba, lựa chọn tướng lĩnh, chuyên chọn những người “đơn giản chất phác”.

Tăng Quốc Phiên có nhận thức rất sâu sắc về tác phong quan liêu nặng nề, đầu cơ trục lợi, làn sóng phủ bại nịnh nọt đón ý người có quyền thế để mưu cầu tư lợi của quan quân lục doanh, ông cảm nhận sâu sắc được những thói quen lâu ngày khó mà sửa đổi. “Quốc gia nuôi hơn 500 nghìn binh sỹ lục doanh, những chi phí bỏ ra trong suốt 200 năm nay không thể tính toán được. Nay xảy ra đại nạn, không một binh sỹ nào có đủ khả năng để đánh trận, đúng là thói quan liêu quá nặng nề, tâm khiêu quá nhiều, suy nghĩ phóng túng”. Tăng Quốc Phiên than thở: cho dù “Nhạc vương phục sinh, cũng chỉ có thể đổi gân cốt của những binh sỹ yếu đuối; Khổng Tử phục sinh, cũng khó mà thay đổi nhanh chóng được thói quen xấu của doanh ngũ”. Để giải quyết được tận gốc vấn đề, Tăng Quốc Phiên quy định, một mặt Tương quân không dùng những binh sỹ hoặc thủ bị của lục doanh để làm thượng quan đã lâu làm thượng quan. Mặt khác ông nhấn mạnh, tuyển chọn tướng lĩnh phải chú trọng đến “thuần phác”. Cái gọi là “thuần phác” là chỉ làm việc thực chất, chắc chắn, không có

thối quan liêu, không khoe khoang khoác lác, giả tạo. Tăng Quốc Phiên thông qua việc tuyển chọn người tài, ủy thác trọng trách lớn cho một lượng lớn những người “thuần phác”, điều này rất có ích cho việc nâng cao sức chiến đấu và tính bền bỉ của Tương quân.

Thứ tư, “trí lược tài thức” lại là một tiêu chuẩn chọn tướng nữa của Tăng Quốc Phiên. Tăng Quốc Phiên cho rằng: “phần lớn lựa chọn tướng tài, bắt buộc phải cầu người có trí lược sâu xa”. Tuyệt đối không được chọn dùng người bình thường kém cỏi. Ông chỉ ra: “người bình thường kém cỏi, cho dù là bạn bè thân thiết gần gũi, nhưng cũng không thích hợp giữ lại lâu dài, chỉ sợ người hiền năng không muốn làm việc cùng họ”. Tăng Quốc Phiên cật lực tuyển chọn đề bạt nhân tài trong sổ thư sinh. Dựa vào trình độ văn hóa, có hiểu biết của họ, cố gắng khắc phục căn bệnh thiếu sự thao lược của tướng lĩnh lục doanh.

Thứ năm, yêu cầu tướng lĩnh Tương quân còn phải có đầy đủ đặc điểm của sự “kiên nhẫn nại lao”.

“Kiên nhẫn” cũng chính là khi đánh trận có thể xung phong lâm trận, tiên phong dẫn binh. Tăng Quốc Phiên mặc dù là một nho sinh, với việc trị quân, mới đầu có rất ít kinh nghiệm quân sự. Nhưng ông cũng rất rõ, hành quân đánh trận càng gian khổ hơn gấp bội lần, chỉ có “lập chí kiên nhẫn không lung lay, mới có thể luyện thành đạo quân mạnh... Bao nhiêu năm chông gai gian khổ, khi thành bại đan xen nhau, tự mình phải bảo vệ duy trì để tranh giành tính mệnh”, ông đề xướng thề quyết chí dũng khí bất di bất dịch trong hoàn cảnh gian khổ, chỉ có như vậy, mới có thể khiến cho Tương quân từ trên xuống dưới đều có quyết tâm ngoan cường đối kháng đến cùng với khởi nghĩa nông dân.

Trong số những tiêu chuẩn chọn tướng, Tăng Quốc Phiên hoàn toàn ngược lại với phương pháp luận tướng, chọn tướng của binh gia Trung Quốc xưa, mà đặt “trung nghĩa huyết tính” tức là sự trung thành với chính quyền phong kiến lên hàng đầu. Do đó, ông không không bị trói buộc bởi khuôn mẫu, không giới hạn xuất thân, ra sức đề bạt thư sinh làm tướng. Trong số những tướng lĩnh của Tương quân, những người xuất thân là thư sinh chiếm đến 58%.

Theo Tăng Quốc Phiên, phần tử tri thức tầng lớp trung tiểu địa chủ, xuất thân hèn mọn, nhỏ bé, họ rất mong muốn được thay đổi địa vị xã hội của mình. Theo quan lệ là phải thông qua phương thức thi cử ra làm quan để đạt được mục đích ấy. Tuy nhiên, tình hình nhà Thanh những năm cuối lại khiến cho họ không còn hi vọng thay đổi địa vị xã hội. Theo thống kê, thời kì cuối nhà Thanh, số lượng thân sỹ trong cả nước có khoảng 1.450.000 người, quan chức chính phủ và các nha môn chỉ có thể dung nạp 150.000 người, những thân sỹ nhân cư ở quê hương ít nhất cũng có hơn 1.300.000 người, hai đối tượng này đã tạo nên tỉ lệ chênh lệch khác xa nhau. Khi trật tự thống trị xã hội chịu sự công kích của khởi nghĩa nông dân, họ đứng lên theo bản năng, với tinh thần vệ đạo của phong kiến chống lại quân khởi nghĩa nông dân, bảo vệ sự thống trị của phong kiến, những người không làm quan thì chỉ có thể dùng ngòi bút để giết giặc, thể hiện tài năng của mình.

Tuyển tướng luyện binh, giải quyết mối quan hệ giữa tướng lĩnh và binh sỹ theo những tiêu chuẩn này, mặc dù chưa chắc có thể đạt được mục đích “lấp tuyệt cái dục vọng đang lan tràn của con người để cứu vãn lại sự căm ghét quân phản loạn của con người”, nhưng đích thực khiến cho Tăng Quốc Phiên có được một hàng ngũ quân đội không phải tầm thường, từ đó khiến cho ông đạt được sự trọng dụng của hoàng đế và sự tin tưởng của tướng sỹ đồng liêu thuộc hạ với ông.

4. Ba loại người không thể tiến cử thăng quan

Người theo Tăng Quốc Phiên đánh trận rất nhiều, đặc biệt là những mộ liêu và thuộc hạ chuyên đưa ra các mưu lược kế sách, đều mong muốn nhận được sự tiến cử của vị “minh chủ” Tăng Quốc Phiên để phát lên. Tăng Quốc Phiên cũng không bàn tới tiến cử với mộ liêu và thuộc hạ, nhưng ông tiến cử người đều có điều kiện, đó chính là phải thực sự làm việc cho ông, không sợ khó khăn vất vả, không yêu cầu điều kiện, nếu không, ông sẽ không đứng ra bảo lãnh tiến cử. Ngoài ra, còn có ba loại người Tăng Quốc Phiên không muốn đứng ra bảo lãnh tiến cử, một là người tài cao đức mỏng danh tiếng không tốt, hai là người tài đức bình bình thăng tiến quá nhanh, ba là người bản thân họ không muốn ra làm quan.

Loại người thứ nhất giống như Chu Đằng Hổ, Kim An Thanh, luôn luôn ra sức bảo lãnh tiến cử, thì lập tức bị luận tội, trong lòng yêu mến hân nhưng thực chất là hại hân. Ví dụ, Chu Đằng Hổ vừa nhận được sự bảo lãnh tiến cử, lập tức liên tiếp bị luận tội, dẫn đến uất ức mà chết, khiến cho Tăng Quốc Phiên vô cùng thương cảm. Trong *Nhật Kí* tháng 9 năm 1862, ông viết: “nhận được thư của Thuyên đệ, biết Chu Sảo Phủ qua đời ở Hồ Luân. Ra sức tiến cử lại bị luận tội, uất ức tới chết. Hủy hoại danh dự lại đủ để giết người, vô cùng đáng thương”. Tăng Quốc Phiên từ đó nhận được bài học, sau đó khi Kim An Thành - người nhiều lần bị phỉ báng thanh danh vô cùng xấu ra sức giúp đỡ dưới trướng của ông, ra sức bác bỏ ý kiến của mọi người, kiên quyết chỉ dùng kế sách của y, không dùng y, và trong thư gửi cho Tăng Quốc Thuyên có giải thích nói: “trong ngoài đều thấy sự căm hận, thị phi đồn thổi vô cơ mà đến” “nay nếu nghe lời y, khinh xuất trọng dụng y,

thì những lời phỉ báng khắc nghiệt lập tức kéo đến, không có lợi cho ta, ngược lại còn làm hại đến đại cục”.

Loại người thứ hai như Uẩn Thế Lâm, Quách Tung Đảo đều được Tăng Quốc Phiên trực tiếp, gián tiếp bảo lãnh, và trong 2 năm liên tiếp thăng 3 cấp, từ đạo viên thăng tiền vượt cấp lên Tuần phủ, do thanh danh không tốt, thăng tiền quá nhanh mà bị lời phỉ báng, đàm tiếu giáng xuống đầu. Tăng Quốc Phiên từ đó cũng nhận được một bài học, đến tháng 10 năm 1865, chính quyền nhà Thanh muốn lệnh cho Lý Tông Hy thay thế nhậm chức tổng đốc tào vận, Đinh Nhật Xương thay thế nhậm chức tuần phủ Giang Tô và khi trưng cầu ý kiến của Tăng Quốc Phiên, Tăng Quốc Phiên lại trực tiếp bày tỏ ý kiến của mình, và đưa ra lý do: cho rằng một năm thăng chức ba lần đã là thời cơ vô cùng quý. Người này liêm khiết chính trực có thừa, tài lược hơi kém chút, những người xung quanh không tránh đồ kị y quá nhanh. Đinh Nhật Xương mặc dù nói biết rõ công việc, nhưng tư cách quá tầm thường, nhìn nhận mọi việc quá dễ dãi. Người Tây gian trá đa đoan, nếu không phải đại thần chiến công lừng lẫy, thì không thể dẹp được âm mưu quỷ quyệt của họ mà phát huy ngạo khí. Người này thật sự khó mà nhận trọng trách này được. Tóm lại là không đồng ý sự sắp xếp này, để ngăn chặn tệ nạn thăng tiền quá nhanh. Kết quả, chính quyền nhà Thanh tiếp thu ý kiến của Tăng Quốc Phiên, bỏ qua kiến nghị này.

Còn về loại người thứ ba, bản thân không muốn ra làm quan hoặc không muốn nhận ân đức của người khác, sau khi được bảo đảm, không cho đó là ơn, ngược lại còn coi thành thù liêu, khiến cho tăng Quốc Phiên rất thương tâm. Mặc dù chưa biết họ tên của hẳn, nhưng lại có thể đoán định chắc chắn có chuyện này. Trong thư ông gửi cho Tăng Quốc Thuyên có nói

đến lúc bảo đảm khó: “gần đây bảo đảm cho người cũng có nhiều chỗ khó xử, có người được bảo đảm cho mà những người xung quanh không coi là gì, còn làm liên lụy đến người, có người được bảo đảm cho mà không cho đó là ân đức, ngược lại còn coi thành thù liêu. Ta từng trải sự đời, mà tiền cứu người hiền năng cũng phải chú ý nhiều, không phải trước đây thì nông hậu mà giờ thì bạc bẽo”. Như vậy có thể nói là nói về những kinh nghiệm, từng trải của Tăng Quốc Phiên.

5. Chuyết dĩ kiến thành, xảo tức vi trá

Tăng Quốc Phiên coi sự thành tâm, giả dối của con người là phẩm cách cơ bản để nhận biết con người, cho rằng chỉ có người thành thật mới có thể qua lại với họ, mới có thể nói đến lòng tín nghĩa và danh dự.

Mục Chương A có ơn trị ngộ với Tăng Quốc Phiên từ khi còn trẻ, sau khi Tăng Quốc Phiên thành danh cũng vô cùng cảm kích Mục Chương A. Cho dù sau khi Mục bị bãi chức, Tăng mỗi lần qua nhà Mục đều không tránh được cảm khái. 20 năm sau, khi Tăng Quốc Phiên nhậm chức tổng đốc Trực Lệ, vào kinh bái kiến hoàng thượng, vẫn đến bái kiến thăm hỏi Mục Chương A. Sau này Tăng đến Thiên Tân xử lý giáo án, sợ mình không còn cơ hội vào kinh, lại viết một bức thư lệnh cho con trai Tăng Kỉ Trạch đến nhà Mục Chương A, hỏi thăm con trai của Mục Chương A là Tát Liêm.

Chính vì vậy, Tăng Quốc Phiên đặc biệt ghét những kẻ xảo trá, khi Tăng Quốc Phiên làm tổng đốc Lương Giang, trong phủ có một cái đình rất cao, dựa vào lan can nhìn ra xa, có thể thấy cảnh tượng trong ngoài phủ. Một hôm, ông đi đi lại lại trong đình, thấy có một người đầu đội hoa linh sáng

chối, cầm thủ bản, làm vẻ khổ sở thỉnh cầu nô bộc. Nô bộc xua tay từ chối, cử chỉ vô cùng ngạo mạn, người kia đành rời đi. Ngày thứ hai lên đỉnh, lại thấy người đó, cảnh tượng giống hết hôm qua. Ngày thứ ba, thấy người đó sờ sờ trong túi, cầm ra một món đồ được gói lại, khom lưng đưa cho người nô bộc đó, người nô bộc ở trên ngựa thay đổi sắc mặt, Tăng Quốc Phiên nhìn đến đây, trong lòng có chút nghi ngờ. Một thời gian sau, tới phòng thiêm áp, người nô bộc cầm thủ bản bước vào, thông báo nói có một vị giám tư mới bổ sung cầu kiến. Tăng Quốc Phiên lập tức cho mời vào, thì ra là người mà ba ngày liên tiếp ông ở trên đỉnh trông thấy y khổ sở cầu xin người nô bộc. Hỏi y đến đây từ khi nào, y trả lời đã 3 ngày. Hỏi tại sao không đến gặp, thì y lại ấp a ấp úng không trả lời. Tăng Quốc Phiên nói với giám tư: “huynh mới đến nhậm chức, lẽ nào không thiếu người nghĩ cách giữ pháp kị sao?” Giám tư trả lời, trong nha môn mặc người đông khó khăn, nhưng nếu ngài có người muốn giới thiệu, cũng không dám không nghe theo lệnh. Tăng Quốc Phiên nói: “Vậy được. Chỉ vì tên nô bộc này quá gian xảo, tuyệt đối không được để hắn đi làm việc gì quan trọng, chỉ để cho hắn một miếng ăn là đủ rồi” giám tư gật đầu thừa vâng. Sau đó liền cho gọi tên nô bộc kia vào, nghiêm túc nói với hắn: “Ở đây đã không còn chỗ cần dùng đến ngươi, bây giờ ta giới thiệu ngươi đến chỗ đại nhân, hi vọng ngươi phục vụ chủ nhân mới tốt, không được bất kính”. Nô bộc bắt đầu dĩ, cong một chân xuống biểu thị tạ ơn. Đợi đến khi lui ra, vô cùng tức giận, cầm hành lý đi đến nơi khác.

Triều Thanh tổ chức khoa thi lựa chọn cất nhắc công sinh, giữ chức quan tri huyện, lấy việc đến tỉnh trước hay sau để quyết định thứ tự bổ khuyết. Sau khi được ban cho chức quan, đi báỉ kiến quan viên phụ trách quản lý cấp phát bằng chứng ban cho chức vị của lại bộ. Một khi lấy được bằng chứng ban

cho chức vị, thì lập tức đến nơi đó nhậm chức. Lúc Tăng Quốc Phiên làm thị lang, có hai môn sinh, đều được nhận chức tri huyện Trục Lệ, đồng thời đi bá kiến Tăng quốc Phiên, Tăng quốc Phiên hỏi họ ngày đến nhậm chức, trong đó có một người tên là Dương Dục Nam, trả lời nói: “đã thuê xong xe, ngay lập tức sẽ đi” một người khác lại nói: “còn phải đợi chuẩn bị hành trang”, Tăng Quốc Phiên nghi ngờ Dương Dục Nam là quan lại gian xảo, rất nhanh lại nghe nói người đến nhậm chức trước lại là vị kia, do đó cảm thán nói: “con người đúng là khó mà nhìn thấu được! Những gì Dương Dục Nam trả lời, chính là sự thể hiện cho sự chân thành của hắn”. Tăng Quốc Phiên sau này nhiều lần viết thư cho đại lại Trục Lệ, tán dương sự hiền lương của Dương Dục Nam. Sau này, Dương Dục Nam lại đến chỗ Tăng Quốc Phiên, Tăng Quốc Phiên bèn hỏi thượng tự của y đối đãi với y như thế nào, Dương Dục Nam trả lời: “thượng quan đối đãi với thuộc lại đều tốt, đối xử với Dương Dục Nam cũng tốt”. Tăng Quốc Phiên cười lớn nói: “Người thành thực quá. Tốt tốt”. Sau này Dương Dục Nam làm đến chức đại danh tri phủ, còn người còn lại kia do gặp chuyện mà bị buộc tội, đúng như những gì Tăng Quốc Phiên nói. Dương Dục Nam thờ ơ với việc làm quan, khi Tăng Quốc Phiên làm tổng đốc Trục Lệ, muốn bổ khuyết y vào vị trí còn thiếu, nhưng y lại từ chối. Tăng Quốc Phiên tặng y một câu đối, viết rằng: “Dĩ hỉ thanh hoa mâu triệu đổ, canh khan nhân nhượng thức hương tì”.

Tăng Quốc Phiên, người coi trọng sự chân thành, phản đối phẩm cách đối đãi con người gian xảo, khiến cho xung quanh ông tập hợp rất nhiều nhân sỹ trung trực liêm chính.

6. Tri nhân chi minh, vi kinh thế tất bị chi tài năng

Biết cái sáng suốt, tài giỏi của người khác, thì giữa hai người mới có thể tâm lĩnh thần hội, làm việc mới được thông thuận. Tăng Quốc Phiên mặc dù không thể hiểu hết tất cả các bộ hạ của mình như đầu ngón tay, nhưng đối với việc làm của một số tướng lĩnh quan trọng thì lại “tâm tư đôi bên đều có thể hiểu rõ”.

Thủ hạ của Tăng Quốc Phiên có một vị mãng tướng tên là Bào Siêu, tự là Xuân Đình, do gia cảnh quá nghèo khổ mà phải gán vợ, đầu quân vào Tương quân, nhận được sự trọng dụng của Tăng Quốc Phiên, từ một người gánh nước tòng quân, lập nhiều chiến công, được thăng làm đề đốc Triết Giang, lúc này mới chuộc lại vợ.

Bào Siêu mặc dù không biết chữ, chỉ nhận ra được mỗi hai chữ trong họ tên của mình, nhưng dũng mãnh không sợ gì cả, giỏi chỉ huy tác chiến, nên rất được Tăng Quốc Phiên yêu mến. Có một lần, Bào Siêu do thể quân ít nên bị quân Thái Bình bao vây ở Cửu Giang, sai người đến đại doanh Kỳ Môn, xin Tăng Quốc Phiên giải cứu. Gọi văn thư viết thư, lúc lâu không thấy đưa đến, Bào nóng lòng, đợi đến mức không chịu được nữa, bèn tự mình đến thúc giục. Chỉ thấy văn thư đang cầm bút suy nghĩ, Bào thúc giục nói: “Bây giờ là lúc nào rồi mà còn ngồi nghĩ từng từ như thế?” Y lập tức gọi thân binh mang đến một cái bao gai, tự mình nắm chắc cán bút, ở giữa viết một chữ Bào to, xung quanh vẽ vô số vòng tròn nhỏ bao quanh, nhanh chóng đóng thư lại, phất người gửi đi. Người gửi không hiểu ý của bức thư bèn hỏi: “đây là ý gì?” Bào nói: “đại soái tự hiểu, không cần hỏi nhiều!” Người đưa thư đến Kỳ Môn, người trong phủ của Tăng Quốc Phiên cũng không hiểu ý nghĩa của nó, nên đưa cho Tăng Quốc Phiên xem. Tăng

Quốc Phiên cười lớn, nói: “lão Bào lại bị bao vây rồi!” liền vội vàng hạ lệnh cho Đa Long A đi giải cứu, kịp thời giải vòng vây của quân Thái Bình với Bào Siêu.

Chính vì Tăng Quốc Phiên rất hiểu Bào Siêu, nên Bào Siêu vô cùng kính phục Tăng Quốc Phiên. Một hôm, Bào Siêu nhắc bút viết chữ, nghĩ mãi không ra, chỉ viết một chữ Môn, mà nét sổ bên phải chưa có móc, một vị tiên sinh trong phủ gợi ý nói: “chữ Môn bên phải vẫn chưa có một cái móc”, Bào Siêu tức giận, chỉ vào cửa lớn trong phòng, “hai bên đều chẳng phải là đứng thẳng tắp đó sao!” vừa hay trên tường treo một câu đối mà Tăng Quốc Phiên tặng, trong đó có chữ Môn, một vị tiên sinh liền chỉ và nói: “Tăng đại soái viết chữ Môn cũng có móc đó”. Bào Siêu vừa nhìn quả nhiên như vậy, liền cúi xuống đất khấu đầu ba cái nói: “tiên sinh đừng giận ta kẻ vô!” Có thể thấy, Tăng Quốc Phiên ngày thường biết nhìn người, dùng người.

7. Người không thể ức chế, giúp đỡ là thượng sách

Đối với những người có đại tài, đại chí, đừng nên làm hòn đá cản đường, mà hãy giúp đỡ họ tiến lên phía trước, dẫn họ tiến về phía trước. Bởi vì người có đại tài đại chí thì không thể ngăn lại được. Phương pháp đối đãi của Tăng Quốc Phiên với Lý Hồng Chương rất đáng để người đời đi lĩnh hội ý nghĩa sâu xa trong đó.

Tăng Quốc Phiên và Lý Hồng Chương từng có một thời gian có mối quan hệ thầy trò, khi Lý Hồng Chương mang theo hi vọng đầu quân tới chỗ Tăng Quốc Phiên, Tăng Quốc Phiên lại viện cớ việc quân khẩn cấp, không gặp nhau. Lý Hồng Chương cho rằng chỉ là nhất thời bận rộn, trong mấy ngày chắc

chấn có thể triệu kiến, ai biết được nhàn rồi suốt một tháng trời trong nhà trọ, lại không nhận được chút tin tức gì. Y nóng lòng như lửa đốt, Lý Hồng Chương được biết Trần Nãi trong phủ của Tăng Quốc Phiên, là tiến sỹ khoa thi năm Đinh Mùi, Đạo Quang, là “đồng niên” với y, cũng là Thúc Cát Sỹ từng học ở Hàn Lâm Viện, nên cũng coi như là đồng liêu, liền nhờ Trần Nãi đến thăm dò ý đồ của Tăng Quốc Phiên. Ai biết Tăng Quốc Phiên nói lòng vòng, không chịu thể hiện rõ thái độ.

Lý Hồng Chương là môn sinh đặc ý của Tăng Quốc Phiên, sao Tăng Quốc Phiên lại lạnh nhạt như vậy với y chứ? Điều này thực khiến người ta không hiểu nổi. Đến ngay cả Trần Nãi cũng không hiểu vì sao, bèn nói với Tăng Quốc Phiên:

“Thiếu Thuyên và thầy có mối giao tình khăng khít, ngày xưa cùng ở với nhau, thầy rất coi trọng y. Bây giờ, y đồng ý giúp sức cho thầy, được rèn luyện dưới trướng của thầy, tại sao thầy lại từ chối?”

Tăng Quốc Phiên thản nhiên trả lời, nói: “Thiếu Thuyên là hàn lâm, rất giỏi! Tài cao chí lớn. Ta ở đây, cục diện còn chưa mở ra, chỉ sợ con thuyền chiến to lớn này của hần, không phải là cái mà con sông nhỏ ở đây của ta có thể chứa được. Tại sao hần không quay lại kinh sư mà tìm một việc tốt hơn chứ?” Trần Nãi giải thích giúp Lý Hồng Chương: “mấy năm nay, Thiếu Thuyên trải qua nhiều trắc trở, dằn vặt, đã không còn như trước đây tuổi trẻ nữa rồi. Thầy cứ thu nhận hần, để hần thử xem”.

Tăng Quốc Phiên hiểu ý gật đầu. Và như vậy, năm 1858, Lý Hồng Chương vào mộ phủ của Tăng Quốc Phiên.

Thực ra, Tăng Quốc Phiên không phải không tiếp nhận Lý Hồng Chương, mà là thấy Lý Hồng Chương tâm địa cao

ngạo, muốn đánh vào nhuệ khí của y, mài tròn góc nhọn của y. Đây chính là nỗi khổ tâm của một vị đạo gia tiên sinh như Tăng Quốc Phiên bồi dưỡng học sinh. Từ đó về sau, Tăng Quốc Phiên bắt đầu mài giũa góc nhọn của Lý Hồng Chương, để biến y trở nên già dặn thành thục khi xử lý mọi việc trên đời, bước đầu làm ra “công cơ bản” để đứng trên quan trường.

Tăng Quốc Phiên rất coi trọng tu thân dưỡng tính, quy định “thời khóa biểu hàng ngày”, trong đó bao gồm ăn cơm có thời gian cố định, dù là ở trong thời kì chiến tranh cũng không ngoại lệ. Hơn nữa, theo quy định của Tăng Quốc Phiên, mỗi bữa cơm bắt buộc đều phải đợi mọi người đến đủ mới được bắt đầu, thiếu một người cũng không được động đũa. Tăng Quốc Phiên, Lý Hồng Chương, một là người Hồ Nam, một là người An Huy, thói quen rất khác nhau. Tăng Quốc Phiên mỗi ngày khi trời vừa sáng là phải ăn bữa sáng, còn Lý Hồng Chương thì không. Với thói xấu của văn nhân không quen trói buộc, lại thêm vào đó là xuất thân từ gia đình giàu có, rất không thích ứng được với thói quen nghiêm khắc này, một bữa sáng mỗi ngày với y mà nói đúng là một gánh nặng. Một hôm y giả vờ đau đầu, không ra khỏi giường. Tăng Quốc Phiên sai binh sỹ đến mời y đến ăn cơm sáng, y vẫn không chịu dậy. Sau đó, Tăng Quốc Phiên liên tục phái người đến thúc giục, Lý Hồng Chương không ngờ chút chuyện nhỏ này lại khiến Tăng Quốc Phiên giận dữ, bèn vội vàng dậy mặc quần áo, vội vàng đến đại doanh. Y vừa vào chỗ ngồi, Tăng Quốc Phiên bèn hạ lệnh bắt đầu dùng bữa. Lúc ăn cơm, không ai nói một câu gì. Sau bữa cơm, Tăng Quốc Phiên vút đũa đi, quay mặt lên nói với Lý Hồng Chương từng chữ rành rọt:

“Thiếu Thuyên, ngươi đã đến dưới trướng của ta, ta nói cho ngươi một câu: ở đây ta coi trọng chính là chữ “thành””. Nói xong, phẩy tay áo rời đi.

Lý Hồng Chương nào đã nếm trải qua mùi vị bị giáo huấn trách móc trước mặt nhiều người? trong lòng run lên liên tục. Từ đó, Lý Hồng Chương càng cẩn thận hơn trước mặt Tăng Quốc Phiên.

Lý Hồng Chương có văn tài, Tăng Quốc Phiên liền cho y quản lý việc văn thư, sau lại cho y giúp phê duyệt công văn của hạ thủ, soạn thảo tấu chương, thư từ. Lý Hồng Chương giải quyết những việc này đâu ra đấy, vô cùng tử tế. Rất được Tăng Quốc Phiên yêu mến. Mấy tháng sau, Tăng Quốc Phiên lại đổi một bộ mặt khác, ở trước mặt mọi người khen y:

“Thiếu Thuyền thiên tư thông minh, văn tài xuất chúng, làm việc xử lý thư từ, giấy tờ thích hợp nhất, tất cả những bản thảo, công văn đều hơn người khác, tương lai nhất định có thành tích. ‘Thanh sơn xuất lam nhi thắng vu lam’, cũng có thể còn vượt qua cả ta, thích tự mình đi làm”

Vừa xấu vừa tốt, Tăng Quốc Phiên tự có ý đồ của mình. Còn Lý Hồng Chương là học sinh, cũng khâm phục người thầy hơn y đến 12 tuổi này đến mức cúi sụp người xuống đất. Y nói với mọi người: “Trước đây, ta từng đi theo mấy vị đại soái, hồ đồ, không nắm bắt được mấu chốt; nay đi theo Tăng soái, như là đã có kim chỉ nam”.

Lý Hồng Chương trước khi chưa vào trường của Tăng Quốc Phiên, từng đi theo đại thần luyện đoàn quân Lữ Hiên Cơ và tuần phủ An Huy Phúc Tế, hai người này vừa không phải nhân tài chiến loạn, mà lại càng thiếu kinh nghiệm lãnh binh tác chiến, Lý Hồng Chương dẫn binh và xử lý công việc dưới tay họ đương nhiên không học được bản lĩnh gì. Vì thế Tăng Quốc Phiên có thể phát huy vai trò trụ cột độc lập của mình khi khắp nơi đều là muôn vàn khó khăn, chính bởi vì ông có thể dùng phương pháp con cái, đệ tử, binh sỹ để huấn

luyện Tương quân, khiến cho họ trở thành một đội ngũ có thể chinh chiến trận mạc; mà những chiến lược như toàn cục thông cáo, thập đạo phân tiền do ông đề ra đối với phương châm chiến lược triển khai phòng bị, bao vây sào huyệt toàn diện Thái Bình Thiên quốc lại vô cùng chính xác, do đó mới có thể khiến cho ông nắm được sự chủ động trong chiến tranh với Thái Bình Thiên quốc, từng bước tiến tới ép chặt, cuối cùng khiến cho chính quyền Thái Bình Thiên quốc hoàn toàn sụp đổ. Nếu Tăng Quốc Phiên cũng giống như đại soái đốc phủ thông thường cùng lúc đó không thể nhìn xa trông rộng; vậy thì, Tăng Quốc Phiên cũng sẽ giống như Hương Vinh, Hòa Xuân, Thắng Bảo, Phú Tế nhiều lần chẳng thành, Lý Hồng Chương cũng tuyệt đối không thể học được từ Tăng Quốc Phiên nhiều yếu lĩnh đánh trận trác việt như vậy. Sau khi Tăng Quốc Phiên chết, Lý Hồng Chương làm câu đối thương tiếc ông, nói:

Sư sự cận tam thập niên. Tân tận hỏa truyền, trúc thất thiểm vi môn sinh trường;

Uy danh chấn cửu vạn lý, nội an ngoại nhượng, khoáng thể nan phùng thiên hạ tài.

Phần trên của câu đối này, đã cho thấy rõ sự thật về việc Lý Hồng Chương bái sư theo học Tăng Quốc Phiên và học được tài năng quân sự chính trị của ông. Việc Lý Hồng Chương ở dưới trướng của Tăng Quốc Phiên đúng là điểm mấu chốt quan trọng trong sự nghiệp của ông, được phong tướng phong hầu, tất cả đều bắt đầu từ đây. Còn về Tăng Quốc Phiên yêu mến Lý Hồng Chương, ngoài nhân tố do Tăng Quốc Phiên biết Lý Hồng Chương tài khí hơn người ra, câu chuyện dưới đây, cũng là một nguyên nhân quan trọng.

Khi Lý Hồng Chương ở dưới trướng của Tăng Quốc Phiên, từng giúp Tăng Quốc Phiên thảo tấu sớ luận tội tuần phủ An Huy Ông Đồng Thư, rất được Tăng Quốc Phiên tán thưởng. Có lần Tăng Quốc Phiên vì việc Ông Đồng Thư xử lý thất thường việc của phản tướng Miêu Bái Lâm, để đến mức gây nên đại biến, bản thân y lại bỏ thành chạy trốn khi thất thủ ở Định Viễn, không làm tròn chức trách bảo vệ đất đai lãnh thổ của một phong cương đại lại (tương đương với chức bí thư, chủ tịch tỉnh bây giờ), vô cùng giận dữ bất bình, muốn dâng tấu sớ luận tội nhưng lại khó không biết nói thế nào. Ông Đồng Thư là con trai của đại học sỹ tiền nhiệm Ông Tâm Tồn, Ông Tâm Tồn rất được hoàng đế tín nhiệm và sủng ái, môn sinh đệ tử của y ở khắp trong triều, suy nghĩ xem nên nói như thế nào, mới có thể khiến cho hoàng thượng quyết tâm gạt bỏ tình cảm, chấp pháp nghiêm minh, mà các đại thần trong triều lại không thể lợi dụng mối quan hệ giữa hoàng đế và Ông Tâm Tồn để nói đỡ cho Ông Đồng Thư, đúng là rất hao tổn tâm sức. Mới đầu ông sai một mộ liêu soạn thảo, cảm thấy rất không vừa ý, không muốn dùng bản thảo đó, mà tự ông nhắc bút khởi thảo, nói thế nào cũng không thể chắc chắn thỏa đáng. Cuối cùng là do Lý Hồng Chương thay ông viết, cảm thấy không những ý tứ lời văn vô cùng chu đáo, chặt chẽ, trong đó còn có một đoạn vô cùng sâu sắc, đầy tính triết lý, nói:

“Thần chức phân sở tại, lệ ứng cử tham, bất cảm nhân Ông Đồng Thư chi môn đình thịnh, chiêm cổ thiên tự”. (ý nói: đây là chức trách của thần, phải tham tấu sửa chữa theo quy định, liệu hoàng thượng có vì gia tộc nhà Ông Đồng Thư hiển hách, thịnh vượng mà chần chừ do dự không quyết?)

Lập trường của câu nói đó mạnh mẽ dứt khoát, nghiêm túc, không những khiến cho hoàng thượng không thể nể tình

bao che cho, mà cũng đủ để đoạt đi sỹ khí của triều thần bảo vệ nhà họ Ông. Vì thế sau khi Tăng Quốc Phiên xem xong, vô cùng tán thưởng, bèn lấy bản thảo đó để soạn tấu sớ, và Ông Đồng Thư phải phụng chỉ cách chức truy vấn tội danh, xưng quân Tân Cương. Nhận việc bàn việc, bản thảo này của Lý Hồng Chương, đã đạt đến chữ “lạt” (cay) trong văn tự tấu nghị, khiến cho người ta không thể nói gì được nữa. Lý Hồng Chương có tài năng như vậy, đủ để khiến cho Tăng Quốc Phiên coi trọng y.

Về mặt việc quân, Lý Hồng Chương cũng thường xuyên xuất mưu hiến kế cho Tăng Quốc Phiên. Tháng 6 năm 1860, triều đình nhà Thanh lệnh cho Tăng Quốc Phiên làm tổng đốc lương giang, chủ trì việc bao vây sào huyệt của quân Thái Bình. Tăng Quốc Phiên thống lĩnh đại doanh đến cắm đại bản doanh ở Kỳ Môn, An Huy. Kỳ Môn nằm ở phía Nam của Trường Giang, phía Tây Hoàng Sơn, bốn phía là đồi núi bao quanh, hình dạng như đáy nồi. Tăng Quốc Phiên cho rằng chỉ cần chiếm lĩnh điểm cao nhất ở tứ phía, phòng thủ chắc chắn con đường trọng yếu, thì có thể tự mình phòng thủ được rồi. Nhưng Lý Hồng Chương lại cho rằng: “Cắm trại đóng binh ở nơi như thế này, chính là điều kiêng kị của binh gia. Đây chính là “tuyệt địa” được nói đến trong binh pháp. Chi bằng nhanh chóng chuyển đi, lựa chọn địa hình có lợi để dễ tiến dễ lui”.

Xuất phát từ quan điểm quân sự thuần túy, lời nói của Lý Hồng Chương rất có lý. Nhưng Tăng Quốc Phiên không tiếp thu ý kiến của Lý Hồng Chương. Lý Hồng Chương nhiều lần ra sức tranh luận, kiên trì với ý kiến của mình. Cuối cùng Tăng Quốc Phiên tức giận nói: “Các vị nếu như nhát gan, có thể tự mình ai đi đường này!” Lý Hồng Chương thấy Tăng

Quốc Phiên cũng nhắc kiên quyết như vậy, không dám nói thêm gì nữa.

Thực ra, trong quân của Tăng Quốc Phiên lại xảy ra một chuyện khác, chính là chuyện Lý Hồng Chương không đồng ý Tăng Quốc Phiên luận tội Lý Nguyên Độ, khiến cho Lý Hồng Chương tạm thời rời khỏi trường của Tăng Quốc Phiên.

Sự ra đi của Lý Hồng Chương, xét từ góc độ tâm lý, là do sự bộc phát xúc động vì ý chí hoài bão to lớn của y đã lâu không được thể hiện. Y theo đuổi được lưu danh trong sử sách nhà Thanh, y muốn được phong một đạo chư hầu, chứ không phải là núp sau người khác. Y oán trách trong thơ “Hôm qua nằm mơ được phong hầu, hôm nay tỉnh dậy thì đã không phải vậy”, đến nằm mơ cũng muốn chiếm cứ một địa bàn, cảm thấy bất mãn khi phải ở dưới trướng của người khác.

Sự ra đi của Lý Hồng Chương không ngoại trừ nhân tố do công danh lợi lộc thôi thúc, mà việc hành sự thiếu lý chí, chỉ dựa vào cảm xúc nhất thời của bản thân cũng là một nguyên nhân quan trọng. Lý Hồng Chương rời Kỳ Môn, dự định quay trở lại nhà anh trai ở Nam Xương. Giữa đường đến thăm Hồ Lâm Dục, và nói nguyên do rời khỏi Tăng Quốc Phiên. Hồ Lâm Dục biết Lý Hồng Chương có tài bèn nói: “Người nhất định sẽ phát triển, nhưng hi vọng người không rời khỏi Dịch Sinh (Tăng Quốc Phiên), nếu không có Dịch Sinh, thì người sao có thể tiến thân?” Lý Hồng Chương nghe xong, không tin, tức giận nói: “Ta trước đây vốn cho rằng người là bậc hào kiệt, không cần người khác cũng có thể phát triển được, hôm nay mới biết thì ra ta đã nhìn nhầm người rồi”. Lời nói vừa dứt, phẩy tay áo rời đi. Về đến nhà trọ, chỉnh lý sắp xếp hành lý chuẩn bị lên đường. Hồ Lâm Dục phái người đến giữ lại, Lý Hồng Chương lại bộc phát tính nóng, kiên quyết đòi đi. Sau

đó do Hồ Lâm Dục cưỡng ép ở lại, Lý Hồng Chương mới bỏ hành lý xuống. Một lúc sau, hai người lại uống rượu nói chuyện say sưa, chỉ là không nhắc đến chuyện của Tăng Quốc Phiên. Vui vẻ mấy hôm, Lý Hồng Chương mới rời đi.

Sau khi tiễn Lý Hồng Chương, Hồ Lâm Dục lập tức viết thư khuyên Tăng Quốc Phiên: “Lý Hồng Chương trước sau cũng sẽ phát triển, chi bằng dẫn dắt hắn tiến lên, cũng có lợi cho quân đội của ngài”. Tăng Quốc Phiên bình tĩnh suy nghĩ, cho rằng cách nhìn của Hồ Lâm Dục rất có lý, và trong tháng 3, tháng 4 năm 1861 liền viết thư cho Lý Hồng Chương, mời y ra đảm nhiệm công việc có liên quan đến thủ thành Nam Xương, để chống lại quân Thái Bình ở phía Nam, Tây. Lý Hồng Chương cũng chưa cắt đứt quan hệ với Tăng Quốc Phiên, trực tiếp viết thư khuyên giải, thuyết phục hoặc nhờ Hồ Lâm Dục thay y khuyên Tăng Quốc Phiên “sớm di quân”, “tiên Thanh Giang Tây nội địa” Hồ Lâm Dục ủng hộ chủ trương của Lý Hồng Chương, viết thư cho Tăng Quốc Phiên nói: kiến nghị của Lý Hồng Chương “rất thúc thời vụ”, sách lược “nắm bắt địa hình”, đóng quân ở cửa giang của Tả Tông Đường, “nhưng Địch Sinh chưa chắc tiếp nhận. Có thể đóng quân ở Hồ khẩu, Đông Lưu, kết nối sỹ khí ở hai bờ Nam Bắc, thì rất hợp với binh sỹ, hơn nữa hiệu quả lại chắc chắn sẽ lớn”. Y thậm chí còn khéo léo phê bình Tăng Quốc Phiên vì cái nhỏ mà để mất cái lớn, không chú ý đến tổng thể chiến lược. Tăng Quốc Phiên nghe theo lập tức rời quân đến Đông Lưu.

Trong thời gian Lý Hồng Chương lưu lại ở Nam Xương, từng viết thư cho bạn đồng niên Thẩm Bảo Trinh để hỏi thăm tình hình ở Phúc Kiến. Có ý đến Phúc Kiến nhậm chức đạo viên còn để trống. Thẩm Bảo Trinh viết thư lại khuyên ngăn: “Thật xin lỗi, nhưng Phúc Kiến quá nhỏ bé, không dung nạp

được người tài như huynh, nên xin hãy tìm một chức vị khác vậy!” Một vị đồng niên khác là Quách Tung Đảo cũng viết thư cho Lý Hồng Chương, “Bây giờ nhiều người tài quật khởi nổi lên, tất có chỗ dựa, nhưng thử nghĩ thiên hạ rộng lớn, nếu bỏ Tăng Quốc Phiên thì ai có thể để cho dựa vào, đã có ý phò trợ, thì cuối cùng vẫn phải dựa vào ông ta để lập công danh, nên vẫn khuyên huynh hãy quay về chỗ của Tăng Quốc Phiên”. Lý Hồng Chương đọc xong thấy động lòng. Ngày 18 tháng 5 năm 1861, Tăng Quốc Phiên thừa cơ viết thư cho Lý Hồng Chương, lời lẽ tình cảm khẩn thiết mời y quay lại đại doanh phò trợ, thư viết:

Bì nhân (ta: cách xưng hô khiêm tốn) thân nhiệt độc, trong ngoài đều có bệnh, nhiều việc phải gác lại, không dăng tẩu xử lý công việc đã 50 ngày nay. Nếu không chê rượu ngọt, thì xin nhanh chóng đến giúp đỡ ta xử lý công việc.

Tăng Quốc Phiên thúc giục Lý Hồng Chương xuất sơn, muốn đón vờ trợ thủ giúp ông kiến công lập nghiệp. Lý Hồng Chương suy nghĩ, cũng xác định tin tưởng người bây giờ có thể “dựa dẫm” mà “dựa vào lập công danh” chỉ có Tăng Quốc Phiên, do đó vứt bỏ hiềm khích trước đây, mùng 6 tháng 6 quay lại Đông Lưu, đầu quân cho Tăng Quốc Phiên.

Lần thứ hai Lý Hồng Chương vào với tướng của Tăng Quốc Phiên, Tăng Quốc Phiên đối với y “lễ phép với y hơn trước, việc quân quan trọng, đều bàn bạc thương lượng với y” Ngô Nhữ Luân viết trong *Lý Hồng Chương Giang Tô kiến từ sự lược* có nói: “Mộ liêu trước sau của Tăng Quốc Phiên, phần lớn là những bậc danh sỹ nổi tiếng, người có thể tranh luận, bàn bạc thị phi, chỉ có duy nhất Lý Hồng Chương”. Mặc dù không phải tất cả đều đúng sự thật, nhưng phẩm cách “chăm chỉ” của Lý đích thực rất được thầy yêu thích.

Lý Hồng Chương về dưới trướng của Tăng Quốc Phiên đồng nghĩa với việc bước vào một lớp nghiên cứu cao cấp. về mặt quân sự, y được một mình gánh vác luyện tập kị binh, tổ chức xây dựng thủy quân Hoài Dương, được ôn tập lại những chiến thuật bộ binh tự mình học trước đây, nên khi xuất doanh đã tương đối thành thục với việc chỉ huy quân đội lớn gồm ba binh chủng lớn. Năm 1862, quan viên Thượng Hải kinh ngạc phát hiện ra, Lý Hồng Chương tự mình vẽ phác thảo, thay đổi kiểu mẫu chiến thuyền, chiến hạm của thủy quân Thượng Hải, rất chuyên nghiệp. Trước đây Lý Hồng Chương có thể tác chiến khinh suất chứ không thể chiến đấu lâu dài, không giỏi phòng thủ; ở bên cạnh Tăng Quốc Phiên, y học được thuật phòng thủ “đứng tường” xây dựng hàng rào cao, học được cách phòng thủ kiên cố bảo vệ con đường vận chuyển quân lương mà không có hậu họa phía sau. Lý Hồng Chương từng nói: “Ta tưởng rằng Tương quân có chiến thuật gì khác lạ, hôm nay mới biết, không phải khác gì, chẳng qua chỉ là nghe thấy quân Thái Bình thì đến đứng trước tường mà thôi”. Chính là chiến thuật phòng thủ đứng trước bức tường dày chắc kiên cố, khiến cho Hoài quân không bị quân Thái Bình tấn công đánh bại trong trận chiến Hồng Kiều, trận Bắc Tân Kinh quan trọng năm đó.

Lý Hồng Chương ở bên cạnh Tăng Quốc Phiên đã trưởng thành lên, từ chính sự cho đến lập thân xử sự đều có bước tiến lớn. Từ Lý Hồng Chương thường có thể thấy được hình ảnh của Tăng Quốc Phiên: Tăng Quốc Phiên sớm đã sử dụng đạn pháo phương Tây, sau khi Lý Hồng Chương đến Thượng Hải càng thích sử dụng súng, đạn pháo phương Tây; Tăng Quốc Phiên lên ngựa giết địch, xuống ngựa dạy học, trong phủ nuôi tất cả mười vị danh nho “tam thánh thất hiền”, sau khi Lý

Hồng Chương đến Thượng Hải cũng sử dụng cách này, và liên kết với các thương gia có thể lực ở Thượng Hải; Tăng Quốc Phiên xử lý chuyện quân sự chính trị, mặc dù có trưng cầu ý kiến của mộ liêu, song vẫn quyết đoán theo ý kiến của mình, Lý Hồng Chương thì còn hơn Tăng Quốc Phiên, sau khi đến Thượng Hải không để người khác ngang bằng với mình. Lý Hồng Chương vào năm tháng cuối đời của mình cảm ơn những năm tháng dạy dỗ, bồi dưỡng của Tăng Quốc Phiên, y từng kể cho bộ tướng Lưu Thừa Chương về ơn của Tăng quốc Phiên: “Ta đã từng theo nhiều thầy, nhưng không có ai như người giỏi dạy dỗ. Bất kì lúc nào, ở đâu, chuyện gì, người đều có chỉ thị”. Sau khi Lý Hồng Chương thành danh, trong triều dư luận cũng nói ông “quyết đoán, cương nghị, kiên trinh, kế tục Tăng môn” y lại nói: Đệ tử khác phần lớn không muốn tuân theo quy định của sư môn, nhưng “Lý Chương trung thành bảo vệ”. Không nghi ngờ gì nữa, Lý Hồng Chương duy trì hình tượng cẩn thận bảo vệ những gì thầy truyền dạy cho mình là có lợi nhất với bản thân y; còn Tăng Quốc Phiên tận tâm với Lý Hồng Chương cũng có thâm ý bảo vệ bản thân sáng suốt triết lý của ông.

8. Người mà khát vọng được thể hiện quá mạnh mẽ, không thể dùng lâu

Mọi người qua lại với nhau, nếu một người luôn luôn cho mình là trên hết, coi bản thân mình là trung tâm, khắp nơi tranh giành tài giỏi hơn, mạnh hơn, lẫn át tài năng của người khác, không cho người khác cơ hội để thể hiện tài năng của họ, vậy thì người khác rất nhanh thôi sẽ có phản cảm với họ, kết quả hợp tác cùng làm việc với nhau sau này có thể tương tượng ra.

Trong *Chu Dịch* - hệ từ hạ có nói: “cát nhân chi từ quả, táo nhân chi từ đa”, ý nói, người mà tu dưỡng tư tưởng tốt, lời nói ngắn gọn dễ hiểu, không phát biểu nghị luận lung tung; còn người tính tình nông nổi, thao thao bất tuyệt, nhưng lời nói lại chẳng có ý nghĩa gì.

Lúc một người sống một mình, nói không nhiều; lúc ở cùng người thân, nói cũng rất ít. Nhưng khi ở cùng với bạn bè, lại nói rất nhiều, nếu lúc vừa hay cũng có bạn khác giới ở cùng, thì càng nói nhiều hơn, đúng là khác người, nói liên tục những lời hay thú vị, lời nói không khiến người khác kinh ngạc thì chết cũng không chịu dừng, nói đến chỗ nào đặc ý, thì càng khua chân múa tay.

Tất cả những điều này đều là do con người có khát vọng được thể hiện, hoặc thể hiện một loại khí chất, hoặc biểu hiện một loại tài tình, hoặc biểu hiện một kiểu phong độ, hoặc biểu hiện trí tuệ, tóm lại là muốn thể hiện sự ưu việt, để che lấp đi sự tự ti; người muốn thể hiện sở trường của mình ở một phương diện nào đó, nhất định có nhược điểm về mặt nào đó.

Người ăn nói khoác lác, vốn là muốn thể hiện ưu điểm của mình, nhưng khi anh ta thể hiện ưu điểm của mình lại bộc lộ ra yếu điểm của chính bản thân anh ta; anh ta chỉ biết thú vui bàn luận, lại không biết thú vui của trầm lặng; chỉ biết thú vui biểu diễn, mà lại không biết thú vui của việc quan sát thưởng thức.

Làm người cần phải loại bỏ khát vọng được thể hiện quá lớn, đây là một trong bốn điều cấm kị trong xử thế mà Tăng Quốc Phiên nói đến, điều thứ nhất đã nói đến không thích khoác lác, thể hiện bản thân ở mọi nơi. Ngoài ra, Tăng Quốc Phiên còn nói: Con người chỉ cần hơi có chút tài năng, thì muốn thể hiện ra, để cho thấy sự khác biệt với người khác.

Người tranh cường hiếu thắng như vậy, người theo đuổi danh vọng càng là như vậy. Cùng là binh sỹ, lại muốn phải vươn lên so với những người giống mình. Cùng là lính nhỏ mà lại muốn vươn lên đứng đầu trong quân đội. Cùng là tướng quân, lại muốn cao hơn những vị tướng quân khác một cái đầu. Cùng là chủ soái, cũng vẫn muốn phải cao minh hơn chủ soái khác. Cho dù tài năng có sự thâm sâu, nông cạn, lớn, nhỏ khác nhau, nhưng điểm chung của họ là không biết đủ, không biết an phận. Có thể phá vỡ cái thói quen thể tục này, thì có thể cùng ông bàn luận đạo dụng binh.

Do đó, Tăng Quốc Phiên không chỉ thường tự mình kiểm tra ngôn hành của bản thân liệu có phải khát vọng thể hiện quá mạnh mẽ, mà ông còn kịp thời giáo dục, giác ngộ những thuộc hạ của ông cũng có khuynh hướng này.

Khi Tăng Quốc Phiên nhậm chức tổng đốc Lương Giang lần thứ hai, Lý Hồng Duệ đến dưới trướng của ông, tuổi trẻ hào phóng phong lưu, không chịu gò bó. Tăng Quốc Phiên rất yêu quý y, đối đãi với y như con trai của mình. Mật thất của Tăng Quốc Phiên chỉ có Lý Hồng Duệ là có thể tùy ý ra vào. Lúc bấy giờ, trong sổ mộ liêu của Tăng Quốc Phiên có tam thánh thất hiền, đều là những nhà Tống học nổi tiếng một thời. Tăng Quốc Phiên kinh ngạc danh tiếng của họ, đều chiêu nạp họ về với mình. Nhưng chỉ là sắp xếp cho họ về ăn ở đi lại, chứ không giao việc hay chức vị gì cho họ làm. Một hôm, đúng lúc Tăng Quốc Phiên đang ngồi nói chuyện với Lý Hồng Duệ trong phòng thì có khách đến. Tăng Quốc Phiên ra ngoài đón khách, để lại một mình Lý Hồng Duệ trong phòng, y lật xem cuốn sách trên bàn trà, nhìn thấy một bài thơ *Bất động tâm thuyết*, là do một vị nho gia viết. Vị nho gia này chính là một trong mười vị thánh hiền mà mọi người vẫn nói đến. Sau

bài thơ có viết một đoạn như thế này: “Đặt ta ở bên cạnh người đẹp, hỏi ta có động lòng háo sắc hay không? Trả lời không động. Lại đặt ta bên quan cao lộc hậu, hỏi ta có động lòng với tước vị cao sang, bổng lộc hậu hĩnh hay không? Trả lời không động” Lý Hồng Duệ xem đến đây, cầm bút lên viết lên trên: “Bên cạnh người đẹp, cạnh quan cao lộc hậu, có lòng nào mà không động, chỉ có trung đường thôi” nói rồi, vứt bút xuống đi ra. Tăng Quốc Phiên tiễn khách ra về, quay trở lại phòng, thấy dòng chữ trên đó, thở dài nói: “Nhất định là tên tiểu tử này làm” bèn sai người đi gọi Lý Hồng Duệ, lúc này Lý Hồng Duệ đã không còn trong phủ, rất có thể đã đến thượng nguồn sông Hoài chơi rồi. Tăng Quốc Phiên lệnh cho tài quan mang theo lệnh tiễn đi tìm khắp nơi, nghĩ chắc chắn sẽ tìm thấy, quả nhiên tìm thấy y trong một con thuyền, đưa về. Tăng Quốc Phiên chỉ vào những gì y viết hỏi: “là do ngươi làm đúng không?” Lý đáp: “vâng”. Tăng nói: “những người này đều là những kẻ lừa gạt người đời, lấy cấp thanh danh, ngôn hành nhất định không thể thẳng thắn trước sau như một, ta cũng biết điều này. Tuy nhiên sở dĩ họ có thể có được nhiều tài sản, chính là vì dựa vào cái hư danh này. Bây giờ ngươi nhất định muốn bóc trần họ, khiến cho hấn mất đi nguồn ăn mặc, vậy thù hận của hấn với ngươi lẽ nào là thù hận lời nói bình thường có thể mang ra so sánh sao, đại họa sát thân diệt tộc, ẩn nấp ở đây”. Lý Hồng Chương rất kính sợ tiếp nhận giáo huấn, từ đó về sau thu mình lại, không còn dám nói lớn làm bừa nữa.

9. Đạo làm người có tứ tri

Trung Quốc là một quốc gia coi trọng lễ, tín, nghĩa, nho gia coi “tu thân” là bước thứ nhất trong trị bình thiên hạ, cho

rằng việc làm người, phẩm tính của một người như thế nào sẽ có ảnh hưởng quan trọng tới sự nghiệp của họ, từ một góc độ nào đó, đóng vai trò quyết định. Do đó, đạo làm người chính là hạt nhân của triết học xử thế.

Về phương diện này, Tăng Quốc Phiên thông qua kiểm tra chính bản thân mình đã rút ra được một bộ các phương pháp, ông gọi là “tứ tri”. Trong nhiều trường hợp, ông đều nhấn mạnh “tứ tri” này. Trong Gia Thư ông nói: đạo làm người có tứ tri, thiên đạo có tam ác. Tam ác (là có điều cấm kị ở ba phương diện) là chỉ thiên đạo cấm kị giả tạo, cấm kị tri túc trường lạc, kiêu ngạo tự mãn, cấm kị có hai lòng với mọi người. Hai lòng ở đây là đa nghi, không trung thành, không kiên nhẫn. Tứ tri bao gồm tri mệnh, tri lễ, tri ngôn ở chương cuối của *Luận Ngữ* và Tăng Quốc Phiên lại thêm vào một điều là “tri nhân”. Ông giải thích rằng: ý nghĩa của nhân là khoan dung tha thứ; “bản thân phải tự lập tới mức để khiến cho người khác cũng phải tự lập; bản thân muốn hiển quý cũng khiến cho người khác có thể hiển quý”. Nộ cũng là một nguyên tắc. Những cái lập nên là những cái mà bản thân hoàn toàn có năng lực có thể lập; thông đạt, tứ thông bát đạt, không có trở ngại, bất luận là những người ở xung quanh, hay những người ở xa đều có thể tin phục bạn, trong lòng đều quy phục bạn. *Thi kinh* nói: “Từ tây từ đông, từ nam từ bắc, không ai không phục” (người ở tứ phương, không có ai không muốn quy phục). *Lễ ký* nói: “Mở rộng nó, đặt nó ở đâu cũng đều thích hợp” đây chính là đạt. Ta dự định tất cả đều dựa vào bản thân để làm những chuyện của bản thân, vậy thì không thể khiến cho người khác không thể lập sự nghiệp; ta có thể khắp nơi không có trở ngại, không thể khiến cho người khác một bước cũng không đi nổi. Đây chính là nguyên tắc khiến con người ta tự lập, khiến người ta hiển đạt. Khổng Tử nói: “Cái gì

bản thân không muốn làm, thì cũng không nên ép buộc người khác làm”. Mạnh Tử nói: “Lấy ưu điểm của người khác để dạy họ hướng thiện” đây đều mang ý khoan dung tha thứ, cũng chính là nhân. Biết và hiểu tầng nghĩa này, thì có thể có kiến thức rộng, có sự độ lượng lớn, nếu không sẽ không hay biết gì, kiến thức nông cạn. Vì thế, trên cơ sở của ba phương diện đó, ta thêm vào nguyên tắc “tri nhân”.

Tăng Quốc Phiên còn đưa “tam tự quyết” vào làm một số yếu tố cụ thể trong làm người và thực hiện nó. Ông từng nói: sai sót mấy ngày gần đây, do dây đàn quá căng, không có ý nơi lỏng. Sau này làm người, cần đạt được một chữ “tùng” (nơi lỏng, lỏng) làm bí quyết. Đêm nay, giấc ngủ rất thoải mái, cũng phần nào cảm nhận được vị của chữ “tùng”. Liên tiếp mấy ngày trở lại đây, mỗi khi ta nghĩ đến đạo tu thân, có thể bỏ công sức cho mười chữ “tam”, vẫn chưa mất đi sự tiến bộ lúc về già. Mười chữ “tam” là: tam kinh, tam sử, tam tử, tam tập, tam thực, tam kị, tam bạc, tam tri, tam lạc, tam quả. Mười chữ “tam” này, khi ta ở kinh sư, từng viết thành bức hoành treo ở trong phòng. Ở Giang Nam, từng khắc thành con dấu. Tam kị, chính là thiên đạo kị xảo, thiên đạo kị doanh, thiên đạo kị nhị. Tam bạc đức, chỉ vui mừng trước tai họa của người khác là nhất bạc đức; vi phạm đi ngược lại với vận mệnh mà suy đoán nghi ngờ, đổ kị là nhị bạc đức; nghị luận suy đoán hồ đồ, cường hóa trắng đen là tam bạc đức. Tam tri, chỉ “tri mệnh, tri lễ, tri ngôn” được nói đến ở chương cuối của *Luận ngữ*. Tam lạc cũng chính là đọc sách tiếng vừa phát ra thì như âm thanh của kim thạch là nhất lạc; khen thưởng nhân tài, dẫn dắt mọi người ngày ngày tiến lên là nhị lạc; phút nghỉ ngơi sau khi cần cù lao động là tam lạc. Tam quả, chỉ quả ngôn dưỡng khí, quả thị dưỡng thần, quả dục dưỡng tinh. Dùng mười chữ

“tam” này từng giây từng phút tự kiểm điểm, kiểm tra lại mình, lẽ nào không phải ban đầu mặc dù có thất bại, nhưng cuối cùng sẽ thành công sao?

10. Người khinh bạc, tuyệt đối không thể trọng dụng

Con người tối kị khinh bạc nông cạn, không có nội hàm, mấy lần tiếp xúc, liền khiến cho người ta cảm thấy vô cùng thô tục, hoặc khiến cho người khác thấy ghét. Đại khái những người có học thức và tu dưỡng nhất định, đều có thể trầm tĩnh chắc chắn, khiêm nhường thận trọng, thẳng thắn vô tư.

Tăng Quốc Phiên hiểu rất sâu sắc về khinh bạc, ông nói: nói chung con người phẩm đức thiếu sót, yếu kém, có ba chỗ dễ xúc phạm nhất: nghe thấy người khác làm gì xấu xa, thất bại, nghe hào hứng không biết mệt, đổ kị sự nghiệp thành công và thanh danh của người khác, vui mừng vì người khác gặp tai, vui mừng người khác gặp họa, đây là chỗ thứ nhất của bạc đức; con người nghe lệnh của trời, thần nghe lệnh của quân chủ, con nghe lệnh cha, điều này đều có số lượng nhất định, nhưng có một vài người không thể tiếp nhận sự sắp đặt của số mệnh, thân ở vị trí ti tiện, thấp kém nhưng muốn tôn quý, ngày đêm tự mình vạch mưu vạch kế, đặt mình ở chỗ cao minh, cũng giống như một thời vàng, lúc luyện tự cho mình là Mạc Da, là bảo kiếm của Can Tương, đây là chỗ thứ hai của bạc đức; trong lòng ấp ủ sự thanh đục, thị phi của xã hội, nhưng không thể hiện rõ ràng tán thành hay phản đối, đây vốn là dụng ý thâm sâu hao tâm tổn tứ của hiền nhân triết nhân, nếu phải gượng ép phân rõ cái gì là trắng là đen, thì khi gặp chuyện sẽ rất kích động, đây chính là thói quen xấu khinh bạc của văn sỹ, hình thái của xương kinh phong lưu, chúng ta không đi thể nghiệm kiểm tra những người này mà đi bắt chước, động một tí là phân

biệt thiện ác, bình phẩm cao thấp, khiến cho người ưu tú chưa chắc được cổ vũ, còn kẻ yếu kém gần như không có chỗ lập thân, đây chính là chỗ thứ ba của bạc đức. Ta nay đã già rồi, vẫn còn phải phòng tránh ba điểm này.

Do đó Tăng Quốc Phiên rất phản đối những người vui trên tai họa của người khác, cuồng ngạo tự đại, suy đoán thị phi hồ đồ, tự cho mình là nhất, còn bản thân ông là người tự tu nghiêm khắc cẩn thận, phần lớn ông nhìn thấy ưu điểm của người khác. Ông đặc biệt còn là một người giàu lòng thương xót, một vài người có sự nghiệp thanh danh gặp phải tai họa, cho dù đang ở trong những tháng ngày đến tự mình khó giữ, ông cũng tuyệt đối cố gắng quan tâm, động lòng trắc ẩn.

Năm Hàm Phong, Tăng Quốc Phiên đóng quân thủ ở Kỳ Môn, cục diện nguy hiểm không ngừng xảy ra, tích trữ hết sức khó khăn, thiếu thốn, là thời gian gian khổ nhất trong quãng thời gian hành quân của đời ông. Một hôm, đột nhiên nghĩ đến ở An Huy có nhiều đại sư kinh học, gặp phải chiến loạn, cuộc sống khó khăn, lưu lạc khắp nơi, sống chết không biết, ông bèn phái người đi khắp nơi tìm kiếm hỏi thăm tin tức, người còn sống gửi thư, hẹn họ đến doanh trại gặp mặt, người đã chết thì gửi cho gia đình họ trợ cấp, tìm kiếm lưu giữ những bài văn họ để lại. Các vị đại sư như Phương Tông Thành, Đái Quân Hoàn ở thành Tượng Đồng, Dũ Chính Tiếp ở Hấp thành, Trình Hồng Chiếu ở Quý Châu, đều dựa vào sự giúp đỡ này mà vượt qua tình cảnh nguy hiểm.

Còn về điểm thứ hai của khinh bạc, Tăng Quốc Phiên đặc biệt chỉ ra chỗ nguy hại của nó: kiêu ngạo là một loại đức hạnh đáng ghét nhất, phàm là người làm chức quan to, đều sụp đổ bởi chữ này. Người chỉ huy dụng binh, cần phải cảnh giác thói xấu kiêu ngạo và lười biếng. Trong đạo làm người,

cũng là hai chữ kiêu, lười này làm hỏng nhiều việc nhất.

Còn về điểm thứ ba là phán đoán hồ đồ thị phi, ông từng khuyên những người có liên quan: “Các hạ năm xưa yếu điểm ở chỗ lời lẽ sắc bén, kết luận vội vàng, hướng mũi nhọn đến khắp nơi, dẫn đến phỉ báng oán hận. Nay quan vị danh vọng ngày càng cao, phải tôn kính người hiền, tấm lòng rộng mở, giữ lại ưu điểm, vứt bỏ cái xấu, ở công đường thì phát huy cái thiện, ở nhà thì khuyên nhủ sửa chữa cái sai, gần như tắt cả mọi người đều phục sự anh minh, sáng suốt của họ và thấy họ khoan dung” cũng chính là nói, ông chủ trương tình minh bất buộc phải kết hợp với khoan dung, hơn nữa còn phải đặt coi trọng người khác lên làm tiền đề. Làm người, làm quan, trị thể, làm chính trị loại bỏ ba điểm này, chắc chắn sẽ thu được lợi.

11. Khéo dùng sự uy nghiêm của người, để trở thành chỗ dựa chắc chắn cho mình

Thường nói, đá của núi có thể công ngọc. Tăng Quốc Phiên xử sự, đích thực cũng mượn uy của người khác để trở thành chỗ dựa vững chắc cho mình.

Hoàng đế nhà Thanh luôn cảnh giác với người Hán, sau khi Hồ Lâm Dục là người lãnh đạo chủ yếu của Tương quân nhậm chức tuần phủ Hồ Bắc, triều đình nhà Thanh liền lệnh cho Quan Văn người Hán làm tổng đốc Hồ Quảng, giám sát chặt chẽ y. Quan, Hồ là hai người có gia thế, kinh nghiệm, tài lược, nhân phẩm rất khác nhau; lại trong lúc đặc biệt, phân cho họ làm tổng đốc, tuần phủ, cùng ở một thành, cùng làm một việc, hơn nữa những việc họ làm, phần lớn là những việc công vẫn làm bình thường, hoặc những công việc bọn bề có thể tuân theo, hoặc không bọn bề nhưng lại không thể tuân theo. Như vậy, thế lực hai bên tất xảy ra mâu thuẫn xung đột,

thậm chí là hủy hoại quan hệ giữa họ. Điều này bình thường phần lớn đều là ân oán giữa quan liêu với nhau, nhưng lúc này, lại đồng nghĩa với việc là vấn đề Tương quân có chấp nhận giám sát đốc thúc, phương châm khống chế sử dụng Tương quân của triều đình nhà Thanh có quán triệt. Nếu hai người bất hòa, toàn bộ Hồ Bắc sẽ rơi vào tay Quan Văn, Hồ Nam cũng sẽ chịu sự khống chế của Quan Văn. Như vậy Lương Hồ khó có thể trở thành địa bàn và hậu phương chiến lược của Tương quân, sự phát triển từng bước lớn mạnh của Tương quân cũng sẽ trở thành vô nghĩa; hơn nữa lực lượng hiện có của Tương quân sẽ chịu tổn hại, rồi sẽ nguy hiểm tới sự an toàn của Lương Hồ.

Trước tình hình hết sức quan trọng, Tăng Quốc Phiên gửi thư cho Hồ Lâm Dục, bảo Hồ Lâm Dục “nể mặt” Quan Văn, nếu không phải việc gì quan trọng cấp bách, nhất định phải thuận theo, mượn danh uy nghiêm của hãn, thì mới có thể thực hiện chí lớn của mình. Trước tình hình trên ép dưới khuyên, cuối cùng Hồ Lâm Dục cũng hiểu được vị trí của Quan Văn không thể bị lung lay, cách duy nhất là đặt quan hệ tốt với Quan Văn, từ đó y thay đổi tác phong, nhằm vào đặc điểm của Quan Văn, thực hiện quyền mưu, cố gắng vừa tôn trọng hai tầng quyền thế khâm sai đại thần và tổng đốc của Quan Văn, lại không trói buộc bản thân mình. Cách làm của y có ba điểm dưới đây:

Đầu tiên, cắt lực xây dựng mối quan hệ thân thiết giữa cá nhân với Quan Văn. Về mặt này, trong Thanh Nhân có ghi chép lại rất nhiều. Hồ Lâm Dục bảo mẫu thân nhận sủng thiếp của Quan Văn làm nghĩa nữ, khiến cho nội quyền hai nhà qua lại thân thiết; bản thân y cũng thường xuyên báỉ kiến, thăm hỏi mẫu thân của Quan Văn; y bình thường vẫn thư từ qua lại với

Quan Văn, bỏ đi lễ nghi quan trường, trực tiếp xưng là “lão huynh”, “trung đường lão huynh”. Có ghi chép còn nói Hồ Lâm Dục và Quan Văn kết nghĩa huynh đệ. Tiếp theo, trong việc công, thì “chuyên yêu cầu thiết thực từ bên trong, chứ không lẫn át người”, vừa nắm thực quyền, kiên trì theo ý kiến của mình ra sức xử lý việc quân sự chính trị, và mỗi lần đạt được danh vọng, được phong thưởng, như chuyện “thu thành khắc địch” thì lại dồn đẩy công lao cho Quan Văn. Trong tấu chương cật lực tán tụng khen ngợi Quan Văn “khoan nhân bác đại”, “nhân hậu công trung”, “người có thể mở lòng chân thành, phát huy công đạo, duy chỉ có trung đường là duy nhất”. Tiếp nữa, với việc tham ô của Quan Văn không chỉ thấy mà không hỏi, mà mỗi tháng còn lấy 3000 tiền thuế muối, làm công phí cho phủ tổng đốc. Số tiền này thực ra là vào túi tiền riêng của Quan Văn.

Từ mùa xuân năm 1857 đến năm Hồ Lâm Dục bị bệnh qua đời, giữa hai người họ mặc dù có mâu thuẫn, nhưng Hồ Lâm Dục vẫn kiên quyết sử dụng phương châm bên ngoài thả lỏng, bên trong cứng rắn với Quan Văn, Quan Văn trong lòng đương nhiên hiểu điều này, nhưng vẫn hưởng ứng tích cực. Nghe nói mẫu thân của Hồ Lâm Dục đến Vũ Xương, Quan Văn đích thân dẫn theo quan văn quan võ đến bờ sông nghênh đón. Thực ra, trước khi Hồ Lâm Dục thay đổi, Quan Văn đã giữ thái độ nhẫn nhịn mà xử lý với một số hành động mạo phạm của Hồ Lâm Dục và Tả Tông Đường. Như năm thứ năm, Quan Văn phái người đến Hồ Nam quyên góp, nhưng kết quả lại bị từ chối, hơn nữa lời nói rất không khách khí. Quan Văn để sang một bên không tính toán, tự xưng “lúc đó nếu đầu bút mực, hoặc lại tấu thỉnh thánh thượng giáo huấn, sẽ mất đi sự đồng tâm hiệp lực”, thậm chí còn thể hiện không vì chuyện này mà trách tội Lạc Bình Chương, Tả Tông Đường,

“không chỉ không trách tội kẻ cầm bút, mà đến cả kẻ chủ trì việc chính trị cũng không trách”, một bộ mặt trang nghiêm “đại công rộng rãi, những gì nhìn thấy đều to lớn”. Đối với Hồ Lâm Dục thì càng thận trọng, suy tính nhiều lần. Đúng như Quan Văn nói với mộ liêu “tài của cả đời ta đều không theo kịp hẳn”, “ta không có hẳn không thể chống địch”. Điều này nói rõ Quan Văn rất hiểu một khi địa vị của Hồ Lâm Dục lung lay, thì không có ai có thể chỉ huy Tương quân khắc địch chiến thắng, mọi địa vị và vinh dự của y cũng sẽ tan tành, thậm chí tính mệnh của bản thân, gia đình cũng thành vấn đề. Do đó, y luôn cự tuyệt luận tội Hồ Lâm Dục. Nay Hồ Lâm Dục đột nhiên thay đổi thái độ trước đây với y, y lại có công, có thanh danh, có tiền để dùng, bèn nhất tâm dựa vào Hồ Lâm Dục. Đúng như Bộ Phú Thành ghi chép lại, Quan Văn vui đến mức “kí tên tán thành mà thôi, không có ý kiến gì khác”. Như vậy Hồ Lâm Dục đại thể giống như những gì Tăng Quốc Phiên nói “chỉ phải làm ít”, “việc không lớn nhỏ, khiêm nhường sự hiền năng, phần nhiều do phủ tổng đốc chủ chính” tình hình này cũng giống như Tả Tông Đường ở Hồ Nam, là bí mật “gần xa đều biết” lúc bấy giờ.

Nhưng mà, Quan Văn không phải con rối của Hồ Lâm Dục, đúng như những gì Tăng Quốc Phiên nói, Quan Văn “thành phủ cực thâm, lúc Hồ Văn Trung vẫn còn, bề ngoài rất nhượng bộ, nhưng chiếm chỗ của y thì tất ra sức tranh giành, đôi bên chẳng qua là ứng phó ngoài mặt thôi, chứ không phải thành tâm kết giao”.

12. Để đắc nhân tâm, đã sai thì sai cho trót

Đắc nhân tâm giả, đắc thiên hạ. Tăng Quốc Phiên để đắc nhân tâm, đã soạn ra bài *Ái dân ca* (bài ca yêu dân) cho quân

đội, đặt ra cho mình tín điều “thà người phụ ta, ta không được phụ người”, đồng thời về thuật điều tướng, ông cũng có kì chiêu khiến người khác không thể lý giải được.

Tương quân có một vị tướng lĩnh tên là Lý Kim Sướng, vì y đánh trận dũng hãn vô song, nên được mệnh danh là “bạt hổ tướng quân”, với biệt danh “pháo xung thiên”. Do y đánh trận có công, được phong làm phó tướng. Sau nhận được sự trọng dụng của Tăng Quốc Phiên, yêu mến phong cho hiệu là “dũng”, thống lĩnh quân Giang Tây.

Một lần, Lý Kim Sướng đánh trận thất bại, bị rơi vào tay quân Thái Bình, sau lại trốn thoát được, trở về doanh trại chữ “dũng”. Trong sổ thuộc hạ có người tên là Trương Quang Chiêu biết chuyện Lý Kim Sướng khuất phục đầu hàng khi ở trong tay quan Thái Bình, liền ở Dục Phủ quân tố cáo y là “thông tặc”. Nhưng Lý Kim Sướng không chịu thừa nhận, nói Trương Quang Chiêu vu cáo hãm hại y. Vụ án này đến tay Tăng Quốc Phiên, liền hạ lệnh dẫn giải hai người Lý, Trương đến đại doanh Đông Lưu, nói muốn “lực biện kì oan” (ra sức giải oan).

Phép “biện” như thế nào? Tướng lĩnh các doanh của Tương quân đều quan sát vụ án này. Tăng Quốc Phiên không kiểm tra đối chất, cũng không thẩm vấn, mà một mực quyết đoán cho rằng Trương Quang Chiêu mắc tội vu cáo hãm hại thống lĩnh cấp trên và lập tức xử trảm. Lúc bấy giờ, rất nhiều người đều không thể giải thích nổi sự xử phạt của Tăng Quốc Phiên với Trương Quang Chiêu. Còn với Lý Kim Sướng mà nói đương nhiên là cầu mà không được, vô cùng vui sướng. Ngày hôm đó, Lý Kim Sướng mang theo hậu lễ đến yết kiến Tăng Quốc Phiên, vừa thấy Tăng, y liền cúi rạp xuống đất, tán tụng “trung đường đại nhân minh kiến vạn lý!” cảm ơn đến nỗi rơi cả nước mắt.

Còn về sự “vu cáo hãm hại” của Trương Quang Chiêu, Tăng Quốc Phiên đã “biện” như thế này; liệu có phải cũng phủ nhận tội “thông tặc” của Lý Kim Sướng như vậy?

Kết quả như sau: Sau khi Tăng Quốc Phiên xử quyết Trương Quang Chiêu, đang định truyền lệnh Lý Kim Sướng tới án, thì Lý Kim Sướng đã đến gặp Tăng Quốc Phiên. Tăng Quốc Phiên thì cho rằng đúng là tự mình lao đầu vào la vống. Còn chưa đợi Lý Kim Sướng dâng lễ tạ ơn, Tăng Quốc Phiên liền hạ lệnh: “Người đầu”. Đột nhiên, Lý Kim Sướng sợ tới mức sắc mặt trắng bệch, hoàn thân run rẩy. Nhưng người ở đó cũng không rõ. Tăng Quốc Phiên nghiêm túc “biện”: “Không nói Lý Kim Sướng thông tặc, đã đánh thua trận, rơi vào tay giặc, thì phải chịu tội, đó cũng là hành việc quân pháp”. Nói xong, lập tức ra lệnh cho thân binh của Lý Kim Sướng, quan tiêu doanh Tào Nhân Mỹ trói Lý Kim Sướng và giải đến bên ngoài cửa Đông, Kim Lăng chém đầu.

Tăng Quốc Phiên đều “biện oan” cho Trương Quang Chiêu và Lý Kim Sướng bằng cách chặt đầu, những người biết tin không ai không sợ hãi.

Nghe nói, Lý Kim Sướng vốn chữa bệnh bằng bùa rất linh nghiệm, do đó được rất nhiều người trong Tương quân yêu mến. Tăng báí Lý làm thầy, tình cảm sư đồ giữa họ rất thân, lại thương xót Lý vô cớ chịu hình pháp, nên lệnh người chấp hành hình pháp thủ hạ lưu tình, sau khi xử trảm, mang thi thể y đặt bên bờ sông, dùng chiếu lau đắp lên và phái mười binh sỹ đến trông chừng. Thì ra, đầu của Lý Kim Sướng vẫn chưa chặt đứt, vẫn có thể rên rỉ, chiếu tối bèn dùng thuyền chở đi. Người trong nhà sau khi trị khỏi cho y, cạo đầu ẩn cư, đổi tên thành “Cánh Sinh hòa thượng”, vợ mà y cưới cũng xuất gia làm ni cô.

Sau này, Âu Dương Hiểu Sâm hỏi Tăng Quốc Phiên: “Mọi chuyện đều đã sáng tỏ sao Lý Kim Sương lại bị giết?”. Tăng Quốc Phiên nói: “Bọn người Tả Tông Đường đều nói tài của hãn có thể dùng được, nếu không thể dùng thì chỉ bằng diệt trừ hãn. Hơn nữa Giang Tây đều nói hãn thông tặc, ta đã đi ngược lòng dân giết Trương thị, vậy sao lại không thể thuận theo lòng dân mà giết Lý thị chứ?”. Hành động này của Tăng Quốc Phiên, người bình thường không thể lý giải nổi.

13. Khiến cho hãn tương khuất phục, tiểu nhân phải dùng cả hai tay

Ngược lại với người hữu đức vô tài, tiểu nhân có thể tài hoa vô cùng, nhưng phẩm đức không cao thượng. Nhân tài như vậy sẽ phải sử dụng như thế nào, hãy xem Tăng Quốc Phiên và Lý Hồng Chương khéo léo sử dụng Lưu Minh Truyền.

Lưu Minh Truyền lớn lên trên đồng bằng Hoài Bắc con người nơi đây phong độ cường hãn⁽¹⁾, từ nhỏ đã nuôi dưỡng khí hào bá trời không sợ, đất không sợ. Lúc 18 tuổi, có một tên thổ hào đến nhà ông sách nhiễu, cha và anh trai ông đều quỳ xuống đất xin tha, chỉ có Lưu Minh Truyền phẫn nộ tìm tên thổ hào báo thù, thổ hào ức hiếp, sỉ nhục ông, không ngờ ông nhảy lên phía trước, vung đao chặt đứt thủ cấp của thổ hào. Sau đó tụ tập nhiều người xưng vương, kéo theo một đội quân, trở thành kẻ lưu manh cầm đầu ở quê nhà.

Khi Lý Hồng Chương phụng mệnh Tăng Quốc Phiên trở về quê nhà chiêu mộ quân Hoài, lần đầu tiên đã nhắm trúng y. Do đó đưa đội quân của y chiêu mộ vào Hoài dũng, đặt tên là

⁽¹⁾ Cường hãn: Dũng cảm, can đảm.

“Minh quân” và tốn không ít ngân lượng để mua thuốc súng đạn pháo từ tay người Tây Dương, trang bị cho Minh quân thành đội quân vũ trang cận đại. Đội quân này vì sự nghiệp của Lý Hồng Chương đã bỏ ra không ít sức lực, nhưng với sự ngông cuồng cao ngạo của Lưu Minh Truyền, Lý Hồng Chương cũng bốc hỏa. Do đó, khi Tăng Quốc Phiên mượn dùng quân Hoài để chỉ huy tiêu diệt quân Thái Bình, Lý Hồng Chương bèn giao “Minh quân” cho thầy, hi vọng, Tăng Quốc Phiên có thể hun đúc, quản giáo y.

Quả nhiên, trong quá trình “chỉ huy tiêu diệt quân địch”, quân Lưu Minh Truyền và quân của một vị hãn tướng khác là Trần Quốc Thụy đã hai lần đánh nhau. Làm sao để xử lý tranh chấp này, đúng là làm khó cho Tăng Quốc Phiên. Nếu không xử lý, bất công, hai bên đều không thể bình tâm tĩnh khí, sau này sẽ vẫn còn nội chiến; nếu xử lý, đây là thuộc hạ của Lý Hồng Chương, hơn nữa Lưu Minh Truyền là kẻ mưu dũng đều có, lại có súng tây đạn tây, sau này đến bản thân ông còn phải xem trọng, tin tưởng hãn. Và Tăng Quốc Phiên đã nghĩ ra kế sách vẹn toàn, chính là trách móc nghiêm khắc Lưu Minh Truyền, miệng thì nói rất nghiêm khắc, nhưng lại không hề truy cứu lỗi lầm của ông, khiến cho ông thấy kinh sợ. Chiêu này quả nhiên có tác dụng, chỉ là không lâu sau đó, Tăng Quốc Phiên điều Minh quân một mình đến Hoàn Bắc tiêu diệt quân địch.

Với cách làm của thầy, Lý Hồng Chương tâm lĩnh thần hội, vì thế ông theo đơn mà bốc thuốc, sau khi tiêu diệt thành công, ông ra sức bảo lãnh tiền cử công trạng của Lưu Minh Truyền với triều đình Thanh, khiến cho Lưu Minh Truyền được nhậm chức đạo viên Đài Loan. Chính người bướng bỉnh bất thuần này, trong chiến tranh Trung Pháp đã thống lĩnh quân

dân Đài Loan đứng lên chống lại sự tiến công của quân Pháp, khiến cho quân Pháp không thể công hạ Đàm Thủy, giặc mộng chiếm lĩnh Đài Loan bị dập tắt.

Năm 1885, triều đình nhà Thanh chính thức thu hồi Đài Loan, đổi thành tỉnh, Lưu Minh Truyền là tuần phủ đầu tiên của Đài Loan.

Vì vậy, với những người hữu tài vô đức, phải khống chế sử dụng. Điều này cũng giống như thanh kiếm vậy, khống chế tốt rồi thì là lợi khí, khống chế không tốt thì là hung khí.

Thông thường mà nói, hãn tướng phần lớn thô lỗ, lỗ mãng, do đó, muốn lợi dụng hãn tướng đích thực không phải chuyện dễ dàng, nhưng ưu điểm của hãn tướng là dũng cảm, không tiếc sức lực, lúc xông pha lâm trận, không thể thiếu họ. Vì vậy, hãn tướng cũng giống như liệt mã, muốn sử dụng họ, trước hết phải thu phục họ.

Người nào có thể thu phục hãn tướng chứ? Có hai loại người, một là người còn cường hãn hơn cả hãn tướng; loại còn lại là người có uy nghiêm, có thể khiến cho hãn tướng chấn động sợ hãi.

Trần Quốc Thụy nhắc đến ở trên, vốn là đại tướng thủ hạ của vương gia Mông Cổ Tăng cách Lâm Tắc. Y trước giờ chưa từng đọc sách, càng không biết cái gì mà đức với cả vô đức, mở miệng nói bậy, chỉ cần là việc muốn làm, mặc cho trời có sập xuống cũng phải làm.

Khi Trần Quốc Thụy 15 tuổi, Ứng Thành ở quê nhà Hồ Bắc rơi vào tay quân Thái Bình, sau này lại đầu hàng quân Thanh, sau mấy lần truyền qua tay nhiều người, cuối cùng được thu làm bộ hạ của Tăng Cách Lâm Tắc. Nghe nói ông ngoa dũng khác thường, khi đánh trận, đạn bắn vỡ ly rượu

trong tay ông, ông không những không tránh, mà ngược lại còn cầm ghế lên, đặt ngồi ở ngoài doanh phòng, gọi lớn “bắn pháo vào ta”, khiến cho thủ hạ đều rất kính sợ.

Nếu nói người thô lỗ, lỗ măng, Tăng vương còn có chỗ hơn y. Nghe nói, Tăng vương là một người bạo ngược, hung hăng, hỉ nộ vô thường, nghe thủ hạ hồi báo tình hình chiến trận cũng đi đi lại lại khắp nơi, lúc tán thưởng, nếu không phải là cắt một miếng thịt lớn nhét vào mồm đối phương, thì là nâng một bát rượu lớn bắt đối phương uống. Lúc tức giận thì dùng roi ngựa đánh hoặc xông đến bóp mặt kéo đuôi tóc, khiến cho rất nhiều người đều khó mà chấp nhận, chỉ có Trần Quốc Thụy không sợ Tăng vương, từ tận đáy lòng ông vô cùng khâm phục Tăng vương.

Sau khi Tăng vương chết, Tăng Quốc Phiên tiếp quản việc “tấn công tiêu diệt”, kết mỗi quan hệ với quân Trần Quốc Thụy. Khi xử lý việc quân do Trần Quốc Thụy và quân do Lưu Minh Truyền thống lĩnh đánh nhau, Tăng Quốc Phiên cảm thấy chỉ có thể khiến cho ông thật lòng phục mình, thì sau này mới có thể sử dụng ông thật sự. Tăng Quốc Phiên chủ định sẵn, trước tiên dùng chính khí uy nghiêm bất khả xâm phạm đả kích khí thế hung hăng của Trần Quốc Thụy, tiếp đó kể tội những việc xấu xa bạo hành của ông, để cho ông biết sai lầm của mình và sự phê bình của người khác, khi Trần nản lòng, ý chí tụt xuống, chuẩn bị bỏ cuộc, lời nói của Tăng Quốc Phiên lại chuyển hướng, lại biểu dương ưu điểm dũng cảm, không háo sắc, không tham tài của ông, nói ông là một tài tướng rất có tiền đồ, tuyệt đối không được vì sự lỗ măng mà hủy hoại con đường phía trước, khiến cho Trần Quốc Thụy lại phấn chấn lên. Tiếp đó, Tăng Quốc Phiên ngồi trước mặt ông, giống như đang nói chuyện với con trai mình, ân cần dạy bảo

ông, đặt ra ba quy định cho ông: không nhiều dân, không tranh đấu cá nhân với nhau, không kháng lệnh, nói liên tiếp một hồi khiến cho Trần Quốc Thụy tâm phục khẩu phục, không còn lời nào để biện minh, chỉ đành phục tùng lui ra.

Nhưng Trần Quốc Thụy lỗ mãng khó sửa, vì vậy vừa về doanh trại liền không thêm quan tâm đến mệnh lệnh mà Tăng Quốc Phiên hạ lệnh. Thấy mềm mỏng không có tác dụng, Tăng Quốc Phiên lập tức thỉnh thánh chỉ, thu hồi lại chức vị giúp giải quyết việc quân của Trần Quốc Thụy, tước đi áo hoàng mã, lệnh cho mang tội đi lập công, để xem hiệu quả sau này, và nói với ông nếu còn không nghe lệnh thì phải cắt chức xử lý, đưa đến quân đài giúp việc. Trần Quốc Thụy vừa nghĩ đến cuộc sống không rượu không thịt, không quyền không thế đó. Lập tức thể hiện nghe lời Tăng Quốc Phiên, thống lĩnh đội quân đến nơi đã được chỉ định sẵn.

Vì vậy, khi điều khiển hãn tướng, Tăng Quốc Phiên luôn dùng hai cách, hoặc mềm rắn cùng dùng, hoặc ngoại nghiêm nội khoan dung. Như vậy, có thể tận dụng hết tài của họ.

14. Lúc nguy cấp, chỉ có thể dựa vào bản thân

Con người không phải là một sự tồn tại cá thể cô lập, lúc hoạn nạn đương nhiên cần người khác giúp đỡ. Nhưng vương bài muốn nắm trong tay mình, nếu lúc nguy cấp, đều dựa vào người khác, vậy thì hậu quả có thể sẽ rất nguy hiểm. Đây là đạo lý mà Tăng Quốc Phiên ngộ ra bằng chính bài học máu của mình.

Tháng 5 năm 1862, Tăng Quốc Phiên thống lĩnh quân đóng quân ở Vũ Hoa Đài bên ngoài cửa Nam, thành Thiên Kinh.

Tăng Quốc Thuyên và đại tướng Lý Thần Điển, Tiêu Phu Tứ, Lưu Liên Tiệp, Bành Dục Quất, Chu Hồng Chương tâm phúc của ông, dưới sự dẫn dắt của phản tướng Thái Bình Thiên Quốc - Vi Quân, xem xét tòa thành nổi tiếng Giang Nam này. Ông thấy thành Thiên Kinh hồ bao quanh thành sâu, rãnh sâu thành lũy cao, tường thành xa xôi, với hai mươi nghìn người ngựa của ông muốn công phá toàn thành này đúng là nằm mơ giữa ban ngày. Mặc dù ông đã tấn công đến dưới chân thành, nhưng không dám hành động khinh suất, manh động, càng sợ quân Thái Bình trong thành và Lý Tú Thành ở Phúc Kiến cùng nhau hành động, tiêu diệt họ. Vì vậy, một mặt ông đốc thúc Tương quân xây dựng công sự ở Vũ Hoa Đài, để chuẩn bị chiến đấu lâu dài; một mặt phái người đưa thư, thúc giục người ngựa các lộ nhanh chóng hội tụ ở dưới thành.

Tuy nhiên, Tăng Quốc Thuyên đợi suốt mấy ngày, cũng không thấy người ngựa từ lộ khác đến. Trước tiên là Bắc lộ quân của Lý Tục Nghi do Trần Giang vừa mới xuất binh thì đột nhiên nhận được hung tin phụ thân qua đời, vội vàng trở về nhà chịu tang, các bộ tướng khác như Đường Huân Phương ở tận Hoàn Bắc, nghe tin tức tức đến phía Nam chi viện, kết quả bị quân Thái Bình ngăn cản ở Thọ Châu. Do từ Ninh Quốc tiến lên phía Bắc, Bào Siêu gặp quân Dương Phụ Thanh của quân Thái Bình, mở trận huyết chiến, cũng khó mà đến được Thiên Kinh. Lúc này, quân có thể chi viện chỉ có lộ quân của Đa Long A.

Tăng Quốc Phiên nhận được thư cầu cứu khẩn cấp được gửi đến từ Vũ Hoa Đài, lệnh Đa Long A tức tốc đến phía Nam. Sau khi Đa Long A nhận được thư, ban đầu vẫn có hành động: công phá Lư Châu, chuẩn bị tiến về phía Nam, nhưng đột

nhiên án binh bất động, khước từ hẹn đến hội quân ở Thiên Kinh. Tăng Quốc Phiên hết lần này đến lần khác khẩn thỉnh chi viện, nhưng không có động tĩnh gì. Lúc này, có một đội quân khởi nghĩa nông dân tiến vào Thiểm Tây, bộ tướng Lôi Chính Oản của Đa Long A đang đã vào Thiểm Tây để ngăn cản tấn công. Đa Long A và tổng đốc Hồ Quảng Quan Văn bí mật hẹn gặp, lại tâu lệnh Đa Long A đích thân thống lĩnh quân đội vào Thiểm Tây, không ngờ hoàng thượng chuẩn tâu. Đa Long A và Quan Văn đều thầm vui mừng vì không đến Thiên Kinh chi viện, bởi vì Quan Văn bấy lâu nay bất hòa với huynh đệ nhà họ Tăng cũng không muốn Tương quân đạt được thành công.

Đa Long A thống lĩnh quân đi về phía Tây, Tăng Quốc Phiên vạ phần kinh hoàng, phái người phi ngựa đưa thư đến cho Quan Văn, bảo y gọi Đa Long A trở lại, vẫn để đến chi viện cho Thiên Kinh. Trong thư ông nói: “Nghe tin số lượng loạn tặc không đến 3000 người”, có quân của Lôi Chính Oản là đủ để chống lại rồi, còn “số lượng giặc ở Giang Nam nhiều, nhiều hơn đến cả trăm lần”, vẫn thỉnh triệu hồi Đa Long A đi còn chưa xa quay lại. Tuy nhiên, Quan Văn biết rõ dưới thành Thiên Kinh rất cần sự chi viện của Đa Long A, lại không thèm quan tâm đến sự cầu viện của anh em nhà họ Tăng, khiến cho quân ở Vũ Hoa Đài do Tăng Quốc Thuyết thống lĩnh trở thành đội quân đơn độc. Thông qua việc này, Tăng Quốc Phiên gần như phát hiện ra nhược điểm trong nhân tính, cũng chứng minh được đạo lý lúc nguy cấp không thể dựa vào người khác mà ông đã rút ra từ lâu.

Ngày 13 tháng 9 năm 1862, trong thư gửi *Nguyên đệ Quý đệ* Tăng Quốc Phiên nói:

Đô tướng quân phái binh sỹ của bốn doanh đến trợ thủ,

đương nhiên là chuyện vui mừng, nhưng cũng chưa chắc dựa vào được. Vào lúc nguy cấp, chỉ có thể dựa vào bản thân mình, còn người khác thì đều không thể dựa. Dựa vào người khác để phòng thủ, chỉ sợ lúc lâm trận sẽ loạn trước; dựa vào người khác để chiến đấu, chỉ e tiến mạnh mà rút nhanh. May mà bốn doanh này số người không nhiều, có thể sẽ không làm nhiều loạn toàn cục chỗ đệ. Nếu không thì, bộ phận quân đội này có một phong thái khác, hiệu lệnh khác, chỉ e không những không có lợi, mà ngược lại còn có hại. Đệ phải cẩn trọng sử dụng đội ngũ này. Mùa xuân năm ngoái, đệ không cần quân của Trần Đại Phú. Lại không giữ quân của Thành Đại Cát, ta rất vui đệ có ý chí nhận thức được.

Trong một bức thư khác ông nói: Tóm lại, lúc nguy cấp, không được dựa vào người khác, chỉ dựa vào bản thân, mới có thể chắc chắn được.

Tăng Quốc Phiên đích thực nhìn thấy sâu sắc nhược điểm của nhân tính hơn người bình thường. Vì vậy ông chủ trương, trong thời khắc nguy cấp, nhất định đừng đặt cược vào tay người khác, nhất định phải dựa vào bản thân mình. Cho dù tổn nhiều sức lực mà thu lợi nhỏ cũng không sợ, bởi vì nắm chắc trong tay mình, có quyền chủ động.

15. Việc quan trọng phải ứng phó lúc cuối đời

“Thà làm Thái Bình khuyển, không làm loạn thế quân”, đây là nói khi quốc gia cường thịnh, lão bách tính được hưởng thụ ánh sáng mặt trời, có thể sống cuộc sống hạnh phúc. Ngược lại, xã hội vào thời loạn thế, vua không ra vua, thần không ra thần, dân không ra dân. Cho dù thân làm quân cũng lắm nỗi phiền não. Thời đại Tăng Quốc Phiên sống vẫn chưa

hoàn toàn là loạn thế, vẫn còn hi vọng có thể cứu vãn nguy cơ. Nhưng ông đã nhận thức sâu sắc được thọ mệnh của triều Thanh không còn lâu nữa. Vì thế ông nói: Người anh hùng thịnh thế sáng nghiệp, mang cơ nghiệp truyền lại cho con cháu đời sau, phải đặt sự trong sạch thẳng thắn, tấm lòng rộng mở lên hàng đầu; người anh hùng cuối thời giúp đỡ cứu vãn quốc gia, phải đặt tâm lực lao khổ lên hàng đầu.

Tăng Quốc Phiên có tinh thần biết rõ không thể nhưng vẫn làm. Mặc dù những năm về già ông cũng hối hận nói: Sau khi “thống lĩnh quân đánh giặc” không thành, lẽ ta nên thoái ẩn giang hồ, nhưng vì lời hứa quyết tâm cùng chết, cũng không từ chối nữa. Khi xử lý giáo án Thiên Tân, Tăng Quốc Phiên đã thể hiện được tâm tình này.

Thuở nhỏ, Tăng Quốc Phiên đã đọc kinh điển Nho gia, lập chí hướng trị quốc bình thiên hạ, giống như những Nho gia thông thường, vọng tưởng sự xuất hiện của thế giới “tam đại”. Sau khi làm quan ở kinh thành, biết suy nghĩ về “tam đại” quá viễn vông, lại muốn nỗ lực cố gắng, hi vọng có thể khôi phục “thái bình thịnh thế” thời Khang Hy, Ung chính, Càn Long của triều Thanh trước đây. Nhưng ông không ngờ, “thịnh thế” còn chưa tái hiện, lại vì chính trị phủ bại mà dẫn đến cuộc khởi nghĩa nông dân Thái Bình Thiên Quốc rộng lớn hiếm có trong lịch sử. Lịch sử đưa ông lên chức thống soái trấn áp quân khởi nghĩa, vừa đánh trận đã mười mấy năm trời, khiến cho lý tưởng và vọng tưởng “thái bình thịnh thế” từ nhỏ của ông hoàn toàn biến thành bong bóng.

Năm 1868, Tăng Quốc Phiên được điều làm tổng đốc Trực Lệ. Trên đường, ông chú ý quan sát vùng đất Đại Giang Nam Bắc và Kinh Kỳ, tất cả đều là một màu tang thương, triều đại Thanh đã là một con thuyền lắc lư trong mưa gió. Tiền đồ

ảm đạm, quốc vận suy thoái, ước vọng “trung hưng” tan tành, khiến cho thân tâm vị danh thần “trung hưng” này tụt dốc. Chiến đấu với quân Thái Bình trong thời gian dài, “chỉ huy quân tiêu diệt” không thành công đã khiến cho tinh thần và sức lực của ông đều kiệt quệ. Nhưng lúc đó dường như vẫn còn hi vọng và sức lực tiềm tàng chống đỡ, khiến cho ông tạm thời vẫn có thể cố mà làm tiếp. Nhưng, từ sau chuyển đi đến Bắc Kinh, diện kiến những nhân vật lớn trong triều đình nhà Thanh như Từ Hy, Dịch Hân, sau khi trở về Bảo Định, ông như một củ cà rốt thối rữa ở trong, “gốc rễ nghiêng ngả” rồi. Trước tiên là ánh mắt u tối, nhìn vật như bị sương mù ngăn cách, tiếp theo là bệnh đau đầu rất khó chịu, uống thuốc châm cứu đều không có tác dụng, không lâu sau mắt phải bị mù, mắt trái chỉ còn lại chút ánh sáng. Sau này lại mắc bệnh quáng gà, chóng mặt ù tai, ngày đêm hoảng hốt bất an, không thể làm việc, chỉ còn cách dâng sớ xin nghỉ phép, hoàng đế chuẩn sớ cho nghỉ, hạ chỉ hỏi bệnh, bảo ông chữa trị cho tốt. Sau đó Thiên Tân đột nhiên phát sinh giáo án, lại đẩy ông vào trong vòng xoáy của làn sóng đấu tranh dân tộc.

Khi nhận được chỉ dụ đến Thiên Tân điều tra xử lý vụ giáo án, Tăng Quốc Phiên đang trong thời gian nghỉ phép trị bệnh. Tăng Quốc Phiên lần này bệnh rất nặng, ông tự biết mặt trời sắp xuống núi, giữ được buổi sớm chẳng giữ nổi buổi tối, thậm chí đến cả quan tài cũng đã chuyển đến Bảo Định. Sau khi tiếp chỉ nhận thấy giáo án khó xử lý, sợ làm không tốt thì nỗ lực cả một đời sẽ tan thành tro bụi. Một liều khuyên ông lấy cơ bệnh nặng khó có thể đảm đương, thỉnh triều đình phái người khác. Nhưng Tăng Quốc Phiên không chịu khước từ, ông nói: Đại tướng không tránh lưỡi dao chết, chẳng lẽ có thể vì họa phúc mà trốn tránh, vẫn cứ quyết định “lực tạt thụ mệnh” (mang bệnh nhận lệnh).

Trước khi đi, ông để lại mấy điều dặn dò hai con trai là Kỉ Trạch, Kỉ Hồng, trong thư nhấn mạnh, việc này rất khó ra tay, hoặc một đi không thể quay trở lại, nhưng tuyệt đối không được sợ chết, mà phản lại lời thề khi xưa tận lực với mệnh lệnh. Sau khi giao phó, dặn dò chuyện hậu sự cho họ, ông nhắc nhở, dặn dò “lấy cần kiệm để giữ đức, lấy hiếu hữu để giữ đạo”. Sau khi ông mất, linh cữu chờ quay về phía Nam, từ chối tất cả, không cho nhận lễ. Tất cả những tấu chương bản thảo, cổ văn, tuyệt đối không cho phép khắc và lưu hành rộng rãi.

Sau khi để lại thư, Tăng Quốc Phiên dẫn theo vài mộ liêu như Triệu Liệt Văn, Bệ Phúc Thành, Ngô Nhữ Luân và vài binh sỹ, lính tốt, vượt qua cái nóng bức khắc nghiệt của mùa hè tháng 7, mang bệnh lên đường.

Tăng Quốc Phiên kiên trì sách lược “uyển chuyển cầu toàn” xử lý giáo án Thiên Tân, gây nên sự phẫn nộ mạnh mẽ của nhân dân cả nước. Sau khi ông quyết định xử lý nghiêm khắc giao bộ quan địa phương Thiên Tân và truy bắt “hung phạm”, để ngăn tấu chương đòi mạng người Tây Dương truyền đi, mọi người ở Thiên Tân và các phụ đồng loạt rộ lên, tiếng chửi mắng “gian tặc bán nước” cũng từ đó mà lên. Bạn bè, đồng hương, đồng niên của ông đều không tin Tăng Quốc phiên sẽ nhục nhã, yếu đuối như thế, đợi sau khi chứng thực, tất cả đều đồng loạt gửi thư đến khuyên, chỉ trích, còn các quan lại nhân sỹ không liên quan với ông thì dấy binh đánh dẹp ông, mỗi ngày thư trách vẫn ông từ Kinh Tân Tam Giang, Lương Hồ gửi tới Thiên Tân, khiến ông ngay lập tức rơi vào vòng vây dư luận bị vạn người căm ghét. Ông hoảng hốt mà lại đau khổ viết: bao che Thiên chúa giáo, vốn là nghe theo chính lý, mà lại dấy lên “dư luận sục sôi, khiến cho người ta không thể nghe được”. “Những tiếng mắng chửi hóa to, huy hiệu gian tặc bán nước lại thêm ở quốc dân. Đồng hương ở Kinh

sư, Hồ Nam, đặc biệt dẫn đến sự sỉ nhục lớn của người dân quê hương”. Các nơi như hội quán quận Kiều Trường hồ phường Kinh Sư, hội quán Hồ Nam giáo tử hồ đông được Tăng Quốc Phiên viết hoành phi đều bị các sỹ tử phần nộ công khai đập phá và cạo sạch, phỉ nhổ, giẫm đạp lên tất cả những cái gì có tên “Tăng Quốc Phiên” vô cùng căm hận.

Các danh sỹ như Vương Khởi Vận, đệ tử Lý Hồng Chương, người thân Tăng Kỉ Trạch đều khấn thiết trần ngón, cảm thấy tiếc vì cách làm của Tăng Quốc Phiên, vô cùng lo lắng hành động này sẽ khiến cho thanh danh chiến tích cả một đời của ông bị hủy hoại trong sự phỉ báng của mọi người.

Tăng Quốc Phiên vốn bệnh tới mức qua được sáng chẳng lo được tối, thêm sự sỉ nhục không thể biện minh lần này, khiến cho bệnh của ông càng thêm trầm trọng. Ông cũng không muốn sống thêm ngày nào nữa, chỉ cầu chết sớm, thúc giục con trai làm quan tài, để chuẩn bị bắt chôn.

Những người như Triệu Liệt Văn, Bệ Phúc Thành thấy tình thần của Tăng Quốc Phiên cực kì xuống dốc, bệnh tình lại ngày càng trầm trọng, đều sợ xảy ra chuyện ngoài ý muốn, nên ngày đêm túc trực bên giường ông, hầu hạ an ủi. Tăng Quốc Phiên tâm lực tiêu tụy, vô cùng đau khổ, không muốn nói gì nhiều nữa, chỉ tự mình nhắc đi nhắc lại “trong ấy náy với thần mình, ngoài hổ thẹn với nghị luận công chính”. Ông hồi hận bản thân sau khi “chỉ huy quân diệt địch” không thành, lại không “lui về núi sâu”, sau này quay trở lại Lương Giang và nhậm lại chức tổng đốc Trục Lệ, “đều là vẽ rắn thêm chân”.

Tăng Quốc Phiên nhìn lại lịch sử “xử lý việc tây dương” của triều đình nhà Thanh từ thời Quang Đạo đến nay, bất luận là Lâm Tắc Từ chủ chiến hay là Mục Chương A chủ hòa, kết cục đều chẳng có gì tốt đẹp. Bại trận, hoàng đế đẩy trách

nhệm cho Lâm Tắc Từ; còn người dân xỉ vả *điều ước Nam Kinh* nhục nhã bán nước, hoàng đế lại đẩy tội danh bán nước cho Mục Chương A chủ trương kí hòa ước. Bản thân được triều đình nhà Thanh ủy thác cho xử lý giáo án Thiên Tân, hoàn toàn làm việc theo chỉ thị của chính quyền nhà Thanh, vốn đã nhận thức được bản thân phải diễn lại vai diễn của Mục Chương A, thay chính quyền nhà Thanh gánh tội danh bán nước. Dự liệu của ông lại trở thành sự thật: sau khi công bố kết quả xử lý giáo án Thiên Tân, quốc dân không mắng Từ Hy thái hậu, lại mắng Tăng Quốc Phiên, ông trở thành đích đến của mọi mũi tên. Triều đình nhà Thanh cũng đứng nhìn Tăng Quốc Phiên trở thành kẻ chịu tội thay, vật hy sinh của họ, khiến cho ông hoàn toàn chịu sự phỉ nhổ dưới sự công kích của dư luận xã hội, có nỗi khổ không thể giải thích, nhưng lại chẳng nói gì.

Tăng Quốc Phiên xử lý giáo án Thiên Tân, gánh trên tiếng mắng nhiếc “gian tặc bán nước”, nhưng ông biết rõ mà không sợ, đã phản ánh được dũng khí sẵn sàng gánh vác tội danh vì triều đình nhà Thanh của ông. Điều này tương thông với nhận thức của ông về làm quan cuối thời thì phải “đặt tâm lực lao khổ lên hàng đầu”.

16. Khi ở trong nghịch cảnh, phải dũng cảm đối mặt với hiện thực

Một người dù cho có vĩ đại như thế nào, nhưng với lịch sử chạy đua không ngừng mà nói, thì luôn rất nhỏ bé. Nói đến cuộc đời của một người, nghịch cảnh nhiều mà thuận cảnh thì ít. Mạnh Tử có câu: “Ông trời muốn đem sứ mệnh lớn lao giao cho ai đó, trước tiên nhất định phải khiến cho ý chí của họ được tôi luyện, khiến cho gân cốt họ mệt mỏi, khiến cho thân thể họ

phải chịu đói chịu khát, khiến họ chịu những nỗi khổ cùng quần, làm việc luôn không thuận lợi. Như vậy để kích thích ý chí của họ, bền vững tính tình của họ, tăng tài năng của họ” cũng chính là nói một người muốn có được thành công, nhất định phải chịu đựng những đau khổ của nghịch cảnh.

Đối đãi nghịch cảnh, Tăng Quốc Phiên trước tiên thừa nhận hiện thực, bảo tồn bản thân, không làm những hi sinh vô nghĩa kiểu lấy trứng chọi đá. Ông nói: ta trong *tạp trữ* chuyên dẫn dùng “phủ quái” của *Chu Dịch*, ta có sự lý giải khác với người thường về lời quẻ trên quẻ này: sự nghiệp không phát triển, con đường tắc nghẽn không thông, là do kẻ nịnh thần hành vi bất chính chấp chính đương pháp mà gây nên. Nịnh thần chấp chính đương pháp, người đạo đức cao thượng, kiên thủ chính đạo không được chào đón. Thời khắc này, làm bất kì việc gì luôn là thất bại nhiều mà thành công thì ít.

Nịnh thần chấp chính đương quyền, tiểu nhân đắc chí, chính sự không thể luận lợi, bách tính không thể vui vẻ, sự nghiệp sẽ gặp phải tổn thất. Người chính phi mà có tài năng rất khó có thể thể hiện tài cán, phát huy vai trò của mình; nếu trực ngôn hoặc dự định làm gì đó, không chỉ không có lợi cho việc mà ngược lại sẽ bị hãm hại. Phương châm chính sách lớn không thể biến động, chỉ dành bổ cứu ở một vài nơi nhỏ trong công việc cụ thể. Tổn thất là điều không thể tránh được. Tăng Quốc Phiên nói đến “thức thời vụ”.

Nhưng nếu một mực thuận theo, con người trở thành nô lệ của nghịch cảnh, thì cũng không thể cải thiện hoàn cảnh của bản thân, càng không nói đến thành công. Do đó, Tăng Quốc Phiên xuất phát từ góc độ thừa nhận hiện thực, thức thời vụ, dẫn ra sách lược ứng phó thứ hai với nghịch cảnh: luyện nội công, cầu tự cường. Vào tháng 12 năm 1866, trong một bức

thư nhà, ông kể ra các ví dụ về bản thân mình đã trải qua nhiều nghịch cảnh mà thành công: hao tổn tâm lực, suy nghĩ gian khổ chính là tôi luyện anh hùng, yêu thương bạn như ngọc, giúp đỡ, khiến cho bạn thành công. Lý Thân Phu thường nói ta giữ bực bội trong lòng không bao giờ nói ra, một mực nhẫn nhịn, dần dần tự cường, từ đó mới có câu ngạn ngữ nói: “Hảo hán đánh rụng răng, nuốt cùng máu”, câu thứ hai là khẩu quyết cần rằng lập chí trong cuộc đời của ta. Năm Canh Tuất Tân Hợi, ta bị những kẻ quyền thế giàu có ở kinh sư phỉ nhổ; Quý Sửu, Giáp Dần bị Trường Sa phỉ nhổ; Kỉ Mão, Bính Thìn bị Giang Tây phỉ nhổ; và cả thất bại ở Nhạc Châu, thất bại ở Tĩnh Giang, thất bại ở Hồ Khẩu, lúc phải đánh gãy răng cửa rất nhiều, không có lần nào không nuốt cùng với máu.

Tăng Quốc Phiên tự nói: “lúc đánh gãy răng cửa nhiều, không có lần nào không nuốt cùng với máu” có thể thấy ý chí kiên nhẫn trác việt, thái độ cương nghị bất khuất của ông. Chỉ có lúc đó chịu挫折, trải qua hoạn nạn, thì đức nghiệp của ta sẽ có lúc tiến nhanh. Về việc này, Tăng Quốc Phiên nói: Câu ngạn ngữ “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” thật đúng với những bước tiến lớn trong cuộc đời ta, tất cả đều ở vào lúc chịu挫折, chịu nhục mạ.

Lại nói: Trong cuộc đời ta nếm trải vô số ngày đàng, mà tháng 6 năm Quý Sửu không tính trong đó. Lần thứ nhất năm Nhâm Thìn đạt được tư cách Dật sinh, học dài treo bảng, phê bình trách móc ta văn lý quá nông cạn. Lần thứ hai, nói chuyện vào một ngày năm Canh Tuất, có vẽ một bức tranh, vô cùng xấu, trong sổ cửu khanh, không ai không cười nhạt mà khinh thường nó. Lần thứ 3, năm Giáp Dần, sau thất bại ở Nhạc Châu, Tĩnh Giang, lưu lại ở chùa Cao Phong, bị quan lại, thân sĩ ở đó coi thường. Lần thứ tư, sau thất bại Cửu Giang

năm Kỉ Mão, hổ thẹn bước vào Giang Tây, rồi lại tham gia Phủ Nghiệt, năm Bính Thìn bị trói chân ở Nam Xương, các quan viên thân sỹ ai ai cũng cười nhạo. Bốn lần vấp ngã này, không còn đất dung thân, hổ thẹn đại danh, chứ không còn dám tự huyênh hoang là có bản lĩnh, không dám tự cho mình là trên hết. Cúi xuống thì sợ lời nói của dân, ngẩng lên thì sợ thiên mệnh, tất cả đều đạt được từ sau tôi luyện.

Đối với đạo lý cần phải giữ khi rơi vào nghịch cảnh, Tăng Quốc Phiên nói: giống như trong *Tây Minh* có nói: “Không có nơi nào có thể trốn tránh, chỉ có đợi bị nấu chết, đây chính là sự cung thuận của Tần Hiên Công thể tử Thân Sinh. Dững cảm thừa nhận hiện thực, lại thuận theo mệnh lệnh, chỉ có Bá Kì có thể làm được” những lời này, quá rõ ràng chính xác.

17. Bất duy thư, bất duy thượng, thành công dữ phủ, thượng thiên các bán (không nên coi sách lúc nào cũng đúng, trước mặt cấp trên không nên quá coi nhẹ bản thân, thành công hay thất bại, ông trời đều có chia đều)

Cảnh ngộ thực tế của con người là cơ duyên không thể thiếu của thành công. Về việc này, từ xưa đến nay có người thường dùng “vận khí tốt” để giải thích. Không phải chỉ có một người, Tăng Quốc Phiên cũng là một người tin vào vận khí.

Về vận mệnh của Tăng Quốc Phiên, có một đoạn ghi chép như thế này.

Người đô thành từng có câu ngạn ngữ về kì thi đại khảo (kì thi định kì kiểm tra các quan viên) của hàn lâm, câu đó nói: “Ngày thường mũ lông huy hoàng, ngao du tự tại, một khi đại khảo, thì hồn bay phách lạc, đến thần tiên cũng không thể cứu

được” thông qua câu khẩu quyết này có thể thấy được độ khó của kì thi đại khảo của hàn lâm. Có một kì đại khảo, người tổng phụ trách là Hứa Nãi Phổ, một vị lão hàn lâm thỉnh cầu Hứa quan tâm chăm sóc, nói: “Chỉ cần được qua, không cần có công”. Hứa nói với ông ta sau khi làm bài xong, nhỏ mấy giọt mực lên giấy thi, để dễ phân biệt, nhận biết. Nghe xong câu này, lão hàn lâm vui mừng rời đi. Tăng Quốc Phiên lúc bấy giờ để kiểm tra lại bài, sau khi trả lời xong, do lúc đóng bút lại, vãi ra một ít mực, vừa hay nhỏ đúng trên bài thi. Hứa thấy tờ bài thi này, cho rằng là của lão hàn lâm, liệt xếp bài thi đó vào là bài cuối cùng của nhị đẳng. Sau khi sự việc kết thúc, giao cho hoàng thượng đích thân xem lại, Tuyên Tông đọc lại kĩ càng, lúc nhìn thấy nhị đẳng, lấy tay cuộn lại, lúc nhìn thấy bài thi của Tăng Quốc Phiên, lúc còn chưa kịp nhìn, thì vừa hay cận thần hầu hạ bẩm báo có việc khác. Hoàng thượng liền vội vàng phát ra những tờ bài thi này, như vậy bài thi của Tăng Quốc Phiên xếp đầu tiên trong hành nhị đẳng. Vì thế Tăng Quốc Phiên thuận lợi thăng lên làm thị giảng.

Những gì được ghi chép lại như trên, nếu là đúng sự thật, thì có thể thấy Tăng Quốc Phiên vận khí phi phàm.

Vẫn còn ghi chép khác nói: “Tăng Văn chính công thường nói với Ngô Mẫn Thụ, Quách Tung Đảo: Bài minh sau lưng ta, tất thuộc về hai vị. Ông tùy ý cầm ra, khắc chữ, ta tự có của riêng mình. Nói: không tin sách, tin vận khí, lời của Công, nói cho vận thế”.

Câu nói “không tin sách, tin vận khí” ở đây, không phải là nói bừa vô căn cứ, mà đích thực là xuất phát từ những gì ông cảm nhận được. Tổng quan một đời của Tăng Quốc Phiên, nếu không phải vị thần số mệnh có ý muốn thành toàn cho ông, thì cho dù cả đời ông rèn giũa phẩm đức, thành thực thực tiễn, từ đầu chí cuối không ngừng nghỉ, chỉ e với sức của ông

cũng chỉ có thể trở thành một vị quân tử khiêm tốn tự bảo vệ mình, tuyệt đối không thể lãnh tụ mọi người, lập sự nghiệp lớn. Nhưng việc như vậy, trong cuộc đời của ông, đều có sự tích rõ ràng có thể kiểm tra đối chiếu, không thể bài trừ nó là lời nói hoang đường vô căn cứ.

Tăng Quốc Phiên là người huyện Tương Hương, Hồ Nam. gia đình ông đời đời làm nghề nông, đến thời cha ông là Tăng Lâm Thư, nhờ có đọc sách mà trở thành tú tài. Lúc Tăng Quốc Phiên sáu tuổi, bắt đầu học tập, 14 tuổi bắt đầu đến tỉnh Trường Sa tham gia thi 7 lần. Đến năm 1834, khi Tăng Quốc Phiên 24 tuổi, ông trở thành cử nhân đứng thứ 36 trong kì thi hương ở Hồ Nam. Năm 1838, khi Tăng Quốc Phiên 28 tuổi, ông trở thành tiến sĩ thứ 42 trong tam giáp của kì thi hội. Theo như thường lệ, người đọc sách có thể liên tiếp đăng khoa trong các kì thi khoa cử, thì đã có tư cách làm quan, từ đó công danh được như ý, không lo cái ăn cái mặc, có thể coi là ung dung tự đắc rồi. Nhưng trên thực tế, thì lại không như vậy. Bởi vì trên tiến sĩ, còn có một tầng cao hơn, chính là “điểm hàn lâm” mà tục ngữ vẫn nói. Trúng tiến sĩ rồi, không nhất định có thể làm quan; điểm hàn lâm rồi, thì mới thật sự có đủ tư cách làm quan lớn, không những là tư cách tốt mà thăng tiến cũng nhanh.

Sau khi trúng tiến sĩ, Tăng Quốc Phiên tham gia thi triều, thành tích rất tốt, xếp thứ 3 trong nhất đẳng. Sau khi bài thi được đưa vào trình ngự lãm, hoàng đế Đạo Quang lại đặc biệt đặt bài của ông lên xếp thứ hai trong nhất đẳng. Và như vậy, Tăng Quốc Phiên mới may mắn được điểm trúng thứ cát sỹ. Đến năm 1840, thứ cát sỹ rời quán (trường), Tăng Quốc Phiên thi xếp thứ 19 trong nhị đẳng, thứ tự vẫn rất cao. Do đó, ông được ban cho chức kiểm thảo, lưu lại làm việc ở hàn lâm viện.

Tăng Quốc Phiên có thể trúng tiền sỹ rồi trở thành hàn lâm, đối với tiền đồ sự nghiệp trong đời của ông, có mối quan hệ rất lớn. Nếu Tăng Quốc Phiên không phải sớm trúng tiền sỹ vào viện hàn lâm, lúc này chắc chắn vẫn đang phấn đấu khổ cực trong bát cổ thời nghệ (thể văn trong thi cử thời Minh, Thanh), tuyệt đối không có để cho thời gian nhàn rỗi mà để ông đọc những cuốn sách hữu dụng, tích trữ kiến thức để dùng khi cần đến, đây là căn cứ thứ nhất cho câu “không tin sách, tin vận khí” mà ông nói. Còn về chứng minh bước thứ hai, thì là tình hình những lần thi sau khi ông làm kiểm thảo viện hàn lâm.

Quan viện hàn lâm thời nhà Thanh, có “đại khảo” được tổ chức không định thời gian cố định, đến lúc do hoàng thượng ra đề khảo thí thơ văn, bàn luận sách lược, làm căn cứ để thăng chức hay giáng chức. Người đại khảo thành tích tốt, thăng tiền rất nhanh, nếu không thì lập tức bị giáng chức, tuyệt đối không lượng tình. Vì thế thời nhà Thanh tục ngữ có nói: “Tú tài sợ tuổi khảo, hàn lâm sợ đại khảo”, đây chính là câu nhằm vào những người đọc sách chỉ may mắn đạt được chứ không chịu nỗ lực tiến lên. Tăng Quốc Phiên ở hàn lâm 7 năm, do ông luôn luôn cố gắng không ngừng, thành tích qua các kì thi đều rất tốt, do đó nhiều lần được đề bạt vượt cấp, nhưng cố gắng 7 năm, liền từ kiểm thảo hàn lâm hàng thất phẩm thăng chức lên thẳng nội các học sỹ hàng nhị phẩm, có đầy đủ quân cấp và tư cách để từ đó về sau đảm nhiệm những chức vụ lớn. Nếu không phải sự sắp đặt của vận mệnh, ông sao có được cơ hội tốt như vậy chứ?

Nếu so sánh Tăng Quốc Phiên với Hồ Lâm Dục cũng là xuất thân từ hàn lâm viện, càng thấy vận khí của Tăng Quốc Phiên tốt.

Hồ Lâm Dục là tiến sỹ nhị giáp năm 1836; xếp thứ tự đầu thi cũng sớm hơn Tăng Quốc Phiên 2 năm, thứ tự cũng cao hơn Tăng Quốc Phiên. Sau triều khảo tuyển người, được làm thử cát sỹ viện hàn lâm, sau khi rời quán được nhận chức biên tu. Đại khảo Hàn Chiêm (Hàn lâm và chiêm sù), xếp hàng nhị đẳng. Trong giai đoạn này, tư cách và thành tích của ông giống Tăng Quốc Phiên. Chỉ là trong kì thi hương Giang Nam năm 1840, ông nhậm chức phó chủ khảo để xảy ra sai sót, bị giáng một cấp điều ra ngoài, từ đó con đường làm quan gặp ghềnh, mãi đến năm 1853, Tăng Quốc Phiên đã làm đến chức thị lang chính nhị phẩm, Hồ Lâm Dục vẫn làm tri phủ tông tứ phẩm ở phủ Lê Bình, Quý Châu. Sau này mặc dù Hồ Lâm Dục tự mình rèn luyện, thanh danh ngày một lên, cũng vẫn cần Tăng Quốc Phiên toàn lực tiến cử, mới giúp cho ông có cơ hội đến chiến trường Hồ Bắc thể hiện tài năng của mình, từ án Sát Sứ, Bố Chính Sứ thăng lên tuần phủ, quan vị bằng với Tăng Quốc Phiên. Trong giai đoạn này, sự thăng tiến của Hồ Lâm Dục chậm hơn Tăng Quốc Phiên 7 năm. Nếu luận về xuất thân, thì Hồ Lâm Dục còn là tiền bối trong viện hàn lâm của Tăng Quốc Phiên! Con đường làm quan của Tăng Quốc Phiên đặc ý, có can hệ rất lớn tới sự thành bại của Thái Bình Thiên Quốc và sự tồn vong của triều đình Mãn Thanh. Nếu như trong những năm đầu Hàm Phong, Tăng Quốc Phiên vẫn chỉ là một người đọc sách không có công danh, thì cho dù ông có bản lĩnh thông thiên, cũng sẽ không có cơ hội nổi lên. Lại giả dụ nếu Tăng Quốc Phiên cũng giống như Hồ Lâm Dục, lúc bấy giờ vẫn chỉ là một viên quan chức vụ không cao, vậy cũng không đến lượt ông thống lĩnh mọi người, lập thành sự nghiệp “hồi thiên” sau này. Vì vậy nói, sự vươn lên của Tăng Quốc Phiên, trong đó thực sự có nhân tố của rất nhiều cơ duyên. Tăng Quốc Phiên bình sinh không tin sách mà tin

vận khí, ở đây đã có những căn cứ chứng minh rất rõ ràng.

Đương nhiên sau những vận khí này, cũng không thể không nói rằng có quan hệ với sự vận hành ngày thường của sức người. Vậy thì, cơ hội của Tăng Quốc Phiên trong thời gian ở kinh là gì? Một là cơ hội đọc sách tiến tu trong hàn lâm viện, hai là cơ hội quảng giao bạn bè 13 năm ở kinh sư. Cả hai cơ hội này ông đều nắm chắc.

Trong những năm tháng sau này, Tăng Quốc Phiên cũng không phải không có lúc được nữ thần số mệnh chiếu cố. Nếu như sau này khi ông dẫn binh bại trận, đích thân ông thống lĩnh Tương quân đại bại ở Tĩnh Cảng, đúng vào lúc ông đau khổ không muốn sống, vô cùng nản lòng, thất vọng, thì lại truyền đến tin một đạo Tương quân toàn thắng ở Tương Đàm, lập tức khiến ông từ ưu phiền chuyển thành vui mừng, bất cực thái lai (hết điều xấu sẽ đến điều tốt), đây cũng chính là bằng chứng của “vận mệnh”.

18. Tiến thoái ẩn hiện, quyết đoán, có quy định chế độ nhất định có thể tham chiếu, tuân theo

Trong “ngụ ngôn” của Hàn Phi Tử có một tiết là “phục hổ vu hạp”, nói về con hổ trong núi sâu, xưng vương xưng bá trong các loài dã thú, vừa vào lồng sẽ vấy đuôi cầu xin sự đồng cảm, bất luận “hổ tính” có thay đổi hay không, đều không thể không khuất phục hiện thực. Thiết kế ra lồng cho hổ không phải là để phòng bị hổ mà là muốn khiến cho những người sợ hổ có thể chế phục được hổ.

Dựa vào mấy chục năm bươn chải nơi quan trường của mình, Tăng Quốc Phiên nhìn thấy rõ sự hiểm ác chốn quan trường, biết rõ một khi bước vào con đường làm quan, thì con

người không có “tự do”, cho dù là một con hổ dũng mãnh thì cũng chỉ có thể biến thành một con con vật đáng thương như con sóc chó có thể bắt nạt được. Nhưng truyền thống học để ra làm quan suốt mấy trăm năm nay, ai có thể thay đổi được? Huống hồ là một người có tham vọng, hoài bão không dựa vào quyền lực, có thể nói là không có chút thành tựu gì. Do đó, xuất - vào quan trường, xứ - ở xa giang hồ, rất khó có thể quyết định. Tục ngữ nói, làm bạn với vua như làm bạn với hổ, có thể thấy quân chủ thánh minh thì có thể bảo đảm bình an, nếu như gặp phải vị vua nghi kỵ, vậy thì đầu không lìa khỏi cổ đã là tốt lắm rồi. Do đó, Tăng Quốc Phiên đã nếm trải đủ sự lạnh nhạt của thể thái trước lúc lâm chung đã để lại lời di huấn: con cháu đời sau có thể không làm quan, nhưng không được vứt bỏ làm nông, đọc sách.

Tăng Quốc Phiên mặc dù cũng khó mà quyết định việc xuất xứ của bản thân, nhưng dựa vào kinh nghiệm lão luyện của ông vẫn có thể nắm bắt hóa hầu. Ở đây nói đến sự sắp xếp với việc xuất hay xứ cho cửu đệ Tăng Quốc Thuyên, càng có thể thấy được sự giàu tài của Tăng Quốc Phiên.

Huynh đệ nhà họ Tăng vì triều đình nhà Thanh đã biết bao lần dùng cả tính mạng để đánh cược, như Tăng Quốc Thuyên công hạ thành Thiên Kinh, theo như cách nói của Tăng Quốc Phiên thì là lần tập trung công phá gian nan nhất từ xưa đến nay. Sau khi công chiếm Nam Kinh, Tăng gia trở thành đại công thần, theo cách nghĩ của Tăng Quốc Thuyên, triều đình nhà Thanh lập công cao sẽ được phong thưởng hậu hĩnh, bản thân ông sẽ làm tổng đốc hay tuần phủ, hưởng thụ phúc của nhà Thanh. Nhưng triều đình nhà Thanh rất không yên tâm với vị Tăng cửu dám làm này, Tăng Quốc Thuyên mặc dù có đọc sách mấy năm, nhưng học thức nông cạn,

nóng lòng lập công, háo lợi, con hổ nổi danh thiên hạ này, nhất thời trở thành đích nhắm của vô vàn mũi tên. Nhất là sau khi xử chết Lý Tú Thành, “ai ai cũng vui mừng, tranh nhau chỉ vào Tăng Quốc Thuyên”, “các túc tướng như Đa Long A, Dương Nhạc Bân, Bành Ngọc Lâm, Bào Siêu đều muốn rời đi, mọi người hoài nghi là do bất hòa với Tăng Quốc Thuyên, lời bàn tán từ những nơi chợ thông thương như Giang Ninh lọt hết vào trong quân đội” đồng thời, chính quyền Thanh cũng không yên tâm với Tăng Quốc Thuyên, muốn ông nhanh chóng rời khỏi quân doanh mà không lệnh cho ông đến Chiết Giang làm tuần phủ.

Tăng Quốc Phiên không còn cách nào khác, chỉ đành lấy cơ bệnh tình nghiêm trọng làm lý do, xin để Tăng Quốc Thuyên rời khỏi vị trí chức tuần phủ Chiết Giang còn khuyết, về quê trị bệnh, để tránh mũi nhọn của dư luận, giải trừ được tâm bệnh của triều đình nhà Thanh. Đúng như những gì Tăng Quốc Phiên dự liệu, chiêu này vừa đúng với tâm nguyện của Lạp thị. Ngày 27 tháng 9 năm 1864, Tăng Quốc Phiên dâng tấu, ngày 5 tháng 10 được phê chuẩn và thưởng cho Tăng Quốc Thuyên 6 lượng nhân sâm, để thể hiện sự quan tâm. Đây vốn dĩ là kế sách thâm sâu của Tăng Quốc Phiên, tạm thời lui đi chính là để bảo vệ mãi mãi lợi ích mà họ đã đạt được. Tuy nhiên, Tăng Quốc Thuyên trong ngày rời đến Giang Ninh, trước mặt các vị quan khách đã nói những lời oán trách, khiến cho Tăng Quốc Phiên vô cùng thể thảm, không còn đất dung thân. Vì để mở lòng của ông, trong ngày sinh nhật lần thứ 41 của Tăng Quốc Thuyên, Tăng Quốc Phiên ngoài phái Triệu Liệt Văn đến khuyên nhủ động viên ra, còn đặc biệt viết một bài thơ thất tuyệt 12 để chúc thọ ông. Nghe nói, khi Tăng Quốc Thuyên đọc đến câu “quát cốt tiến ban thiên lam phủ, khả liên thúc tử độc hiền lao” (đệ chinh chiến bao năm, trên

người mang bao vết thương của đao tiền, huynh trưởng biết, đệ biết, nhưng trời xanh có biết hay không? Đáng thương một mình đệ phải chịu vất vả khổ sở), đột nhiên bật khóc lớn, để cho ra hết những nỗi uất sức kìm nén trong lòng. Ngày 2 tháng 11 Tăng Quốc Thuyên đẩy tủ thân, uất ức và oán hận, phần nộ trở về Hồ Nam, do oán khí vẫn chưa nguôi, dẫn đến ốm nặng một trận.

Đầu tháng 11 năm đó, dưới áp lực của triều đình nhà Thanh từ bỏ chức vụ trở về nhà dưỡng bệnh, từ Nam Kinh khởi hành về Tương. Nhiều năm chinh chiến bên ngoài, lúc này thoái ẩn quê nhà, vốn là thời cơ để dưỡng thân, dưỡng tâm tốt nhất, nhưng Tăng Quốc Thuyên là một người không cam chịu cô đơn, đặc biệt còn thể hiện sự bất mãn với triều đình nhà Thanh có ý khổng chế mọi việc làm của huynh đệ nhà họ Tăng, lúc nào cũng thể hiện sự oán hận của mình. Tăng Quốc Phiên suy tính sâu xa, nhắc nhở đi nhắc nhở lại Tăng Quốc Thuyên không được tùy tiện xuất sơn, thời cục nghiêm trọng, không được rước hỏa vào tự thiêu thân, tốt nhất ở nhà tĩnh dưỡng một năm. Bước tiếp theo, trong một bức thư khác ông lại sắp xếp kế hoạch cụ thể cho Tăng Quốc Thuyên để làm thế nào nổi lên được. Một là tu tâm dưỡng tính, không được can dự vào chuyện ở Hồ Nam: “đệ đệ tính tình ngày thường vẫn hay thấy chuyện bất bình ra tay giúp đỡ, thể hiện sự bất bình, đồng thời với bạn bè lại tình sâu nghĩa nặng, vô cùng trượng nghĩa, thời gian này cáo bệnh ở nhà, tuyệt đối không được can dự một chút nào với chuyện ở địa phương”. Hai là nhân cơ hội nghỉ ngơi, bổ sung, nghiên cứu học thức thơ văn, tấu nghị: “Đệ đệ coi việc không giỏi làm văn chương là sự sỉ nhục lớn... Trước mắt ra sức học tập tấu nghị văn chương, cũng cần phải chuẩn bị phát huy tinh thần liều mạng

năm đó”. Trong một bức thư khác, ông lại dặn dò Tăng Quốc Thuyên nhân lúc nhàn rỗi, đọc một số sách hay có liên quan đến văn sử, để tăng cường tổ chất học thức của mình. Đồng thời, lại gửi đến nhật kí trong mấy năm qua, hi vọng Tăng Quốc Thuyên hiểu ông ở ngoài chịu khổ, chính là cái mà gọi là “cận lai suy bại chi trạng” (gần đây trong trạng thái mệt mỏi, suy nhược), để y có thể an tâm ở nhà dạy con đọc sách làm người. Dưới sự nhấn nại hướng dẫn của Tăng Quốc Phiên, Tăng Quốc Thuyên kiểm chế tính cách cuối cùng ở quê nhà Hồ Nam hơn một năm, chính quyền nhà Thanh từng chiêu dụ ông đến nhậm chức tuần phủ Sơn Tây, ông kiên quyết từ chối không nhận. Vào hạ tuần tháng 2 năm 1866, chính quyền nhà Thanh lại ban chiếu lệnh Tăng Quốc Thuyên đến nhậm chức tuần phủ Hồ Bắc, và giúp đỡ việc quân “tiểu niệp”. Lúc này, Tăng Quốc Phiên cho rằng thời cơ đã chín muồi, ra sức thúc giục Tăng Quốc Thuyên ra làm quan: “Chỉ có nhanh chóng quyết định xuất sơn, chứ không thể tiếp tục xin nghỉ, chỉ sợ người khác lại cho rằng mình tự đề cao thân phận mình quá lớn. Bức thư này đã nói rõ, lần sau không cần thương lượng nữa”; “ơn vua quá lớn, không được khiến cho người ngoài nghĩ rằng làm bộ làm tịch”. Tăng Quốc Thuyên quyết định xuất sơn lần nữa.

19. Thích thời nhi biến, một đời ba lần đại điều chỉnh

Đạo xử thế của Tăng Quốc Phiên, trên thực tế là thái độ và phương pháp xử thế biện chứng linh hoạt. Do đó, mặc dù ông xử thế vẫn chú trọng đến công danh, lấy tư tưởng Nho gia làm hạt nhân, tôn chỉ giữ gìn nhân nghĩa vẫn không thay đổi, nhưng trên “hình” của làm người xử sự lại có tam biến (3 lần

thay đổi) trong đời. Chính tam biến này chứa cả sự tán dương và phỉ báng của mọi người với ông. Nhưng bất luận thế nào, không có “tam biến” thích thời này, thì sẽ không có thành công và thanh danh càng lớn hơn của ông.

Có ghi chép nói: Tăng Quốc Phiên “nhất sinh phàm tam biến. Lúc mới học chữ học Liễu Thành Huyền; trung niên học Hoàng Sơn Cốc, văn niên học Lý Bắc Hải, mà có thêm cả Lưu Thạch, cũng nằm trong số đó” đây là nói tam biến khi học chữ. “Học văn của ông ban đầu là từ phú ở hàn lâm viện, đã thường đi ngao du với Đường Kính Hải, nghiên cứu tâm nho tiên ngữ lục. Sau lại học lục thư, đọc các sách huấn cổ Càn Long, Gia Khánh, chứ không chỉ coi trọng mỗi chú kinh của người Tống. Khi làm quan ở kinh thành, lấy Thỉnh Chu làm căn cứ, dùng để xử lý việc luyện quân, rồi lại đổi thành Thân Hàn. Thường tự xưng muốn viết *Đĩnh Kinh*, lời nói thẳng thắn. Đây là nói tam biến về học văn.

Tổng quan tư tưởng trong đời của Tăng Quốc Phiên, ông lấy Nho gia làm gốc, lấy Bách gia để dùng. Các nhà tư tưởng kể trên, gần như đều được thể hiện trong mỗi giai đoạn của ông. Nhưng cùng với sự thay đổi của hình thể, hoàn cảnh sống và địa vị, sự mạnh yếu của các học thuyết các phái được thể hiện trong tư tưởng của ông lại không giống nhau, điều này đã phản ánh Tăng Quốc Phiên giỏi vận dụng thuật “quyền biến” trong học thuyết của các phái.

Bạn thân cũng là đồng hương của Tăng Quốc Phiên là Âu Dương Triệu Hùng cũng từng cho rằng, tư tưởng của Tăng Quốc Phiên trong đời có tam biến. Những năm đầu khi ở kinh thành tín thờ nho gia, lúc cai quản Tương quân, trấn áp quân Thái Bình Thiên Quốc dùng Pháp gia, thời kì văn niên sau khi công thành danh toại thì chuyển hướng sang Đạo gia

của Lão Trang. Cách nói này về cơ bản đã vạch ra được đặc điểm tư tưởng chủ yếu trong ba giai đoạn trong cuộc đời Tăng Quốc Phiên.

Cơ sở tri thức Nho gia vững chắc của Tăng Quốc Phiên được xác lập trong thời gian ông làm quan ở kinh thành. Sau khi ông dùng lý học của Trình Chu mở ra cửa lớn làm quan, ông không hề vứt nó sang một bên, mà tiến hành nghiên cứu sâu hơn. Trong hoàn cảnh mới, ông nhận được sự chỉ điểm của các đại sư lý học khác như Đường Giám, Uy Nhân, đường nhập thất (học vẫn đạt đến trình độ cao), tu dưỡng lý học của ông đạt đến một cảnh giới mới. Ông không chỉ có nhận thức và hiểu biết sâu sắc với lý học luận chứng cương thường minh giáo và một số khái niệm về lý luận triết học của trật tự thống trị phong kiến như tính, mệnh, lý, thành, cách vật trí tri (thông qua phương pháp truy tìm nguồn gốc của sự vật để đạt được tri thức), mà ông còn thực hiện huấn luyện có hệ thống tâm thân tu dưỡng được lý học coi trọng. Tâm thân tu dưỡng này trong Nho gia là một loại công phu “nội thánh”, thông qua công phu “nội thánh” tự khắc chế bản thân này, cuối cùng đạt được mục đích trị quốc bình thiên hạ. Ông còn phát huy đạo “ngoại vương” của Nho gia. Chủ trương kinh thế trí dụng (học vẫn phải có ích cho quốc sự). Đường Giám từng nói với ông, kinh tế, chính là kinh thế trí dụng được bao gồm trong nghĩa lý, Tăng Quốc Phiên hoàn toàn tán thành và phát huy hết sức. Ông rất coi trọng sự khảo sát với những vấn đề hiện thực, coi trọng phương pháp nghiên cứu giải quyết, đề ra không ít các biện pháp cải cách. Việc nghiên cứu sâu của Tăng Quốc Phiên về Nho gia, đặc biệt là lý học của Trình Chu, là đặc điểm tư tưởng quan trọng của ông trong giai đoạn này, còn về việc vận dụng các lý luận, phương pháp này, thì phải xem xét xuyên suốt một đời của ông.

Thái Bình Thiên Quốc nổi dậy, Tăng Quốc Phiên lâm nguy nhận lệnh, tổ chức Tương quân trấn áp khởi nghĩa nông dân. Giai đoạn này, đặc biệt thể hiện rõ sự coi trọng, đề cao của ông với nghiêm hình tuần pháp (pháp lệnh nghiêm khắc) của Pháp gia. Ông đề ra phải “thuần dụng trọng điển”, cho rằng nếu không áp dụng các biện pháp nghiêm khắc, khốc liệt như lửa thì không thể trị được. Hơn nữa, ông còn thể hiện với triều đình, cho dù vì vậy mà mắc phải danh tiếng tàn nhẫn nghiêm khắc khốc liệt, cũng quyết không từ. Ông đích thực đã làm như vậy, ông thiết lập cục thẩm án, tiến hành nghiêm hình tra khảo với những nông dân khởi nghĩa bắt được, tùy ý sát hại. Ông còn quy định, người không nộp điền tô, nếu bắt được, chấp pháp tại chỗ. Theo ông, đạo “trung dung” của Nho gia, không thể sử dụng trong thời kì này.

Trong bức thư dữ *Khôi Liên* vào tháng 2 năm 1852, ông giải thích: Ta lập cục thẩm án trong công vụ, trong vòng người ngày đã xử trăm 5 người. Sau khi thể phong không tốt, mọi người ai nấy đều có suy nghĩ không an phận, ngày thường bịa đặt mê hoặc dân chúng, hi vọng thiên hạ đại loạn mà làm việc ác có hại, chỉ hơi khoan dung nhân từ với họ, họ càng ngang nhiên hống hách, dưới ánh sáng mặt trời lại dám cướp giật ở đô thị, không coi quan phủ quận trưởng ra gì. Nếu không dùng hình pháp nghiêm khắc để xử lý họ, vậy thì, kẻ xấu sẽ lũ lượt nổi dậy, tương lai ập ủ thành đại họa thì không thể thu dọn được nữa. Do đó mới chú trọng sử dụng biện pháp tàn khốc, hi vọng dù chỉ là nhỏ thôi để cứu vãn cái trào lưu xã hội bại hoại tới cực điểm này. Kẻ đọc sách nào đâu có thích địa khai sát giới, mấu chốt là bị tình hình trước mắt xô đẩy, nếu không làm như vậy thì không có cách nào diệt trừ cường bạo để an ủi

người dân mềm yếu của chúng ta. Về điểm này, phương châm làm chính trị của ta và ngài e là tương đối hợp nhau!

Tư tưởng Lão Trang của Tăng Quốc Phiên, từ đầu chí cuối đều được bộc lộ. Ông thường cho thấy, với danh lợi, bắt buộc phải biết lui nhường. Từ khi Thái Bình Thiên Quốc đã được ổn định, sắp đại cáo công thành, tư tưởng này ngày càng mạnh mẽ, cảm giác nguy cơ về công thần bị kẻ thống trị giết hại lúc nào cũng hiện lên trong ông. Ông viết thư cho đệ đệ nói, từ xưa đến nay, người quyền cao danh trọng không có mấy người có được kết cục tốt đẹp, phải nhường nhịn quyền vị vài phần, thì mới có thể giữ mình sau này, sau khi công hạ chiếm đóng Thiên Kinh, Tăng Quốc Phiên bèn lập tức giải tán Tương quân, và dự định công thành thân thoái, để giải trừ nghi kỵ của triều đình nhà Thanh.

Khuynh hướng tư tưởng khác nhau trong ba giai đoạn, đã nói rõ Tăng Quốc Phiên rất giỏi trong việc hấp thu những cái cốt yếu của Bách gia chư tử trong những tình huống khác nhau. Dung Hoành nói, Tăng Quốc Phiên là “nhân vật đặc sản trong nền giáo dục cũ”. Không còn nghi ngờ gì, trên người Tăng Quốc Phiên hun đúc được các loại gen của nền văn hóa truyền thống Trung Quốc, chính những gen này, đã khiến cho Tăng Quốc Phiên trở thành nhân vật “tam bất hủ” và là thần tượng tinh thần cuối cùng của xã hội phong kiến.

Về thái độ xử thế của Tăng Quốc Phiên từ cương chuyển sang nhu có một quá trình quan trọng. Quá trình này bắt đầu từ năm 1858. Lúc mới đầu trị quân, Tăng Quốc Phiên nghiêm hình tuần pháp, thủ đoạn vô cùng hà khắc, có thể thấy được sự tàn khốc vô tình của ông từ biệt hiệu “Tăng cạo đầu”, ông thường gây gổ với các tướng soái ngoài biên cương. Nhưng từ

năm 1858 thì phát sinh chuyển biến lớn. Quá trình biến hóa này được ghi chép như sau:

....Trước hết là Văn Chính (Tăng Quốc Phiên) viết thư cho Hồ Văn Trung (Hồ Lâm Dục), nói Khắc Tĩnh (Lạc Bình Chương) lúc gặp chuyện gấp, mở miệng chửi rủa. Có lời khuyên Vương tiểu nhị sang năm mới không nói gì. Đến năm thứ 8 tình hình cướp giết lại nổi lên ở Chiết Giang, vừa mới đến tỉnh, có mười hai chữ “kính thẳng đãi, nghĩa thẳng dục, tri kì hùng, thủ kì thử”, Khắc Tĩnh được những lời này biểu đạt ý của mình, giao du vui vẻ như trước, không nhớ chuyện xấu xưa kia. Sau lần xuất sơn này, hành nhu đạo để đạt được thành công, tuyệt đối không dương dương tự đắc. Thường trêu đùa nói: “Sau này có người làm mộ chí (bia mộ) cho ta, lời khắc trên đó ta đã viết: bất tín sách, tin vận khí, công chi ngôn, cáo vạn thế” nên kéo theo trong câu đối có mấy câu “tướng hân mã huân danh, vắn ngư tung nghiệp, đồ khan tác bì khang trần cầu,” tự nói đạo được như vậy, tâm sự ắt tự ra. Văn Chính nói thường lấy đạo Vũ Mặc (Mặc gia) làm cơ sở, phát triển đạo Lão Trang, có thể biết được khuynh hướng của ông”.

Nếu đem so sánh chuyện bại sự năm 1854 do không hài lòng với Vương Hâm nên không cầu y giúp đỡ, với chuyện năm 1864 sau khi tuyệt giao với Tả Tông Đường vẫn có thể giúp y lập thành đại công ở Tây Bắc, thì có thể thấy cách đối nhân xử thế của Tăng Quốc Phiên trước sau dường như là hai người khác nhau.

Thế gian nói Tăng Quốc Phiên lấy đạo Mặc gia làm cơ sở, phát triển Đạo gia Lão Trang, thực chất trước năm 1858, Tăng Quốc Phiên lấy đạo Mặc gia làm cơ sở, phát triển Thân Hàn (pháp gia). Sau năm 1858 bắt đầu chuyển sang Tôn Sư. Nếu mang chuyện xử thế trong đời của Tăng Quốc Phiên chia

theo 3 giai đoạn, thì mỗi giai đoạn cũng có những đặc điểm riêng, giai đoạn thứ nhất, là thời kì quyết tâm kiên định, phấn đấu vươn lên, giai đoạn thứ hai là thời kì vạch kế hoạch phát triển bên ngoài, công đức viên mãn; giai đoạn thứ ba, là thời kì bảo vệ sự nghiệp và sự bình an cho mình, không còn ở thời kì ôn hòa thắng nhân cầu cường. Theo Hà Di Ni:

Nói về ba giai đoạn của Tăng Quốc Phiên, thì cuộc sống thời kì đầu, như mặt trời mới mọc, khí thể hùng hực, bất luận tình cảm ý chí, học vấn đức hạnh đều có sự mạnh mẽ của mặt trời mới mọc. Đến thời trung niên, thì như bầu trời đẹp dễ ban ngày, thịnh cực một thời, bất luận đạo đức học vấn, sự nghiệp văn chương, đều đã dần trưởng thành, phát triển rực rỡ. Đến thời kì vãn niên, uyển chuyển như mặt trời gần xuống núi chiếu ánh chiều muộn, cảnh đẹp không nhiều, mặc dù đức lượng ngày càng lớn, khiến cho mọi người ngưỡng mộ, chí khí công thành cũng bớt đi phần nào.

Có thể thấy việc xử thế của Tăng Quốc Phiên, không chỉ là nhất sinh tam biến, thậm chí có thể nói là nhất sinh đa biến.

20. Năm chắc giới hạn của “độ”, đặc ý không được ngông cuồng

Từ mùa hạ năm 1860 đến năm 1864 công hạ thiên kinh chấm dứt, Tương quân đã phát triển đến “hai nhiều một nhanh”: Hai nhiều ở đây, một là quân số đông, trong 2, 3 năm, tổng số binh sỹ trong Tương quân khoảng hơn 400 nghìn người, sau này tiếp tục tăng lên, như tả Tông Đường đã mở rộng đến 60 nghìn người, đến năm 1864 khi công hạ Thiên Kinh, tổng binh lực đạt đến con số hơn 500 nghìn, tức là đã gần bằng với số binh lực của lực doanh trước đây. Hai là đốc phủ đại soái nhiều, từ mùa hạ năm 1860 đến mùa hạ năm

1864, có 23 người, trong đó, mùa hạ năm 1864 cùng lúc là tổng đốc có sáu người gồm: Tăng Quốc Phiên, Tả Tông Đường, Lưu Trường Hựu, Mao Hồng Tân, Lạc Bình Chương, Dương Tải Phúc; số người làm tuần phủ thì càng nhiều, lên đến 8 người. Như vậy, Giang Tô, An Huy, Giang Tây, Chiết Giang, Phúc Kiến, Hồ Nam, Hồ Bắc, Tứ Xuyên, Quảng Đông, Quảng Tây, Hiệp Tây, Sơn Đông, Trực Lệ đều bị Tương quân khống chế. Lúc bấy giờ chưa có tỉnh Đông Bắc, Thanh Hải, Tân Cương, Tây Tạng, cả nước chỉ có 18 tỉnh, mà Tương quân đã chiếm đến 13 tỉnh, chiếm 72% trong tổng số. Là một đội quân mà chiếm địa bàn lớn như vậy, có thực lực quân sự lớn như vậy, điều này không chỉ chưa từng có ở thời nhà Thanh, mà kể cả thời cổ đại cũng rất hiếm thấy. Điều này đã cho thấy rõ lực lượng chính trị quân sự mà Tương quân có, cùng với triều đình nhà Thanh mà quý tộc người Mãn là chủ đạo, đã hình thành hai thế đối đầu, thậm chí còn có thể vượt lên trên. “Một nhanh” tức là tốc độ bành trướng nhanh. Từ năm 1853 đến năm 1864, số người nhậm chức đốc phủ của Tương quân, trong hơn 7 năm trước chỉ có 5 người, trong đó có thể không tính đến Tăng Quốc Phiên, Giang Trung Nguyên cũng chỉ làm có 3 tháng, La Tôn Điện cũng chỉ có khoảng 5 tháng, Lạc Bình Chương khi nhậm chức tuần phủ Hồ Nam vẫn chưa xem là một thành viên của Tương quân, trên thực tế chỉ có Hồ Lâm Dục một người này. Trong hơn 4 năm sau có 23 người, bằng 23 lần so với bảy năm trước; nếu tính cả bốn người, thì cũng cao hơn đến 6 lần. Binh lực của Tương quân, trải qua sự mở rộng không ngừng trong suốt 7 năm trước, đến mùa đông 1859 có khoảng hơn 140.000 người, bốn năm sau đã mở rộng đến hơn 500.000 người, tăng khoảng 4 lần.

Đặc điểm mở rộng “hai nhiều một nhanh” này, đã chứng

minh rằng Tương quân đã bước vào thời kì đỉnh cao. Nhưng đồng thời cũng mang đến một loạt những vấn đề mới, khiến cho tập đoàn này không tránh khỏi bước vào giai đoạn diễn biến kịch liệt.

Sự cực thịnh của Tương quân sẽ đẩy Tăng Quốc Phiên đến miệng núi lửa. Các huynh đệ nam chinh bắc chiến, rong ruổi chiến trường suốt hơn 10 năm nay, cần phải có một nơi quay về tốt. Nơi nào quay về tốt nhất? Lúc bấy giờ có một bộ phận tướng lĩnh muốn lập Tăng Quốc Phiên làm hoàng đế, những người này làm tướng quân, làm thừa tướng.

Theo ghi chép, khi Tăng Quốc Phiên công phá thành ở Nam Kinh, Thái Bình Thiên Quốc diệt vong, sau khi vào được thành đã thất bại thảm hại, toàn thành khói lửa còn chưa tắt, tan tành đổ nát, thê thảm xót xa. Vào một buổi tối, khoảng 11 giờ, sau khi Tăng Quốc Phiên tự mình thăm vãn Lý Tú Thành, vào phòng ngủ nghỉ ngơi. Đột nhiên, khoảng hơn 30 vị tướng lĩnh cấp cao của Tương quân tập trung ở đại sảnh, xin gặp đại soái. Trung quân báo cáo với Tăng Quốc Phiên, Tăng Quốc Phiên liền hỏi: Cửu soái có đến không? Cửu soái là Cửu đệ Tăng Quốc Thuyên của Tăng Quốc Phiên, trung quân hồi báo nói không thấy cửu soái. Tăng Quốc Phiên liền truyền lệnh triệu Tăng Quốc Thuyên. Tăng Quốc Thuyên là chủ tướng công phá Nam Kinh, hôm nay vừa hay bị bệnh, nhưng chủ soái cho gọi, cũng chỉ còn cách ôm bệnh mà đến. Tăng Quốc Phiên nghe thấy Tăng Quốc Phiên đã đến, mới ăn mặc chỉnh tề bước vào đại sảnh, chúng tướng đứng nghiêm, thái độ của Tăng Quốc Phiên rất nghiêm túc, lệnh cho mọi người ngồi xuống, cũng không hỏi các tướng đến với ý gì. Các tướng thấy biểu hiện của chủ soái như vậy, cũng không dám lên tiếng. Cứ như vậy ngồi đối diện một lúc, Tăng Quốc Phiên lại ra lệnh cho Tuần Biện lấy giấy bút, Tuần Biện mang đến giấy sách vở,

Tăng Quốc Phiên ra lệnh đổi thành giấy viết thư màu đỏ, sau đó đặt trên án, viết một bức câu đối, gác bút, không nói lời nào, từ từ lui vào hậu thất. Các tướng lĩnh lúng túng không biết phải làm gì, nín thở hồi lâu, Tăng Quốc Thuyên mới tiến đến trước thư án, thấy Tăng Quốc Phiên viết 14 chữ, chia làm hai vế đối trên dưới:

Ý thiên chiến hải hoa vô số;

Lưu thủy cao sơn tâm tự tri!

(Bấy giờ câu nói này của Tăng Quốc Phiên ý nói: Các người đứng ở trên cao sẽ thấy thiên hạ còn rất nhiều người xuất sắc, tài giỏi hơn ta;

Mặc dù ta cũng có ý đó, các người cũng là vì ta, nhưng cho dù ta có làm hoàng đế thì đối diện với thời thế loạn lạc này cũng sẽ chẳng có kết cục tốt đẹp, chỉ cần chúng ta hiểu nhau là được rồi, tình ý của mọi người ta xin nhận trong lòng).

Lúc Tăng Quốc Thuyên đọc câu đối, mới đầu có vẻ rất kích động, sau đó có chút nghiêm nghị, cuối cùng thì là sợ hãi bất an. Còn các tướng ở phía sau nghe ông đọc câu đối, có người gật đầu, có người lắc đầu, có người thở dài, có người nước mắt đầm đìa, biểu cảm rất khác nhau. Cuối cùng, Tăng Quốc Thuyên dùng giọng nói âm u tuyên bố: “Mọi người không cần nói gì nữa, chuyện này từ nay về sau không bao giờ được nhắc đến nữa, có bất kỳ rắc rối gì, Tăng cửu ta một mình gánh vác là được”.

Câu chuyện này đã cho thấy Tương quân sau khi phá thành Nam Kinh quả thực từng có ý muốn lập Tăng Quốc Phiên làm hoàng đế, nhưng trong chế độ vương triều chuyên chế, hành động này nếu thành thì làm vương, bại thì chu di cửu tộc, vì vậy mặc dù không thấy chữ “đưa lên ngôi” nhưng

tướng sỹ cũng không dám nói ra. Tăng Quốc Phiên biết rõ ý đồ khi đến của các tướng sỹ, cũng không nói toạc ra, mà chỉ dùng câu đối 14 chữ để trả lời, đôi bên đều không nói toạc ra.

Tăng Quốc Thuyên và Tương quân công diệt Thái Bình Thiên Quốc, lập đại công cái thế, với khí thế hùng mạnh, chiến công vĩ đại lúc bấy giờ của Tương quân, nếu đưa Tăng Quốc Phiên lên ngôi, là chuyện không hề phải tốn sức lực gì cả; nhưng Tăng Quốc Phiên lại dùng câu đối 14 chữ; tiêu trừ dự định ấy của họ trong lặng lẽ.

21. Cổ thủ danh phận, bất vãn đỉnh chi khinh trọng

Sau chiến dịch An Khánh, bộ tướng của Tăng Quốc Phiên liền có khuyên tiến, và Hồ Lâm Dục, Tả Tông Đường đều thuộc phe khuyên tiến. Khuyên tiến mạnh mẽ nhất là Vương Khải Vận, Quách Tung Đảo, Lý Nguyên Độ. Sau khi công hạ An Khánh, tướng lĩnh Tương quân muốn mở thịnh tiệc ăn mừng, nhưng Tăng Quốc Phiên không cho phép, chỉ cho phép mỗi người chuẩn bị câu đối chúc mừng. Lý Nguyên Độ, người đầu tiên viết xong, câu đối của y là “vương hầu vô chủng, đế vương hữu chân”, Sau khi Tăng Quốc Phiên thấy, lập tức xé tan và chỉ trích Lý Nguyên Độ. Trong *Tăng Quốc Phiên nhật kí* cũng có nhiều ghi chép lại cảnh giác Lý Nguyên Độ thẩm xét kĩ lưỡng, mặc dù không ghi rõ, nhưng đại khái là như vậy. Sau khi Tăng Quốc Phiên qua đời, Lý Nguyên Độ từng khóc ông, và làm một bài thơ, trong đó có câu: “Lôi đỉnh dữ vũ lộ, nhất lệ là xuân phong” ẩn lời đề vẫn là câu chuyện này.

Câu đối của Lý Nguyên Độ bị chỉ trích, những câu khác của các tướng lĩnh khác cũng không có hợp ý của Tăng, sau

đó Trương Dự Chiêu, một trong “Tăng môn tứ tử” đến An Khánh, dâng câu đối lên cho Tăng Quốc Phiên, câu đối nói:

Thiên tử dự khai lân các đãi;

Tướng công tân phá thái châu hoàn.

Tăng Quốc Phiên vừa nhìn thấy câu đối này, vô cùng tán thưởng, liền lệnh truyền cho các tướng sỹ xem. Nhưng có người cho rằng chữ “lân” đối với chữ “thái” không tinh tế, Tăng Quốc Phiên lại giận dữ dùng dằng nói: “Các người chỉ biết kéo ta lên cây thảo án (tiếng Hồ Nam, người Tương gọi bụi cây có gai là cây thảo án) để đạt được công danh, đồ phú quý, mà không đọc sách cầu thực dụng. Lân đối Thái, lấy linh đối linh, còn phải tinh tế thế nào nữa?”. Thái là đại quy (rùa lớn), với lân cùng thuộc tứ linh, đối với nhau đương nhiên tinh tế.

Còn có truyền thuyết nói, ngày sinh nhật của Tăng Quốc Phiên, Hồ Lâm Dục tặng Tăng Quốc Phiên một câu đối, câu đối nói:

Dụng phích lịch thủ đoạn;

Hiển bồ tát tâm tràng!

Tăng Quốc Phiên mới đầu rất tán thưởng câu đối của Hồ Lâm Dục, nhưng khi Hồ Lâm Dục cáo biệt, lại để lại một mảnh giấy giở trên bàn, thỉnh linh có câu: “Đông nam bán bích vô chủ, ngã công kì hữu ý hồ?” (một nửa phía đông nam vô chủ, không biết chủ của ta có ý đó không?) Tăng Quốc Phiên nhìn thấy, kinh hoàng sợ hãi không nói lời nào, lạng lẽ xé tan tờ giấy.

Tả Tông Đường cũng từng có một câu đối, dùng Hạc đỉnh cách đề thần đỉnh đơn như sau:

Thần sở bằng y, tướng tại đức hĩ;

Đỉnh chi khinh trọng, tựa khả vẫn yên!

Sau khi Tả Tông Đường viết xong câu đối này, bèn phái người đưa thư mang đến cho Hồ Lâm Dục, và nhờ chuyển đến tay Tăng Quốc Phiên, sau khi Hồ Lâm Dục đọc được bốn chữ “tựa khả vẫn yên”, trong lòng hiểu ra, nên không sửa chữ nào, cho vào phong bì chuyển đến cho Tăng Quốc Phiên. Sau khi Tăng Quốc Phiên đọc xong, liền dùng bút sửa chữ “tựa” ở vế đối sau thành chữ “vị”, lại cho vào phong bì như cũ gửi trả lại Hồ Lâm Dục. Hồ Lâm Dục thấy Tăng Quốc Phiên sửa, bèn viết tám chữ ở cuối thư: “Nhất tự nhất vị, ngã hà từ phí!”.

Tăng Quốc Phiên sửa một chữ trong vế đối sau của Tả Tông Đường, hàm ý của câu đối thay đổi hoàn toàn, trở thành “đỉnh chi khinh trọng, vị khả vẫn yên!”. Vì vậy Hồ Lâm Dục mới than rằng: “ngã hà từ phí”. Một hỏi một trả lời, một lấy một cự tuyệt.

Sau khi Bành Ngọc Lâm - Môn sinh của Tăng Quốc Phiên - thay quyền tuần phủ An Huy, ra sức công hạ An Khánh, từng phái người đến đón Tăng Quốc Phiên đến phía Đông. Khi thuyền của Tăng Quốc Phiên chưa cập bến, Bành Ngọc Lâm bèn sai một tâm phúc, đưa một bức thư được niêm phong cẩn thận lên thuyền, sau đó Tăng Quốc Phiên cầm thư đến phía sau thuyền. Nhưng sau khi mở thư, thấy trên thư không xưng trên dưới, chỉ có 12 chữ do chính tay Bành Ngọc Lâm viết:

Đông nam bán vô chủ, lão sư khởi hữu ý hồ? (Một nửa đông nam vô chủ, thầy có ý ra sao?)

Lúc này ở sau thuyền chỉ có thân tín Khả Nhân Ngai của Tăng Quốc Phiên, y cũng nhìn thấy 12 chữ “đạ nghịch bất đạo” này, đồng thời thấy sắc mặt Tăng Quốc Phiên lập tức thay đổi, vội vàng nói:

“Không ra thể thống gì, không ra thể thống gì! Tuyệt Cầm (tự của Bành Ngọc Lâm) hấn còn thử ta như thể này. Đáng ghét đáng ghét!”.

Tiếp đó, Tăng Quốc Phiên bèn vo bức thư lại, nuốt vào trong bụng.

Khi Tăng Quốc Phiên khuyên Thạch Đạt Khai hàng Thanh, Thạch Đạt Khai cũng từng nhắc nhở ông, nói ông là Hàn Tín rất quan trọng, tại sao không thống lĩnh mọi người một mình đứng riêng? Tăng Quốc Phiên im lặng không đáp.

22. Cẩn thận cảnh giác chữ “vọng” (vọng: nông cuồng, bừa bãi)

Uyển cự tung hoành thuật

Tăng Quốc Phiên thuộc kinh điển Nho gia, là nhà lý học nổi tiếng thời kì cuối của nhà Thanh. Ông kiên quyết từ chối việc Tung hoành gia - Vương Khải Vận khuyên ông xưng đế, từ đó có thể phản ánh phong cách xử sự như đặc trưng về phẩm cách của Tăng Quốc Phiên. Vương Khải Vận là người Tương Đàm, Hồ Nam, hơn 20 tuổi bắt đầu nghiên cứu kinh học, nghiên cứu sâu *Xuân thu công dương truyện*, nhưng ông thông kinh ở cách vận dụng, đặc biệt là thực hiện cái mà nói gọi là “đề vương chi học”. Ý cho rằng ý nghĩa trọng tâm của *Xuân thu* ở chỗ bình định họa loạn. Trị kinh thì phải học vẫn phải có ích với việc nước, cách ông vận dụng là kết hợp kinh và thuật lại. Thuật là quyền thuật, một phương pháp, cách thức trị nước, gọi là thuật tung hoành. Vương Khải Vận muốn dùng thuật tung hoành để phò trợ người thức thời làm thành nghiệp đế vương. Ở thời loạn, ai có thể tiêu trừ cục diện hỗn loạn, khôi phục trật tự bình thường, thành sự nghiệp lớn,

thì phò trợ người ấy, nhưng lại phải nhắm chuẩn xu hướng của biến động thời cục, lặng lẽ quan sát thể thái, chưa đến lúc, thì mai phục ẩn lui, thời cơ đến rồi, thì thể hiện tài năng. Do đó, vừa phải có tài cán mưu lược, lại phải có sự tu dưỡng cư tính bất động, biết tiến biết lui. Lúc tiến, dùng Nho học, Nho giáo khiến cho cục diện hỗn loạn đạt được ổn định, đưa đến thái bình. Lúc lui, dùng học vấn của lão, thiền ngộ nhân sinh của Trang Tử, vứt bỏ phần nộ, vui vẻ, biết đủ.

Vương Khải Vận rất có tài cán và mưu lược, muốn đền đáp quốc gia, mang kế sách kinh thế an bang của mình ra hành động thực tế.

Hoài bão này của Vương Khải Vận ngày càng mạnh mẽ, quyết liệt hơn bởi cuộc khởi nghĩa nông dân Thái Bình Thiên quốc nổ ra. Sau khi quân khởi nghĩa vào Tương, Tăng Quốc Phiên phụng lệnh triều Thanh lập quân đội Hồ Nam, tổ chức Tương quân chống lại quân khởi nghĩa, Vương Khải Vận từng nhiều lần dâng thư bàn chuyện, nhận được sự coi trọng của Tăng Quốc Phiên. Sau này do trọng trách là con duy nhất trong nhà trời buộc nên chưa thể tòng quân, song từ đó duy trì mối quan hệ mật thiết với tướng soái Tương quân. Theo những gì Dương Độ - đệ tử lúc về già của Vương Khải Vận thuật lại, lúc bấy giờ Vương thị “đầu kiếm học tung hoành, đi diễn thuyết các nước chư hầu, đông nam đứng đầu nổi thành một hàng ngang. Tăng, Hồ muốn cảm ơn”. Còn Vương thị thì “cười lớn” là nói Vương Khải Vận từng du thuyết Tăng Quốc Phiên, Hồ Lâm Dục với Thái Bình “Liên Hoàn” phản Thanh. Sư đệ Vương, Dương giao tình thân thiết, hơn nữa lúc bấy giờ Vương Thượng Kiến còn trai tráng, lời nói của y rất có căn cứ. Nhưng Tăng Quốc Phiên coi Vương là kẻ văn sỹ nông cuồng ngang ngược, mặc dù thơ ca tài giỏi, hiểu lễ, nên ý kiến của y, ít chịu tiếp nhận, là sự thật. Như đầu năm 1856, Vương viết

thư cho Tăng, thúc giục ông kiến nghị giải tán quân phòng, bỏ quyền góp, bỏ thuế đất, để giảm nhẹ áp lực với nhân dân, phòng trừ nhân dân đi theo và hưởng ứng quân Thái Bình, Tăng lại không tiếp nhận. Nên Vương đối với Tăng, cũng luôn luôn cho mình là hậu bối với bạn bè, chứ không cam làm thuộc hạ.

Vương Khải Vận là người khảng khái sục sôi, gần với bá tài. Năm 1855, ông khuyên Tăng Quốc Phiên tự mình xưng đế không thành. Năm 1860 lại vào phủ Tăng, vẫn nói huyền thuyên, ý của ông vẫn là ý: “ngài có thể thay thế hoàng đế”; nhưng Tăng Quốc Phiên lại vẫn ngồi đáng vẻ nghiêm túc, dùng ngón trở nhúng vào ly trà, chăm chăm vạch vạch trên bàn. Một lúc sau, Tăng đứng dậy thay áo, Vương Khải Vận bèn đứng lên nhìn trên bàn, chỉ thấy duy nhất một chữ “vọng” trên bàn.

Chớp mắt vài năm qua đi, Tăng Quốc Phiên lúc này đang chuẩn bị tiến lên phía Bắc đánh sào huyệt của loạn tặc. Vừa thấy Vương Khải Vận đến, vô cùng vui mừng, nhưng vì có hai lần “tiên ngôn” lần trước, Tăng Quốc Phiên tự khắc có sự cảnh giác. Nhưng Vương Khải Vận lần này dường như lại biến thành người khác, chỉ cùng Tăng Quốc Phiên thảo luận học vấn. Ông nói với Tăng Quốc Phiên: “Công chi văn, từ Hàn Dũ đuổi đến Tây Hán, nghịch mà khó, như Gia Cát Lượng, Ngụy Vũ để vào Đông Hán, thì thuận mà dễ”. Tăng Quốc Phiên mới đầu nghe rất say sưa, gật đầu liên tục. Đích thực, học tập từ chương, từ Hàn Dũ thời Đường, đến Tây Hán, nghịch mà khó, nếu từ Tào Tháo vào Đông Hán, thì tương đối dễ dàng, cũng là điều thuận với lẽ tự nhiên. Nhưng sau đó, Tăng Quốc Phiên vẫn nghe ra được giọng khác huyền diệu bên trong đó. Thì ra vẫn là bảo ông làm Tào Tháo! Nhưng Tăng Quốc Phiên lần

này lại rất bình tĩnh, giả vờ không biết. Vương Khải Vận biết thuật để vương của mình không còn cơ hội được thực hiện, vô cùng đau lòng, chỉ đành hậm hực trở về.

Ba lần kể tung hoành bất thành, cách nhìn của Vương Khải Vận với Tăng Quốc Phiên có sự thay đổi lớn. Nói Tăng Quốc Phiên xuất sơn lần nữa đã “biến tiết thành phục tùng”, mặc dù công thành danh toại, nhưng “trốn tránh việc” không dám đảm đương. Mãi đến khi văn vận, Vương Khải Vận đã trải qua những thay đổi lịch sử lớn từ nhà Thanh diệt vong, Viên Thế Khải phục vị thất bại, mới có sự thay đổi về cách nhìn về việc Tăng Quốc Phiên trước đây không tự xưng đế. Nghe nói sau dân quốc, Chu lão phu tử cất giữ câu đối nổi tiếng của Tăng Quốc Phiên: “Y thiên chiếu hải hoa vô số, lưu thủy cao sơn tâm tự tri!”, từng đến thăm hỏi bá kiến Viên Khải Vận trước đây thực hiện kể tung hoành, và đưa câu đối của Tăng Quốc Phiên ra xin Vương viết lời bạt. Vương Khải Vận hét lên kinh ngạc: “Lẽ nào thật sự có câu đối này sao? Lời đồn đại, trước đây ta chỉ biết một nửa, từ nay về sau mới biết hết. Ta già rồi, nếu không phải người cho ta nhìn thấy, thì không biết vì sao Văn Chính lại là Văn Chính, Tả Lão Tam (ý chỉ Tông Đường) lại là Tả Lão Tam” trầm tư một lúc, liền vui vẻ nhắc bút, viết một câu đối khác nói: “Hoa điều tổng tri xuân hạo đăng, giang sơn vi trợ ý tung hoành” viết xong, nói với Chu lão phu tử: “Ta không dám viết lên câu đối của Văn Chính mà làm như Văn Chính. Viết một tờ khác, ghi lại sự vĩ đại của Văn Chính, hơn nữa chí của người vượt xa ta”. Đây chính là một Vương Khải Vận ỷ bá tài tự xưng về già bắt đầu hối hận. Trong lịch sử biết bao câu chuyện hàm xúc, khó mà giải thích được như vậy.

MỤC LỤC

THẦN CỐT GIÁM

Tổng hợp về cách nhìn người của Tăng Quốc Phiên

I. Luận về thần cốt	7
Thần tập trung ở đôi mắt	11
Ưu nhược điểm của cốt tướng	23
Cốt ở bên trong, thần ở bên ngoài có thể trông thấy	25
II. Thần phân thanh đục tà chính	32
Thanh trọc, tà chính, động tĩnh	36
Thanh trọc dữ trí ngu hiền bất tiêu	46
Quan nhãn thần dĩ thức nhân	50
III. “Thần” tồn vu tâm	52
Nhân chi chân cá tính	56
Tự nhiên lưu lộ thị chân	57
Thu thập nhập môn	59
Tiểu tâm giả với đại đảm giả	60
IV. Quan cốt sát nhân	62
Cửu quý cốt	65
Cửu trung	72

Cửu thành	77
Cửu cốt	78
Cửu cốt ca	81
V. Cốt chi sắc dữ chất	84
Sắc	86
Khí	88
“Sắc” với “cốt”	90
Diện giai bất như đầu giai	92
“Tị cốt” với “quyền cốt”	94

CƯƠNG NHU GIÁM

Nhận biết tính tình của con người

I. Tổng luận cương nhu	97
Cương nhu - trạng ngũ hành tiêu trường	99
Tính tình, vận mệnh với ngũ hành	104
Thiên nhân hợp nhất	108
Cương nhu tương tế chi li	110
II. Ngoại cương nhu	112
Ngũ hành hình tướng	115
Ngũ thể, ngũ chất, ngũ thường	117
“Ngũ hành hình tướng” phân thuật	121
Sự khác biệt của ngũ hành hình tướng	124

Tri Tuệ Bằng Giám	541
“Thuận hợp” với “nghịch hợp”	125
Luận nhân thể ngũ hành	128
III. Nội cương nhu	135
Cương nhu thất điều vi thiên tài	139
Ví dụ điển hình về thiên tài	144
Nhân quý hữu tự tri chi minh	147
Nhân dĩ loại tự	150

DUNG MẠO GIÁM

Nhận biết thể cách và cá tính của con người

I. Tổng luận dung mạo	155
“Dung” “mạo”	158
Dung dĩ thất xích mạo hợp lưỡng nghi	163
II. Luận dung	166
“Hình” và “thần”	170
Ngũ đoán, ngũ trường	174
Quy loại và tiêu chuẩn	175
Phương pháp thập tự	177
Phương pháp mãn đình phương	179
Người xưa luận dung mạo	184

III. Luận mạo	186
Âm trắc văn	190
Bốn kiểu bố cục tốt	197
IV. Luận mục tị khẩu xỉ	200
Diện dung tổng thuật	202

TÌNH THÁI GIÁM

Nhận biết tài khí của con người

I. Tổng luận tình thái	208
“Tình thái” dĩ động vi chủ	210
“Thập mĩ” “thập thanh”	212
Tế xứ kiêm luận thủ xả	215
Sự khác nhau giữa “thần” và “tình”	217
Phân biệt “dung mạo” “cử chỉ”	221
II. Luận hằng thái	223
“Hằng thái” và “thời thái”	225
Nhược thái, cuồng thái, sơ lân thái và chu hoàn thái	228
Thất tự chi lưu	234
III. Luận thời thái	237
Tế giả tế xứ khan	240
Thô giả thô xứ khan	244
Hiển bất khả chi nhân bất dị thức	246

TU MI GIÁM**Tảo thành dữ văn thực đích tiêu chí**

I. Tổng luận tu mi	252
Tu mi nam tử	254
Mi chủ tảo thành	256
Tu chủ văn vận	257
“Tử diện” “bạo tai”	259
II. Luận mi	260
Luận mi quyết	266
Mi hữu thể, thần, khí, quang	267
III. Luận tu	274
Tương xứng tương hợp	278
Hữu đa hữu thiếu	281
Sáu loại râu thượng giai	284

THANH ÂM GIÁM**Văn thanh biện nhân chi pháp**

I. Tổng luận thanh âm	287
“Ngũ hành” với “ngũ âm”	290
Văn “thanh” biện “tư”	293

Văn “thanh” biện “lý”	296
Chín loại tính cách của con người	298
Sáu loại thiếu sót	300
Tám kĩ năng	307
Biện nhận nhị yếu quyết	311
II. Luận thanh	315
Biện thanh chi pháp	320
Thanh hỉ nộ ai lạc	322
Thanh phân “hùng” “thử”	324
Cổ nhân luận “thanh”	327
III. Luận âm	331
Cầm vô thanh, thú vô âm	333
Thính âm dụng nhân	335

KHÍ SẮC GIÁM

Căn cứ nhận biết tổ chất tổng hợp

I. Tổng luận khí sắc	337
Nhân bẩm khí nhi sinh	340
Tứ thời khí sắc đồ	342
Luận khí	348
II. Loại hình của khí sắc	350
Nhân dĩ “khí” vi chủ	352

Tri Tuệ Bằng Giám	545
Nhân sinh tứ thời chi biến	356
Khí sắc tứ thời	357
III. Mối quan hệ giữa khí sắc với văn nhân	360
Dĩ “thất sắc” phán cát hung	363
Nhân đạt “hoàng” sắc chủ quý	365
Ấn đường sáng khí sắc vượng	367
Anh tài và hùng tài	369
IV. Thanh sắc và bạch sắc	375
Sắc phân “thanh” “bạch”	378
Bốn loại khí sắc trắng xanh	380

PHỤ LỤC 1

• Giải thích nguyên tác về đạo nhận biết người tài	
dụng kẻ hiền của Tăng Quốc Phiên	384
• Thức nhân tam pháp	386
• Tương nhân thức quân tử	397
• Nhận biết thành tựu của con người qua lòng dạ khí độ	398
• Làm thế nào để phán đoán sự lâu dài và ngắn ngủi của vinh phúc của một con người	407
• Dụng nhân nghi tinh tâm	414

• Cẩn trọng dùng người xung quanh	415
• Đa tuyến trợ thủ thành đại sự	417
• Cử tài	418
• Chiêu nhân nhập mộ	419
• Ái tài đương vi uẩn chi xúc chi	421
• Khúc toàn hảo quan	422
• Tài trung chi thượng tài liệt đương lễ ngộ	423
• Nhân tài dĩ tướng tá nhi xuất	428
• Yêu thích anh tài	430
• Trữ tuyển hiền tướng	430
• Thị tài chiêu bang tu đức chỉ oán	433
• Nhân tài thủ xả chi đạo	434
• Vật dĩ tiểu hà khí hữu dụng chi tài	435
• Tri nhân khuyết điểm chi minh	436
• Nhận biết con người từ đạo nghĩa và giao tình	437
• Chọn bạn là nhiệm vụ quan trọng nhất trong đời người	442
• Thăng quan yếu quyết	442

PHỤ LỤC 2

1. Cầu người phò tá, cả đời không thể quên	455
2. Đạo dùng người: võ nhân cho tiền, văn nhân cho danh	458

3. Người trung nghĩa huyết tính khả dụng nhất 461
4. Ba loại người không thể tiến cử thăng quan 467
5. Chuyết dĩ kiến thành, xảo tức vi trá 469
6. Tri nhân chi minh, vi kinh thể tất bị chi tài năng 472
7. Người không thể ức chế, giúp đỡ là thượng sách 473
8. Người mà khát vọng thể hiện quá mạnh mẽ,
không thể dùng lâu 484
9. Đạo làm người có tứ tri 487
10. Người khinh bạc, tuyệt đối không thể trọng dụng 490
11. Khéo dùng sự uy nghiêm của người để trở thành chỗ dựa
chắc chắn cho mình 492
12. Để đắc nhân tâm, đã sai thì sai cho trót 495
13. Khiến cho hân tướng khuất phục,
tiểu nhân phải dùng cả hai tay 498
14. Lúc nguy cấp, chỉ có dựa vào bản thân 502
15. Việc quan trọng phải ứng phó lúc cuối đời 505
16. Khi ở trong nghịch cảnh,
phải dũng cảm đối mặt với hiện thực 510
17. Bất duy thư, bất duy thượng, thành công dữ phủ,
thượng thiên các bán 513
18. Tiến thoái ẩn hiện, quyết đoán, có quy định chế độ nhất định
có thể tham chiếu, tuân theo 518
19. Thích thời nhi biến, ba lần đại điều chỉnh trong đời 522
20. Nắm chắc giới hạn của “độ”,
đắc ý không được ngông cuồng 528
21. Cổ thủ danh phận, bất vấn đỉnh chi khinh trọng 532
22. Cẩn thận cảnh giác chữ “vọng” 535

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com
Điện thoại: 04.3 9260024 Fax: 04.3 9260031

TRÍ TUỆ BẰNG GIÁM

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập

LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: NGUYỄN KHẮC OÁNH

Thiết kế bìa: PHAN ĐẠO

Trình bày: ĐÀN THANH

Sửa bản in: MINH TÂN

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA MINH TÂN - NHÀ SÁCH MINH THẮNG

Địa chỉ: 808 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 043 999 7777 - Fax: 046 266 11 33
Website: www.nhasachminhthang.vn
facebook.com/nhasachminhthang808duonglang/

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-86-9019-9

In 1.500 cuốn, khổ 16 x 24 cm

Tại Công ty TNHH Văn hóa Minh Tân - Nhà sách Minh Thắng

Địa chỉ: 200B3 Tân Mai - Hoàng Mai - Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 464-2016/CXBIPH/27-07/HĐ, ngày 24/02/2016

Quyết định xuất bản số: 1372/QĐ-NXBHĐ, ngày 30/06/2016

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2016.

Trí tuệ băng giám

TẶNG QUỐC PHIÊN

Tặng Quốc Phiên có tổng cộng 13 cuốn về học vấn, nhưng còn lưu truyền lại đến nay thì chỉ còn Gia Thư và Băng Giám. Từ cuốn *Tặng Quốc Phiên gia thư* có thể thấy được phong cách đặc sắc của ông trên nhiều phương diện như: chính trị, điều quân, dạy học, trị gia. Còn nghệ thuật quan sát con người hay sách lược giám sát con người được phản ánh trong cuốn Băng Giám cũng là một phần trong toàn tập mưu trí, sách lược của ông trên các mặt chính trị, học thuật, điều quân, trị gia. Mục đích của việc ông quan sát, giám sát con người là để chọn ra hiền tài, phát hiện và trọng dụng người tài. Trong cuốn Băng Giám, ông coi trọng thần nhưng cũng quan tâm đến cái hình (bề ngoài), trọng cái bình thường dung dị mà vẫn phân biệt những thứ li kì, coi trọng lý thuyết hướng dẫn thực hành. Xuất phát từ tổng thể, dùng tướng, dùng thần để luận nhân, nắm bắt bản chất của con người từ cái tĩnh, và cả cái động. Băng Giám là một tác phẩm nổi tiếng về thuyết luận văn nhân của Trung Quốc thời cổ đại và được mệnh danh là “Thư phòng phái” hay “Nhân sĩ phái”.

ISBN: 978-604-86-9019-9



9 786048 690199

TRÍ TUỆ BĂNG GIÁM



MINH THANG BOOKS
"Khởi nguồn trí thức"



nhasachminhthang.vn



8 935236 409186

GIÁ: 145.000 VNĐ